



CẢM ỨNG THIÊN VƯỢNG BIÊN - 感應篇彙編

(Theo bản in của Phật-đà Giáo Dục Cơ Kim Hội năm 2000)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong - Huệ Trang

LỜI TỰA ĐỀ XƯƠNG IN CẨM ỨNG THIÊN VỤNG BIÊN



Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, nói đơn giản chính là bài văn dùng lý và sự nhân quả cảm ứng để khuyên mọi người bỏ ác làm lành. Chẳng biết tác giả là ai! Có người nói là Cát Hồng¹, người học chưa chắc đã tin theo thuyết ấy. Còn như nói tác giả là Thái Thượng [Lão Quân]², là giáo huấn xứng theo lòng trời

1 Cát Hồng (283-343) tự là Trĩ Xuyên, hiệu Bão Phác Tử, thường được gọi là Cát Tiên Ông, là người xứ Đôn Dương, Câu Dung (nay thuộc tỉnh Giang Tô). Ông xuất thân từ dòng dõi thư hương, thuở bé học Nho, lập chí chấn hưng Nho giáo. Đời Tây Tấn loạn lạc, ông lánh đời, học theo Đạo giáo, chú tâm luyện đan, cầu tìm thuật trường sinh. Trước tác nổi tiếng nhất của ông là bộ sách Bão Phác Tử bao gồm những quan niệm luân lý đạo đức của ông cũng như các nguyên lý luyện đan.

2 Thái Thượng Lão Quân, còn gọi là Thái Thượng Hồn Nguyên Lão Quân, Phạm Hình Thần Bảo Huyền Chân Giáng Sanh Đạo Đức Thiên Tôn, hoặc Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn, là một trong ba vị Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng

lập ra thì thuyết ấy càng mơ hồ, chẳng thể nào tra cứu được! Kể từ đời Triệu Tống³ đến nay, bài văn này được lưu truyền rất thịnh, được ghi chép trong Đạo tạng⁴. Ngoài những sách dạy về bùa chú, luyện đơn, hành công, tu luyện ra, đây là một tác phẩm giúp giữ yên cõi đời bậc nhất của Đạo giáo. Toàn bộ bài văn này chỉ hơn một ngàn chữ, nhưng lý lẫn sự đều chu đáo. Trong ấy đã kể ra hơn hai trăm chuyện lầm lỗi mà thế gian thường phạm để cảnh tỉnh mọi người, bao gồm những điều to lớn hay nhỏ nhất, chẳng sót một điều nào, chẳng ngại phiền phức, do thương xót kẻ đôi khi vì chẳng thận trọng mà trót phạm, sẽ chuốc lấy họa tai! Ý tưởng thanh thoát, ngôn từ hòa nhã, nhưng khí thế chánh nghĩa tràn trề, lẫm liệt, dường như có quý thân

Thanh và Ngọc Thanh) của Đạo giáo. Lão Tử được coi là thân giáng trần của Thái Thượng Lão Quân. Lão Tử được coi là thi tổ của Đạo giáo, các tổ sư Đạo giáo thường tự xưng là đã được học đạo trực tiếp hay gián tiếp từ Thái Thượng Lão Quân.

3 Túc là nhà Tống (960-1279) do Triệu Khuông Dẫn sáng lập. Gọi là Triệu Tống để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dũ sáng lập vào thời Nam Bắc Triều, cũng như những nhà Tống vụn vặt, ngắn ngủi trong lịch sử Trung Hoa như Từ Tống (do Từ Thọ Huy sáng lập cuối đời Nguyên), nhà Hàn Tống (do Hàn Lâm Nhi sáng lập, về sau bị Chu Nguyên Chương diệt) v.v...

4 Có thể coi Đạo tạng là Đại tạng kinh của Đạo giáo, tức toàn tập các bộ kinh điển và trước tác được chấp nhận là chánh thống của Đạo giáo. Đạo tạng bao gồm Chánh Thống Đạo Tạng được ấn hành vào năm Chánh Thống thứ mười (1455) đời Minh Anh Tông và Vạn Lịch Tục Đạo Tạng được ấn hành vào năm Vạn Lịch thứ 15 (1587). Đạo tạng được chia thành các phần như Tam Động, Tứ Phụ, Thập Nhị Loại, bao gồm 1.400 tác phẩm. Đạo tạng được manh nha hình thành từ thời Nam Bắc Triều khi Lục Tu Tĩnh viết Tam Động Kinh Thư Mục Lục, và được coi như hoàn thiện vào giữa đời Minh.

xét soi, khiến cho người đọc hoảng sợ, xót xa, áy náy, hổ thẹn chẳng yên! Từ đấy, tự vấn lòng mình, mạnh mẽ tỉnh ngộ, lại còn lập tức hiểu họa phúc là do chính mình tạo, cũng như thấu đạt ý nghĩa sống động trong trời đất, sẽ có hy vọng thành thánh, thành hiền. Do bài văn này chỉ bảo rành rành, dẫn ngu hay hiền hễ đọc đến đều được lợi lạc. Khuyến dụ đủ mọi lẽ, dẫn kẻ học kém vẫn dễ thấu đạt lẽ cao xa, mà cũng toàn là những điều học vấn thiết thực, gần gũi. Do vì như vậy, nó có hiệu quả khuyến thiện rành rành, có công năng giữ yên cõi đời sâu xa. Đạo trưởng dưỡng sự tăng tấn, học vấn nhằm giáo hóa dân, giữ yên mỹ tục, đều được chứa đựng hết trong tác phẩm này. Dẫn nói đây là trước tác của Cát Hồng cũng được, dẫn bảo là lời dạy của trời cao truyền lại, cũng đều chẳng có gì là không được!

Trải các đời, đã có nhiều người chú giải. Có vị giảng giải văn từ, có vị trích dẫn những lời lẽ xiển dương nghĩa lý, có vị dùng những câu chuyện để làm chứng. Cho đến đời Thanh, những người có chí bèn hội tập, chỉnh lý, nhuận sắc, khiến cho ngữ ý tường tận, nghĩa lý thấu triệt, dẫn chứng rộng rãi, đặt tên là Vựng Biên. Do vậy, những lời nghị luận liên quan đến tâm tánh và đức nghiệp trong sách Nho, kinh Phật, những mẩu chuyện liên quan đến nhân duyên quả báo trong chánh sử, dã sử đều được thu thập hết sức phong phú, tinh hoa nối tiếp khôn cùng. Bộ sách này có khoảng hai

mươi vạn chữ, văn chương trong sáng, lưu loát dễ đọc, sự lẫn lộn cùng dung hội. Nói chung là lấy lòng nhân từ trắc ẩn làm thể, lấy chuyện yên đời lợi người làm dụng. Một niềm khẩn thiết rạng ngời trên giấy, mỗi phen đọc đến, chẳng khi nào không cảm thấy chánh khí tốt lành tràn trề nảy sanh. Đúng là một bộ đại kỳ thư trong thiên hạ vậy!

Nếu bảo: “Thiện ác là nghĩa lý của Nho gia, nhân quả là pháp giáo trong Phật môn, cảm ứng là sự chỉ dạy của đạo nhân, có sao lại khiên cưỡng kết hợp ba thứ ấy? Hơn nữa, để khuyến thiện cần gì phải dùng nhân quả, cảm ứng? Từ xưa, giáo huấn “thành tựu phẩm đức, trọn hết cái tâm để biết tánh” của bậc thạc Nho đã đủ để nói rồi, chưa hề dùng nhân quả và cảm ứng vì sợ rúng động lòng người. Dùng cảm ứng và nhân quả để khuyến thiện, có nghĩa là đánh động đến họa phước, lợi hại. Do vì họa phước, lợi hại mà làm lành, điều thiện ấy sẽ chẳng phải là chân thiện!” Tôi cho rằng phẩm cách của con người có nhiều loại, cho nên giáo hóa cũng có nhiều cách. Từ tánh cách như Nghiêu, Thuấn trở xuống, trăm vị quân tử thuở đầu lập chí, chưa vị nào có thể thuần thiện vô dục! Khi động tâm, lòng canh cánh nhân quả, kiêng dè họa phước, há chẳng phải là đã giúp đỡ to lớn cho sự kiêng sợ, nỗ lực giữ vẹn phẩm đức suốt từ sáng đến tối đó ư? Hơn nữa, nhân quả báo ứng, họa phước đưa tới, có cảm bèn ứng,

vốn là chuyện thật tình trong trời đất, tạo hóa. Cậy vào đó sẽ chẳng hề thêm nhiều, dẫu gạt bỏ đi cũng chẳng ít bớt. Bậc quân tử tăng tấn đức hạnh, có so đo lợi hại, họa phước để làm lành hay không, lạnh nóng tự biết. Thoạt dẫu dựa vào đó thì nặng nề, cuối cùng bỏ đi thì nhẹ nhàng⁵, cũng chẳng trở ngại công phu tâm tánh có thể ngày càng thêm tinh thuần, danh vọng, tài lộc, địa vị, trường thọ chẳng cầu mà tự đạt! Vì thế, người khéo tu đức, tuy dốc chí nơi tâm tánh, vốn chẳng cầu công quả mà tự có công quả, có gì cứ phải vất vả gạt bỏ nhân quả, cảm ứng để tự coi mình là cao siêu?

Hướng hồ dân chúng khắp cõi nước do ôm lòng lợi hại mà làm, người tránh được lỗi lầm sẽ nhờ đó càng đông. Tâm tánh khó thể thành lập nhưng nhân quả lại dễ hiểu. Chẳng nói đến họa phước vì sợ lòng người kinh hãi, làm sao có thể khuyên răn rộng rãi mọi người tránh né tội lệ cho được? Vì thế, người khéo nói nhân quả, tuy lời lẽ phải dựa vào họa phước, rốt cuộc vẫn là chú trọng nơi tâm tánh, nhưng ít nhắc tới tâm tánh đó thôi! Sao lại cứ phải ra rả nêu lên những điều như thế để bắt chẹt người khác ư?

Nếu có thể dốc ý nơi tâm tánh mà bàn nhân quả,

5 Ý nói, thoạt dẫu phải dựa vào cảm ứng họa phước và nhân quả để gắng sức hành thiện, trau dồi phẩm đức, sẽ thấy khó khăn. Đến khi đã thuần thực, sẽ chẳng thấy phải tốn công sức, dẫu chẳng chú tâm dè dặt kiêng sợ, phẩm đức vẫn tự nhiên đạt được, tự nhiên vẫn loại trừ những lầm lỗi mà chẳng tốn công nhọc sức.

khiến cho nhân dân vì sợ quả báo mà chẳng dám làm ác hòng gieo nhân, dần dà họ sẽ an trụ nơi tâm tánh, thích làm lành, hòng thành tựu đức hạnh. Đây chính là cửa phương tiện trong Phật pháp, chuyển thành công năng hỗ trợ sự giáo hóa của Nho gia. Thiện ác và nhân quả, dùng cảm ứng để kết hợp chặt chẽ, một thể thành tựu lẫn nhau. Đây chính là phương tiện chân thật, mà cũng là sự giáo hóa chân thật.

Nếu nói rộng ra, sẽ là do “tận hết cái tâm để biết tánh” của Nho gia mà tâm tánh ấy ắt sẽ là đức hợp thiên địa. Phật môn liễu nhân chứng quả, ắt nhân quả ấy sẽ bao trùm trọn khắp pháp giới. Đối với đạo thì cảm thấu suốt, ứng cùng cực, ắt sẽ do sự cảm ứng ấy mà thấu triệt u minh⁶. Thiên địa, pháp giới, u minh, đều trọn đủ vô lượng đức, vô lượng nghĩa. Nói tâm tánh, nói nhân quả, nói cảm ứng, xét theo phương cách giáo huấn chẳng thể nói là không khác, nhưng xét theo thật lý ắt có chỗ tương đồng! Không chỉ là ý tưởng dạy dân, hướng dẫn thế tục tương đồng, mà kể cả sự thành tựu cũng tương thông, chẳng thể nói là sai khác!

Có kẻ bảo: “Tôi thường cảm thấy thuyết nhân quả huyền hoặc, sâu thẳm, lạ lùng, hư huyền, chuyện cảm

6 U minh (幽明): U minh là một khái niệm xuất phát từ kinh Dịch, phiếm chỉ các hiện tượng đối lập như sáng và tối, hữu hình và vô hình, trí tuệ và ngu si v.v...

úng hết sức đáng “quái lực, loạn thần”⁷, nay đang thuở khoa học phát triển rực rỡ, phạm những chuyện không có căn cứ để khảo sát hầy nên xem như mê tín mà phá trừ. Có sao tin sâu chẳng nghi? Há chẳng phải là tự dối mình, lừa người đấy ư?” Tôi nói: Đấy chính là lời lẽ của kẻ chẳng hiểu rõ khoa học vậy. Khoa học là thái độ hể tin thì truyền bá lòng tin, hể nghi thì truyền bá lòng nghi, chẳng vượt phạm, chẳng tràn lan. Bọn chúng ta cố nhiên chẳng thể dối gạt chuyện huyền vọng thành chuyện thật sự có, mà bọn họ cũng chẳng thể nói “những gì chẳng thể chỉ rõ ắt sẽ là hư vô” được! Ngán thay, kể từ phong trào Ngũ Tứ⁸ đến nay, hể nói

7 Quái lực, loạn thần: Đây là một câu nói xuất phát từ Luận Ngữ: “Tứ bất ngữ quái, lực, loạn, thần” (Không Tử chẳng nói đến chuyện quái dị, dững lực, phản loạn, quỷ thần). Dần dần từ ngữ “quái lực loạn thần” được dùng theo nghĩa hẹp để chỉ sự huyền hoặc, hoang đường, ma quái, kỳ quái.

8 Phong trào Ngũ Tứ là một phong trào đấu tranh sau thế chiến lần thứ nhất do các thành phần trí thức và sinh viên đề xướng tại Trung Hoa nhằm đập đổ tất cả các phương cách giáo dục cổ truyền, đòi hỏi hiện đại hóa. Do cuộc biểu tình lớn nhất nổ ra nhằm ngày 4 tháng 5 năm 1919 bao gồm phần lớn sinh viên của mười ba trường đại học tại Bắc Kinh, nên gọi là phong trào Ngũ Tứ (Ngũ Tứ vận động). Nguyên do dấy lên phong trào này là sau khi thế chiến lần thứ nhất kết thúc, trong hiệp ước Versailles, các nước thắng trận đã chuyển giao tô giới Sơn Đông từ Đức sang chính quyền Nhật Bản, không thêm hỏi ý chính quyền Dân Quốc. Sinh viên, học sinh dưới sự sách động của một số trí thức như Lý Đại Chiêu, Trần Độc Tú... đã biểu tình phản đối chính quyền, đòi cách chức ba viên chức thân Nhật là Tào Nhữ Lâm, Lục Tông Dư, và Chương Tông Tường. Chính quyền Dân Quốc trước sức ép của phong trào đã cự tuyệt ký hòa ước Versailles, cách chức ba người ấy. Những người lãnh đạo phong trào đã quy kết sự yếu hèn của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc là do nền giáo dục cổ truyền cũng như do các tư tưởng triết học, nhân văn, tôn giáo truyền thống gây ra. Do vậy, họ đề xướng gạt bỏ tam giáo, cấm ngặt sinh viên đọc các trước tác của bách gia,

đến khoa học thì thiên hạ thường nghĩ những gì có thể chứng nghiệm bằng vật lý là chân thật duy nhất. Ngoài những thứ ấy ra, nhất loạt coi là mê tín. Chẳng biết lý có nhiều đường lối mà sự chẳng dễ nêu rõ, cứ lỗ mãng diệt trừ, bác bỏ, sổ toẹt hết thảy, tự cho mình là đúng, coi kẻ khác sai bét, đấy chính là sự mê tín lớn nhất. Bản chất và biểu hiện của nhân quả cảm ứng đúng là mờ ảo, xa vời, khó hiểu, lời lẽ phê phán trong cõi đời chẳng tránh khỏi xuyên tạc thêm thắt. Thế nhưng lý rạn ngời, sự rành rành cũng có chẳng ít, sao lại nhất loạt bác bỏ là không có? Đối với những chuyện cần phải thể nghiệm sâu xa, khó thể tra cứu suy lường, cái trí thông tục hiếm có khi lãnh hội được, càng phải nên kính sợ, để lại đó chớ bàn luận, sao lại khổ công bộp chộp gièm báng? Nếu có kẻ vờ vịt bày chuyện nhân quả hòng dối gạt kẻ ngu, lừa bịp thế tục, ai nấy đều phải nên bài xích, đả phá; chứ đối với những bậc khéo dẫn chuyện báo ứng để khuyên đời, lợi lạc cõi tục, đại cơ đại quyền lập ra những lời dạy bảo chánh đáng, lợi ích cõi đời rất nhiều, có gì cứ khăng vội vã gạt bỏ? Vì thế, ắt phải là bậc hiếu học, suy nghĩ sâu xa, khiêm tốn, biết kiềm chế, hiểu rõ tường tận, khéo vận dụng trí thức, chẳng mặc tình khuấy loạn thì mới thật sự là bậc thông thạo trong giới khoa học vậy!

Lại có người đọc tác phẩm này, thấy nêu ra các

chuyện chúng thực toàn là chuyện cũ người xưa, bèn cho là chẳng phù hợp thời thế khít khao, coi những chuyện sách đã kể như chó rom. Nghe xong lời đi là được rồi, sao cứ phải khăng khăng ôm lòng chê bai là viển vông vớ vẩn? Tôi cho rằng, sự việc trong thiên hạ có lý, có sự. Đời có thể đổi khác, nhưng tánh con người chẳng khác, sự có thể biến đổi, nhưng lòng người chẳng cần biến đổi! Tánh chẳng khác, tâm bất biến, vậy thì lý ấy luôn tồn tại. Các nhà *Duy thức* từ sự mà tìm ra lý, dùng lý để ứng sự, vậy thì người xưa chuyện cũ có thể dùng để giúp cho thời nay thường chuyển pháp luân. Đối với tác phẩm này, nếu có người có thể nêu bày những sự việc khác, phù hợp khít khao hiện thời để thay thế thì cố nhiên là chuyện tốt đẹp. Nhưng nếu chưa có thì bản xưa cũng đủ để ứng dụng rồi, tùy thuộc độc giả tự lựa chọn như thế nào!

Nhằm đang lúc thời thế suy vi, đạo học tuyệt diệt, đang buổi lòng người suy đồi, vùi lấp, có những bậc lo cho đời, mạnh mẽ phát chí giúp đỡ mỹ tục, đề xướng in bộ Vựng Biên này, sai tôi viết lời tựa, bảo là có thể giúp lưu truyền rộng rãi hòng phụ trợ giáo hóa cõi đời! Than ôi! Sự giáo hóa cõi đời hưng thịnh vốn do mạng trời, tôi còn chẳng đủ thời gian để phản tỉnh, há dám rườm lời tán trợ tuyên truyền! Nhưng thấy người ấy lòng thành, bèn lược thuật những điều tâm đắc của chính mình khi đọc Vựng Biên trình lên, nguyện những

người có lòng nhân trong thiên hạ gắng sức, cũng như đề nghị đại chúng đọc kinh hãy nên đọc đi đọc lại bộ sách này. Chẳng đây năm ngày hoặc một tuần sẽ có thể ghi nhớ nằm lòng, ắt sẽ được thọ dụng suốt đời chẳng hết. Người có thể hiểu văn nghĩa, hãy để bộ sách này bên cạnh chỗ thường ngồi, luôn luôn giờ xem ắt sẽ được lợi ích tăng tấn nơi sự tu tập và đức hạnh chẳng thể lường được!

*Ngày Rằm tháng Sáu,
Trung Hoa Dân Quốc năm 87 (1998),
Vương Tài Quý kính đề.*



LỜI TỰA TÁI BẢN



Thiên sách này dùng hai chữ “cảm ứng” để đặt tên. Cảm chính là nhân, ứng chính là quả. Bốn câu mở đầu của thiên sách này là: “*Họa phước vô môn, duy nhân tự triệu. Thiệt ác chi báo, như ảnh tùy hình*” (Họa phước chẳng có cửa, do con người tự chuốc lấy. Thiệt báo, ác báo như bóng theo hình), xiển dương lý nhân quả, báo ứng “làm lành được phước, tạo ác mắc họa” hết sức đơn giản, rõ ràng. Nếu ai có thể hiểu lý nhân quả, biết làm ác nhất định mắc họa hại, ắt dẫu bị ép làm chuyện ác nhưng trong tâm ắt kiêng sợ mà chẳng dám làm theo! Biết làm lành nhất định được phước lộc nhưng ắt tâm cũng mong cầu, tuy bị ngăn trở làm lành cũng chẳng chịu thôi! Pháp sư Ấn Quang từng bảo: “Nhân quả là phương tiện to lớn để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thế gian hiện thời, nếu chẳng

đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, mà muốn cho thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, dẫu Phật, tổ, thánh hiền cùng xuất hiện cũng chẳng làm sao được!”

Cảm Ứng Thiên tuy trích từ Đạo tạng, nhưng lời chú giải phần nhiều trích từ sách Nho, kinh Phật. Đọc một quyển sách mà tìm được nghĩa lý tinh hoa trong tam giáo. Đó là một điều vui sướng.

Vụng Biên là tác phẩm hội tập các bản chú giải xưa nay, tra cứu cặn kẽ để chọn lựa, đã tinh vi lại càng thêm tinh vi, biên tập thành sách. Do vậy, đọc bộ sách Vụng Biên, tức là đã đọc trọn hết các bản chú giải Cảm Ứng Thiên vậy. Đây là hai điều vui sướng.

Tài nghệ của người biên tập xuất sắc cao trời, chẳng ai sánh bằng. Đọc giả có được người hướng dẫn tốt lành này, tâm lượng do vậy rộng mở, phước duyên do đây được vun bồi rộng rãi. Đó là ba điều vui sướng.

Những câu danh ngôn chí lý của Nho giáo, công phu chánh tâm thành ý, yếu quyết tu thân tề gia đã được bộ sách này thu thập quá nửa. Từ tác phẩm này cũng có thể thấy đại lược phần nào văn tự Bát-nhã của Phật môn. Yếu nghĩa nhiếp tâm của Đạo gia cũng được thu vén vào bộ sách này. Đó là bốn điều vui sướng.

Vì thế, Vụng Biên không chỉ đứng đầu trong các bản chú giải Cảm Ứng Thiên, mà thật sự là vua của hết thảy các thiện thư vậy. Hễ ai được gặp gỡ chính là người có phước.

Có thể đọc một mạch từ đầu đến cuối, lắng tâm tĩnh khí, nghiền ngẫm nhiều phen, lãnh hội trong tâm, vận dụng vào cách cư xử sẽ là người đại phước. Nếu lại còn thấu đạt lẽ tinh túy, [sẽ nhận biết bí quyết] thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm tổ đều trọn hết trong ấy. Người sống trong cõi đời chẳng thể không đọc bộ sách vua của các sách này, trăm luân bao kiếp dài lâu không cách nào tự thoát, há chẳng phải là chuyện đại bất hạnh ư?

Cảm Ứng Thiên được chú giải rõ ràng như thế, tường tận như thế, thấu triệt như thế, khẩn thiết như thế, khác nào mạng lệnh ở sát ngay bên tai, khác nào lớn tiếng hò hét ư? Tấm lòng bi mẫn lệ tuôn theo từng câu nói. Hữu duyên đọc đến sách này hãy nên tự quay đầu, há còn ngờ chi? Hai trăm chín mươi ba điều thiện ác được chép trong thiên sách này lớn nhỏ đều đủ cả, nguyện khắp đại chúng siêng trì thiên sách này. Hãy nên luôn luôn thâm nhớ trong lòng, từng chữ đều áp dụng nơi thân, những chuyện trái lẽ dần dần ít đi. Ngày nào cũng như thế, năm nào cũng như vậy thì tự nhiên mọi hành vi đều là thiện, tiếp xúc nơi đâu cũng là thiện, sẽ tự trừ khổ được vui, có phước không họa, có cát chẳng hung vậy!

*Tháng 5 năm 1959,
Lâm Hiệp Am ở Phật Sơn
do tái bản bèn kính cẩn đề tựa.*

LỜI TỰA TÁI BẢN CẢM ỨNG THIÊN VỤNG BIÊN



Tấm lòng của trời đất là tấm lòng chí thiện. Con người do khí thiên địa hóa sanh, tánh vốn đều lành, nhưng để khơi gợi, dẫn dụ, cổ vũ, vun bồi niềm tin ắt đều nhờ vào sách Cảm Ứng. Nay nói những điều lành với người đời khiến họ chẳng dám làm điều sai trái, riêng mình sách Cảm Ứng có tác dụng ấy. Thường là những kẻ coi thường đọc lướt qua, thậm chí nhăn mày chẳng vui, xét ra ý họ cứ ngỡ “thuyết cảm ứng dùng để dạy kẻ ác, ta chẳng có điều ác gì, đọc để làm chi?” Riêng tôi cho rằng, không phải đã là người lành thì chẳng thể đọc thiện thư. Vì lẽ nào vậy? Do thiện sẽ cảm thiện, như keo bỏ vào sơn, như tô hòa với lạc, có cùng căn khí, có cùng loại sẽ cảm lẫn nhau, tự nhiên [sẽ

thấy những lời dạy trong sách] ý vị nông nàn, mỗi ngày một có công hiệu. Tôi tin là như thế. Chẳng phải hễ là người lành thì không nên đọc thiện thư, làm thiện sự, lập thiện luận! Hay là như tôi còn nói, Nho và Đạo nói “cảm ứng” giống như Thích giáo nói nhân quả. Cảm chính là nhân, ứng chính là quả. Vì thế, dùng thiện để cảm sẽ được phước quả, dùng bất thiện để cảm sẽ mắc khổ quả. Dùng Lục độ vạn hạnh Vô thượng Bồ-đề để cảm, sẽ đắc Phật quả. Dùng siêng tu Tịnh độ niệm Phật cầu vãng sanh để cảm sẽ đắc quả nơi đài sen trong cõi Cực Lạc. Chẳng có cảm nào không phải là nhân, chẳng có ứng nào không phải là quả. Cảm ứng đã rõ ràng, nhân quả càng thêm tỏ lộ. Các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào không thể dùng sách này để làm bậc thang tấn nhập. Chỉ mong nhà nào cũng có bộ sách này, tin nhận phụng hành. Thiện niệm ngày càng chan chứa, tâm địa ngày càng thanh tịnh. Dùng đó để hồi hương Tịnh độ, cầu sanh Cực Lạc. Tiến lên là cầu Phật quả, sẽ chẳng khó khăn. Khắc in lại bộ sách này há chẳng phải là một điều hết sức vui sướng ư? Do vậy viết lời tựa.

*Niên hiệu Quang Tự đời Thanh,
tháng Ba năm Bính Thân (1896),
Đại Liên cư sĩ Trương Bính Viêm rửa tay kính đề.*

LỜI THƯA TRÌNH
KHUYÊN ĐỌC
CẢM ỨNG THIÊN VỤNG BIÊN



Tuy Cảm Ứng Thiên phát xuất từ Đạo tạng, nhưng lời chú giải phần nhiều trích dẫn từ sách Nho, kinh Phật. Đọc một quyển sách mà nắm được nghĩa lý tinh hoa của tam giáo, đấy là điều vui sướng thứ nhất. Vụng Biên là tác phẩm biên tập các bản chú giải xưa nay, tra cứu cặn kẽ để chọn lựa, đã tinh vi lại càng thêm tinh vi, biên tập thành sách. Do vậy, đọc bộ sách Vụng Biên tức là đã đọc trọn hết các bản chú giải Cảm Ứng Thiên vậy, đấy là hai điều vui sướng. Tài nghệ của người biên tập xuất sắc cao trời, chẳng ai sánh bằng. Độc giả có được người hướng dẫn

tốt lành này, tâm lượng do vậy rộng mở, phước duyên do đấy được vun bồi rộng rãi. Đó là ba điều vui sướng. Những câu danh ngôn chí lý của Nho giáo, công phu chánh tâm thành ý, yếu quyết tu thân tề gia đã được bộ sách này thu thập quá nửa. Từ tác phẩm này cũng có thể thấy đại lược phần nào văn tự Bát-nhã của Phật môn. Yếu nghĩa nhiếp tâm của Đạo gia cũng được thu vén trong bộ sách này. Đó là bốn điều vui sướng.

Vì thế, Vựng Biên không chỉ đứng đầu trong các bản chú giải Cảm Ứng Thiên, mà thật sự là vua của hết thảy các thiện thư vậy. Hễ ai được gặp gỡ chính là người có phước. Có thể đọc một mạch từ đầu đến cuối, lắng tâm tĩnh khí, nghiền ngẫm nhiều phen, lãnh hội trong tâm, vận dụng vào cách cư xử sẽ là người đại phước. Nếu lại còn thấu đạt lẽ tinh túy, [sẽ nhận biết bí quyết] “thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm tổ” đều ở trong ấy. Người sống trong cõi đời chẳng thể không đọc bộ sách vua của các sách này, trăm luân bao kiếp dài lâu không cách nào tự thoát, há chẳng phải là chuyện đại bất hạnh ư?

Cảm Ứng Thiên được chú giải rõ ràng như thế, tường tận như thế, thấu triệt như thế, khẩn thiết như thế, khác nào mạng lệnh ở sát ngay bên tai, khác nào lớn tiếng hò hét. Tấm lòng bi mẫn lệ tuôn theo từng câu nói. Hữu duyên đọc đến sách này hãy nên tự quay đầu, há còn ngờ chi? Những người gặp ác báo như đã

được chép trong Vụng Biên, cứ ủa đến chỗ chết như loài cò, đến chết vẫn chẳng ngộ đều là do cả đời chưa từng đọc Cảm Ứng Thiên. Cảm Ứng Thiên lợi ích nhân sinh, há chẳng phải là đường tắt duy nhất để chuyển họa thành phúc, hoặc cũng có thể coi là pháp môn bất nhị để siêu phàm nhập thánh đấy ư?



THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN

(*Nguyên văn*)



Thái Thượng viết: - Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình. Thị dĩ, thiên địa hữu tư quá chi thân. Y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán. Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ố chi, hình họa tùy chi, cát khánh ty chi, ác tinh tai chi. Toán tận tắc tử, hựu hữu Tam Thai, Bắc Đẩu thân quân, tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỳ toán. Hựu hữu Tam Thi thân, tại nhân thân trung, mỗi đáo Canh Thân nhật, triếp thượng nghệ thiên tào, ngôn nhân tội quá. Nguyệt hối chi

nhật, Táo thần diệc nhiên. Phàm nhân hữu quá, đại tặc đoạt kỷ, tiểu tặc đoạt toán. Kỳ quá đại tiểu, hữu sở bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu tỵ chi. Thị đạo tặc tấn, phi đạo tặc thoái. Bất lý tà kính, bất khi ám thất. Tích đức lũy công, từ tâm u vật, trung hiếu hữu để, chánh kỷ hóa nhân, căng cô tuất quả, kính lão hoài ấu. Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương. Nghi mẫn nhân chi hung, nhạo nhân chi thiện. Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy. Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất, như kỷ chi thất. Bất chương nhân đoán, bất huyễn kỷ trường. Át ác dương thiện, thôi đa thủ thiếu. Thọ nhục bất oán, thọ sủng nhược kinh. Thi ân bất cầu báo. Dữ nhân bất truy hối, sở vị thiện nhân, nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phước lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi, sở tác tất thành, thần tiên khả ký. Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.

Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bồi lý nhi hành, dĩ ác vi năng, nhẫn tác tàn hại, âm tặc lương thiện, ám vũ quân thân, mạn kỳ tiên sinh, bạo kỳ sở sự, cưỡng chư vô thức, bàng chư đồng học, hư vu trá nguy, công kiết tông thân, cang cường bất nhân, ngận lệ tự dụng, thị phi bất đàng, hướng bồi quai nghi, ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ, thọ

ân bất cảm, niệm oán bất hưu, khinh miệt thiên
 dân, nhiễu loạn quốc chánh, thưởng phạt phi nghĩa,
 hình phạt vô cô, sát nhân thủ tài, khuynh nhân thủ
 vị, tru hàng lục phục, biếm chánh bài hiền, lãng cô
 bức quả, khí pháp thọ lộ. Dĩ trực vi khúc, dĩ khúc
 vi trực. Nhập khinh vi trọng, kiến sát gia nô. Tri
 quá bất cải, tri thiện bất vi, tự tội dẫn tha, ung tắc
 phương thuật, sán báng thánh hiền, xâm lăng đạo
 đức. Xạ phi trực tẩu, phát trập kinh thê, điền huyết
 phúc sào, thương thai phá noãn. Nguyên nhân hữu
 thất, hủy nhân thành công. Ngụy nhân tự an, giảm
 nhân tự ích. Dĩ ác dịch hảo, dĩ tư phế công. Thiết
 nhân chi năng, tế nhân chi thiện. Hình nhân chi
 xú, kiết nhân chi tư, hao nhân hóa tài, ly nhân cốt
 nhục, xâm nhân sở ái, trợ nhân vi phi. Sinh chí tác
 oai, nhục nhân cầu thắng. Bại nhân miêu giá, phá
 nhân hôn nhân. Cầu phú nhi kiêu, cầu miễn vô sỉ.
 Nhận ân thôi quá, giá họa mại ác, cô mãi hư dự, bao
 trữ hiểm tâm. Tọa nhân sở trường, hộ kỷ sở đoán,
 thừa oai bách hiếp, túng bạo sát thương. Vô cố
 tiền tài, phi lễ phanh tế, tán khí ngũ cốc, lao nhiễu
 chúng sanh. Phá nhân chi gia, thủ kỳ tài bảo, quyết
 thủy phóng hỏa, dĩ hại dân cư. Vạn loạn quy mô,
 dĩ bại nhân công. Tổn nhân khí vật, dĩ cùng nhân
 dụng. Kiến tha vinh quý, nguyên tha lưu biếm.
 Kiến tha phú hữu, nguyên tha phá tán. Kiến tha
 sắc mỹ, khởi tâm tư chi. Phụ tha hóa tài, nguyên

tha thân tử. Can cầu bất toại, tiện sanh chú hận. Kiến tha thất tiện, tiện thuyết tha quá. Kiến tha thể tướng bất cụ nhi tiểu chi. Kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi. Mai cổ yếm nhân, dụng được sát thụ. Khuể nộ sư phó, chỉ xúc phụ huynh. Cuỡng thủ cuỡng cầu, hiếu xâm hiếu đoạt, lỗ lược trí phú, xảo trá cầu thiên, thưởng phạt bất bình, dật lạc quá tiết. Hà ngược kỳ hạ, khủng hách ư tha. Oán thiên vu nhân, ha phong mạ vũ. Đấu hợp tranh tụng. Vọng trực bằng đảng. Dụng thê thiếp ngữ, vi phụ mẫu huấn. Đắc tân vong cố. Khẩu thị tâm phi. Tham mạo ư tài, khi vông kỳ thượng. Tạo tác ác ngữ, sàm hủy bình nhân. Hủy nhân xưng trực, mạ thân xưng chánh, khí thuận hiệu nghịch. Bối thân hướng sơ. Chỉ thiên địa dĩ chứng bỉ hoại, dẫn thân minh nhi giám ỏi sự. Thí dữ hậu hối, giả tá bất hoàn, phạm ngoại doanh cầu, lực thượng thi thiết. Dâm dục quá độ, tâm độc mạo từ. Uế thực ủy nhân. Tả đạo hoặc chúng. Đoản xích hiệp độ, khinh xứng tiểu thăng. Dĩ nguy tạp chân, thái thủ gian lợi. Áp lương vi tiện, mạn mộ ngu nhân, tham lam vô yếm. Chú trớ cầu trực. Thị tửu bột loạn. Cốt nhục phần tranh. Nam bất trung lương, nữ bất nhu thuận. Bất hòa kỳ thất, bất kính kỳ phu. Mỗi hiếu căng khoa, thường hành đố kỵ. Vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô, khinh mạn tiên linh. Vi nghịch thượng mạng, tác vi vô ích, hoại hiệp ngoại tâm. Tự chú chú tha,

thiên tăng thiên ái. Việt tỉnh việt táo, khiêu thực khiêu nhân. Tôn tử đọa thai, hành đa ẩn tịch. Hối lạp ca vũ, sóc đản hiệu nộ. Đối Bắc thế thóa cập nịch. Đối táo ngâm vịnh cập khốc. Hựu dĩ táo hỏa thiêu hương, uế sài tác thực. Dạ khởi lỏa lộ, bát tiết hành hình. Thóa lưu tinh, chỉ hồng nghệ, triếp chỉ tam quang. Cửu thị nhật nguyệt. Xuân nguyệt liệu liệt. Đối Bắc ác mạ, vô cố sát quy đá xà.

Như thị đẳng tội, Tư Mạng tùy kỳ khinh trọng, đoạt kỳ kỹ toán. Toán tận tắc tử, tử hữu dư trái, nãi ương cập tử tôn. Hựu chư hoạch thủ nhân tài giả, nãi kế kỳ thê tử gia khẩu dĩ đương chi, tiếm chí tử táng. Nhược bất tử táng, tắc hữu thủy hỏa đạo tặc, di vong khí vật, tật bệnh, khẩu thiệt chư sự, dĩ đáng vọng thủ chi trực. Hựu uống sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi tương sát dã. Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu bô cứu cơ, trăm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi.

Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi cát thân dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ác, ác tuy vị vi, nhi hung thân dĩ tùy chi. Kỳ hữu tăng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cứu cứu tất hoạch cát khánh. Sở vị chuyển họa vi phước dã. Cố cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phước. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác,

**nhất nhật hữu tam ác, tam niên thiên tất giáng chi
họa, hồ bất miễn nhi hành chi?**



太上感應篇



太上曰。禍福無門。惟人自召。善惡之報。如影隨形。是以天地有司過之神。依人所犯輕重。以奪人算。算減則貧耗。多逢憂患。人皆惡之。刑禍隨之。吉慶避之。惡星災之。算盡則死。又有三台北斗神君。在人頭上。錄人罪惡。奪其紀算。又有三尸神。在人身中。每到庚申日。輒上詣天曹。言人罪過。月晦之日。灶神亦然。凡人有過。大則奪紀。小則奪算。其過大小。有數百事。欲求長生者。先須避之。

是道則進。非道則退。不履邪徑。不欺暗室。積德累功。慈心於物。忠孝友悌。正己化人。矜孤恤寡。敬老懷幼。昆蟲草木。猶不可傷。宜憫人之凶。樂人之善。濟人之急。救人之危。見人之得。如己之得。見人之失。如己之失。不彰人短。不炫己長。遏惡揚善。推多取少。受辱不怨。受寵若驚。施恩不求

報。與人不追悔。所謂善人。人皆敬之。天道佑之。福祿隨之。眾邪遠之。神靈衛之。所作必成。神仙可冀。欲求天仙者。當立一千三百善。欲求地仙者。當立三百善。

苟或非義而動。背理而行。以惡為能。忍作殘害。陰賊良善。暗侮君親。慢其先生。叛其所事。誑諸無識。謗諸同學。虛誣詐偽。攻訐宗親。剛強不仁。狠戾自用。是非不當。向背乖宜。虐下取功。諂上希旨。受恩不感。念怨不休。輕蔑天民。擾亂國政。賞及非義。刑及無辜。殺人取財。傾人取位。誅降戮服。貶正排賢。凌孤逼寡。棄法受賂。以直為曲。以曲為直。入輕為重。見殺加怒。知過不改。知善不為。自罪引他。壅塞方術。訕謗聖賢。侵凌道德。射飛逐走。發蟄驚棲。填穴覆巢。傷胎破卵。願人有失。毀人成功。危人自安。滅人自益。以惡易好。以私廢公。竊人之能。蔽人之善。形人之醜。訐人之私。耗人貨財。離人骨肉。侵人所愛。助人為非。逞志作威。辱人求勝。敗人苗稼。破人婚姻。苟富而驕。苟免無恥。認恩推過。嫁禍賣惡。沽買虛譽。包貯險心。挫人所長。護己所短。乘威迫脅。縱暴殺傷。無故剪裁。非禮烹宰。散棄五穀。勞擾眾生。破人之家。取其財寶。決水放火。以害民居。紊亂規模。以敗人功。損人器物。以窮人用。見他榮貴。願他流貶。見他富有。願他破散。見他色美。起心私之。負他貨財。願他身死。干求不遂。便生咒恨。見他失便。便說他過。見他體相不具而笑之。見

他才能可稱而抑之。埋蠱厭人。用藥殺樹。恚怒師
傅。抵觸父兄。強取強求。好侵好奪。擄掠致富。巧
詐求遷。賞罰不平。逸樂過節。苛虐其下。恐嚇於
他。怨天尤人。呵風罵雨。鬥合爭訟。妄逐朋黨。用
妻妾語。違父母訓。得新忘故。口是心非。貪冒於
財。欺罔其上。造作惡語。讒毀平人。毀人稱直。罵
神稱正。棄順效逆。背親向疏。指天地以證鄙懷。引
神明而鑒猥事。施與後悔。假借不還。分外營求。力
上施設。淫慾過度。心毒貌慈。穢食餒人。左道惑
眾。短尺狹度。輕秤小升。以偽雜真。採取姦利。壓
良為賤。謾驀愚人。貪婪無厭。咒詛求直。嗜酒悖
亂。骨肉忿爭。男不忠良。女不柔順。不和其室。不
敬其夫。每好矜誇。常行妒忌。無行於妻子。失禮於
舅姑。輕慢先靈。違逆上命。作為無益。懷挾外心。
自咒咒他。偏憎偏愛。越井越灶。跳食跳人。損子墮
胎。行多隱僻。晦臘歌舞。朔旦號怒。對北涕唾及
溺。對灶吟詠及哭。又以灶火燒香。穢柴作食。夜起
裸露。八節行刑。唾流星。指虹霓。輒指三光。久視
日月。春月燎獵。對北惡罵。無故殺龜打蛇。如是等
罪。司命隨其輕重。奪其紀算。算盡則死。死有餘
責。乃殃及子孫。又諸橫取人財者。乃計其妻子家口
以當之。漸至死喪。若不死喪。則有水火盜賊。遺亡
器物。疾病口舌諸事。以當妄取之值。又枉殺人者。
是易刀兵而相殺也。取非義之財者。譬如漏脯救饑。
鴆酒止渴。非不暫飽。死亦及之。夫心起於善。善雖
未為。而吉神已隨之。或心起於惡。惡雖未為。而凶
神已隨之。其有曾行惡事。後自改悔。諸惡莫作。眾

善奉行。久久必獲吉慶。所謂轉禍為福也。 故吉人語善。視善。行善。一日有三善。三年天必降之福。凶人語惡。視惡。行惡。一日有三惡。三年天必降之禍。胡不勉而行之。

Tạm dịch⁹:

Thái Thượng nói: - Họa và phước chẳng có của nỏ nhất định, chỉ do con người tự chuốc lấy. Thiện báo, ác báo như bóng theo hình. Vì thế, trong trời đất có các vị thần trông coi tội lỗi của người đời. Căn cứ con người đã phạm tội lỗi nặng hay nhẹ mà giảm bớt tuổi thọ của họ. Giảm thọ thì thường bị nghèo túng, hao tổn, gặp nhiều nỗi ưu tư, hoạn nạn, ai nấy đều ghét bỏ. Hình phạt, tai họa theo đến, chẳng gặp những sự tốt lành, mừng vui. Sao ác gieo tai họa. Tuổi thọ đã hết phải chết. Lại có Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân ở trên đầu con người, ghi chép tội ác của họ để tước bớt tuổi thọ. Lại có thần Tam Thi ở trong thân người, mỗi khi đến ngày Canh Thân, liền lên chốn thiên tào, tâu tội lỗi của con người. Vào ngày cuối tháng, Táo thần cũng vậy. Hễ ai có lỗi, nặng thì giảm thọ mười hai năm, nhỏ thì giảm thọ một

9 Chúng tôi tạm dịch phần này dựa theo cách diễn giải trong các sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, Cảm Ứng Thiên Vụng Biên Bạch Thoại Tiết Bản, cũng như dựa theo lời giảng của lão hòa thượng Tịnh Không, pháp sư Định Hoàng và ông Hoàng Bách Lâm.

trăm ngày. Tội lỗi lớn nhỏ của con người, có đến mấy trăm chuyện. Kẻ mong sống lâu, trước hết hãy nên tránh né.

Hợp đạo thì tiến, trái đạo thì lui. Chẳng theo đường tà, chẳng dối lừa dối ở trong phòng tối. Tích lũy công đức, từ tâm đối với muôn loài, trung hiếu, thuận thảo với anh em. Sửa mình, dạy người. Thương xót con cô, cứu giúp quả phụ. Kính già, thương trẻ. Côn trùng, thảo mộc chớ nên thương tổn. Hãy nên xót thương kẻ ác, vui vì điều thiện của họ, giúp người trong cơn nguy cấp. Thấy người khác đạt được, cảm thấy như chính mình đạt được. Thấy người khác mất mát, cảm thấy như chính mình bị mất mát. Chẳng phô bày sự kém cỏi của kẻ khác, chẳng khoe khoang cái hay của chính mình. Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành. Khi phân chia, nhường cho người khác phần nhiều, giữ cho mình phần ít. Bị nhục chẳng oán, được sủng ái phải sợ. Thi ân chẳng cầu báo, đã cho người khác thì đừng nghĩ lại rồi hối tiếc. Người được coi là thiện nhân ai cũng đều kính trọng, đạo trời giúp đỡ họ, phước lộc thuận theo, các thứ tà quái tránh xa, do họ được thần linh hộ vệ, việc làm ắt thành, có thể mong thành thân tiên. Muốn cầu thành thân tiên, hãy nên làm một ngàn ba trăm điều lành. Muốn thành địa tiên, hãy nên làm ba trăm điều thiện.

Nếu có kẻ làm những điều phi nghĩa, trái nghịch đạo lý như sau: Coi thủ đoạn độc ác là tài năng, nhẫn tâm làm chuyện tàn ác, độc hại, ngấm hại người lương thiện, ngấm khinh vua và cha mẹ, khinh rẻ thầy dạy, phản bội người

mình phải phụng sự, lừa kẻ không hiểu biết, gièm báng bạn học, dối trá, hư nguy, công kích thân thuộc, ương bướng bất nhân, sử dụng những thủ đoạn độc ác, tàn nhẫn. Chẳng phân biệt đúng sai, hành xử không thích đáng¹⁰, ngược đãi kẻ dưới để lập công, nịnh bợ kẻ trên để đón ý cầu lợi. Chịu ơn người khác mà chẳng cảm kích, luôn ôm lòng oán hận chẳng dứt, khinh miệt dân chúng, nhiễu loạn nền chánh trị trong nước, khen thưởng kẻ phi nghĩa, trừng phạt người vô tội, giết người cướp của, lật đổ người khác để chiếm đoạt địa vị, giết hại kẻ đã đầu hàng, giáng chức người ngay, gạt bỏ người hiền, lăng nhục con cô, bức hại bà góa, coi thường pháp luật mà tiếp nhận hối lộ. Coi thẳng là cong, lấy cong làm thẳng. Kẻ đáng phán tội nhẹ bèn phạt nặng hơn. Thấy người khác mắc tội đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ. Biết lỗi chẳng sửa, biết điều thiện mà chẳng làm. Tự mình có tội, khiến cho kẻ khác liên lụy. Cản trở tài năng của kẻ khác. Chê bai, báng bổ thánh hiền. Xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức. Săn bắn chim thú, phá tổ côn trùng, kinh động nơi chim đậu, lấp hang, lật tổ, phá thai, hại trứng. Mong cho người khác phạm sai lầm, hủy hoại sự thành công của người khác. Làm người khác lâm nguy để chính mình an ổn. Giảm trừ lợi ích của người khác để chính mình được lợi. Dùng thứ xấu

10 Nguyên văn “bối hướng quai nghi”, hiểu theo nghĩa đen là “những điều trái nghịch và hướng theo đều chẳng đúng lẽ”. Sách Cảm Ứng Thiên Vụng Biên Bạch Thoại Tiết Bản giảng: “Đối với kẻ ác, đáng nên xa lìa, mà lại ngược ngạo hướng lòng theo họ. Đối với người lành phải nên thân cận, lại ngược ngạo chống trái. Làm như vậy, đúng là rất trái lẽ vậy”. Chúng tôi chỉ dịch gọn là “hành xử không thích đáng”.

thay cho đồ tốt trong khi giao dịch. Vì lòng riêng tư mà phé
trừ lễ công. Trộm cắp tài năng của kẻ khác. Che lấp điều lành
của người khác. Phô bày những điều xấu của người khác.
Rêu rao chuyện riêng tư của người ta. Làm cho kẻ khác hao
tổn tài vật. Chia lìa cốt nhục của kẻ khác. Xâm phạm những
thứ yêu thích của người khác. Giúp kẻ khác làm quấy. Phô
trương oai thế cho thỏa chí. Làm nhục người khác để giành
phần thắng. Hủy hoại mùa màng của người ta, phá hoại hôn
nhân của kẻ khác. Vừa mới giàu có đã kiêu căng, tùy tiện
trốn thoát không biết hổ thẹn. Mạo nhận ân huệ, chối bay tội
lỗi. Giá họa, ác ý. Mua bán danh hã, ôm lòng sâu hiểm, ém
tài người khác, giấu diếm sự kém cỏi của chính mình. Cậy oai
bức hiếp, phóng túng hung bạo, giết hại, tổn thương kẻ khác.
Vô cớ cắt xén, không có lẽ lạc mà giết hại gia súc. Phung phí
ngũ cốc. Khiến cho chúng sanh vất vả, ưu phiền. Phá hoại
nhà người khác, chiếm đoạt của cải. Phá hoại đê điều, đốt
nhà làm hại dân cư. Làm loạn phép tắc để khiến cho công sức
của người khác bị thất bại. Phá hoại vật dụng của người khác
khiến họ chẳng sử dụng được. Thấy người khác vinh hiển,
sang cả, mong họ bị lưu đày, biếm trích. Thấy người khác
giàu có, mong họ tàn mất. Thấy vợ con người ta xinh đẹp,
nảy lòng dâm dục. Thiếu nợ người khác tiền bạc, của cải, bèn
mong họ chết đi. Mong cầu chẳng được toại ý, sanh lòng oán
hận, chửi rủa. Thấy người khác sa chân lỡ bước, bèn rêu rao
lỗi lầm của họ. Thấy người khác hình hài chẳng vẹn toàn bèn
chê cười. Thấy người khác có tài năng đáng ca ngợi bèn chèn
ép. Chôn bùa ếm đối hại người. Dùng thuốc giết chết cây cối.

Oán giận thầy dạy của chính mình. Xung đột với cha anh. Đoạt ngang, cướp cạn, thích xâm lấn, chiếm đoạt. Cướp bóc để trở nên giàu có. Xảo trá cầu thăng quan lên chức. Thường phật chẳng công bằng. Hưởng lạc quá độ. Hà khắc, ngược đãi cấp dưới. Đe dọa người khác. Oán trời hờn người. Chửi gió, mắng mưa. Tranh chấp kiện tụng. Kéo bè kết đảng làm quấy. Nghe lời thê thiếp, trái nghịch lời cha mẹ dạy răn. Có mới nói cũ. Tâm khẩu chẳng nhất trí. Tham lam, xằng bậy đoạt tiền của, lừa dối bề trên. Nói lời ác độc, gièm chê, hủy báng người lành. Hủy báng kẻ khác, tự khoe bản thân chánh trực. Nhục mạ thân linh, tự xưng mình là chánh đáng. Bỏ thuận theo nghịch. Phản bội người thân thuộc, chạy theo người ngoài. Chỉ trời đất thề thốt làm chứng cho lòng dạ xấu xa. Viện dẫn thân mình hòng chứng giám chuyện tồi tệ. Cho rồi lại hối. Vay mượn không trả. Cầu mong quá phận. Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác. Dâm dục quá mức. Lòng dạ thâm độc, ra vẻ hiền lành. Cho người khác ăn thực phẩm dơ. Bàng môn tả đạo dối đời. Thước non, thước thiếu, cân nhẹ, thăng non. Đồ giả xen lẫn hàng thật. Dùng thủ đoạn để kiếm lợi gian trá. Chèn ép người lành khiến họ mặt rệp. Dối gạt kẻ ngu. Tham lam không chán. Thề thốt để người khác tin mình chánh trực. Ham nhậu nhẹt, quây phá. Ruột thịt giận dữ, tranh chấp. Trai không trung lương. Gái chẳng nhu thuận. Bất hòa với vợ. Chẳng kính trọng chồng. Thường thích khoác lác, kiêu căng. Thường hay ganh tỵ. Đối xử với vợ con không ra gì. Chẳng lễ phép đối với bố mẹ chồng. Khinh rẻ tổ tiên. Vi phạm mạng lệnh của bề trên. Làm chuyện vô ích. Ngâm đố

lòng thay dạ. Rửa mình, rửa người. Yêu ghét thiên vị. Nhảy qua giếng và bếp lò. Nhảy qua thức ăn, nhảy qua người khác. Tồn hại con cái, phá thai. Làm nhiều chuyện ám muội. Ca múa vào cuối tháng, ngày lập. Gào hét, giận dữ vào ngày đầu tháng hoặc sáng sớm. Quay về hướng Bắc hỉ mũi, khạc nhổ, tiểu tiện. Đối trước bếp lò ca hát, khóc lóc. Lại còn dùng lửa từ bếp lò để châm hương. Nấu thức ăn bằng củi dơ. Ban đêm thức dậy, thân thể lỏa lồ. Hành hình nhằm tám ngày Tiết. Hướng về sao băng khạc nhổ, chỉ trỏ cầu vồng, bộp chộp chỉ trỏ tam quang, nhìn mặt trời, mặt trăng thật lâu. Mùa xuân đốt rừng để săn bắn. Hướng về phương Bắc chửi rửa độc địa. Vô duyên vô cớ, đánh giết rắn rùa.

Đối với các tội như thế, thân Tư Mạng tùy theo tội nặng hay nhẹ mà bớt tuổi thọ của người gây tội. Tuổi thọ đã hết, sẽ phải chết. Đã chết mà còn chưa hết nợ thì con cháu phải gánh tai ương. Lại còn những kẻ cướp ngang tài vật của người khác thì vợ con, cả gia đình của hắn phải hứng chịu dần dần cho đến chết. Nếu không chết chóc, sẽ bị những chuyện như tai họa nước, lửa, trộm cướp, mất mát vật dụng, bệnh tật, khẩu thiệt để trả cái giá cướp càn. Lại còn những kẻ giết oan người khác, sẽ đổi lại bị giết trong chiến tranh. Kẻ chiếm giữ tài sản phi nghĩa, ví như dùng thịt nhiễm độc để cứu đói¹¹, dùng rượu ngâm lông chim Trám để khỏi khát, không chỉ là chẳng tạm no mà còn phải chết. Hễ dấy thiện niệm, tuy chưa

11 Nguyên văn “lậu bô” (漏脯) nghĩa là thịt khô để nơi dột nát, sẽ sanh ra nấm mốc rất độc.

làm lành, cát thân đã đi theo. Tâm móng niệm ác, tuy chưa làm ác, hung thân đã theo. Nếu kẻ đã từng làm ác, về sau sửa đổi, hối hận, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, lâu ngày chầy tháng, ắt được cát khánh, đó gọi là “chuyển họa thành phúc” vậy. Do vậy, người cát tường nói lời lành, xem điều lành, làm điều lành, mỗi ngày có ba điều lành thì ba năm trời ắt ban phúc cho. Còn kẻ ác nói lời ác, xem điều ác, làm điều ác, mỗi ngày có ba điều ác, ba năm trời ắt sẽ giáng họa. Sao không cố gắng thi hành vậy thay?

CẢM ỨNG THIỆM VÙNG BIÊN

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Đức Phong - Huệ Trang

[PHẦN I]

THÁI THƯỢNG
CẢM ỨNG THIÊN
CHÚ GIẢNG
CHỨNG ÁN VỤNG BIÊN¹²

【 Phần I 】



Thái Thượng là danh xưng chí tôn, vì xứng theo lòng trời mà lập ra giáo huấn, nhằm dạy con người chớ nên sơ suất xem thường. Cảm là như gieo trồng, ứng như hoa quả. Dùng hai chữ ấy để đặt

12 Danh xưng này có nghĩa là “hội tập toàn bộ những chú thích, giảng giải, và những câu chuyện để chứng thực thiên sách Thái Thượng Cảm Ứng”.

tên cho bài văn này, ngụ ý: Hễ có cảm ắt sẽ có ứng, mà cũng là hễ cảm bèn ứng, nêu tỏ lẽ nhân quả báo ứng trong đạo trời vậy. Tục ngữ có câu: “Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Lưới trời lồng lộng, tuy thưa chẳng lọt”, đây chính là nói đến sự cảm ứng. Cả thiên sách này lấy bốn câu đầu tiên làm đề cương, bao gồm toàn bộ ý nghĩa trong thiên sách.

Tiếp đó toàn là những câu nhằm tận lực giảng rõ bốn câu ấy. Từ câu “*thị dĩ thiên địa hữu tư quá chi thân*” (vì thế, trời đất có những vị thần trông coi tội lỗi) cho tới “*tiên tu tỵ chi*” (hãy nên tránh né trước) chính là phần luận định chung về sự giám sát nghiêm ngặt của thần minh, phạt tội nghiêm khắc nhằm trước hết khơi gợi cái tâm kính sợ của mọi người. Từ câu “*thị đạo tắc tấn*” (hợp đạo thì tiến) cho tới “*đương lập tam bách thiện*” (hãy nên làm ba trăm điều thiện) nhằm nói tới chuyện do làm lành mà cảm vời phước báo. Từ câu “*cẩu hoặc phi nghĩa nhi động*” (nếu làm chuyện phi nghĩa) cho tới “*ương cập tử tôn*” (tai ương lan tới con cháu) là nói tới quả báo do chuyện làm ác cảm vời. Sau đây lại dùng hai chuyện cướp đoạt ngang xương và giết chóc oan uổng để đặc biệt nhắc lại, nhằm nói tới chuyện làm ác cùng cực! Từ câu “*phù tâm khởi ư thiện*” (hễ tâm dấy thiện niệm) cho đến “*hung thân dĩ tùy chi*” (hung thân đã theo) nhằm nhấn mạnh ý: Suy đến tận gốc, lúc ý niệm vừa mới dấy lên, thần minh ngay lập tức soi thấu.

Đối với nền tảng phước và mầm mống họa hầy nên thận trọng, kiêng dè, biện định từ thuở ban đầu! Từ câu “*kỳ hữu tăng hành ác sự*” (có kẻ từng làm chuyện ác) cho tới “*chuyển họa vi phước*” (chuyển họa thành phước) nhằm dạy mọi người đừng vì lầm lỗi trước kia mà buông xuôi! Nếu có thể sửa lỗi chuyển lành, ắt sẽ chuyển họa thành phước. Đúng là hết sức dễ dàng! Đấy chính là ý chỉ chánh yếu trong lời khai thị của Thái Thượng vậy. Đó gọi là “họa hay phước không gì chẳng do chính mình cầu” ứng hợp với ý “*duy nhân tự triệu*” (chỉ do con người tự chuốc lấy) trong phần trước.

Phần tổng kết cuối cùng nêu ra ba chuyện để hành, đấy chính là khuôn phép trừ khử phiền não để phụng hành, tích lũy công đức. Câu kết thúc nhằm cổ vũ người đọc hầy thực hành. Một chữ “*miễn*” (勉, gắng sức) chính là bí quyết trọng yếu để sửa lỗi, chuyển thành tốt lành, mang ý nghĩa dặn dò sâu thẳm, thiết tha tột bậc vậy!

Thế đạo chẳng bằng thuở trước, lòng người ly tán, bạc bẽo, lễ giáo chẳng thể khuyến hóa, hình phạt chẳng thể cấm đoán. Chỉ có hai chữ “*cảm ứng*” là có thể đánh động lương tâm để mọi người thuận theo điều thiện, trừ khử điều ác. Con người dẫu chẳng sợ phép vua, chưa có kẻ nào chẳng sợ quý thần! Đối với phép vua có thể dùng thế lực hoặc mách khéo để trốn thoát, đối với quý thần thì chắc chắn chẳng thể dùng phú quý, nấp

kín để tránh né được! Vì thế, có người viết lời tựa cho thiên sách này đã nói: “Người lành nghe thấy thì càng được khuyên lon hồng mạnh mẽ thực hiện hơn, chẳng cần chờ được tưởng thưởng. Kẻ ác trông thấy sẽ tự cảm thấy bất an còn hơn bị hình phạt giáng xuống”. Có thể thấy thiên sách này không chỉ giúp sức cho kinh điển của thánh hiền mà còn bổ trợ sự giáo hóa của nhà vua nữa kia!

Có người bảo thiên sách này xuất phát từ Đạo tạng, nghi ngờ nó trái nghịch đạo Nho. Nói chung, kẻ ấy chưa từng nghiên cứu tinh tường sách Nho! Kinh Dịch dạy: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích lũy điều thiện ắt điều lành có thừa. Nhà chứa điều bất thiện, ắt tai ương có thừa). Kinh Dịch dùng chữ “tích” (積) cho thấy thiện ác không chỉ là một chuyện. Chữ “dư” (餘) cho thấy quả báo không chỉ là một đường. Lời chú giải kinh Dịch nói tóm gọn, bao quát, còn sách này nói rõ từng điều. Lại như kinh Thư có chép: *“Tác thiện giáng chi bách tường. Tác bất thiện giáng chi bách ương”* (Làm lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm điều bất thiện thì trăm điều tai ương giáng xuống). Kinh Thi ngâm vịnh sự xét soi của Thượng đế, Lễ Ký chép sự được mất của con người. Kinh Xuân Thu thì chép sự việc trong phần trước, ghi sự báo ứng trong phần sau. Những điều được sáu kinh ghi chép toàn là những lời

lẽ tinh rờng về cảm ứng, há có gì là chẳng ứng với lý này ư?

Thiên sách này lại ghi chép điều thiện, chuyện ác tỉ mỉ, cặn kẽ. Ngay như chuyện ca khóc, khắc nhỏ đều liên quan đến sự giám sát của trời. Do đọc những lời lẽ ấy, người ta bèn nghi là mơ hồ vớ vẩn, chẳng thể tra cứu đến nơi đến chốn, nghi như vậy tức là chẳng biết thánh hiền cố nhiên coi trọng đạo “thận trọng nơi những điều nhỏ nhặt”. Kinh Thư chép: “*Tế hành bất cãng, đại đức chi lữ*” (Chẳng cẩn thận nơi những hành vi nhỏ nhặt, sẽ khiến cho đức lớn bị tổn giảm). Kinh Dịch nói: “*Tiểu nhân dĩ tiểu thiện vi vô ích nhi bất vi dã, dĩ tiểu ác vi vô thương nhi bất khứ dã. Cố ác tích nhi bất khả yếm, tội đại nhi bất khả giải*” (Tiểu nhân coi điều lành nhỏ là vô ích nên chẳng làm, cứ nghĩ điều ác nhỏ chẳng tổn hại gì nên chẳng bỏ. Do vậy, điều ác chất chứa chẳng thể che giấu được, tội to lớn chẳng thể giải trừ được). Cả bộ sách Lễ Ký, đối với nhất cử nhất động của con người đều có khuôn phép chừng mực. Cổ nhân dạy mọi người cẩn thận trong từng hành vi nhỏ nhặt, phần nhiều là như thế đó!

Đời Minh, tiến sĩ Vương Chí Kiên ở Côn Sơn đọc rộng rãi các sách, lại còn thông thạo nội điển (kinh Phật), thường bảo con em: Cảm Ứng Thiên nói đến hai trăm chín mươi ba chuyện. Trong một thiên sách, cặn sâu,

tinh thô, trước sau bổ trợ¹³ cho nhau. Như đối với giới sát thì nói “*côn trùng thảo mộc, do bất khả thương*” (côn, trùng, cỏ cây, chớ nên tổn thương), rất chi ly. Nói “*phi lễ phanh tế*” (chẳng phải là lễ lạc mà giết mổ) tức là chẳng cấm ăn thịt. Nói “*vô cố tiễn tài*” (vô có mà cắt xén) tức là chẳng cấm ăn mặc chải chuốt. Lại nói “*xuân nguyệt liệu liệu*” (trong tháng mùa xuân đốt rừng để săn bắn), nói “*vô cố sát quy đả xà*” (vô duyên có giết rùa đánh rắn) dường như là càng thêm khoan dung vậy. Ấy là vì một đằng là nói với người học đạo, một đằng là nói với những kẻ thông tục. Kẻ học đạo được nghe lời này bèn tìm cầu chỗ tinh túy, sẽ có thể siêu phàm nhập thánh, mà kẻ bình phàm quen thói tạo nghiệp cũng có thể nhờ đó mà bỏ những điều quá đáng, chẳng đến nỗi bụng lung không ngăn dè. Cần phải đọc thiên sách này như thế thì mới biết là nó chẳng nói trùng lặp vậy.

Người trì thiên sách này cần phải trong tâm luôn luôn thâm niệm, đối với từng chữ đều xét lại tự thân, chính mình có chuyện ấy hay là không, nếu có sẽ gắng sức dần dần bỏ bớt. Hằng ngày như thế, hằng năm như vậy, tự nhiên mọi hành động đều là thiện, tiếp xúc chỗ nào cũng là thiện. Trong quyển đầu tiên của các bản in khác có chép nghi thức trì tụng và các thánh hiệu, dụng

13 Theo pháp sư Định Hoàng, câu này có nghĩa là “tùy theo kiến giải của người đọc mà thấy thiên sách này là nông cạn hay sâu xa, tinh tế hay thô lược. Đọc đến những phần sau, đối chiếu với những nhận định này sẽ thấy rõ ràng. Vì thế nói là tiền hậu hỗ kiến”.

ý chỉ nhằm dạy người ta nhiếp tâm làm lành, học theo chuyện ông Triệu Duyệt Đạo¹⁴ hằng ngày thắp hương thưa với trời những chuyện đã làm trong mỗi ngày đó thôi. Nếu chẳng thật tình phụng hành, chỉ tụng niệm sông hòng cầu phước tức là đã sai lầm quá xa rồi!

Thiên sách này chuyên nhằm khuyên con người chuyên dụng tâm để tu sửa những điều sai trái mà nói. Nho giáo có lý “huệ cát, nghịch hung” (惠吉逆凶, thuận theo điều nhân từ sẽ có điều tốt lành đưa tới; ngả theo điều trái lẽ nghịch đạo, sẽ có chuyện hung hiểm đưa tới). Có được tác phẩm này (Cảm Ứng Thiên) càng cảm thấy tường tận, rõ ràng gấp bội! Thích giáo (đạo Phật) có thuyết nhân quả luân hồi. Đọc thiên sách này sẽ có thể thấy đại khái giáo thuyết ấy. Quán thông tam giáo, dù hành những chuyện khác nhau mà đạt thành tựu như nhau, đúng là bậc thêm để siêu phàm nhập thánh, thật sự là con đường để chuyển họa thành phước. Khuyên trọn khắp những người cùng hàng hãy tin nhận phụng hành. Những chuyện linh nghiệm sẽ được trình bày như dưới đây.

Đời Nam Tống, huyện lệnh huyện Nga Mi là

14 Triệu Duyệt Đạo, tên thật là Triệu Biện, Duyệt Đạo là tên tự. Ông là người huyện Củ, tỉnh Chiết Giang, là một nhà văn học lỗi lạc đời Tống, làm Quan ngự sử đời Tống Nhân Tông. Ông nổi tiếng là người minh bạch, có thói quen mỗi đêm thắp hương tâu trình với Thượng đế những chuyện đã làm trong suốt một ngày, với ý nghĩa: Không làm chuyện gì xấu để rồi đến nỗi không dám thưa với trời đất.

Vương Tương, vào năm Thiệu Hưng 31 (1161) đã phát tâm thể hành mấy chục chuyện trong thiên sách này. Một ngày nọ, do bệnh mà ngất lịm, con cái vây quanh khóc lóc. Vương Tương cảm thấy thân thể như đang ở trên không trung, nghe tiếng khóc nhỏ rí như tiếng ong, tiếng ruồi. Trong chốc lát có vị thần nói: “Vương Tương vừa mới toan dốc sức thực hiện Cảm Ứng Thiên, hãy nên mau thả về”. Về sau ông thọ đến một trăm lẻ hai tuổi!

Đời Nam Tống, Chu Trì ở phủ Toại Ninh hằng ngày tụng thiên sách này. Lại thích giảng nói cho người khác. Giữa Xuân năm Thiệu Hưng 21 (1151), chết bất ngờ, trải qua một ngày mới sống lại, bảo vợ: Ta tới âm ty, thấy hai bên đều là những người bị chết đói trong làng. Trên điện, có một vị quan gọi ta, dặn dò:

- Người vốn có tên trong sổ những kẻ đói kém. Do kiên thành phụng hành Cảm Ứng Thiên, giảng nói cho người khác. Kẻ nghe xong hồi tâm làm lành rất nhiều. Nay sửa cho người được hưởng lộc thọ. Nếu vẫn kiên cố tu trì, có thể chứng đại đạo, chẳng trở lại chỗ này nữa.

Tôi đi ra, gặp một viên nha lại, ông ta căn dặn:

- Người sống lại, càng nên lưu truyền rộng rãi thiên sách này. Nếu một vùng thọ trì ắt một vùng sẽ thoát nạn. Thiên hạ thọ trì ắt thiên hạ ấm no, thịnh trị.

Người truyền dạy, kẻ thọ trì, công nghiệp đều chẳng cạn! Không chỉ là thoát khỏi các tai ách nước, lửa, binh đao, giặc cướp, bệnh tật, mà cầu con nối dõi, cầu thọ, cầu lộc, cầu tiên đều như đã nói trong kinh này.

Đời Minh, Dương Thủ Nghiệp ở Hà Gian¹⁵ hằng ngày tụng thiên sách này. Tuổi đã sáu mươi mà chẳng có con. Năm Vạn Lịch thứ sáu (1578) bị bệnh chết, đột nhiên sống lại bảo người nhà: “Ta tới cõi âm, thấy một vị quan cầm sổ bộ điểm danh, bảo ta vốn không có con, do luôn tụng Cảm Ứng Thiên sẽ được tăng lộc và thọ, ban cho một con”. Năm sau, quả nhiên sanh một trai, đưa con ấy phụng dưỡng cha mẹ, chôn cất chu đáo, lại còn đỗ đạt.

Đời Tống, Lý Xương Linh người Tây Thục, làm Thái thú ở Quang Châu¹⁶, xử lại các vụ án bắt giam oan uổng, hết sức có tiếng tăm. Ông chú giải tường tận Thái Thượng Cảm Ứng Thiên khiến cho người đọc do sự mà tìm được lý, góp phần tuyên dương giáo hóa. Những ý nghĩa chánh yếu trong kinh này được tỏ lộ rạn rõ trong cõi đời. Ông làm quan đến chức Ngự sử Trung thừa, phước lẫn thọ đều cao.

Đời Tống, Trịnh Thanh Chi ở Việt Quốc đã từng

15 Hà Gian (河間) là một quận thuộc thành phố Thương Châu, tỉnh Hà Bắc.

16 Tây Thục chính là Tứ Xuyên. Quang Châu là một huyện thuộc tỉnh Hà Nam, không phải là Quảng Châu.

dâng thiên sách này lên Tống Lý Tông. Sau khi lên ngôi, nhà vua ban tiền để ông khắc ván in ra. Vua đích thân viết hai câu “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*” ở đầu thiên sách, từ đó người phụng hành càng đông. Thanh Chi đã từng hứa soạn bài tán ca ngợi sách Cảm Ứng Thiên nhưng chưa làm, do vậy bị bệnh mắt có mộng thịt. Ông gắng hết sức chống chọi cơn bệnh để soạn bài tán thì mắt liền khỏi. Về sau được giữ chức quan trọng cơ mật, làm *Đông tri xu mật viện sự*¹⁷.

Vương Trúc ở Thai Châu, có con trai tên là Tịnh, bốn tuổi bị bệnh chết. Họ Vương đau buồn khôn xiết, phát tâm khắc in thiên sách này mong cầu đưa con trai đã mất sẽ quay lại làm con lần nữa. Vợ quả nhiên có thai. Do tới Hoàng Nham dâng hương, chợt giống như cùng với Tịnh ngồi cùng kiệu về nhà. Vợ sanh con ra đặt tên là Sư Hồi, diện mạo giống như trước chẳng khác, cốt nhục lại được vẹn toàn.

Dương Sâm ở huyện Hoàng Nham thấy người khác khắc in thiên sách này, tự nghĩ mình chẳng có sức, bèn tùy duyên góp tiền khắc ván trang thứ mười bảy.

17 Xu mật viện (樞密院) là danh xưng để gọi cơ quan quản trị quân sự (tương đương với Bộ Quốc phòng hiện thời) dưới các triều đại Đường, Ngũ Đại, Tống, Liêu và Nguyên của Trung Hoa. Vị quan đứng đầu Xu mật viện gọi là Xu mật sứ (thường gọi thông tục là Thái úy). Dưới Xu mật sứ là Tri xu mật viện sự, Đông tri xu mật viện sự, Xu mật phó sứ, Thiêm thư xu mật viện sự... Nếu nói theo cách tổ chức hiện thời, có thể nói Đông tri xu mật viện sự thuộc về Quân ủy Trung ương.

Mộng thấy thần bảo: “Sẽ đậu giống như ông đã khắc”. Quả nhiên đỗ tiến sĩ hạng mười bảy.

Trầm Cầu ở Nam Trực do vợ là Hạng thị có thai lắm bệnh, bèn phát tâm khắc Cảm Ứng Thiên thành một quyển sách nhỏ để người khác thuận tiện trì tụng. Hôm thợ khắc mang bản in đến nhà, vợ sanh được một trai, mẹ và con đều khỏe mạnh.

Uông Tĩnh Hu ở Hàng Châu có ý định khắc ván Cảm Ứng Thiên để thí rộng rãi. Do quan chức nhỏ nhoi chẳng có nhiều tiền bạc nên chưa tròn nguyện. Con ông ta là Nguyên bèn nối chí cha, bỏ tài sản ra để khắc ván thành công, dùng nhiều cách khuyến mộ các thiện sĩ đóng góp in tặng một vạn bộ. Ông Nguyên mộng thấy cha bảo: “Con đã khéo thành tựu chí nguyện của cha, khuyến thiện, bố thí trọn khắp. Cha đã sanh lên trời, mẹ con cũng thọ, mọi người và con đều được ghi tên vào sổ lành”.

Vương Tốn ở Giản Châu bị bệnh đã lâu, bỗng thấy mình đến âm phủ. Thấy một nha môn biển đề bằng chữ vàng, ghi Đông Nhạc Phủ. Bên trái tòa điện có một tấm bia chạm chữ bằng vàng, nội dung chính là bài Cảm Ứng Thiên. Vương Tốn đọc một lượt, hoan hỷ cung kính. Liền nghe thần nói: “Vương Tốn vừa thấy chân kinh liền sanh lòng kính mộ như vậy. Nếu từ rày trở đi có thể phụng hành, kiêm trì giới sát sẽ tự nhiên

bệnh lành, thân an, chẳng cần ở chỗ này”. Bèn được hoàn hồn, bệnh nặng nhanh chóng bình phục, do vậy phụng hành chẳng lười nhác. Ấy là kẻ không biết chữ tụng kinh sẽ trởi hơn người biết chữ, do không có tạp tưởng. Đọc kinh thuộc lòng sẽ thù thắng hơn nhìn vào kinh bản để đọc, do có thể nhiếp tâm. Nghĩa lý chỉ ở tại chữ “kính”. Vương Tốn có thể làm chứng vậy.

Tần Tam ở Từ Khê, nhà nghèo, làm lụng vất vả nuôi mẹ, bị trúng phong lâu ngày thành tàn phế. Gặp một đạo sĩ bảo: “Ngươi hãy theo ta, ta sẽ trị cho ngươi”; bèn kéo chân Tần Tam đuổi ra, bệnh khỏi ngay. Tần Tam thưa với mẹ xin theo đạo sĩ. Đạo sĩ bảo Tần Tam nhắm mắt, cầm tay kéo theo, cuổi gió mà đi. Tới một ngọn núi trên biển, người trên núi chê: “Gã này chẳng có tiên cốt, sao lại đến đây?” Đạo sĩ bảo: “Nhà hần thờ phụng Cảm Ứng Thiên mấy đời, thường vì con cháu khuyên giảng, thiện căn chẳng dứt, do vậy ta thu nhận”. Tần Tam đau đáu nhớ mẹ, lại được đạo sĩ đem trở về thì đã qua mười ba ngày rồi!

Trương đạo nhân ở Thiên Bàn tụng Cảm Ứng Thiên. Đi hóa duyên sống qua ngày, nhưng chỉ có thể tụng thuộc lòng một nửa. Bỗng bị bệnh, thấy mình tới cõi âm. Một vị quan hỏi: “Ngươi tụng Cảm Ứng Thiên, sao không gắng tụng thuộc trọn hết cả thiên mà chỉ tụng thuộc một nửa? Hãy nên trở lại nhân gian, chịu đựng khổ sở một trăm ngày”. Lúc đi ra, gặp một nha lại răn

dạy: “Do người chẳng tụng thuộc cả thiên nên tới chỗ này. Nay hãy nên tự hối và khuyên lon rộng khắp người đời. Không chỉ là khỏi tội mà công hạnh còn tăng thêm”. Đạo nhân tỉnh lại, khuyên khắp một vùng, quả nhiên mọi người kính tin. Nơi ấy nhiều năm được mùa, đạo nhân cũng được lành bệnh, về sau đắc đạo!

Ông Nguyễn ở Tiên Đường, nhà nghèo không con, chỉ có mẹ già còn sống. Hằng ngày tụng thiên sách này, quyên tiền khắc in để cầu mẹ sống thọ và có con nối dòng. Vừa mới khắc quyển đầu vợ đã có thai. Về sau sanh con trai, mẹ sống rất thọ. Ông Nguyễn thường nói: “Ta do một niệm chân thành, cầu mẹ sống thọ, mẹ bèn thọ. Cầu con nối dòng, bèn có con nối dòng”. Lý cảm ứng đã sáng vàng vạc vậy!

Hứa Đình Du ở Hàng Châu, cả nhà kiên thành phụng trì thiên sách này, lại còn viết thành một bức tranh chữ treo trong nhà. Một tối, có kẻ giặc dữ vào cướp, dường như là bị xua đuổi phải bỏ chạy. Về sau, ông Hứa biết chuyện này, càng thêm phụng hành chuyên dốc.

Trần Bích Tùng ở Vũ Lâm thường giúp người, lợi vật, lại còn khắc in thiên sách này rất đẹp đẽ, lưu thông khắp chốn. Về sau, gặp trận mưa kéo dài cả tháng, ông Trần đi xa chưa về. Vợ ông ban đêm chưa ngủ, chợt nghe đập cửa âm âm. Khi ấy, bọn giặc hung bạo vào làng cướp bóc liên tiếp, nhà nào nhà nấy đề phòng

ngghiêm ngặt. Vợ ông Trần nghe tiếng đập cửa dữ dội bèn kinh hoảng, cho là bọn cướp kéo tới, vội gọi người nhà cùng trốn đi. Mới ra khỏi nhà thì bức tường cao bỗng sụp đổ, đồ vật trong nhà vỡ tan như bột, nhưng cả nhà không hề hấn gì!

Đời Minh, Chu Nhữ Đăng ở Hải Môn theo học dưới trướng của tiên sinh Long Khê đã lâu nhưng chẳng đạt được gì. Về sau hành theo thiên sách này, soạn thành tác phẩm biên tập những điểm trọng yếu để khuyên đời, người theo về đường lành đông đảo. Do công đức ấy, một hôm ông Chu tâm địa mở mang, thông sáng, hiểu rõ thánh đạo, trở thành bậc đại Nho cuối đời Minh. Than ôi! Nay Nho học thánh, Thích học Phật, Đạo học tiên, có kẻ học suốt một đời chẳng ngộ, dở dang nửa chừng. Đó là vì căn khí kém cỏi, lại chẳng có công đức bằng ai. Trương Tử Dương nói: “Nếu không tích tập tu hành âm đức, hễ động tới bèn có các thứ ma gây chướng duyên”. Người có chí nơi đạo, há chẳng nên tỉnh ngộ mạnh mẽ ư?

Đời Minh, Vu Ngọc Bệ ở huyện Tiên Đường có vợ là Lương thị, bệnh rề rề đã ba năm. Một tối, mộng thấy Pháp Vân Đại sĩ giáng xuống, đứng trên đám mây, quang minh chói lòa, quý mị đều trốn sạch. Ngày hôm sau, đến lễ bái Vân Thê đại sư¹⁸, Lương thị thấy từ nhan

18 Vân Thê đại sư chính là ngài Liên Trì Châu Hoàng, tác giả bộ A-di-đà Kinh Số Sao.

nghiêm nhiên như trong giấc mộng, bất giác hoan hỷ, bệnh ngặt đã lâu nhanh chóng khỏi hẳn. Đại sư dạy: “Bệnh sanh từ nghiệp, nghiệp từ tâm sanh. Gắng hết sức làm công đức sẽ có thể tăng thọ”. Sư bèn đem Cảm Ứng Thiên trao cho Ngọc Bệ bảo: “Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành chính là ý chỉ chánh yếu trong thiên sách này. Nói nông cạn là ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều thiện. Chỉ cần tận lực nói với những người dân lành vâng giữ bốn phận trong một thôn có ba nhà¹⁹. Nói tột cùng, đoạn hết sạch những điều ham muốn nhỏ nhặt, muôn điều thiện sẽ tròn đầy, là trời trong trời, là thánh của các thánh. Đức Thế Tôn cũng giống như vậy. Ông hãy nên lưu truyền rộng rãi để thực hiện pháp thí to tát”. Ngọc Bệ cảm ngộ, tin nhận, soạn bộ Cảm Ứng Thiên Tiêu Nguyên tám quyển để khuyến đời.

Phương Thời Khả ở Hưu Ninh thuở nhỏ lắm bệnh, gặp một dị nhân bảo: “Tướng mạo của người nghèo hèn, lại không có con, chẳng thọ. Hãy nên gieo nhiều thiện căn”. Do vậy, họ Phương phát nguyện khắc in thiên sách này để thí tặng, khuyến lon. Về sau bệnh nhanh chóng khỏi hẳn, gia đình dần dần khá lên, sanh được ba trai đều vinh hiển, tuổi già mới mất.

19 Ở đây đại sư nói tỷ dụ: Một thôn có ba nhà tức là thôn ấy hết sức nhỏ, chỉ có ba gia đình. Dù một thôn ít người như thế mà tận lực làm lành, công đức vẫn là vô lượng.

Đời Minh, Mạo Khởi Tông nhằm năm Bính Ngọ (1606) trong niên hiệu Vạn Lịch, vào trường học hành. Hễ hơi rảnh rồi bèn kiên thành đọc thiên sách này. Ông đỗ khoa thi Hương năm Mậu Ngọ (1618). Lúc thi khoa ấy, do bị bệnh nặng, lúc vào trường thi thì tứ chi bị bại hoại, mắt chẳng nhìn thấy quyển thi, chẳng biết đặt bút viết chỗ nào. Ra khỏi trường thi, đối với bài văn đã làm chẳng nhớ một chữ. Tới khi thi đỗ, thấy quyển bài thi từng chữ đều ngay ngắn, chân phương, mới biết là trong trường thi dường như có thần giúp đỡ. Năm Kỷ Mùi (1619) ông thi trượt, lại phát nguyện chú giải Cảm Ứng Thiên rộng thêm, dẫn chứng rộng rãi những điều khảo cứu, không điều nào chẳng tường tận. Soạn xong sách bèn đậu tiến sĩ, làm quan tới chức Bố chánh²⁰.

Tháng Chạp năm Giáp Thân (1644) niên hiệu Thuận Trị nhà Thanh, Xương Môn ở Tô Châu bị hỏa hoạn lớn. Trước đó ba ngày có người cầm sào đo đất. Mọi người hỏi thăm, người ấy trả lời bí hiểm. Tới khi hỏa hoạn mới thấy những chỗ bị cháy vừa đúng những chỗ người ấy đã đo, do đó mới biết người ấy là thần. Trong khi hỏa hoạn, tại ngô Chuyên Chư của Xương Môn có nhà ông Trần Tùng Hiên, vốn có khách từ Tân An đến trọ tại đó, cách ngọn lửa chừng gang tấc. Người

20 Bố chánh là gọi tắt của chức quan Thừa tuyên bố chánh sứ ty bố chánh sứ, còn gọi là Phương bá, Phiên đài, hay Phiên ty, tương đương với tỉnh trưởng hiện thời.

trong thành đều thấy có vị thần đứng trên nóc nhà ấy chữa cháy. Khi lửa tàn, nhà chung quanh đều cháy sạch, chỉ riêng căn nhà ấy còn nguyên. Ngày hôm sau, mới biết người khách từ Tân An đã khắc in và giữ bản in Cảm Ứng Thiên.

Lỗ Tử Tấn là chư sanh²¹ ở Cối Kê, kiến thành phụng hành thiên sách này, lại còn chú thích tường tận. Do nhà nghèo bèn bán ruộng để khắc in lưu thông. Con trai ông Lỗ là Đức Thăng làm quan tới chức Hàn lâm viện kiểm thảo²².

Sự linh nghiệm cảm ứng đã được ghi chép xưa nay chẳng thể thuật trọn. Nay nêu đại lược các trường hợp như trên đây đều đích xác là do người ghi chép đích thân thấy nghe, đã đáng tin lại còn rõ rệt, hồng chứng thực lý cảm ứng quyết định. Chỉ mong những người có được sách này, đọc những câu chuyện ấy chớ nên bài bác. Trong khi ngồi ngay ngắn, thanh tịnh, hãy gạt bỏ những xáo động bộn chộp, giữ tấm lòng cung kính rỗng rang để tiếp nhận, đọc cẩn thận, tường tận, nghiền ngẫm sâu xa, gắng sức thực hiện. Cái duyên tốt

21 “Chư sanh” là tiếng gọi chung những người đã đỗ tú tài. Những người đã đỗ tú tài được gọi là sanh viên, lại chia thành nhiều cấp như tăng sanh (những người được lấy đỗ thêm ngoài hạn ngạch, không được hưởng thóc gạo), phụ sanh (những người được lấy đỗ thêm ngoài danh sách tăng sanh), lâm sanh (những người thuộc danh ngạch chính thức, được trợ cấp gạo), hương sanh (những người có danh tú tài do bỏ tiền ra đóng góp).

22 Hàn lâm viện kiểm thảo là chức quan Chấp chương Quốc sử quán.

lành không chi lớn bằng, hãy cẩn thận đừng đánh mất. Khôn ngăn thấp hương, dập đầu cầu khẩn!

Sách Địch Cát Lục có chép: “Một là mong hãy dấy lên lòng tin. Phàm thuận theo điều thiện sẽ có tốt lành đưa tới. Phàm trái nghịch điều thiện sẽ có hung hiểm xảy tới. Thánh nhân đã thốt lời đoán quyết, nhưng cõi đời gần như coi lẽ thuận nghịch ấy là mơ hồ, cứ mông muội chẳng tin! Họ cho rằng làm lành chưa chắc đã được báo đáp, làm ác chưa chắc đã bị tai ương, cắt đứt phước duyên của chính mình, diệt thiện căn của kẻ khác. Cái tâm ấy thật sự là tâm gì vậy? Người thấy điều này hãy nên tự dấy lên tín tâm to lớn. Một niệm tín sẽ là một niệm thiện căn, niệm nào cũng đều tin tức là niệm nào cũng là niệm thiện căn.

Một điều mong mới nữa là hãy siêng tu. Phàm làm lành, chẳng thể do hai, ba thiện niệm mà đạt được quả báo tốt lành. Ví như dùng một chén nước để dập tắt lửa của một xe củi cháy, rồi bảo “chẳng cần làm lành”, lười nhác sống ơ hờ qua ngày, há chẳng còn tệ hơn kẻ bất nhân ư? Hãy nên sốt sắng tu trì, đừng mãi chẳng biếng nhác. Thường như trời đất giáng lâm trên đỉnh đầu ta, quỷ thần răn dạy ta thì mới chẳng cô phụ cái thân này. Nếu không, hờ hững qua quýt, ngày lại qua ngày, tuổi thọ được mấy? Cứ đợi ta thông dong tích lũy, sợ rằng vô thường bỗng ập tới, than thở còn kịp hay chẳng?

Một điều nữa là coi trọng dưỡng tâm. Quản Tử nói: “*Hỷ khí nghênh nhân, thân ư huynh đệ. Nộ khí nghênh nhân, thâm ư binh qua*” (Dùng sự hoan hỷ đối xử với người khác, họ sẽ thân thiết như anh em. Dùng sự cău giận đối đãi người khác, sẽ thâm hiểm như chiến tranh). Nam Hoa Kinh²³ cũng nói: “*Binh mạc thâm ư nhĩn, nhi Mạc Gia vi hạ*” (Chẳng có gì thâm khốc bằng sự tàn nhẫn của kẻ cầm binh khí, dẫu thanh gươm Mạc Gia cũng chẳng bằng). Do vậy mới nói, do ảnh hưởng của chí khí, dẫu chưa cứu giúp chúng sanh mà họ đã được hưởng sự hài hòa hạnh phúc. Vì thế, sự cảm ứng nhanh chóng như dùi gõ vào trống liền phát ra tiếng. Xưa vua Đại Vũ và ông Hậu Tắc phù tá vua Nghiêu, vua Thuấn định thiên hạ. Dân bị lệnh đênh vì nạn lụt mới sống yên, dân đói mới được no ấm. Vì thế, các vị ấy có công đức mênh mông, thật sự giúp dân vậy. Ni Sơn (Khổng Tử)²⁴ áo vải, chưa thi thố được kế sách nào, nói suông há có thực hiện được gì? Riêng ấp ủ một lòng yêu già, thương trẻ, siêng gắng, khẩn thiết đến chết, rớt cuộc so lường công đức với những kẻ ngoảnh mặt về phía

23 Nam Hoa Kinh tức là sách Trang Tử. Do Trang Tử ẩn cư tại núi Nam Hoa, đến đời Đường Huyền Tôn, nhà vua đã phong tặng cho ông hiệu là Nam Hoa Chân Nhân, cho nên Đạo giáo gọi bộ sách Trang Tử là Nam Hoa Kinh.

24 Do Khổng Thúc Lương Ngột (cha của Khổng Tử) đã cao tuổi vẫn chưa có con nối dõi (vì con trai đầu của Thúc Lương Ngột là Mạnh Bỉ bị tàn tật), bèn lấy bà Nhan Trung Tại để mong kiếm được con trai nối dòng. Hai vợ chồng cầu con tại núi Ni, đẻ ra Khổng Tử, bèn đặt tên là Khâu, và Khổng Tử có tên tự là Trọng Ni.

Nam²⁵, ngài được tôn thờ là vị thầy của muôn đời. Như vậy là tâm có trọn đủ muôn pháp, con người chỉ nên hàm dưỡng cội nguồn sẵn có²⁶ sao cho tràn đầy hòa ái, hoạt bát, chẳng đánh động những thói bộp chộp. Gặp cha mẹ bèn có thể hiếu, gặp muôn vật bèn có thể nhân, gặp điều lành bèn có thể thực hiện vẹn toàn, gặp nhục nhã bèn có thể nhẫn. Hữu tình, vô tình, hữu sự, vô sự, luôn là một bầu ý niệm hòa hợp ngập tràn cõi hư không. Phước đức ấy còn có thể nghĩ bàn hay sao? Làm lành chính là nhiệm vụ cấp bách bậc nhất vậy!

Một điều nữa là quý ở chỗ kiên trì vĩnh hằng. Điều thiện nhỏ thì quả báo gần, điều thiện lớn thì quả báo xa. Quả báo gần thì phước nhẹ, quả báo xa thì phước dày. Như do thể chất của liễu bồ²⁷, sáng trông mà tối đã tăng trưởng. Tùng, bách chẳng phải vậy, lúc chưa tăng trưởng bị cỏ dại phủ lấp, bị trâu dê làm hại, nhưng sau đó sẽ có thể dùng đến ngàn vạn năm! Đời này, chẳng phải là không có kẻ tin vào điều thiện, nhưng người kiên trì vĩnh hằng chẳng nhiều! Bởi có kẻ trong khi

25 Thời cổ, vua ngồi ở phương Bắc, ngoảnh mặt về phía Nam.

26 Cội nguồn sẵn có (bổn nguyên) chính là tâm địa.

27 Liễu bồ thật ra là hai loại cây, tức là liễu và thủy dương. Liễu (柳, Willow) là loại cây thân mộc, cao, lá hẹp dài, có hoa màu vàng nở vào mùa xuân, có rất nhiều loại như thùy liễu (liễu rủ), dương liễu, hà liễu... Bồ (蒲, Reedmace, Broadleaf cattail, Bullrush, Nailrod), còn gọi là xương bồ, là một loại cỏ mềm chỉ cao tối đa hai mét, thấp hơn liễu, thường mọc quanh bờ ao, gốc vùi trong bùn, nở hoa vào mùa hạ. Lá bồ dài và nhọn, người Hoa thường dùng lá nó để dệt đệm, bện thành quạt.

hành theo một vài chuyện [được nói trong Cảm Ứng Thiên], lỡ gặp phải thử thách gieo neo bèn lằm lặc bảo “đạo trời khó biết”, nhanh chóng bỏ sạch những gì đã tu trước đó. Đấy đều là lằm lặc do cái tâm mong cầu “sẽ nhanh chóng đạt được” mà ra. Vì thế, tích đức mà nhún nhường, đấy là nền tảng của phước. Gặp cảnh hiểm mà bền chí, đấy là thực hành đức. Cổ nhân nói: “Chăm chú vun bồi đức, gắng trừ sạch ác”. Thường thấy những nhà nầy sanh những chuyện tốt lành là do đã nhiều đời hành trì tích tập, hoặc do đã nhiều năm tận lực làm lành. Những kẻ gặp điều tốt lành có thừa, chẳng phải là do một sáng, một chiều! Nếu có một chút thiện quả, liền mong phước dày, cội nguồn đã kém tẻ, mong chi có lắm chuyện mừng vui dồn lại! Ông Chu Thiên Lân²⁸ nói: “Có tâm cảm sẽ cảm chẳng linh. Có tâm mong ứng sẽ chẳng ứng nổi”. Hãy nên thuận theo tự nhiên, chớ nên lằm lặc sanh tâm so đo. Vì thế, kiên trì vĩnh hằng là một điều rất then chốt trong việc tích đức!

Một điều nữa là coi trọng lưu truyền. Chỗ nào có kinh sách, đấy chính là thiện duyên. Giấu kín chẳng truyền ắt bị trời giáng tai ương. Theo Công Quá Cách, truyền thiện thư cho một người sẽ được mười điều

28 Chu Thiên Lân (朱天麟, ?-1652), tên tự là Du Sơ, biệt hiệu là Chấn Thanh, là bậc danh Nho cuối đời Minh sống vào thời Sùng Trinh. Ông là người thông duệ, không xu nịnh, thanh cao, còn để lại những tác phẩm nổi tiếng như Đạo Thống Lục, Trị Thống Lục, Dịch Đĩnh Tam Nhiên, Thiên Văn Hoàn Độ Biện, Lục Thao Toàn Thuật v.v...

thiện. Truyền cho mười người sẽ là trăm điều thiện. Truyền cho bậc đại quý nhân, đại hào kiệt, người có thế lực lớn sẽ là ngàn điều thiện. In lại để lưu truyền, phát hành rộng rãi không ngần ngại sẽ là một vạn điều thiện. Luôn luôn xưng nói, luôn luôn nhắc nhở, dầu là kẻ nông dân, nữ nhân trong chốn khuê phòng, mục đồng, trẻ nhỏ chốn làng quê, không kẻ nào chẳng biến đổi sẽ là thiện duyên vô biên, mà phước duyên cũng vô biên. Xưa kia, Tôn Chân Nhân²⁹ in Thiên Kim Phương để phổ biến rộng khắp, sách in xong ngài thành tiên. Ông Chu Trì giảng Cảm Ứng Thiên cho người khác, thoát khỏi sổ ghi tên chết đỏi. Đức hạnh do công bố điều thiện há có số lượng ư?

29 Tôn Chân Nhân chính là Tôn Tư Mạo (541-682), một cao nhân đắc đạo thời Đường, tinh thông Tam giáo, giỏi y thuật. Tôn Tư Mạo quê ở Kinh Triệu, Hoa Nguyên (nay thuộc huyện Diêu, tỉnh Thiểm Tây). Thuở bé, bảy tuổi đi học, ông Tôn đã làm thầy giáo kinh ngạc vì mỗi ngày có thể thuộc hơn một ngàn chữ. Do vậy, nguyên lão Độc Cô Tín của nhà Bắc Chu đã gọi ông là Thánh Đồng. Ông tinh thông học thuyết của chư tử, sở trường về Lão Trang, âm dương, số thuật, lại còn yêu thích kinh Phật. Do thuở nhỏ lắm bệnh, lại thấy dân chúng khổ sở vì bệnh tật mà không có tiền chữa trị, ông lập chí học y. Do tài y thuật, ông từng được các vua Chu Tuyên Đế, Chu Tĩnh Đế, Tùy Văn Đế, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông phong chức quan cao để giữ bên mình, nhưng ông đều khéo léo từ chối. Vì tình thế ép buộc, ông phải làm Ngự Y cho Đường Thái Tông một thời gian. Lúc sắp mất, ông dặn con cháu: “Vùi lấp sơ sài cho xong, không chôn theo đồ tùy táng, đừng sát sanh cúng bái”. Người đương thời tôn ông là Tôn Dược Vương. Hiện thời tại núi Dược Vương ở quê nhà, vẫn còn miếu thờ ông, gọi là Dược Vương Miếu. Đạo giáo xưng tụng ông là Thiên Y Diệu Ứng Chân Quân. Bộ Thiên Kim Phương (tên gọi đầy đủ là Cấp Bị Thiên Kim Yếu Phương) gồm ba mươi quyển, chứa đựng những bài thuốc hữu hiệu nhất. Ngoài những toa thuốc, sách còn chứa đựng lý luận Trung y, cách dùng thuốc, châm cứu, cách trị liệu bằng ăn uống thích hợp.

Một điều nữa là nguyên bổ sung, phát huy. Những chuyện báo ứng thiện ác xưa nay há có ngần hạn? Ngẫu nhiên chép lại một hai chuyện há có thể nào coi như đã hoàn thiện ư? Những người cùng ôm ấp ý niệm ấy, hoặc chọn lựa từ những điều đã ghi chép trong sách vở, hoặc dựa theo sự thấy nghe của chính mình, chẳng ngại chép thêm vào sách này, vận dụng đại học vấn, gọt giũa những nghĩa lý tinh vi, trau chuốt những lời ngay thẳng, khiến cho người đọc khoái mắt sướng lòng. Một câu tán dương là một câu hộ trì thiện căn. Một niệm muốn làm lành, kiêng làm ác được đầy động cũng là một niệm tiêu trừ tội nghiệp. Phát huy càng rộng, lý tột cùng càng rõ, giúp trời xiển dương giáo hóa, công lao ấy sâu dày thay!”

Thái Thượng viết: Họa phước vô môn, duy nhân tự triệu.

太上曰。禍福無門。惟人自召。

Thái Thượng nói: Họa phước chẳng có cửa ngõ [nhất định], do con người tự chuốc lấy.

Đoạn này hợp với đoạn sau thành cương lĩnh của cả thiên sách này, đây chính là ý chỉ chánh yếu trong lời dạy này. Luận theo cái tâm của thánh hiền, chẳng ngoài dạy cho con người do cầu phước tránh họa, sau đó sẽ làm lành chẳng làm ác. Luận theo lý của tạo hóa, do tích thiện hay tích ác mà sẽ là vui sướng có thừa hay tai ương có thừa, do vậy chẳng hề sai lầm!

Nhỏ thì gọi là “cát hung”, lớn thì gọi là “họa phước”. “Vô môn” là chẳng có cửa ngõ nhất định. “Tự triệu” là tự làm tự chịu. Ý nói trời đất chẳng có lòng riêng tư, do muôn vật có tâm tư, hành vi như thế nào mà ứng theo như thế ấy để giáng họa hay ban phước, vốn chẳng có cửa ngõ nhất định. Nghe theo sự cảm vời của đương sự mà báo ứng, chỉ là do lòng người tự chuốc lấy đó thôi! Nhưng khi con người chưa dấy lên một niệm, cái tâm trong lặng giống như hư không, chẳng có thiện ác gì! Chỉ vì một niệm mới động, nếu hướng theo chuyện tốt sẽ là lành, nếu hướng theo chuyện xấu sẽ là ác. Trước hết, bất quá là dấy lên một niệm, làm một chuyện; về sau trải qua năm tháng tích lũy bèn có người lành, kẻ ác sai khác. Nhưng mắc họa hay được phước đều được quyết định khi ý niệm dấy lên. Vì thế, Thái Thượng vừa mở miệng bèn bảo là “vô môn” (không có cửa ngõ, ý nói không có sự chủ định sẵn), bảo là “tự triệu” (tự chiêu cảm lấy). Phải dè dặt lúc con người khởi niệm, hãy cẩn chặt rằng, chú tâm cảnh giác. “Giác” là nội quán, chiếu soi thấu triệt rộng rang. Lòng người thiện hay ác, không có gì chẳng do ý niệm vi tế nảy sanh [dẫn đến điều thiện lẽ ác ấy]. Một niệm quán chiếu nội tâm sẽ biết nên hướng theo ngã nào³⁰. Kinh Dịch nói: “*Cơ, động chi vi*” (Cơ³¹ là sự dấy

30 Ý nói do quán chiếu, sẽ biết niệm ấy là thiện hay ác, có nên tiếp tục dấy khởi hay không, hay là sẽ trừ diệt, thay thế nó bằng một thiện niệm.

31 Ở đây, lời chú giải dẫn cách định nghĩa chữ Cơ (幾) trong kinh Dịch để

động vi tế), [từ sự quán chiếu nội tâm, nhận biết ý niệm vi tế đấy lên là thiện hay ác] sẽ thấy trước cát hay hung trong tương lai. Do điều này mà có thể thấy thấu suốt, tự làm chủ, tự nhiên sạch dục, lý thuần, làm gì cũng tương ứng với chuyện tốt lành. Nếu có mảy may sai khác sẽ cách biệt vời vợi như trời với đất!

Đời Tống, thiền sư Linh Nguyên bảo Y Xuyên (Trình Di): “Họa có thể sanh ra phước. Phước có thể sanh ra họa”. Họa có thể sanh ra phước, tức là khi gặp cảnh nguy hiểm, bèn thiết tha nghĩ đến sự an ổn, tìm cầu sâu xa đạo lý, càng nên kính sợ, cẩn trọng. Phước có thể sanh ra họa là khi hưởng yên vui, bèn buông lung, có ý niệm xa xỉ, mặc tình kiêu căng, lười nhác, càng thêm coi thường, khinh rẻ, ngạo mạn.

Đông Nhạc Đại Đế huấn dụ: “Làm việc lành như cỏ trong vườn xuân, chẳng thấy nó tăng trưởng nhưng hằng ngày nó đều mọc dày hơn. Làm ác như đá mài dao, chẳng thấy bị hao tổn nhưng hằng ngày đá đều bị mòn đi”. Họa phước ngấm ngấm chuyển đời nhưng kẻ mê chẳng cảm thấy.

Đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng bảo: “Hết thủy các phước điền, chẳng lia một tấc vuông”³². Kinh dạy: “Cát

giải thích câu trước “nhân tâm thiện ác, mạc giai hữu cơ” (lòng người thiện hay ác, không gì là chẳng do ý niệm vi tế này sanh [dẫn đến điều thiện lẽ ác ấy]).

32 Nguyên văn “phương thốn” (方寸) là thuật ngữ chỉ cái tâm.

hung, họa phước đều do tâm tạo”. Lại nói: “Tội phước hai vầng, khổ lạc hai quả, đều do ba nghiệp tạo ra, do một tâm cảm”. Nếu có một niệm tâm sân khuể, tà dâm chính là nghiệp địa ngục. Keo kiệt, tham lam, chẳng thí, chính là nghiệp ngạ quỷ. Ngu si tối tăm che lấp chính là nghiệp súc sanh. Ngã mạn, kiêu căng chính là nghiệp tu-la. Giữ vững ngũ giới chính là nghiệp làm người. Tu rông thập thiện chính là nghiệp cõi trời. Chừng ngộ nhân không chính là nghiệp Thanh văn. Biết tánh của duyên là lìa, chính là nghiệp Duyên giác. Tu trọn Lục độ chính là nghiệp Bồ-tát. Chân từ, bình đẳng chính là nghiệp thành Phật. Tâm tịnh sẽ là đài hương, cây báu, hóa sanh cõi tịnh. Tâm như ắt đời, gò, hầm, hố, gói thân nơi uế độ. Chẳng phải là trời giáng xuống, há có phải do đất sanh ra, chỉ là do một niệm ban đầu mà ra. Lìa khỏi nguồn tâm chẳng có cái thể nào khác!

Cơ duyên cảm ứng nhỏ nhiệm thay! Nẻo thiện ác nguy hiểm thay! Cái khó gìn giữ nhất chính là lòng người. Tiếp xúc sự vật, cái tâm vừa động, bèn chìm đắm trong vực sâu hay bay lên trời thăm [chỉ vì dấy động ác niệm hay thiện niệm]. Ý niệm chuyển dời sẽ là ngưng đọng thành băng, hay lửa hừng đốt sạch. Vì thế, cổ nhân ngày siêng năng ba lượt phản tỉnh, đêm kiêng sợ có bốn điều biết³³. Do vậy, gà gáy bèn thức

33 Đây là hai điển cố về sự luôn phản tỉnh của cổ nhân: Tăng Sâm là đệ tử

dậy sốt sáng làm lành, chẳng bỏ khắc nào không giữ gìn thực hiện, khiến cho cái tâm như gương luôn sáng ngời. Gương tâm đã sáng, chính mình sẽ làm chủ được điều thiện, lẽ ác, mà họa phước cũng có thể làm chủ được. Do vậy mạng trời vốn ở nơi ta. Vì thế, luận định lẽ “họa phước do tự mình chuốc lấy, quyền thao túng họa phước vốn ở nơi tâm”, lại chép thêm những câu cách ngôn của bậc tiên nho hòng tuyên dương lời dạy của Thái Thượng.

Có kẻ hỏi: “Gà gáy thức dậy, còn chưa tiếp xúc sự vật, làm lành như thế nào?” Trình Tử bảo: “Chỉ cần cốt yếu giữ lòng kính sẽ là làm lành”.

Đời Tống, Trương Tử³⁴ nói: “Khởi đầu của việc chánh tâm, hãy nên coi cái tâm mình như một vị thầy nghiêm khắc, đối với những hành động đều biết kiêng sợ, dè dặt. Như thế thì trong vòng một, hai năm sẽ giữ được vững vàng, tự nhiên cái tâm là chánh”.

của Khổng Tử thường nói: “Ngô nhật tam tỉnh thân, vị nhân mưu chi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?” (Tôi hằng ngày luôn tự xét mình ba điều, vì người khác lo toan có tận hết trách nhiệm hay không? Chơi với bạn bè có giữ chữ tín hay không? Đối với những điều được truyền dạy có thực hành hay không?) “Bốn điều biết” là nói tới Dương Chấn đời Đòng Hán. Ông Dương làm quan đến chức Thái thú. Một đêm có người mang ngàn lạng vàng đến hối lộ, ông kiên quyết cự tuyệt. Người ấy nằn nì: “Đêm sâu có ai biết đâu mà ngài lo?” Dương Chấn đáp: “Sao có thể nói là không ai biết? Tôi biết, ông biết, trời biết, đất biết”.

34 Trương Tử ở đây chính là Trương Tải (tự là Tử Hậu, hiệu là Hoành Cừ Chân Nhân), một trong những người sáng lập Lý học đời Tống. Ông này là chú họ của Trình Di và Trình Hạo.

Chu Tử³⁵ nói: “La tiên sinh dạy học, trong lúc tĩnh tọa bèn xem xét lúc mừng, giận, buồn, vui chưa nổi lên sẽ có khí tượng³⁶ như thế nào? Đấy chính là thuật trọng yếu để dưỡng cái tâm vậy!”

Lại nói: Cái tâm cần phải giữ sao cho chỉ ngưng lặng một chỗ, chớ nên xen tạp sự việc bên ngoài, nhưng vẫn cần phải siêng năng tu dưỡng, gìn giữ. Hễ gặp chuyện, đừng tạm thời buông lỏng tinh thần, tập luyện lâu ngày sẽ tự thành. Nếu siêng gắng gìn giữ, kiên chế ý niệm, thật sự dụng công khẩn thiết, dẫu chỉ nửa tháng là đã có thể thấy sự hiệu nghiệm vậy!

Lại nói: Công phu hàm dưỡng “bổn nguyên” (cội nguồn vốn có) dễ bị gián đoạn nhất, nhưng vừa cảm thấy gián đoạn bèn tiếp tục ngay. Chỉ cần thường tự cảnh tỉnh, cứ tích lũy từng phân, từng tắc một, lâu ngày sẽ tự nhiên trở thành liên tục, trở thành một khối.

Lại nói: Trong khi tĩnh lặng, ý niệm riêng tư (vọng niệm) nảy sinh toi bời. Đấy là căn bệnh chung của người học. Có thể tự phản tỉnh, quan sát đến chỗ này, rất khó đạt được. Hãy nên lấy lòng tôn kính làm

35 Chu Tử ở đây là Chu Hy, tự là Nguyên Hối, hiệu là Hối Am, người xứ Vưu Khê, tỉnh Phước Kiến, là học trò đời thứ tư của Trình Di và là học trò của Chu Đôn Di, là một trong những người hoàn thiện Lý học và khai sáng Tống nho. La tiên sinh ở đây chính là La Tùng Ngạn, một bậc đại nho thuở ấy, từng giảng kinh Dịch cho Dương Thời (đệ tử đích truyền của Trình Di và Trình Hạo).

36 Có thể hiểu chữ “khí tượng” (氣象) ở đây như cảnh giới, trạng thái.

chủ để quan sát sâu xa khi ý niệm riêng tư mới vừa chớm nảy, hòng nhận biết phần lớn là chuyện gì, đối với chỗ nặng nhất bèn thống thiết khắc chế. Lâu dần thuần thực sẽ tự thấy hiệu quả. Chớ nên mới thực hiện mà đã mong thành công trong một sáng một chiều, mà cũng chẳng bị rối loạn bởi lăm thuyết³⁷.

Lại nói: Giữ chánh niệm thì các vọng tự nhiên lui mất, vắng phục.

Lại nói: “Khổng Tử dạy hành xử luôn cung kính, làm việc luôn cung kính, trung hậu đối với người khác, đấy là cách giữ vững chánh niệm”. Nếu nói năng mà cảm thấy không đúng sẽ không nói, làm việc mà cảm thấy chẳng đúng sẽ không làm, đó cũng là cách giữ gìn chánh niệm.

Lại nói: Đối chuyện học vấn, cần phải tự cảnh tỉnh. Hòa thượng Thụy Nham hằng ngày đều tự hỏi: “Chủ nhân ông có tỉnh giác hay không?” Tự đáp: “Tỉnh giác”. Người học hãy nên bắt chước.

Môn nhân là Chu Ngạn Văn hỏi: “Gần đây con cảm thấy đi, ngồi, nói năng, im lặng đều chẳng thể lừa dối chính mình!” Chu Tử đáp: “Đấy là chỗ đặc lực, tâm

37 Nguyên văn “nhi đa vị thuyết dĩ loạn chi dã”, pháp sư Định Hoảng giảng câu này như sau: “Đấy chính là tuy học mà hoàn toàn chẳng thực hiện. Nghe rất nhiều, học rất nhiều, nhưng chẳng chuyên tịnh, đâm ra công phu của chính mình chẳng đặc lực. Vì thế, hễ học tập, tu đạo, hãy chú trọng thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”.

linh đã hợp nhất với cái thân, chỉ nên luôn giữ cái tâm ngâm nhận biết”.

Đời Tống, Trần Liệt khổ sở vì không có trí nhớ. Ngẫu nhiên đọc sách Mạnh Tử thấy có câu: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, chỉ mong sao thấu hồi cái tâm buông lung mà thôi). Bỗng ngộ ra nói: “Ta chưa hề thấu hồi cái tâm thì làm sao có thể ghi nhớ cho được”, bèn đóng cửa tĩnh tọa, chẳng đọc sách hơn một trăm ngày để thấu hồi cái tâm buông lung. Sau đấy đọc sách, vừa đọc bèn ghi nhớ chẳng sót!

Nếu hỏi dáng vẻ cung kính là như thế nào, Tạ Thượng Thái³⁸ nói: “Có thể thấy từ dáng vẻ đoan nghiêm, trầm mặc như đang suy nghĩ”. Hỏi: “Như vậy thì làm như thế nào để khỏi phải gắng sức quá mức hòng giữ gìn dáng vẻ ấy?” Đáp: “Cố ý gắng sức quá mức để giữ thì sai mất rồi! Hãy nên đừng quên bẵng, mà cũng đừng cố ý gìn giữ”.

Cao Cảnh Dật nói: “Mỗi lúc chiều tà, bèn lặng lẽ kiểm điểm những chuyện đã làm trong suốt một ngày. Nếu chẳng thiết thực rèn luyện thân tâm tức là đã uống

38 Tạ Thượng Thái là một vị học giả đời Tống, tên thật là Tạ Lương Tá, là một trong bốn vị đại đệ tử của Trình Di. Ông Tạ đỗ tiến sĩ dưới thời Tống Thần Tông. Do ông là người xứ Thọ Xuân, phủ Thượng Thái, nên thường được gọi là Thượng Thái Tiên Sinh.

phí một ngày, phải nên cẩn trọng tiếc nuối thời gian”³⁹. Lại nói: “Vì thế, kẻ tiếc nuối thời gian chẳng để cho tư tưởng tà vạy, vọng niệm chiếm cứ tâm địa dẫu trong chớp mắt, ngõ hầu ngày qua tháng lại, tâm địa luôn huân tập sáng ngời bởi quang minh”. Lại nói: “Phương pháp để chứng nhập sự thành kính của các vị tiên nho chính là chỉnh tề, nghiêm túc, là thường cảnh tỉnh, là thâm liễm, chẳng vương vấn bất cứ sự vật gì”. Nay cái tâm của bọn chúng ta nhộn nhào, nháo nhào, muôn ngàn sự vật đều chất chứa đầy ắp trong ấy, há chỉ là một vật? Nếu muốn tránh khỏi tình trạng này, cần phải thường xuyên tỉnh giác, để tỉnh giác thì phải chỉnh tề nghiêm túc. Ba pháp ấy lại có thứ tự.

Do không ham muốn nên tĩnh. Hễ làm chủ được cái tâm thì lòng sẽ rộng rang. Đây chính là cương yếu trong đạo học vấn về cái tâm vậy.

Đời Tống, em trai của tiên sinh Trình Minh Đạo (Trình Hạo) là Trình Y Xuyên (tức Trình Di) qua sông, thuyền sắp lật, mọi người đều kinh hoàng sợ hãi. Chỉ mình tiên sinh vẫn ngồi nghiêm chỉnh như thường. Được hỏi, tiên sinh liền đáp: “Đây là do trong lòng giữ sự thành kính”.

39 Nguyên văn “lưu quang khả cụ”, ý nói thời gian do trôi đi không ngừng như dòng nước chảy, nên gọi là “lưu quang”, phải biết sợ thời gian đã trôi đi mất, chẳng trở lại. Do vậy, chúng tôi dịch đại lược là “cẩn trọng, tiếc nuối thời gian”.

Vị lão tăng ở chùa Chân Không nói: “Vọng tưởng của phàm nhân chẳng đồng nhất. Hoặc là nhớ tới vinh nhục, ân huệ, cừ thù, buồn vui, chia lìa, tụ hợp và đủ loại chuyện vớ vẩn mấy chục năm trước. Đó là vọng tưởng về quá khứ. Nếu chuyện xảy tới trước mắt chỉ nên thuận theo cảnh duyên mà ứng phó, thế mà lại sợ đầu sợ đuôi, do dự chẳng quyết! Đấy là vọng tưởng trong hiện tại. Hoặc mong ngày sau phú quý, vinh hoa, con cháu phát đạt, cùng với hết thảy những chuyện chẳng thể không thành, chẳng thể không đạt được. Đấy là vọng tưởng về tương lai. Thứ ba là vọng tưởng hoặc sanh, hoặc diệt, gọi là huyễn tâm. Thấy thấu suốt những thứ ấy là vọng, hễ dấy niệm bèn đoan dứt ngay thì gọi là giác tâm. Vì thế nói là “chẳng sợ niệm dấy lên, chỉ sợ nhận biết chậm”. Cái tâm ấy giống như thái hư, phiền não còn có chỗ nào để đặt chân được nữa ư?”

Trên đây đều là những câu lời luận định tinh vi, xuất thần nhập hóa. Người có chí hãy nên suy nghĩ sâu xa, gắng sức thực hiện, mong sao đạt tới mức thuần thực, trở thành tự nhiên mới thôi. Xưa kia vào đời Tống, ông Triệu Khang Tĩnh⁴⁰ để hai cái bình chứa đậu. Hễ dấy một thiện niệm bèn bỏ vào đó một hạt đậu trắng, hễ khởi một ác niệm sẽ bỏ một hạt đậu đen. Thoạt đầu đậu đen rất nhiều, kể đó dần dần ít đi. Lâu ngày, hai

40 Ông này tên thật là Triệu Khái, là một người rất có đạo đức, học rộng, làm quan tới chức Thái tử thiếu sư (thầy dạy cho Thái tử), thụy hiệu là Khang Tĩnh.

ý niệm thiện và ác đều mất, bình đưng đậu cũng bỏ đi chẳng dùng tới nữa, vì đã tiêu tan sạch sẽ cả rồi. Hơn nữa, Âm Chất Văn có câu: “Nếu con người có thể giữ tấm lòng như ta, ắt trời sẽ ban phước cho các ngươi”. Ấy là vì có cái tâm như thế nào là do chính ta quyết định, chỉ mong sao khắc chế lòng riêng tư, khôi phục chân tánh để thờ trời⁴¹, để mặc cho trời báo đền. Do lẽ có cùng khí chất, thể loại giống nhau sẽ cuốn hút lẫn nhau, tự nhiên là chẳng sai xẩy. Do vậy biết, đạo để “trừ họa, vùi phước” cốt yếu ở chỗ giữ gìn cái tâm như thế nào, ý chỉ là như vậy đó!

Đời Tống, Vệ Trọng Đạt thoát đầu làm Quán chức⁴², bị bắt tới âm phủ. Các quan chức trong cõi âm tra xét sổ sách thiện và ác, thấy sổ ghi chép điều ác chật sần, sổ ghi điều thiện chỉ có một quyển nhỏ. Minh quan (冥官, viên quan trong cõi âm) biến sắc, sai đem cân, đấm ra quyển sổ nhỏ nặng hơn các quyển sổ ác. Quan vui mừng bảo:

- Ông có thể thoát rồi!

Trọng Đạt hỏi:

41 “Thờ trời” không có nghĩa là cúng tế, vái lạy, cầu đảo, mà là sống theo thiên đạo, tức là giữ đạo đức, giữ thiện tâm, tuân theo đức hiếu sinh của trời đất v.v...

42 Quán chức (館職): Vào thời Đường - Tống, có nhiều cơ quan được gọi là quán như Sử quán, Tập hiền quán, Chiêu văn quán v.v... Các quan chức làm việc trong các cơ quan ấy được gọi chung là “Quán chức”.

- Tôi chưa đầy bốn mươi tuổi, sao lại có lắm điều ác như vậy?

Quan bảo:

- Chỉ một niệm bất chánh, quý thân không gì chẳng biết. Hễ biết bèn ghi chép, chẳng đợi phải làm.

Hỏi:

- Trong quyển sổ nhỏ ghi chép điều gì?

Quan bảo:

- Triều đình đã từng xướng suất công trình đòi hỏi một lượng lớn dân phu nhằm sửa chữa ba chiếc cầu bằng đá trong núi. Ông tận lực can gián, điều ấy đã được ghi chép lại.

Hỏi:

- Can gián nhưng chưa được nghe theo, làm sao thiện lực có thể truyền đến tận đây?

Quan đáp:

- Ý niệm của ông rất chân thành, lời lẽ có thể giáo huấn cõi đời. Giả sử triều đình có thể nghe theo, công đức há có hạn lượng? Nhờ vào đó mà cứu độ cõi đời há khó khăn chi? Hiềm rằng ác niệm quá nhiều, thiện lực bị giảm mất nửa, chẳng thể mong làm Tế tướng được!

Về sau, quả nhiên ông chỉ làm quan tới chức Lại

bộ Thượng thư. Than ôi! Điều ác của Trọng Đạt chỉ là ý niệm suông, thế mà còn gây tổn hại cho phước báo làm Tế tướng trong hiện đời. Điều thiện của Trọng Đạt chỉ có nói suông, thế mà đã áp đảo những quyền sở ghi điều ác chứa đầy cả sân, hướng hồ kẻ thật sự làm thiện, tạo ác? Có thể thấy một niệm khởi lên chính là cửa ngõ dẫn đến họa hay phước vậy!

Đời Tống, Liêu Đức Minh là đệ tử của Chu Hối Am. Thuở nhỏ, từng nằm mộng thấy chính mình cầm danh thiếp đến yết kiến một ngôi miếu. Người giữ cửa hỏi danh thiếp, ông Liêu rút thiếp từ trong tay áo ra, thấy ghi là “*Tuyên giáo lang Liêu mỗ*”, bèn tỉnh giấc. Về sau ông Liêu thi đỗ, quả nhiên được bổ làm *Tuyên giáo lang* trông coi xứ Mân (Phước Kiến). Đức Minh nghĩ tới giấc mộng trước, sợ rằng chỉ làm quan tới chức vụ đó, chẳng muốn đi nên bèn thỉnh ý Hối Am. Ông (Chu Hối Am) chỉ các vật trên bàn nói: “Con người chẳng giống các vật dụng, như bút chỉ có thể dùng để viết, gương chẳng thể làm đàn. Vì thế, các vật dụng hình thành hay hủy hoại lâu hay mau có thời hạn nhất định, con người chẳng phải vậy. Vì thế, có kẻ sáng là Đạo Chích mà tối là vua Thuấn. Cát hung, họa phước cũng thuận theo đó mà biến đổi, khó thể nói nhất định được. Nay ông đi làm quan hãy nên mở rộng tánh đức, nỗ lực làm chuyện tốt, đừng bị vương mắc bởi giấc mộng khi trước”. Đức Minh vâng lời, về sau quả nhiên làm quan

tới chức Chánh lang⁴³.

Nhà Tất Sưởng giàu có, chuyên dùng mưu trí để gạt người, tàn nhẫn, khắc bạc lập nghiệp. Sinh được hai con trai. Có người muốn bán gia sản cho ông ta, ông ta bề ngoài cự tuyệt: “Ta chẳng muốn”. Sau đó lại sai người ngấm ngấm dụ dỗ. Tới khi người ấy tìm đến, lại bảo: “Ta thật sự không muốn mua”, người ấy không biết làm sao, phải giảm giá cho xong việc. Tới khi viết khế ước, lại nói: “Ta không sẵn tiền, hẹn ngày nào đó đến lấy”. Đến ngày giao tiền, lại dùng bạc xấu hoặc dùng gạo, ngũ cốc để bù vào, trợn chẳng trả đúng như số tiền đã ước hẹn. Suốt đời thường làm những chuyện như thế. Về sau, đưa con cả do hại mạng người khác phải đi tù, phá sản mà chết. Đưa con thứ do dâm dăng, cờ bạc, phải lưu lạc ăn mày nơi khác. Tất Sưởng rốt cuộc tuyệt tự!

Đời Minh, Viên Liễu Phàm viết Lập Mạng Thiên⁴⁴ có đoạn viết: “Ta mồ côi cha từ bé, mẹ bảo:

- Hãy thôi theo cử nghiệp để học làm thầy thuốc, vừa có thể nuôi sống mà còn có thể giúp người khác. Học lấy một nghề thành danh chính là tâm nguyện xưa

43 Chánh lang là chức quan thấp hơn Thị lang. Đứng đầu một bộ là Thượng thư, viên phó của Thượng thư gọi là Thị lang. Dưới Thị lang là Chánh lang. Có thể tạm hiểu Chánh lang như Cục trưởng hoặc Ty trưởng trong hiện thời.

44 Đây là thiên sách thứ nhất trong bộ Gia Huấn của ông ta, thường được biết dưới tên gọi Liễu Phàm Tứ Huấn.

kia của cha người vậy!

Về sau, tại chùa Từ Vân, ta gặp một cụ già, râu dài, dáng vẻ hùng vĩ, phiêu dật như tiên. Ta kính lễ cụ. Cụ bảo ta:

- Anh là người thuộc giới sĩ tử, sang năm có thể vào học trường huyện, sao không đọc sách?

Ta thưa nguyên do. Cụ bảo:

- Ta họ Khổng, là người Vân Nam, thông thạo Hoàng Cực Chánh Truyền của Thiệu Tử⁴⁵. Theo số vận, đáng nên truyền cho người.

Ta dẫn cụ về nhà, thưa với mẹ. Thử đoán mạng những chuyện dẫu rất nhỏ nhặt cũng đều ứng nghiệm. Ta bèn dấy lên ý niệm đi học. Cụ Khổng đoán mạng cho ta, bảo khóa thi đồng sanh ở huyện⁴⁶ sẽ đỗ hạng thứ mười bốn. Thi trên phủ sẽ đỗ thứ bảy mươi mốt. Khi thi đề học sẽ đậu thứ chín. Năm sau đi thi, thứ hạng ở ba chỗ đều phù hợp. Cụ lại đoán mạng hên xui suốt đời cho ta, nói năm nào sẽ thi đỗ hạng thứ

45 Hoàng Cực Chánh Truyền tức là phương pháp bói dựa theo sách Hoàng Cực Kinh Thế của Thiệu Khang Tiết, thường gọi là Mai Hoa Dịch Số. Thiệu Khang Tiết, tên thật là Thiệu Ung (1011-1071), tự là Nghiêu Phu, hiệu Khang Tiết, người đời Bắc Tống. Ông vận dụng dịch số để bói theo ngày tháng, theo nét chữ, theo âm thanh, từ đó lập ra các quẻ Bát Quái để đoán số.

46 “Đồng sanh” (童生) là những sĩ tử chưa đỗ tú tài, nhưng đỗ kỳ thi tại địa phương để được dự vào danh sách cho đi thi Hương. Khoa thi tuyển đồng sanh gồm ba cấp, huyện khảo (thi ở huyện), phủ khảo và viện khảo (còn gọi là đề học khảo).

mấy. Năm nào đi thi để được bổ làm lẫm sanh, năm nào sẽ đỗ cống sanh⁴⁷. Sau khi đỗ cống sanh mấy năm, sẽ được chọn làm Đại doãn⁴⁸ ở Tứ Xuyên, giữ chức ba năm rồi hãy nên cáo quan xin về. Vào giờ sữu, ngày 14 tháng 8 vào lúc tròn năm mươi ba tuổi sẽ hết tuổi thọ. Tiếc là không có con.

Ta ghi chép cẩn thận xong, từ đó về sau hề gặp dịp thi cử, thứ tự đỗ đạt trước sau đều chẳng khác những điều cụ Khổng đã đoán định. Chỉ riêng lần cụ đoán ta được ăn gạo lẫm sanh là chín mươi một thạch năm

47 Cống sanh (貢生) là người đã đậu tú tài. Xưa kia, khoa thi này còn gọi là Minh Kinh (明經). Đến đời Minh - Thanh, người đỗ khoa thi này được gọi là sanh viên (生員), có thể vào học trường Quốc tử giám ở kinh đô. Cống sanh khác với cống sĩ (貢士). Cống sĩ là người đã đậu kỳ thi Hội. Kỳ thi này nếu nói chi tiết sẽ có nhiều bậc:

1. Tuế Cống: Ba năm mở một lần hoặc hai hay ba năm, tuyển theo quy chế từ huyện, phủ lên tỉnh để lựa người vào học Quốc tử giám. Sĩ tử thi đậu sẽ được trợ cấp gạo, gọi là lẫm sanh.
2. Bạt Cống: Sáu năm mở một lần để tuyển thêm sinh viên cho Quốc tử giám. Đến đời Càn Long là mười hai năm; lại còn lập ra Phó Cống để tuyển thêm người thi đỗ.
3. Ân Cống: Khoa thi đặc biệt do nhà vua khai ân khi mới lên ngôi hay vào những dịp khánh điển trọng thể (như sanh hoàng Thái tử, lễ thượng thọ của Thái hậu v.v...)
4. Ưu Cống: Ba năm mở một lần, do ty học chánh các tỉnh tuyển sinh, lấy số lượng người đậu rất hạn chế.
5. Lệ Cống: Là con em của những nhà có tiền quyền tặng, hoặc con quan, được đặc cách làm cống sanh. Loại này lại còn chia thành Phụ Cống, Tăng Cống, Lẫm Cống v.v...

48 Thời Minh - Thanh, Đại doãn là chức quan đứng đầu công việc hành chánh trong một huyện, chỉ cao hơn Nha lại một chút, trực thuộc quyền sai phái của Tri huyện.

đấu, thì khi sắp đỗ cống sanh đã được hưởng gạo hơn bảy mươi thạch. Đồ tông sư⁴⁹ liền phê chuẩn cho ta đậu cống sanh, ta bèn trộm ngò cù Khổng đã đoán sai. Kết quả là bị quan thự ấn là ông Dương bác đi, cho đến năm Đinh Mão mới chấp thuận cho ta dự vào hàng cống sanh. Tính toán số gạo trước và sau đó, đúng là chín mươi một thạch năm đấu. Do vậy, ta càng tin tưởng tiến thoái đều có số mạng, sẽ đến sớm hay trễ đều có thời! Vì thế điềm nhiên chẳng mong cầu. Đỗ cống sanh xong, lên Bắc Kinh ở lại kinh đô một năm, suốt ngày tĩnh tọa, chẳng đọc văn chương. Sau đó trở về, sang chơi Nam Kinh, chẳng vào trường Quốc Tử giám.

Trước hết, đến thăm thiên sư Vân Cốc trong núi Thê Hà. Ngồi đối diện với sư trong cùng một tịnh thất suốt ba ngày ba đêm chẳng chớp mắt. Vân Cốc hỏi:

- Sở dĩ phạm nhân chẳng thể thành thánh chỉ vì bị vọng niệm trói buộc. Ông ngồi suốt ba ngày, chẳng thấy dấy lên một vọng niệm.

Ta thưa:

- Con đã được Khổng tiên sinh tính mạng sẵn. Vinh nhục, sống chết đều có số mạng định sẵn. Dầu có muốn vọng tưởng cũng chẳng thể vọng tưởng được!

Ngài Vân Cốc cười bảo:

49 Đồ tông sư là vị quan trông coi học chánh họ Đồ.

- Ta ngỡ ông là bậc hào kiệt, nào ngờ chỉ là phàm phu.

Hỏi nguyên do. Sư dạy:

- Con người chưa thể không có tâm, rốt cuộc bị lẽ âm dương trói buộc, làm sao không có số mạng cho được? Nhưng chỉ phàm nhân có số mạng, chứ đối với bậc cực thiện thì cố nhiên là số mạng chẳng thể ràng buộc nhất định được. Kẻ cực ác số mạng cũng chẳng thể ràng buộc nhất định được. Suốt hai mươi năm qua ông đã bị ông ta tính sẵn, chưa hề chừa quạu mảy may! Há chẳng phải là phàm phu ư?

Ta hỏi:

- Vậy thì có thể trốn thoát số mạng ư?

Sư dạy:

- Mạng do ta tự tạo, phước do chính mình cầu! Những điều được nhắc nhở trong kinh Thi, kinh Thư, đích xác là những giáo huấn minh bạch. Trong giáo điển của ta có nói: "Cầu công danh được công danh, cầu phú quý được phú quý, cầu con cái được con cái, cầu trường thọ được trường thọ". Nói dối chính là điều đức Phật Thích-ca cấm ngặt, chư Phật, Bồ-tát há nói dối gạt người ư?

Ta lại hỏi thêm:

- Mạnh Tử nói: "*Cầu tặc đắc chi, cầu tại ngã giả dã*"

(Hễ cầu bèn được, cầu ở nơi ta). Đạo đức, nhân nghĩa có thể tận lực cầu, chứ công danh, phú quý cầu bằng cách nào?

Sư Vân Cốc bảo:

- Lời Mạnh Tử chẳng sai, ông tự hiểu lầm! Ông không thấy Lục Tổ nói: “*Nhất thiết phước điền, bất ly phương thôn*” (Hết thầy phước điền, chẳng rời tác lòng) ư? Hãy tìm từ nơi tâm thì không gì chẳng cảm thông! Cầu từ nơi ta chẳng phải chỉ là đạt được đạo đức, nhân nghĩa, mà còn đạt được công danh, phú quý. Trong lẫn ngoài đều đạt được. Đấy chính là do mong cầu, đạt được bèn có ích! Nếu chẳng phản tỉnh nơi nội tâm, chỉ hướng ra ngoài rong ruổi cầu tìm ắt là có phương pháp để cầu, nhưng phải do số mạng thì mới đạt được. Trong lẫn ngoài đều bị tổn hại, vì thế vô ích.

Sư hỏi:

- Ông Khổng tiên đoán số mạng suốt đời của ông như thế nào?

Ta thừa sự thật. Ngài Vân Cốc nói:

- Ông hãy tự xét chính mình có đáng nên đỗ đạt hay không? Có nên sanh con hay không?

Ta suy xét hồi lâu bèn thưa:

- Chẳng nên! Những người đỗ đạt đều thuộc loại

có phước tướng. Con bạc phước, lại chẳng thể tích lũy công hạnh để tạo nên phước sâu dày. Lại còn chẳng thể chịu đựng những nỗi phiền toái quá mức, chẳng thể bao dung người khác. Có lúc nghĩ mình tài trí hơn người, nghĩ gì làm nấy chẳng suy tính cẩn thận, ăn nói bộp chộp. Phàm những điều như vậy đều là tướng bạc phước, há có nên đỗ đạt ư? Đất bản sanh nhiều vật, nước trong thường là không có cá, con lại ưa sạch sẽ. Hòa khí có thể sanh trưởng muôn vật, con lại hay giận. Ái chính là cái gốc để sanh ra các sanh vật, tàn nhẫn là căn cội khiến chẳng thể sanh nở⁵⁰, con lại hết sức quý tiếc danh tiết, thường chẳng thể bỏ mình cứu người. Lại còn nói nhiều hao khí, thích uống rượu khiến tinh bị hao tổn. Thích ngồi suốt đêm, chẳng bảo dưỡng nguyên thân, đấy đều là những lý do đáng nên không con. Những điều lỗi ác khác hãy còn nhiều lắm, chẳng thể tính trọn.

Ngài Vân Cốc bảo:

- Há chỉ là đỗ đạt ư? Kẻ hưởng tài sản ngàn vàng trong thế gian chắc chắn là nhân vật đáng giá ngàn vàng. Kẻ hưởng tài sản trăm lạng vàng chắc chắn là nhân vật đáng giá trăm lạng vàng. Kẻ phải chết đói chắc chắn là nhân vật đáng bị chết đói. Trời bất quá do tài năng của mỗi người mà dốc sức giúp cho thành

50 Nguyên văn “ái vi sanh sanh chi bản, nhẫn vi bất dục chi căn”. Chúng tôi dịch câu này theo lời giải thích của pháp sư Định Hoàng.

tự, chưa từng có mảy may ý niệm ban phước, giáng họa! Ngay như chuyện sanh con, kẻ có đức trăm đời chắc chắn là sẽ có con cháu trăm đời. Có đức mười đời chắc chắn sẽ có con cháu mười đời. Kẻ có đức hai, ba đời chắc chắn sẽ có con cháu hai, ba đời. Kẻ tuyệt tự vô hậu, đức mỏng tội bạc. Ông nay đã biết lỗi, hãy nên tận tâm sửa đổi tướng chẳng đỗ đạt, tướng chẳng sanh con. Phải hết sức chú trọng tích đức, phải chú trọng mở rộng tâm lượng, phải chú trọng hòa ái, phải chú trọng tiết quý tinh thần. Những điều trước kia ví như hôm qua đã chết, từ giờ trở đi mọi điều đều ví như mới sanh từ hôm nay. Đây là cái thân nghĩa lý được tái sanh vậy.

Phàm cái thân xương thịt thì vẫn có số mạng, chứ cái thân nghĩa lý há chẳng thể cảm lòng trời ư? Thái Giáp⁵¹ nói: “Trời tạo nghiệt, còn có thể chống lại. Chính mình tạo oan nghiệt sẽ chẳng thể trốn tránh”. Kinh Thi nói: “*Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước*” (Vĩnh viễn hành xử phù hợp mạng trời, sẽ được nhiều phước). Như Khổng tiên sinh đoán mạng ông chẳng đỗ đạt, chẳng sanh con, đây chính là tai ương do trời gieo vậy, vẫn có thể chống lại được. Ông nay hãy nỗ lực làm các

51 Thái Giáp (tên thật là Tử Chí) là cháu nội của vua Thành Thang, làm vị vua thứ tư của nhà Thương Thang. Khi Thái Giáp tham hưởng dục lạc, bỏ bê triều chánh, đối xử hà khắc với nhân dân. Y Doãn là cố mạng đại thần, giữ quyền Tế tướng, đã đày vua sang Đông cung, gán lẳng mộ vua Thành Thang để sám hối, tự nhiếp chánh. Ba năm sau, Thái Giáp hối cải, Y Doãn lại đón về, giao quyền lại. Thái Giáp đã nói câu này khi tự xét lỗi mình. “Nghiệt” (孽) ở đây là tai ương. “Trời tạo nghiệt” nghĩa là trời giáng tai ương.

thiện sự, tích nhiều âm đức. Đây là phước do chính mình tạo ra, há chẳng thể thọ hưởng ư? Kinh Dịch là giáo huấn để bậc quân tử mưu tính các biện pháp sửa mình hòng hưởng điều cát, tránh né điều hung. Nếu nói “mạng trời thường hằng chẳng thể biến đổi”, vậy thì làm sao có thể hưởng đến điều cát, làm sao có thể tránh né điều hung cho được? Do vậy, vừa mở đầu quyển sách ấy, nghĩa thứ nhất là: “Nhà tích thiện, ắt điều tốt lành có thừa. Nhà tích bất thiện, ắt tai ương có thừa!” Ông có tin hay chẳng?

Ta tin lời ấy, liền lạy sư và vâng nghe theo lời dạy. Do vậy, bèn đem tội trước kia, đối trước Phật tận tình bày tỏ, viết số dâng lên, trước hết là cầu đỗi đạt, thế làm ba ngàn điều lành nhằm báo đức của trời đất, tổ tông. Ngài Vân Cốc đem sách Công Quá Cách dạy ta, bảo hằng ngày hãy ghi chép những việc đã làm. Thiện thì ghi số, ác bèn trừ bớt. Sư lại còn dạy trì chú Chuẩn Đề để cầu ắt được hiệu nghiệm. Sư bảo ta:

- Những nhà bùa chú có nói: “Chẳng biết vẽ bùa sẽ bị quỷ thần cười nhạo”. Điều bí truyền trong ấy chỉ là “chẳng động niệm”. Hễ cầm bút vẽ bùa, trước hết, hãy buông xuống muôn duyên. Từ đấy chẳng dấy động ý niệm, chấm bút xuống, gọi là hỗn độn vừa mở nên tảng. Do vậy, vẽ xong ngay trong một nét bút chẳng hề suy nghĩ. Đạo bùa ấy sẽ linh. Hễ cầu trời lập mạng đều phải từ chỗ vô tư vô lự để cảm thông. Mạnh Tử luận

về học vấn “lập mạng” đã nói: “*Yếu và thọ chẳng hai!*” Nếu nói chi ly hơn, dư dật và thiếu thốn không hai, sau đấy mới có thể lập cái mạng nghèo hay giàu. Cùng quẫn hay hanh thông chẳng hai, sau đấy mới có thể lập mạng sang hay hèn. Yếu và thọ chẳng hai, sau đấy mới có thể lập mạng sanh hay tử! Người sống trong thế gian, chỉ có sống chết là quan trọng. Nói yếu hay thọ tức là hết thảy các sự thuận nghịch đều được bao gồm trong ấy. Còn chuyện tu thân thì hãy chờ đó chính là chuyện tích đức để cầu trời vậy⁵². Nói “tu” tức là thân có lỗi, có ác, hãy đối trị, trừ khử. Nói “đợi” tức là chẳng có mảy may mong ngóng, chẳng có mảy may đón chờ, những ý niệm ấy đều nên chặt đứt. Đạt đến địa vị ấy, thẳng thừng tạo ra cảnh tiên thiên⁵³. Đó là học vấn thật sự. Ông chưa thể vô tâm, chỉ nên trì chú Chuẩn Đề, chẳng tính đếm, chớ để gián đoạn. Trì đến mức thuần thục sẽ là trì mà không trì, không trì mà trì. Cho tới khi chẳng động niệm sẽ linh nghiệm.

52 Lão hòa thượng Tịnh Không giảng câu này có nghĩa là “chuyện tu thân thì phải chờ khi vận mạng của ta đã biến đổi, sửa đổi. Để sửa đổi mạng vận chẳng phải là chuyện ngày một, ngày hai mà hồng đạt được. Phải có thời gian tích lũy, phải dưng mãnh, tinh tấn. Điều này liên quan đến chính mình siêng, lười, mê, ngộ. Vẫn là phải dưng mãnh tinh tấn chờ đủ thời gian, nhất định sẽ đạt được hiệu quả”.

53 Theo lão hòa thượng Tịnh Không, “cảnh tiên thiên” được nói ở đây chính là như Phật pháp thường nói “phân bốn hoàn nguyên, tự tánh lưu lộ”. Nói “tiên thiên” là sánh ví như vũ trụ nguyên thủy, chưa tách rời thành âm dương, là thái cực nguyên thủy trong quan niệm của kinh Dịch. Nói “cảnh tiên thiên” tức là chân tánh vĩnh hằng thanh tịnh, tịch chiếu, chẳng bị biến đổi, chẳng bị chấp trước hư vọng che lấp.

Thoạt đầu ta có hiệu là Học Hải, nay đổi hiệu thành Liễu Phàm. Ấy là vì đã ngộ thuyết lập mạng, chẳng muốn rơi vào khuôn sáo cũ của phàm phu nữa. Từ đấy trở đi suốt ngày dè dặt, bèn cảm thấy khác hẳn khi trước. Trước kia là ơ hờ tùy tiện, nay tự có cảnh tượng dè dặt thận trọng. Dẫu ở trong nhà tối, buông kín, thường sợ mắc tội với trời đất, quý thần. Gặp kẻ ghét ta, chê gièm ta, có thể điềm nhiên chịu đựng. Đến năm sau Lễ Bộ mở khoa thi, Khổng tiên sinh đoán ta sẽ đậu hạng ba, bỗng ta đậu hạng nhất. Lời tiên đoán ấy chẳng ứng nghiệm. Cho tới khoa thi mùa thu bèn đậu cử nhân. Nhưng làm việc nghĩa vẫn chưa thuần, kiểm điểm bản thân thì thấy hã còn nhiều sai lầm, hoặc thấy điều thiện mà chẳng dũng mãnh thực hiện, hoặc cứu người khác mà tâm thường tự nghi. Hoặc thân gắng sức làm lành mà nói năng có lầm lỗi. Hoặc lúc tỉnh thì hành trì, sau khi đã say bèn buông lung. Do có lỗi mà công bị giảm, hằng ngày thường phí uổng. Phát nguyện từ năm Kỷ Ty cho đến năm Kỷ Mão, trải hơn mười năm, ba ngàn thiện hạnh mới hoàn tất, bèn khởi nguyện cầu con, cũng hứa làm ba ngàn việc thiện. Năm Tân Ty sanh con trai tên là Thiên Khải.

Ta làm mỗi chuyện đều ghi lại. Mẹ ngươi⁵⁴ chẳng

54 Ông Viên Liễu Phàm viết sách này nhằm răn dạy con, nên dùng chữ “mẹ ngươi” (nhữ mẫu) ở đây. Vợ ông Viên không biết chữ, nên không thể ghi chép. Hai vợ chồng đều tận lực hành thiện.

biết viết, mỗi lần làm một chuyện tốt lành bèn dùng bút lông ngỗng khoanh một chấm son trên nhật lịch. Hoặc là bố thí người nghèo, hoặc phóng sanh. Mỗi ngày có đến mười mấy cái khoanh tròn. Tới tháng 8 năm Quý Mùi, con số ba ngàn đã mãn, tức là chín tháng mười ba ngày. Lại bắt đầu nguyện đồ tiến sĩ, hứa làm một vạn điều thiện sự. Năm Bính Tuất thi đỗ, được bổ làm tri huyện Bảo Trì. Ta để một quyển sách toàn giấy trắng, đặt tên là Trị Tâm Biên. Sáng thức dậy ra công đường, gia nhân đem sách giao cho các nha lại đặt ở trên bàn. Những việc thiện ác đã làm ắt đều ghi chép tường tận trong ấy. Đến đêm kê bàn trong sân, bắt chước Triệu Duyệt Đạo dâng hương thưa trình với Thượng đế. Mẹ người thấy những việc đã làm chẳng nhiều, nhân nhớ bảo: “Trước kia ông ở nhà, có thể giúp ông làm lành, vì thế hoàn tất con số ba ngàn. Nay hứa làm một vạn, trong nha môn vô sự thì mới có thể làm, đến chừng nào mới viên mãn đây?” Ban đêm, chợt mộng thấy một vị thần, ta thưa nguyên cớ khiến cho thiện sự khó thể hoàn tất. Thần bảo: “Chỉ do một chuyện giảm thuế, vạn hạnh sẽ đều hoàn tất”. Ấy là vì ruộng ở Bảo Trì, mỗi mẫu phải đóng thuế hai cắc ba ly bảy hào. Ta quyết định giảm xuống một cắc bốn ly sáu hào.

Tuy làm việc này, tâm vẫn nghi hoặc. Vừa khéo có thiền sư Huyền Dur từ Ngũ Đài tới, ta kể lại giấc mộng ấy, cũng như hỏi chuyện này có đáng tin hay chẳng?

Sư dạy: “Cái tâm ấy chân thật thiết tha, tức là làm một chuyện có thể coi như một vạn điều thiện. Huống hồ giảm thuế cả huyện, vạn dân được hưởng phước ư?” Ta bèn quyên tặng tiền lương, cậy sư đem về núi Ngũ Đài cúng trai tăng một vạn người để hồi hướng. Cụ Khổng tiên đoán ta lúc năm mươi ba tuổi sẽ gặp hạn, ta chưa từng mong sống thọ, nhưng suốt năm ấy chẳng sao cả! Nay đã sáu mươi chín tuổi rồi.

Kinh Thư nói: “*Thiên nan kham, mạng mị thường*” (Mạng trời khó tin chắc, vận mạng chẳng thường hằng). Lại nói: “*Duy mạng bất ư thường*” (Chỉ có mạng là chẳng thường hằng), đều chẳng phải là những lời đối trá! Do vậy, ta bèn biết: Nếu nói đến họa phước, không gì chẳng phải là do tự mình cầu. Thánh hiền dạy như thế đó. Nếu bảo “họa phước chỉ do trời định” thì chính là luận điệu của thế tục! Chẳng biết mạng của người sẽ như thế nào. Dẫu người đang lúc vinh hiển, hãy thường nghĩ chính mình chẳng đặc chí. Dẫu đang gặp lúc thuận lợi, hãy nghĩ đang gặp cảnh khó khăn. Dẫu trước mắt no đủ, hãy thường nghĩ là nghèo túng. Dẫu được người ta yêu kính, thường nghĩ là kính sợ. Dẫu gia thế sang cả, thường nghĩ là thấp hèn. Dẫu học vấn khá giỏi, thường nghĩ chính mình tri kiến hẹp kém. Xa là mong làm rạng rỡ đức hạnh của tổ tiên, gần là mong che lấp tội khiên của cha mẹ. Trên là mong báo ân đất nước, dưới là nghĩ tạo phước cho gia đình.

Ngoài là nghĩ giúp đỡ người khác trong cơn túng ngặt, trong thì nghĩ giảm bớt những thói tà vạy của chính mình. Hằng ngày biết mình sai quấy, hằng ngày sửa lỗi. Ngày nào chẳng biết lỗi quấy tức là ngày ấy tự cho mình là đúng. Ngày nào không có lỗi để sửa tức là ngày ấy chẳng thể tiến bộ. Kẻ thông minh, tài năng trong thiên hạ chẳng ít, do vì chẳng gắng tu đức mà tài năng chẳng thể thêm rộng! Chỉ vì hai chữ “chân chừ” mà lỡ làng cả đời. Thuyết lập mạng do thiền sư Vân Cốc truyền dạy chính là lý tinh thuần tốt bậc, sâu xa tốt bậc, chân chánh tốt bậc. Hãy nghiên ngẫm kỹ càng, gắng sức thực hiện, đừng ruồng rẫy chính mình!”

Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình.

善惡之報。如影隨形。

Thiện báo, ác báo, như bóng theo hình.

“Thiện ác” là nói đến lòng người. “Báo” là nói tới thiên lý. Hình ngay bóng sẽ ngay, hình lệch bóng sẽ lệch. Nói chung là chẳng sai sẩy mảy may! Nhân lành quả sẽ vui, nhân ác quả sẽ khổ. Thánh nhân dạy rất tường tận, hiềm rằng kẻ ngu chẳng tin. Do vậy bèn trái nghịch điều lành, hướng theo điều ác. Đó là vì thấy người trong đời này, người lành có kẻ gặp cảnh gieo neo, kẻ ác lại sống thọ, chết an lành, các thứ hứng chịu trong đời này đủ mọi thứ khác nhau, bèn bảo: “Có điều thiện lẽ ác chẳng có báo ứng! Dường như nhân quả

chẳng đáng để tin tưởng vậy!” Nào có biết người trong cõi đời có vô số lần trăm năm, trời hãy còn những bản án chưa kết thúc! Kẻ thuần thiện, thuần ác hiếm hoi, căn cơ có thể là thiện hay ác tùy theo sự giáo huấn là dễ thành tựu viên mãn nhất⁵⁵. Niệm có chuyển dời, để luận định về báo ứng thì hãy nên chiêm chước, [bởi lẽ tùy theo cái nhân chín muồi như thế nào mà] sẽ báo ứng ở nơi thân mình, hoặc nơi con cháu, hoặc trong đời này, hoặc trong thân sau. Lớn nhỏ, chậm nhanh, biến hóa, đổi dời, chẳng sai chạy mảy may! Tục ngữ có câu: “Thiện ác rốt ráo rồi đều có báo, chỉ là sớm muộn khác nhau thôi”. Đừng luận định báo ứng dựa theo những chuyện xảy ra trước mắt, hãy nên xem xét rốt ráo. Há có bao giờ báo ứng chẳng như bóng theo hình ư?

Theo cách nói nhân quả thông khắp ba đời trong kinh Phật, chúng sanh tạo nghiệp, sẽ có ba loại báo:

- 1) Một là hiện báo, hứng chịu trong đời này.
- 2) Hai là sanh báo, hứng chịu trong đời thứ hai.
- 3) Ba là hậu báo, hứng chịu trong đời thứ ba và mười, trăm, ngàn, vạn đời sau nữa.

Vì vậy trong cõi đời, kẻ làm lành mắc họa là do sự ác trong đời trước đã chín muồi. Kẻ làm ác được phước

55 Nguyên văn “khả thiện, khả ác chi cơ tối viên mãn”. Chúng tôi dịch câu này theo sự diễn giải của pháp sư Định Hoằng.

là do điều thiện trong đời trước chín muôi.

Trong phước có họa, trong họa có phước, chẳng phải là thuần thiện, thuần ác! Thoạt đầu là phước, cuối cùng là họa, chính là vì thiện tâm lui sụt. Thoạt đầu là họa, cuối cùng là phước, là do ác tâm mà hối cải. Khổ và lạc chẳng đời đổi, chính là *hiển trực báo* (顯直報, báo ứng rõ rệt, trực tiếp). Tai ương và cát tường cùng xuất hiện tức là *ẩn xảo báo* (隱巧報, báo ứng ẩn kín, khéo léo)⁵⁶, cũng có trường hợp do có đức ẩn giấu, hay lầm lỗi ẩn giấu mà có báo ứng. Những sự báo ứng ấy chẳng phải là do thiện hay ác trong hiện tiền như mọi người thấy biết. Loan Yểm có báo ứng tàn bạo là do Loan Thu, cái chết của Loan Doanh chính là quả báo của Loan Yểm⁵⁷. [Chỉ nhìn vào những sự kiện trước mắt,

56 Theo pháp sư Định Hoảng, ngấm ngấm làm ác, nghĩ ác, không ai nhận biết, nên gọi là ẩn. Do khéo léo giấu diếm nên không ai biết kẻ đó bề ngoài tốt đẹp, bên trong thối tha, bại hoại, cho nên gọi là xảo.

57 Câu này hơi khó hiểu nên chúng tôi mạn phép giải thích rườm rà như sau: Dòng họ Loan của nước Tấn thời Xuân Thu là dòng dõi võ tướng, lập nhiều chiến công. Đến đời Loan Thu, do công lao hiển hách, trở thành quyền thần lấn át nhà vua, Loan Thu bèn cùng với Tuân Yển và Tam Khích (Khích Chí, Khích Xu, Khích Kỳ) thao túng chánh quyền nước Tấn. Do vậy, Chi Huy Sứ Tư Đông lập mưu, giết chết Tam Khích, bắt giam Loan Thu và Tuân Yển. Tấn Lệ Công nghĩ công lao chinh chiến nhiều năm của Loan Thu nên tha chết. Lấy oán trả ân, chờ dịp vua xuất du, Loan Thu hợp binh với Tuân Yển chiếm đóng kinh thành, giết chết bọn Tư Đông, bắt giam Tấn Lệ Công (Cơ Thọ Mạn) rồi giết chết nhà vua trong ngục, lập vua mới. Con Loan Thu là Loan Yểm còn tàn bạo, hiếu sát hơn cha, chinh chiến liên miên. Đến khi con Loan Yểm là Loan Doanh lên thay cha, bố vợ của Loan Yểm là Phạm Huyền Tư vốn đã thù ghét dòng họ Loan, bèn mưu tính với con gái (mẹ ruột Loan Doanh) vu cáo Loan Doanh mưu phản, khiến Loan Doanh phải đào vong. Loan Doanh chạy sang cầu cứu vua Tề, đem

sẽ ngỡ là báo ứng] điên đảo, những trường hợp như vậy cũng nhiều! Nhưng Bạch Khởi⁵⁸ hãm hại binh lính đã quy hàng, Lý Lâm Phủ⁵⁹, Tần Cối tàn độc dân đen, chẳng phải là báo ứng có thể xong hết trong một đời.

Nói chung, đời trước hay đời này, cùng trong một đời sẽ bị người tru diệt, quỷ thần tru diệt, đau đớn như nhau, nhưng cõi đời chẳng hề nghĩ ngợi! Tuy vậy, báo ứng có bao giờ sai sót vậy thay! Thế mà vẫn có kẻ hỏi:

binh về đánh nước Tấn, thua trận, bị bắt giết. Thừa cơ, bọn Phạm Huyền Tử và Sĩ Ưng tru diệt toàn bộ gia tộc họ Loan. Họ Loan bị xóa sổ ở nước Tấn. Cả câu có ý nói: Do sự tàn bạo của Loan Thu mà sanh con cũng tàn bạo hiếu sát như Loan Yểm. Loan Thu và Loan Yểm tuy tàn bạo vẫn chết an lành, đến đời Loan Doanh, quả báo chín muồi, vợ Loan Yểm tàn nhẫn âm mưu giết con, hại chết toàn thể gia tộc nhà chồng. Đấy mới là quả báo thật sự cho Loan Thu và Loan Yểm, phí bao tâm cơ thao túng chính quyền, rớt cuộc tàn gia diệt tộc!

58 Bạch Khởi là danh tướng của nước Tần thời Chiến Quốc. Do giết nhiều người quá nên sử gọi ông ta là “nhân đồ” (tên đồ tể giết người). Bạch Khởi giỏi dùng binh. Năm 293 trước Công Nguyên, trong trận Y Khuyết, Bạch Khởi đã đánh tan liên quân Hàn và Ngụy, hạ lệnh chém chết hàng quân đến hai mươi bốn vạn người. Trong trận Yên Thành, ông đã dẫn nước sông Yên Thủy chảy vào Yên Thành, chìm chết mấy mươi vạn quân nước Sở. Trong trận Hoa Dương, Bạch Khởi đánh bại liên quân Triệu và Ngụy, giết chết mười ba vạn quân địch. Trong trận Hình Thành, ông ta hạ lệnh chém giết đến năm vạn thủ cấp. Tàn nhẫn nhất là trong trận chiến Trường Bình, sau khi đánh tan đoàn quân nước Triệu do Triệu Quát cầm đầu, bắt được bốn mươi vạn binh, Bạch Khởi sợ hàng quân sẽ thừa cơ nổi dậy, bèn sai mổ trâu nấu cỗ, ban rượu, bảo quân Triệu ăn uống no say. Sau đấy, ngầm truyền quân Tần quấn vải trắng trên đầu để nhận nhau, cứ gặp ai không có vải trắng là chặt đầu. Bốn mươi vạn hàng quân chỉ còn hai trăm bốn mươi người sống sót, bị đuổi về kinh đô nước Triệu.

59 Lý Lâm Phủ là Thừa tướng đời Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng), miệng ngọt ngào, lòng dạ rắn rết, hãm hại trung thần. Theo ghi chép, mỗi lần bàn về chánh sự, ông ta nói năng như kẻ ngọc, người say, nhưng thích nói không ngừng. Hấn khéo nịnh nọt, bợ đỡ nên rất được Hoàng đế tín nhiệm. Do vậy, hấn đã gây nên biến loạn An Lộc Sơn.

“Bậc vương giả⁶⁰ phô bày điều thiện, ghét điều ác, há nên lải nhải vấn đề này, nếu thiện ác báo ứng là có thật thì sao trời không lập tức thực hiện sự báo ứng khiến cho con người cảnh tỉnh, kính sợ, mà cứ thông thả như thế?” Đấy là vì kẻ ấy nào có biết, nếu vương pháp⁶¹ có sơ sót, đạo trời ắt chẳng lơ là, sai lầm! Hơn nữa, bậc vương giả chẳng nỡ lòng nên ắt sẽ xót thương bảo toàn. Lòng trời nhân từ tội bậc, thường dung thứ kẻ biết hối hận vì trót gây họa. Cổ nhân xưng tụng: “Ông trời có lòng nhân nại cao nhất, con người cũng nên có lòng kiên nhẫn!” Ví như mắc nợ, mai sau phải trả nợ, nhưng có kỳ hạn năm tháng sai khác. Một đời, hai đời, cho đến ba, bốn, năm đời cũng là con số to lớn trong thời hạn phải đền trả của trời đất. Hễ báo ứng chậm ắt sẽ phải trả tiền lãi gấp bội! Hơn nữa, con người thấy như vậy là xa xôi, chứ trời thấy chỉ là chuyện xảy ra trong sáng tối! Do vậy nói: “Tạo tác thiện thiện ác ác, báo ứng như bóng theo hình, đừng nói là tạo ác chẳng báo! Chờ cho đến khi điều ác tràn ngập rồi sẽ báo ứng. Chớ bảo tu điều thiện chẳng ứng, chờ cho đến khi thiện quả viên thành”.

60 Theo pháp sư Định Hoàng, chữ “vương giả” ở đây phải hiểu là bậc thánh vương, thánh quân.

61 “Vương pháp” ở đây không có nghĩa là “pháp luật của vua” như trong cách hiểu thông thường, mà là pháp tắc cai trị bằng lòng nhân từ, chủ yếu dùng các biện pháp cảm hóa dân chúng khiến cho họ sống đạo đức, an ổn. Có thể hiểu “vương pháp” là cách cai trị của các vị thánh quân như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, khác với “bá nghiệp” là dùng những thủ đoạn chính trị hà khắc, các mảnh khoe để làm suy yếu các quốc gia lân cận ngõ hầu chính mình hùng mạnh, thống trị kẻ khác.

Lại nói: “Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn tự chịu”. Do vậy biết sự khổ lạc trong tam giới, thăng trầm trong lục đạo, đều ngộ là do tự tâm chiêu cảm. Khó trốn thoát lưới trời, dẫu lầm lạc sanh lòng mong trốn tránh sẽ như giữa đường gặp mưa, nhìn bốn phía đều ướt nhep, mờ mịt chẳng có chỗ ẩn náu! Nhưng người đời chẳng ngộ, cứ bỏ mặc đó chẳng xét. Do báo lâu xa cho nên chẳng thấy kịp, còn như những điều có thể thấy chính là những cảnh thuận nghịch thông thường, nhưng đều bị coi thường chẳng nhận biết. Còn đối với những chuyện “thuận theo đạo nghĩa dẫn tới điều tốt lành, trái nghịch đạo nghĩa dẫn tới sự hung hiểm” to lớn đáng tin, lại viện dẫn những chuyện dường như chẳng hoàn toàn ứng nghiệm trong lẽ báo ứng để tự huyễn hoặc, tự nghi ngờ, chìm đắm, do dự chẳng tỉnh ra. Nếu như từng trải đã lâu, bỗng sanh giác ngộ, nhưng người đã già, thói quen đã tập thành khó thể sửa đổi, thế mà đang độ tuổi trẻ trung, hào khí hùng hực lại chẳng tin tưởng. Đây chính là lý do khiến cho cõi đời này lắm kẻ lạc nẻo, buồn thay!

Đời Thanh, Hoàng Vĩnh Tước ở Sùng Minh được thầy bói đoán quyết ông ta chẳng có con, chỉ thọ sáu mươi tuổi. Về sau, có một chiếc thuyền ở Nam Dương gặp gió sắp bị lật, họ Hoàng vội bỏ ra mười lạng bạc thuê thuyền đánh cá ra cứu. Mười ba mạng đều sống

sót. Gặp lại thầy bói, ông ta kinh hãi bảo: “Mặt ông toàn là nét âm chất, ắt có đức dày. Không chỉ là sẽ có con, mà còn đỗ trạng nguyên, và cũng được thượng thọ”. Về sau quả nhiên sanh con trai, đặt tên là Chấn Phương. Đỗ đầu khoa thi Hội năm Kỷ Mùi (1679) đòi Khang Hy, thọ chín mươi mấy tuổi, chết an lành. Đạo trời đáng tin cậy dường ấy, sao con người chẳng bỏ ác làm lành vậy?

Đồ Phan Kỳ ở Tú Thủy, làm nhiều chuyện bất nghĩa, xúi người khác kiện cáo để đoạt tài vật của họ, gian dâm vợ con kẻ khác. Gặp chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt bèn oán hận chửi bới trời, thần. Bỗng chết đi, qua một đêm bèn tỉnh lại, gọi vợ kêu mọi người đến bảo: “Diêm vương bảo người chết chịu báo, kẻ sống chẳng biết. Kẻ thọ báo chịu khổ, kẻ tạo tác vẫn đắc chí, thật đáng buồn đau! Nay Phan Kỳ tội ác cùng cực, mượn nó để chỉ báo muôn người”. Thế rồi vung dao tự cắt đứt dương vật nói: “Đây là quả báo dâm tà”. Tự khoét mắt bảo: “Đây là báo ứng vì đã giận dữ nhìn tiên, Phật, cha mẹ và chúng sanh”. Tự chặt tay nói: “Đây là quả báo vì đã mổ xẻ sanh linh”. Mổ bụng lôi tim ra nói: “Đây là quả báo vì âm hiểm, tàn nhẫn hãm hại”. Cắt lưỡi nói: “Đây là quả báo của lừa dối, nguyên rửa, chửi bới quàng xiên”. Xa gần trông thấy truyền tụng, ai cũng kinh sợ. Phan Kỳ quần quai sáu ngày, thân thể không còn miếng da nào lành lặn mà chết. Tự làm tự chịu,

nhanh chóng ngân ăy. Miếu Đông Nhạc có một cặp câu đối: “*Dương thế gian hùng, nhẫ tâm hại lý giai do kỷ. Âm ty báo ứng, cổ vẫ kim lai phóng quá thùy?*” (Lúc sống gian hùng, nhẫ tâm trái lý do mình tạo, côi âm báo ứng, xưa qua nay lại sót ai đâu?) Có sao con người đã biết rõ mà vẫn cố phạm, tạo khổ vô cùng? Xin hãy mạnh mẽ cảnh tỉnh, sám hối, ai nấy sớm quay đầu. Theo gió lướt sóng cầm chắc lái, bên bờ vực thẳm gấp gò cương, ắt sẽ đều cùng thoát khỏi cửa ả tai họa, cùng bước lên đường phước.

Đời Tống, Tào Bân trung thành thờ vua, giữ phận khiêm cung, chẳng tranh giành tài vật, chẳng ban ơn riêng tư cho ai. Ông giúp đỡ kẻ thiếu thốn, hoặc lâm vào đường cùng, chu cấp kẻ góa bụa, mừng hay giận chẳng để lộ, phú quý mà chẳng kiêu căng. Dẫn quân đi chinh phạt chưa hề giết chóc bừa bãi. Khi đánh chiếm Thành Đô⁶², bắt được phụ nữ, đều đem họ nhốt kín trong một ngôi nhà, khoét lỗ để đưa đồ ăn vào. Lại căn dặn người chung quanh: “Dành để dâng lên trên, hãy nên bảo vệ nghiêm ngặt”. Xong việc, tìm kiếm người thân để trả họ về. Kẻ nào không có thân thích bèn sắm sửa đầy đủ

62 Thành Đô là tỉnh lỵ tỉnh Tứ Xuyên, đây chính là kinh đô của nước Cổ Thục thời Chiến Quốc, và cũng là kinh đô của nhà Thục Hán khi Lưu Bị làm vua xứ Quan Trung. Vào thời Ngũ Đại, nơi này trở thành kinh đô của nhà Tiền Thục (còn gọi là Vương Thục, do Tây Xuyên Tiết Độ Sứ Vương Kiến sáng lập, tồn tại mười tám năm) và Hậu Thục (934-965, còn gọi là Mạnh Thục, do Mạnh Hòa Tường sáng lập).

lễ vật để gả đi. Khi ông Tào đánh hạ thành Kim Lăng, trước đó bèn thấp hương thề với mọi người: “Chẳng giết bậy một ai!” Trước sau toàn thể những người được sống sót chẳng thể tính rõ số. Những chuyện khác như bỏ oán riêng mà gỡ tội cho Triệu Xương Ngôn, nói gièm bản thân để cứu Vương Toàn Bản, hoãn chuyện xử phạt viên nha lại mới cưới dâu⁶³, chẳng kinh động những loài tiểu trùng ngũ đông, đều là những chuyện đức dày. Con ông ta là Vĩ, Tông, Xán, đều lần lượt lãnh tiết việt, một người con khác tên là Kỷ được phong tước vương, sanh con gái là Quang Hiến Thái Hậu, con cháu hưng thịnh khôn sánh.

63 Triệu Xương Ngôn có lần dâng sớ đàn hạch lên Tống Thái Tổ, kết án Tào Bản không chú trọng giữ kỷ cương trong quân đội, dung túng thuộc hạ, đòi triều đình phán tội chết cho Tào Bản. Tuy nhà vua không nghe theo, nhưng Triệu Xương Ngôn đã trở thành cừ nhân của Tào Bản. Đến khi Xương Ngôn bị kẻ khác vu cáo, muốn xin diện kiến Hoàng đế để kêu oan, Hoàng đế từ chối không gặp, Tào Bản đã van xin nhà vua cho Xương Ngôn có cơ hội gặp mặt thưa rõ chuyện. Nhờ đó, Xương Ngôn thoát tội chết.

Vương Toàn Bản là một vị tướng khác, có tài cầm quân, nhưng tính tình tàn nhẫn, dung túng thuộc hạ thả sức cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc mỗi khi chiến thắng địch quân. Vì thế, quân địch thù hận, không chịu hàng. Sau khi bình định xong trận phản loạn ở Tứ Xuyên, triều đình bàn định ban thưởng cho Tào Bản, trị tội Vương Toàn Bản vì những hành vi của ông ta khiến cho địch quân nhất quyết liều chết khiến cho cuộc phản loạn cứ dây dưa kéo dài. Tào Bản tâu: “Tướng sĩ chinh Tây đều bị tội, sao thần riêng được thưởng ư?” Ông kiên quyết từ chối nhận thưởng, triều đình bèn thôi không truy cứu tội của Vương Toàn Bản.

Khi Tào Bản làm quan ở Từ Châu, có một nha lại phạm tội, phải chịu hình phạt đánh trượng. Ông đã quyết định hoãn lại, chờ hôm sau mới hành hình. Người khác hỏi nguyên do, ông bảo: “Nó mới làm đám cưới cho con trai, ngay hôm rước dâu mà bố chồng bị đòn, người ta sẽ nghĩ là điềm bất tường”.

Lại như Tào Hàn hạ thành Giang Châu, giận dữ vì dân chúng trong thành chống cự lâu ngày bèn giết sạch. Tào Hàn chết đi chưa đầy ba mươi năm, con cháu có đứa đi ăn mày! Tuy hai vị tướng thành công như nhau, nhưng do dụng tâm khác biệt, cũng vì đó mà trời báo đền sai khác. Để mong hậu duệ hưng thịnh, trước hết phải khởi đầu bằng giữ cho cái tâm chánh đáng. Tư Mã Ôn Công⁶⁴ nói: “Chứa vàng để lại cho con cháu, chưa chắc con cháu đã có thể giữ được. Chứa sách để lại cho con cháu, chưa chắc con cháu đã đọc được. Chẳng bằng tích âm đức trong chốn âm thầm, con cháu ắt có thể hưởng báo”.

Ông Phan Tùng Tiên nói: Tôi có một người bạn tên là Nguyễn Kiến Điền, thấy đồ tể mổ một con lợn, trên da nó có ba chữ “*Tân Bạch Khởi*” (Bạch Khởi đời Tân). Đây là hấn trâm luân trong ngạ quỷ, địa ngục, ngẫu nhiên làm lợn ở một nơi để tỏ rõ nghiệp báo. Hơn một ngàn năm qua, ngoại trừ thọ sanh bị giết mổ, ắt phải chịu đặng không dứt nỗi khổ nơi núi đao, rừng

64 Tư Mã Ôn Công chính là Tư Mã Quang (1019-1086), tự Quân Thật, hiệu Vu Tẩu, người huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Tây. Ông làm quan từ thời Tống Nhân Tông, kịch liệt chống những cải cách mang tính cách cấp tiến đầy phiêu lưu của Vương An Thạch. Ông giữ nhiều chức vụ thời Tống Nhân Tông, Tống Anh Tông, Tống Thần Tông và được các Hoàng đế hết sức coi trọng vì lòng trung thành và sự tận tụy. Ông làm Thừa tướng đời Tống Triết Tông khi đã quá cao tuổi. Công trình lớn nhất và giá trị nhất của ông là bộ sử Tư Trị Thông Giám. Khi ông mất, đã được truy tặng chức Thái sư ôn quốc công, thụy hiệu là Văn Chánh, bia mộ được đề tặng Tinh Trung Túy Đức.

kiếm. Chẳng biết đến năm nào, mới có thể kết thúc vụ án Trường Bình⁶⁵. Lại có một con trâu cày bị sét đánh chết. Một nho sĩ đi qua nói: *“Nhân gian ác nghiệt chẳng trừ, trên đồng sét đánh trâu cày chết tươi”*. Nói xong sét lại đánh tung con trâu, da trâu bị nứt ra, hiện chữ: *“Đây là Lý Lâm Phủ đời Đường, ba đời làm gái điếm, bảy đời làm trâu, đến nay là hết”*. Suy ra, đấy chính là phải chịu báo trong đời hiện tại, tính đại lược đã hơn ba trăm năm. Ngoài ra còn phải chịu hình phạt nghiêm ngặt khổ sở tột cùng trong chốn âm phủ chẳng sót ngày nào! Mong được tạm ngưng thọ khổ trong địa ngục để làm gái điếm hoặc trâu cày vẫn là quá sức tuyệt diệu! Ác nghiệp khó trốn khỏi lưới trời! Cố nhiên là như thế đó.

Thị dĩ thiên địa hữu tư quá chi thân, y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán.

是以天地有司過之神。依人所犯輕重。以奪人算。

Do vậy, trời đất có thần trông coi tội lỗi của con người, tùy thuộc con người phạm tội nặng hay nhẹ mà giảm thọ của họ.

Câu này cho tới *“toán tận tắc tử”* (tuổi thọ đã hết sẽ chết) là một đoạn. Ý nói trong đời mỗi người, ngày đêm mỗi thời khắc, trên dưới, bốn phía đều có quỷ thần giám sát. Trời thì có Tam quan, Ngũ đế, trăm

65 Trong trận chiến Trường Bình, Bạch Khởi đã giết chết bốn mươi vạn quân ra hàng.

thần, các vị có chức trách⁶⁶. Đất có Ngũ nhạc, Tứ độc, Thành hoàng, Lý xã⁶⁷. Lại có Cử Ý ty, chuyên chủ quản những ý niệm thiện ác dấy lên của con người. Những vị ấy đều là “*tư quá chi thân*” (thần trông coi tội lỗi). “Phạm” (犯) là chính mình tự chuốc lấy, “đoạt” (奪) là trừ bớt, “toán” (算) là một trăm ngày.

Lòng trời nhân ái, muốn cho con người dẫu ở một mình⁶⁸ vẫn bỏ ác làm lành, cho nên có những vị thần

66 Tam quan (gọi đủ là Tam Quan Đại Đế, hoặc Tam Nguyên Đại Đế), tức là Thiên Quan (Thượng Nguyên Nhất Phẩm Cửu Khí Tứ Phước Thiên Quang Diêu Linh Nguyên Dương Đại Đế Tử Vi Đế Quân), Địa Quan (Trung Nguyên Nhị Phẩm Thất Khí Xá Tội Địa Quan Động Linh Thanh Hư Đại Đế Thanh Linh Đế Quân) và Thủy Quan (Hạ Nguyên Tam Phẩm Ngũ Khí Thủy Quan Kim Linh Động Âm Đại Đế Dương Cốc Đế Quân). Ba vị này trông coi trời, đất và biển cả. Ngày vía của ba vị này tương ứng với ba ngày rằm lớn, tức Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Bảy và Rằm tháng Mười. Từ danh hiệu của các vị này mà người ta hay gọi là Lễ Thượng Nguyên (đọc trại thành Thượng Nguyên). Đạo giáo lại nói ba vị này do Tam Thanh hóa ra, chẳng hạn Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn (Lão Tử) hóa thành Thủy Quan.

Ngũ đế chính là Ngũ Phương Thượng Đế, tức là năm vị thiên thần cai quản năm phương, chia thành Thượng Thiên Ngũ Đế (Đông Phương Thanh Đế Thái Hạo, Nam Phương Xích Đế Viêm Đế, Tây Phương Bạch Đế Thiếu Hạo, Bắc Phương Huyền Đế Chuyên Húc, và Trung Ương Hoàng Đế Hiến Viên). Hậu Thiên Ngũ Đế chính là hóa thân của các vị này trên thế gian, gồm có Phục Hy, Viêm Đế (Thần Nông), Hoàng Đế, Thiếu Hạo và Chuyên Húc.

67 Ngũ nhạc (五嶽) là Đông Nhạc Thái Sơn, Nam Nhạc Hành Sơn, Tây Nhạc Hoa Sơn, Bắc Nhạc Hằng Sơn và Trung Nhạc Tung Sơn. Theo Đạo giáo, các vị thần núi này đều được gọi là Đại Đế, cai quản các vị thành hoàng trong thiên hạ. Riêng Đông Nhạc Đại Đế cai quản sanh tử.

Tứ độc (四瀆) là Trường Giang (sông Dương Tử), Hoàng Hà, Hoài Hà và Tế Thủy, bốn vị thủy thần. Đồi Đường, Hoài Hà được gọi là Đông Độc, Trường Giang là Nam Độc, Hoàng Hà là Tây Độc, Tế Thủy là Bắc Độc.

Lý xã (里社) chính là thần thổ địa.

68 Nguyên văn “ngô tâm độc tri chi địa” (nơi chỉ có một mình tâm ta biết),

trông coi tội lỗi, dò xét những lỗi con người đã phạm, cân nhắc nặng nhẹ để trừ bớt tuổi thọ. Vì thế nói: “*Nhân gian tư ngữ, thiên văn nhược lô. Âm thất khuy tâm, thần mục như điện*” (Những lời nói riêng tư trong nhân gian, trời nghe vang như sấm. Chuyện do thiếu cẩn trọng mà làm trong phòng kín, mắt thần như chớp). Trong kinh Thi và kinh Thư cũng nói: “*Thuợng đế lâm nhữ, nhật giám tại tiên*” (Thuợng đế giáng xuống nơi người, hằng ngày soi xét trước mặt), “*thập mục, thập thủ, thần chi thính chi*” (mười mắt, mười tay, thần luôn nghe thấy), tức là khi ta ở chỗ chỉ riêng ta biết, chính là lúc luôn có đông đảo quỷ thần rành rành xếp hàng nghiêm ngặt giám sát. Đấy chính là lý “trời người hợp nhất” vậy!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Mỗi người sanh ra đều có hai vị trời đi theo, một vị tên là Đồng Sanh, vị thứ hai là Đồng Danh. Trời thường thấy người, người chẳng thấy trời”. Đấy chính thiện ác nhị bộ đồng tử. Hằng ngày con người trong mười hai thời, đối với những chỗ dấy ý, thốt lời, cất bước, gặp vật, ứng duyên hãy thường nghĩ tới hai vị trời ấy, chớ để cho ác niệm tiếp tục. Lỡ có dấy lên một ác niệm hãy gấp rút phấn chấn tinh thần xoay chuyển nó lại, khắc phục những tập khí, thói xấu của chính mình, cần phải thực hiện từ chỗ khó thể khắc chế, mãi cho đến khi thấu đáo tội cùng chỗ ý niệm dấy lên, diệt mất, vậy thì vô biên nghiệp chướng

tức là ở chỗ chỉ có một mình ta, không ai biết ta đang làm gì.

sẽ ngay lập tức thanh tịnh, lặng trong như thái hư! Như thế thì cái quyền giảm thọ thuộc về ta, quý thần chẳng thể thao túng được, còn có chuyện những vị thần trông coi tội lỗi trừ tuổi thọ để nói nữa ư?

Đời Minh, Vương Dụng Dư ở Nghi Châu làm người trung hậu, ôn trọng, đơn giản, trầm lặng. Chuyên thờ phụng Văn Xương kính cẩn nhất, kết Văn Xương Xã⁶⁹ trong làng. Ngày Nguyên Đán mỗi năm thay phiên nhau lập đàn cúng tế tại hành cung của Văn Xương Đế Quân trên đỉnh núi Vân Trung. Trong Văn Xương Xã có ông Du Lâm, được khen ngợi là hiếu thảo, cẩn trọng. Xa gần đều cấp tráp theo về. Lại có ông Úc Tùng Châu phong thái cao cả, khí độ rộng rãi, nghị luận hùng hồn, nhắc bút liền viết ra ngàn chữ. Người trong làng tôn sùng, kính phục hai ông ấy. Ngày Nguyên Đán năm Tân Dậu (1441) trong niên hiệu Chánh Thống, Dụng Dư đến miếu trước, ngủ lại một đêm, mộng thấy Đế Quân thẳng điện. Các vị thành hoàng trong thiên hạ nhóm lại tâu trình danh sách những người sẽ đỗ trong khoa thi Hương. Một vị thần mặc triều phục màu đỏ ôm một ống danh sách to để dâng lên cho Đế Quân ký duyệt. Dụng Dư hỏi vị thần ôm danh sách:

- Trong danh sách đỗ đạt của tỉnh này, có tên Vương Dụng Dư, Du Lâm, Úc Tùng Châu hay không?

69 Văn Xương Xã là tổ chức của những người cùng tu theo Văn Xương Âm Chất Văn.

Đáp:

- Không.

Chốc lát, các vị thần Thành Hoàng lui ra, vị thần mặc triều phục màu đỏ ôm danh sách vào điện, quỳ trước án trình lên. Đế Quân nhất nhất phê duyệt. Dưới mỗi tên trong danh sách ngài đều ký duyệt, cũng có lúc do dự chẳng hạ bút. Một lúc thật lâu sau, vị thần mặc triều phục màu đỏ phát danh sách, tuyên chỉ dụ:

- Giao cho thành hoàng các tỉnh, mau tra cứu âm đức của mọi nhà, xem nhà nào có con nhân đức, trung hậu, hãy báo danh để thay vào những tên không được phê duyệt trong danh sách.

Dụng Dư ẩn mình dưới cột, chột nghe trong điện truyền ra tiếng hô "*Vương Dụng Dư vào điện diện kiến*". Dụng Dư phủ phục dưới thềm, được gọi đến trước án. Đế Quân bảo:

- Chuyện công danh là chuyện được ghi chép bí mật của thiên tào, chẳng thể dễ dãi tiết lộ. Do người chí thành mười mấy năm như một ngày. Vì thế, vời người tới đây để phân tích cho người biết rõ. Ông nội người hết sức chất phác, cẩn trọng, tay làm hàm nhai, chưa từng thiếu nợ ai. Đã ghi tên người đậu khoa thi Hương trong danh sách trước (thượng bảng), hòng tỏ rõ sự báo ứng cho dòng dõi trung hậu. Do người thường gặp

thần, Phật bèn cúi đầu, nhưng thăm cầu được công danh như ý và cầu cho vợ là Dương Thị được lành bệnh, sống với nhau đến già. Mẹ góa của người vẫn còn sống, thế mà trọn chẳng có một câu cầu nguyện cho mẹ. Do vậy, giáng người đỗ chậm hai khoa, đỗ thứ năm mươi ba trong hạ bảng. Người hãy nên sửa đổi, đừng làm mất lòng trời nữa!

Dụng Dư khấu đầu tạ tội. Đế Quân lại bảo:

- Chu Cát là người cùng Văn Xương Xã sẽ đậu giải nguyên của tỉnh này.

Khi ấy, trong Văn Xương Xã chỉ có Chu Cát là người nhũn nhặn nhất, văn chương lại chẳng hay hơn ai. Nghe xong, Dụng Dư khôn ngăn ngạc nhiên, do vậy thưa hỏi lý do vì sao ông ta đỗ giải nguyên. Đế Quân bảo:

- Cha và ông của Chu Cát đều là người có học, chưa hề viết một chữ nào thưa kiện, cũng chẳng gian dân phụ nữ nào, suốt cả ba đời đều là như vậy, chưa hề phô bày sự kém cỏi của kẻ khác, chưa hề bộc lộ một điều ác của kẻ khác. Hơn nữa, ông cố của Chu Cát còn vẽ Bách Nhân Đồ để khuyên kẻ khác, người được cảm hóa đông lắm. Vì thế cha con, ông cháu đều có nền tảng phước giản dị, an tĩnh hơn sáu mươi năm, âm đức cao nhất nhưng mọi người đều không biết. Thượng đế ban thưởng cho hưng thịnh cả ba đời. Nay Chu Cát

đỗ giải nguyên, chính là khởi đầu của phước trạch đặc biệt vậy.

Dụng Dư lại dập đầu thưa:

- Con chưa rõ người cùng Văn Xương Xã là Du Lâm và Úc Tùng Châu có đỗ đạt hay không?

Đế Quân kiểm lại danh sách sĩ tử của Thái Nguyên, lộ vẻ không vui nói:

- Du Lâm đáng lẽ thi đậu, nhưng vì thờ mẹ bề ngoài hiếu thảo mà trong bụng ngầm phỉ báng, lại còn luận định người khác cay nghiệt, chẳng biết thông cảm, lại còn xằng bậy tự coi mình là bậc quân tử! Vì thế đánh hỏng khoa này, khiến cho hấn suốt đời lêu bêu trong phường tú tài mà thôi!

Dụng Dư thưa hỏi:

- Trong bụng phỉ báng là sao ạ?

Đế Quân dạy:

- Đối với ngôn ngữ, hành vi của cha mẹ, trong lòng hấn đều coi chẳng ra gì, chỉ miễn cưỡng giấu diếm thanh sắc, vờ vịt thuận theo, ngày càng lìa khỏi chân tánh, ngày càng trở thành hư ngụy, xem cha mẹ như kẻ qua đường. Hạnh hư giả, trộm danh khiến thần giận nhất, vì thế trừng phạt hấn. Còn như Úc Tùng Châu, bẩm sinh có tài lạ, lẽ ra hai mươi sáu tuổi đỗ tiến sĩ,

ba mươi mấy tuổi lẽ ra được thăng quan thành Trung thừa⁷⁰. Bốn mươi lăm tuổi được bổ làm Đại tư không, kiêm lãnh các ấn Tư nông, Tư khấu⁷¹. Năm mươi bốn tuổi lãnh chức Thiếu bảo⁷² về hưu. Tới sáu mươi chín tuổi bèn qua đời an lành. Chỉ vì kể từ mười bảy tuổi, khi được dự vào hàng chư sanh, cậy tài khinh người, châm biếm, bỡn cợt, lời lẽ phần nhiều là ngọt ngào giả dối, nhưng chuyên môn đá đếu. Minh ty đã chép lỗi ăn nói khinh bạc của hắn đến hơn hai ngàn bốn trăm bảy mươi điều. Thượng đế tức giận, ghi tên hắn vào sổ những kẻ có điều ác ngấm ngấm, trừ sạch tất cả công danh. Nếu chẳng biết hối lỗi, khi đã vượt hơn ba ngàn điều sẽ đoạt mất tuổi thọ, ghi tên con cháu hắn vào sổ ăn mày. Tôn thương sự hòa khí của trời đất, phạm điều cấm kỵ của thần minh không gì quá đáng hơn chuyện này! Do vậy, tội này giống như sát sanh, tà dâm v.v...

70 Trung thừa có thể là Điện Trung thừa tức điện trung tỉnh thừa chăm lo việc hậu cần cho triều đình, tức là sắp xếp những tạp vụ cho các buổi thiết triều, hoặc lễ lạc. Hoặc là Ngự sử Trung thừa, là vị quan thuộc hạ của Ngự sử đại phu. Do đời Minh đổi Ngự sử đài thành Đô sát viện, phế bỏ chức quan này, lập ra Đô ngự sử đứng đầu Đô sát viện. Do vậy, Trung thừa chính là Phó Đô ngự sử.

71 Đại tư không là quan coi về công tác thủy lợi, kiến tạo. Đây chính là cách gọi khác của chức vị Công bộ Thượng thư. Tư khấu chuyên quản trị các hình phạt, giám sát, soạn thảo luật lệ. Đây là tên gọi khác của Hình bộ Thượng thư đời Minh. Tư nông quản lý nông nghiệp, về sau mở rộng thành quản trị thuế khóa, tài chính, quốc khố, kinh tế. Đây là tên gọi khác của Hộ bộ Thượng thư đời Minh - Thanh. Nếu như Úc Tùng Châu không phạm lỗi, sẽ trở thành một nhân vật đầy quyền thế vì đồng thời chưởng quản cả ba bộ.

72 Theo quy chế đời Minh và Thanh, Tam thái và Tam thiếu đều là các quan cố vấn của Thái tử. Thái sư dạy văn, Thái phó dạy võ, Thái bảo lo việc bảo vệ an toàn. Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo đều là các chức vị phó của Tam thái.

Các người hãy thận trọng.

Một hồi lâu sau, ngài lại dạy rằng:

- Dâm, giết, ăn nói sai lầm, dẫu bằng sợi tơ, hạt thóc đều có báo ứng, chẳng cần phải nói nữa. Nhưng đối với hai nghiệp dâm và sát, kẻ biết tự thương thân thì còn biết ngăn ngừa, tránh phạm, còn như ngoài miệng châm biếm, chê cười, mặc tình bươi móc, biếm nhẽ, ngấm ngấm ôm lòng tàn sát, hãm hại, do đã quen thói nên chẳng nhận biết được! Xét tới ngôn từ, dáng vẻ, bụng dạ, toàn là khinh bạc, quý thần ắt ghi chép, sự hung ác sẽ đưa tới. Vốn sẵn phận phước đức sâu dày, nhanh chóng đổi thành thân xác bần cùng! Đáng tiếc, đáng sợ thay! Người hãy nên khuyên rộng khắp người đời, nhìn vào gương ấy mà răn dè, chẳng phiền ta khi ký duyệt danh sách thi đậu, quá tổn công do dự.

Dụng Dư lại lạy, lui ra. Nghe tiếng chuông sớm bèn tỉnh giấc, gà đã gáy canh ba, bèn lạy tạ vung bút ghi lại. Cho đến khoa thi mùa thu, lúc yết bảng, quả nhiên Chu Cát đỗ đầu cả tỉnh. Dụng Dư do vậy công bố lời dạy ấy trong cõi đời.

Đời Tống, An thiên sư chùa Quang Hiếu, trong định thấy hai vị tăng trò chuyện. Thoạt đầu có thiên thần ủng hộ, nghe một hồi lâu sau họ bỏ đi. Trong chốc lát, có ác quỷ thóa mạ, xóa sạch dấu chân của họ. Bởi lẽ, hai vị tăng ấy thoạt đầu bàn luận Phật pháp, kế đó

kể lể con cà con kê, cuối cùng bàn luận lợi dưỡng. Đàm luận thế sự còn bị quỷ thần cáo giận, quở trách, hướng hồ người thời nay thân, khẩu, ý nghiệp không chỉ là như vậy. Chẳng bị thân giận, quở trách thì sẽ lại như thế nào đây? Cũng đáng sợ thay!

Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn.

算減則貧耗。多逢憂患。

Do tuổi thọ bị giảm, sẽ nghèo cùng, hao tổn, gặp nhiều nỗi ưu tư, hoạn nạn.

Từ chỗ này cho tới câu “toán tận tắc tử” (tuổi thọ đã hết sẽ chết) đều là những lời thành thật nói về chuyện tuổi thọ bị giảm bớt. “Bản” (貧) là không có tiền của. “Hao” (耗) là nhà cửa phá tán. “Đa phùng” (多逢) là nói kẻ bất thiện cứ thường gặp phải chuyện chẳng lành. “Ưu” (憂, ưu tư) xuất phát từ chính mình, “hoạn” (患, hoạn nạn) sanh từ bên ngoài. Ấy là vì thân trông thấy những điều dối trá, giấu diếm của kẻ bất thiện, do vậy giảm bớt tuổi thọ của kẻ đó. Vì thế, nghèo túng hao tổn, ưu tư hoạn nạn nối gót nhau xảy tới.

“Do làm lành mà được phước, do dâm dật mà mắc họa”, đó là đạo lý đã định của tạo hóa. Ai muốn tránh né điều hung, hướng về điều cát ắt phải nên hướng lành, sửa lỗi. Trước hết, phải nên đối trị cái tâm, kiểm điểm tam nghiệp của chính mình, đừng để chúng buông lung đọa trong lưới tà. Hãy nên khuyên răn lẫn

nhau, sao cho tâm và miệng của chính mình khuyên răn lẫn nhau, tâm nhắc nhở miệng rằng: “Ngươi hãy nên nói điều lành, đừng nói lời phi pháp”. Tâm lại nhắc nhở thân: “Ngươi hãy tinh tấn, đừng nên giải đãi”. Mỗi ngày, mỗi thời, mỗi khắc, mỗi niệm, cho đến trong mỗi sát-na, giả dối, trầm mặc như thế, tự chế ngự cái tâm ta, tự thận trọng miệng ta, tự đối trị cái thân ta, lâu ngày chầy tháng chẳng gián đoạn tự nhiên sẽ chẳng bị động tâm bởi ngoại cảnh. Trầm tĩnh, chẳng ham muốn thì toàn thể sẽ là lành, há đến nỗi giảm thọ, bản cùng hao tổn, ưu tư hoạn nạn ư?

Huyện lệnh huyện Phụng Phù là Tiên Nhược Ngu gian hiểm, ngoan cố, được bổ làm quan từ lúc còn trẻ. Dù đã được phái đi làm quan ở nhiều nơi, phần nhiều chẳng trọn hết nhiệm kỳ. Tuổi già càng thêm khốn khó, con cái chết lần chết mòn, áo cơm chật vật. Do vậy, cầu nguyện với thần, ông ta mộng thấy thần báo: “Ngươi do tội ác mà bị giảm thọ đến mức ấy. Hễ còn sống thì hãy còn bị khổ sở, bản cùng hao tổn!”

Từ Hạnh ở Ngô Trung, tánh tình tham lam ác độc. Thoạt đầu làm kẻ buôn dược liệu, chèn ép lừa gạt để làm giàu. Hấn ôm tiền của sang Liêu Đông để buôn nhân sâm, gặp giặc kéo tới, chịu đủ mọi nỗi kinh khủng. Trong muôn phần chắc chắn là chết, lại được sống. Về sau, lại qua huyện Đăng Lai tỉnh Sơn Đông, lại gặp phải cừu gia tố cáo hấn ta là dư đảng của Bạch

Liên Giáo, bắt giữ toan giải lên quan, phải tốn sạch tiền của mới được thoát. Cuối cùng hẳn ta lại sang Xuyên Trung buôn bán dược liệu, đến khi quay về, thuyền đi được nửa đường bỗng có thủy tặc kéo tới phải bỏ của chạy lấy người. Từ đấy trở đi gia cảnh suy sụp, buồn lo uất ức ngã bệnh mà chết.

Nhân giai ố chi.

人皆惡之。

Mọi người đều ghét.

“Ố” (惡) là ghét bỏ. Ngọc Xu Kinh⁷³ nói: “*Nhuộc nhân bất tu thiên nghiệp, thiên tất vi chi trảm thân nhiếp phách, sử chi điên đảo, nhân sở yếm ố, nhân sở hiềm hại*” (Nếu kẻ nào chẳng tu nghiệp lành, trời ắt sẽ cắt xén tinh thần, thu bót phách, khiến cho kẻ ấy điên đảo, bị người khác chán ghét, bị kẻ khác hiềm nghi làm hại). Nay ta cảm hận kẻ khác lừa dối ta, há có biết là tự đã đánh mất cơ hội phản tỉnh⁷⁴, khiến cho ta luôn chẳng

73 Ngọc Xu Kinh (玉樞經) là một quyển kinh văn của Đạo giáo, có tựa đề đầy đủ là Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn Ngọc Xu Bảo Kinh, xuất hiện từ thời Bắc Tống, có quan hệ mật thiết với cách tu lôi pháp của hai phái Bạch Ngọc Thiêm và Thần Tiêu. Trong Đạo giáo, Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn là một trong chín vị thượng đẳng thần, gọi chung là Thần Tiêu Cửu Thần Đại Đế. Phổ Hóa Thiên Tôn chưởng quản ngũ lôi, có chức trách chưởng thiên phạt ác.

74 Nguyên văn là “thiên đoạt kỳ giám” (天奪其鑒, trời đoạt mất tấm gương soi), có nghĩa bóng là “đánh mất cơ hội tự xét mình”. Thành ngữ này xuất phát từ một câu nói của Bốc Yển nước Tấn phê phán vua Quắc sau khi đánh bại rợ Nhung tại Tang Điền: “Quắc tất vong hỹ! Vong Hạ Dương bất cụ, nhi hựu hữu công, thị thiên đoạt chi giám, nhi ích kỳ tật dã” (Nước Quắc chắc chắn sẽ mất!

gặp thời ư? Từ nay ta được may mắn [vì được nghe giáo huấn từ trong Cảm Ứng Thiên], xin hãy nên đổi chí gạt lòng, theo lành bỏ ác, ắt lòng trời sẽ nhân từ khoan dung, chẳng tru diệt kẻ biết hối cải tội lỗi. Lỗi cũ có thể chuộc, hạnh sau có thể mong, dẫu là kẻ bầm sanh biết lỗi, hay là kẻ do gặp cảnh khốn cùng mới biết⁷⁵, hễ thành công thì đều như nhau. Muôn phần chớ nên tự ruồng rẫy chính mình!

Kẻ làm ác, ai nấy đều chán ghét. Ấy là vì lẽ công bằng ở ngay trong lòng người, mà cũng chính là chỗ lương tâm vốn tốt lành vậy! Chỉ mong hãy dấy lên ý niệm vốn tốt lành ấy, thấy điều thiện của kẻ khác mà chính mình chẳng bằng, thấy điều bất thiện sẽ như chạm phải nước sôi, bèn tự gắng sức hòng đạt đến chỗ “có thiện, không ác”. Nếu chỉ ghét suông điều ác của kẻ khác, chẳng trừ khử điều ác của chính mình, lẽ nào sẽ tránh khỏi chính mình chẳng bị kẻ khác ghét bỏ ư?

Đời Đường, Lai Tuấn Thần làm *Thị ngự sử*, do ăn hối lộ mà của cải tích tập như núi, oan hồn nghẽn

Đã thua trận Hạ Dương mà chẳng sợ, lại cứ dẫn quân đánh nhau. Đây là trời đoạt mất khả năng suy xét của ông ta (vua nước Quắc), khiến cho thói xấu của ông ta càng tăng thêm).

75 Nguyên văn “sinh tri, khốn tri”. Đây là một câu nói phát xuất từ sách Trung Dung: “Hoặc sanh nhi tri chi, hoặc học chi nhi tri chi, hoặc khốn nhi tri chi, hoặc an nhi hành chi, hoặc lợi nhi hành chi, hoặc miễn cưỡng nhi hành chi, cập kỳ thành công nhất dã” (Hoặc là sanh ra đã biết, hoặc là do học mà biết, hoặc là do gặp cảnh ngộ khốn đốn mới biết, hoặc do an vui mà làm, hoặc vì lợi lộc mà làm, hoặc vì gắng gượng mà làm, đến khi thành công thì đều như nhau).

đường! Rốt cuộc do mưu phản mà bị chặt đầu ngoài chợ, người ta tranh nhau ăn thịt hấn, khoét mắt, giành tim, trong chốc lát đã hết sạch!

Lại nữa, đời Tống, Đinh Vị và Khấu Lai Công (Khấu Chuẩn)⁷⁶ làm quan đồng triều. Người trong thiên hạ hễ nhắc tới ông Khấu bèn bảo là bậc tận trung. Nhắc tới họ Đinh ắt kêu là gã gian nịnh. Hễ nghe có điều tốt lành nào, họ ắt quy về ông Khấu, dẫu điều thiện ấy chưa chắc đã là do ông Khấu làm. Hễ nghe một điều ác ắt quy tội cho gã họ Đinh, dẫu chưa chắc là do gã họ Đinh gây nên!

Lại nữa vào đời Tống, Tần Cối khi quân, làm hại nước nhà, hãm hại bậc trung lương. Cả trăm đời sau chẳng có ai không ghét sự gian trá của hấn! Còn Nhạc Vương (Nhạc Phi) tinh trung báo quốc, đời sau cũng chẳng có ai không ngưỡng mộ phong thái của ngài. Đền thờ ngài có đúc tượng Tần Cối và vợ là Vương Thị bằng sắt, quỳ trước án, bên cạnh treo một bàn tay bằng gỗ. Người từ nơi xa chốn gần đến bái yết, đều kính cẩn lạy Nhạc Vương, lại cầm bàn tay gỗ và tượng vợ chồng

76 Khấu Chuẩn (961-1023) là bậc danh thần đời Bắc Tống, tên tự là Bình Trọng, người xứ Hạ Bang thuộc Hoa Châu (nay là Vị Nam, tỉnh Thiểm Tây). Ông làm Tể tướng đời Tống Chân Tông, từng được phong làm Lai Quốc Công. Khi Tống Chân Tông bệnh nặng, quyền hành rơi vào tay Lưu Hậu, ông chủ trương phế bỏ Lưu Hậu vì sợ nạn ngoại thích cướp quyền. Quyền thần Đinh Vị đã chèn ép, khiến cho ông bị mất chức, bị đày đi trông coi Thiểm Châu cho đến khi mất. Mãi cho đến đời Tống Nhân Tông, triều đình mới khôi phục danh dự cho ông.

Tần Cối. Gộp chung lại để xét, dân vốn chẳng có tâm yêu ghét riêng tư, mỗi người được yêu hay ghét khác nhau là do tương ứng với thiện hay ác vậy!

Hình họa tùy chi.

刑禍隨之。

Hình phạt, tai họa theo nhau [xảy tới].

“Hình” (刑) là hình phạt nơi cửa quan. “Họa” (禍) là tai ương từ trời. “Tùy” (隨) nghĩa là đeo cứng theo, chẳng lìa khỏi. Thái Hư chân nhân⁷⁷ nói: “Nếu người khác gieo họa cho ta, ta dùng phước đáp trả. Như vậy thì khí phước đức thường sanh nơi ta. Khí tai hại, ương họa nặng nề tự sanh nơi kẻ ấy”. Ở đây nói “hình họa” (hình phạt và tai họa) thường theo sát kẻ ác, tức là khí tai hại, tai ương nặng nề luôn ở nơi thân kẻ ấy!

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Diêm-phù-đề nội, ngũ trước chúng sanh, bất tu thập thiện, chuyên tạo ác nghiệp, sát, đạo, tà dâm, vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, tham, sân, tà kiến, bất hiếu phụ mẫu, bất kính Tam bảo, cánh tương phần tranh, hõ kiến hủy nhục, nhậm tình khởi kiến, phi pháp mưu cầu. Dĩ thị nhân duyên, đao binh, cơ cấn, tật bệnh, tử, tang, nhân họa, thiên hình, chủng chủng thọ báo*” (Trong

77 Theo Đạo giáo, vị này chính là Xích Tùng Tử, có hiệu đầy đủ là Tả Thánh Nam Cực Nam Nhạc Chân Nhân hoặc Tả Tiên Thái Hư chân nhân. Theo truyền thuyết, ông từng là thầy dạy của Đế Khốc (một trong năm vị Ngũ đế thời huyền sử Trung Hoa).

cõi Diêm-phù-đề, chúng sanh ngũ trược chẳng tu mười điều thiện, chuyên tạo nghiệp ác: Giết, trộm, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều, tham, sân, tà kiến, bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính trọng Tam bảo, do giận dữ mà tranh chấp với nhau, hủy báng, nhục mạ lẫn nhau, mặc tình dấy lên kiến giải tự cậy là đúng, mong cầu phi pháp. Do nhân duyên ấy, chiến tranh, đói kém, tật bệnh, chết chóc, tai họa do người, tai vạ từ trời, thọ báo đủ mọi lẽ). Do vậy, bèn nói: Có thể thấy tai họa luôn luôn là do nghiệp của chính mình chiêu cảm, chẳng phải do ai khác tạo ra! Nhưng xu cát ty hung (hướng lành tránh dữ) chỉ trong một niệm, thiên đường hay địa ngục chỉ ở trước mắt. Nếu có kẻ nào thật sự tu các điều thiện mà vướng phải ác báo, ắt chẳng có lẽ ấy!

Đời Hán, Lương Thống xin tăng cường pháp luật nặng nề hơn, triều đình chẳng thuận theo. Sau đó, Lương Thống mộng thấy thần báo: “Tuy may mắn là triều đình không nghe theo lời người, nhưng âm phủ đã ghi lỗi của người rồi. Nay người toan dùng hình pháp để đối xử tàn độc với kẻ khác, con cháu sẽ bị báo ứng, há có thể tránh khỏi bị hình phạt ư? Mắc tội với trời, không thể cầu xin được!” Con cái của Lương Thống đều chết ngang trái, cho tới khi tội ác càng sâu, rốt cuộc bị diệt tộc.

Lưu Giáp hễ giao du với ai, kẻ ấy ắt mắc họa. Vương Kiến chẳng tin, vừa mới nói ra, chưa hết ngày

Vương Kiến đã bị hỏa hoạn. Do vậy, Lưu Giáp bị coi là kẻ mang lại điềm gở⁷⁸, hễ trông thấy thì ai nấy đều nhanh chân tránh né. Mai Thừa nói: “Có nên tâng để sanh ra phước, có căn nguyên để sanh ra họa. Hãy tiếp nhận nên tâng phước, đoạn tuyệt căn nguyên họa, họa sẽ do đâu mà có?” Chí lý thay!

Cát khánh ty chi.

吉慶避之。

Điều tốt lành, vui mừng tránh né.

“Ty” (避) có nghĩa là cầu mà chẳng được! Đạo trời chẳng thiên vị, chỉ ưa thích người lành. Người có thể bỏ ác làm lành, giữ lòng khiêm cung, thuận theo thiên lý, tự nhiên tĩn thì sẽ hợp với đạo, động thì đều có phước. Nếu như trái nghịch, xét theo phương diện rõ ràng thì sẽ bị pháp luật trừng phạt, xét theo phương diện ngấm ngấm thì bị thần tru lục, giám thọ, yếu thọ, điều lành sẽ tránh né, sự hung hiểm đưa tới. Tất nhiên là chẳng thể tránh khỏi!

Xưa có chàng học trò họ Vương bầm tánh gian ác, toàn làm những chuyện trái lý nghịch trời. Anh ta dự khóa thi mùa thu⁷⁹, văn chương rất hay, viên quan chấm bài muốn xếp anh ta vào loại đỗ đầu. Tới khi

78 Nguyên văn là “hưu phục” (鴛鴦) là một loại cú mèo, được coi là loại chim chuyên đem lại những điều bất hạnh.

79 Khóa thi mùa thu để tuyển cử nhân.

lên danh sách những người thi đậu bổng để thất lạc quyển bài thi ấy. Ghi danh sách xong, hóa ra quyển bài thi ấy bỏ trong tay áo. Viên quan giám khảo hết sức hối hận, ngậm gắp mặt chàng, hứa hẹn sẽ dùng chuyện khác để bổ cứu. Không lâu sau, viên giám khảo được chuyển sang Thuyên bộ (bộ Lại), chàng Vương bèn nộp thóc để được vào trường Thái học⁸⁰ và dự khảo tuyển. Viên quan giám khảo đang coi sóc việc tuyển chọn, thấy chàng Vương bèn rất mừng, ngắm ngẫm chuẩn bị để bù đắp êm đẹp thiếu sót trong lần trước, dự tính nhờ vào “ân lệ”⁸¹ để tuyển chàng Vương làm quan. Tới kỳ hạn, viên quan giám khảo vì tang cha phải xin nghỉ cư tang tới ba năm sau mới lại ra làm việc, vẫn được bổ nhiệm trông coi việc tuyển khảo. Chàng Vương cũng dùng lý do thâm niên để xin dự tuyển, hòng được bổ làm một chức quan, coi như nắm chắc có thể đạt được lương bổng vạn lượng rồi. Chưa được mấy hôm chàng Vương gặp phải tang mẹ, phải cư tang không thể làm quan. Viên giám khảo thương chàng Vương số mạng bần cùng, bèn tiến cử chàng dạy học ở nhà quan Tuần phủ, cứ ngỡ trong ba năm chắc

80 Nguyên văn “thành quân” (成均) chính là tên gọi cũ của trường Thái học. Theo Đồng Trọng Thư, vào thời Ngũ Đế, triều đình mở trường Thái học để dạy vương tôn và con cái chư hầu, đặt tên là Thành Quân.

81 “Ân lệ” (恩例) là những điều lệ do đế vương ban hành nhằm tuyên bày ân đức, theo đó, những sĩ tử nào phù hợp điều kiện, có thể được đặc cách chọn lựa làm quan. Chẳng hạn vào thời vua Ung Chánh nhà Thanh, vua có đặt ra ân lệ để chọn những người đã đỗ tú tài làm huyện lệnh.

cũng có được ngàn lượng do hưởng lương bổng. Chưa tròn một tháng, quan Tuần phủ vì chuyện sai phạm cũ mà mất chức quan. Mấy lượt gặp kỳ ngộ đều trở thành bánh vẽ! Chàng Vương phẫn hận thành bệnh, nằm bẹp trên giường suốt ba năm. Một hôm, bổng ngộ ra nói: “Đều là do những điều ác của ta tích tập vậy”. Sau đấy bệnh dần dần khỏi, còn được chết an lành.

Ông Tiết Tây Nguyên thường nói: “Đối với phước lộc trong vòng trời đất, nếu chẳng giữ tấm lòng lo lắng, siêng năng, dè dặt, gắng công sẽ chẳng đạt được. Nếu chẳng làm những chuyện giúp người, lợi vật sẽ chẳng hưởng phước lộc được”. Lời ấy đúng thay!

Ác tinh tai chi.

惡星災之。

Sao ác giáng tai họa.

“Ác tinh” (惡星) là thần chương quản hết thủy tai họa, ách nạn trong nhân gian. Người sống trên đời, mỗi ngày, mỗi tiết khí⁸² đều do tinh quang (星光)⁸³ chủ

82 Tiết khí (節氣, Solar term) theo nghĩa gốc chính là hai mươi bốn điểm đặc biệt trên đường hoàng đạo (Ecliptic, quỹ đạo giả định của mặt trời khi nó di chuyển trên bầu trời nếu nhìn từ trái đất). Thời gian giữa hai điểm tiết khí thường được gọi là một tiết khí tức là một khoảng thời gian có thời tiết đặc thù. Thông thường, mỗi tiết khí kéo dài từ mười bốn đến mười sáu ngày. Có hai mươi bốn tiết khí, tức là lập xuân, vũ thủy, kinh trập, xuân phân, thanh minh, cốc vũ, lập hạ v.v...

83 Pháp sư Định Hoàng giảng: “Theo Đạo giáo, mỗi người đều có các loại tinh tú chủ quản, cũng như nói “trên đầu ba thước có thần minh”, chữ “tinh” là

quản. Tâm kẻ ác thường tối tăm, khí đen xông lên cao. Do điều ác chuốc vời sự ác, vì thế có sao ác. Do đó, có những ngôi sao ác chiếu tới giáng tai họa. Nếu là thiện nhân, do tánh thể quang minh, khí phạm ác sẽ lui tan. Các ác tinh tránh né người ấy sợ còn chẳng đủ nhanh, huống hồ gieo tai họa cho người ấy ư? Ôi! Ác do con người tự tạo ra, tinh tú mới có thể gieo tai họa được. Chẳng phải là do tinh tú gieo họa mà là do người ta tự gây nên tai họa. Chẳng phải tinh tú là ác mà là do con người tự làm ác vậy! Vậy thì người ta há chẳng nên kiêng sợ, tu tỉnh để vãn hồi lòng trời ư?

Mã Trương sử⁸⁴ ở Cử Thành, tỉnh Sơn Đông, cậy tài mặc sức hoành hành, không điều ác nào chẳng làm. Một hôm, có một vãn thạch rớt xuống nhà hấn biến thành đá. Từ đấy những chuyện kiện thưa, tù ngục, khẩu thiệt, tật bệnh v.v... chẳng dứt! Hơn một năm sau, Trương sử chết, người nhà ly tán, phòng ốc rỗng tuếch! Viên đá ấy mỗi bề to mấy thước, màu hơi tím, có những đường vân giống như chữ viết, đến nay vẫn còn.

Toán tận tắc tử.

算盡則死。

Hết tuổi thọ sẽ chết.

nói đến các vị thần minh. Tinh quang là ánh sáng của vị thần minh ấy”.

84 Trương sử tương đương với chức Bí thư trưởng hiện thời, mang tính chất là người đứng đầu công việc hành cho các quan, đôi khi còn gọi là Biệt hạ.

Câu này chính là Thái Thượng rất miệng buông lời răn dạy. Tập khí ác của chúng sanh khó thể dẹp trừ. Làm các điều bất thiện, nghiệp thức mờ mịt, giống như lửa cháy hao dầu. Mỗi ngày qua đi là thọ mạng mất đi một ngày, tuổi thọ bị giảm dần tới hết⁸⁵. Chết rồi hãy còn nợ, chìm đắm trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tức ba đường ác hiểm, nghiệp báo chẳng cùng tận, khổ sở không ngớt! Ai nói “chết rồi là hết, chẳng còn có chuyện gì khác nữa”. Nói đến đây, khôn ngoan lớn tiếng kêu gào, đau đớn khóc lóc, nước mắt đầm đìa! Ôi chao! Thân người dễ mất, định nghiệp trốn được sao? Chỉ mong bậc thông triết, người có chí hãy tin sâu chẳng nghi. Thừa dịp hãy còn một hơi thở hãy nên sám hối tội ác ngập trời. Nếu như vẫn chần chừ do dự, trăm năm như mũi tên bay, một khi đến lúc tứ đại chia lìa, dẫu hối hận há có thể cứu vãn được ư?

Xưa có một cụ già, chết rồi gặp Diêm vương, trách móc nhà vua chẳng sớm gửi thư nhắc nhở. Vua nói: “Mắt ông mờ là thư thứ nhất, tai ông điếc là thư thứ hai, răng ông rụng là thư thứ ba, thân thể ngày càng suy chẳng biết là thư thứ mấy?” Lại có một thiếu niên đến đó, cũng trách nhà vua: “Tôi mắt sáng, tai tỏ, răng sắc, thân thể khỏe mạnh, sao vua không gửi thư cho

85 Theo pháp sư Định Hoàng, thấp đèn thì phải tốn dầu, giống như phước báo tiêu dần, nghiệp báo hiện tiền. Mỗi ngày phước báo một giảm dần, thọ mạng bị giảm trừ, cuối cùng bị trừ đến hết sạch. Hết sạch sẽ chết.

tôi?” Vua bảo: “Ta cũng có gởi thư cho người. Người không thấy hàng xóm bên Đông có kẻ mới ba, bốn mươi tuổi mà đã chết đó thôi! Hàng xóm bên Tây có kẻ mới mười hoặc hai mươi tuổi mà chết đấy thôi! Cũng có đứa trẻ vừa đầy năm, hoặc có trẻ thơ mà chết đấy thôi! Đều là thư tín cả!”

Do vậy nói: “Mạng người vô thường ví như sương buổi sớm. Một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, thân này là cái vỏ”.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương có chép: “Đức Phật hỏi sa-môn:

- Mạng người trong khoảng nào?

Vị ấy thưa:

- Máy ngày.

Đức Phật bảo:

- Ông chẳng biết đạo.

Lại hỏi một vị sa-môn khác, vị ấy đáp:

- Trong khoảng bữa ăn.

Đức Phật bảo:

- Ông chẳng biết đạo.

Lại hỏi một sa-môn khác, vị ấy thưa:

- Trong một hơi thở ra, hít vào.

Đức Phật bảo:

- Lành thay! Ông biết đạo”.

Đời Nguyên, thiền sư Thiên Như chùa Sư Tử Lâm ở Cô Tô đã nói:

Phật, tổ xuất thế chỉ riêng vì những kẻ như các ông! Ai nấy dưới gót chân của chính mình đều có một đoạn sanh tử đại sự. Đó gọi là “sanh chẳng biết từ đâu đến, chết không biết đi về đâu”. Sanh tử như thế trọn hết đại địa, bị nó giam nhốt trong lồng. Từ xưa tới nay chẳng có một ai không bị sanh tử nuốt chửng. Đừng nói chi thời cổ, chỉ nói từ lúc ông chào đời đến nay, hãy hồi tưởng mười năm hay hai mươi năm trước, thân thích, bằng hữu đã chết bao nhiêu? Đừng nói tới người khác, chỉ nói về chính ông. Đối với sắc thân tứ đại hiện tiền làm nhận là ta, từ sáng đến tối đủ mọi thứ yêu thương bảo vệ nó, đủ mọi thứ chăm chút cho nó. Nó vẫn đổi thay trong mỗi niệm, dần dần tiêu mất. Bất tri bất giác ngày 30 tháng chạp xảy đến, chỉ cảm thấy chân cuống tay loạn, giống như con cua rớt vào nước sôi. Bình thường là anh hùng hào kiệt, trong lúc ấy có còn thật sự giữ được nữa chăng?

Lại nữa, sau khi đã chết đáng vẻ biến hoại, xú uế khiến người khác kinh hãi. Tuy là cốt nhục chí thân

cũng chẳng chịu nhìn thẳng vào. Tình nghĩa ân ái thường ngày há còn đâu nữa? Vì thế tổ sư nói: “Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ giống như bụi đất, lối trước mờ mịt chẳng biết đi về đâu!” Chỉ đành mặc cho chết rồi bèn thiêu, đúng là đáng thương!

Hướng hồ còn phải theo nghiệp thọ báo, đúng là chuyện khẩn yếu. “Theo nghiệp thọ báo” là gì? Những gì các ông đã làm, đã tạo trong thường ngày, chẳng có gì không phải là nghiệp! Hễ có nghiệp bèn có báo. Báo thuận theo nghiệp như bóng theo hình. Thân này đã chết, thần thức hoặc đọa địa ngục, hoặc đọa ngạ quỷ, súc sanh. Xoay vần luân hồi, chịu vô lượng khổ. Ở nơi đây là cảnh giới thọ báo, ở nơi kia là sanh tử nghiệp căn, nghiệp căn ở ngay trong một niệm hiện thời của ông. Từ vô thủy đến nay, ông do tham, sân, si, vô minh phiền não, vọng tưởng cuồng tâm, chạm cảnh gặp duyên, theo đuổi thanh sắc, khiến cho cái tâm điên đảo nháo nhào, không nghiệp nào chẳng tạo! Đấy chính là cội rễ sanh tử vậy!

Suy lường chuyện sanh tử, dẫu là kẻ sắt đá cũng nguội lạnh tấm lòng! Do vậy, Phật, tổ vận dụng lòng từ bi rộng lớn, phát khởi lòng xót thương to tát, dạy các ông tham thiền học đạo, khiến cho ông quét sạch vọng tưởng cuồng tâm, nhận biết chủ nhân ông, nhận biết diện mạo sẵn có. Hãy tranh thủ lúc mắt còn sáng, chân còn mạnh để làm một người giải thoát thanh tịnh!

Tới khi lâm chung sẽ được thọ dụng to lớn, sanh tử vô ngại, đi ở tự do. Đây gọi là “liễu sanh thoát tử”, thật sự là bậc đại trượng phu!

Đời Minh, trong một khúc ca của Liên Trì đại sư ở chùa Vân Thê, Hàng Châu có đoạn: *“Quân bất kiến Đông gia phụ, kiện như hổ. Phúc dụng thường tương niên nguyệt số. Tạc tiêu do tự ý môn lưu. Kim triều mạng dĩ quy hoàng thổ. Hựu bất kiến Tây gia tử, mãnh như long. Hoàng hôn bão phạn, thủy chánh nùng. Du hồn nhất khứ bất phục phản. Ngũ canh mạng dĩ thuộc Diêm ông. Mục tiền nhân, thượng như thử. Viễn địa tha phương na khả số? Tế tương thân hữu tế thôi tâm. Niên khứ nguyệt lai đa thiếu tử. Phương tín đắc, Tử Dương thi. Ngũ đích ngôn chân quả bất khi. Tạc nhật nhai đầu do tẩu mã, kim triều quan nội dĩ miên thi. Linh lợi nhân, hựu khắp thủy. Biệt nhân dữ ngã đồng nhất loại. Hồ thổ tương khan bất giáo đa. Nhân tiền phóng trước đa thiếu lệ. Toàn mã phúc, nhập ngư thai. Địa ngục tâm toan cánh khả ai. Nhược hoàn yếu đắc nhân thân phục. Đông hải lao châm mạn đả nhai. Ngã tác ca, chân khổ thiết. Nhân trung trích trích lưu tiên huyết. Khổ khuyến thế nhân tác cấp tu. Hồi đầu mãnh tỉnh tu tự quyết”* (Tạm dịch: Anh có thấy thiếu phụ nhà bên Đông khỏe như cọp, quanh năm mấy tháng ôm bụng bầu, tối qua vẫn còn đang tựa cửa, sáng nay đã xuống chốn hoàng tuyền. Lại chẳng thấy gã trai nhà bên Tây mạnh như rồng. Chập tối ăn no, ngủ thật say. Hồn đã lìa thân chẳng trở

lại, canh năm mạng đã thuộc Diêm quân. Người trước mắt đã là như thế. Chỗ xa phương khác biết bao nhiêu? Xét kỹ người thân cùng bằng hữu, năm qua tháng lại chết bao người? Mới tin lời thơ của Tử Dương. Lời lẽ đích xác, thật chẳng lừa. Hôm qua còn cuỡi ngựa ngoài phố, hôm nay xác lạnh trong quan tài. Kẻ lạnh lợi thôi đừng ngủ gật, người khác và ta giống hệt nhau. Cáo thỏ nhìn nhau⁸⁶ có khác gì, bao nhiêu gương đã bày trước mắt, lọt vào bụng ngựa, nhập thai lừa, địa ngục xót lòng buồn bã nhĩ, mong được làm người lần nữa ư? Đông hải mò kim vẫn chóng hơn! Tôi soạn bài ca, đau đớn bấy! Mắt tuôn từng giọt máu tươi hồng. Khổ sở khuyên người hãy gấp tu, quyết nên tỉnh ngộ gấp quay đầu!)

Trong bài văn Phổ Khuyển Tu Hành của Nhan Bính đời Tống có đoạn:

Chỉ nói đến sắc thân này, ai tin “cái thân là gốc khổ”, cứ tận hết sức tham hưởng niềm vui trong cõi đời, chẳng biết lạc là cái nhân của khổ, kiếp phù sinh dễ qua há tồn tại lâu dài! Huyền chất chẳng chắc chắn, rốt cuộc đều mòn diệt. Trước ngày vào trong bào thai há có hình thể nam nữ này? Chỉ nhờ vào địa, thủy, hỏa, phong giả hợp mà thành, chẳng tránh khỏi nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử điêu tàn. Trên là chẳng có tơ tóc để vương mắc,

86 Câu này dựa theo thành ngữ “thổ tử hồ bi” (thỏ chết, cáo buồn).

dưới là chẳng có căn cội để sanh. Hư huyền phập phều như bọt nước, chỉ tồn tại trong thoáng chốc, chẳng lâu dài, mỏng manh như hạt sương treo ngọn cỏ bỗng rụng chẳng còn! Người sống lâu, bất quá sáu, bảy mươi năm đều chết ngóp; đũa đoản mạng, phần lớn là hai, ba chục tuổi đã chết yểu! Lại còn ngày nay chẳng biết chuyện ngày mai, lại còn có chuyện lên giường chẳng có lúc xuống giường! Gần như là một hơi không hít vào được nữa sẽ là ngàn thu vĩnh biệt.

Than ôi! Thân này chẳng thật, hiềm rằng có ai mà chẳng bị nó lừa? Gân chằng bộ xương bảy thước, da bọc một túi thịt. Chín lỗ thường tuôn những thứ bất tịnh. Sáu căn mặc tình phô bày vô minh. Tóc, lông, răng, móng, tụ tập như đống bụi. Nước miếng, đàm dãi, các chất dịch bản như cầu tiêu di động. Bên trong toàn là giòi, trùng tụ hội, bên ngoài rủ rê muỗi, rận vẩy đoàn. Hễ vướng phải tai ương bệnh tật đều có thể chết người. Nóng bức, lạnh căm, thúc giục con người chóng già. Mắt bị sắc dấy về nạ quý. Tai theo tiếng đọa trong A-tỳ. Miệng ném trọn hết ngàn thứ vị, chết rồi chỉ thêm mấy giọt dầu⁸⁷.

Tấm thân này chớ nên yêu tiếc! Mọi người hãy nguyện xuất ly, có sao mê muội vậy? Vẫn còn tỏ lộ vẻ

87 Theo pháp sư Định Hoàng, câu này có nghĩa là chết đi, con cháu nếu hiếu thuận, lập bàn thờ, thắp một ngọn đèn đốt bằng dầu, tức là người chết coi như chỉ nhắm nháp mấy giọt dầu.

phong lưu tức là gã hồ đồ, vẫn còn sanh khởi điên đảo. Hoặc có kẻ trên chiếc đầu lâu cài hoa giắt cỏ, hoặc có kẻ bên cái đũa da thối đeo xạ ướp hương. Áo lượt là phủ trùm túi máu mủ, mền gấm che đắp thùng cứt đái. Dùng trọn trăm kế gian ngoan, cho là sẽ sống vạn năm trên cõi đời. Chẳng biết đầu nhúc, mắt hoa, vua Diêm-la sắp sửa đón tiếp người trở về. Lại còn bạc tóc, rụng răng, quý vô thường gửi thư tìm kiếm.

Ai nấy luyến sắc tham tài, đều là con đường tắt để đánh mất thân người. Ngày ngày nốc rượu xoi thịt, không gì chẳng phải là gieo sâu cội rễ địa ngục. Mong cầu vui sướng chốc lát trước mắt, thân sau chịu đắng cay muôn kiếp! Một mai mạng căn đã tuyệt, lúc phong đao tứ đại cắt xẻ, ngoài thì chân tay co quắp, trong thì gan ruột nứt toác đau nhói. Dầu vợ con thương tiếc cũng chẳng có cách nào giữ ông lại. Ví như cốt nhục đầy nghẹt trước mặt, có ai chết thay cho ông? Lúc sanh ra chỉ gào khóc thống thiết, chết thì chẳng khởi thân thúc bươn bả! Tiên đồ chẳng thấy quang minh, nhìn khắp trọn không bầu bạn. Qua khỏi bờ Nại Hà, những gì trông thấy không gì chẳng bi thương! Vào quỷ môn quan, khắp chốn thấy đều thê thảm. Trên dương thế mới qua bảy ngày, trong cõi âm đã bị áp tải qua chỗ thập vương. Tào quan ôm hồ sơ chẳng nể tình, ngục tốt cầm chìa chẳng thêm cười! Kẻ bình sanh làm lành được đưa về thiên đạo, tiên đạo, nhân đạo. Kẻ thường

ngày tạo ác bị ép vào thang đồ, hỏa đồ, đao đồ⁸⁸. Vạc sôi sùng sục như núi lở, rừng gươm như thế núi chót vót, rót nước đồng sôi khắp thân nát thịt, nuốt viên sắt khắp miệng bốc khói, bị xay giã máu thịt đầm đìa. Vào hàn băng da dẻ đông cứng, nứt toạc, thân đã nát gió nghiệp thổi qua bèn sống lại, mạng đã hết la-sát hét cái bèn hồi sanh.

Nhân gian đã qua trăm lần xuân thu, trong địa ngục mới là một ngày một đêm. Hồn phách tuy đã về quỷ giới, xác thân vẫn nằm trong quan tài. Hoặc cách dăm ba bữa, hoặc trong vòng sáu, bảy tháng sẽ hư nát xuất huyết sanh trùng. Thối um xông sục trời đất, trương phình chẳng nở nhìn! Xấu ác thật đáng sợ! Thôi thúc người còn sống phải cho một môi lửa, chôn hẳn trong núi hoang vạn dặm. Thuở trước là hồng nhan nũng nịu, bỗng trở thành tro tàn. Nay thì xương trắng chốn hoang vu, biến thành khối bùn! Xưa kia ân ái, đến nay rỗng không! Xưa làm anh hùng, nay còn chi nữa! Khi lệ tuôn đầm đìa, vắng tanh vắng ngắt. Gió buồn thổi lạnh ù ù! Đêm sâu quỷ khóc thần gào. Lâu năm ắt quạ mổ, chim rĩa. Cỏ hoang phủ trùm bia đá. Cành dương xanh vương tiền giấy phát phơ⁸⁹. Rốt cuộc đều khó tránh như thế, đã

88 Thang đồ (湯塗, là đường nung nấu trong vạc sôi) tức địa ngục, hỏa đồ (火塗, đường lửa) chính là nga quỷ, vì luôn bị cái đỏi như lửa nung đốt ruột gan. Đao đồ (刀塗) chính là đường súc sanh vì luôn bị mổ xẻ, cắt chặt.

89 Theo pháp sư Định Hoàng, câu này có nghĩa là người đến viếng mộ, đốt giấy tiền vàng bạc, những mảnh tiền chưa cháy hết, bị gió thổi tung lên, bám

đến chỗ này rồi sao chẳng tỉnh ngộ?

Mọi người đều có mắt hãy thôi hồ đồ. Xoay người nhảy khỏi bến mê, trong một khảy ngón tay xé toang lưới ái. Hãy thôi tìm cách sống trong hang quý, phải biết trong khối thịt có chân nhân. Là nam hay nữ đều có thể tu, dẫu trí hay ngu thảy đều có phần. Chỉ xin hồi quang phản chiếu sẽ biết bản thể vốn là không. Nếu chưa thể học đạo tham thiền, vẫn nên siêng trì trai niệm Phật. Xả ác theo lành, sửa lỗi cũ, từ nay tu tập. Chuyển lục tặc thành lục thần thông. Lià bát khổ đắc bát tự tại, sẽ khéo thay trời hành hóa, chẳng ngại thay Phật tiếp dẫn người khác. Đối trước mọi người, vì đại chúng tuyên dương. Trở về nhà, vì cả nhà giải nói, khiến cho nơi nơi đều biết giác ngộ. Dạy trọn hết mọi người đều tránh khỏi trầm luân. Trên là giúp chư Phật chuyển pháp luân, dưới là cứu bạt chúng sanh lià biển khổ. Chẳng tin lời Phật, lời nào đáng tin? Chẳng tu đạo làm người, đường khác sẽ khó tu. Đừng để có ngày thay lớp da⁹⁰, dẫu có ngàn vị Phật cũng khó cứu được người! Hãy khẩn cấp tiến lên, thời gian chẳng đợi ai. Xin mỗi vị hãy ngay lập tức gánh vác, đừng để luống uổng đời này!

vào những cảnh dương liễu quanh đó.

90 Theo pháp sư Định Hoàng, câu này có nghĩa là đọa làm ngựa quý, súc sanh, tức là thay đổi thân người thành thân trong tam ác đạo.

Hựu hữ Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỷ toán.

又有三台。北斗神君。在人頭上。錄人罪惡。奪其紀算。

Lại có Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, ở trên đầu con người, chép tội ác của họ, giảm bớt tuổi thọ.

Đoạn này nhằm nói đến cái thân của mỗi người, đi đứng nằm ngồi đều có quỷ thần giám sát. Tam Thai⁹¹ gồm có sáu ngôi sao, Thượng Thai coi về mạng, Trung Thai coi về phước, Hạ Thai coi về lộc, chủ trì sinh tử, thọ yếu của con người. Bắc Đẩu chính là Tử Cực Đô Tào⁹², là cội nguồn của mặt trời, mặt trăng, sông rạch, biển cả, kết hợp các đức của âm, dương, mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, tuyên dương oai quyền trong tam giới, ngự trị trọn khắp vạn linh, xoay chuyển khí vận của trời đất, châm chước lẽ tử sinh. Hễ ai phạm tội lỗi sẽ ghi vào sổ ác, đo lường nặng nhẹ.

“Đoạt kỳ kỷ toán” (Giảm bớt tuổi thọ của họ): “Kỷ”

91 Tam Thai gồm ba cặp sao, mỗi cặp gồm hai ngôi sao, nằm trong chùm sao Đại Hùng Tinh (Ursa Major). Tống Sử mô tả như sau: “Tam Thai, gồm có Thượng Thai là hai ngôi sao gần sao Văn Xương, chủ về thọ mạng, hai ngôi sao kế đó là Trung Thai chủ trì tông tộc, hai ngôi sao ở phía Đông gọi là Hạ Thai, chủ về tài lộc và binh quyền. Tam Thai lại như bậc cấp trên bầu trời, trong Thượng Thai, sao trên là thiên tử, sao dưới là nữ chúa (hoàng hậu), Trung Thai thì sao trên là Tam công, sao dưới là các vị khanh đại phu, Hạ Thai thì sao trên là nho sĩ, sao dưới là dân thường”.

92 Tử Cực (紫極) là tên của một ngôi sao, Đạo giáo thường dùng danh xưng này để chỉ chỗ thần tiên cư ngụ. Tử Cực Đô Tào chính là danh xưng chỉ thiên đình.

(紀) là mười hai năm, [toán là một trăm ngày]. Quản Lộ⁹³ lại nói: “Nam Đẩu ghi chép về sanh, Bắc Đẩu ghi chép về tử. Hễ con người thọ thai đều từ Nam Đẩu đến Bắc Đẩu. Nếu có điều cầu nguyện, hãy nên hướng về Bắc Đẩu”. Thất Chân (七真)⁹⁴ lại nói: “Ta mỗi tháng vào ngày mồng 3 và ngày 27 ắt sẽ giáng hạ một lần, nhận sự cúng tế của con người, xem xét sự thiện ác của con người”.

Kinh Nghiệp Báo Nhân Duyên lại nói: “Khí của bảy ngôi sao thường kết thành một vì sao ở trên đầu con người, cách đỉnh đầu ba tấc. Nếu người ấy làm lành, ngôi sao ấy sẽ sáng ngời; hễ làm ác, ánh sáng sẽ lu mờ. Đại thiện thì quang minh càng sáng ngời. Đại ác thì ánh sáng tắt mất. Con người không thấy nhưng quỷ thần trông thấy”. Nay nói ở trên đỉnh đầu người ta, chép tội để trừ bớt tuổi thọ, xác thực chẳng phải là hư vọng vậy!

Đời Đường, Lô Su Đức, vào thời Cao Tông có công huân to lớn, được vua yêu chuộng. Một sáng thức dậy chợt thấy tinh quan⁹⁵ bảo: “Ông từng giết lầm hai

93 Quản Lộ (209-256) là một chiêm tinh, bói toán lừng danh thời Tam Quốc, quê ở quận Bình Nguyên, được coi là tổ sư của những thầy bói. Ông cùng với Chu Kiến Bình và Quỷ Cốc Tử là những nhà tướng số lừng danh thời cổ. Quản Lộ thông thạo Phong Thủy, thiên văn (chiêm nghiệm tinh tú), coi tướng.

94 Theo pháp sư Định Hoàng, Thất Chân ở đây chính là bảy vị Tinh Quân thuộc chòm sao Bắc Đẩu.

95 Tinh quan (星官, không phải là “tinh quân”) ở đây chính là khí của bảy

mạng người, do tội ấy sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Ánh sáng của ngôi sao [trên đỉnh đầu] sắp tắt”. Ngày hôm ấy ông Lâu lập tức thần trí lơ đãng, do vậy bảo mọi người: “Ta suốt đời cẩn thận, chỉ vì ngộ sát hai mạng, nay đã bị chết sớm hơn tuổi thọ vốn có mười hai năm”. Không lâu quả nhiên qua đời. Trương Cung Thần⁹⁶ nói: “Ông Lâu thưở trước được khen là sáng suốt, khoan dung, là bậc trọng thần đời Đường, còn chẳng tránh khỏi bị giảm thọ mười hai năm, huống chi thường nhân tạo ác lắm nỗi ư? Há chẳng thận trọng hay sao?”

**Hựu hữu Tam Thi thân, tại nhân thân trung, mỗi
đáo Canh Thân nhật, triếp thượng nghệ thiên tào,
ngôn nhân tội quá.**

又有三尸神。在人身中。每到庚申日。輒上詣天曹。言人罪過。

Lại có thân Tam Thi ở trong thân con người, mỗi khi đến ngày Canh Thân, bèn lên thiên tào, tâu tội lỗi của người ta.

Đoạn này nói về cái tâm của mỗi người. Ý niệm vi tế vừa dấy động, đều có quý thần giám sát.

ngôi sao thuộc chòm sao Bắc Đẩu kết thành một ngôi sao, tức “vị thần ở trên đầu mỗi người” như đã nói trong đoạn trên. Tinh quân (星君) là vị thần bản thể của một vị sao, chẳng hạn vị thần cai quản mặt trời gọi là Thái Dương Tinh Quân.

⁹⁶ Trương Cung Thần, tên tự là Ngưỡng Đức, là người xứ Long Sơn, huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông, là một vị quan nổi tiếng đời Minh. Ông từng đảm nhiệm chức coi kho Thái Thương, làm Tham nghị tại Bộ chánh ty tỉnh Phước Kiến, khâm mạng tào vận Nam Kinh rồi làm chức Quản lý diêm vận. Ông có tiếng là người thanh liêm.

Thượng Thi Thanh Cô tên là Bành Cú (彭踞) ở trong đầu người, khiến cho người ta suy nghĩ nhiều, ham muốn nhiều, mắt mờ, tóc rụng. Trung Thi Bạch Cô tên là Bành Chí (彭躋) ở trong ruột người, khiến cho con người ham ăn, hay quên, thích làm chuyện ác. Hạ Thi Huyết Cô tên là Bành Kiếu (彭譙) ở trong chân người, khiến cho con người háo sắc, thích giết chóc, tứ chi, nội tạng bị nhiễu động. Tam Thi mong cho con người mau chết để họ thoát ra khỏi thân người trở thành quỷ, hưởng thụ huyết thực⁹⁷. Vì thế vào ngày Canh Thân, thừa dịp người ta ngủ say, Tam Thi cùng với bảy phách trong thân lên chốn thiên tào, tâu bày tội lỗi của người đó. Đó gọi là “trong các loài quỷ nghe tiếng từ nơi tâm, khẩu, ý, ngữ của con người, Tam Thi nghe nhạy bén nhất”.

Người hiện thời chẳng biết kiểm điểm, khắc chế bản thân, thanh tâm ít ham muốn, chỉ cậy suông vào phương pháp “thủ Canh khử Thân”⁹⁸ của Đạo gia nhằm đoạn tuyệt con đường đi tố cáo của Tam Thi. Đúng là tự dối mình đó thôi! Phải biết nếu ý niệm, suy nghĩ đoạn chánh, quỷ thần sẽ tự lui tránh, Tam Thi cũng có

97 Huyết thực (血食) là hưởng sự cúng tế. Do người Hoa thường giết súc vật, nhất là ba con vật gọi là “tam sinh” để cúng quý thân, nên quỷ thần được thờ phụng sẽ gọi là “hưởng huyết thực”.

98 Do Đạo gia có thuyết Tam Thi đi tố cáo tội lỗi của con người trong khi ngủ, các đạo sĩ bèn cho rằng chỉ cần trong ngày Canh Thân, hoàn toàn không ngủ, Tam Thi sẽ không có cách nào mượn bảy phách nơi thân người để lên thiên đình được!

gì đáng lo ư? Bài Tiêu Thi của Trình Tử (Trình Di) có câu: “*Bất thủ Canh Thân cánh bất nghi. Thủ tâm thường dũ đạo tương y. Đế thiên dĩ tự tri hành chí, nhậm nhĩ Tam Bành thuyết thị phi*” (Chẳng cần không ngủ trong ngày Canh Thân cũng chẳng có chi ngờ vực, tâm này thường phù hợp với đạo, Thượng đế tự biết hành vi của ta, mặc kệ Tam Bành tố cáo đúng sai gì đi nữa).

Tam Thi chính là hồn phách trong thân người. Con người có ba hồn, một là *Sảng Linh* (爽靈), hai là *Thai Quang* (胎光), ba là *U Tinh* (幽精). Thường nhân kêu gọi tên của chúng thì hồn sẽ yên, thân an định⁹⁹.

Lại nữa, tác phẩm chú giải Đạo Đức Kinh có nói: “Hồn là thần của khí, có thanh, có trọc. Sở dĩ miệng và mũi có thể hít vào thở ra, thở ra là dương rộng mở, hít vào là âm bị thu lại. Phách là thần của tinh, có hư và thật. Sở dĩ tai và mắt có thể nghe nhìn, nhìn là dương thông sáng, nghe là sự nhạy bén của âm vậy. Dương thần là nhật hồn, âm thần là nguyệt phách. Vì thế, bậc chí nhân (thánh nhân) dùng hồn để chuyển phách, còn mọi người (phàm nhân) dùng phách để nhiếp hồn. Ban ngày hồn ở tại mắt, ban đêm phách chứa trong gan. Mắt chẳng nhìn thì hồn ở gan, tai không nghe thì tinh ở thận, lưỡi chẳng động thì thần ở nơi tâm, mũi vừa ngửi thì phách ở phổi. Bốn là vô lậu, tinh là thủy, thần

99 Điều này là chủ trương của Đạo giáo.

là hỏa, hôn là mộc, phách là kim, đều tụ hợp trong ý là thổ, gọi là “hòa hợp bốn nhà”. Thu hẹp ánh mắt, ngưng sự nghe ngóng nơi tai, điều hòa hơi thở nơi mũi, thu giữ khí nơi lưỡi, tứ đại¹⁰⁰ bất động, khiến cho kim, mộc, thủy, hỏa, thổ đều hội tụ nơi trung cung¹⁰¹, đó gọi là “hòa hợp ngũ hành”.

Bởi lẽ, do phách mà có tinh, do tinh mà có hôn, do hôn mà có thân. Do thân mà có ý, do ý mà có phách. Năm là vận hành chẳng ngại, vì thế cái tâm hư ngụy của ta lưu chuyển tạo hóa mấy ức vạn năm chẳng có cùng cực. Do vậy, bậc thánh nhân đối với sự diễn tiến của vạn vật trước mắt, chẳng dùng tâm (vọng tâm) để đối ứng mà dùng tánh để đối ứng. Tánh là tâm chưa nảy sanh vọng niệm. Chẳng có tâm (chẳng có vọng tâm sanh khởi) sẽ chẳng có ý. Hễ chẳng có ý sẽ chẳng có hôn, cho nên chẳng bị sanh tử, luân hồi bèn dứt.

Thê Nham Hứa Chân Nhân¹⁰² nói: “Thường hành

100 Trong các kinh văn Đạo gia, tứ đại là mắt, tai, mũi, lưỡi.

101 Theo pháp sư Định Hoằng, trung cung ở đây không phải là một bộ vị nhất định trên thân thể, mà có nghĩa là Ngũ Hành hết sức cân bằng.

102 Hứa Chân Nhân chính là Hứa Do (239-374), tự là Kính Chi, là một đạo sĩ nổi danh thời Tấn. Ông quê ở huyện Nam Xương (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây), được tôn là tổ sư của hai phái Tịnh Minh Đạo và Lưu Sơn của Đạo giáo. Ông từng làm huyện lệnh Thắng Dương. Do vậy, còn được gọi là Thắng Dương Tổ Sư. Ông thuở trẻ thích săn bắn, có lần toan bắn một con nai con, nai mẹ đã tung mình đón mũi tên chịu chết để cứu con. Ông cảm động, thôi săn bắn, theo học đạo với Ngô Mãnh. Khi loạn Bát Vương nổ ra, ông từ quan, đi tu, truyền bá Đạo giáo tại Dự Chương. Ông lại còn bỏ công sức lo thủy lợi ngăn ngừa nạn lụt tại Hồ Quảng, Dự Chương, Phước Kiến...

nội quán để trừ khử Tam Thi, trừ diệt sáu tặc, dồn khí vào đan điền, định tâm nơi biển giác. Tâm định ắt thân yên, khí trụ. Tinh, khí, thần hợp lại, ba nhà (tinh, khí, thần) tương ứng với nhau, kết thành thánh thai”.

Thanh Tịnh Kinh¹⁰³ có nói: “Nguyên thần của con người chuộng sự thanh tịnh nhưng cái tâm quá nhiều, lòng người chuộng tĩnh nhưng bị dục lôi kéo. Hễ thường có thể trừ khử lòng dục ấy thì cái tâm sẽ tự tĩnh, lắng trong cái tâm thì nguyên thần tự thanh tịnh, tự nhiên lục dục chẳng sanh, tam độc tiêu diệt”.

Còn như kinh Phật thì dạy: “Dùng gương trí tuệ phá giác phiền não, dùng đao trí tuệ xé toạc lưới phiền não, dùng lửa trí tuệ đốt củi phiền não. Quán kỹ tứ đại vốn là không, phiền não còn có chỗ nào để đặt chân nữa! Chuyển tam độc thành tam giải thoát, xoay phiền não thành Bồ-đề. Như thế thì tam nghiệp thanh tịnh, muôn đức vẹn toàn, há còn có lỗi ác gì để nói nữa ư?”

Nguyệt hối chi nhật, Táo thân diệt nhiên.

月晦之日。竈神亦然。

Vào ngày cuối tháng, Táo Quân cũng thế.

Đoạn này nói đến trong nhà của mỗi người, động

103 Thanh Tịnh Kinh ở đây không phải là bộ kinh Pasadika Sutta trong tạng Nikaya của Phật giáo Nam Truyền, mà là Thái Thượng Lão Quân Thuyết Thường Thanh Tịnh Kinh của Đạo giáo. Kinh này rất ngắn chưa đến bốn trăm chữ, dạy người ta trừ dục nhập tịnh, tĩnh tâm, giữ cho tâm thần trong sáng v.v...

tĩnh, cư xử đều có quỷ thần giám sát. “Nguyệt hối” (月晦) là ngày cuối tháng. “Táo thần” (Táo quân, ông Táo) có danh hiệu là Tư Mạng (司命), do cai quản vận mạng tốt xấu trong mỗi gia đình. Đối với tội ác trong sáng tối của con người không chuyện gì nhỏ nhặt mà ngài chẳng thấy. Đến cuối tháng sẽ tấu trình lên hai cõi âm và dương để chép vào sổ đen. Than ôi! Táo thần xem xét rõ ràng như thế, lại có chức trách tấu trình như thế. Người đời hành xử chỉ biết cốt sao sướng khoái một chốc, há có quan tâm trong nhà có Táo thần sẽ ghi sự sai phạm ấy, để rồi đến mỗi tháng, việc lớn chuyện nhỏ đều tấu trình thiên tào hay chẳng? Nếu biết ắt sẽ kinh sợ tu tỉnh, chẳng dám giải đãi trong một khắc!

Một nho sĩ ở Hoài Quận, do say rượu bõn cọt đưa tở gái. Đứa tở gái cũng biết hổ thẹn, cố gắng chống cự thoát khỏi. Khi ấy nhằm đúng ngày cuối tháng giêng, nho sĩ ấy ngủ tới canh tư, vợ bỗng đánh thức, kể: “Thiếp vừa nằm mộng thấy một vị tinh quân đội mã, mặc y phục màu đen, cỡi ngựa ruổi gấp, cầm theo sổ sách. Ngài hướng về phía thiếp chỉ trở rồi đi mất, chẳng biết ngài muốn nói gì? Oai thế của thần hùng hực, thiếp bất giác kinh hãi tỉnh giấc”. Chàng nho sĩ rón da gà, chẳng dám nói rõ, chỉ nói: “Chắc chắn là Táo thần, chẳng ngờ chi nữa”. Về sau, chàng gả đứa tở gái ấy cho người khác, nhân đó bảo vợ: “Khi trước nàng mộng thấy Táo thần, hướng về nàng chỉ dạy là do ta trước đó đã từng

đùa bốn phi lễ với đứa tớ ấy, nó tận lực chống cự thoát khỏi. Chẳng ngờ ban đêm liền có sự cảnh cáo ấy. Ta cho rằng sự tuy chưa làm nhưng do đã có cái tâm lừa dối ấy, cho nên thần Tư Mạng đã ghi chép. Trước kia ta chẳng nói ra, vì sợ nàng ngờ vực sẽ làm khó dễ đứa tớ gái ấy. Nay nói rõ, một mặt nhằm biểu thị tiết tháo của đứa tớ gái ấy, mặt khác nhằm phô rõ tội lỗi của ta”.

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, ông Du ở Giang Tây, húy là Đô, tên tự là Lương Thần, lắm tài học rộng. Mười tám tuổi đã đậu cống sanh, mỗi lần thi cử ắt đều đậu cao. Đến tuổi tráng niên, nhà nghèo nên phải dạy học trò kiếm sống qua ngày. Ông với mười mấy người cùng là tường sanh¹⁰⁴ lập Văn Xương Xã, thực hiện chuyện tế cờ, phóng sanh, răn dè dâm, giết, tội lỗi nơi miệng. Đã hành nhiều năm, trước sau ông đi thi bảy khoa đều chẳng đỗ. Sanh năm đứa con trai, bốn đứa chết yếu vì bệnh. Đứa con thứ ba hết sức thông minh tuấn tú, dưới lòng bàn chân trái có hai nốt ruồi, vợ chồng yêu quý như của báu. Lên tám, nó đi chơi trong làng bị lạc mất, chẳng biết nơi nào. Sanh bốn đứa con gái chỉ còn được một đứa. Vợ vì con cái mà khóc lóc, hai mắt đều mù!

Ông suốt đời lao đao nghèo khổ, túng quẫn càng

104 Tường sanh là những người đã đậu tú tài, được vào học trường huyện, nhưng chưa đậu cử nhân. Tường (庠) là trường học được mở ở huyện, do chánh quyền tài trợ.

ngặt. Tự xét mình chẳng phạm lỗi to lớn có sao bị trời phạt thê thảm? Lúc đã ngoài bốn mươi, mỗi năm vào cuối tháng Chạp, tự dùng giấy vàng để viết sớ, cầu xin Táo thần hãy tấu trình lên trên. Vài năm như vậy cũng chẳng có báo ứng gì! Tới lúc bốn mươi bảy tuổi vào đêm trừ tịch¹⁰⁵, ông ngồi với người vợ mù và đứa con gái, cả nhà lặng ngắt thê lương, an ủi lẫn nhau. Bỗng nghe có tiếng gõ cửa, ông cầm đuốc ra xem, thấy một nho sĩ đội khăn xéo¹⁰⁶, mặc áo đen, râu tóc đã bạc một nửa. Chắp tay vái chào, mời ngồi. Ông ta nói mình họ Trương, do từ nơi xa trở về, nghe trong nhà ngài than thở sâu thảm, đặc biệt đến an ủi. Ông Du trong lòng cảm thấy người ấy kỳ lạ, giữ lễ hết sức cung kính. Nhân đó kể lễ mình suốt đời đọc sách, tích tập công hạnh, đến nay công danh chẳng toại, vợ con chẳng được vẹn toàn, cơm áo thiếu hụt. Lại còn đem những bài sớ đã đốt dâng lên ông Táo đọc cho ông Trương nghe. Ông Trương nói:

105 Trừ tịch (除夕) là đêm 30 tháng chạp. Gọi là trừ tịch, vì theo lệ cổ từ thời Tần, người ta đốt pháo xua đuổi tà quỷ. Có thuyết lại nói, trừ tịch tức là đêm chia đôi giữa năm cũ và năm mới, nên gọi là trừ tịch.

106 Nguyên văn “giác cân” (角巾), ta thường dịch là “khăn xéo”, nhưng thật ra chẳng phải là khăn, mà là một loại mũ, không có cánh chuồn, thường làm bằng vải, màu đen, do nhìn từ phía trước có hai mặt châu vào nhau, phía dưới có hai cánh mũ bẻ ngược lên trông như mũ có hai lớp, nên gọi là “giác cân”. Các vị ẩn sĩ thường đội loại mũ này. Người Hoa có thói quen gọi tất cả các loại mũ là “đâu cân” (khăn đội đầu), tuy nó chẳng phải là khăn quấn trên đầu như các dân tộc khác. Các loại mũ mang tính chất nghi lễ sẽ gọi là Mạo hoặc Quan. Điểm khác biệt là Mạo thường che hết đầu, trong khi Quan chỉ che búi tóc.

- Tôi biết chuyện nhà ông đã lâu rồi! Do ý ông phạm lỗi ác quá nặng, chuyên chú trọng hư danh. Khắp trang giấy đều là lòng oán hờn, lời lẽ trần thuật xúc phạm Thượng đế, sợ rằng không chỉ là bị phạt như vậy thôi đâu!

Ông Du nghe nói hết sức kinh hãi nói:

- Tôi nghe nói trong chốn âm thầm, điều lành nhỏ nhặt nhất đều được ghi chép. Tôi thề làm việc lành, dốc lòng phụng hành quy củ đã lâu, sao lại toàn là hư danh cho được?

Ông Trương bảo:

- Ngay như trong các quy củ của Văn Xương Xã, đối với điều khoản tiếc chữ, học trò ông và những bạn tri giao thường dùng giấy đã viết văn, hoặc sách cũ để dán cửa sổ, gói đồ, thậm chí dùng để lau bàn. Sau đấy, viện có “đùng ô uế chúng” liền đem đốt đi. Hằng ngày ông chính mắt trông thấy, cứ mặc kệ, chẳng răn nhắc một tiếng nào! Chỉ là trên đường thấy giấy có chữ viết, bèn nhặt về đem đốt, có ích gì chẳng?

Trong Văn Xương Xã mỗi tháng phóng sanh, ông theo đuôi người khác, do người khác mà thực hiện. Nếu mọi người chẳng tiến hành thì ông cũng lơ vờ mà thôi. Thật ra, ý niệm từ bi trọn chẳng dấy động trong tâm! Lại còn trong nhà ông, những thú tôm, cua v.v... cũng

bị đun nấu, riêng chúng chẳng phải là sanh mạng ư?

Nếu xét đến chuyện tội lỗi nơi miệng, ông ăn nói nhanh nhay, khéo léo. Hễ bàn luận thường khiến cho người khác đuối lý trước ông. Khi ấy ông thốt lời, trong lòng cũng tự biết đã gây thương tổn sâu đậm, nhưng trong khi trò chuyện cùng bạn bè, đã quen thói mất rồi, cứ thừa cơ chê bai cười cợt, chẳng thể ngăn dứt được! Miệng lưỡi sắc nhọn châm chọc khiến cho quý thần tức giận, cõi âm đã ghi chép điều ác chẳng biết cỡ nào! Thế mà vẫn tự cho mình là người giản dị, trung hậu, ta lừa dối ai đâu? Lừa dối trời đấy!

Tuy chẳng có chuyện tà dâm thật sự, nhưng ông thấy con gái nhà người khác xinh đẹp ắt phải nhìn kỹ, lòng rung động, chẳng dứt bỏ được. Chỉ là không có tà duyên tụ hội để được thỏa chí đó thôi! Ông hãy tự xét chính mình khi gặp cảnh ấy, có thể được như người đàn ông nước Lỗ¹⁰⁷ hay không? Vậy mà nói là “suốt đời, chẳng phạm tà sắc”, tức đối trước trời đất, quý thần, ông là kẻ thật sự hư vọng vậy!

Đối với những điều quy củ do ông đã thề thực hiện mà còn như thế, huống hồ những chuyện khác? Những lá số do ông đốt nhiều năm liên tiếp đều được trình lên cõi trời. Thượng đế hằng ngày sai sứ giả đến xem xét

107 Người đàn ông nước Lỗ ở đây chính là Liễu Hạ Huệ, có thể cho mỹ nữ ngồi trong lòng mà không nảy sanh dục niệm nào.

điều thiện lẽ ác của ông, đã mấy năm mà chẳng thấy có một điều thiện thật sự nào đáng ghi chép. Nhưng lúc ông ở một mình, thấy tham niệm, dâm niệm, ý niệm ganh ghét, ý niệm sân hận, ý niệm đề cao mình hạ thấp kẻ khác, ý niệm nhớ nhung chuyện cũ mong mỏi cho tương lai, ý niệm đền ân trả oán của ông loang loáng trong bụng, chẳng thể cùng tận! Các thứ ý ác ấy đã kết chặt trong lòng, thần ghi chép đã nhiều, cõi trời trừng phạt ngày càng nặng nề. Ông trốn họa còn chẳng kịp, lấy đâu để cầu phước nữa đây!

Ông Du kinh ngạc run sợ, phủ phục xuống đất, ứa nước mắt thưa:

- Ngài đã thấu hiểu chuyện trong chốn u minh, chắc là một vị tôn thần, xin hãy cứu vớt.

Ông Trương nói:

- Ông đọc sách hiểu lẽ, cũng biết vui thích, hâm mộ điều thiện. Khi nghe được một lời tốt lành, cảm thấy như được khích lệ, khuyến khích. Lúc thấy một chuyện lành cổ vũ khôn xiết, nhưng thấy đó, nghe đó, bèn quên ngay, tín căn vốn chẳng sâu. Do vậy, cái tánh thường hằng chẳng kiên cố. Vì thế, thiện ngôn, thiện hạnh trong cả đời toàn là phô trương, hời hợt, há có chuyện gì là thật sự! Lại còn ý ác ngập dạ, ý niệm làm lành thường dấy lên rồi tan mất triền miên. Vẫn muốn đời trời ban cho quả báo tốt đẹp, sẽ như

gieo trồng gai góc khắp đất, thế mà vẫn cứ si dại mong cầu thu thập thóc lúa phong phú, há chẳng lầm lạc ư?

Ông từ nay trở đi, hễ có các tạp niệm tham, dâm, khách sáo, vọng tưởng, trước hết hãy có sức lực mạnh mẽ để gạt bỏ hết thảy, thu hồi sạch sành sanh. Mỗi ý niệm đều chỉ quan tâm tới điều lành. Nếu có sức thực hiện các thiện sự, hãy đừng mong cầu thiện báo, chẳng chú trọng tiếng tăm. Bất luận chuyện lớn hay nhỏ, khó hay dễ đều thực hiện chân thật, giữ lòng nhẫn nại mà làm. Nếu chẳng đủ sức để làm cũng phải siêng năng, khẩn thiết, khiến cho thiện ý ấy được viên mãn. Thứ nhất là phải có lòng nhẫn nại, thứ hai là phải có cái tâm vĩnh hằng. Quan trọng nhất là chớ nên tự lười biếng, chớ nên tự dối gạt mình. Hành lâu ngày chầy tháng sẽ tự đạt được hiệu nghiệm chẳng thể ngờ được! Gia đình ông thờ phụng ta hết sức kiên thành thanh tịnh, cho nên đặc biệt dùng ý này để báo đáp ông. Hãy nhanh chóng gắng vâng giữ, sẽ có thể xoay chuyển ý trời đất.

Nói xong, liền bước vào nhà trong của ông Du. Ông Du liền đứng dậy đi theo, tới chỗ bếp bồng chẳng thấy đâu nữa, mới biết ông Trương chính là thần Tư Mạng. Do vậy thấp hương lạy tạ. Lập tức trong ngày hôm sau, tức là ngày Nguyên Đán, bèn lễ bái cầu nguyện cùng trời đất, thề sửa lỗi trước, thật sự làm việc lành. Tự đặt biệt hiệu cho mình là Tịnh Ý đạo nhân, quyết thề trừ khử các thứ hư vọng. Lúc mới hành, tạp

niệm toi bồi, nếu chẳng nghi ngờ thì sẽ là lừa nhác. Thời gian thấm thoát mà vẫn bộp chộp, hời hợt y như cũ. Do vậy, bèn đối trước tượng Quán Âm Đại sĩ được thờ trong nhà, đập đầu tuôn máu, kính cẩn phát thệ nguyện: “Thiện niệm chân thuần, thiện lực tinh tấn. Nếu có lúc loil lỏng mảy may sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục”. Hằng ngày vào sáng sớm, ông kiên thành niệm thánh hiệu đại từ đại bi một trăm câu để mong Bồ-tát ngấm ngấm che chở. Từ đấy trở đi, mỗi lời nói, mỗi hành động, mỗi niệm, mỗi lúc đều như có quý thần ở sát bên cạnh giám sát, chẳng dám đối trá phóng túng.

Phàm hết thấy những chuyện hữu ích cho người khác, có lợi cho muôn vật, bất luận chuyện lớn hay nhỏ, bản thân bận bịu hay rảnh rang, người khác có biết hay là không, có đủ sức hay không, đều hoan hỷ hành trì, khéo léo thành tựu mới thôi! Tùy duyên phương tiện, gieo trồng âm đức rộng rãi. Lại còn giữ vẹn luân thường, siêng học, giữ tánh khiêm tốn, nhẫn nhục. Lại còn hễ gặp người khác đều dùng những lời lẽ nhân quả báo ứng để cảm hóa, hướng dẫn, chỉ sợ chẳng kịp thời gian. Mỗi bữa cuối tháng, liền tính toán việc làm và lời lẽ trong cả tháng rồi đến chỗ Táo thần dâng sớ tâu bày. Hành trì đã thuần thực, hễ động thì muôn điều thiện đều thuận theo, hễ tĩnh bèn chẳng dấy một niệm.

Suốt ba năm như thế, vào lúc năm mươi tuổi, nhằm năm Vạn Lịch thứ hai (1574), đi thi Hội trong

năm Giáp Tuất, nhằm lúc Trương Giang Lăng¹⁰⁸ giữ chức Thủ phụ. Xong khoa thi, ông Trương hỏi thăm các đồng hương để chọn thầy dạy học cho con trai mình. Mọi người đều tranh nhau tiến cử ông Du. Do vậy, ông Trương bèn mời ông Du lên kinh đô. Ông Du dẫn gia quyến đi theo. Ông Trương kính trọng phẩm đức của ông Du, theo quy chế từ trước, mời ông Du vào trường Quốc Học. Năm Bính Tý, tức năm Vạn Lịch thứ tư (1576) đến kinh đô dự kỳ thi Hương bèn đỗ đạt, năm sau đỗ tiến sĩ. Một hôm, yết kiến nội giám¹⁰⁹ là ông Dương. Ông Dương bảo năm đưa con ra chào, những đứa con ấy đều do ông Dương tìm được ở bốn phương để nối dõi hồng vui hưởng tuổi già. Trong ấy có một đứa tuổi mười sáu, khuôn mặt dường như rất thân thuộc đối với ông Du. Hỏi quê quán, nó thưa là người Giang Hữu¹¹⁰. Thuở bé lên nhâm thuyền chở gạo, nhưng vẫn còn nhớ mờ tên họ và quê nhà. Ông Du hết sức kinh ngạc,

108 Trương Giang Lăng tức là ông Trương Cư Chánh, do ông là người huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc, nên thường gọi là Trương Giang Lăng. Thủ phụ (首輔) là người đứng đầu trong các vị đại học sĩ. Theo quy chế nhà Minh, kể từ đời Minh Thái Tổ, do Thừa tướng Hồ Duy Dung bị tội xử trảm, vua phế hẳn chức Thừa tướng, lập ra các cơ cấu Ngũ phủ, Lục bộ, Đô sát viện, Đại lý tự để lo việc nước. Do việc nước quá nhiều, lại không có cố vấn trực tiếp để giúp vua lo liệu, bắt đầu dĩ, phải phong cho các vị đại thần thành đại học sĩ, chia thành Hoa Cái Điện, Vũ Anh Điện, Văn Uyển Các, Đông Các Điện chư đại học sĩ. Trên thực tế, thủ phụ chính là Tế tướng.

109 Nội giám chính là thái giám.

110 Giang Hữu là tên gọi khác của tỉnh Giang Tây. Do thời cổ, phía Tây nơi hạ lưu của Trường Giang sẽ gọi là Giang Hữu, phía Đông gọi là Giang Tả. Vì thế, tỉnh Giang Tây thường được gọi là Giang Hữu.

bảo nó cởi giày bên chân trái ra, quả nhiên có hai nốt ruồi giống hệt [như đũa con thứ ba đã bị thất lạc từ lâu của ông]. Ông kêu âm lên: “Ngươi là con ta”. Ông Dương cũng kinh ngạc, liền tặng đũa con ấy cho ông Du. Nó theo ông Du trở về chỗ cư ngụ.

Ông chạy đến nói với vợ. Phu nhân ôm con, hết sức đau lòng, huyết lệ ràn rụa. Đũa con cũng khóc, ôm mặt mẹ, liếm mắt mẹ. Hai mắt mẹ sáng trở lại. Ông buồn vui chen lẫn, chẳng mong làm quan, từ tạ Trương Giang Lăng quay về quê. Ông Trương đánh giá cao đạo nghĩa của ông Du, biếu tặng hậu hĩnh để ông Du trở về. Ông Du ở quê nhà, càng dốc sức làm lành. Đũa con ấy cưới vợ, sanh liên tiếp bảy đũa con đều nuôi được, đều nối dòng thư hương. Ông chính tay viết lại chuyện gặp Táo thần, và chuyện thật sự làm những việc sửa lỗi để giáo huấn con cháu. Bản thân ông khỏe mạnh, hưởng thọ tám mươi tám tuổi. Ai nấy đều nói do ông thật sự làm thiện sự mà xoay chuyển được sự báo ứng của trời. Hậu học cùng làng là La Trinh ghi lại.

Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỷ, tiểu tắc đoạt toán.

凡人_{nhân}有過_{hữu}。大則奪紀_{đại}。小則奪算_{tiểu}。

Hễ ai có lỗi, lớn thì bị giảm thọ mười hai năm, nhỏ thì giảm thọ một trăm ngày.

Đoạn này nhằm tổng kết ý của các câu trước đó,

nêu rõ trong đời, trong thân, trong tâm, trong nhà mỗi người, chỗ nào cũng đều có quỷ thần đông đảo vây quanh. Vì thế, lỗi lớn, lỗi nhỏ, chẳng có lúc nào hồng trốn khỏi sự giám sát được, tước bớt tuổi thọ đích xác là chuyện chẳng sai chạy! Phàm mỗi người được sanh ra, tuổi thọ đều được ghi chép nơi chư thiên. Thái Thượng sắc truyền chư thần tra xét, đối chiếu. Cứ ba ngày bèn thừa một lần, cứ mười ngày bèn tâu lên, cứ một trăm ngày bèn tổng kết. Nếu người ấy tu thiện, lập công sẽ có thể tăng thọ; lỡ vạ nhất tạo tội, lập tức bị giảm bớt. Lỗi có lớn hay nhỏ, cho nên giảm bớt tuổi thọ cũng sai khác. Thái Thượng chẳng ngại rất miệng, rườm lời, nhằm nêu rõ những nghĩa lý mà con người chưa thấy, chưa hiểu rõ ràng, không gì chẳng nhằm dạy mỗi người phải thận trọng ngay cả trong lúc chỉ ở một mình đó thôi!

Đời Minh, đại sư Vương Bích Như¹¹¹ ở núi Thiên Thai, húy là Lập Cốc. Sư đậu Hương tiến¹¹² vào năm Bính Ngọ (1605), nhằm thời Vạn Lịch, được bổ làm huyện lệnh huyện Tân Cam. Từ bé sư đã thọ bốn giới: giết, trộm, dâm, dối. Về sau, do làm quan bèn phế bốn giới ấy. Năm Mậu Ngọ (1618) vào kinh châu vua, thuyền đậu ở Vu Hồ, sư bị bắt tới cũi âm. Thấy trên điện có một vị vua ngồi, hai vị quan ngồi hai bên. Vua

111 Vị này pháp hiệu là Bích Như, có họ ngoài đời là Vương nên gọi ghép như vậy. Ngài có tục danh là Lập Cốc, tức Vương Lập Cốc.

112 Nguyên văn “lãnh hương tiến”, tức là dự khoa thi Hương do các châu huyện tiến cử, nếu đỗ kỳ thi ấy thì gọi là “lãnh hương tiến”.

gọi tên quát mắng:

- Mạng người đáng lẽ đã hết vào tháng 8 năm Bính Thìn (1616), sở dĩ kéo dài đến nay là do sức trai giới. Có sao người lại buông bỏ?

Nói xong, sai lấy sổ sách cho xem. Thấy phía dưới tên có ghi rõ năm tháng, đến tháng 8 năm Bính Thìn sẽ chết. Ông Vương xem xong, khấu đầu thưa trình:

- Con làm quan, do tình thế, chẳng thể nào không như vậy được!

Vua dạy:

- Cố nhiên là thế! Hiềm rằng tuổi thọ đã hết thì sao?

Vua hạ lệnh đuổi ông ta vào ngục, liền có con quỷ đáng điệu hung tợn chạy tới, làm ra vẻ như sắp bắt trời. Vị quan bên trái râu:

- Xin hãy thử xem xét những chuyện sau khi hấn đã phá giới.

Trong khoảnh khắc, người hầu khênh tới hai cái rương to, những thứ chứa trong ấy đều là những quyển hồ sơ khi ông Vương làm huyện lệnh Tân Cam. Phàm là một phong thư, một bản yết thị và những câu viết chơi trên những mảnh giấy nhỏ cũng đều có. Những thứ ấy đều có khí bốc lên cao, xanh, đen, đỏ, trắng khác nhau. Vua sai kiểm xem để xếp những thứ cùng loại

vào một chỗ; trước hết kiểm đồng hồ sơ màu đen và xanh, kế đến kiểm đồng màu đỏ. Đồng hồ sơ có khí màu xanh bốc lên bị ẩn đi, đồng có khí màu đen thì rút nhỏ như chiếc đũa, còn riêng đồng màu đỏ là to lớn. Ông Vương liếc nhìn trong đồng hồ sơ ấy, thấy có bộ kinh Kim Cang và Hiếu Sanh Thiên do chính mình đã khắc đều có. Quý sứ xếp thành đồng xong, giọng điệu của người đứng đầu hòa hoãn hơn, ngó vị quan bên trái bảo:

- Do vậy biết là hẩn gieo đức, hãy còn có đường sống. Phạt hẩn ngũ quan bị hao tổn, bảo toàn thân mạng hẩn, được chứ?

Vua sai ngục tốt móc mắt ông Vương đặt lên cột trong điện, tỏa ánh sáng chiếu ngời bốn phía. Ông Vương nghĩ:

- Mắt đã bị khoét, làm sao có thể trông thấy cho được?

Trong nháy mắt bỗng tối sầm, cung điện lẫn ngục tốt đều chẳng thấy nữa. Kế đó, cảm thấy có người vỗ lưng bảo:

- Hãy đi cho nhanh, đi nhanh lên.

Trong chốc lát, bị vấp ngã bèn tỉnh giấc. Hôm sau, hai mắt đều mù, bèn bỏ nhà, tu đạo. Về sau, do ngộ đạo thiên, hai mắt sáng lại. Sư từng đến tham học dưới

tòa Vân Thê, Bác Sơn¹¹³, chân tham thật chứng, kiêm hành Đại Bi Sát Pháp, sống thêm mười hai năm nữa.

Ôi! Con người ngoại trừ các vị thánh hiền, chẳng có ngày nào không phạm lỗi, cái có thể trông cậy để vãn hồi tạo hóa chỉ là “có thể sửa đổi” mà thôi! Nếu không, nhân trước đã kém cõi, nghiệp sau lại tăng, dẫu nhiều phước, lắm con trai, đến lúc một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa sẽ chỉ có nghiệp theo thân, chỉ thấy nổi khổ vì bị Diêm vương tra xét, tính toán, lúc ấy có thể mang theo gia sản hay chẳng? Có thể dẫn theo con cái hay chẳng? Hãy suy nghĩ đi!

Đời Tống, Phù Trọng Tín giàu có, thích bố thí. Lúc ba mươi lăm tuổi, bỗng mắc bệnh nguy ngập. Tự nói mình đã đến cõi âm, gặp mấy người quen biết cũ, họ gọi: “Ân công vì sao đến đây?” Họ dắt ông Phù đến lạy chào, cầu xin một viên nha lại. Viên nha lại nói: “Người này vốn đáng lẽ bị đoi rét, do có hảo tâm bố thí giúp đỡ, do vậy có thể tay trắng làm nên. Vốn thọ đến năm mươi chín tuổi, nhưng vì chẳng thấp nhang, ngủ dậy trễ, nay đều bị tước sạch”. Mấy người hỏi: “Hai chuyện

113 Vân Thê ở đây là ngài Liên Trì Châu Hoàng đại sư. Bác Sơn tức là thiền sư Nguyên Lai. Sư Bác Sơn xuất gia lúc mười sáu tuổi tại chùa Tĩnh Am ở núi Ngũ Đài; về sau, do đọc Cảnh Đức Truyền Đăng Lục mà khai ngộ. Sau đấy, Sư theo học với thiền sư Huệ Kinh được ấn khả. Sư về núi Bác Sơn ở Tín Châu (nay là huyện Quảng Phong, tỉnh Giang Tây), dựng chùa Năng Nhân, tu hành tại đó, đề xướng “thiền tịnh bất nhị”. Giáo thuyết này được viết thành sách, người đời sau gọi tác phẩm ấy là Bác Sơn Vô Dị Thiền Sư Quảng Lục.

ấy là lỗi nhỏ, sao lại đến nỗi như thế?” Viên nha lại đáp: “Chẳng thấp hương tức là chẳng có lòng tôn kính trời đất. Ngủ dậy trễ tức là có nhiều dâm ý, sao lại bảo là lỗi nhỏ?” Mọi người kinh sợ, nhìn nhau nói: “Đức dày như ông Phù còn vì chuyện này mà tuổi thọ bị tước giảm, người ta há nên buông lung ư?” Không lâu sau, ông Phù chết.

Trong đời người, cái khó có nhất là tuổi thọ, thế mà cái bị cõi âm tước đoạt cũng là tuổi thọ. Do vậy, Thái Thượng ra rả nói chuyện này, ngô hầu răn nhắc con người thận trọng đối với chuyện phạm lỗi trong một niệm, cốt sao hưởng phước đầu tiên trong năm phước. Đây là lòng từ bi to lớn của Thái Thượng vậy!

Kỳ quá đại tiểu hữu số bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu ty chi.

其過大小有數百事。欲求長生者。先須避之。

Tội lỗi lớn nhỏ của con người có đến mấy trăm chuyện. Kẻ mong sống lâu, trước hết hãy nên tránh né.

Mấy trăm chuyện là những chuyện từ câu “*phi nghĩa nhi động*” (làm những điều phi nghĩa) cho đến câu “*tử diệc cập chi*” (mà còn phải chết). Phần trước nói đến chuyện “giảm đoạt” tuổi thọ nhằm dạy người ta biết kiêng tránh. Nay nói đến chuyện trường sanh nhằm dạy người ta biết điều đáng hâm mộ. Nói “*tiên tu ty chi*” (trước hết hãy nên tránh né), chẳng phải là người

khác chẳng cần tránh né, mà có ý nói: Những người mong được sống lâu, càng phải nên cẩn thận kiêng dè. Dẫu là những lỗi lầm nhỏ nhặt cũng chớ nên phạm!

Kẻ học đạo hãy lấy chuyện gieo bồi đức hạnh làm gốc. Nơi Nho là tứ đoan, bách hạnh¹¹⁴, nơi Thích là Lục độ vạn hạnh, nơi Đạo là “ba ngàn công, tám trăm hạnh”, đều là nói tới chuyện tích thiện tránh ác; nhưng muốn tích thiện hòng sửa lỗi, không chi bằng trước hết là thấu hiểu chí đạo (至道, đạo tột cùng). Muốn thấu hiểu chí đạo, không gì bằng hiểu rõ bốn tâm. Tâm là cái thể của đạo, đạo là dụng của tâm. Người có thể quan sát tâm tánh ấy cái thể viên minh sẽ tự hiện, tác dụng (dụng) vô vi sẽ tự thành, chẳng cần phải tốn công mà nhanh chóng vượt lên bờ kia! Chuyện này nếu chẳng do tâm kính (心鏡, gương lòng) rạng ngời, thần châu (神珠)¹¹⁵ trong suốt sẽ do đâu mà có thể nhanh chóng lìa khỏi các tướng, chẳng nhuộm bản máy may, nguồn tâm tự tại, quyết định vô sanh vậy thay? Do vậy, bậc minh tâm thấu hiểu đạo, chẳng để cho tám thân liên lụy tánh ấy, chẳng để cảnh giới làm loạn chân tâm này. Trong sự tùy cơ mà

114 Tứ đoan (四端) là nhân, nghĩa, lễ, trí. Sách Mạnh Tử có đoạn nói: “Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã. Tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã. Từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã. Thị phi chi tâm, trí chi đoan dã” (Cái tâm trắc ẩn là đầu mối của nhân. Cái tâm hổ thẹn chính là đầu mối của nghĩa. Cái tâm từ ái, nhường nhịn là đầu mối của lễ. Cái tâm phân định đúng sai chính là đầu mối của trí). “Bách hạnh” là từ ngữ phiếm chỉ các đức hạnh.

115 Theo giảng sư Hoàng Bách Lâm, “thần châu” chính là Ma-ni Bảo Châu, tỷ dụ chân tâm, như nhà Thiền hay nói: “Ta có một viên thần châu”.

tương ứng với muôn vật, sẽ tự trụ nơi ý chỉ vô sanh. Điều ấy được gọi là “vô thượng chí chân diệu đạo”.

Nữ tiên Dương Chánh Kiến sắp có ngày thành tiên, nhưng Thượng đế khiển trách: Cô ta thuở bé, khi cha mẹ xâu tiền lại thành chuỗi để nộp thuế, Chánh Kiến đã làm chuyện không đúng là chọn lựa hai đồng tiền tròn trịa, đẹp đẽ lén giấu đi. Đó gọi là “lén giấu điểm vật dụng thuộc về chánh quyền”. Lại phạt cô ta bị đày ở lại trong nhân gian thêm một năm nữa.

Tử Hư Nguyên Quân¹¹⁶ và Mao Quân¹¹⁷ cùng ở trong cung Thanh Hư¹¹⁸, cân nhắc, xem xét những chuyện được mất của những người sẽ được thành chân

116 Tử Hư Nguyên Quân chính là Ngụy Hoa Tôn (251-334), còn gọi là Ngụy Phu Nhân, là nữ đạo sĩ thời Tấn, người huyện Phần Ấp, tỉnh Sơn Đông. Bà được coi là người truyền bá Thượng Thanh Kinh, là Thái sư đời thứ nhất của Mao Sơn Tông. Năm hai mươi bốn tuổi, bà được gả cho Lưu Ấu Ngạn là quan huyện Tu Vũ. Bà tinh thông Lão Trang, ngũ kinh của Nho gia, tin thờ Thiên Sư Đạo, giữ chức Tế Tửu. Tương truyền bà được Thanh Hư Chân Nhân truyền đạo Thần Chân, sau đó được Cảnh Lâm Chân Nhân truyền dạy kinh Hoàng Đình. Trong cơn chiến loạn Vĩnh Gia, bà mang hai con lánh về vùng Giang Nam, truyền Thiên Sư Đạo xuống phương Nam. Sau khi bà mất, đạo sĩ Dương Hy tôn bà là Tử Hư Nguyên Quân Nam Nhạc Ngụy Phu Nhân.

117 Mao Quân tên thật là Mao Doanh, tự Thúc Thân, người Hàm Dương. Cha ông là Mao Mông theo tương truyền học đạo ở Mao Sơn, thành tiên, bay đi mất dưới thời Tần Thủy Hoàng. Lúc mười tám tuổi, Mao Doanh cũng vào núi Cú Dung học đạo, thành tiên sau hai mươi năm tu tập. Hai em ông là Mao Cố và Mao Trung cũng đều theo anh tu đạo, đều thành tiên. Do vậy, kinh sách Đạo giáo thường gọi ba vị này là Tam Mao Quân.

118 Theo Đạo giáo, Đông Thiên tức tầng trời phía Đông có cung điện của Tam Quan Đại Đế, gồm Tử Vi Cung, Thanh Hư Cung và Thanh Hoa Cung. Thanh Hư Cung là chỗ ở của Địa Quan Đại Đế.

tiên trong thiên hạ, đã đánh rớt ngay bốn mươi bảy người, tâu trình lên trên chỉ được hai người. Ấy là vì những kẻ bị đánh rớt đã ôm tấm lòng dâm dục để tu trì mong thành tiên, chẳng thể nào không phạm lỗi được! Giấu tiền là phạm lỗi nhỏ, sau khi chur tiên cần nhắc công và tội, Dương Chánh Kiến còn bị phạt như thế, huống hồ những kẻ mặc tình tùy tiện mà chẳng tránh né tội lỗi ư? Nay kẻ cầu trường sanh, chỉ cậy vào tàng tinh¹¹⁹, hít thở, luyện thuốc, thiêu đan¹²⁰ cho là có thể ngộ đạo, trở thành chân tiên, chẳng biết những chuyện ấy đều là ngoại đạo. Chỉ có tu chân luyện tánh, hết thảy vọng niệm vừa mới chớm nảy liền nhận biết, hễ vừa nhận biết liền diệt trừ, cốt sao trong mười hai thời, thanh tịnh như

119 “Tàng tinh” là giữ cho tinh khí không bị thất thoát. Do có những phái trong Đạo gia quan niệm tinh là cội gốc của khí và thần, nên họ đề ra những cách luyện khí bế tinh trong khi hành phòng (ân ái). Họ tin là có thể sử dụng các cách hít thở theo các vòng châu thiên trong thân thể để ngưng tinh thành nguyên thần bồi bổ não v.v... Từ đó, họ đề ra những cách hít thở đặc biệt, các tư thế đặc biệt khi giao hoan, với hy vọng sẽ chuyển tinh từ thận tạng lên nê hoàn cung trên đỉnh đầu. Tức là chỉ chú trọng nơi rèn luyện sắc thân, chẳng thanh tâm, quả dục để đạt tới diệu đạo. Do vậy, trong đoạn trước có nói bốn mươi bảy người bị đánh rớt vì ôm lòng dâm dục mà tu chân.

120 Tức là những phương cách luyện kim đan, dùng các kim loại quý để nấu thành thuốc tiên. Họ tin tưởng: Uống những thứ “tiên đan” ấy sẽ hoá thành cốt, chuyển thành thân tiên, có thể bay lên trời, ngao du các cõi tiên. Đa số các loại kim đan (tiên đan) có chứa nhiều chất độc như thủy ngân, chì, thạch tín, sulfur v.v... uống vào sẽ bị trúng độc lâu dài, hay mất trí. Do đan sa (tức sulfur thủy ngân) có màu đỏ được coi là màu đẹp nhất, nên được các nhà luyện đan sử dụng rất nhiều. Trong lịch sử, các vua Tấn Ai Đế, Ngụy Đạo Vũ Đế, Đường Hiến Tông, Đường Mục Tông, Đường Kính Tông, Minh Thế Tông... đều bị trúng độc do uống kim đan, trở thành điên cuồng, chết sớm, hoặc thân thể lở loét, đau đớn mà chết.

minh châu. Cái tâm an định rỗng rang sẽ tự an trụ trong đạo, sống lâu tăng thọ sẽ là lẽ đương nhiên!

Trong *Cải Quá Thiên*¹²¹ của Viên Liễu Phàm đời Minh có viết: “Các vị đại phu thời Xuân Thu nhìn vào lời nói và hành động của người khác mà suy đoán điều họa, lành phước của kẻ đó, không gì chẳng ứng nghiệm. Từ những ghi chép trong sách *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ*¹²² mà có thể thấy rõ chuyện này. Phần lớn những điềm cát hung đều nảy mầm từ cái tâm rồi thể hiện ra hành động. Kẻ rất nhân hậu sẽ thường được phước, kẻ rất khắc bạc sẽ thường gặp tai họa. Mắt tục bị lấm thứ che lấp, thường bảo là “họa phước chẳng nhất định, chẳng thể dự đoán được!” Chí thành sẽ hợp với lòng trời, phước sẽ đưa đến, cứ nhìn vào những điều lành của đương sự ắt sẽ biết trước. Đối với kẻ sắp gặp họa, cứ nhìn vào những chuyện bất thiện của họ ắt sẽ biết trước. Nay muốn được phước, xa lánh họa, chưa bàn đến chuyện làm lành, cần phải sửa lỗi trước đã!

Nhưng để sửa lỗi, thứ nhất là phải sanh tâm hổ

121 *Cải Quá Thiên* là một chương sách trong bộ *Liễu Phàm Tứ Huấn* nhằm dạy cách sửa đổi lỗi lầm.

122 *Quốc Ngữ* là một bộ sử cổ của Trung Hoa, chép các sự kiện lịch sử của nhà Chu và các nước chư hầu Lỗ, Tề, Tấn, Trịnh, Sở, Ngô, Việt từ năm 974 trước Công Nguyên cho đến năm 453 trước Công Nguyên. Đây là một trong những bộ sử đầu tiên của Trung Hoa, là nguồn tham khảo cho tất cả những bộ sử Trung Hoa về sau. Không rõ tác giả là ai, đa số đều cho là do Tả Khâu Minh biên soạn. Bộ sử này còn được gọi là *Xuân Thu Ngoại Truyện*.

thẹn. Nghĩ thánh hiền thời cổ cũng là trượng phu như ta, do vì lẽ nào mà họ có thể làm thầy trăm đời, ta vì lẽ nào mà tấm thân hèn tẻ như viên ngói nát? Nhiễm đấm thối tình trần tục, lén lút làm chuyện bất nghĩa, cứ nói là kẻ khác không biết, cứ ngạo ngễ, chẳng thẹn thùng! Ngày càng chìm đắm trong loài cầm thú mà chẳng tự biết! Chuyện đáng nhục, đáng thẹn trong cõi đời không gì lớn bằng chuyện này! Mạnh Tử nói: “*Sĩ chi ư nhân đại hỹ*” (Đối với con người, lòng hổ thẹn rất quan trọng), do có lòng hổ thẹn sẽ là thánh hiền, bởi lẽ đánh mất lòng hổ thẹn sẽ là cầm thú. Đây là chỗ then chốt trọng yếu để sửa lỗi vậy.

Thứ hai là phải sanh lòng kiêng sợ. Trời đất ở trên, khó thể lừa dối quỷ thần. Tuy tội lỗi của ta giấu kín, nhỏ nhiệm, nhưng thiên địa quỷ thần thật sự soi thấy. Nặng thì sẽ giáng xuống trăm điều tai ương, nhẹ thì tổn giảm phước trong hiện tiền. Há lẽ nào ta có thể chẳng kính sợ? Không chỉ là như vậy, dẫu ở nơi thanh vắng, trời đất, quỷ thần vẫn xét soi rất rõ ràng¹²³. Tuy ta giấu diếm rất kín, che đậy rất khéo¹²⁴ nhưng gan phổi đã sớm bộc lộ, rốt cuộc khó thể dối gạt chính mình. Bị

123 Nguyên văn “chỉ thị chiếu nhiên” (指視昭然, chỉ ra, nhìn thấy rành rành). “Chỉ thị” là từ ngữ phát xuất từ một câu nói trong Kinh Thư “thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ” (mười mắt nhìn vào, mười tay chỉ vào).

124 Nguyên văn “văn chi thậm xảo” (文之甚巧). Theo ông Hoàng Bách Lâm, chữ “văn” phải hiểu là che đậy, do dựa theo câu nói trong Luận Ngữ: “Tiểu nhân chi quá dã tất văn”, Khổng Đĩnh Đạt chú giải câu này phải hiểu là “kẻ tiểu nhân nhất định giấu diếm lỗi lầm”.

người khác nhìn ra, tư cách của chính mình sẽ chẳng đáng giá một đồng! Há có nên chẳng kiêng dè? Không chỉ là như thế, hễ còn một hơi thở, dẫu tội ác ngập trời vẫn có thể hối cải! Cổ nhân có kẻ suốt đời làm ác, đến khi sắp chết hối cải, tỉnh ngộ, dấy lên một thiện niệm bèn được chết an lành; có nghĩa là một niệm dưng mãnh, kiên định, đủ để gột rửa tội ác trăm năm! Ví như hang tối ngàn năm, một ngọn đèn vừa chiếu ắt bóng tối ngàn năm đều bị trừ sạch. Vì thế, bất luận tội lỗi lâu hay mau, chỉ quý ở chỗ sửa đổi! Nhưng trần thế vô thường, nhục thân dễ chết, hễ một hơi thở chẳng còn, dẫu muốn sửa đổi cũng chẳng có cách nào! Tội lỗi hiển nhiên thì trăm ngàn năm, phải gánh vác tiếng xấu, dẫu con hiếu, cháu hiền cũng chẳng thể gột rửa. Tội lỗi ngấm ngấm thì trăm ngàn kiếp phải chịu báo ứng trầm luân trong địa ngục. Dẫu thánh hiền, Phật, Bồ-tát cũng chẳng thể dẫn dắt thoát ra! Há lẽ nào chẳng sợ?

Thứ ba là cần phát khởi cái tâm dưng mãnh. Kẻ chẳng sửa lỗi, phần nhiều là vì chần chừ, do dự. Ta cần phải sốt sắng, hăng hái, chớ nên lẩn khân, đừng phiến chờ đợi! Tội lỗi nhỏ thì cảm thấy như mũi nhọn găm vào thịt, hãy nhanh chóng khoét bỏ. Tội lỗi lớn thì như rắn độc cắn ngón tay, hãy nhanh chóng chặt đứt, chẳng có mảy may ngưng trệ nào! Đấy chính là lý do vì sao *phong lôi* được gọi là *ích vậy*!¹²⁵

125 Đây là nói đến quẻ phong lôi ích (風雷益) trong kinh Dịch. Quẻ này do

Có đủ ba tâm ấy, ắt có lỗi bèn sửa. Như băng mùa xuân gặp phải mặt trời, lo gì chẳng tiêu tan! Nhưng đối với tội lỗi của con người, có trường hợp sửa từ nơi sự tướng, có khi sửa từ lý, có khi sửa từ nơi tâm, công phu bất đồng, hiệu nghiệm cũng khác. Như thuở trước đã sát sanh, nay kiêng chẳng giết. Thuở trước nóng giận chửi rủa, nay kiêng chẳng giận. Đây là sửa đổi nơi sự vậy. Cưỡng chế từ bên ngoài, khó gấp trăm lần! Đã thế, rốt cuộc gốc bệnh vẫn còn, đông diệt tây sanh, chẳng phải là đường lối diệt trừ rỗng rang rốt ráo vậy! Kẻ khéo sửa lỗi chưa ngăn dứt nơi sự mà đã hiểu rõ lý trước, như trong quá khứ đã sát sanh, bèn nghĩ: “Thượng đế hiếu sanh, muôn loài đều yêu mến tánh mạng, giết chúng để nuôi ta, há có thể an lòng ư? Hơn nữa, chúng bị giết chóc, đã bị mổ, cắt, lại còn vào chảo, vào vạc, đủ mọi nỗi thống khổ thấu tận xương tủy. Để nuôi thân ta, những món ngon quý bày ra la liệt, nuốt vào sẽ như là chẳng có gì ngon quý nữa. Món chay, canh rau đủ để no lòng, há cần giết chết mạng chúng, tổn phước của chính mình ư? Lại nghĩ chúng thuộc loại huyết khí, đều có linh tri. Đã có linh tri thì đều có cùng một thể với ta. Dẫu chẳng thể cung kính tu tập đức

quê tổn ở trên và quê chấn ở dưới gộp lại. Tốn biểu thị gió, chấn là sấm, nên gọi là phong lôi. Gió thổi nhanh chóng xua tan khí u ám, sấm chấn động đột ngột, cả hai thứ đều tạo lợi lạc, nên là ích. Xét theo Tượng Truyện của kinh Dịch thì quê này được giải thích là “lôi phong ích: Quân tử dĩ kiến thiện tác thiên, hữu quá tác cải” (lôi và phong là ích: Bậc quân tử thấy điều thiện bèn hướng theo, hễ có lỗi bèn sửa đổi).

hạnh tột bậc, khiến cho muôn loài tôn trọng ta, thân cận ta, há nên hằng ngày giết hại sanh mạng loài vật, khiến cho chúng nó cừu hận ta, căm ghét ta vô cùng? Hễ nghĩ tới chuyện này thì đối với chuyện ăn chúng nó sẽ cảm thấy đau lòng, chẳng thể nuốt xuống được!”

Nếu trước kia hay giận, ắt sẽ nghĩ: “Người ta có những chuyện sai sót, xét theo tình người hãy nên thương xót, họ làm chuyện trái nghịch đạo lý chứ liên can gì đến ta? Vốn chẳng thể giận được! Lại nghĩ trong thiên hạ, chẳng có ai tự cho mình là bậc hào kiệt, cũng chẳng có ai học vấn hơn người! Hễ có gì chẳng làm được, đều là do chính mình chưa tu đức, chưa cảm thông đến tột bậc vậy! Ta đều nên tự xét lại, ắt những sự hủy báng xảy đến đều là chỗ để ta rèn luyện hồng thành tự tốt đẹp. Ta hãy nên hoan hỷ tiếp nhận sự ban thưởng ấy, làm sao có lòng giận dữ cho được? Lại còn nghe hủy báng chẳng giận. Tuy ngọn lửa sàm báng xông rục trời, giống như nổi lửa đốt không trung, rốt cuộc sẽ tự tắt. Nghe hủy báng bèn giận, dẫu tâm nghĩ đủ cách hay khéo để tận lực biện giải, vẫn như con tầm kéo kén, tự chuốc lấy sự quán trôi. Giận dữ không chỉ là vô ích mà còn có tai hại. Đối với các thứ lỗi ác khác, đều nên dựa theo lý để suy nghĩ. Đã hiểu rõ lý ấy, lỗi sẽ tự dứt.

Thế nào là “sửa đổi từ nơi tâm”? Lỗi có ngàn mối, đều chỉ do tâm tạo. Tâm ta bất động, lỗi sanh từ đâu cho được? Người học đối với các thứ tội lỗi như hiểu

sắc, hiếu danh, ham mê của cải, ưa giận dữ, chẳng cần phải truy cầu cách đối trị theo từng loại, chỉ nên nhất tâm làm lành. Chánh niệm luôn hiện tiền, tà niệm tự nhiên chẳng thể ô nhiễm được. Như vầng mặt trời sáng rực giữa không trung, các loài quỷ mị ẩn nấp, tiêu mất. Đấy chính là lẽ chân truyền về sự chuyên nhất, rờn rạt¹²⁶ vậy! Lỗi do tâm tạo thì cũng do tâm sửa. Như chặt cây độc, cứ chặt thẳng nơi gốc, cần gì phải đẵn từng cành, vặt từng chiếc lá ư?

Nói chung, cách để sửa lỗi tối thượng là đối trị từ cái tâm, lập tức thanh tịnh, vọng tâm vừa động bèn giác. Hễ giác, những phiền não ấy sẽ chẳng còn nữa. Nếu chưa thể như vậy, cần phải dùng hiểu rõ lý để trừ khử. Nếu vẫn chưa thể như thế, ắt phải thuận theo từng sự mà khắc chế. Dùng những sự thuộc về bậc thượng để kiêm hành những công phu bậc hạ, chưa hề là chuyện thất sách. Nếu chấp vào bậc hạ, chẳng hiểu những chuyện thuộc bậc thượng sẽ là cách thức vụng về¹²⁷. Xét theo phương diện “phát nguyện, sửa

126 Nguyên văn “tinh nhất chi chân truyền”. Chữ “tinh nhất” xuất phát từ một câu trong thiên Đại Vũ Mô của sách Thượng Thư: “Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung”. Tiên sinh Nam Hoài Cẩn coi câu này là cốt lõi của truyền thống văn hóa Trung Hoa. Các nhà chú giải giải thích câu nói này có nghĩa là: Lòng người dễ bị xáo động, đạo tâm kín nhiệm, chỉ cốt sao giữ cho tâm luôn chuyên rờn, ý niệm thuần nhất, luôn hành xử theo trung đạo.

127 Câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin mạn phép rườm lời dẫn lời giảng giải của ông Hoàng Bách Lâm: Sửa đổi lỗi từ nơi cái tâm là bậc thượng, còn sửa đổi lỗi bằng cách đối với từng sự việc bèn tận lực khắc chế dục vọng để

lỗi”, nhìn theo phương diện rõ ràng thì cần phải có bạn lành nhắc nhở. Xét theo phương diện ngấm ngầm thì cần phải có quý thần chứng minh, nhất tâm sám hối, ngày đêm chẳng lười nhác, qua bảy ngày, hoặc mười bốn ngày, cho đến một tháng, hai tháng, ba tháng ắt có hiệu nghiệm. Hoặc là cảm thấy tâm thần thoáng đặng, hoặc cảm thấy trí tuệ nhanh chóng mở mang. Hoặc là đối với những chỗ trầm trệ chẳng thông hiểu khi trước, nay vừa nghĩ tới thấy đều thông suốt. Hoặc gặp oán cừu mà có thể chuyển sân thành hỷ. Hoặc mộng thấy nhả ra vật có màu đen. Hoặc mộng thấy các bậc vãng thánh tiên hiền đề huề tiếp dẫn. Hoặc mộng thấy bay lên thái hư, hoặc mộng thấy tràng phan, lọng báu, các thứ sự việc thù thắng. Đấy đều là các dấu hiệu cho thấy lỗi tiêu, tội diệt vậy; nhưng chớ nên chấp trước chuyện này để rồi tự cao, tự vạch giới hạn, chẳng thể tiến được!

Xưa kia, ông Cừ Bá Ngọc lúc hai mươi tuổi đã cảm thấy thuở trước sai trái, tận lực sửa đổi. Tới lúc hai mươi một tuổi bèn biết những lỗi đã sửa đổi khi trước vẫn chưa hết. Tới lúc hai mươi hai tuổi, nhìn lại khi hai mươi một tuổi, thấy chính mình trong thuở trước giống

khỏi phạm lỗi thì là bậc hạ. Nói “dùng những sự thuộc về bậc thượng để kiềm hành những công phu bậc hạ” tức là sửa đổi từ cái tâm, nhưng không bỏ những chuyện hành trì nơi sự tướng. Tu tập như vậy thì chưa hề bị thất bại, hoặc lạc lối. “Nếu chấp vào bậc hạ, chẳng hiểu rõ những sự nơi bậc thượng” tức là chỉ biết giữ giới nghiêm ngặt nơi hình tướng, không biết chuyển đổi cái tâm, như vậy sẽ là như trừ khử lỗi lầm nơi cành nhánh, không diệt từ căn bản, cho nên sẽ rất tổn công, không phải là phương tiện khéo léo của hàng Bồ-tát!

như vẫn đang ở trong mộng. Do vậy, cứ mỗi năm thêm một tuổi, lần lượt sửa đổi. Lúc năm mươi tuổi, vẫn biết bốn mươi chín năm trước sai lầm. Đạo học vấn về sửa lỗi của cổ nhân là như thế đó. Bọn chúng ta là lũ phàm phu, lỗi ác chi chít như lông nhím. Kể nghĩ lại những chuyện cũ mà thường thấy dường như chẳng có lỗi gì, tức là kẻ tâm thô tháp, mắt bị màng mộng vậy!

Thế mà kẻ lỗi ác sâu nặng, cũng có những điều ứng nghiệm như tâm thần tối tăm, bế tắc, chuyện mới đó mà vừa quay đầu đã quên, hoặc là chẳng có chuyện gì mà thường phiền não, hoặc thấy bậc quân tử mà hổ thẹn, ủ rũ, hoặc nghe chánh luận bèn chẳng vui, hoặc bố thí ân huệ đâm ra bị người khác oán trách, hoặc đem nằm mộng điên đảo. Đến mức quá đáng sẽ là ăn nói hư vọng, thần trí chẳng ổn định. Đấy đều là những tướng cho thấy kẻ đó đã tạo nên mầm mống nghiệp chướng. Nếu thuộc về loại này, hãy nên dững mãnh, hăng hái, bỏ cũ theo mới, mong hãy chớ nên tự làm lạc!”

Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái.

是道則進。非道則退。

Chuyện hợp đạo thì hành theo, chuyện chẳng hợp đạo thì hãy nên tránh né.

Từ chỗ này cho tới câu “tam bách thiện” (ba trăm điều thiện) chính là lời chân thật dạy về chuyện làm lành. Ai có thể dốc hết sức thực hiện sẽ lập tức có

phước báo. Đạo ví như đường lớn. Thuận lẽ trời, hợp lòng người sẽ phẳng phiu ngay thẳng, đấy chính là đạo. Nghịch lẽ trời, trái lòng người sẽ là gai góc hiểm trở, tức là phi đạo. Hai câu này, một đằng là chuyên hướng theo điều lành, câu kia thuộc về sửa lỗi, nhưng chỉ là một ý: Tránh những gì thuộc về phi đạo, thực hiện những chuyện hợp đạo, đều quy vào một điều thiện mà thôi! Hai chữ “tắc” (則) trong hai câu trên đây có nghĩa là phải khẩn thiết đốc thúc. Biện định đúng sai ngay trong một niệm, tiến hay thoái (thực hiện hay tránh né) cần phải quyết định ngay lập tức. Ở chỗ này, cần phải là thủ đoạn chém đỉnh chặt sắt, chẳng thể có mảy may do dự! Nếu ý niệm vừa chuyển sẽ lại đọa vào trong sự nắm giữ của ma. Hãy nên luôn luôn tự kiểm điểm bản thân, chuyện gì cũng phải thận trọng tu tập thì mới là hiểu được ý này.

Đạo ở đây chính là đạo “*thiên mạng vị tánh, suất tánh vị đạo*” (cái được trời ban cho thì gọi là tánh, hành xử theo tánh thì gọi là đạo)¹²⁸. Trong cuộc sống thường nhật, nói năng hay im lặng, động hay tĩnh, không gì chẳng phải là đạo, chỉ cần biết là lẽ chân (đạo) bèn dừng mãi thực hiện. Cổ đức nói: “Đại đạo chẳng lìa trước mắt”, thế nhưng trước mắt lại khó thấy! Phải biết

128 Đây là cách nói gọn của câu “*thiên đạo chi vị tánh, suất tánh chi vị đạo*” trong sách Trung Dung. Chúng tôi dịch câu này dựa theo cách diễn giải của tiên sinh Nam Hoài Cẩn.

chân thể của đại đạo chẳng lia thanh, sắc, ngôn ngữ. Đạo Đức Kinh nói: “*Thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi*” (Người căn cơ bậc thượng nghe đạo, sẽ siêng năng hành theo). Nội Quán Kinh¹²⁹ nói: “*Tri đạo dị, tín đạo nan. Tín đạo dị, hành đạo nan*” (Biết đạo dễ, tin đạo khó. Tin đạo dễ, hành đạo khó). Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn, đoạn trừ nghi võng, xuất ái hà. Khai thị Niết-bàn vô thượng đạo*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức. Nuôi lớn hết thảy các căn lành, đoạn trừ lưới nghi, thoát sông ái. Khai thị đạo vô thượng Niết-bàn). Ấy là vì ai nấy đều có sẵn đạo thể, tuy chìm đắm trong muôn điều dục, nếu chịu nhất niệm hồi quang, điều nào là chân hay chẳng chân sẽ không thể lừa dối dấu bằng mây may được! Đó gọi là “*thiên lý bất tức chi thể*” (cái thể của thiên lý¹³⁰ chẳng hề bị gián đoạn). Mở rộng ra, muôn kiếp ngàn đời chẳng hề bị đọa lạc. “Tri hành hợp nhất”, sẽ trở thành thánh nhân chẳng khó! Hãy nên tin tưởng!

Xưa kia, có một người nông dân từng bị thương bởi hổ. Có người nói đến chuyện hổ tấn công người, ai

129 Bản kinh Đạo gia này có tên gọi đầy đủ là Thái Thượng Lão Quân Nội Quán Kinh, không biết do ai viết, xuất hiện từ đời Tùy, được xếp vào bộ loại Động Thân trong Đạo tạng. Nội dung kinh dạy về cách quán tâm. Cách quán tâm của họ là tĩnh tọa cho quên hết ý niệm, khá tương đồng với các bộ Linh Bảo Định Quán Kinh và Thường Thanh Tịnh Kinh của Đạo gia.

130 “Thiên lý” ở đây nếu hiểu theo nghĩa hẹp của Nho gia sẽ là thiên mạng, tức quy luật vận hành của vũ trụ, chân lý trong vũ trụ. Nếu hiểu theo Phật giáo, sẽ là chân tâm.

nấy đều kinh hãi, chỉ riêng người nông dân ấy vẻ mặt biến đổi dị thường. Ôi, hổ tẩn công người, không ai chẳng biết, nhưng bản thân chưa từng trải qua, vì thế chỉ giật mình. Riêng người nông dân đã chịu nỗi khổ ấy, vì thế mặt tái mét. Người ta vẫn làm những chuyện trái đạo, cũng là do chưa từng thật sự biết. Nếu thật sự biết, quyết sẽ chẳng làm. Người hiện thời ngày đêm mơ màng, chỉ như nằm mộng nói mơ. Trong mỗi khoảnh khắc, hay trong khi nghỉ ngơi đều duy trì, bảo dưỡng cái tâm tỉnh giác ấy. Một điểm linh quang thường tịch, thường chiếu, tuy có trần duyên dấy lên hay diệt mất, bản thể vẫn bất biến. Đấy mới là suốt ngày thâu đêm đều biết đạo, sẽ chẳng có chuyện phi đạo nào khiến cho người ấy bị mê hoặc hay rối loạn được!

Đời Tống, Triệu Thanh Hiến Công¹³¹ mỗi đêm thấp hương tâu trình với trời. Có người hỏi nguyên do, ông bảo: “Tôi từ thuở bé tới nay, ngày làm điều gì đêm ắt tâu trình Thượng đế. Chuyện gì chẳng dám bẩm báo sẽ chẳng dám làm”.

131 Vị này tên thật là Triệu Biện (1008-1084), tên tự là Duyệt Đạo, hiệu là Tri Phi Tử, người xứ Tây An, Cù Châu (nay là Cù huyện, tỉnh Chiết Giang). Ông làm quan thanh liêm, làm quan tới chức Tham tri chánh sự. Do phản đối chánh sách Thanh Miêu (cho nông dân vay nợ trước, đến mùa gặt sẽ trả nợ), bị Vương An Thạch đổi ra làm tri huyện Hàng Châu, rồi bị thuyên chuyển đi nhiều nơi từ Thành Đô cho đến Sơn Đông, mãi về sau mới được đưa về làm tri huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Khi vùng Ngô Việt bị mất mùa to, ông đã tận lực cứu đói. Khi ông mất, vua ban tặng thụy hiệu là Thanh Hiến, nên sách này gọi ông là Triệu Thanh Hiến Công.

Trương Kỳ Uẩn dốc lòng noi Lý học, chú trọng hiếu thảo cha mẹ, hòa hợp với anh em. Mỗi lời lẽ, hành vi đều tuân theo lễ pháp. Hễ hơi phạm sai sót liền thống trách hối cải, suốt đêm chẳng ngủ. Cha mẹ qua đời, mỗi lúc gặp những món cha mẹ lúc còn sống thích ăn, ông luôn đối trước chúng che mặt khóc. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, suốt đời chẳng lấy thêm vợ lẽ. Cư xử trong gia đình nghiêm túc. Dầu ở một mình vẫn chẳng có dáng vẻ lười nhác. Hễ gặp con em ắt sốt sắng khuyên dạy, khiến cho chúng có thành tựu. Người thân, xóm giềng có chuyện nạn gấp, nếu sức mình chẳng thể giúp đỡ toàn vẹn ắt sẽ tìm nhiều cách cầu cạnh người khác lo toan cứu giúp. Hễ chuyện được thành tựu sẽ vui vẻ, nếu không ắt sẽ sầu muộn, than thở chẳng ngơi! Lúc về già càng thêm tinh tấn. Ông thường nói: “Nhà ta từ ông cao tổ là Quán Tâm Công dùng hiếu thảo, hòa thuận để mở mang nền tảng, đời nào cũng giữ lòng trung hậu. Tánh ta vụng về, chẳng thể làm ăn hồng để lại của cải cho con cháu, chỉ mong chẳng khiến cho thanh danh của gia tộc bị đọa lạc, giữ vẹn một mảnh ruộng tâm cho kẻ đời sau gieo cấy mà thôi!”

Đời Hậu Hán, Quán Ninh đã từng cùng với Hoa Hâm cuốc đất, tìm được vàng. Quán Ninh chẳng nhìn tới, Hoa Hâm móc lên quặng đi. Gặp thời loạn lạc, Quán

Ninh lánh nạn sang Liêu Đông. Công Tôn Độ¹³² dùng lễ mời mọc, Quán Ninh không màng. Do vậy, vào núi ở có nhiều người theo ông. Trâu nhà hàng xóm phá ruộng, Quán Ninh bèn dắt trâu tới chốn núi hoang chặn dắt, chủ trâu hổ thẹn, cảm tạ. Dần dần chỗ ông ở trở nên đông đúc. Do vậy, Quán Ninh bèn dạy thi thư, chỉ bày lễ nghi, giảng rõ phép lễ nghĩa, khiêm tốn. Nếu chẳng phải là người cầu học, ông sẽ không tiếp. Phong thái của ông vang dội khắp Liêu Đông, dân chúng được cảm hóa bởi đức hạnh của ông. Mỗi lần gặp Công Tôn Độ chỉ nói về đạo đức, chẳng dính dáng chuyện đời. Công Tôn Độ ca ngợi sự hiền đức của Quán Ninh. Ông ở đất Liêu ba mươi bảy năm, do tuân mạng lệnh của triều đình mà vượt biển trở về. Biển nổi sóng to gió cả, những phu chèo thuyền kêu trời, sám hối tội lỗi. Quán Ninh nói: “Tôi đã từng có một buổi sáng thức dậy không đội mũ, ba buổi sáng dậy quá trễ, một lần đi nhà xí chẳng đội mũ. Tội lỗi ấy là những điều ấy”. Các thuyền cùng đi đều chìm hết, thuyền ông Ninh được thoát. Ông trở về, được phong làm *Đại trung đại phu*, chẳng nhận. Hoa

132 Công Tôn Độ, tự Thăng Tế, là tướng lãnh quân phiệt cuối thời Hán khi Đổng Trác khuynh loát nhà Hán. Xuất thân là nha lại dưới quyền Thái thú Công Tôn Vực, được Công Tôn Vực quý mến, nâng đỡ, Công Tôn Độ được tiến cử làm hữu đạo của quận Huyền Thổ, rồi đến Lạc Dương làm quan, nhận chức Thượng thư lang, sau đó được bổ làm quan ở Ký Lang. Khi Đổng Trác làm Thừa tướng, do mối thân tình với bộ tướng Từ Vinh của Đổng Trác, Công Tôn Độ được bổ làm Thái thú Liêu Đông. Công Tôn Độ hiếu sát, giết gần hết những gia đình vọng tộc ở Liêu Đông, dần dần toan tính độc lập xưng bá, tự xưng là Chu mục xứ Bình Châu, tước Liêu Đông Hầu, không thèm nghe theo lệnh triều đình.

Hâm nhường chức Thái úy, ông cũng từ chối. Ông mất lúc tám mươi bốn tuổi. Nơi cái giường gỗ ông thường ngồi, hai chỗ ông đặt đầu gối đều bị lõm xuống, chứng tỏ suốt năm mươi năm chưa từng có gối ngồi xỏm. Thân thích, hàng xóm có người nghèo túng, dẫu nhà thiếu gạo ăn, ông ắt sẽ chia sẻ cứu giúp. Với con bèn nói đến hiếu, với em bèn nói nhường, với bầy tôi bèn nói trung. Dáng vẻ cung kính, ngôn từ nhu thuận, có thể nhờ vào sự việc để hướng dẫn người khác về điều lành. Những kẻ biết thẹn chẳng ai không được cảm hóa.

Người hiện thời hãy thử nghĩ trong mười hai thời, đối với những chuyện trái ý trong gia đình có nên sanh phiền não hay không? Ở yên, no ấm có nên sanh lòng dâm dục hay không? Sanh kế rất đặm bạc có nên tranh đoạt danh lợi hay không? Lìa khỏi sự đốc thúc của những người bạn đạo, chính mình có sanh hôn trầm, lười nhác hay không? Sống yên ổn có đừng nghĩ tới ruộng đất, nhà cửa hay không? Thấy kẻ khác phú quý có đừng nghĩ tới chuyện vinh hoa hay không? Chính mình nghèo hèn có đừng nghĩ chuyện buôn chải, tranh giành hay không? Hễ có một điều trong những điều ấy, sẽ đều đủ để thoái thất đạo tâm, trở thành trái lý, chớ nên lơ là! Vì thế kẻ phản tỉnh, học đạo chân thật, hiểu biết những điều sai trái sẽ tiến bộ nơi đạo.

Bất lý tà kính, bất khi ám thất.

不履邪徑。不欺暗室。

Chẳng đi theo nẻo tà, chẳng lừa dối khi ở trong buồng tối.

“Lý” (履) là chỗ đích thân thực hiện, cũng như những chỗ nghĩ đến sẽ đều gọi là lý. Chữ “tà kính” (邪徑) chỉ những chỗ hết sức nhỏ nhiệm, dễ bị sơ sót, ý nói là những chuyện hoặc những niệm tà vạy. “Khi” (欺, lừa dối) có nghĩa là biết rõ mà cố ý vi phạm. “Ám thất” (暗室, phòng tối) là chỗ người khác chẳng thấy, chẳng nghe, đây chính là ranh giới phân chia ban đầu giữa thiện và ác vạy. “*Bất lý tà kính*”: Từ nơi nguồn tâm, luôn chú trọng giữ cho nó đàng hoàng, chánh đáng từng ly từng tý. Tuy là đường tà nhỏ nhặt, nó có mối quan hệ rất vi tế. Cho đến khi ấy sẽ quyết đoán chẳng làm theo. Như thế thì đối với những điều to tát sẽ biết phải nên làm như thế nào. “*Bất khi ám thất*”: Quét dọn nguồn tâm cho sáng ngời rạng rỡ. Tuy là chỗ buồng kín chỉ riêng ta biết, tức là chỗ kín đáo nhất, ngay trong khi ấy cương quyết chẳng cầu thả. Như vậy thì đối với những chỗ tỏ lộ (ai cũng trông thấy), sẽ biết phải nên hành xử như thế nào. Có thể làm như thế, sau đây tích lũy công đức, hành các điều lành, do một điều sẽ quán thông hết thảy.

Phước do đức mà có. Hễ có đôi chút cái tâm mong cầu [được phước khi tích lũy công đức], sẽ là tà kính (nẻo tà). Vì thế, phải nên vì con cháu tạo phước, chớ nên

vì con cháu cầu phước. Giữ gia quy nghiêm cẩn, chuộng tiết kiệm, chất phác, dạy bảo con cháu cày cấy, đọc sách, tích lũy âm đức. Đó là tạo phước. Tạo tác ruộng đất, nhà cửa cho nhiều, dùng các mối quan hệ hôn nhân để tạo vây cánh, tìm cách bớt tiền đóng thuế, mua bán công danh, đấy là cầu phước. Tạo phước thì phước ấy thanh đạm nhưng lâu dài, cầu phước thì phước ấy nồng đượm nhưng ngắn ngủi. Danh phải tương ứng với thực chất, hễ hơi có cái tâm cầu danh sẽ là nẻo tà! Vì thế, hãy nên tiếc danh trong đời này, chớ nên cầu danh trong đời này! Siêng học thi thư, đề cao khí tiết, thận trọng trong việc cho và nhận, cẩn trọng oai nghi, đó là tiếc danh. Cạnh tranh để được nổi tiếng, ve vãn bậc quyền quý, truy cầu những kiểu thói quái lạ, quen thói hành xử hàm hồ, đó là cầu danh. Kẻ tiếc danh sẽ an tĩnh thanh tịnh. Kẻ mua danh sẽ xáo động trật vuột.

Tiền tài là để nuôi dưỡng sanh mạng, hễ hơi có cái tâm phô trương tiền tài sẽ là nẻo tà! Vì thế, hãy nên vì cả nhà dụng tài, chớ nên vì cả nhà phô trương tiền tài. Giúp đỡ họ hàng, xóm giềng, trả tiền lương rộng rãi cho thầy dạy học, cứu giúp kẻ đói kém, đóng góp cho các việc nghĩa, đấy là “dụng tài”. Nhà cửa vườn tược xa hoa, bỏ tiền ra thuê người dạy ca múa¹³³, tiệc tùng xa xỉ, chất

133 Khi xưa, những nhà quý tộc giàu có thường nuôi con hát trong nhà. Nhiều nhà còn có riêng rạp hát, đoàn hát với toàn bộ ca nhi, nhạc công. Theo ông Hoàng Bách Lâm, nếu hiểu theo nghĩa hiện thời, điều này sẽ có nghĩa là mua sắm những thiết bị âm nhạc, phương tiện giải trí đắt tiền như máy

chứa những đồ vật quý báu đẹp đẽ, đó là phô trương tiền tài. Dựng tài thì tuy tiền tài hao tổn nhưng rồi sẽ lại tràn đầy; phô trương tiền tài, thoát đầu thì choáng lộn, cuối cùng thiếu hụt. Bản thân là người làm chủ gia đình, hễ có cái tâm riêng tư sẽ là nẻo tà! Vì thế, hãy vì đại chúng mà tu thân, đừng nên ích kỷ chỉ lo riêng cho gia đình mình. Giảm bớt ham muốn, giảm bớt lo nghĩ, tránh phần hận, bớt ăn uống, đó là tu thân. Chuyện gì cũng tính lợi hại, tránh né những chuyện nhọc nhằn, hoặc [những chuyện mà khi ta lo liệu sẽ dễ] bị oán trách, chăm bẵm nhà cửa, chấp trước vợ con, đó là “tu thân” (私身, lo riêng cho bản thân). Tu thân thì thoát nhìn dường như là tiết chế, an phận, nhưng sẽ có tiếng tăm to lớn. Tu thân thì tuy có vẻ giàu có, nhưng hẹp hòi, kém cõi.

Dục Thánh Chân Quân¹³⁴ dạy ông Trương Thủ Chân như sau: “Nếu có thể thanh sạch cái thân, giữ lễ chánh, tắc lòng chẳng lừa dối, tự nhiên sẽ ngầm hợp thiên lý”.

Quan Thánh Đế Quân nói: “Người có tâm như

karaoke, home theater, mượn thầy dạy khiêu vũ riêng v.v...

134 Dục Thánh Chân Quân, còn gọi là Hắc Sát Nguyên Soái, là một vị thần bảo hộ trong Bắc Cực Tứ Thánh của Đạo giáo. Tứ Thánh là Thiên Bồng, Thiên Do, Chân Vũ và Dục Thánh. Vị này được biết tới do đạo sĩ Trương Thủ Chân đề xướng. Theo họ Trương, vào thời Bắc Tống, ông ta đi vào núi Chung Nam Sơn gặp một vị thần tiên hiển linh, tự xưng là Cao Thiên Đại Thánh Ngọc Đế Phụ Thần có sứ mạng phù tá nhà Tống, dạy Trương Thủ Chân làm đàn cầu Hắc Sát Thần bảo hộ hoàng triều. Tống Thái Tổ phong cho Hắc Sát Thần làm Dục Thánh Tướng Quân. Về sau Tống Chân Tông lại gia phong là Dục Thánh Bảo Đức Chân Quân.

trên bầu trời có mặt trời. Quang minh soi thấu suốt, từng ly từng tí chẳng riêng tư”.

Lục Tượng Sơn¹³⁵ nói: “Con người chỉ có một tâm, dấy lên ý niệm, ý niệm có chánh đáng hay không chỉ trong khoảnh khắc! Nếu một niệm bất chánh mà trong khoảnh khắc sẽ biết ngay, sẽ liền có thể đoan chánh ý niệm. Ý niệm đoan chánh mà trong khoảnh khắc bị mất đi tức là bất chánh. Những điều này đều ở ngay trong một cái tâm của con người”.

Kinh Thư nói: “*Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh*” (Thánh mà chẳng chế ngự được ý niệm sẽ thành cuồng, kẻ cuồng mà có thể khắc chế ý niệm sẽ là thánh). Thánh hiền ngàn đời [sở dĩ thành thánh thành hiền] bất quá là có thể soi xét chỗ vi tế ngay trong một niệm. Trời đất quỷ thần phần nhiều giám sát điều thiện lẽ ác ở chỗ này. Người nào có thể từ nơi đây mà cúi đầu, ngẩng đầu chẳng thẹn, chẳng xấu hổ với bóng áo, lẽ nào có thể làm chuyện sai quấy ở nơi riêng tư ư?

Bài thơ Không Lừa Dối của ông Vương Mai Khê¹³⁶

135 Lục Tượng Sơn tên thật là Lục Cửu Uyên (1139-1193), tự Tử Tinh, người xứ Kim Khê, Phủ Châu (nay là huyện Kim Khê, tỉnh Giang Tây). Ông là một nhà triết gia theo trường phái Lý học, và cũng là một văn gia lừng danh thời Bắc Tống. Do ông sáng lập Tượng Sơn Thư Viện nên thường được gọi là Lục Tượng Sơn, hoặc Tượng Sơn Tiên Sinh.

136 Vương Thập Linh (1124-1171), tự là Quy Linh, hiệu là Mai Khê, người xứ Lạc Thanh, Ôn Châu (nay là huyện Lạc Thanh, tỉnh Chiết Giang). Ông là một

có đoạn: “Thất minh, thất ám lưỡng hê nghi, phương tổn thường tôn bất khả khi, mạc vấn thiên cao quý thân ố, yếu tu tiên úy tị gia tri” (Thường giữ tắc lòng không đối trá, dẫu nhà sáng tối há ngờ chi. Khoan sợ trời đất quý thân ghét, hỡi sợ nhà mình biết trước đi).

Trong bài Ủy Thuyết (nói về Sợ) của Trúc Căn lão nhân có đoạn: “Nói chung, lòng người chẳng thể không biết sợ, còn có lòng kiêng sợ hay không chính là căn cứ để phán định thiện hay ác vậy. Do vậy, quân tử trong là sợ cha mẹ, ngoài thì sợ thầy bạn, ngẩng lên bèn sợ trời, cúi xuống bèn sợ người. Chỉ vì có lòng sợ, cho nên chuyện phi lễ chẳng dám làm, chuyện phi nghĩa không dám rở. Hễ một niệm hổ thẹn ắt tâm sẽ bị chấn động, áy náy. Hễ có chuyện đáng xấu hổ, đáng vẻ sẽ hổ thẹn. Dè dặt, kiêng sợ, tự gìn giữ, hằng ngày sẽ giảm bớt lỗi mà chẳng tự biết, sẽ dục vào hàng quân tử vậy”.

văn nhân nổi tiếng của nhà Tống. Khi ông còn trẻ, do Khâm Tông bị người Kim bắt, Cao Tông chạy về Nam lập ra Nam Tống, trọng dụng Tân Cối. Vì Tân Cối lũng đoạn quy chế thi cử, ông không đi thi. Cho đến khi Tân Cối chết, ông mới đi thi và đỗ tiến sĩ khi đã bốn mươi một tuổi. Do tán đồng quan điểm đánh lên phía Bắc để chiếm lại đất đai của nhà Tống từ tay quân Kim, ông bị phe chủ hòa vùi dập. Khi làm Thị ngự sử dưới thời Tống Hiếu Tông, trong vòng một tuần lễ, ông đã dâng mười sáu tờ sớ hạch tội quyền thần Sử Hạo. Do thấy Hiếu Tông chủ hòa, ưa nịnh, thiếu sáng suốt, ông chán nản, từ quan. Nhưng năm sau triều đình gọi ông đi coi Nhiêu Châu, rồi Quỳ Châu, Tuyên Châu. Ông luôn chú trọng việc nông, thủy lợi, yêu dân như con, được dân Tuyên Châu lập đền thờ sống. Năm 1171, triều đình lại gọi ông về giữ chức Chiêm sử trong cung Thái tử, nhưng ông bệnh nặng, mất vào tháng 7 năm ấy, thụy hiệu là Trung Văn.

Đời Tống, Lưu An Thế¹³⁷ tuổi đã già, danh càng trọng. Lương Sư Thành¹³⁸ nắm quyền, có thể quyết định sự sống chết của kẻ khác, trong tâm khâm phục sự hiền năng của ông Lưu, sai người đến khuyên dụ để trọng dụng ông. Do đó, người ấy khuyên ông hãy tính toán cho con cháu. An Thế cười bảo: “Nếu ta vì con cháu sẽ chẳng chờ đợi cho đến hiện thời. Bị bãi truất ba mươi năm ta chưa hề viết một chữ nào gởi cho bậc quyền quý trong triều để nhờ vả. Ta mong gìn giữ nhân cách hoàn mỹ thời Nguyên Hựu¹³⁹ để gặp ngài Tư Mã Quang dưới tuổi vàng, chẳng thể phá giới được!” Ông trả lại thư ấy, chẳng đáp!

Đời Minh, Đồng Phác từ quan về nhà. Đứng dịp

137 Lưu An Thế (1048-1125), tên tự là Khí Chi, người huyện Đại Danh, tỉnh Hà Bắc. Ông vốn là học trò của Tư Mã Quang. Khi Tư Mã Quang làm Tể tướng, đã đề cử ông làm việc ở Quốc sử quán, tiến dần lên chức Giám nghị đại phu. Ông nổi tiếng cương trực, bàn luận không kiêng nể, vị tình, thẳng thừng vạch trần những lập luận quanh co, lừa gạt của các kẻ quyền thần hay những gã xu phụ trong triều, khiến họ rất e ngại. Vì thế, các đồng liêu thường gọi ông là Điện Thượng Hồ (cọc trên triều đình). Khi Tống Huy Tông lên ngôi, do sợ bị ông chỉ trích, đã đưa ông đi làm tri phủ Chân Định. Khi gian thần Thái Kinh làm Tể tướng, hấn đã đày ông đến Hiệp Châu.

138 Lương Sư Thành, tên tự là Thủ Đạo, là hoạn quan thời Bắc Tống, kết bè kéo cánh với Thái Kinh, Đồng Quán, Vương Phủ, Lý Ngạn, và Chu Dận thao túng triều chánh thời Tống Huy Tông, Sử thường gọi bọn họ là Lục Tặc (sáu thằng giặc). Sư Thành chỉ biết đọc biết viết, thoạt đầu là thái giám chuyên truyền chỉ dụ của nhà vua, trông coi tạp vụ tại Nghệ Thư Cục. Do khéo nịnh hót, miệng lưỡi trơn tru, hấn được vua đặc cách ghi tên vào sổ tiến sĩ, lại được cử làm Quan sát sứ duyệt châu rồi Tiết độ sứ, Kiểm hiệu thái phó. Sau đó Thái úy, Khai phong nghị đồng tam tư oai quyền lấn át Hoàng đế. Người đương thời gọi hấn là Ẩn tướng (vị Tể tướng ẩn mặt).

139 Nguyên Hựu là niên hiệu của Tống Triết Tông.

sứ giả¹⁴⁰ đến đất Sở (Hồ Bắc) là học trò của ông. Trước đó, người ấy đã gởi đề thi do các quan chủ khảo định sẵn trong khoa thi ấy cho ông. Ông đốt đi không cho con xem, về sau con ông thi đỗ.

Đời Minh, có quan Thượng thư tên Dương Chủ, là người huyện Ngô. Mộng thấy đến chơi một khu vườn, ăn hai quả mận. Tỉnh giấc bèn tự trách: “Do ta thường ngày đối với nghĩa và lợi chẳng hiểu rõ, cho nên đến nông nổi này”. Ông bèn nhịn ăn nhiều ngày!

Xưa kia, có một sa-di tám tuổi tên là Diệu Nhan, đã trọn đủ thần thông của bậc La-hán, bay vào vương cung. Hoàng hậu muốn ôm lấy, Diệu Nhan nói:

- Hãy ngừng lại, đừng làm vậy! Chớ nên thân cận sa-môn.

Hoàng hậu nói:

- Khanh còn nhỏ, giống như con của ta, tuy ôm khanh cũng có sao đâu!

Diệu Nhan đáp:

- Nếu nói theo tình cảm thế gian, đúng như phu nhân đã dạy; nhưng tình chấp đều từ điều nhỏ nhặt mà dấy lên, ví như một đốm lửa, có thể đốt cháy vạn dặm

140 “Sứ giả” ở đây có nghĩa là quan do triều đình phái xuống làm chủ khảo khoa thi tại tỉnh Hồ Bắc.

đồng hoang! Ví như từng giọt nước có thể xuyên thủng đá Thái Sơn! Mọi chuyện đều do dần dà mà thành, do ít mà thành nhiều, do nhỏ mà thành lớn. Vì thế, người trí tránh xa chuyện hiểm nghi, dập tắt những gì vừa mới manh nha!

Đời Hán, Dương Chấn làm Thái thú quận Đông Lai, trên đường đi qua Xương Ấp. Viên quan đứng đầu huyện ấy là Vương Mật, vốn là một tú tài¹⁴¹ được ông Dương đề cử. Đêm khuya, Vương Mật đem vàng đến yết kiến, dâng lên. Dương Chấn khước từ. Vương Mật nói: “Đêm sâu chẳng có ai biết”. Dương Chấn nói: “Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết. Sao lại nói là không ai biết?” Vương Mật hổ thẹn lui ra. Dương Chấn làm quan tới địa vị Tam công¹⁴².

Hà Trùng giỏi nghề thuốc. Có người họ Tôn, bệnh đã lâu không lành, mời Hà Trùng đến chữa mấy lần. Vợ người ấy ngầm nói với Hà Trùng:

141 Nguyên văn là Mậu Tài. Ông Hoàng Bách Lâm nói Mậu Tài chính là tú tài. Do Hán Quang Vũ Đế tên là Lưu Tú, nên sách vở thời Hán kỵ húy, viết Tú thành Mậu.

142 Đến cuối đời, Dương Chấn được bổ làm Thái úy. Theo quy chế đời Hán, đây là chức quan chỉ huy cao nhất trong quân đội. Thời Tây Hán, Thái úy, Thừa tướng và Ngự sử đại phu được gọi là Tam công. Thời Đông Hán, Thái úy đổi thành Đại Thái úy, cùng với Tư đồ và Tư không được gọi là Tam công. Dương Chấn sống vào thời Đông Hán. Dòng họ ông có đến bốn đời lần lượt làm Thái úy, tức là bản thân ông, con trai là Dương Bình, cháu là Dương Tú, chắt là Dương Tổ đều làm Thái úy. Cụ tằng tổ của ông là Dương Sùng làm Thừa tướng thời Hán Cao Tổ.

- Chồng tôi bệnh lâu ngày, tài sản trong nhà đã cầm bán gần hết rồi, xin dùng tấm thân này để trả tiền thuốc.

Hà Trùng nghiêm mặt nói:

- Có sao bà nói vậy? Bà hãy yên lòng, đừng lo. Tôi sẽ chữa trị. Nếu làm chuyện ô nhục ấy, không chỉ là khiến cho tôi vĩnh viễn là đứa tiểu nhân, mà bà cũng bị mất danh tiết. Dẫu chẳng bị người trách, khó tránh trời phạt!

Về sau, Hà Trùng mộng thấy mình đến một dinh thự, thần bảo:

- Người làm nghề y có công, lại chẳng vì người ta gặp lúc khó khăn, ngặt nghèo mà dâm loạn phụ nữ của họ, Thượng đế ban cho người một chức quan, năm vạn quan tiền.

Không lâu sau, Hoàng thái tử mắc bệnh, tìm thầy thuốc chữa trị đều không lành, đến cuối cùng kiếm được Hà Trùng, chẳng cần thuốc thang mà lành bệnh. Vua ban chức quan và tiền bạc đều đúng như con số thần đã dạy.

Tích đức lũy công.

積德累功。

Tích lũy công đức.

Gìn giữ chân tâm là đức, thể hiện qua các sự gọi là công. Do ít thành nhiều, từ thấp lên cao, đó là lũy.

Đức chẳng tích sẽ không cao. Công chẳng lũy (累, chất chứa) sẽ chẳng to. Nếu có thể chú trọng tỉ mỉ như nông dân mong được mùa; nóng lòng mong mỗi phát tài như con buôn đang kinh doanh, hôm nay tích một đức, ngày mai lại tích một đức, hôm nay chứa một công, ngày mai chứa một công khác nữa. Nói: “Để trở thành thiên tiên, hãy thực hành một ngàn ba trăm điều thiện chỉ trong bốn năm. Để thành địa tiên thì hành ba trăm điều thiện chỉ trong một năm”, vậy thì phàm nhân sẽ chẳng thể, sợ rằng sẽ đến nỗi bỏ dở giữa chừng. Ấy là vì chấp trước đã sâu, tập nhiễm (những thứ đấm nhiễm do tập khí) khó trừ. Lý chẳng thắng nổi dục¹⁴³, lương tâm vừa dấy lên lại bị ngưng lặng. Vì thế, rốt cuộc chẳng có dịp để làm lành!

Chỉ mong những người đã phát khởi thiện nguyện trong cõi đời hãy có tấm lòng chân tín, tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn, tâm kiên trì, vĩnh hằng. Chớ nên vì keo kiệt tiền của mà bỏ dở giữa chừng. Chớ sợ những lời lẽ chê bai mà tự ngờ vực. Chớ quen thói an nhàn, thuận tiện để rồi chẳng mạnh mẽ, hăng hái. Chớ bị ham muốn riêng tư lôi kéo để rồi chẳng cương quyết, đoạn tuyệt những thói hư tật xấu. Chớ qua loa tắc trách để rồi bỏ dở nửa chừng. Chớ chấp vào sự thành tựu nhỏ nhặt mà vui sướng tự mãn. Chớ mong mỗi những điều

143 Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này có nghĩa là tuy hiểu đạo lý, nhưng không thực hiện được, tức là lý trí không thắng nổi dục vọng tâm thường.

hiếm hoi, cao xa, để rồi chẳng chú trọng thật sự tu tập. Chớ vì thấy sự việc to tát mà ngại khó. Chớ vì điều lành nhỏ nhoi mà xem nhẹ. Chớ vì sự việc phiền toái mà đùn đẩy cho người khác. Chớ tiếc nuôi danh tiết để rồi chẳng cứu người hoạn nạn. Chớ gắng sức nơi chỗ dễ thấy mà lơ là chỗ ẩn kín. Chớ gắng sức nơi hành vi mà xem nhẹ lời ăn tiếng nói. Chớ nói ngọt ngào sáo rỗng, để rồi hành vi chẳng phù hợp sự thật. Chớ giữ cái thường hằng, xem nhẹ cái tạm bợ. Chớ siêng lúc đầu, biếng nhác lúc sau. Chớ tỵ hiềm. Chớ ngại kẻ khác oán hận [để rồi không tích lũy công đức]. Chớ chần chừ, chớ gián đoạn, chớ lỗ mãng, chớ mong được báo đáp, chớ ham danh. Hễ gặp hết thấy các việc thiện hãy đều hoan hỷ hành trì, hành xử khéo léo cốt sao thành tựu mới thôi. Như vậy mới là chúng tử tốt đẹp trong việc phụng trì, tích lũy công đức vậy!

Tử Hư Nguyên Quân nói: “Xưa kia có Phó tiên sinh, từ bé đã ham thích đạo. Vào ở nơi thạch thất trong núi Tiêu, tu tập ba năm, bỗng gặp Thái Cực Chân Nhân¹⁴⁴ trao cho cái dùi gỗ bảo hãy đục thủng một tảng đá, căn dặn: “Đá thủng thì ta sẽ độ ngươi”. Đá dày hơn năm thước, ông Phó cứ dùi mãi không ngừng. Trải qua bốn mươi bảy năm, đá bỗng bị xuyên thủng. Thái Cực Chân Nhân quả nhiên đến độ ông ta. Phàm tích lũy

144 Theo sách Vân Cáp Thất Thiên, Thái Cực Chân Nhân tên là Đỗ Xung, tự Viễn Dật, sống vào thời Chu Chiêu Vương, thành tiên vào thuở ấy.

công đức, tuy chẳng phải là dùi đá, nhưng cứ từ chuyện này mà suy, chỉ sợ người ta không làm, hoặc bỏ cuộc giữa chừng vậy. Kê có chí, sự rốt cuộc sẽ thành, chuyện này chẳng phải là được chứng nghiệm rõ ràng đó sao?”

Đời Tống, Thái thú xứ Trấn Giang là Cát Phồn, mỗi ngày hành mấy điều thiện, suốt bốn mươi năm chẳng bỏ. Người khác thưa hỏi, ông nói: “Ta chẳng có gì khác, chỉ là mỗi ngày làm một, hai chuyện có lợi cho người khác”. Nhân đó, ông chỉ cái bực lót chân nơi chỗ ngồi, bảo: “Vật như thế nếu kê chẳng ngay, ắt sẽ làm dập chân người khác. Ta kê lại cho ngay ngắn. Người ta khát bèn cho một chén nước, đều là những chuyện lợi lạc. Từ bậc khanh tướng cho đến người ăn mày đều có thể làm được. Chỉ là làm lâu ngày thì sẽ có lợi ích đó thôi!”

Dương Tuần làm Thôi tư¹⁴⁵ xứ Quỳ Châu, tích lũy công đức, bắt chước ông Chu Trì hành mười điều lợi ích trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Một là thu nhặt những trẻ nhỏ bị bỏ rơi trên đường phố, cạy người

145 Theo quy chế đời Tống, cơ cấu tư pháp được chia thành hai hệ thống là Sự thật thẩm và Pháp luật thẩm. Sự thật thẩm nhằm thẩm vấn, phá án, phán tội, còn Pháp luật thẩm là cơ quan giám sát, nhằm đảm bảo việc xử án đúng luật, không oan khuất. Những quan lại trực thuộc hệ thống Sự thật thẩm sẽ được gọi là Thôi tư, Ngục tư và Thôi khám quan. Những vị quan thuộc về Pháp luật thẩm sẽ được gọi là Pháp quan hoặc Kiểm pháp quan. Quy chế song hành này được áp dụng từ trung ương cho đến địa phương, thường gọi là Tả đoán hình, Hữu trị ngục, tức là các vị thuộc cơ cấu bên tả sẽ lo việc thi hành luật, các vị thuộc cơ cấu bên hữu sẽ phụ trách giám sát.

chăm sóc. Chờ cho nó đến tuổi mười lăm, nếu nó muốn nhận lại cha mẹ ruột sẽ trao lại cho đoàn tụ với cha mẹ. Thứ hai, mỗi mùa đông, bắt đầu từ ngày mồng 3 tháng 11, sẽ thu nhận người từ sáu mươi tuổi trở lên, trẻ nhỏ dưới mười lăm, và kẻ ăn mày, người nghèo hèn vào Dưỡng Tế Viện của chính ông. Mỗi ngày cho một thung gạo, mười lăm đồng. Ba tháng sau sẽ để họ tự mình tìm cách sống. Thứ ba, thí rộng rãi những loại thuốc thang có hiệu nghiệm để giúp đỡ người bệnh khổ. Thứ tư, thí quan tài, chu cấp những gia đình không có sức mai táng. Thứ năm, thí gái trưởng thành, chẳng đòi tiền chuộc thân, mà ban cho quần áo, tư trang đúng mức, giúp nó lấy người thích đáng. Thứ sáu, chuyên nhất kiêng giết, cứu vớt, bảo vệ chúng sanh. Hễ gặp loài vật dù là phi cầm hay tẩu thú, lớn hay nhỏ, đều mua hay chuộc lấy để phóng sanh. Thứ bảy, mỗi khi gặp nạn mất mùa, lương thực đắt đỏ, thiếu thốn, ông bèn chẩn tế dân nghèo. Thứ tám, hễ thánh tượng trong chùa hoặc đạo quán bị tổn hoại, tróc lở, sẽ sửa chữa, tô điểm. Cầu, bến, đường sá, ngòi, rạch chẳng thông sẽ đều sửa chữa. Thứ chín, đối với hàng sĩ phu lưu lạc xa quê, bèn giúp tiền cho họ về quê. Thứ mười, làm quan bèn giúp người khác giải bày nỗi oan uổng, luôn biết nghĩ tới người khác, giúp đỡ người gặp cảnh nguy khốn, đê nén kẻ cậy quyền hiếp đáp, giúp người yếu được sống yên. Về sau, con ông là Dương Xuân đỗ đầu thiên hạ (đỗ trạng nguyên). Phàm những kẻ chẳng biết

do trông tĩa sẽ có lợi ích được mùa vào tiết thu, thấy người khác gieo hạt bèn chê trách: “Sao lại lấy thứ để ăn đem vút xuống bùn lầy?” Kẻ chẳng biết phước điền cũng giống như thế. Ngạn ngữ có câu: “Trồng tre được măng, gieo sen được ngó”. Phàm những ai cùng hàng với tôi, đã biết nghiệp rồi hãy thận trọng, đừng tiếc sức gieo trồng phước điền!

Đời Hậu Chu, ông Yên Sơn Đậu Vũ Quân, làm quan *Gián nghị* thời Ngũ Đại¹⁴⁶, đã ba mươi tuổi mà

146 Ngũ Đại là thời phong kiến quân phiệt cát cứ sau khi nhà Đường diệt vong kéo dài từ năm 907 cho đến 979. Sử thường gọi thời này là Ngũ Đại Thập Quốc vì có năm triều đại chính nối tiếp nhau, đồng thời có đến mười tiểu quốc xen kẽ. Thời kỳ này chấm dứt khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất Trung Hoa. Năm triều đại là:

1. Hậu Lương (907-923), do Chu Ôn sáng lập, kéo dài được ba đời vua, kinh đô là Khai Phong.
2. Hậu Đường (923-937), do Lý Tôn Úc sáng lập, kéo dài bốn đời vua, kinh đô là Lạc Dương.
3. Hậu Tấn (936-947), do Thạch Kính Đường sáng lập, được hai đời vua, kinh đô là Khai Phong.
4. Hậu Hán (947-951), do Lưu Trí Viễn sáng lập, hai đời vua, kinh đô là Khai Phong. Đây là triều đại ngắn nhất trong lịch sử Trung Hoa.
5. Hậu Chu (951-960), do Quách Oai sáng lập, ba đời vua, kinh đô là Khai Phong.

Thập Quốc là mười quốc gia trong giai đoạn ấy, tức Ngô (902-937, do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (937-975, do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (907-978, do Tiền Liêu sáng lập), Mân (909-945, do Vương Thẩm Tri sáng lập), Bắc Hán (951-979, do Lưu Mân sáng lập), Tiền Thục (903-925, do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (934-965, do Mạnh Tri Tường sáng lập), Kinh Nam (924-963, do Cao Quý Hưng sáng lập), Sở (927-951, do Mã Ân sáng lập), Nam Hán (917-971, do Lưu Cung sáng lập). Dưới thời Nam Hán, ngay trong thời Lưu Cung (Nam Hán Cao Tổ), tại Giao Châu, Ngô Quyền đã dấy binh từ Ái Châu (vùng Thanh Nghệ) khởi nghĩa tấn công tiết độ sứ Giao Châu là Kiều Công

chẳng có con. Mộng thấy ông nội bảo: “Ngươi không có con, lại chẳng thọ. Hãy nên sớm làm lành”. Vũ Quân vâng dạ. Ông Đậu làm người có phong thái của bậc trưởng giả. Trước kia, có gã đầy tớ ăn cắp hai trăm ngàn đồng, lo chuyện bị phát giác, do hấn có đưa con gái còn thơ ấu, bèn tự viết bằng khoán buộc vào tay con gái, ghi rằng: “Bán đứa bé gái này vĩnh viễn cho nhà ông để đền tiền thiếu nợ”, rồi trốn xa. Ông Quân thương xót, đốt tờ bằng khoán ấy, dặn vợ hãy nuôi nấng cẩn thận. Khi đứa con gái ấy đến tuổi cài trâm, ông bèn dùng món tiền hai trăm ngàn làm của hồi môn, chọn người đàn ông để gả. Gã đầy tớ nghe chuyện, cảm động khóc lóc, trở về đợi ông trị tội. Ông bỏ lưng, không hỏi tới. Lại vào hôm Nguyên Đán ở chùa Diên Khánh, ông nhặt được hai đĩnh vàng và mười lượng bạc, bèn cầm về. Hôm sau đến chùa, đợi người mất của để trả lại, người ấy bèn dùng món tiền đó để chuộc tội cho cha. Lại nữa, những người cùng họ hoặc thông gia hễ có tang mà chẳng thể làm đám ma được, ông bèn bỏ tiền an táng. Có đến hai mươi bảy trường hợp như thế. Có cô gái nào chẳng thể gả chồng, ông bèn bỏ tiền lo cưới gả, có đến hai mươi tám trường hợp như vậy. Những

Tiền (gã này đã giết Dương Diên Nghệ để tiếm quyền). Kiều Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán, Lưu Cung sai đưa con thứ chín là Lưu Hoàng Thao dẫn quân đánh Giao Châu (thời ấy được gọi là Tĩnh Hải). Ngô Quyền đã tốc chiến tốc thắng, giết chết Kiều Công Tiễn, hạ thành Đại La trước khi quân Nam Hán kéo sang. Do kiêu căng, vô mưu, Hoàng Thao bị rơi vào bẫy phục binh của quân Việt và bị giết chết. Thế là nước Việt được độc lập, chấm dứt thời kỳ Bắc Thuộc.

thân thích bằng hữu nghèo túng, cần tiền nhiều hay ít, ông đều cho vay để họ buôn bán. Nhờ ông mà mấy chục nhà được sống sót. Hiền sĩ bốn phương nhờ ông đề cử chẳng thể kể xiết!

Ông lại còn ở phía Nam nhà mình, lập thư viện rộng bốn mươi gian, chứa đến ngàn quyển sách, lễ thỉnh bậc nho sĩ có tài văn chương và đức hạnh đến làm thầy. Những kẻ mồ côi, nghèo túng nhưng có chí học hành từ bốn phương nghe chuyện ấy tự đến, được ông cấp lương thực và tiền chi dụng hậu hĩnh. Vì thế, những sĩ tử ấy văn chương, kiến thức ngày càng rộng rãi. Mỗi năm, ông tính toán thu nhập, trừ món tiền dùng để cúng giỗ ra, khoản còn lại đều dùng giúp đỡ kẻ khác. Trong nhà hết sức tiết kiệm giản dị, chẳng có đồ trang sức bằng vàng ngọc. Vợ không chung diện lụa là. Về sau, ông lại mộng thấy ông nội bảo: “Người không có con, tuổi thọ lại ngắn ngủi. Do mấy năm tích lũy âm đức, đã được ghi danh nơi thiên tào. Thượng đế đặc biệt tặng cho người thọ thêm ba mươi sáu năm, có năm con trai quý hiển, phước thọ. Sau khi mất, còn được bổ làm Động Thiên Chân Nhân”. Lại nói: “Lý âm dương nói chung là chẳng khác! Thiện báo ác báo, hoặc phát sanh trong đời này, hoặc báo ứng trong đời sau. Lưới trời tuy thưa nhưng khó lọt. Chớ nên nghi ngờ!” Ông càng tích lũy âm công, năm con trai, tám cháu nội

đều quý hiển¹⁴⁷. Ông hưởng thọ tám mươi hai tuổi. Một tối, ông cùng với thân hữu cười nói rồi qua đời.

Đời Tống, Ngụy Công Hàn Kỳ¹⁴⁸, đỗ tiến sĩ từ lúc còn ít tuổi. Điều đáng nói nhất là ông có thể hiếu thảo với tổ tiên, cha mẹ, nuôi dưỡng các cháu giống hệt như con ruột của chính mình. Ông chu cấp cơm áo cho một trăm người họ hàng. Hễ được vua ban thưởng sẽ luôn chia sẻ cho thân tộc trước. Ông làm Tể tướng của ba triều vua. Nếu là chuyện có lợi cho xã tắc, hễ biết đến, không gì chẳng làm! Dốc trọn lòng trung dũng hòng làm cho thiên hạ thái bình. Ông dạy con noi theo điều nghĩa, nghiêm ngặt, chẳng thể vi phạm! Ngôn ngữ và cách hành xử của ông đều tỏ lộ sự chí thành. Giúp đỡ người khác đang gặp cảnh cấp bách, nếu chẳng đủ sức, bèn quyên tặng quần áo, những món đồ dùng, vật ưa thích của chính mình; lại

147 Chánh sử không chép hết về quan chức con cháu của ông, chỉ biết là năm người con trai lần lượt đỗ tiến sĩ, đều ra làm quan. Sử gọi là Đậu Thị Ngũ Long (năm con rồng họ Đậu). Con trai trưởng của ông là Đậu Nghi làm Lễ bộ Thị lang đời Chu Thế Tông, về sau làm Công bộ Thượng thư, kiêm nhiệm Đại lý tự. Người em kế là Đậu Nghiễm làm Sử quan suốt bốn triều đại (Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu và Tống), được thăng Lễ bộ Thị lang nhà Tống. Hầu hết các miếu hiệu của vua chúa, thân thuộc nhà Tống thuở đầu đều do Đậu Nghiễm đặt. Người con thứ ba là Đậu Kháng, làm quan Khởi cư lang thời Hậu Chu. Người con thứ tư là Đậu Chương làm Xu mật viện trực học sĩ rồi Giám nghị đại phu thời Bắc Tống. Người con thứ năm là Đậu Hy, làm Tả bộc khuyết đời Bắc Tống.

148 Do Hàn Kỳ được phong làm Ngụy Quốc Công và người Hán có thói quen gọi tên tự hay chức tước lồng vào giữa tên để tỏ lòng kính trọng, không gọi thẳng tên tục, sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vụng Biên ghi là “Hàn Ngụy Công Kỳ”.

còn gở trâm và bông tai của vợ đem cho. Con cháu của người quen biết nghèo túng nương nhờ ông mà sống, thường có đến mấy chục gia đình.

Ông làm An Phủ Sứ tại Ích Châu, gặp năm đói to, bèn giảm tiền thuế, quyên mộ người khác (những kẻ giàu có) đóng góp gạo. Lại tuyển mộ những kẻ mạnh khỏe làm lính; một người đi lính, mấy người trong nhà người ấy được sống sót. Trong niên hiệu Minh Đạo (niên hiệu đời Tống Nhân Tông), do thấy có nạn đói, bèn khuyên dụ những kẻ giàu có đóng góp gạo thóc, chứa trong kho Thường Bình để phát cho những hộ nghèo đói nấu cháo. Dân nhờ đó sống sót qua nạn đói hơn một trăm chín mươi vạn người.

Ông làm tri huyện ở Tinh Châu. Phong tục xứ Hà Đông là hỏa táng, ông bèn mua chỗ đất bỏ không để họ chôn vào đó. Khi ông làm tri phủ Đại Danh, bất luận chuyện lớn hay nhỏ ông đều đích thân coi sóc. Tuy bị bệnh nhưng ông vẫn phê duyệt công văn trên giường. Có người khuyên ông hãy giao cho thuộc hạ làm, ông nói: “Thưa kiện, hạ ngục là chuyện to lớn của người ta. Sanh tử, được mất sẽ được quyết định trong một lời, há chẳng nên thận trọng ư? Tôi thường sợ có chỗ chẳng sai sót, còn dám giao cho người khác ư?”

Có người dâng hai cái chén ngọc, ông dùng một trăm lạng biếu lại. Mỗi lần mời khách ăn tiệc, đặc biệt

bày ra một bàn, đặt cái chén lên đó, phủ gấm lên. Một hôm, đãi tiệc Tào sứ¹⁴⁹, Viên tiểu lại¹⁵⁰ vô ý đụng đổ bàn, chén vỡ nát, mọi người đều kinh ngạc. Ông thân sắc bất động, cười bảo khách: “Phàm mọi vật đều có thành, có hủy, đều có vận số”. Lại nhìn viên nha lại, bảo: “Ngươi vô ý, chẳng phải là cố tình, đừng kinh hãi”. Khách đều thán phục.

Ông chương quản binh quyền tại Vũ Định, ban đêm viết thư, một tên lính hầu cầm đuốc soi bên cạnh. Tên lính ngẫu nhiên nhìn sang chỗ khác, để lửa cháy bén râu ông. Ông chỉ dùng tay áo phẩy râu, viết thư như cũ. Trong chốc lát nhìn lại thì đã đổi thành một người lính khác. Ông sợ người đứng đầu đám lính hầu sẽ đánh đòn tên lính hầu ấy, bèn vội gọi đem tên lính ấy trở lại: “Đừng đổi! Gã ấy nay đã có thể cầm đuốc”. Mọi người nghe chuyện, không ai chẳng cảm phục. Ông chết già. Lúc mất, có một vãn thạch lớn giáng xuống, tiếng vang như sấm. Ông được triều đình đặt thụy hiệu là Trung Hiến. Năm người con đều quý hiển, con cháu hưng thịnh khôn sánh!

Đời Minh, cách phủ thành Thiệu Hưng ba mươi dặm về phía Bắc là biển cả, thường có thủy triều ô ạt

149 Tào sứ là gọi tắt của “Tào vận sứ”, một chức quan trông nom việc chuyển vận bằng đường thủy. Chức vụ này còn được gọi Chư châu thủy lộ chuyển vận sứ, hoặc Tào ty.

150 “Tiểu lại” (小吏) có nghĩa là một viên nha lại cấp thấp.

tràn vào ngập hết ruộng lúa. Trong niên hiệu Gia Tĩnh, người xứ Miên Trúc đất Thục (Tứ Xuyên) là Thang Đốc Trai làm tri phủ Thiệu Hưng. Ông đã đốc hết tâm tư sức lực, đắp đê ngăn biển hơn trăm dặm, xây hai mươi tám cửa cống xả lũ, cắt người đứng lúc đóng hay mở. Từ đấy, mỗi năm đều được mùa, muôn dân vĩnh viễn được nhờ. Về sau, ông được thuyên chuyển sang trấn nhậm nơi khác. Dân chúng gào khóc rền trời, lập đền thờ ở Tam Giang, đến nay vẫn được cúng tế không dứt!

Ông Tiêu là người xứ Đông Kinh, ba đời đều chẳng có đích tự (嫡嗣)¹⁵¹, bèn làm thương nhân buôn bán khắp nơi. Ông đến yết kiến bậc cao nhân khắp chốn, hỏi về nhân quả ấy. Ông gặp một vị lão tăng bảo:

- Không con thì có ba nguyên do. Một là tổ tiên chẳng có đức, bản thân vô hạnh. Hai là tuổi tác, vận mạng của vợ chồng sợ phạm phải cấm kỵ. Ba là chẳng giữ tinh và thần, thê thiếp máu lạnh.

Ông Tiêu đáp:

- Đối với đức hạnh và vận mạng thì đều có thể thọ trì, máu lạnh thì có cách nào trị?

Vị tăng bảo:

151 Đích tự là con trai do vợ cả sanh ra.

- Chẳng khó, nhưng trước hết phải tích lũy công đức, sau là điều dưỡng thân thể. Ba năm sau, ông tới núi Ngũ Đài, ta sẽ truyền cho một phương thuốc lạ.

Từ đấy trở đi ông Tiêu luôn luôn hành phương tiện, làm các việc âm đức, thi ân bố đức suốt ba năm. Sau đấy đến Ngũ Đài tìm vị lão tăng nhưng chẳng gặp, bỗng thấy một hành đồng (行童, sa-di) tay cầm một quyển sách, bảo:

- Thầy tôi dặn tôi thưa lại với ông: Ông công thành hạnh mãn, hãy về nhà hòa thuốc ghi trong quyển sách này, chí thành uống ắt sẽ có con cháu phú quý thuận theo lòng mong mà giáng sanh.

Về sau, quả nhiên ông sanh được Tiêu viên ngoại. Viên ngoại sanh đứa con lại chẳng ra gì, tự hận vì sao lại tổn đức như thế này, cũng tìm đến Ngũ Đài, thấy hành đồng bảo:

- Thầy dặn tôi chuyển lời, cần gì phải tới hỏi nữa. Chỉ hành đúng như cha ông đã làm thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ nghèo sẽ tự giàu vậy!

Viên ngoại hỏi:

- Kẻ nghèo được trở thành giàu là do mạng. Còn kẻ ngu là do tánh vốn như thế, há có thể đâm ra trở thành người hiền được ư?

Hành đồng nói:

- Xưa kia, năm đứa con của ông Đậu lúc mới sanh ra thân thể đều chẳng vẹn toàn. Về sau, do ông ta thi ân bố đức, chúng đều được an lành, lại còn đều đỗ đạt hết, rành rành chẳng sai vậy.

Viên ngoại cảm tạ rồi trở về tin tưởng hành theo lời ấy. Hai mươi năm sau, đã có nhiều con nối dòng, lại còn sang cả.

Người thời nay đều biết năm đứa con ông Đậu nối tiếp nhau hiển vinh, nào có biết lúc mới sanh ra, chúng đều bị bệnh tật, tàn phế. Do ông Đậu thoát đầu tích lũy công đức mà năm người con đều được an toàn, về sau do công đức mà có những sự gặp gỡ tốt lành. Sự cảm thông giữa trời và người dễ dàng như thế đó. Vì thế, đặc biệt ghi tường tận chuyện này để làm bằng chứng cho chuyện tích lũy công đức. Nguyên những người có chí hãy vững lòng, đừng giải đãi!

Trong thiên sách Tích Thiện, ông Viên Liễu Phàm đời Minh đã viết: “Kinh Dịch chép: “Nhà tích thiện, ắt mừng vui có thừa”. Xưa kia, họ Nhan gả con gái cho Thúc Lương Hột¹⁵² là do xét thấy tổ tông ông ta

152 Thúc Lương Hột (叔梁紇) chính là cha của Khổng Tử. Ông này tên là Khổng Ngột (Hột), tên tự là Thúc Lương, nên thường gọi là Thúc Lương Hột, là đại phu nước Lỗ. Vợ cả của Thúc Lương Hột là Thí Thị sanh chín con gái, không có con trai. Người thiếp sanh ra Mạnh Bi, chân lại bị tật. Theo quy chế thời ấy, Mạnh Bi không thể kế nghiệp, tập ấm cha. Thúc Lương Hột bèn xin cưới con

tích đức sâu dày, suy ra ắt biết con cháu ắt được hưng vượng. Khổng Tử ca ngợi lòng đại hiếu của vua Thuấn như sau: “*Tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi*” (Tổ tông được thờ phụng, con cháu giữ gìn phước báo)¹⁵³, đều là những lời luận định chí lý vậy. Thử dùng chuyện cũ để chứng minh:

- Thiếu sư¹⁵⁴ Dương Vinh, người xứ Kiến Ninh, tổ tiên nhiều đời sống bằng nghề chèo đò. Có lần mưa lâu ngày, nước khe ngòi dâng tràn, nước lũ cuộn cuộn thúc võ chỗ cư ngụ của dân chúng, những người chết đuối trôi theo dòng nước. Những thuyền khác lo vớt đồ vật, chỉ riêng ông cố và ông nội của Thiếu sư lo cứu người, chẳng lấy một món đồ nào. Người làng chê cười là ngu đần. Đến khi sanh ra cha của Thiếu sư, gia cảnh dần dần khá lên. Có vị thần hóa thành đạo

gái của họ Nhan, chỉ có cô Nhan Trung Tại chịu lấy ông, đẻ ra Khổng Tử. Mạnh Bì thật ra chỉ tên là Bì, do là con trai cả nên gọi là Mạnh Bì. Mạnh Bì sanh được một trai và một gái. Con trai Mạnh Bì là Khổng Trung là một trong bảy mươi hai môn đệ nổi tiếng (thất thập nhị hiền) của Khổng Tử, con gái Mạnh Bì lấy Nam Cung Quát (tự là Tử Dung). Nam Cung Quát cũng là một môn đệ khác của Khổng Tử thuộc vào thất thập nhị hiền.

153 *Tông miếu* (宗廟) tức là miếu thờ tổ tông. Câu này có ý nói vua Thuấn do lòng đại hiếu, mà tổ tông được kính cẩn phụng thờ, con cháu nối tiếp giữ gìn đức hạnh của cha ông.

154 *Thiếu sư* (少師) một trong vị Tam thiếu, là thầy dạy của Thái tử, đồng thời kiêm nhiệm chức vụ đứng đầu, quản trị mọi việc trong cung của Thái tử. Vị này mang tính chất là vị thầy hướng dẫn về cách cai trị của nhà vua tập sự (Thái tử), vạch ra kế sách hành xử, trong khi Thiếu phó mới là người thật sự dạy chữ (có thuyết nói Thiếu phó là thầy dạy võ, nhưng trong lịch sử, Thiếu phó phần nhiều do các quan văn đảm nhiệm). Thiếu bảo lo mọi việc an ninh, đối ngoại.

nhân nói: “Tổ phụ của ngươi có âm đức, con cháu sẽ quý hiển. Hãy nên chôn ở cuộc đất nọ”. Bèn vâng theo lời dạy ấy mà chôn cất, tức là khu mộ Bạch Thổ hiện thời. Về sau sanh ra Thiều sư, hai mươi tuổi đỗ đạt, quan chức đạt tới địa vị Tam công. Vua gia phong ông cố và ông nội chức quan giống như Dương Vinh vậy. Con cháu sang cả, hưng thịnh. Đến nay vẫn còn nhiều người hiền đức.

- Người xứ Ngân là Dương Tự Trùng, thoát đầu làm nha lại ở huyện, có lòng nhân hậu, vâng giữ pháp tắc công bằng. Huyện tể (quan huyện) thuở ấy nghiêm khắc, có lần đánh một tù nhân máu văng tung tóe trước công đường mà vẫn chưa nguôi cơn giận. Ông Dương bèn quỳ lạy, mềm mỏng khuyên giải. Quan huyện nói: “Hiềm rằng tên này vượt pháp, trái lý, chẳng khỏi khiến cho người khác không giận được”. Tự Trùng dập đầu thưa: “Bề trên chẳng vẹn đạo, lòng dân rời rã đã lâu. Nếu thấu hiểu tình cảnh này hãy nên xót thương, chẳng thể cảm thấy vui nổi. Vui còn chẳng nổi, huống là giận dữ ư?” Quan huyện dịu nét mặt. Nhà ông Dương rất nghèo, trọn chẳng nhận quà biếu, của đút lót. Hễ thấy tù nhân thiếu ăn, thường dùng nhiều cách giúp đỡ. Một lần, có mấy người tù mới chuyển tới, không có cái ăn, nhà lại thiếu gạo, ông bèn cho tù ăn, để người nhà nhìn đời. Ông thấy tù nhân đáng thương bèn bàn bạc với vợ. Vợ hỏi: “Tù nhân từ đâu đến?”

Đáp: “Từ Hàng Châu đến, đi đường đã phải chịu đói, xanh xao đáng thương”. Do vậy bèn bớt phần gạo của chính mình để nấu cháo cho tù nhân ăn. Về sau ông sanh hai con trai, con trưởng là Thủ Trần, con thứ là Thủ Chỉ làm Nam Bắc Lại bộ Thị lang. Cháu đích tôn làm Hình bộ Thị lang, cháu nội kế làm Liêm hiến ở Tứ Xuyên, họ đều là những vị quan nổi tiếng. Ông Sở đình Dương Đức Chánh hiện thời cũng là hậu duệ của họ.

- Xưa kia, trong niên hiệu Chánh Thống, Đặng Mậu Thất khởi xướng làm loạn tại Phước Kiến. Dân chúng theo gã giặc ấy rất đông, triều đình sai *Đô hiến* huyện Ngân là Trương Giai cầm quân nam chinh. Ông Trương dùng kế bắt giặc, sau đó giao cho Bố chánh ty Tạ Đô Sự bắt giết lũ giặc ở Đông Lộ. Ông Tạ tìm kiếm sổ sách của bọn giặc ghi chép những người theo giặc. Đối với những người không theo giặc mà bị ép buộc phải gia nhập, ông Tạ ngầm bảo họ dùng vải trắng làm chiếc cờ nhỏ, ước định vào ngày quân binh kéo tới sẽ cắm lá cờ ấy ở cổng, răn quân sĩ chẳng được giết chóc bừa bãi. Do vậy đã giữ tròn tánh mạng của một vạn người. Về sau con của ông Tạ đỗ trạng nguyên, làm Tế tướng. Cháu là Phi, lại đỗ thám hoa.

- Tổ tiên của họ Lâm ở Phú Điền có một bà cụ già thích làm lạnh, thường làm bánh bao chỉ¹⁵⁵ thí cho

155 Nguyên văn là phẩn đoàn (粉團). Đây là một loại bánh ở miền Nam Trung Hoa, làm bằng bột nếp hòa lẫn bột gạo, trộn đậu xanh lẫn với bột (có khi

người khác. Hễ xin cụ cho ngay, chẳng lộ vẻ mỗi mệ. Một vị tiên hóa thành đạo sĩ, mỗi sáng đến xin sáu, bảy viên bánh. Bà cụ hằng ngày đều cho. Suốt ba năm đều như một ngày. Vị tiên ấy biết lòng thành của cụ, do vậy bảo: “Ta ăn bánh bao chỉ của bà suốt ba năm, dùng gì để báo đáp bà? Sau nhà bà có một khu đất, sau khi bà mất hãy chôn vào đó, con cháu sẽ có quan tước nhiều như một thung mề vậy”. Con bà vâng theo lời chỉ dạy mà chôn cất. Đồi thứ nhất có chín người đỗ đạt, trải các đời trâm anh¹⁵⁶ rất đông. Đất Phước Kiến có lời đồn *“nếu không có họ Lâm thi đỗ, sẽ không yet bảng!”*

- Cha của Thái sử¹⁵⁷ Phùng Trác Am là tường sanh của huyện. Một ngày mùa đông rét căm căm, ông dậy sớm đi học. Trên đường gặp một người bị ngã nằm trong đống tuyết. Ông sờ thấy đã đông cứng một nửa rồi, bèn cởi áo bông của chính mình để bọc lấy, lại còn

là đậu xanh bọc bột), nặn thành viên, lăn qua mề hay sợi dứa, hấp chín. Chúng tôi thấy hình chụp giống như loại bánh thường gọi là “bánh bao chỉ” nên tạm mượn danh xưng này!

156 Do khi xưa để tóc dài, đội mào phải búi tóc lên, dùng trâm (簪) đâm qua búi tóc để giữ cho mào khỏi tuột. Mào đội thường có hai dải dài hai bên để buộc cho khỏi tuột hoặc chỉ nhằm mục đích trang trí, gọi là Anh (纓). Vì thế, những người làm quan thường được gọi là “trâm anh”.

157 Thái sử là một chức quan rất cổ đã có từ thời Chu, đảm nhiệm việc biên soạn văn thư, chỉ dụ, ghi chép quốc sử, chương quản tài liệu, trông coi thiên văn, lịch pháp, tế tự... Đến đời Đường, việc soạn văn thư giao cho Hàn lâm viện, Thái sử chỉ chú trọng tính toán lịch pháp và quản trị sử sách. Đến đời Minh - Thanh, do Hàn lâm viện phụ trách việc biên soạn sử, nên quan đứng đầu Hàn lâm viện được gọi là Thái sử.

ôm về nhà cứu cho tỉnh lại. Ông mộng thấy thần bảo: “Người cứu một mạng người, tỏ lộ lòng chí thành, ta sai Hàn Kỳ làm con người”. Đến khi sanh ra Trác Am, bèn đặt tên là Kỳ¹⁵⁸.

- Ứng Thượng thư ở Thai Châu, thuở tráng niên học hành trong núi. Ban đêm, có quỷ tụ lại kêu gào, thường khiến cho mọi người kinh hãi. Ông chẳng sợ hãi. Một đêm, nghe quỷ nói: “Người đàn bà nọ do chồng bỏ sang đất khách đã lâu ngày không về, bố mẹ chồng ép gả cho người khác. Đêm mai cô ta sẽ thất cổ chết ở chỗ này, ta có người thế mạng rồi”. Ông ngầm bán ruộng được bốn lượng bạc, liền giả vờ dùng tên chồng cô ta viết thư gửi bạc về nhà. Cha mẹ anh ta xem thư, thấy nét chữ không giống bèn nghi ngờ. Hồi lâu nói: “Thư có thể giả, bạc chẳng thể giả”, nghĩ con không có chuyện gì. Do vậy, đưa con dâu chẳng bị gả đi. Về sau người con trở về, vợ chồng chung sống êm ấm như thuở đầu. Ông lại nghe quỷ nói: “Ta sắp được người khác thay thế, hiềm rằng gã tú tài này làm hư chuyện của ta”. Một con quỷ ở bên cạnh nói: “Sao mày không giáng họa cho nó?” Đáp: “Do Thượng đế thấy người này có lòng tốt, hạ lệnh: “Anh ta vì có âm đức, sẽ làm Thượng thư”, tao làm sao dám gây họa?” Ông Ứng càng thêm nỗ lực gắng sức, ngày càng thêm điều lành nhiều hơn, đức ngày càng thêm dày. Gặp

158 Ông này tên thật là Phùng Kỳ, tên tự là Trác Am.

năm đói kém bèn quyên tặng gạo để cứu giúp. Gặp thân thích có chuyện cấp bách bèn tìm đủ mọi cách giúp đỡ. Hễ gặp chuyện ngang trái, bèn tự vấn, tự trách, vui vẻ thuận theo. Con cháu đỗ đạt tới nay vẫn đông đảo!

- Ở Thường Thục, Từ Thúc tên tự là Phượng Trúc, cha khá giàu có. Gặp năm đói kém, cha của Từ Thúc là người trước hết đã đề xướng giảm tiền thu tô trong huyện, lại còn chia gạo để cứu giúp kẻ nghèo túng, thiếu hụt. Ban đêm, nghe quý hô to ngoài cửa: *“Ngàn phần chẳng dối, muôn phần chẳng bịa, chàng tú tài nhà họ Từ sẽ đỗ cử nhân”*, hô liên tục suốt đêm chẳng ngừng. Năm ấy, quả nhiên Phượng Trúc đỗ cử nhân trong khoa thi Hương. Do vậy cha ông ta càng thêm tích đức, cần mẫn chẳng biếng nhác, tạo cầu, sửa đường, trai tăng, tiếp dẫn người khác. Hễ là chuyện có lợi ích không gì chẳng tận tâm. Về sau, lại nghe quý hô to ngoài cửa: *“Ngàn phần chẳng dối, muôn phần chẳng bịa, chàng cử nhân nhà họ Từ sẽ làm đến chức Đô đường”*¹⁵⁹. Rốt cuộc, Phượng Trúc làm quan tới chức Lương chiết Tuần phủ.

159 Đô đường (都堂) có nghĩa gốc là tổng dinh thự hành chánh của Thượng thư tỉnh theo quy chế đời Đường. Thượng thư tỉnh cai quản lục bộ. Đứng đầu Thượng thư tỉnh là Tả bộc xạ và Hữu bộc xạ, đều gọi là Đô tỉnh. Đến thời Minh - Thanh, do các quan Tổng đốc hoặc Tuần phủ trông coi các tỉnh đều kiêm thêm hàm Đô ngự sử, Phó Đô ngự sử, hoặc Kiểm đô ngự sử, nên dân gian thường gọi các quan đầu tỉnh là Đô đường.

- Đồ Khang Hy Công¹⁶⁰ ở Gia Hưng, thoát đầu làm Chủ Sự ở bộ Hình, ngủ đêm trong ngục để thăm dò cặn kẽ tình huống của tù nhân, tìm ra bao nhiêu người vô tội. Ông chẳng tự cho đó là công lao, ngầm ghi chép chuyện ấy để bẩm lên Đường quan¹⁶¹. Sau đó, khi triều thám¹⁶², đường quan thường trích dẫn lời ông Đồ để bênh vực các tù nhân, không ai chẳng phục. Ông đã gỡ oan cho mười mấy người. Nhất thời tại kinh thành, dân chúng đều ca tụng Thượng thư bộ Hình sáng suốt. Ông lại bẩm báo: “Tại kinh thành mà hã còn nhiều dân oan, trong bốn biển rộng khắp, dân đông cả triệu, há chẳng có người oan uổng ư? Hã nên cứ năm năm sai một vị giám hình quan (vị quan đặc trách tái thẩm các bản án) xem xét kỹ càng sự thật để sửa sai”. Thượng thư tâu lên, triều đình chấp thuận kiến nghị ấy. Lúc đó, ông cũng được cử làm một trong những vị giám hình quan. Ông mộng thấy một vị thần bảo: “Mạng ông không có con, nay do đề nghị giảm thiểu hình phạt, rất hợp lòng trời, Thượng đế ban cho

160 Ông này tên thật là Đồ Huân. Do sau khi mất, được đặt thụy hiệu là Khang Hy, nên người chép truyện ghi là Đồ Khang Hy Công.

161 Đường quan: Vị quan chủ trì công đường xét án được gọi là “Đường quan”, tức là vị quan đứng đầu một cơ cấu lãnh đạo như Tri phủ, Tri huyện v.v...

162 Đây là quy chế thời Minh - Thanh nhằm giảm bớt những vụ án xử oan. Vào tiết Sương Giáng mỗi năm, ba cơ cấu tư pháp là bộ Hình, Đô Sát Viện và Đại Lý Tự sẽ tái thẩm những vụ trọng án, nhất là các án tử hình, lập hồ sơ cặn kẽ, tấu trình lên cho cửu khanh, tức chín vị đại thần thẩm duyệt trước khi phán án chung cục.

ông ba đứa con, đều là áo tía đai vàng”¹⁶³. Đêm hôm ấy vợ ông có mang, về sau sanh ra Ứng Huân, Ứng Khôn và Ứng Tuấn, đều làm quan to.

- Bao Bằng ở Gia Hưng, tên tự là Tín Chi. Cha làm Thái thú xứ Trì Dương, sanh ra bảy con trai. Ông Bằng là con út, ở rể nhà họ Viên tại Bình Hồ, giao du rất thân với cha tôi. Ông Bằng học rộng tài cao nhưng thi nhiều lần chẳng đậu, lưu tâm học tập Phật giáo lẫn Đạo giáo. Một hôm, sang phía Đông đến chơi Mão Hồ, ngẫu nhiên đến một ngôi chùa trong thôn, thấy tượng Quán Âm bị dầm mưa dãi nắng. Ông liền dốc túi tìm được mười lạng trao cho vị tăng trụ trì, bảo sửa chữa điện thờ. Vị tăng nói công trình xây dựng to tát mà tiền thì ít, chẳng thể hoàn thành được. Ông lại lấy bốn xấp vải Tùng Giang, kiểm trong tráp thấy có bảy tấm áo đều trao cho. Những tấm áo ấy đều là áo kép bên trong lót vải lanh, toàn là mới sẫm. Người đầy tớ can ngăn, ông Bằng nói: “Chỉ cần thánh tượng không bị sao, dẫu ta lỏa lồ có sao đâu?” Vị tăng roi nước mắt nói: “Xả tiền, y phục và vải, vẫn chưa phải là chuyện khó, chỉ với tấm lòng này há dễ có ư?” Về sau, công trình hoàn thành, ông kéo cha mình đến đó chơi. Đêm ngủ lại chùa, ông mộng thấy thần già-lam đến cảm tạ: “Con ông sẽ hưởng lộc trong đời”. Về sau con ông là Biện, cháu là Sanh Phương đều đỗ đạt làm quan to.

163 Ý nói sẽ làm quan to.

- Cha ông Chi Lập ở Gia Thiện làm nha lại tại hình phòng¹⁶⁴. Có người tù vô tội bị phán tử hình, ông thương xót muốn cứu sống người ấy. Người tù bảo vợ: “Ý tốt lành của ông Chi, thẹn không có gì để đền đáp. Ngày mai, nàng hãy mời ông ta xuống làng, dùng thân báo đáp. Nếu ông ta chịu dốc sức, ta cũng có thể sống sót”. Người vợ khóc nghe theo lời dặn. Ông Chi đến, người vợ tự ra mời rượu, thưa rõ ý chồng. Ông Chi không nghe, rút cuộc tận lực xóa án. Người tù ra khỏi ngục, vợ chồng đến thăm ông, lạy tạ thưa: “Ngài có đức dày như thế, rất hiếm có trong đời mạt này. Nay ngài không có con trai, tôi có một đứa con gái nhỏ, tặng cho ngài làm thiếp để lo việc quét dọn”. Chuyện này xét theo lẽ có thể chấp nhận được, ông Chi bèn sắm sửa đủ lễ cưới thiếp, sanh ra Chi Lập. Hai mươi tuổi Chi Lập đỗ trạng nguyên, làm quan tới chức Hàn lâm khổng mục¹⁶⁵. Chi Lập sanh ra Chi Cao, Chi Cao sanh ra Chi Lộc, đều là bậc học rộng. Chi Lộc sanh ra Đại Luân cũng đỗ đạt.

Trong mười điều trên, những người ấy tuy làm

164 Hình phòng là cơ quan quản trị hồ sơ các vụ án trong các công đường thuở trước.

165 Khổng Mục là chức quan được thành lập từ đời Đường, chuyên quản trị hồ sơ. Đời Minh, Hàn lâm khổng mục là chức quan trông coi việc ban hành chiếu chỉ, sắc lệnh của nhà vua, cũng như lập hồ sơ, thu lưu, tường trình tấu sớ của các quan. Chức quan này không cao, nhưng Hoàng đế và các đại thần rất coi trọng. Người giữ chức này phải là người cẩn thận, nghiêm túc, tự trọng, cương trực. Đến đời Thanh lập ra Điện Bạ Sảnh, ủy cho Khổng mục chưởng quản.

những việc khác nhau, nhưng đều quy vào điều thiện mà thôi! Nếu nói cặn kẽ hơn, ắt thiện có chân và giả, có đốn chánh, có cong queo, có âm và dương (ngấm ngấm và công khai), có đúng và sai, có thiên lệch hay chánh đáng, có chưa trọn vẹn và trọn vẹn, có lớn và nhỏ, có khó và dễ, đều đáng nên biện định sâu xa. Làm lành mà chẳng cùng tận lý, tuy tự nói là hành trì, nào có biết là tạo nghiệp, sẽ phí công khổ tâm mà vô ích!

Chân và giả là gì? Xưa kia có mấy nho sĩ yết kiến hòa thượng Trung Phong (tức quốc sư Phổ Ứng núi Thiên Mục đời Nguyên), thưa hỏi:

- Nhà Phật luận định báo ứng thiện ác như bóng theo hình. Nay có người nọ là thiện nhân nhưng con cháu chẳng khá, kẻ nọ là người ác thế mà gia môn hưng thịnh. Đường như là thuyết của nhà Phật không có căn cứ vậy.

Ngài Trung Phong dạy:

- Phàm tình chưa gột sạch, chánh nhãn chưa mở, ngộ thiện là ác, đó là chuyện thường có, chẳng hỏi tiếc chính mình thị phi điên đảo, cứ ngược ngạo oán trời báo ứng phân biệt ư?

Mọi người thưa:

- Vì sao thiện hay ác sẽ dẫn đến báo ứng khác biệt?

Ngài Trung Phong bảo họ nêu ra những trường hợp để thử phán đoán. Một người nói:

- Chửi người, rửa người là ác; kính trọng, lễ độ đối với người khác là thiện.

Ngài Trung Phong nói:

- Chưa chắc đã là như vậy!

Một người khác nói:

- Tham tài lấy xằng là ác, liêm khiết tuân thủ quy củ là thiện.

Ngài Trung Phong nói:

- Chưa chắc đã là như vậy!

Ai nấy đều nêu ra sự phán đoán, ngài Trung Phong đều bảo chưa phải là như vậy. Mọi người thưa hỏi, ngài Trung Phong bảo:

- Có ích cho người khác là thiện, có ích cho chính mình là ác. Hễ có ích cho người ta thì đánh người, rửa người cũng đều là thiện. Có ích cho chính mình thì kính trọng, lễ độ với người khác cũng đều là ác. Vì thế, người làm lành, hễ có lợi cho người khác thì là công, công thì là thật. Lợi lộc cho riêng mình thì là tư, tư thì là giả. Lại nữa, chuyện làm lành có căn cội từ cái tâm thì là chân, nếu chỉ là biểu hiện bề ngoài thì là giả. Lại nữa, vô vi mà làm thì là chân, hữu vi mà làm thì là giả.

Hãy đều nên tự suy xét!

Đoan chánh và cong queo là gì? Người hiền thời thấy kẻ thật thà, ba phải bèn cho là thiện để chọn lấy; thánh nhân thà chọn những kẻ có chí nguyện mạnh mẽ, phẩm chất thanh liêm, đều coi họ là thiện để chọn lấy. Còn như kẻ thật thà, ba phải, tuy cả làng đều nói người ấy là tốt, nhưng trong cái nhìn của thánh nhân ắt là kẻ giặc đối với đạo đức¹⁶⁶. Đây là điều thiện lẽ ác của người đời rõ ràng là tương phản với thánh nhân. Từ chuyện này mà suy ra, các thứ lấy hay bỏ của người đời chẳng có gì không sai lầm! Trời đất, quỷ thần ban phước cho người lành, giáng họa cho kẻ dâm dật, đều do xét đoán lẽ đúng sai giống như quan niệm của thánh nhân vậy, chẳng giống như sự lấy bỏ của thế tục. Hễ muốn tích chứa điều lành, quyết chẳng thể thuận theo tai mắt (chẳng thể thuận theo sự thấy biết bình phàm), chỉ nên thuận theo chỗ ẩn kín, vi tế trong nguồn tâm (tức là xét theo khởi tâm động niệm), lạng lẽ gột rửa sao cho khởi tâm động niệm thuần là cái tâm giúp đời, đó là đoan chánh. Nếu tâm có mảy may đối đời tức

166 Ở đây, do biện định về thiện ác với các Nho sĩ, ngài Trung Phong đã dẫn Luận Ngữ để nói: “Hương nguyện, đức chi tặc dã” (Kẻ thật thà, ba phải sẽ là kẻ giặc đối với đạo đức), các nhà chú giải giảng “hương nguyện” hoặc “cẩn nguyện” (謹愿) là nói những kẻ thật thà, an phận, mang tính cách ba phải, không kèn cựa với ai, nhưng không có lập trường, ai nói sao cũng xuôi theo, người như vậy không bị ai ghét, nên rất dễ được coi là người hiền lành, nhưng thật ra, người ấy đã gây hại cho đạo đức vì thiện ác chẳng phân định được, vô tình giúp sức cho kẻ ác.

là cong queo. Thuần là cái tâm yêu thương con người thì là đọan chánh. Hễ tâm có mấy hận đời sẽ là cong queo. Thuần là cái tâm kính trọng người khác thì sẽ là đọan chánh, hễ cái tâm có mấy may ngạo đời sẽ là cong queo. Hãy đều nên biện định tỉ mỉ.

Âm và dương là gì? Phàm làm lành mà người khác biết thì là “dương thiện” (điều lành công khai). Làm lành mà chẳng ai biết, tức là âm đức. Âm đức sẽ được trời báo đáp, dương thiện sẽ được nổi danh trong cõi đời. Danh tiếng cũng là phước. Danh là điều tạo vật chẳng ưa. Được nổi tiếng trong cõi đời mà thực chất chẳng tương ứng, sẽ bị nhiều tai họa lạ lùng! Con người chẳng thể nào không có lầm lỗi. Kẻ bị gán cho tiếng ác mà con cháu thường đột nhiên hưng thịnh là cái quả của điều thiện xét theo lẽ âm và dương vậy, nhỏ nhiệm thay!

Đúng và sai là gì? Pháp luật nước Lỗ quy định người nước Lỗ nếu có thể chuộc kẻ làm nô tỳ từ các chư hầu sẽ được chánh quyền trả tiền¹⁶⁷. Tử Cống chuộc người nhưng chẳng nhận tiền. Khổng Tử nghe chuyện liền chê trách: “Tứ¹⁶⁸ đã sai mất rồi”. Thánh nhân hành xử có thể thay đổi phong tục, nhưng lời dạy bảo của các ngài có thể áp dụng cho dân chúng, chẳng phải

167 Nguyên văn: “Lỗ nhân hữu thực nhân thân thiếp ư chư hầu”. Thời Chiến Quốc, các nước chư hầu đánh nhau liên miên, dân chúng bị bắt làm tù binh trong các cuộc chiến sẽ biến thành nô tỳ, nam thì gọi là thân (臣), nữ gọi là thiếp (妾).

168 Tử Cống tên thật là Đọan Mộc Tứ, Tử Cống là tên tự.

chỉ riêng thích hợp cho một mình ta làm. Nay nước Lỗ người giàu thì ít, kẻ nghèo thì đông. Nếu chê người nhận tiền thưởng là chẳng liêm khiết thì sẽ dựa vào đâu để có thể chuộc người? Từ nay trở đi chẳng còn có ai chuộc người từ các chư hầu nữa! Tử Lộ cứu người chết đuối, người ấy tạ ơn bằng một con trâu, Tử Lộ nhận lấy. Khổng Tử vui mừng bảo: “Từ nay nước Lỗ sẽ có nhiều kẻ cứu người chết đuối”. Trong cái nhìn của thế tục, Tử Cống chẳng nhận tiền là cao thượng, Tử Lộ nhận trâu là kém cỏi. Khổng Tử tán đồng cách làm của ông Do¹⁶⁹ mà chê trách ông Tú.

Do vậy biết: Người ta làm lành, chớ luận theo hiện hành, mà phải luận định xem việc ấy có gây nên thói tệ hay không? Đừng luận định theo một thời, phải luận định lâu xa. Đừng luận theo một thân, mà phải luận theo thiên hạ. Hiện hành tuy là lành, nhưng gây nên những hệ lụy đủ để hại người thì chuyện ấy giống như thiện mà thật sự chẳng phải là thiện. Hiện hành tuy bất thiện, nhưng hậu quả hữu ích cho mọi người thì sẽ là chẳng phải thiện mà thật sự là thiện. Tôi chỉ luận định một điều này mà thôi, đối với điều nghĩa mà chẳng phải là nghĩa, lễ mà chẳng phải là lễ, tín mà chẳng phải là tín, lòng từ mà chẳng phải là từ, hãy đều nên quyết định rõ ràng để quyết định chọn lựa.

169 Tử Lộ tên thật là Trọng Do, tên tự là Tử Lộ. Vị này được xếp vào hàng Thập Triết, tức mười vị đại đệ tử của Khổng Tử.

Thiên lệch và chánh trực là gì? Xưa kia, Lữ Văn Ý Công¹⁷⁰, lúc mới xin nghỉ làm Tể tướng trở về quê nhà, cả nước ngưỡng mộ như Thái Sơn, Bắc Đẩu. Có một gã người làng say rượu chửi bới ông, ông Lữ bất động, bảo đầy tớ: “Chớ nên so đo với kẻ say!” Đóng cửa tạ tuyệt. Hơn một năm, kẻ ấy phạm tội tử hình bị giam. Ông Lữ mới hối hận nói: “Nếu khi ấy, ta so đo đôi chút, giao hẳn cho quan lại trách phạt, sẽ có thể là do bị phạt nhẹ mà hẳn sẽ hết sức kiêng dè. Khi ấy ta chỉ muốn giữ lòng trung hậu, không ngờ dưỡng thành chuyện ác đến nông nổi như thế này!” Đây là dùng thiện tâm mà làm chuyện ác vậy.

Lại có khi do ác tâm mà làm thiện sự. Như ông X... giàu to, gặp năm đói kém, dân nghèo cướp gạo ở chợ giữa ban ngày. Thừa lên huyện, huyện mặc kệ, dân nghèo càng làm càn. Ông ta bèn tự bắt giữ, làm khó họ, mọi người mới yên, nếu không sẽ gần như là loạn lạc. Vì thế, thiện thì là chánh đáng, ác thì là thiên lệch, mọi người đều biết. Kẻ do thiện tâm mà làm chuyện ác thì là thiên lệch trong chánh đáng. Kẻ do ác tâm mà làm thiện sự thì là chánh đáng trong thiên lệch vậy. Chớ nên không biết!

Chẳng trọn vẹn và trọn vẹn là gì? Kinh Dịch nói:

170 Lữ Văn Ý Công ở đây là ông Lữ Nguyên, người huyện Tú Thủy, tỉnh Chiết Giang, tự là Phùng Nguyên, thụy hiệu là Văn Ý. Vị này là Tể tướng dưới thời Tống Anh Tông.

“Thiện bất tích, bất túc dĩ thành danh. Ác bất tích, bất túc dĩ diệt thân” (Thiện chẳng chất chứa chẳng đủ để thành danh. Ác chẳng chất chứa chẳng đủ để diệt thân). Kinh Thư nói: “Thương tội quán doanh, như trử vật ư khí, cần nhi tích chi tắc mãn. Giải nhi bất tích tắc bất mãn” (Tội của nhà Thương (vua Trụ) đầy ắp, giống như chứa vật trong đồ đựng, siêng năng tích lũy sẽ đầy. Lười nhác chẳng tích lũy sẽ không đầy). Đây là một thuyết vậy.

Xưa có cô gái nọ vào chùa, muốn cúng thí mà chẳng có tiền, chỉ có hai đồng bèn quyên cúng. Vị sư trụ trì đích thân vì cô ta sám hối. Về sau cô ta vào cung, trở thành phú quý, đem mấy ngàn lạng cúng vào chùa. Vị tăng trụ trì chỉ sai đồ đệ hồi hướng cho cô ta, do vậy cô ta bèn hỏi: “Xưa kia tôi cúng hai đồng tiền, thầy vì tôi đích thân sám hối. Nay thí đến mấy ngàn lạng, sao thầy chẳng hồi hướng là vì lẽ nào?” Sư đáp: “Lần trước, vật tuy đơn bạc nhưng cái tâm bố thí rất chân thành, nếu lão tăng chẳng đích thân sám hối sẽ chẳng đủ báo đức. Nay vật tuy hậu hĩnh nhưng cái tâm bố thí chẳng thiết tha bằng khi trước, kẻ khác thay tôi sám hối là đủ rồi”. Ngàn lạng là chẳng trọn vẹn, mà hai đồng là viên mãn vậy.

Chung Ly truyền dạy cách luyện đan cho Lữ Tổ (Chung Ly Quyền và Lữ Động Tân đều là người đời Đường), điểm sắt thành vàng, có thể cứu đời. Họ Lữ hỏi: “Có thể biến thành vàng vĩnh viễn ư?” Đáp: “Sau

năm trăm năm vàng sẽ trở lại bản chất”. Ông Lữ nói: “Nhu thế thì sẽ làm hại người năm trăm năm sau, con chẳng muốn làm”. Ông Chung đáp: “Tu tiên phải tích lũy ba ngàn công hạnh. Do một lời này của ngươi, ba ngàn công hạnh đã mãn!” Đây là một chuyện nữa. Ví như dùng tài vật để giúp người khác, trong chẳng thấy mình, ngoài chẳng thấy người, trung gian chẳng thấy vật được thí, đó gọi là “tam luân thể không”, là “nhất tâm thanh tịnh”. Như thế thì một đấu gạo đủ để gieo phước không bờ bến, một đồng có thể tiêu tội ngàn kiếp. Nếu cái tâm chấp trước bố thí ấy chẳng quên, dầu vàng ròng vạn dật¹⁷¹, phước chẳng viên mãn! Đây là một điều nữa.

Lớn và nhỏ là gì? Đời Tống, Vệ Trọng Đạt giữ Quán chức¹⁷², bị bắt tới âm ty. Vị chủ quản (Diêm vương) sai nha lại trình lên hai loại sổ ghi thiện và ác. Khi đem tới, sổ ghi điều ác chật sần, sổ ghi điều thiện chỉ nhỏ bé như chiếc đũa. Sai đem cân, hóa ra những sổ chứa đầy sần lại nhẹ hơn, mà quyển sổ như chiếc đũa đâm ra nặng hơn. Trọng Đạt hỏi: “Tôi chưa đến bốn mươi, lẽ nào lỗi ác nhiều ngàn ấy?” Đáp: “Một niệm bất chánh chính là ác, chẳng đợi phạm lỗi!” Do vậy, Vệ Trọng Đạt bèn hỏi trong quyển sổ ấy chép chuyện gì.

171 Dật (鎰) là đơn vị đo lường thời cổ, sử dụng cho đến hết đời Tần. Một dật bằng hai mươi bốn lạng.

172 Quán chức là chức quan thuộc các Quán dưới đời Đường, Tống, như Tập hiền quán, Quốc sử quán v.v...

Đáp: “Triều đình từng đề ra một công trình xây dựng lớn là sửa chữa ba chiếc cầu đá trong núi. Ông đã dâng sớ can gián, chuyện này đã được ghi lại”. Trọng Đạt thưa: “Tôi tuy nói nhưng triều đình chẳng nghe theo, chẳng có lợi ích gì cho chuyện ấy, làm sao có thể tạo ra sức mạnh như vậy?” Đáp: “Tuy triều đình chẳng nghe theo, nhưng ông trong một niệm đã nghĩ tới muôn dân. Giả sử họ nghe theo, thiện lực càng lớn hơn nữa”. Vì thế, có chí vì thiên hạ, vì nước nhà ắt điều thiện tuy ít mà to tát. Nếu chỉ vì một thân, dẫu nhiều vẫn là ít.

Khó và dễ là gì? Bậc tiên nho bảo: “*Khắc kỷ, tu tòng nan khắc xú khắc tương khứ*” (Khắc chế những điều sai trái của chính mình, phải thực hiện từ chỗ khó khắc chế). Phu Tử luận định chuyện thực hiện lòng nhân, cũng bảo phải làm chuyện khó trước. Ất như ông Thư ở Giang Tây, bỏ ra toàn bộ món tiền lương ít ỏi do ông dạy học suốt hai năm để đền tiền công khổ thất thoát giùm người khác, khiến cho vợ chồng họ được toàn vẹn. Cũng như ông Trương ở Hàm Đan bỏ ra món tiền đã nhọc nhằn chắt chiu suốt mười năm để làm tiền chuộc thân cho người khác hòng cứu sống vợ người ta. Đấy đều gọi là “có thể bỏ ở chỗ khó bỏ”. Như ông Cận ở Trấn Giang, tuy tuổi già không con, chẳng nỡ lòng lấy cô gái trẻ làm thiếp, giao trả lại cho hàng xóm¹⁷³.

173 Câu chuyện này được nói chi tiết hơn trong Thọ Khang Bảo Giám như sau: “Ông Cận ở Trấn Giang đã năm mươi tuổi mà không con. Dạy trẻ võ lòng

Đấy là đối với chỗ khó nhằn mà có thể chịu đựng. Vì thế, trời giáng phước đặc biệt dày. Phạm là kẻ có tiền tài, có thể lực, lập đức đều dễ. Dễ mà chẳng làm tức là đã tự ruồng rẫy chính mình! Nghèo hèn thì làm phước luôn khó khăn, khó mà có thể làm, đấy là điều đáng quý! Tùy duyên giúp đỡ người khác, thể loại hết sức nhiều. Nói đại cương, đại lược thì có mười loại:

Thứ nhất là vì người khác mà làm lành. Thứ hai là giữ lòng kính yêu. Thứ ba là giúp cho người khác thành tựu. Thứ tư là khuyên kẻ khác làm lành. Thứ năm là giúp người khác trong cơn nguy cấp. Thứ sáu là hưng kiến đại lợi. Thứ bảy là bỏ tiền của làm phước. Thứ tám là hộ trì chánh pháp. Thứ chín là kính trọng tôn trưởng. Thứ mười là yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh.

1) Thế nào là “vì người khác làm lành”? Xưa kia, vua Thuấn ở Hà Tân, thấy người đánh cá giành nhau chỗ đầm sâu, hồ sâu, còn người già yếu thì đánh cá ở chỗ nước chảy xiết, bãi cạn. Vua xót thương, bèn đi đánh cá.

tại huyện Kim Đan. Thấy con gái nhà hàng xóm khá xinh xắn, vợ ông liền bán thoa, xuyên, mua về làm thiếp. Ông trở về nhà, bà vợ bày rượu trong phòng, bảo ông: “Tôi đã già chẳng thể sanh nở. Nàng này khá hiền lành, chắc có thể sanh con nối dòng cho nhà họ Cận”. Ông cúi đầu, đỏ mặt tía tai. Bà vợ cho rằng mình có mặt thì chồng sẽ ngân ngại, bèn đi ra, đóng chặt cửa lại. Ông bèn leo qua cửa sổ thoát ra, bảo vợ: “Ý bà tốt lành, nhưng tôi thường bông bẽ cô ta thuở bé, luôn mong cô ta sẽ được gả vào chỗ đàng hoàng. Tôi đã già rồi, lại còn lắm bệnh, chẳng thể làm nhục cô ta được”, bèn trả cô ấy về. Năm sau, bà vợ sanh ra Văn Hy Công, mười bảy tuổi đã đậu giải nguyên, năm sau đỗ nghè. Về sau, [Văn Hy Công] là một vị Tể tướng hiền đức”.

Thấy kẻ nào tranh giành bèn nín lặng chẳng nói. Thấy người nhường nhịn bèn ca ngợi, bắt chước theo. Sau một năm, mọi người đều nhường chỗ hồ đầm sâu. Ôi! Vua Thuấn là bậc minh triết, há chẳng thể thốt ra một lời giáo huấn mọi người ư? Nhưng vua chẳng dùng ngôn giáo, mà dùng bản thân để chuyển biến họ. Đây là dụng tâm khổ sở để làm chuyện tốt lành vậy! Bọn chúng ta sống trong đời Mạt, chớ dùng sở trường của mình để lấn lướt người khác, chớ vì mình có điều thiện mà phô trương bản thân, chớ vì mình lắm tài mà làm khó dễ người khác. Hãy thâm hiểm tài trí dường như chẳng có, dường như rộng tuếch. Thấy lỗi lầm của người khác, hãy bao dung, che giấu. Một là khiến cho người ấy có thể sửa đổi, đàng khác là khiến cho kẻ ấy do có điều cố kỵ sẽ chẳng dám cầu thả. Thấy người khác có chút ưu điểm đáng tuân thủ, hoặc có điều thiện nhỏ đáng ghi chép, bèn lập tức xả mình để làm theo, lại còn nồng nhiệt ca ngợi, kể nói rộng rãi. Phạm là trong thường nhật, thốt một lời, làm một chuyện, hoàn toàn chẳng vì chính mình mà dấy niệm, toàn là vì nêu gương cho chúng sanh. Đây chính là độ lượng của bậc đại nhân chuyên vì thiên hạ.

2) Thế nào là “*giữ lòng yêu kính*”? Đối với bậc quân tử và kẻ tiểu nhân, nếu nhìn từ hành vi, sẽ thường dễ bị lẫn lộn, chỉ có một điểm duy nhất để phân định là cái tâm, ắt thiện và ác sẽ khác biệt vơi vợi, rành rành như trắng tương phản với đen! Vì thế nói: “Quân tử sở

dĩ khác với phạm nhân là do tấm lòng mà thôi!” Quân tử chỉ giữ tấm lòng yêu kính người khác. Ấy là vì con người có thân, sơ, sang, hèn, có trí, ngu, hiền, bất tiểu (不肖, không ra gì), muôn phẩm khác nhau, nhưng đều là đồng bào của ta, đều có cùng một thể với ta, có ai mà chẳng đáng nên kính yêu? Yêu kính mọi người, tức là yêu kính thánh hiền. Có thể cảm thông chí hướng của mọi người, tức là có thể cảm thông chí hướng của thánh hiền. Vì sao? Chí thánh hiền vốn mong cho cõi đời này và người đời này ai nấy đều được sống yên vui. Ta hãy nên yêu, hãy nên kính, khiến cho mọi người trong một đời được bình an, đấy chính là giống như thánh hiền đã khiến cho họ sống an vui vậy.

3) Thế nào là “*giúp cho người khác thành tựu*”? Ngọc ẩn trong đá, hễ quăng ném bèn là ngói, sỏi; nếu được tạc, mài sẽ thành ngọc khuê, ngọc chương! Vì thế, hễ thấy người khác làm một việc lành, hoặc người khác có chí hướng đáng tán đồng hãy nên giúp họ tăng tấn, đều nên khuyên nhủ, giúp sức cho thành tựu, hoặc là cổ vũ, giúp đỡ, hoặc ủng hộ họ, hoặc hóa giải những lời lẽ vu cáo họ, hoặc làm tan những lời phỉ báng, cốt sao họ được thành tựu mới thôi! Nói chung, ai nấy đều ghét những kẻ chẳng giống mình. Kẻ trong làng người lành thì ít, kẻ bất thiện đông đảo. Thiệt nhân sống trong cõi tục cũng khó tự lập. Hơn nữa, bậc hào kiệt kiên cường đều chẳng thể hiện nơi hình tích cho mấy, do vậy phần nhiều bị chỉ trích. Vì lẽ đó thiện sự thường dễ bị thất

bại, thiện nhân thường bị hủy báng. Chỉ có bậc trưởng giả là người có lòng nhân, sẽ thẳng thắn không phò, giúp đỡ. Công đức ấy rộng nhất.

4) Thế nào là “*khuyên người khác làm lành*”? Đã sanh làm người, có ai không có lương tâm? Đường đời gặp ghềnh, dễ bị chìm đắm nhất. Hễ cư xử với người khác, hãy nên phương tiện nhắc nhở, phá trừ sự mê hoặc của họ. Ví như đêm dài mộng sâu, hãy đánh thức họ. Ví như bị hãm trong phiền não đã lâu, bèn dẹp tan cho họ được thanh lương, đó là ban ân huệ to lớn nhất. Hàn Dũ nói: “Khuyên người khác trong một thời thì dùng miệng, khuyên người trăm đời thì dùng sách”. So với chuyện vì người khác mà làm lành, tuy có hình tích nhưng là đối ứng với căn bệnh mà cho thuốc, luôn có hiệu quả lạ lùng, chớ nên phế bỏ. [Nếu khuyên bảo người khác làm lành] mà khiến người ta bực bội, hoặc nói lỗ lời, hãy nên xét lại trí tuệ của mình.

5) Thế nào là “*cứu người trong cơn nguy cấp*”? Ai cũng gặp phải lúc hoạn nạn, thất ngật. Hễ có lúc gặp phải người lâm vào cảnh ngộ ấy hãy nên như thân chính mình bị ung nhọt mà nhanh chóng giải cứu. Hoặc do một lời để phôi bày nổi oan khuất, niềm uất ức của người ấy, hoặc dùng nhiều cách để cứu vớt họ khỏi cảnh khốn đốn, bất an. Thôi Tử nói: “*Huệ bất tại đại, phó nhân chi cấp khả dã*” (Ân huệ chẳng cần phải to lớn, giúp người trong cơn nguy cấp là được rồi), đấy là

lời lẽ của người có lòng nhân vậy thay!

6) Thế nào là “*hung kiến đại lợi*”? Nhỏ thì trong vòng một làng, lớn thì là trong một huyện. Hễ có lợi ích, đáng nên khởi sự thực hiện nhất. Phàm có lợi ích, hoặc là khơi ngòi dẫn nước, hoặc đắp đê ngăn ngừa họa hoạn, hoặc sửa cầu đường cho người đi đường xa thuận tiện, hoặc thí trà, thí cơm để giúp đỡ kẻ đói khát. Tùy duyên khuyên nhủ, hướng dẫn, góp sức thực hiện, chớ nề hà hiềm nghi, chớ ngại nhọc nhằn, oán thán.

7) Thế nào là “*bỏ tiền tài để làm phước*”? Muôn hạnh trong cửa Thích lấy bố thí làm đầu. Nói bố thí chỉ là một chữ “xả” mà thôi. Bậc thông đạt trong là bỏ lục căn, ngoài bỏ sáu trần. Hết thấy sở hữu, không gì chẳng xả! Nếu chưa thể như vậy thì trước hết hãy bố thí nơi tài vật. Người đời coi áo cơm là tánh mạng, vì thế tài được coi trọng nhất. Do đó chúng ta xả tài, trong là phá lòng keo kiệt của ta, ngoài là để giúp người khác trong cơn túng ngặt. Thoạt đầu thì miễn cưỡng, rốt cuộc sẽ là vui vẻ. Cách này có thể gột sạch tình chấp riêng tư, loại trừ sự chấp trước, keo tham dễ nhất.

8) Thế nào là “*hộ trì chánh pháp*”? Pháp chính là con mắt của sanh linh trong muôn đời. Chẳng có chánh pháp sẽ dùng cái gì để tham dự, giúp đỡ quyền sanh thành dưỡng dục của trời đất? Dùng gì để vun bồi, thành tựu muôn vật? Dùng gì để thoát khỏi trần lao, lia trôi buộc? Dùng gì để nhập thế, xuất thế? Vì thế,

hễ thấy miếu mạo của thánh hiền, kinh thư, sách vở đều nên kính trọng tu bổ. Còn như tuyên dương chánh pháp, trên là báo ân Phật, càng phải nên gắng sức.

9) Thế nào là “*kính trọng bậc tôn trưởng*”? Cha anh trong gia đình, quân vương, trưởng quan trong quốc gia. Đối với những người tuổi cao đức cả, địa vị cao, chức quyền cao, đều nên đặc biệt chú ý hầu hạ. Ở nhà thì phụng dưỡng cha mẹ, cốt sao đối xử với cha mẹ bằng lòng yêu thương sâu xa, vẻ mặt mềm mỏng, ăn nói ôn hòa, nhẹ nhàng, tập quen thành tánh. Đó là cội rễ của sự hòa khí cảm thông cõi trời. Ra ngoài bèn thờ vua, hễ làm chuyện gì đừng bảo là “vua không biết” để rồi mặc sức làm càn. Xử phạt một kẻ nào đó đừng bảo “vua chẳng thấy” để rồi ra oai! Thờ vua như thờ trời, đó chính là lời luận định chí lý của cổ nhân. Những chỗ này liên quan đến âm đức nhiều nhất. Hãy thử xem nhà trung hiếu, chẳng có ai không có con cháu hưng thịnh liên tục lâu dài, hãy nên hết sức thận trọng!

10) Thế nào là “*yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh*”? Con người sở dĩ là người, chỉ là vì có lòng trắc ẩn đó thôi. Người mong cầu lòng nhân bèn mong cầu ở chỗ này. Người tích đức bèn tích đức ở chỗ này! Theo Chu Lễ, “*Mạnh xuân chi nguyệt, hy sanh bất dụng tẫn*” (Tháng đầu xuân giết sanh vật để tế lễ, chẳng dùng những con vật cái). Mạnh Tử bảo: “*Quân tử viễn bào trù*” (Bậc quân tử xa lánh bếp núc). Nguyên do toàn là vì lòng trắc ẩn

của ta. Vì thế, người đời trước có lời răn “chẳng ăn bốn thứ”, tức là nghe giết con vật ấy bèn không ăn thịt của nó, thấy nó bị giết bèn không ăn, tự mình nuôi sẽ không ăn, chuyên vì ta mà giết bèn không ăn. Người học chưa thể thôi ăn thịt, hãy nên kiêng tránh từ những điều này, tăng tấn dần dần. Từ tâm càng tăng trưởng, sẽ không chỉ kiêng sát sanh. Các loài hàm linh ngộ ngoạ đều là những sanh vật có mạng sống. Do muốn có tơ mà luộc kén, cuốc đất giết trùng. Nghĩ đến nguồn cội của áo com đều là do giết chúng sanh để mong chính mình được sống! Vì thế, tội nghiệt phung phí phá hoại tài vật sẽ giống như sát sanh. Còn như những chúng sanh do tay ta vô tình làm tổn thương, chân vô ý giẫm đạp, chẳng biết là bao nhiêu! Hãy đều nên khéo léo ngăn ngừa. Cổ thi có câu: “*Ái thử thường lưu phạn, liên nga bất điểm đặng*” (Do thương chuột mà thường chừa com, do thương thiêu thân nên chẳng thắp đèn), nhân ái thay! Thiện hạnh vô cùng, chẳng thể thuật trọn. Vì thế, từ mười sự này mà có thể suy rộng ra ắt sẽ có thể trọn vẹn muôn đức vậy!”

Từ tâm ư vật.

慈心於物。

Từ tâm đối với muôn loài.

Từ là cội gốc của muôn điều thiện, tức là lòng nhân. Từ có hai nghĩa: Một là giúp nghèo, dẹp khổ; hai là kiêng giết, phóng sanh. Suy ngẫm chữ này, hãy nên nói theo phương diện “suy tới muôn loài”, có nghĩa là

bậc quân tử tích lũy công đức, không chỉ là “thân thân nhân dân” (親親仁民, thân ái đối với người thân, có lòng nhân đối với những người khác) mà thôi, mà lòng từ còn hướng đến muôn vật nữa.

Đại Tạng Kinh nói: “Người chẳng sát sanh, yêu thương, bảo vệ sanh mạng muôn vật và phóng sanh, thí thực sẽ được quả báo sống lâu”. Người hiện thời, đối với chuyện trẻ con trong nhà chơi đùa hãy đều nên ngăn cấm, đừng để cho chúng nó tổn hại các loài ruồi, muỗi, bướm, trùng, kiến, chim chóc v.v... [Nếu để mặc, không răn đe], không chỉ là thương tổn các sinh vật, mà còn khiến cho ý niệm giết chóc của chúng lừng lẫy, lớn lên chúng nó sẽ chẳng biết nhân từ, khoan dung! Đối với tôi tớ, hễ họ đổ, hắt nước nóng hay đốt củi, quét đất sẽ khiến cho các loài như đĩa, kiến v.v... phần nhiều bị tổn thương, cũng nên răn nhắc. Hễ ai trông thấy hết thấy chúng sanh gieo mình vào tử địa, như thiêu thân đâm đầu vào đèn, trùng vướng vào lưới nhện, chim chóc bị thương, dế, kiến bị đập, tôm, cá, những loài có vảy nhỏ bé bị mắc lưới v.v... hãy nên tạo phương tiện cứu giúp, che chở khiến cho chúng nó được toàn mạng! Đây là hành vi của bậc phước thọ lâu dài vậy!

Kinh Quán Thế Âm nói Đại Phạm Thiên Vương hỏi về tướng mạo của Đà-la-ni, Bồ-tát bèn đáp: “Là tâm đại từ bi”. Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận nói: “Quán Thế Âm biểu thị vị trí Tây phương. Do phương Tây thuộc về

chỗ *thu sát*¹⁷⁴, ngài hành lòng từ cứu khổ ở chỗ “sát” nên tên là Quán Thế Âm”. Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm chép: “*Nhược linh chúng sanh hoan hỷ, tất nhất thiết Như Lai hoan hỷ. Hà dĩ cố? Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vì Thế cố, nhân ư chúng sanh nhi khởi đại bi, nhân ư đại bi sanh Bồ-đề tâm. Nhân Bồ-đề tâm, thành Đẳng Chánh Giác*” (Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ, hết thảy Như Lai sẽ hoan hỷ. Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi làm thể, do vì chúng sanh mà dấy lòng đại bi, do vì đại bi mà sanh tâm Bồ-đề, do tâm Bồ-đề mà thành Đẳng Chánh Giác). Chúng sanh yêu quý thân mạng nhất, chư Phật yêu mến chúng sanh nhất. Có thể cứu thân mạng của chúng sanh tức là có thể thành tựu tâm nguyện của chư Phật. Do vậy, xét ra chư Phật, Bồ-tát ngàn lời vạn lẽ, không gì chẳng nhằm dạy mọi người hãy cứu khổ cho chúng sanh! Ngàn lời vạn lẽ của tà ma, ngoại đạo, không gì chẳng nhằm dạy con người ăn thịt chúng sanh. Vì thế biết: Khuyên kẻ khác phóng sanh chính là khơi gợi lòng từ bi của họ, là cái nhân lành để hưởng sự vui sướng dài lâu nhiều kiếp. Khuyên kẻ khác sát sanh tức là dấy động lòng tàn nhẫn của họ, sẽ là căn cội oan khiên bao kiếp! Một lời là then chốt gây nên họa hay phúc như thế đó, há chẳng thận trọng ư?

Đời Hán, Dương Bảo lúc chín tuổi, trông thấy một

174 Do mùa thu thuộc về Kim trong Ngũ Hành, cây cối úa vàng rụng lá trước gió thu, nên cổ nhân nói gió mùa thu có sát khí, thường gọi là thu sát.

con sẻ lông vàng bị chim cú đánh văng xuống đất, lại bị kiến bu. Dương Bảo cứu nó, đặt trong rương, cho nó ăn hoa vàng. Đến khi nó mọc lông vũ bèn thả đi. Một tối, có một đứa bé trai mặc áo vàng hướng về Dương Bảo bái tạ: “Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu¹⁷⁵ đến núi Bồng Lai, qua đây gặp phải ách nạn này, cảm tạ ông đã cứu giúp”. Bèn đem bốn chiếc vòng ngọc tặng cho ông ta và nói: “Khiến cho con cháu ông làm tới Tam công, trắng sạch như những chiếc vòng này”. Nói xong chẳng thấy đâu nữa! Về sau, Dương Bảo sanh ra Dương Chấn, Dương Chấn sanh Dương Bình, Dương Bình sanh Dương Tứ, Dương Tứ sanh ra Dương Bru, bốn đời làm Tam công, thanh bạch khôn sánh!

Đời Minh, Trầm Vạn Tam thấy có người cầm mấy trăm con ếch sấp đem giết bèn mua hết, đem thả trong

175 Tây Vương Mẫu còn gọi là Diêu Trì Kim Mẫu, Kim Mẫu Nguyên Quân, Tây Linh Vương Mẫu, Cửu Linh Thái Diệu Quy Sơn Kim Mẫu, Tây Trì Cực Lạc Kim Từ Thánh Mẫu, hoặc Bạch Ngọc Quy Đài Cửu Linh Thái Chân Kim Mẫu Nguyên Quân v.v... Bà được coi là chúa các vị nữ tiên trong Đạo giáo. Theo Tây Dương Tạp Trử, bà họ Dương, tên Hôi, ngự trong cung điện ở Tây Bắc núi Côn Luân. Trong niềm tin của dân gian, bà được coi là vợ của Hạo Thiên Thượng Đế. Theo Thần Tiên Truyện, bà và Thượng đế có hai mươi bốn người con gái, có thuyết nói bà có chín người con trai và hai mươi ba người con gái. Trong bộ Chẩm Trung Thu, Cát Hồng nói: “Lúc lưỡng nghi chưa phân, trời, đất, mặt trời mặt trăng chưa xuất hiện, đã có Bàn Cổ Chân Nhân, tự xưng là Nguyên Thi Thiên Vương, dạo chơi trong ấy. Về sau, ngài cùng Thái Nguyên Thánh Mẫu thông qua hai thứ khí kết tinh sanh ra Đông Vương Công và Tây Vương Mẫu. Sau đó lại sanh ra Địa Hoàng, Địa Hoàng lại sanh ra Nhân Hoàng”. Sách Thần Tiên Thập Di nói chi tiết hơn: “Phù Tang Đại Đế Đông Vương Công tức là Hạo Thiên Thượng Đế sanh thành vạn vật, Tây Vương Mẫu được gọi là Cửu Quang Huyền Nữ hóa sanh các hàm linh”.

ao. Một hôm, đến bên bờ ao thấy lũ ếch ngồi quanh một cái chậu sành, Vạn Tam bèn cầm về làm chậu rửa mặt. Ngẫu nhiên rửa tay, đánh rớt một chiếc nhẫn vào đó. Sáng hôm sau thức dậy, cầm đến, nhẫn đã đầy chậu. Ông Trầm kinh dị, lấy vàng, bạc thử bỏ vào cũng thế. Đấy chính là Tụ Bảo Bồn (聚寶盆, chậu gom chứa của báu), ông Trầm trở thành giàu có nhất nước.

Đời Tống, thiền sư Diên Thọ là người xứ Đan Dương. Thoạt đầu sư làm nha lại ở huyện Du Diêu, thâm thúng tiền trong kho mấy chục vạn. Hữu ty¹⁷⁶ tra hỏi, hóa ra chỉ là do sư mua những con vật đem phóng sanh, xài lố vào đó, chẳng ngờ thiếu hụt ngần ấy. Quan trên phán định tội phải chết, lúc sắp bị xử tử, sư vẻ mặt chẳng đổi, nói: “Ta cứu sống mấy muôn vạn sanh mạng, nay tuy chết nhưng sẽ mau chóng về Tây Phương, há chẳng vui ư?” Tiền Vương¹⁷⁷ nghe nói thương xót, tha tội ấy. Sư trở thành tăng, mộng thấy ngài Quán Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, huệ tánh ngày càng mở mang.

176 Hữu ty (有司) là những cấp chủ quản của một viên chức trong chính phủ, hoặc những cấp lãnh đạo có liên quan đến một cơ cấu chính quyền nào đó. Hữu ty cũng thường được dùng để chỉ giới quan lại lo việc hành chánh và tư pháp nói chung.

177 Tiền Vương ở đây chính là Tiền Liêu (852-932), tự là Cự Mỹ, là vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại Thập Lục Quốc. Nước Ngô Việt bao gồm mười ba châu, tức là toàn bộ tỉnh Chiết Giang hiện thời, phía Đông Nam tỉnh Giang Tô, và một phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Trong các tiểu quốc thời ấy, nước này tồn tại lâu nhất mãi cho đến khi Triệu Khuông Dẫn lập ra nhà Bắc Tống, thống nhất Trung Hoa. Do các vua Ngô Việt cai trị đều nhân từ, sáng suốt, việc học Phật rất thịnh hành, xã hội ổn định, người đương thời thường xưng tụng xứ Ngô Việt là Phật Quốc.

Sư viết bộ Vạn Thiện Đồng Quy Tập gồm sáu quyển. Sư trụ tại chùa Vĩnh Minh, thọ chín mươi tám tuổi, ngồi chấp tay qua đời. Môn nhân dựng tháp an táng sư bên cạnh chùa, có một vị tăng hằng ngày nhiễu quanh tháp lễ bái. Có người hỏi duyên cớ, tăng đáp rằng: Tôi là một ông sư ở Phủ Châu, do bị bệnh đã đến cõi âm. Thấy bên góc điện có treo một cuộn tranh vẽ, Diêm vương đích thân đến đánh lễ. Tôi hỏi người đứng đầu các nha lại, người ấy đáp: “Thọ thiên sư đấy mà! Phàm người chết đều phải qua chỗ này, riêng có thiên sư đến thẳng Tây Phương Cực Lạc thế giới, thượng phẩm thượng sanh, vì thế Diêm vương kính lễ”. Có thể thấy rõ là sanh về Tây Phương được âm phủ kính trọng dường ấy.

Trong bài Giới Sát Văn (bài văn khuyên kiêng giết) của Liên Trì đại sư đời Minh có đoạn: “Ai nấy đều yêu mạng, muôn vật tham sống. Sao lại sát hại thân thể chúng nó để thỏa thích miệng bụng ta? Hoặc là dao bén mổ bụng, hoặc đao nhọn chọc tim. Hoặc lột da lóc vẩy, hoặc cắt họng chẻ mai, hoặc luộc sôi nướng sống ba ba, lươn. Hoặc dùng muối, rượu để muối tươi cua, tôm. Đáng thương thay! Đau thảm thiết khôn nổi giải bày, khổ cùng cực khôn bề chịu đựng! Tạo ác nghiệp ngập trời, kết thành mối oán cừu sâu đậm muôn đời. Một mai vô thường, liền đọa địa ngục. Vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao. Khi thọ tội xong, còn làm súc sanh. Oán oán báo thù, mạng mạng đên bồi. Hết nợ, được làm người, lắm bệnh, chết yếu. Tôi nay đau xót thua cùng người

đòi, khuyên khắp mọi người chớ giết, càng nên tùy sức phóng sanh, lại còn trì niệm danh hiệu Phật, không chỉ là phước đức tăng cao, ắt còn tùy nguyện vãng sanh, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, công đức vô lượng”.

Trung hiếu.

忠孝。

Trung hiếu.

Làm bầy tôi tận trung, làm con tận hiếu, đây là thiên lý thường hằng, là cội gốc của nhân luân. Nếu làm bầy tôi mà bất trung, ắt vua còn mong cậy gì bầy tôi nữa? Làm con bất hiếu, cha còn mong đợi gì ở con nữa đây? Súc sanh cầm thú đều chẳng bằng, há còn đáng gọi là người nữa ư?

Loài người tuy đáng dự vào tiên phẩm, nhưng để thành tiên ắt cần phải trải qua nhiều năm tháng! Chỉ có kẻ tột trung, tột hiếu, hôm nay tạ thế, ngày mai liền sanh cõi trời. Người biết làm bầy tôi, làm con trung hiếu, tiết tháo cao cả, há có biết đây lại càng là cội gốc để được siêu độ ư?

Kẻ có hiếu, trước hết phải giữ yên đất nước. Do nước đã yên nên dân chúng sẽ an cư, do an cư nên họ sẽ thực hiện hạnh hiếu thảo. Vì thế, cổ nhân tìm trung thân ắt tìm nơi hiếu tử. Trung hiếu toàn vẹn đôi bề mới là đạo trọng yếu để đạt đến đức hạnh cao tột. Nhưng cũng có khi trung hiếu chẳng thể đều vẹn toàn được, do vậy chia

ra thành từng phương diện để luận định, ngõ hầu mỗi người sẽ tùy theo sự việc mà biết trọn hết tấm lòng.

“Trung” là tận tâm, chẳng lừa dối. Phàm trong các mối quan hệ giữa con người với nhau, như kẻ dưới phụng sự người trên, như những người cùng hàng chơi với nhau, xử sự, giao tiếp đều nên có lòng trung, nhưng đoạn kinh văn này nhằm chuyên nói về kẻ làm bầy tôi. Cha con, anh em, vợ chồng, ai nấy đều tự biết kính yêu, còn như mối quan hệ vua tôi là do đạo nghĩa mà kết hợp, ai nấy dễ phạm lỗi cấu thả. Ở đây, nói lòng trung là nói tới chuyện thiên kinh địa nghĩa, là chuyện chẳng thể trốn tránh giữa vòng trời đất vậy.

Ông Phan Trọng Mưu nói: Trong đời mỗi người, ngoài trời đất, cha mẹ ra, ân vua lớn nhất. Trong thường nhật, bất luận cư trú, ăn uống¹⁷⁸, không gì chẳng phải là ân vua. Khi vào trường học tập¹⁷⁹, cho đến lúc ra làm quan, được phong tước, vinh hiển tổ tông, rạng mặt

178 Nguyên văn “tiễn thổ, thực mao” (踐土食毛). Đây là một thành ngữ phát xuất từ một đoạn văn trong Tả Truyện: “Phong lược chi nội, hà phi quân thổ? Thực thổ chi mao, thù phi quân thân?” (Trong lãnh thổ của nhà vua, có chỗ nào chẳng phải đất nhà vua, ăn lông từ đất (tức ăn rau cỏ mọc trên đất), có ai chẳng phải là bầy tôi của vua?) Vì thế, “tiễn thổ, thực mao” có nghĩa là (đi trên đất của vua, ăn rau của vua), hiểu theo nghĩa bóng là nơi ta sinh sống, những gì ta ăn uống, đều thuộc về quốc gia. Cũng do ý này mà trong bài Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc, cụ Nguyễn Đình Chiểu đã viết: “Tấc đất, ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta”.

179 Nguyên văn “đương giao tường tạo tự” (當膠庠造就, vào trường Thái học hoặc trường huyện để đào tạo bản lãnh). Đời Chu, trường Thái học được gọi là Giao (膠), còn các trường huyện được gọi là Tường (庠).

nở mày ba họ¹⁸⁰, hoặc được vua coi như kẻ tâm phúc, phong cho quan cao chức cả¹⁸¹, bất quá là mong bồi dưỡng kẻ sĩ hồng báo đáp nước nhà đó thôi! Con người chẳng phải là cây cỏ, ai chẳng động lòng? Thế mà có kẻ đã hưởng ân đất nước, chẳng nghĩ dốc sức như khuyến mã để báo đáp, chỉ biết vun vén cho bản thân và gia đình, cái tâm sao mà tàn nhẫn vậy?

Ông Vu Thiết Tiêu nói: “Sĩ, nông, công, thương mắt chẳng thấy cửu trùng cung khuyết¹⁸², dường như chẳng có ơn vua để đáng nói tới. Nhưng hãy thử nghĩ: Ở một phương, những chốn chằm, đầm là nơi bọn giặc cướp chiếm cứ, là nơi bọn vong mạng dấy binh, ắt chúng nó sẽ đâm, giết, cướp bóc, sáng chẳng bảo đảm tối. Nếu không có oai phước của quân đội triều đình diệt sạch giặc cướp, loạn quân cho an toàn, há dân chúng bình phàm có thể yên lòng ngồi hưởng phước bốn biển thái bình ư? Nghĩ đến đây sẽ thấy gã phu gồng gánh, đưa trẻ chăn trâu, phụ nữ canh cửi, anh chàng cấy cày, chốn chốn đều thọ ơn vua, lúc nào cũng đều là do sức vua! Hãy nên tùy phận dốc trọn lòng

180 Nguyên văn “vinh thí tam đảng” (榮施三黨). Theo tự điển Nhĩ Nhã, “tam đảng” là một từ ngữ cổ, dùng để chỉ họ cha, họ mẹ và họ vợ. Câu này có nghĩa là người đồ đạt, vinh quy bái tổ, ba họ được thơm lây.

181 Nguyên văn “long dĩ tư mục” (隆以司牧), “tư mục” có nghĩa là quản lý, cai trị, thường được dùng để chỉ các quan lại.

182 “Cung khuyết” là từ ngữ chỉ cung điện của nhà vua. Do ngoài cửa cung có hai cái khuyết, nên gọi là cung khuyết. Khuyết (闕) là một cấu trúc gồm một đài cao, trên có lầu cao, phía dưới thì bỏ trống ở giữa để làm lối đi lại.

trung, huống hồ kẻ đọc sách ăn lộc vua ư? Kẻ chẳng biết một chữ “trung”, cũng đáng thẹn lắm thay!”

Đạo làm bầy tôi không phải chỉ có một. Người làm Tể phụ¹⁸³, ắt dốc trọn lòng phò tá việc cai trị là trung. Là kẻ ngôn quan (言官, Gián quan, Ngự sử, Gián nghị đại phu) ắt coi chuyện can gián nhằm khuông phò Hoàng đế theo đúng chánh đạo là trung. Làm quan trông coi về hình pháp, bèn coi chuyện chấp hành pháp luật công bằng, khoan dung là trung. Làm quan lại, coi yêu dân, siêng năng nơi chức trách là trung. Làm quan võ, coi dốc hết sức dẹp yên loạn lạc là trung. Những người giữ việc tiến cử, trông coi văn học, lấy chuyện tuyển chọn nhân tài cho đất nước là trung. Chuyện tròn hết trách nhiệm để tận trung khó thể nêu trọn! Sở dĩ ý niệm trung thành của kẻ làm bầy tôi bị phân tán đến nỗi chẳng đoái nghĩ đáng quân vương¹⁸⁴ là do có mấy điều, tức là do gia đình của chính mình, do tước vị, do quyền thế, do ân oán, do danh dự. Ý niệm về bản thân, gia đình, tước vị xuất phát từ kẻ tầm thường thì chuyện xấu gây nên bởi cái tâm bất trung ấy vẫn còn nhỏ. Ý niệm quyền thế phần nhiều phát sanh từ kẻ gian nịnh, thường liên quan đến lẽ lợi hại của thiên hạ, nước nhà, nhưng nỗi hại ấy rốt cuộc cũng gây hại cho chính kẻ

183 Tể phụ (宰輔) chính là ngôi Tể tướng. Do Tể tướng có vai trò phò tá Hoàng đế trông coi việc triều chánh cho nhà vua, đứng đầu các quan, nên gọi là tể.

184 Nguyên văn là “quân phụ” (君父). Theo ông Hoàng Bách Lâm, do coi vua giống như cha nên gọi là quân phụ, chứ “quân phụ” không có nghĩa là vua và cha.

gian! Còn như ân oán và danh dự, dẫu là kẻ được cõng đời xung tụng là quân tử vẫn có khi chẳng tránh khỏi! Từ thời Đường, Tống tới nay, mỗi họa kéo bè kết đảng là như thế đó. Chỉ có trung thì sẽ tận tâm, chẳng lừa dối. Chẳng lừa dối thì sẽ chí thành. Hễ chí thành thì khởi tâm động niệm hoàn toàn chẳng vì bản thân, vì gia đình, vì tước vị mà dấy lên, chẳng tránh né kẻ quyền thế mạnh mẽ, chẳng bị ảnh hưởng bởi tình cảm riêng tư, chẳng tiếc nuôi công danh của chính mình, trọn chẳng cầu được tiếng thơm là bậc trung nghĩa, chánh trực. Tuy khéo léo chu toàn sự việc nhưng chẳng a dua, phụ họa, hoặc là chấp pháp chẳng nể nang tình cảm, chẳng vì tình tự kích động mà uốn cong luật lệ. Chỉ cần là chuyện thật sự hữu ích cho quốc kế, dân sanh, sẽ đều tận lực thực hiện. Lại còn coi vua của mình đúng là như vua Nghiêu, vua Thuấn, chẳng dám manh nha ý niệm coi thường. Đấy mới là lòng trung cung kính vậy!

Hàn Thi Ngoại Truyện¹⁸⁵ chép: “Đạo trung có ba loại. Một là thờ vua bằng cách dùng đạo để bảo vệ thì là đại trung. Dùng đức hạnh để uốn nắn, phò tá vua thì là thứ trung (trung thành bậc thứ). Dùng lời lẽ can gián những chuyện sai trái để cứu nhà vua thì là hạ trung”.

185 Hàn Thi Ngoại Truyện là một phần của một bộ sách do Hàn Anh viết vào thời Tây Hán. Sách gồm có mười quyển, chia thành hai phần Nội Truyện và Ngoại Truyện. Nội Truyện đã thất truyền từ lâu.

Sách Thuyết Uyển¹⁸⁶ nói: “Tuân theo mạng lệnh, có lợi cho vua thì gọi là thuận. Tuân theo mạng lệnh mà có hại cho vua thì gọi là a dua. Trái mạng mà gây hại cho vua thì gọi là loạn. Trái mạng mà có lợi cho vua thì gọi là trung”.

Nhan Quang Trung¹⁸⁷ nói: “Phàm là người làm quan xử sự trong cõi đời, khi gặp những chuyện thị phi to tát, gặp những chỗ có ảnh hưởng lợi hại to lớn thường liên quan đến tánh mạng, tuy lúc rảnh rang thì có thể lo liệu chánh vụ, tuân thủ chánh đạo, nhưng cho đến khi ấy (đến khi phải quyết định những chuyện trọng đại) cứ ngập ngừng muốn nói lại thôi, cứ phân vân nên thuận theo hay trái ý cấp trên, ắt sẽ có chuyện giết người để lấy lòng người khác! Nếu không sẽ là phường hồ đồ chẳng quyết đoán, bại hoại quốc sự, khiến cho thế gian này phải hứng chịu hậu quả của sự chần chừ ấy”.

Xưa nay, những bậc hào kiệt hành sự, thành tựu

186 Thuyết Uyển (說苑) là tác phẩm thuộc loại tạp sự tiểu thuyết do Lưu Hướng viết vào thời Tây Hán. Đến đời Tống, Tăng Củng nhuận sắc. Tác phẩm này gồm hai mươi quyển, ghi chép những truyền thuyết và những câu chuyện lịch sử từ thời Tiên Tần cho đến đời Tây Hán, có kèm thêm những lời bình luận theo quan điểm của Nho gia.

187 Nhan Mậu Du (?-1637), tự là Tráng Kỳ và Quang Trung, biệt hiệu là Hoàn Bích Cư Sĩ, quê ở huyện Bình Hòa, thuộc phủ Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, đỗ tiến sĩ năm Sùng Trinh thứ bảy (1634) đời Minh. Ông viết rất nhiều về nhân quả, bộ sách nổi tiếng nhất của ông là Dịch Cát Lục cũng bàn về lẽ nhân quả, được Trần Long Chánh tôn xưng là “sách báu cứu đời”. Tác phẩm này được lưu hành rộng rãi tại Giang Nam chỉ kém bộ Liễu Phàm Tứ Huấn.

đại công danh, đại nhân phẩm đều là do từ trong “muôn phần chết, một phần sống” mà ra, đạt được định lực từ nơi ấy, sau đấy quốc gia mới được lợi ích. Như Gia Cát Lượng cức cung tận tụy, Quách Lệnh Công (Quách Tử Nghi, 郭子儀)¹⁸⁸ một mình một ngựa gặp giặc Hồ, Lý Lâm Hoài¹⁸⁹ giấu dao trong giày để tỏ rõ chí, Hàn Kỳ Vương¹⁹⁰ mười ngón tay còn bốn, Lưu Thuận Xương¹⁹¹

188 Quách Tử Nghi do từng đảm nhiệm chức Trung Thư Lệnh nên được gọi là Lệnh Công. Chữ Lỗ chỉ quân Hồi Hột; chúng tôi tạm dịch là giặc Hồ vì người Trung Hoa có thói quen gọi tất cả các dân tộc thiểu số ở Tân Cương là Hồ.

189 Lý Lâm Hoài tên thật là Lý Quang Bật, là một vị danh tướng đời Đường. Do ông ta được phong làm Lâm Hoài Vương, nên Sử thường gọi ông là Lý Lâm Hoài. Ông Lý khỏe mạnh, đa mưu, thiện chiến, giỏi bắn tên, giỏi cưỡi ngựa. Ông làm Tiết Độ Sứ Lạc Dương. Khi Sử Tư Minh giết chết con An Lộc Sơn là An Khánh Tự, xưng là Đại Yên Hoàng Đế, tấn công Lạc Dương ráo riết, Lý Lâm Hoài nhận thấy khó thể giữ thành Lạc Dương, bèn chuyển dân chúng đi nơi khác, lui quân về Hà Dương. Sau này, Lý Lâm Hoài đánh bại cánh quân của Sử Tư Minh tại Lạc Dương, góp phần dẹp yên cuộc biến loạn của An Lộc Sơn. Trong khi giao chiến, ông giấu một con dao nhọn trong ủng, bảo thuộc hạ: “Ta thuộc vào địa vị Tam công, chẳng thể chịu nhục trong tay giặc được. Nếu lỡ bị thua trận, ta sẽ tự vẫn để tạ tội với thiên tử”.

190 Hàn Kỳ Vương chính là danh tướng Hàn Thế Trung của nhà Nam Tống. Do được phong làm Kỳ Vương, nên sử thường gọi ông là Hàn Kỳ Vương. Ông thân thể to lớn, anh dũng, thiện chiến, nhiều mưu lược, cầm quân nghiêm minh, khinh tài, trọng nghĩa. Do từng bị trúng phải độc tiễn, vì thế, bàn tay của ông chỉ còn bốn ngón. Cùng với Nhạc Phi, ông lập nhiều chiến công hiển hách khiến cho quân Kim kinh hồn. Ông một mực phản đối chính sách hòa đàm của Tần Cối. Tần Cối bèn giả chiếu chỉ gọi ông về triều, giao cho trông coi Xu mật sứ, tước hết binh quyền. Ông đã gặp thẳng vua, tâu rõ Tần Cối chính là kẻ hại chết Nhạc Phi, nhưng nhà vua vẫn u mê, chẳng nghe lời can gián. Chán nản, ông bỏ về hưu, đóng cửa tạ khách.

191 Lưu Thuận Xương tên thật là Lưu Kỳ. Do từng đánh bại quân Kim tại Thuận Xương, nên người đời thường gọi ông là Lưu Thuận Xương. Ông là một vị tướng nổi danh kháng Kim của nhà Nam Tống. Lúc đó, tướng Hoàn Nhan Xương của quân Kim nghị hòa với Tần Cối. Một điều khoản nghị hòa là quân Kim sẽ trả lại phủ Khai Phong của Đông Kinh, phủ Hà Nam của Tây Kinh, và phủ Ứng Thiên của Nam Kinh cho Nam Tống. Lưu Thuận Xương được phái đến

chứa củi đọi chết [nhằm tỏ ý sanh tử quyết chiến]. Ông ta ra vào giữa vạn quân, trong vòng tên đạn chi chít, thế mà thần khí bất động, lạng lẽ thảng trận, há dễ dàng ư? Tắm thân đã sớm giao cho nước nhà rồi! Nhưng đó vẫn là nói về bậc chiến tướng. Còn như Từ Hữu Công¹⁹², Địch Lương Công¹⁹³, Lý Phiên¹⁹⁴ đều bị vu cáo, hãm hại mà

trấn thủ Thuận Xương. Khi còn cách Thuận Xương ba trăm dặm, ông Lưu nghe tin quân Kim đã đánh xuống miền Nam. Ông đã thành công chỉ huy quân Tống phá tan đội quân chủ lực của Hoàn Nhan Tông Bật tại Thuận Xương. Không lâu sau, Tần Cối lại chủ trương tiếp tục nghị hòa, bắt ông phải triệt thoái, đổi sang làm tri phủ Kinh Nam. Trong cuộc chiến Thuận Xương, khi Hoàn Nhan Tông Bật dẫn đến bốn đạo binh cùng tấn công Thuận Xương, ai nấy kinh sợ khuyên ông nên tạm thời rút về Giang Nam để chờ thời cơ. Ông hạ quyết tâm, ra lệnh: “Kẻ nào dám bàn ra tán vào sẽ chém”. Ông cho người đưa vợ con đến một ngôi chùa gần đó, sắp sẵn một đồng củi to, dặn dò thuộc hạ: “Nếu ta lỡ bị thua trận, hãy nổi lửa thiêu chết vợ con ta để họ cùng ta hy sinh vì nước”. Nghe tin ấy, quân sĩ hăng hái, liều sức chiến đấu khiến cho Hoàn Nhan Tông Bật bị thua to.

192 Từ Hữu Công là người huyện Yến Sư, tỉnh Hà Nam, sống vào đời Đường. Ông vốn làm quan thuộc ngành tư pháp, được cử làm chức tư pháp tham quân, trông coi quân kỷ. Đối xử với phạm nhân rất khoan hậu, chẳng dùng nhục hình. Ông Từ tánh tình kiên quyết, chất trực, không xu phụ quyền thế, dám tranh biện không e ngại trước mặt Vũ Tắc Thiên, một mực bênh vực những kẻ bị hàm oan do bọn gian thần sàm tấu. Do ông nhiệt thành tận lực điều tra, minh oan cho rất nhiều người, dân chúng gọi ông là Nhân Nhân (người nhân từ).

193 Địch Lương Công chính là Địch Nhân Kiệt, một vị quan văn nổi tiếng dưới thời Đường Cao Tông. Ông Địch là người xứ Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây, trung hiếu vẹn toàn, cương trực, vô tư, tự gánh vác trách nhiệm phục hưng nhà Đường. Ông đã dùng tài trí, khéo léo lái Vũ Tắc Thiên thực hiện những kế sách khiến cho quốc gia thịnh trị. Vũ Tắc Thiên hết sức kính nể ông, tôn xưng ông là Quốc Lão. Bọn gian thần như Trương Diệc Chi, anh em nhà Vũ Tam Tư nhiều phen tìm cách vu cáo, hãm hại ông, nhưng đều thất bại.

194 Lý Phiên là một vị đại thần đời Đường, tài đức vẹn toàn. Ông giữ chức Cấp Sự Trung thời Đường Huyền Tông, dùng những lời lẽ rất thẳng can gián nhà vua khi nhà vua u mê tin vào bọn phương sĩ, chỉ mong trường sanh bất tử. Về sau, ông được phong làm Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, thực

mắc tội tử hình. Bùi Tấn Công¹⁹⁵, Trương Ngụy Công¹⁹⁶, Hàn Ngụy Công¹⁹⁷ bị vây hãm bởi kiếm khách¹⁹⁸, nhưng họ rốt cuộc bất tử, công huân trọn khắp trời đất, danh treo cùng nhật nguyệt. Cố nhiên là họ đã bỏ sạch bản thân như thế, nhưng sau đó đã đạt được tác dụng to lớn.

Do vậy biết tạo vật, quý thần cũng dùng chuyện này để thử thách con người. Khi đã vượt được thử thách thì thần linh sẽ luôn bảo vệ, vũ trụ sẽ thuộc quyền chấp chưởng của họ. Khi chẳng vượt được sự thử thách ấy thì sẽ thân bại danh liệt. Như Vương Diễn, Ân Hạo¹⁹⁹

chất là Tể tướng dưới đời Đường Hiến Tông.

195 Bùi Tấn Công chính là Bùi Độ, làm ngự sử, chủ trương tước quyền các phiên thần. Ông làm Tể tướng dưới bốn đời vua, tức Đường Hiến Tông, Đường Mục Tông, Đường Kính Tông và Đường Văn Tông. Cuối đời, do can vua đừng trọng dụng hoạn quan khiến triều chánh bị lũng đoạn, nhưng vua không nghe theo, ông chán nản, từ quan, đóng cửa tạ khách.

196 Trương Ngụy Công chính là Trương Tuấn, do được phong là Ngụy Quốc Công, nên Sử thường gọi ông là Trương Ngụy Công. Trương Tuấn làm Tể tướng, chủ trương kịch liệt kháng Kim, trọng dụng Nhạc Phi và Hàn Thế Trung. Sau này, Tần Cối khéo xu nịnh, trở thành Tể tướng, Trương Tuấn bị bãi chức suốt hai mươi năm. Ông vẫn liên tục dâng sớ lên triều đình phản đối nghị hòa.

197 Hàn Ngụy Công chính là Tể tướng Hàn Kỳ thời Bắc Tống.

198 Kiếm khách ở đây là những gã thích khách do bọn gian thần phái đến hãm hại những vị này.

199 Vương Diễn, tên tự là Di Phủ, sống vào thời Đông Tấn, làm quan tới chức Tư đồ, Trung thư lệnh, và Thượng thư lệnh đời Tây Tấn, giỏi văn chương, thích đàm huyền thuyết diệu, tự coi mình là người thanh cao, thực chất là kẻ lười nhác chẳng màng chánh sự, chỉ lo bo bo giữ cho thân mình được vinh thân phì gia. Khi Lưu Uyên lập ra nhà Hán để chống lại nhà Tấn, Vương Diễn chỉ lo gom góp tiền bạc, kéo vây cánh để tìm đường rút lui nếu nhà Tấn thất trận. Khi Tư Mã Luân trong loạn bát vương giết chết Giả Hậu, do có quan hệ huyết thống với Giả Hậu, Vương Diễn đã giả điên để lánh nạn, không nghĩ cách bảo vệ đất nước.

Ân Hạo là người thời Đông Tấn, học rộng, thông thạo Lão Trang, kinh

v.v... thoát đầu cũng tự phụ là hạng người đứng thẳng nơi cao muôn trượng, tiếng tăm lừng lẫy trong bốn biển, nhưng thấy cây cỏ thì vui vẻ, thấy sói bèn run rẩy, vì sẵn mang bản chất của loài dê! Hễ gặp chuyện biến hóa bèn run giọng, líu luõi, bọn họ làm sao có thể tranh thủ xoay chuyển vận mạng càn khôn, có bản tánh của những nhân vật an định cho được? Ấy là vì họ gieo trồng căn cội giả trá²⁰⁰, giả sẽ ứng với giả, nếu nhận được đôi chút phước trạch nhỏ nhoi là đã tiện nghi lắm rồi! Hiềm rằng do được hưởng danh tiếng quá nặng, tự mong mỗi thái quá, đến khi lộ rõ bản chất, chẳng thi triển được một mảnh khoe giả dối nào, bị thiên hạ cười nhạo. Do vậy bèn nói: Sự soi xét của thiên địa, quý thần rất ẩn nhiệm, chẳng dung kẻ dối trời lừa người hồng cầu may mắn mà đạt được thành công! Vì thế, đối với chỗ này phải gấp nên giữ cho thanh tịnh.

Tấm thân này đã phó thác thiên địa vạn vật, dẫu bất hạnh mà chết, như những cái chết của Quan Tráng Mục, Trương Tuy Dương, Nhạc Vũ Mục, Văn

Dịch, cũng thích đàm huyền thuyết diệu, tự coi mình là bậc thanh cao, tài cao chí cả hơn người. Khi Hoàn Ôn chuyên quyền, Ân Hạo làm Trung Quân Tướng Quân, nhưng thiếu năng lực, chỉ biết nói suông. Hoàn Ôn trách tội, tâu vua phế Ân Hạo làm thứ dân. Trong đoạn văn kể đó, ông Nhan Quang Trung có chê họ thấy sói bèn run sợ, tức là chê trách Vương Diển khiếp nhược, hèn mọn trước oai thế của Tư Mã Luân và Thạch Lạc, Ân Hạo sợ Hoàn Ôn một phép!

200 Ý nói cái mà họ thể hiện bề ngoài đều là giả, mang tấm lòng giả dối, khoe khoang.

Văn Sơn²⁰¹ vẫn hết sức có giá trị. Hãy xem bọn Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung, Hàn Thác Trụ, Giả Tự Đạo²⁰² có kết cục như thế nào? Có ai không chết? Chỉ

201 Quan Tráng Mục chính là Quan Vũ, tức Quan Công. Do sau khi chết, Quan Vũ được truy tặng tước Tráng Mục Hầu, nên ở đây gọi ông là Quan Tráng Mục. Trương Tuy Dương tên thật là Trương Tuấn (709-757), còn gọi là Trương Trung Thừa, người xứ Bồ Châu, Hà Đông. Khi An Lộc Sơn dấy loạn, ông làm huyện lệnh Chân Nguyên, đã đem binh trấn giữ Ung Khưu, một mình suất lĩnh quân sĩ chống lại Yên Quân của An Lộc Sơn. Sau đó, ông được điều sang trấn giữ Tuy Dương (nay là Thương Khâu, tỉnh Hà Nam), cộng đồng tác chiến với Thái thú Hứa Viễn. Ông thế lực trợ trợ, thiếu thốn lương thảo, không người cứu viện, vẫn anh dũng giữ vững Tuy Dương suốt hai năm. Thành vỡ, bị bắt, ông khảng khái đón nhận cái chết, không chịu hàng giặc. Nhạc Vũ Mục chính là Nhạc Phi. Sau khi mất, Nhạc Phi được triều đình đặt thụy hiệu là Vũ Mục. Văn Văn Sơn chính là Văn Thiên Tường. Khi quân Nguyên diệt Tống, ông Văn phụng mạng bảo vệ Hoàng đế. Về sau, do giao chiến thất bại, ông bị quân Nguyên bắt, nhưng nhất quyết không đầu hàng. Trước khi bị tử hình, ông viết bài Chánh Khí Ca hào khí lâm liệt, khiến cho người đương thời đọc đến không ai cầm được nước mắt.

202 Lý Lâm Phủ là hoàng tộc nhà Đường, thích âm nhạc, làm quan tới chức Lễ bộ Thượng thư. Gã này tánh tình giáo hoạt, lắm mưu mẹo xảo trá, miệng lưỡi ngọt ngào, thuộc loại “miệng nam mô, bụng một bồ dao găm”, cấu kết với bọn phi tần, khéo nịnh bợ Hoàng đế, nên tuy thiếu học thức, vẫn luôn được trọng dụng. Lần lần hắn chiếm được lòng tin của vua, trở thành Tể tướng dưới đời Đường Huyền Tông, thao túng triều chánh suốt mười chín năm, tận sức hưởng lạc, hãm hại rất nhiều bậc đại thần công chính, kể cả việc gây nên cái chết của ba vị hoàng tử Lý Anh, Lý Dao và Lý Cứ. Hắn cấu kết với Vũ Huệ Phi (Dương Quý Phi) chèn ép Hoàng thái tử Lý Dục, buộc Thái tử phải bỏ vợ.

Dương Quốc Trung vốn có tên là Dương Chiêu, là một tay quyền thần dưới thời Đường Huyền Tông. Hắn là anh em họ của Dương Quý Phi. Sau khi Dương Quý Phi được Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng) sủng ái, hắn nịnh bợ em họ để bà ta xúi giục vua cất nhắc mình. Vua mê muội nghe theo, còn đặt tên cho hắn là Quốc Trung. Hắn nắm quyền Kinh Triệu Doãn (tương đương với chức Đô trưởng hiện thời), kiêm nhiệm Binh bộ Thị lang, kiêm Kiểm nam tiết độ sứ. Sau khi Lý Lâm Phủ chết, hắn được cử làm Hữu tướng, kiêm Lại bộ Thượng thư, Tập hiền Đại học sĩ v.v... Tính ra, hắn kiêm nhiệm đến hơn bốn

có bậc chánh trực, trung hiếu, hễ chết sẽ thành thần, được triều đình phong tặng hiển vinh, được tôn sùng, cúng tế vẻ vang, con cháu được tập ấm. Chẳng thấy bọn quyền thần, gian nịnh chết rồi sẽ được như vậy! Chẳng bàn đến bọn quyền thần, gian nịnh, ngay như

mươi chức vị khác nhau, lại còn được gia phong là Ngụy Quốc Công. Trong thời gian hấn chấp chánh, đã phát động chiến tranh với Nam Chiếu khiến cho quốc khố trống rỗng, hao tổn hơn hai mươi vạn quân! Khi An Lộc Sơn dấy loạn, hấn chỉ biết khuyên vua chạy vào Tứ Xuyên lánh nạn. Khi chạy đến Mã Ngôi, quân sĩ chán nản không chịu tiến nữa, Thái tử Lý Hanh, hoạn quan Lý Phủ Quốc, Cao Lược Sĩ v.v... truyền hịch hạch tội Dương Quốc Trung, ép vua xử trảm anh em Dương Quốc Trung. Dương Quốc Trung chạy trốn đến Tây Môn thì bị loạn quân chém chết, Dương Quý Phi bị ép thắt cổ tự tử.

Hàn Thác Trụ là chất của Hàn Kỳ. Ông ta được Tống Ninh Tông trọng dụng, thăng lên làm Tế tướng. Thác Trụ cực lực bài xích Lý học, thỉnh cầu Hoàng đế cấm tuyệt Lý học, bức hại những người theo Lý học. Ngay cả tông thất là Triệu Nhữ Ngụy vì theo Lý học mà bị ông ta hạch tội, đến nỗi phải bị biếm trích. Về sau, ông ta bị Sử Di Viễn âm mưu với Dương Hoàng Hậu cất đầu gởi cho quân Kim.

Giả Tự Đạo cũng sống vào thời Tống, do chị ruột là quý phi của vua mà được sủng ái, làm đến chức Hữu Thừa tướng thời Tống Lý Tông. Về sau, Giả Tự Đạo được thăng lên chức Thái sư Bình chương quân quốc sự, gia phong Ngụy Quốc Công. Ông ta xây một gian tư thất, đặt tên là Bán Gian Đường, bắt các quan viên phải mang công văn đến tư thất cho ông ta phê duyệt. Sau khi Mông Cổ liên kết với Tống diệt Kim, người Mông Cổ đã vi phạm hòa ước, tấn công Nam Tống, Giả Tự Đạo tuân lệnh vua cầm quân, nhưng không biết gì về quân sự, bèn lén lút nghị hòa với quân Mông Cổ, nhưng bị quân Mông Cổ bác bỏ. Khi Hoàng đế Mông Kha chết trận ở thành Điếu Ngự, Giả Tự Đạo lại lén lút hòa đàm với Hốt Tất Liệt, xưng thần, tiến cống triều đình Mông Cổ mỗi năm hai vạn lạng bạc. Khi quân Mông Cổ rút quân, ông ta dẫn quân thừa cơ tấn công, giết được hơn một trăm quân Mông Cổ, khoe dối với triều đình đã lập đại công, liên tiếp báo捷. Khi thành Tương Dương bị quân Mông triệt hạ, Giả Tự Đạo vẫn lo ăn chơi, không màng đến việc triều chánh. Khi quân Mông Cổ đã chiếm được Ngạc Châu, tình hình nguy ngập, dưới sức ép của các đồng liêu, Giả Tự Đạo phải thân chinh cầm quân kháng địch, nhưng không làm gì, chỉ lo nghị hòa. Khi kinh đô Lâm An cũng mất, dưới sức ép của các đại thần, Tạ Thái Hoàng Thái Hậu bãi truất Giả Tự Đạo, nhưng vẫn không xoa dịu được sự phẫn nộ của quần chúng. Không lâu sau đó, nhà Nam Tống diệt vong.

bọn Ca Thur Hàn, Tiêu Chí Trung, Vương Nhai, Giả Tốn²⁰³ nem nép xu phụ, mong giữ được đầu cổ, nhưng

203 Ca Thur Hàn là thủ lĩnh của bộ tộc Ca Thur thuộc sắc dân Đột Kỵ Thi (Türgish), là tướng lãnh dưới thời Đường Tuyên Tông. Ca Thur Hàn thuộc dòng dõi gia đình giàu có, từng làm bộ tướng của Vương Trung Tự (tiết độ sứ Lũng Hữu). Khi An Lộc Sơn làm loạn, trước đó, Ca Thur Hàn đã bị trúng phong, bán thân bất toại, phải lui về Trường An nghỉ ngơi. Do bọn quyền thần vu hãm, các danh tướng Phong Thường Thanh, Cao Tiên Chi v.v... đều bị giáng chức rồi bị giết chết, tình thế hết sức nguy ngập. Đường Huyền Tông bèn sai Ca Thur Hàn trấn thủ Đông Quan, Ca Thur Hàn phụng mạng, nhưng bệnh tình nghiêm trọng, hoàn toàn phải cậy vào bọn Điền Khâu Lương, Vương Tư Lễ, và Lý Thừa Quang xử lý chiến sự. Ca Thur Hàn chủ trương cố thủ; do vậy, Tể tướng Dương Quốc Trung nghị kỵ, sàm tấu, bắt ông ra quân giao chiến với Thôi Càn Hựu (tướng của An Lộc Sơn). Ca Thur Hàn thua trận, phải rút lui về Đông Quan. Bộ tướng của Ca Thur Hàn là Hóa Bạt Quy Nhân đã trói ông vào ngựa nộp cho An Lộc Sơn. Khi bị giải đến trước An Lộc Sơn, Ca Thur Hàn đã lộ vẻ sợ sệt, thỉnh tội với An Lộc Sơn. An Lộc Sơn vui mừng, phong cho Ca Thur Hàn làm Tư Không để chiêu dụ quân Đường. Ca Thur Hàn bèn viết thư chiêu hàng các tướng dưới quyền. Về sau, An Khánh Thu (con trai của An Lộc Sơn) giết cha, chiếm ngôi. Sau nhiều lần đại bại trước quân Đường, An Khánh Thu phải bỏ Trường An, chạy về đất Nghiệp. Trước khi rút lui, hắn đã hạ lệnh giết chết Ca Thur Hàn.

Tiêu Chí Trung sống vào đời Đường, do xu phụ bọn Vũ Tam Tư (cháu Vũ Tắc Thiên), nên được phong làm Trung Thừa. Về sau, do An Lạc Công Chúa âm mưu tiêu diệt quyền hành, đã thông đồng với mẹ là Vi Hậu, giết chết Đường Trung Tông. Nào ngờ một hoàng tử khác là Lý Long Cơ đã ra tay trước, dẹp tan âm mưu của mẹ con Vi Hậu. Sau khi An Lạc Công Chúa và Vi Hậu bị giết chết, Lý Long Cơ lên ngôi, tức Đường Huyền Tông, đã truy sát những tay chân của Vi Hậu. Do đó, Tiêu Chí Trung cũng bị xử trảm.

Vương Nhai từng làm tới Tể tướng dưới thời Đường Văn Tông. Trước đó, kể từ thời Đường Huyền Tông, bọn hoạn quan đã thừa cơ triều chánh suy vi, xâm nhập chánh quyền, ngày càng lớn mạnh, trở thành một thế lực đáng gờm. Năm Bảo Lịch thứ hai (826), Đường Kính Tông bị hoạn quan Lưu Khắc Minh sát hại, các hoạn quan Vương Thủ Trùng, Lương Thủ Khiêm đưa Lý Ngang là con thứ của Đường Mục Tông lên kế vị, tức Đường Văn Tông. Vương Nhai tuy thân làm Tể tướng, chẳng lo củng cố triều chánh, chỉ lo lấy lòng bọn hoạn quan. Đường Văn Tông bất mãn trước sự chuyên quyền của bọn hoạn quan, bèn ngấm âm mưu với Lý Huấn và Trịnh Chú diệt được Vương Thủ Trùng. Sau khi Vương Thủ Trùng chết, Lý Huấn và Trịnh

khi đại hạn xảy tới thì ngọc đá chẳng còn! Đã sớm biết cũng bị chết ngang trái như vậy, sao không liệt liệt oanh oanh, đội trời đạp đất vậy thay?

Lại như vào thời Hán Vũ Đế, thời Đường Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên), khí tượng như thế nào? Những kẻ bị họ vô có tru sát, tuyệt diệt vô số, nhưng những quan lại chủ trì công đạo thuở đó chẳng có ai chết! Những gã đón ý xu phụ kẻ tàn khốc, bạo ngược khi ấy chẳng có kẻ nào bất tử. Dẫu chẳng dám nhất loạt luận định những trường hợp như thế đó đều là họa phước, nhưng đã hiểu vì sao mạng (vận mạng) được gọi là mạng, chẳng thể khiến cho ta càng thêm tự tin ư? Có gì cứ ắt phải nem nép để rồi vì tiếc nuôi tánh mạng này mà phụ bạc ơn vua, gieo rắc mầm độc trong cõi đời!

Chú tranh công, hục hặc lẫn nhau. Tháng Chín năm đó, Văn Tông phong cho Lý Huấn làm Tể tướng, đổi Trịnh Chú làm Phụng Tường Tiết Độ Sứ. Theo kế hoạch, trong đám tang Vương Thủ Trùng, Trịnh Chú sẽ đem quân về Trường An phối hợp diệt trừ hoạn quan, nhưng Lý Huấn sợ Trịnh Chú lập đại công nên đã ra tay diệt hoạn quan trước. Ngày Mười Bốn tháng Chạp, Văn Tông thiết triều tại điện Tử Thần, Tả Kim Ngô Tướng Quân Hàn Ước tâu vua là tối qua có cam lộ giáng xuống cành thạch lựu trong vườn hoa của doanh trại Tả Kim Ngô, thỉnh vua đến xem. Lý Huấn tuyên bố chuyện này chẳng thật, vua liền sai các hoạn quan đi xem. Do sự do dự của Quách Hành Du và Hàn Ước, bọn hoạn quan đánh hơi được tình thế, nhanh chóng thoát thân, cướp vua chạy vào nội cung, sai quân tàn sát các đại thần. Sự gọi chuyện này là Cam Lộ Chi Biến, Vương Nhai cũng bị giết trong vụ này.

Giả Tốc cũng là một đại thần bị giết trong vụ biến loạn Cam Lộ, ông ta giỏi văn chương, khéo ăn nói, nhưng thích phô trương, tánh tình nóng vội, tâm lượng nhỏ nhen, gió chiều nào che chiều ấy. Khi thấy vụ tiêu diệt hoạn quan của Lý Huấn bị lộ, Giả Tốc cứ nghĩ mình thường lấy lòng, nịnh nọt bọn hoạn quan sẽ không sao. Nào ngờ Giả Tốc cũng bị bọn chúng thăm sát.

Lý Bí làm Tế tướng thời Đường Đức Tông. Đức Tông vì chuyện Cáo Quốc Trưởng Công Chúa²⁰⁴ mà muốn phế Thái tử, gọi Lý Bí tới kể cho biết. Lại còn bảo:

- Thụ Vương²⁰⁵ gần đây đã trưởng thành, hiếu kính thuận thảo, ôn hòa nhân từ.

Lý Bí nói:

- Thái tử là con trai duy nhất của bệ hạ, có sao bệ hạ muốn phế đi để lập cháu? Hơn nữa, đối với con ruột của bệ hạ mà còn hoài nghi, làm sao không có lòng nghi đối với cháu? Thụ Vương tuy hiếu, nhưng chẳng phải là con ruột; từ nay bệ hạ hãy nên nỗ lực, chớ nên mong cầu nơi lòng hiếu thuận ấy (lòng hiếu thuận của Thụ Vương)".

204 Cáo Quốc Công Chúa vốn là Diên Quang Công Chúa, con gái út của Đường Túc Tông (Lý Hanh). Thoạt đầu, bà được gả cho cháu của Dương Quý Phi là Bùi Huy. Trong cuộc biến loạn tại Mã Ngôi, do Bùi Huy bị giết, bà lại được gả cho Thái Bộc Khanh Tiêu Thăng. Bà sanh được một con gái là Tiêu Phi với người chồng sau. Đến đời Đường Đức Tông, do bà là cô của nhà vua, nên được gọi là Trưởng Công Chúa, và đổi phong hiệu là Cáo Quốc Trưởng Công Chúa. Con gái của bà được gả cho Thái tử Lý Tụng của Đường Đức Tông. Do vậy, bà tự do ra vào Đông Cung. Sau khi Tiêu Thăng mất, Cáo Quốc Trưởng Công Chúa tư thông lung tung. Các nhân tình của bà bao gồm Bành Châu Tư Mã Lý Vạn, Thục Châu Biệt Hạ Tiêu Đĩnh, huyện lệnh Phong Dương là Vi Uẩn, Thái tử Chiêm Sự là Lý Thăng v.v... Do Trương Đức Thường vu cáo Cáo Quốc Công Chúa tằng tịu với Lý Tụng nên Đường Đức Tông tức giận, toan phế Thái tử. Để trừng phạt, vua giam lỏng Cáo Quốc tại nhà riêng. Bà ta bèn học cổ thuật nguyên rủa vua Đường. Sự việc bị phát giác, vua giận dữ, tước sạch phong hiệu của công chúa, phế làm thứ dân, sai người đánh chết Lý Vạn, đuổi bọn Tiêu Đĩnh, Vi Uẩn, Lý Thăng, lưu đầy năm đứa con tư sinh của Cáo Quốc xuống vùng biên địa Lãn Nam, đồng thời giết chết Tiêu Phi.

205 Thụ Vương tên là Lý Mộ, là con trai của Lý Mạo (em ruột Đường Đức Tông).

Vua nói:

- Khanh không yêu thương gia tộc ư?

Lý Bí tần:

- Chỉ vì thần yêu thương gia tộc, cho nên chẳng dám không nói hết lời. Nếu sợ con thịnh nộ của bệ hạ mà ép mình thuận theo, ngày sau bệ hạ hối hận nhất định sẽ oán thần: *"Ta riêng cử người làm Tế tướng, người chẳng tận lực can gián!"* Đến nỗi ấy, ắt bệ hạ sẽ giết con thân. Thần đã già rồi, những năm tháng còn lại chẳng đáng tiếc! Nếu bệ hạ giết oan con thân, khiến cho thần phải lấy cháu làm người nối dõi, thần chẳng biết có được hưởng sự cúng tế ấy hay không?

Nhân đó ghen ngào tuôn lệ, vua cũng khóc nói:

- Sự đã như vậy phải biết làm sao?

Ông tâu:

- Đối với chuyện lớn này xin hãy suy xét. Từ xưa, hễ cha con ngờ nhau, chưa từng có chuyện không mất nước.

Vua nói:

- Trong các niên hiệu Trinh Quán và Khai Nguyên đều thay Thái tử có sao chẳng mất nước?

Ông tâu:

- Chuyện Thừa Càn âm mưu làm phản bị phát giác, Thái Tông bắt đắ dĩ phế trừ và còn phế bỏ Ngụy Vương Thái. Còn như Vũ Huệ Phi (Dương Quý Phi) gièm pha ba anh em Thái tử Lý Anh khiến họ bị giết, toàn quốc oán hận phần nộ; đấ chính là chuyện trăm đời đều nên răn ngừa, há lại có thể phỏng theo ư? Thần xin bệ hạ hãy thông thả trong ba ngày, xét rõ đầu mối ấ sẽ biết rõ Thái tử không có tâm gì khác. Nếu thật sự có dấu tích ấy, xin bệ hạ hãy theo như phương pháp thời Trinh Quán phế luôn Thư Vương lập hoàng tôn, ấ trăm đời sau người có đượ thiên hạ vẫn là con cháu của bệ hạ. Nếu nói với bọn người như Dương Tố, Hứa Kính Tông, Lý Lâm Phú, họ sẽ vâng theo ý chỉ này, sẽ lập công mưu địn sách lược với Thư Vương.

Vua nói:

- Ta sẽ vì khanh kéo dài chuyện này tới ngày mai để suy nghĩ.

Lý Bí tâu:

- Như thế thì thần biết cha con bệ hạ “*cha nhân từ, con hiếu thuận*” như thuở đầu vậy. Nhưng bệ hạ hãy nên tự tra xét, đoán địn, chớ để lộ ý này với kẻ chung quanh. Nếu để lộ ra họ sẽ tâng công với Thư Vương, Thái tử sẽ bị nguy.

Sau một ngày, vua ngự tại Diên Anh Điện, triệu kiến một mình Lý Bí, tuôn nước mắt bảo:

- Chẳng có lời can gián thống thiết của khanh, hôm nay trăm sẽ hối hận chẳng kịp. Thái tử nhân hiếu, thật sự chẳng có tâm gì khác.

Lý Bí làm Tể tướng bốn triều²⁰⁶, là bậc Tể tướng lừng danh đời Đường, về sau lại thành thần tiên.

Đời Đường, Ngụy Trưng có đảm lược, khéo xoay chuyển ý vua. Đối với chuyện nhà vua sai trái dẫu lớn hay nhỏ, ông ắt cực lực can gián, chẳng ngại mất lòng vua. Dẫu vua hết sức giận dữ, ông vẫn chẳng thôi. Vua từng có một con diều hâu đẹp đẽ, cho nó đứng trên cánh tay của mình. Nó thấy Ngụy Trưng từ xa đến bèn trốn trong lòng vua. Ngụy Trưng cố ý tâu chuyện lâu lã, rớt cuộc diều hâu chết trong lòng vua. Văn Đức hoàng hậu²⁰⁷ băng, vua nghĩ nhớ không thôi, làm lầu mấy tầng trong thượng uyển để nhìn về phía Chiêu

206 Lý Bí làm Tể tướng dưới bốn triều vua Đường Huyền Tông, Đường Túc Tông, Đường Đại Tông và Đường Đức Tông.

207 Văn Đức hoàng hậu họ Trương Tôn, Sử không chép rõ bà ta tên thật là gì. Bà là con của Trương Tôn Thịnh. Trương Tôn Thịnh giữ chức Hữu nhiêu vệ tướng quân của nhà Tùy. Khi Trương Tôn Thịnh mất, bà và anh trai là Trương Tôn Vô Kỵ (ông này về sau trở thành đại thần khai quốc của nhà Đường) cùng mẹ là Cao Thị bị con trưởng của Trương Tôn Thịnh là Trương Tôn An Nghiệp đuổi khỏi nhà, phải nương nhờ người cậu là Cao Sĩ Liêm. Dưới sự giàn xếp của cậu, bà được gả cho Lý Thế Dân. Bà đã âm thầm giúp chồng qua việc tranh thủ sự hậu thuẫn trong hậu cung của Lý Uyên. Bà thích đọc sách, có thể cùng chồng tranh luận rất tâm đắc mọi chuyện cổ kim. Vua rất quý mến bà đến nỗi sau khi bà mất, vua đã sai dựng nhiều ngôi chùa để cầu siêu cho bà, chẳng lập người khác làm hoàng hậu. Chiêu lăng chính là nơi an táng bà ta. Hiến lăng là nơi an táng Lý Uyên (Đường Cao Tổ).

Lăng. Vua từng dẫn Ngụy Trung theo lên đó, bảo hãy nhìn xem. Ngụy Trung nhìn kỹ, tâu: “Thần hoa mắt chẳng thể thấy”. Vua bèn chỉ cho thấy, Ngụy Trung tâu: “Thần ngỡ là bệ hạ đôi nhìn Hiến Lăng. Nếu là Chiêu Lăng thì đương nhiên là thần trông thấy”. Vua khóc và sai hủy cái lều ấy. Ngụy Trung khuyên vua: “Hãy giảm bớt đao binh, chú trọng văn hóa. Trung Quốc đã yên, tứ di tự phục tùng”. Vua nghe theo lời ấy. Về sau, Hiệt Lợi²⁰⁸ bị bắt, viên tù trưởng ấy còn đeo đao, làm túc vệ. Thịnh trị đến nỗi nhà dân cửa ngoài không cần đóng, người đi xa chẳng mang theo lương thực, đều do sức của Ngụy Trung vậy. Ngụy Trung là bậc đại thần hữu danh đời Đường, được phong làm Trịnh Công, cháu năm đời là Mộ Lại làm Tế tướng.

Thời Vũ Tắc Thiên, các pháp quan đua nhau tàn khốc, chỉ riêng có quan *Tư hình thừa* là Từ Hữu Công giữ lòng công bằng, khoan dung. Thoạt đầu, ông trông coi về hình pháp ở Bồ Châu, chẳng đánh đập tù nhân.

208 Hiệt Lợi Khả Hãn (Illig-Baghatur qaghan), vốn có tên là A Sử Na Đốt Bí, về sau được phong là Quy Nghĩa Vương. Ông là Khả Hãn cuối cùng của Đông Đột Quyết Hãn Quốc (Göktürks). Ông vốn là em trai của Đột La Khả Hãn (Chulo Qaghan). Khi Đột La mất, vợ ông ta là công chúa Nghĩa Thành thuộc hoàng tộc nhà Tùy đã chọn Hiệt Lợi làm vua. Về sau, ông lấy Nghĩa Thành làm vợ. Ông nhiều lần mưu toan xâm nhập Trung Nguyên. Hiệt Lợi tin tưởng, trọng dụng Triệu Đức Ngôn làm cố vấn, khiến nhiều người Đột Quyết bất mãn. Sau đó, ông đã nhiều lần tấn công Trung Nguyên. Năm Trinh Quán thứ tư (630), Hiệt Lợi bị thua trận dưới tay Lý Tĩnh, Đông Đột Quyết diệt vong. Hiệt Lợi bị giải về Trường An. Vua xá tội, phong Hiệt Lợi làm thứ sử Quốc Châu, nhưng ông từ chối. Do vậy, vua phong cho ông chức Hữu Vệ Đại Tướng Quân.

Các nha lại ước định với nhau: “Nếu vi phạm sẽ bị *Từ tu pháp* đánh đòn, bị mọi người cùng chê trách”. Cho đến khi ông mãn nhiệm chẳng đánh đòn một ai, các người có chức trách cũng sửa đổi. Tới khi ông làm *Từ hình thừa*, đối với những kẻ bị bọn nha lại tàn ác lại vu cáo, cấu kết tội trạng, ông đều làm rõ trắng đen, cứu sống vô số người. Ông từng tranh luận trước triều đình về chuyện tù ngục, Thái hậu (Vũ Tắc Thiên) nghiêm sắc mặt cật vấn, Hữu Công thần sắc không nao núng, tranh luận càng thêm thiết tha. Thái hậu tuy hiếu sát nhưng biết Hữu Công là người chánh trực, hết sức kính nể kiêng dè. Bọn Chu Hưng v.v... sàm tấu, gièm xiêm đủ kiểu, rốt cuộc chẳng thể hại ông. Sau đó, ông được cất nhắc làm *Tả đài điện trung thị ngự sử*, con cháu nhiều người hiển đạt.

Đời Đường, Quách Tử Nghi trong cơn biến loạn An Sứ²⁰⁹, đã thu phục hai kinh²¹⁰, công đứng đầu các tướng. Thời Đường Đại Tông, bọn hoạn quan (thái giám) nắm trọn quyền, Tử Nghi bị ngồi chơi xoi nước đã lâu, thuộc hạ ly tán. Bổng Thổ Phiên²¹¹ xâm nhập Trung Hoa cướp

209 Cuộc biến loạn này do An Lộc Sơn và Sử Tư Minh cầm đầu, nên gọi là loạn An Sứ.

210 Hai kinh thời Đường là Trường An và Lạc Dương.

211 Thổ Phiên (Tubo, tiếng Tây Tạng là Bod Chenpo) là một vương triều ở cao nguyên Thanh Tạng, cai quản phần lớn vùng bồn địa Tây Tạng và vùng Tân Cương hiện thời. Vương triều do Nhiếp Xích Tán Phổ (Nyakhri Tsanpo) sáng lập, thịnh trị dưới thời Tùng Tán Can Bố (Songtsan Gampo). Dưới thời Songtsan Gampo, Thổ Phiên liên tục tấn công miền Tây Trung Hoa. Nhà Đường phải gả

phá, kinh thành chấn động kinh hãi. Vua phải chạy qua Thiểm Châu. Các đại tướng như Lý Quang Bật v.v... đều ghét bọn hoạn quan lộng quyền, đóng yên quân đội chẳng đến cứu giá. Riêng mình Tử Nghi tuyển mộ hai mươi kỵ binh, lập tức lên đường, kết hợp các tướng, gióng trống giăng cờ, đốt nhiều đồng lửa để khiến cho quân Thổ Phiên nghi ngại. Bọn Thổ Phiên sợ hãi, tranh nhau rút lui. Về sau, lại có mấy chục vạn quân Hồi Hột²¹² xâm nhập cướp bóc. Các tướng phần lớn chẳng dẫn quân đến đúng lúc. Tử Nghi một mình cưỡi ngựa đến thuyết phục quân Hồi Hột, đại phá quân Thổ Phiên. Tử Nghi làm đại tướng, chỉ huy đoàn quân hùng mạnh, bọn Trình Nguyên Chấn, Ngưu Triều Ân sàm tấu, hủy

công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo để xoa dịu. Công chúa Văn Thành đã mang Phật giáo vào Tây Tạng. Theo truyền thuyết, tượng Thích-ca Mâu-ni Phật thờ tại chùa Đại Chiêu (Jokhang) ở Lhasa là do công chúa Văn Thành đem tới. Cho đến hiện thời, người Tây Tạng vẫn tin Songtsan Gampo là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, còn công chúa Văn Thành là hóa thân của Tara Bồ-tát (còn dịch là Đà-la Bồ-tát, hoặc Đệ Mẫu, một hóa thân khác của Quán Thế Âm Bồ-tát). Dưới thời Ralpacan (Trisuk Detsen), vương triều này chiếm trọn vùng bồn địa Tarim, mở rộng tới Bengal ở phía Tây, cao nguyên Pamir và một phần tỉnh Cam Túc cũng như Vân Nam của Trung Hoa. Dẫu đã có hòa ước từ thời Đường Thái Tông, Thổ Phiên luôn kiếm cơ hội quấy nhiễu biên thùy chiếm đất của nhà Đường. Dưới thời Đường Minh Hoàng, quân Thổ Phiên đã liên kết với An Lộc Sơn tấn công Trường An. Vương triều sụp đổ dưới thời Langdarma (Tri Uidumtsan) khi nhà vua do chính sách đàn áp Phật giáo dữ dội, đã bị một ẩn sĩ giết chết, nổi loạn xảy ra liên miên khiến cho vương triều sụp đổ.

212 Hồi Hột là từ ngữ người Hán thời Đường dùng để gọi dân Uigur (còn viết là Uyghur, hiện thời trong các văn bản chính thức của Trung Hoa, họ được gọi là Duy Ngô Nhĩ). Trải qua các triều đại, họ được gọi bằng các danh xưng Hồi Cốt, Ô Hột, Ô Hột, Ủy Ngột Nhi v.v... Thời Đường, Hồi Hột Hãn Quốc do liên minh nhiều bộ tộc người Uigur, gọi chung là Orkhon Uyghur.

báng đũa kiêu. Chiếu thư truyền xuống triệu tập ông, không lần nào ông chẳng lập tức lên đường, do vậy bọn chúng sàm tấu, hủy báng không được. Ông làm quan đến chức *Trung thư lệnh*, đã làm chủ khảo hai mươi bốn lần, được phong làm Phần Dương Vương. Tám con trai, bảy rể, hiển đạt chẳng ai bằng!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) làm Tế tướng, vì nước mà hy sinh thân mình, vì nước mà hy sinh tám thân. Khi đã bị bệnh, do các phép thanh miêu, miễn dịch, tướng quan²¹³ vẫn còn, Tây Hạ²¹⁴ chưa

213 Đây là các biện pháp cải cách do Vương An Thạch đề xướng. Pháp thanh miêu (青苗) là cho dân vay tiền và thóc quan phủ vào những lúc thiếu kém, để đợi đến vụ mùa sau khi thu hoạch sẽ trả. Hình thức này rõ ràng là vay nợ trong khi lúa còn non, nên gọi là thanh miêu. Do lãi suất nặng nề, cách này gây hại, khiến dân chúng bị tồ thuế, mắc nợ nặng nề hơn. Miễn dịch (免役) là quy định được nộp tiền để khỏi đi lao dịch. Sợ dĩ các nho sĩ chống đối cách này vì khoản tiền miễn dịch khá lớn, gây nên tệ nạn quan trên ăn hối lộ, chèn ép bắt dân nghèo đóng góp nặng nề hơn. Tướng quan (將官) là cách tinh giảm quân đội, sa thải những lính già, các lãnh đạo cao cấp trong quân đội phải là người biết võ nghệ, thông hiểu binh lược, trái với truyền thống các quan văn là người chỉ huy cao nhất, các quan võ chỉ là phụ tá.

214 Tây Hạ là một vương triều do người Đảng Hạng (Tangut) sáng lập, bao gồm vùng Ninh Hạ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Bắc Tân Cương, Tây Nam Nội Mông và cực nam của Ngoại Mông. Kinh đô thoát đầu là ở Ninh Hạ, sau dời sang Kharakhoto. Tên của vương quốc là Đại Hạ Bạch Thượng Quốc, nhưng do nằm ở phía Tây Trung Hoa, nên sử Trung Hoa thường gọi tắt là Tây Hạ. Vương quốc này hình thành bởi bộ tộc Thác Bạt (Tuoba) của người Tiên Ty (Xianbei) thuộc vương quốc Thổ Dục Hôn (Tuyuhun). Sau khi người Tây Tạng tiêu diệt Thổ Dục Hôn, lãnh tụ Thác Bạt Xích Từ (Tuoba Chici) quy thuận nhà Đường, góp phần tiêu diệt quân phản loạn Hoàng Sào, nên được ban quốc tách là Lý. Đến đời Tống, Lý Kế Thiên nổi lên chống lại nhà Tống, tự xưng vương. Vua Tây Hạ chính thức xưng đế dưới thời Lý Nguyên Hạo (cháu nội Lý Kế Thiên) vào năm 1038. Vương triều Tây Hạ thường xâm lăng lãnh thổ nhà Tống, nhà Tống

chịu hàng, ông than: “Bốn điều tai hại chưa trừ, ta chết chẳng nhắm mắt”. Tân khách thấy ông còm cõi, dẫn chuyện Gia Cát Lượng ăn ít, lảm việc đến nỗi hao mòn, chết sớm để khuyên răn. Ông đáp: “Sanh tử là mạng”, rồi càng thêm dốc sức. Tới khi bệnh đã ngặt nghèo không còn tỉnh táo, những điều ông lảm bảm như nói trong mộng toàn là chuyện triều đình, thiên hạ.

Ngụy Cao Tông²¹⁵ bảo quần thần: “Vua và cha như một. Cha có lỗi, con không gọi thư cho mọi người can gián, mà can ngăn trong buồng riêng, chỗ khuất, chẳng muốn phô bày điều ác của cha. Như ông Cao Doãn, trẫm có lỗi, ông chưa hề nói ngay trước mặt khiến cho trẫm chẳng thể chịu nổi. Trẫm biết lỗi mà thiên hạ không biết, chẳng đáng gọi là trung ư? Cao Doãn một dạ trung thành, không chỉ là kẻ phê phán kịch liệt chẳng thể sánh bằng ông ta mà kẻ ưa châm biếm cũng chẳng thể bằng được. Đáng gọi là biết cách can gián vậy”.

Đời Tống, Tô Bình dâng sớ bàn luận quốc sự bị

phải triều cống, xưng thần. Tây Hạ thường đánh nhau với nhà Kim, cuối cùng cả Kim lẫn Tây Hạ đều bị nhà Nguyên của người Mông Cổ tiêu diệt.

215 Ngụy Cao Tông tên thật là Thác Bạt Tuấn, vua thứ năm của vương triều Bắc Ngụy (Nguyên Ngụy). Ông được coi là một vị vua nhân từ. Dưới thời Thái Vũ Đế do bận chinh chiến liên miên, vua đã để Thái tử Thác Bạt Hoàng làm giám quốc. Hoạn quan Tông Ái vu hãm Thái tử, ám sát Thái Vũ Đế, đưa Thác Bạt Dư lên làm vua. Khi Thác Bạt Dư chống lại Tông Ái, hấn lại giết chết vua. Sau đó, các quan như Độc Cô Ni, Nguyên Hạ, Bạt Bạt Khát Hưu và Bộ Lục Cô Ly đã lật đổ Tông Ái, đưa Thác Bạt Tuấn lên làm vua.

đổi đi Nhiêu Châu. Họ Tô đi qua đất Lạc, trọ ở chỗ ông Doãn Thuần. Trong khi trò chuyện có ý phàn nàn bị thiên chuyển, biếm trích. Ông Thuần nói: “Khi Quý Minh²¹⁶ dâng thư chính là tính toán cho đất nước đó ư? Hay là vì tính toán cho bản thân? Nếu tính toán cho đất nước sẽ hoan hỷ phó nhậm Nhiêu Châu. Nếu vì tính toán con đường tiến thủ thì bị biếm trích tới Nhiêu Châu vẫn còn là hình phạt nhẹ nhàng”. Ông Bình võ lẽ. Trương Khả Am nói: “Sĩ tử làm quan, nếu có cái tâm mong cầu công danh, cầu được thong dong, vui sướng sẽ chẳng làm được một chuyện gì ra hồn!” Nói đúng lắm thay!

Xem khắp xưa nay, những kẻ bày tôi tận trung bèn được báo đáp nhiều khôn kể xiết! Còn những bậc chẳng đánh mất tiết tháo cao cả, thấy hiểm nguy bèn dâng hiến tánh mạng, dẫu khi ấy do vận mạng chông chênh, ôm hận ngàn thu, tợ hồ được trời trả báo đặc biệt lạ lùng. Nào có biết khi sống bèn hưởng tiếng tăm lòng lẫy trong thuở ấy, chết đi được muôn dân quỳ lạy. Trời báo đáp họ so với những kẻ hưởng phú quý, an lạc, há chỉ gấp trăm lần! Những kẻ quên ơn vua, hại dân, trời báo ứng thê thảm lại càng chẳng cần phải nói nữa! Nay khoan nói về sự báo ứng đối với kẻ có lòng trung hay bất trung, hãy nhìn vào những kẻ hời hợt qua loa, chẳng quan tâm dân đen, sẽ thấy bọn họ cũng

216 Quý Minh là tên tự của Tô Bình.

chẳng có kết cuộc tốt đẹp! Có thể thấy bóng lộc của ông chắc chắn là chẳng thể phụ bạc một chữ “trung” này. Từ Tế tướng cho tới dân chúng, phần nhiều đáng nên trọn hết lòng trung, nhưng tánh mạng của bọn dân đen liên quan đến quan huyện nhiều nhất. Vì thế, quan huyện càng chẳng thể không có lòng trung. Quốc gia đặt ra quan huyện là để ông ta dưỡng dân. Cổ nhân nói: “Dân là cội gốc của đất nước, cái gốc có vững vàng thì đất nước mới yên ổn được”. Được phó thác trọng trách như vậy, há có thể cô phụ ư?

Ấy là vì người đọc sách bèn phát khởi cái tâm cứu đời chân thật thiết tha; đến khi nắm quyền, có thể, càng phải chú trọng sao cho phút giây nào cũng đều nghĩ đến trời, đất, vua, cha mẹ, hành thiện sự rộng lớn, thanh liêm, thận trọng hướng dẫn thuộc hạ, siêng năng tìm hiểu rõ nỗi khổ của dân, phỏng theo cách cai trị tốt đẹp của Trình, Chu, học hỏi khuôn mẫu tốt lành của những bậc hiền năng đương thời. Đừng xử sự theo tình riêng, chớ yêu mến tiền của, hãy đề cao chuyện lành, trừng phạt kẻ dữ, hưng khởi điều lợi, trừ khử điều hại, đề xướng tuân thủ những ước định của mỗi làng, chú trọng nông tang²¹⁷, uốn nắn kẻ sĩ, quan tâm việc học, dạy dân siêng năng, tiết kiệm, thúc đẩy, răn đe dân chúng chú trọng nghĩ tưởng pháp lành. Đối với

217 Nông (農) là làm ruộng, tang (桑) là trồng dâu nuôi tằm. Nông tang là từ ngữ phiếm chỉ sự sản xuất.

chuyện hình ngục thường trọn hết lòng nhân. Trừ bỏ những tục lệ nhằm nhí, trái lẽ, giám sát bọn nha lại gian ngoan, phát hiện sớm những vấn đề về lụt lội, hạn hán để nhanh chóng báo lên cấp trên. Khi gặp tai ương đói kém bèn tìm cách cứu tế, cắt cử người chăm nuôi kẻ góa bụa, cô đơn, mồ côi. Khuyến khích tu bổ đền đài, ngòi rạch hữu hiệu. Nghiêm cấm những chuyện ác như dìm chết con gái²¹⁸, bắt cóc người khác đem bán, cờ bạc, hút sách, chơi bời, nghênh thần, diễn tuồng, dâm thư, quật mồ, mổ trâu v.v... Đề xướng những việc lành như lập kho trữ gạo cứu đói trong xã, Đồng Thiện Hội²¹⁹, nuôi trẻ mồ côi, nghĩa học, nghĩa塚²²⁰, trạm phát thuốc mùa hè, trạm phát cháo mùa đông, xưởng in sách, trạm tạm trú cho những người lưu lạc v.v... Đúng như đã gom góp núi báu vậy. Trong lời chú giải cho phần trước đã nói “quan lại coi chuyện yêu dân, tận tụy chức trách là trung”, tôi nay lại không ngại đôi ba lượt rất miệng, thật sự là vì những chuyện này liên quan đến tánh mạng của người dân nhiều nhất. Nếu có thể một niềm vâng giữ, có chuyện gì mà chẳng làm

218 Đây là một hủ tục của Trung Hoa. Khi đói kém, nếu sanh ra con gái, dân chúng sẽ giết chết, chỉ giữ lại con trai để nối dòng. Ngoài ra, nếu người nữ bị coi là phạm tội thất tiết hoặc bị vu cáo, sẽ thường bị đem dìm xuống sông cho chết.

219 Đồng Thiện Hội (同善會) là hội từ thiện do giới sĩ phu đề xướng từ thời Vạn Lịch nhà Minh, bao gồm các hoạt động diễn thuyết khuyến thiện, thí gạo, thí tiền giúp đỡ người nghèo, khen thưởng, biểu dương người tiết nghĩa.

220 Nghĩa học (義學) là trường học miễn phí cho trẻ em nhà nghèo, đôi khi còn chu cấp tiền bạc, gạo cho chúng. Nghĩa塚 (義塚) là nghĩa trang miễn phí dành cho người nghèo khổ, không có tiền mua đất chôn cất người thân.

được? Phước đức ấy há có thể lường ư? Lại chuyên ghi thêm vài câu chuyện để những người làm “dân chi phụ mẫu” xem tới mà tiếp nhận lời khuyên.

Đời Tống, Trình Minh Đạo làm huyện lệnh Tấn Thành, giữ thân đoan chánh để làm gương cho mọi người, dùng lễ nghĩa dạy dân. Hễ dân có sự lên huyện, ông ắt bảo ban họ về hiếu, đễ, trung, tín: Ở nhà thì phụng sự cha anh, ra ngoài xã hội ắt phụng sự bậc trưởng thượng. Ông ước lượng các làng quê xa hay gần để lập ra chế độ bảo vệ²²¹, khiến cho họ ra sức giúp đỡ lẫn nhau trong các việc lao dịch, đùm bọc nhau trong cơn hoạn nạn, chẳng dung kẻ gian dối, trá ngụy. Phàm những người cô quạnh, tàn phế, đều cắt cử thân thích, xóm giềng chăm nom, ngô hầu họ chẳng đến nỗi bơ vơ. Những kẻ đi xa, lỡ bị ngã bệnh trên đường đều có người chăm sóc. Nhân tiện ông lập ra sáu mươi mấy ngôi trường làng, lúc rảnh rang bèn mời phụ lão tới trò chuyện hòng thăm hỏi nỗi khổ của dân. Đối với những sách học của trẻ nhỏ, ông đều đích thân chấm câu²²².

221 Đây là một quy chế đã có từ đời Đường, được gọi là “ngũ bảo” (伍保), tức năm nhà liên kết bảo vệ lẫn nhau. Mỗi thôn xóm, thanh niên trai tráng từ mười sáu tuổi trở lên, trừ những người già, yếu, bệnh tật, trẻ nhỏ, đàn bà, tăng sĩ, con quan được miễn (vì đã có gia đình đảm nhiệm) đều kết thành đội chia phiên tuần hành, đảm bảo trị an, giúp đỡ lẫn nhau bảo vệ chống lại giặc cướp. Những đội gần nhau đều phải có trách nhiệm tương trợ lẫn nhau, nhất là khi có thiên tai hoặc giặc cướp tấn công.

222 Chữ Hán thời cổ khi viết không có chấm câu. Người đọc phải biết suy xét để ngắt câu cho đúng. Do đó, đối với trẻ học vỡ lòng, thầy thường dùng bút son khuyên tròn từng chỗ để trẻ biết ngắt câu. Đôi khi, do thầy không giỏi, chấm câu

Kẻ nào dạy học không tốt sẽ bị thay đổi, loại bỏ. Ông chọn lựa những đứa sáng dạ trong đám con em để gom lại dạy dỗ. Liên kết dân các làng để lập hội, đặt ra các quy định, nêu bày rành rẽ điều thiện, sự ác, khiến cho họ được khuyên răn mà biết hổ thẹn. Minh Đạo xem dân như con. Những kẻ muốn thừa gởi, có thể chẳng cần cầm theo đơn, cứ tới thẳng công đường thưa bày đầu đuôi. Tiên sinh thông dong bảo ban, ra rả dặn dò chẳng biết mệt. Ông ở huyện ấy ba năm, dân chúng yêu mến như cha mẹ. Ngày ông rời đi tiếng khóc vang rền ngoài đồng nội. Chỗ nào Minh Đạo đến trấn nhậm, trên dưới đều bị ảnh hưởng thuận theo; ấy là vì ông đã hành xử hợp lòng dân, cho nên họ bị ảnh hưởng. Thiên địa tạo hóa chỉ là do hành xử hợp lẽ mà tự nhiên ảnh hưởng mọi người đó thôi!

Minh Đạo cai quản một huyện. Giữa hè, đê bị vỡ to, theo đúng lẽ phải bấm lên phủ, phủ sẽ bấm lên tào²²³, sẽ phải mất hơn một tháng mới bắt đầu sửa chữa được. Tiên sinh sợ hư lúa mạ, bảo: “Cứu dân thì mắc tội cũng chẳng từ”, bèn xướng suất dân chúng sửa chữa, năm đó huyện ấy được mùa to.

Ông làm Chủ Bạ xứ Thượng Nguyên, thuộc Hà

sai. Trình Minh Hạo đã chấm câu nhằm giúp cho trẻ hiểu đúng mạch văn.

223 Tào (漕) ở đây là cơ quan đặc trách đường thủy của mỗi phủ, thường do quan Tào Vận Sứ trông coi.

Đông lộ²²⁴. [Sản vật trong vùng đã không nhiều lại còn phải] nộp thuế nên không sung túc. Hễ quan trên thu mua²²⁵, vật giá vẫn tăng vọt, dân chúng sẽ bị khổ sở mỗi năm. Tiên sinh ước lượng nhu cầu, bảo các nhà giàu mua gạo dự trữ, theo giá đã định để bán ra. Làm như vậy nhà giàu chẳng bị lỗ mà dân chúng phải tốn thêm chẳng quá hai ba phần mười so với trước đó. Hơn nữa, khoản thuế lương thực do dân đóng góp thường được chuyển đến chỗ gần phủ lý hơn. Do phải chở đi đường xa ắt cước phí sẽ tốn kém rất nhiều. Tiên sinh chọn những nhà giàu đảm nhiệm chuyện vận chuyển thuế khóa, dặn họ mua gạo trữ sẵn ở quận, chi phí được giảm bớt rất lớn, dân được sống thoải mái hơn.

Khi ông làm tri huyện Phù Cầu, trong dân chúng có chuyện đốt phá, cướp bóc tài vật của các nhà thuyền, mỗi năm ắt xảy ra mười mấy lần. Ông bắt được một tên, bèn bắt nó chỉ điểm để bắt được mấy chục đũa. Ông chẳng truy cứu lỗi cũ của chúng, mà tách chúng ra sống ở những chỗ khác nhau, cho bọn chúng sống

224 Lộ (路) là một đơn vị hành chính đời Tống. Cả nước được chia thành mười lăm lộ (Kinh Đông, Kinh Tây, Hà Bắc, Hà Đông, Thiểm Tây, Hoài Nam, Giang Nam, Kinh Hồ Nam, Kinh Hồ Bắc, Lương Chiết, Phước Kiến, Tây Xuyên, Giáp, Quảng Nam Đông, và Quảng Nam Tây). Về sau, các lộ lớn lại tách ra thành nhiều lộ nhỏ hơn. Hà Đông lộ bao gồm hai mươi hai phủ, bao gồm miền Trung và Nam tỉnh Sơn Tây ngày nay, cũng như một phần phía Bắc tỉnh Thiểm Tây. Trị sở của lộ này là Thái Nguyên.

225 Nguyên văn "khoa mại" (科買) là một quy chế vào đời Tống, đối với các sản vật lương thực mỗi năm, quan phủ có lập ra hạn định thu mua để dự trữ.

bằng nghề kéo thuyền. Lại còn giám sát những kẻ làm ác. Từ đây vùng đó không có nạn đốt thuyền nữa.

Ông làm tri huyện Kỳ Ấp, dân chúng đói rách vì lụt lội, tiên sinh xin phát gạo cho dân chúng vay. *Quan tư nông*²²⁶ bực tức sai người xuống tra xét tình hình. Người ấy bẩm báo không nên cho vay, tiên sinh cứ xin vay mãi không thôi, bèn vay được sáu ngàn thạch²²⁷ gạo, dùng để cứu giúp những kẻ đói. *Quan tư nông* càng thêm giận, vì thấy trong sổ ghi nợ, mỗi hộ được phân loại giống như nhau, [lẽ ra phải nên ghi số lượng cho vay giống nhau], nhưng số gạo đã vay mỗi nhà mỗi khác, bèn truyền lệnh xuống huyện đánh đòn người đứng đầu đám nha lại. Tiên sinh nói: “Để cứu đói, hãy nên xét xem mỗi hộ số người nhiều hay ít, chớ nên xét theo hộ giàu hay nghèo, hãy xét theo tình hình thật sự mà làm. Đó chẳng phải là tội của nha lại, mà đáng phải nên làm như thế”. Tiên sinh thường nói:

226 Tư nông (司農) là chức quan quản lý tài chính, thời Tiên Tần, chức quan này được gọi là Trị Túc Nội Sử, đến đời Hán Cảnh Đế đổi thành Đại nông lệnh, thời Hán Vũ Đế lại đổi thành Đại tư nông. Dưới chức quan này có năm cấp thuộc hạ. Chức thuộc hạ quan trọng nhất là Thái Thương trông coi kho thóc dự trữ, vận chuyển, cung ứng lương thực, điều hòa giá cả, quản lý quốc khố. Đến đời Thanh, Đại tư nông chính là Hộ bộ thượng thư. Theo mạch văn, Tư nông ở đây có lẽ là một chức quan trông coi về tài chính thuộc một Lộ mà thôi.

227 Thạch (石) là đơn vị đo lường thời cổ, đặc biệt dùng để đo lường ngũ cốc (đúng ra, khi dùng như đơn vị đo lường, phải đọc là đá, nhưng theo thói quen, đều đọc là thạch). Theo chương Luật Lịch Chí trong Hán Thư: “Hai mươi bốn thù là một lượng, mười sáu lượng là một cân, ba mươi cân là một quân, bốn quân là một thạch”. Đại khái, một thạch bằng ba mươi sáu kilogram hiện thời.

“Đã giữ chức vụ huyện lệnh ắt phải làm cho dân chúng trong vùng cai trị của chính mình nhằm năm mất mùa đói kém chẳng bị tử vong, ăn no ở yên, tuân theo giáo huấn lễ nghĩa thì mới là trọn hết trách nhiệm vậy”.

Làm huyện lệnh Phù Câu, ông hướng dẫn dân chúng tận lực khai thông ao lạch. Tiếc là chưa xong chuyện ấy thì đã bị điều đi nơi khác, cho nên chuyện đó phải ngưng lại. Khi tiên sinh trông coi phu phen, lúc rét buốt hoặc khi nắng gắt ông chẳng khoác áo cừu, chẳng che dù, luôn đi đôn đốc khắp nơi, mọi người chẳng thể biết lúc nào ông sẽ đến. Vì thế ai nấy đều gắng sức, thường là hoàn tất trước kỳ hạn. Hễ tiên sinh làm quan huyện, ở chỗ ngồi đều viết bốn chữ “Thị Dân Như Thương”²²⁸. Thường nói: “Hạo²²⁹ thường then đối với bốn chữ ấy”.

Đời Tống, khi Chu Tử làm tri huyện Chương Châu đã nói: “Ta muốn lưu tâm nơi trường học, bèn mời Hoàng Tri Lục nêu gương cho chư sanh. Lại thỉnh những bậc nho sĩ tiền bối cùng nêu gương sáng, khiến cho sĩ tử biết những điều nên tuân theo, nên kiêng giữ, biết cách làm lành, khiến cho người trong một nước cùng đều thành bậc quân tử”. Lại do thế tục chẳng biết

228 Theo Thành Ngữ Từ Điển, câu này có nghĩa là “luôn coi dân chúng như đang bị thương tật”, có ý nói luôn quan tâm dân chúng như họ đang ở trong cảnh ngặt nghèo, phải gắng sức làm cho họ được an cư lạc nghiệp.

229 Ông Trình Minh Đạo tên thật là Trình Hạo, tên tự là Minh Đạo.

lễ, ông bèn chọn lễ nghi chôn cất, cưới hỏi thời cổ để nêu ra chỉ dạy, truyền các bậc phụ lão giải nói, dạy bảo con em. Ông cấm dân Chương Châu trẩy hội²³⁰, chơi núi. Ông nói: “Chỉ vì nam nữ hỗn tạp, phải nên ngăn cấm”. Lại trừ bỏ những khoản đóng góp vô nghĩa trong huyện, hằng năm miễn đến bảy vạn tiền thuế. Ông từng đến Đường Thạch tiếp đãi những ông cụ chốn làng quê và tiểu phu như tiếp đãi tân khách, chẳng hề có mảy may ngăn cách, phân biệt. Ông nói: “Đối với hạng người ấy, nếu có sự cách biệt thì làm sao có thể khiến cho họ dốc hết tấm lòng được!”

Ông làm tri huyện Nam Khang, ra cáo thị: “Huyện này đất xấu dân thưa, tạp dịch nhiều mà thuế má nặng nề, sức dân ngày càng mệt mỏi, hết sức đáng thương. Nay dưới quyền cai trị của tôi, dân chúng, phụ lão, tăng đạo, quân dân các giới, những ai biết được cội nguồn của điều lợi, lẽ hại, hãy lần lượt hợp tác, xử trí như thế nào hòng có thể giúp giảm nhẹ, cứu vãn. Lại xin hãy nêu cặn kẽ tình trạng thật sự chẳng nề hà sớm hay trễ, hãy đến huyện trình bày để tôi có thể tận mặt thăm hỏi, tìm tòi nhiều cách thực hiện, ngô hầu nhà nào cũng mỗi năm một khá hơn, gia đình đông đủ”.

230 Nguyên văn “trại hội” (賽會), tức là các lễ hội địa phương ở miền Hoa Nam, nhất là vùng Phước Kiến, Giang Tô. Dân chúng ăn mặc rực rỡ, đốt pháo, thổi kèn, đánh trống, gõ thanh la om tỏi, rước kiệu thần, vừa đi vừa ca hát, bện đồng cốt vờ xưng là được thần nhập thân, cầm cờ lệnh nhảy múa, lác lư trước kiệu thần. Nam nữ có thể thừa dịp này chòng ghẹo, tán tỉnh nhau.

Làm tri huyện Nam Khang, ông có bài văn khuyến dụ rằng: “Tá điền cấy cày nơi ruộng đất của chủ ruộng phải tốn nhiều công sức, hoàn toàn cấy vào sự thu tô của chủ ruộng. Hãy nên thương xót giúp đỡ cho họ được sống yên vui”.

Ông khuyên dụ những nhà quan lại như sau: “Đã gọi là nhà sĩ hoạn, tức là chẳng giống như thường dân, càng phải nên an phận, noi theo lý, chú trọng khắc chế những thói xấu của chính mình, tạo lợi ích cho người khác”.

Ông khuyên dụ những nhà thuộc cùng một tổ liên kết bảo vệ nhau (ngũ bảo) hãy khuyên răn lẫn nhau như sau: “Đã là người cùng một tổ, hãy nên khuyên răn lẫn nhau, hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc trưởng thượng, hòa thuận với họ hàng, sui gia, giúp đỡ xóm giềng. Ai nấy tuân giữ bốn phận, ai nấy trau dồi nghề nghiệp của chính mình. Đừng làm chuyện gian dân, trộm cắp, đừng buông lung nhậu nhẹt, cờ bạc, đấu đá lẫn nhau, đừng thưa kiện nhau. Con hiếu, cháu ngoan, chồng có nghĩa, vợ tiết hạnh. Đối với những người có cách cư xử tốt đẹp rõ rệt, hãy bẩm báo đầy đủ lên trên, sẽ được biểu dương, tưởng thưởng theo đúng luật lệ. Kẻ nào chẳng nêu gương, cũng bẩm báo lên để quan trên theo đúng pháp luật xem xét mà nghiêm trị”.

Ông làm tri huyện Nam Khang, cứ năm ngày lại

đến trường học một lần, gặp gỡ chư sanh, tận lực giảng giải, bảo: “Nay các ngươi có cảm thấy bị ảnh hưởng hay không, dần dà theo thời gian, những thói xấu trước kia cũng sẽ bị chuyển biến đôi chút!”

Ông làm quan tại Sùng An, do dân bị đói bèn xin quan đầu quận là ông Từ Gia sáu trăm thạch gạo để cho dân vay. Do đó, bèn lập xã thương (社倉, kho thóc cứu đói trong huyện) cho đến ba mươi năm sau, chứa trăm ngàn斛²³¹ gạo. Hễ mất mùa bèn phát ra, trong làng chẳng có năm nào bị đói kém.

Vùng Chiết Đông bị nạn đói lớn, vua sai Chu Tử giữ chức Đề cử thường bình²³². Đã vâng mạng, ông bèn gửi thư cho các nhà buôn gạo ở các quận khác để khuyên họ quyên tặng, người quyên tặng sẽ được miễn thuế. Hằng ngày, ông cùng các thuộc hạ thảo luận, tra xét những ẩn tình của dân chúng đến nỗi bỏ cả ăn ngủ. Việc trừ hoạch đã yên, ông bèn chiếu theo kế hoạch đã định, lần lượt đi khắp non sâu hang thẳm, không chỗ nào chẳng đến hòng thăm hỏi, vỗ về giúp đỡ. Những

231 Hộc (斛) là đơn vị đo lường, nhưng độ lớn biến đổi theo thời gian. Theo quy chế đời Đường, một hộc là mười đấu, nhưng từ thời Tống trở đi, một hộc là năm đấu. Một đấu khoảng chừng năm ký lô hiện thời.

232 Thường bình thương (常平倉) tức là kho thóc dự trữ để cứu đói, giống như Xã thương, tại mỗi phủ huyện đều có. Khi được mùa, giá gạo rẻ bèn thu mua; lúc gặp tai nạn, sẽ lấy ra phát chẩn hay bán cho dân với giá rẻ hơn thị trường nhằm điều tiết giá cả, nên mới gọi là Thường bình. Đề cử thường bình (提舉常平) là chức quan có nhiệm vụ quản lý các kho thóc dự trữ ấy.

người được sống sót do ông giúp đỡ chẳng thể kể xiết. Mỗi lần ông đi đâu chỉ ngồi một xe, bỏ hết các tùy tùng, giảm thiểu nhu cầu đến mức thấp nhất, không phiền đến châu huyện phải lo cung đốn. Về sau, ông viết thư trình báo cho quan Thái thú phủ Kiến Ninh như sau: “Lo việc nước trong khi cứu tế tai nạn chẳng giống lúc bình thường, quyết chẳng có lẽ nào rũ tay ngồi yên mà có thể bắt được chim! Kẻ giàu lắm gạo hãy cho họ giữ lại một phần để đợi đến năm sau. Họ nghe theo lệnh quan giúp đỡ xóm giềng bị thiếu hụt, lẽ nào không nên khuyên dụ họ hãy vì lòng nhân mà thi ân? Hãy dùng đại nghĩa để khuyên trách. Kẻ nào chẳng nghe theo hãy dùng hình phạt trừng trị. Đối với kẻ vui lòng làm theo bèn ban thưởng để đền đáp. Sao lại đến nỗi sợ họ oán giận, lo họ đối trá ta rồi chẳng làm ư?”

Ông lại hạ lệnh cho các huyện thuộc quyền hạn rằng: “Hãy khuyên dụ các nhà khá giả, chuẩn bị đôi chút rượu, quả, mời họ đến khuyên dụ, tỏ ý hết sức lễ độ, dùng điều lợi, lẽ hại bảo ban họ, chớ nên dung túng cho thuộc hạ quấy nhiễu họ! Những nhà khá giả đã là nhà giàu có nhất định sẽ có thể thấu hiểu ý này. Trong số ấy e rằng cũng có kẻ chưa thể hiểu chuyện thì cũng nên khuyên dụ đôi ba lượt. Thẩm định hư thực như thế nào để tăng hay giảm số lượng quyền góp. Nếu họ đối trá, chống cự, liền bẩm báo danh tánh cụ thể để đợi cách xử trí đặc biệt”.

Lại nói: Hãy mang theo một ít tùy tùng, đích thân đến nơi, chớ nên ngồi chỗ thành thoi mát mẻ, chỉ trông cậy vào những người thuộc ngũ bảo dưới làng lo liệu mọi việc giùm ta.

Chu Tử thường nói: “Do cứu dân mà mắc tội cũng chẳng dám từ nan”.

Đời Thanh, Lục Giá Thu²³³ thường nói: “Bọn ta vâng mệnh triều đình mà được vẻ vang, chẳng thể dốc sức báo đáp, chỉ đành giữ chức phận nuôi nấng, yêu thương dân chúng như con đỏ, bồi dưỡng nguyên khí cho nước nhà”.

Ông Lục thoát đầu trốn nhậm xứ Gia Định. Đối với chuyện giục thuế, ông lập ra cách “cam hạn” (甘限, cam kết kỳ hạn), tức là cho phép người đóng thuế hạn định bao nhiêu ngày đó, đến thời hạn ấy mà đóng được một nửa thì coi như đã đóng đủ thuế. Vì vậy, trọn chẳng dùng hình phạt đánh trượng mà người đóng thuế tranh nhau nộp. Chỉ những kẻ quen thói ngoan cố,

233 Lục Giá Thu chính là ông Lục Lũng Kỳ (1630-1692), vốn có tên là Long Kỳ, tên tự là Giá Thu, là một nhà Lý học đầu đời Thanh. Ông đỗ tiến sĩ năm Khang Hy thứ chín (1670), được bổ làm tri huyện Gia Định (nay là khu Gia Định của thành phố Thượng Hải). Do tánh tình cương trực, không ăn cánh với Tuần phủ Mộ Thiên Nhân, bị hấn dăng số đàn hặc lên triều đình, ông bị bãi chức. Ngày ông ra đi, dân chúng dìu già ôm trẻ khóc lóc vang dội. Năm Khang Hy 22 (1683), Ngụy Tượng Xu đã dùng lý do “thiên hạ đệ nhất thanh liêm” để cực lực tiến cử ông làm tri huyện Linh Thọ. Khi ông mất, được phong tặng thụy hiệu là Thanh Hiến, phối thờ trong Khổng miếu.

đôi khi mới phải phạt trọng. Ông thấy người nộp thuế đông đúc, sợ dân phải vay mượn rồi quịt nợ, liền ra cáo thị buộc những người vay mượn phải có kỳ hạn trả nợ.

Mỗi tháng vào ngày mồng hai, mồng bốn, mồng sáu, mồng tám, lo liệu việc ở công đường xong, ông đến trường nghe chư sanh giảng sách. Những nho đồng²³⁴ có chí học tập, ông bèn cho theo chư sanh nghe giảng. Đối với những quyển bài thi, ông phê chấm đại lược, chẳng phân hạng cao thấp. Đối với chuyện giảng sách²³⁵, [ông yêu cầu nội dung bài văn] phải dẫn khởi chuyện liên quan đến việc tăng tấn thân tâm, chẳng phải chỉ luận định theo cách nhìn cử nghiệp. Ông lại nghĩ ra một đề tài văn sách để cho chư sanh trở về khảo cứu minh bạch, ngõ hầu người học sẽ thông thạo thêm về cách kinh bang tế thế.

Ông Lục xử án, hoàn toàn chẳng câu nệ pháp luật. Khi phán xử, miệng nói đến hiếu, đễ, trung, tín chẳng

234 Nho đồng (儒童) là danh xưng gọi chung những người sắp đi thi tú tài, bất luận tuổi tác lớn hay nhỏ, đều gọi là “đồng sanh” hay “nho đồng”, hoặc “văn đồng”. Trong khi đó, “chư sanh” là những người đã đỗ tú tài, được vào trường huyện chuẩn bị thi cử nhân. “Nghe giảng” ở đây là nghe bình luận những bài viết nghị luận về những kinh điển của Nho gia.

235 Nguyên văn “sở giảng chi thư”. Từ ngữ này có ý nói đến một thể loại văn thường gọi là sách vấn, ta thường gọi là Văn sách, tức là thầy lấy một câu hay một đoạn trong kinh điển của Nho gia làm đề tài, yêu cầu học trò trình bày kiến giải. Trò sẽ viết một bài nghị luận, trình bày kiến giải của chính mình đối với đề tài ấy, bài viết ấy thường gọi là Đối sách. Vào thời Minh - Thanh, bài đối sách bắt buộc phải viết bằng thể loại văn bát cổ.

ngọt, hòa nhã, bình ổn, thông cảm, dùng lời lẽ chí tình để cảm động [các phạm nhân và những người kiện tụng]. Từ đó về sau đất Gia Định cũng rất ít có những vụ thưa kiện. Lại do người nơi ấy quen thói xa hoa ăn chơi, ông thống thiết răn đe cấm đoán, khấn thiết răn dạy, lại còn tự mình làm gương, thói tục bèn biến đổi. Trong thị trấn lại có bọn đầu bò kết đảng làm khổ xóm làng, ông nắm trọn tên tuổi chúng nó, chẳng bắt ngay. Hễ có ai tố cáo bèn bắt giữ giam trong nha môn, luôn luôn khuyến dụ, nếu thấy kẻ đó thật sự hối cải thì bèn thả. Chưa hết tháng, băng đảng ấy tự tan rã trở thành dân lành. Ông lại soạn bài văn khuyên tù, sai nha lại vào tù giảng giải đọc cho tù nhân nghe. Các tù nhân đều đau lòng, khóc khan cả tiếng!

Ông Lục là người tiết tháo thanh cao, liêm khiết²³⁶, yêu dân như con, do vô ý phạm lỗi mà bị cách chức, muôn dân oán thán, đau xót. Khi ông chưa đi, dân chúng ngơ ngác chẳng họp chợ. Khi ông đã đi, nhà nhà đều đặt hương án đưa tiễn²³⁷.

236 Nguyên văn “ẩm băng” (飲冰). Thành ngữ này xuất phát từ thiên sách Nhân Gian Thế của Trang Tử: “Kim ngô triều thọ mạng, nhi tịch ẩm băng, ngã kỳ nội nhiệt dư?” (Nay ta buổi sáng vâng chiếu, buổi chiều uống băng, trong tâm ta chẳng còn nóng ư)? Thành Huyền Anh chú thích cả câu có ý nói người tận tụy trách nhiệm, luôn giữ lòng dè dặt, kính sợ, cho nên trong tâm nóng nảy, nặng lòng ái quốc, giống như phải uống băng cho đỡ nóng. Về sau, từ ngữ này được dùng để chỉ người liêm khiết, thanh cao.

237 Nguyên văn là “thi chúc” (尸祝), có nghĩa là “bái tế người đã khuất”. Ở đây, từ ngữ này được dùng với ý nghĩa dân chúng lập hương án hai bên đường bái lạy tiễn biệt ông Lục.

Ông lại được bổ làm huyện lệnh huyện Thọ. Sợ dân làng ngu si, vô tri, ông đi khắp các làng để đề xướng chuyện hương học²³⁸, khiến cho ai nấy đều biết nên làm lành. Phàm những lời giảng giải cho bọn tiểu dân được gộp thành một quyển sách, đem in. Ông từng nói: “Quyển sách của kẻ hèn này đem giảng giải vào ngày mồng một và ngày rằm sẽ có thể thắng hung tàn, trừ giết chóc ư? Chỉ đáng để khơi gợi đầu mối ấy mà thôi! Nếu như mở rộng ra, dẫn dắt ra, khiến cho nhà nào nhà nấy đều hiểu, thấm sâu tận xương tận thịt, gột sạch tà uế, tan hết cấu cặn²³⁹, tùy thuộc từ nay trở đi sẽ hành như thế nào đó thôi!”

Làm tri huyện Linh Ấp²⁴⁰, được lệnh phải vận chuyển than đá nộp lên trên, dùng năm chiếc xe lừa để chở. Ông thấy các huyện khác có xe chuyên chở nhiều hơn bèn đứng ra cầu thỉnh cho tới khi thượng cấp chấp thuận thì mới được thay thế bằng phương pháp vận chuyển khác.

Ông làm tri huyện Linh Ấp, có một người dân tên là Vương Khôi bán thân cho người Mãn Thanh. Người Mãn Thanh cầm trát đòi người đến huyện đường xin cấp công văn để làm bằng chứng, lại còn bắt cả vợ

238 Hương học là mỗi làng đều lập trường để dạy dỗ dân chúng.

239 Cấu cặn (渣滓, tra chỉ) ở đây chính là những thói quen xấu ác như tà vạy, dâm dật, phóng túng v.v...

240 Theo ông Hoàng Bách Lâm, Linh Ấp ở đây là huyện Linh Thọ.

người ấy là Từ Thị đi theo. Ông kiên quyết bỏ ra tiền lương để chuộc người ấy về.

Linh Ấp dựa vào núi, nhìn ra sông, cuộc đất nơi ấy có thể canh tác được, nhưng dân đen lo ngại hễ cày cấy thì sẽ phải đóng thuế, thế mà thu nhập sẽ chẳng đủ để nộp thuế. Lợi hữu hạn mà hại vô cùng, họ cản dạn nhau chẳng dám khai khẩn. Ông Lục yết thị cho mọi người đều biết: “Nếu quan trên chẳng điên cuồng sẽ không bức ép các người nộp thuế để gây nổi hại vô cùng cho các người”. Thế là dần dần có người khai khẩn cuộc đất ấy.

Linh Ấp bị lụt to, ông Lục đích thân đến khảo sát tình hình tai ương tại các làng, bảo vệ nhiều cách, báo lên cấp trên, khẩn cầu thượng cấp tấu trình xin miễn thuế. Đến khi cứu chẵn, ông mỗi ngày đem theo lương khô bươn bả khắp hang cùng ngõ hẻm đôn đốc cứu trợ, hoàn tất việc cứu tế trong vòng bốn mươi lăm ngày. Lại nữa, năm nào Linh Ấp thu hoạch không khá, ông sẽ dùng nhiều cách cứu trợ, khiến cho muôn dân an toàn. Khi ấy, có kẻ thu gom tiền của để mời đoàn hát về diễn tuồng, ông quở trách nghiêm khắc kẻ cầm đầu, dùng món tiền họ thu góp được để giúp cho việc thí cháo. Về sau, ông được đề cử về kinh²⁴¹ làm Ngự sử, hứy là

241 Nguyên văn “hành thủ” (行取) là một thuật ngữ thông dụng trong giới quan trường thời Minh - Thanh, có nghĩa là các quan lại địa phương được đề cử, hoặc tiến cử lên Hoàng đế, được vua chọn về làm quan tại kinh đô.

Thanh Hiến, được thờ phụng trong Khổng miếu.

Trong các bộ Nhị Trình Toàn Thư, Chu Tử Văn Tập Đại Toàn, Ngũ Loại Đại Toàn đã chép các việc cai trị rất tường tận. Người có tâm lo cho đời, có thể chọn lựa, biên tập thành một quyển sách, nghiền ngẫm kỹ lưỡng sẽ thấy không có người nào lo việc nước mà không có quy củ. Ngay như trong bộ sách gần đây là Lục Thanh Hiến Niên Phổ cũng có những pháp tắc cai trị tốt đẹp để có thể học theo. Do vì bộ Vụng Biên này hạn hẹp, không thể trích lục đầy đủ được!

Trong bài Hiếu Đễ Luận của tiên sinh Nhan Quang Trung có nói: “Hữu Tử²⁴² nói: “*Hiếu đễ vi nhân chi bản*” (Hiếu đễ là cái gốc của lòng nhân). Mạnh Tử nói: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu đễ nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Nghiêu, Thuấn là hiếu đễ mà thôi). Hiếu đễ có mối quan hệ rất lớn, ngang lần dọc, từ xưa tới nay chẳng có bến bờ, đều là sự vật này, nhưng cần phải hiểu hiếu đễ là vật như thế nào? Cội rễ và mầm mống của hiếu đễ là gì? Con người tồn tại trong vòng trời đất chỉ là một hơi thở, kể từ khi có vũ trụ cho tới nay, chẳng có

242 Hữu Tử (518-458 trước Công Nguyên), tên thật là Hữu Nhược, tự là Tử Hữu, người nước Lỗ. Đời Minh, ông được tôn xưng là Tiên Hiền Hữu Tử. Mạnh Tử có nói, sau khi Khổng Tử mất, các môn đệ là Tử Hạ, Tử Trương, Tử Du đã coi Hữu Nhược như thánh, muốn giữ lễ đối với Hữu Tử giống như Khổng Tử vậy, nhưng Tăng Tử phản đối. Khi ông mất, Lỗ Diệu Công đích thân đến phúng điếu. Cháu đời thứ bảy mươi hai của Hữu Tử là Hữu Thủ Nghiệp làm quan Hàn Lâm Viện Ngũ Kinh Bác Sĩ dưới đời Càn Long.

ngày nào không sanh, đều luôn sống động. “Nhân” (仁, nhân từ) là sống động, khi chân tay ta sống động sẽ biết đau ngứa, chỗ nào bị tê bại sẽ chẳng biết đau ngứa. Hãy xem muôn vật trong trời đất hoạt động, thực vật xanh biếc, sinh vật nhảy nhót, bay vọt lên, rên rỉ, kêu, hót, đều khiến cho tâm ta xúc động, nảy sanh ý tưởng nhận biết nỗi đau đớn của chúng có tương quan với ta, đó gọi là lòng nhân.

Hãy thử xét xem sự sống nơi thân ta do đâu mà có? Liên quan đến tinh và khí, mà tinh khí vốn chẳng phải là cái ta sẵn có, nó liên quan đến hình sắc này, nhưng hình sắc cũng chẳng phải là cái mà ta có sẵn, mà đều là được chia sót từ cha mẹ. Hãy thử xét xem, ở trong bụng mẹ, mẹ thở thì con cũng thở, mẹ hít vào thì con cũng hít vào. Con được nuôi dưỡng trong thai mẹ, uống máu mẹ. Trong ấy vốn sẵn có cái thân xác của chính mình hay chẳng? Một mai ra khỏi thai, mới có tánh mạng, nhưng có nơi nào chẳng quán quít cha mẹ? Thử xem những đứa trẻ thơ, suốt ngày tỉnh thì cũng tỉnh bên cha mẹ. Suốt ngày ngủ thì cũng ngủ bên cha mẹ. Suốt ngày vui cười, khóc lóc, đều là vui cười, khóc lóc bên cha mẹ. Hễ rời khỏi cha mẹ, sẽ chẳng làm gì được, chẳng nảy sanh được tình tự gì! Trong ấy còn có thân xác sẵn có của chính mình hay chẳng? Đó chính là cuộc sống trong một gia đình, cả nhà cha mẹ, anh chị chăm bẵm đứa bé ấy. Đứa bé ấy một mực chẳng có gì

cả, quán quít với cha mẹ, anh chị thành một khối. Vậy thì ân của người oán của ta, người đúng ta sai, há chẳng phải là một thể hòa quyện ư? Đó gọi là nhân. Nhân chính là mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với nhau, vốn hòa hợp cha con, anh em trở thành như một người. Đến sau này, khi đã hơi lớn, đứa trẻ ấy chẳng quán quít theo cha mẹ nữa, tự có ý muốn chạy nhảy một mình. Chẳng còn vui giận bên cha mẹ, mà có ý tưởng đùa nghịch, lì lợm của riêng mình. Chẳng còn lẩn quẩn ăn nghỉ bên cha mẹ, mà tự có ý thích của riêng mình, có ý nghĩ mong cầu tiện nghi, há chẳng phải là cái thể của ta (ý niệm chấp ngã) ngày càng lộ rõ thì dần dần càng xa cách cha mẹ đó ư?

Nhưng kẻ làm cha mẹ lại chẳng nhận biết điều này mà cứ dẫn dụ nó, chỉ sợ nó chẳng thuận theo tình cảm thông tục trong cõi đời, sợ nó chẳng trở thành chấp trước ngã tướng, đối với mọi việc luôn khen ngợi: “Bé ngoan của ta, cưng ngoan của ta”. Điều ấy dẫn khởi cái gốc khen chê, chú trọng bề ngoài của nó, mai sau sẽ trở thành thói khoe tài, hay làm khổ kẻ khác, ham mê danh tiếng, giả vờ chính mình là người có phẩm tiết tốt đẹp. Đối với anh em của bọn trẻ bèn đùa bỡn nói: “Đứa này là con ta, đứa kia là con nuôi. Đứa này được ta thương, đứa kia chẳng được ta thương”, dẫn động cái gốc đố kỵ, cái gốc phân biệt ta - người của chúng nó. Mai sau sẽ trở thành thói đố kỵ làm trở ngại người hiền, ruột

thịt chẳng thuận hòa! Hễ gặp đồ ăn bèn ùa giỡn bảo: “Đồ ăn của ta phải nhiều chó!” Dẫn động tánh tham ăn và lòng tham lam của trẻ, mai sau sẽ thành thói tranh ruộng, tranh tài vật, nhận hối lộ, đút lót. Gặp trẻ buồn khóc vì được mất đôi chút thứ gì đó bèn nói: “Ai chọc con ta vậy? Ta sẽ đánh nó”. Tức là dẫn động căn cội rất hung tợn, căn cội ân oán của nó, mai sau sẽ thành thói lập đảng trái lẽ, âm hiểm, đấu đá tàn hại. Những thói ấy dần dần hình thành, dần dần lộ rõ, ngay cả cha mẹ cũng chẳng thể làm gì được đối với đứa con như thế.

Vì sao? [Khi con còn thơ ấu], cha mẹ cũng chó nên lúc nào cũng nói ngon ngọt, chó nên lúc nào cũng nuông chiều, chó nên cho ăn uống quá lố, chó nên không dạy con hiểu rõ ràng về cách cư xử phải lẽ trong ân tình. Do vậy, những gì do cha mẹ đã dạy con trước kia sẽ đều dội ngược lại thân cha mẹ. Giữa người nhà, cha con bèn có ý nghĩ “ngươi sai, ta đúng”, mưu tính cho mình được phần nhiều. Hễ bị mọi người phê bình bèn nói “cha mẹ thật sự dạy tôi như thế đó”. Trong mỗi gia đình, trong tiếng cười, lời nói, đều là ân ân oán oán, thắng thắng thua thua, không thể kể xiết! Các tranh chấp giữa phe đảng Lý Ngưu và Lạc Sóc²⁴³ đều là do

243 Lý Ngưu là hai phe đảng tranh chấp quyền lực từ thời Đường Hiến Tông cho đến Đường Tuyên Tông, kéo dài suốt năm mươi năm. Phe Lý do cha con Lý Đức Dự cầm đầu, phe Ngưu do Ngưu Tăng Nho cầm đầu. Mãi cho tới thời Đường Tuyên Tông lên ngôi, Lý Đức Dự bị đày tới Nhai Châu (nay là Quỳnh Sơn, tỉnh Quảng Đông), cuộc tranh chấp mới kết thúc. Lạc Sóc là cuộc tranh

người nhà xúi giục, mà cục diện nhường nhịn, tranh giành hay soán đoạt đều là từ trong một nhà chia rẽ mà ra²⁴⁴, hưởng hồ còn rong ruổi theo sự dụ hoặc bên ngoài, bị mê hoặc bởi lời vợ, con cái, và người hầu xúi giục! Như thế thì có thể giữ nổi lòng nhân hay chẳng? Nhà mình là như thế, vậy thì có thể cư xử với người khác bèn quên đi vật chất lẫn bản thân trong cảnh giới dù thuận hoặc nghịch hay chẳng? Có lẽ sẽ có một, hai người biết nghĩa lý, có chí khí, kiên quyết giữ được hiếu đễ. Nhưng từ vô thì tới nay, tâm quen nghĩ như thế, thói quen như thế khó thể san bằng, khó thể cải gỡ được! Trăm bề khiêm tốn, hăng hái, bỗng hiện ra căn cội kiêu ngạo, lừa nhác. Trăm bề thuận thảo, bỗng hiện ra căn cội lỗ mãng, hung tợn. Trăm bề nhường nhịn, bỗng hiện căn cội “ta có thể, ta biết”. Chẳng đoạn trừ triệt để các căn cội ấy, tinh thần và khí sắc bỗng lưu lộ những tập khí xấu ác. Cha con, anh em ắt phải thăm quan sát những điều nhỏ nhặt ấy để răn nhắc lẫn nhau. Do vậy, chớ nên vui vẻ, hồn nhiên coi như không có chuyện gì!

chấp thời Tống. Phe cấp tiến, phiêu lưu do Vương An Thạch cầm đầu cải cách, đề ra nhiều biện pháp khắc nghiệt bị phe bảo thủ phản đối quyết liệt. Trong phe bảo thủ, lại tách ra thành ba phái. Phái được cầm đầu bởi Trình Di gọi là Lạc Đảng (tức phe phái ở Lạc Dương). Phe thứ hai do Lưu Chí cầm đầu, vì ở phương Bắc nên gọi là Sóc Đảng. Phe thứ ba do Tô Thức và Lữ Đào cầm đầu, gọi là Thục Đảng.

244 Ông Hoàng Bách Lâm bảo: Câu này có nghĩa là sự tranh chấp, chia rẽ được dưỡng thành từ bé trong một gia đình. Do giữa anh chị em đã có sự tranh giành đồ vật này nọ, tạo thành thói quen tranh đấu.

Vì thế, hiếu đễ chẳng phải là vật có hình chất²⁴⁵. Hễ có hình chất sẽ trọn chẳng thể khởi tác dụng cảm ứng đạo giao được! Do không có hình chất, nó sẽ có thể thông đạt thiên hạ. Vì sao? Vô ngã, nhẫn nhục, khéo nhún nhường, tuy chẳng nói ra nhưng người uống tự biết nước nóng hay lạnh, sẽ bị ảnh hưởng²⁴⁶. Điều này (hiếu đễ) nếu tồn tại trong một nhà, cả nhà sẽ bị cảm động. Nếu tồn tại trong thiên hạ, thiên hạ sẽ bị cảm động. Vì thế, bên Đông gọi mẹ, bên Tây dựa vào con, mỗi mỗi đều dính dáng đến hiếu đễ, ắt phải nghĩ cách vỗ về, khuyên dụ. Già không nơi nương tựa, trẻ nhỏ lênh đênh, mỗi mỗi đều dính dáng đến hiếu đễ; cho nên ắt phải nghĩ đến chuyện phụng dưỡng suốt đời. Người đi lao dịch, kẻ đi lính thú ngoài biên thùy, không rảnh rang để phụng dưỡng cha mẹ, mỗi mỗi đều liên quan đến hiếu đễ, ắt phải suy nghĩ giúp đỡ họ. Cá to, cá con bị chết ngay trong thai, gà mẹ dẫn gà con, xòe cánh ấp trứng, cỏ cây tươi tốt do cấy vào rễ mầm, mỗi mỗi đều dính đến hiếu đễ, ắt phải nghĩ đến chuyện tận lực giúp đỡ khi chúng gặp cảnh khốn cùng, bảo vệ cho toàn thể

245 Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Hiếu đễ là tánh đức, là lương tri, lương năng, không có hình trạng, chẳng thể tìm được hình tướng, nhưng nó khởi tác dụng, nên nói là “vô bì xác đích vật” (vật chẳng có da, chẳng có vỏ).

246 Câu này hơi khó hiểu, nên xin dẫn lời ông Hoàng Bách Lâm giải thích như sau: Đã có những phẩm hạnh vô ngã, nhẫn nhục, khéo khiêm hạ như thế, thì chẳng cần phải thốt lời khoe khoang, người ta vẫn tự nhận biết người ấy có đức hạnh, họ sẽ hòa quyện theo (tức là bị ảnh hưởng) như gió thổi cỏ rạp.

được sống sót linh động như thế²⁴⁷. Đúng là “*thiên thiên linh, địa địa ứng*” (trời hằng ngày đều linh, đất nơi nào cũng ứng). Cho đến mọi rợ, các thứ dị loại, hễ là người có tâm huyết sẽ cảm nhận không gì chẳng có sự liên quan đến chính mình, như thế thì làm sao bắt nhân cho được? Thường thấy những bậc hiếu tử từ xưa, hoặc là các thứ chim dữ chẳng tấn công, thú dữ chẳng vồ người ấy, sao sáng, mây lành, điềm tốt lành ứng hiện, há chẳng phải là do thuận theo đức hạnh mà thành ra như thế ư? Trời đất vận hành thuận lý, vì thế mặt trời, mặt trăng chẳng vận hành sai lạc, bốn mùa chẳng sai lạc. Thánh nhân cư xử thuận theo lý, hình phạt rõ ràng, công bằng, dân chúng phục tùng, một bầu hòa thuận. Sự hiếu đễ ấy khác nào trân trọng dâng cúng Thượng đế, trời đất đầy ấp sự nhân ái; sự hiếu đễ ấy khác nào cúng quải tổ tông bằng cỗ bàn thịnh soạn²⁴⁸. Lòng hiếu

247 Nguyên văn “Côn nhi thai yếu, tương sô dục noãn, thảo anh mộc tú, đới căn kháo nha, nhất nhất chàng trước hiếu đễ, tặc tất tư sở dĩ nhu mật chi”. Côn (鯤) là con cá to trong sách Trang Tử, giống như loài kinh ngư, có thể hóa thành chim bằng bay vận dậm. Nhi (鯈) là loài cá bé. Sô (雛) là con chim non, gà con, “dục noãn” (翼卵) là xòe cánh ấp trứng. “Nhu mật” (濡沫) là dùng nước dãi để cho một vật khác được thấm ướt, giống như cá mắc cạn bèn nhả nước rãi cho nó được sống. Điều này tỷ dụ chuyện tận lực giúp đỡ người khác trong cảnh khốn cùng. Câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin dẫn lời giảng của ông Hoàng Bách Lâm như sau: Phải mở rộng lòng hiếu đễ, đối với những loài động vật lần thực vật, phải đối đãi bằng tấm lòng giống như gà mẹ dẫn dắt gà con, như gà mẹ nâng niu xòe cánh ấp trứng, ngăn dứt những chỗ khiến cho trứng, cá con của những loài cá tránh khỏi nguy cơ bị đoạn diệt, bảo vệ mầm rễ của các loài thảo mộc cho chúng luôn xum xuê, giúp đỡ cho chúng được sống sót trong những hiểm cảnh. Mỗi điều ấy đều nhằm khảo nghiệm tấm lòng hiếu đễ của chúng ta.

248 Nguyên văn “nhất đoạn hòa dục khí tượng, ân tiến Thượng đế, nhi nhân

thảo với cha mẹ đều ở tại nơi đây. Ngoài những điều này ra chẳng có chuyện gì khác nữa.

Mạnh Tử nói: “*Nghiêu Thuấn, hiếu để nhi dĩ hỹ*” (Đạo của Nghiêu, Thuấn là hiếu để mà thôi). Lại nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao thấu hồi cái tâm buông lung đó thôi). Hai điều “mà thôi” ấy liên quan khít khao với nhau. Nếu hiếu để chẳng thể nào không tìm lại cái tâm đã đánh mất vì buông lung. Hễ tìm lại cái tâm buông lung sẽ không thể nào chẳng hiếu để! Chẳng phải là đã hoàn tất một chuyện, thì trăm điều cũng sẽ hoàn tất ư? Bởi lẽ, tâm chẳng phải là quả tim trong lồng ngực, mà vốn là ôn hòa, hoan hỷ, vốn là lòng trắc ẩn, xót xa, vốn là tự nhiên sống động. Trời khoáng khoáng, đất mênh mông, tâm nhân trọn khai. Trời tối, đất đen sẽ khiến cho tâm người ta cảm thấy sâu loạn, lạng lẽ, điều ấy chúng tỏ trời đất và tâm là

thiên địa, phối tổ khảo”, chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm. Theo đó, “ân tiến Thượng đế” (殷薦上帝) nghĩa là dùng những thứ đẹp nhất, ca nhạc hay nhất dâng lên Thượng đế. Ở đây, phải hiếu “ân tiến Thượng đế” chính là do có lòng hiếu để, thuận theo lòng trời, đẹp lòng trời, nên sự hiếu để ấy chẳng khác gì đã phụng hiến Thượng đế trang trọng nhất. “Nhân thiên địa” (仁天地) là khắp trời đất đều là một bầu nhân ái. “Phối tổ khảo” (配祖考) là thờ cúng tổ tông, tổ (祖) là ông nội, khảo (考) là danh xưng để gọi cha đã khuất. Lòng hiếu để khiến con cháu thuận hòa, dòng dõi hưng thịnh, đẹp lòng tổ tiên, khác nào đã cúng dường ông bà tổ tiên bằng những vật thực ngon lành, trọng hậu nhất. Hoặc có thể hiểu: Lòng hiếu hạnh, hòa thuận với anh em là những lễ vật đẹp đẽ nhất, trang trọng nhất, quý báu nhất để dâng lên Thượng đế, tổ tiên.

một²⁴⁹. Ngắm nhìn cỏ xanh non, cây cao vót, chim ría lông, nai nằm sề cảm thấy vui sướng vô hạn. Trông thấy núi non sụp đổ, hao khuyết, trông thấy kẻ hung ác, thú dữ khiến cho chúng sanh bị chết yếu, chúng ta sẽ cảm nhận sự thê lương, kinh hoàng vô hạn. Đấy chính là vạn vật có cùng một tâm. Bỏ điều này để đắm đuối những thú tiện nghi, cầu lợi khi người khác bị tai ương, vui mừng vì kẻ khác mắc họa, như thế sẽ gọi là “buông lung cái tâm”. Nếu chẳng phải vậy, thì cái tâm mong cầu tiếng tăm, cái tâm ghét bỏ tiếng tăm xấu ác, cái tâm ham học rộng rãi, tràn lan nhiều thứ, cái tâm yêu chuộng tô điểm tiếng tăm, cái tâm khô khan giữ lấy sự lặng lẽ²⁵⁰ cũng đều gọi là “tâm buông lung”. Vì sao? Những cái tâm như vậy đều chẳng thuộc vào cái tâm sống động (chân tâm) của ta. Do vậy, trong phần trước đã nói phân minh: “Nhân là cái tâm của con người”²⁵¹.

Hiếu đễ là sự thấu lộ đầu tiên từ căn cội lòng nhân, là sự xum xuê tươi tốt bậc nhất. Từ chỗ này, do cội rễ nuôi sống, dưỡng chất sẽ thông thấu cành lá, ngàn vạn đóa hoa cùng một lúc nở chi chít, như trong một thân người, tai nghe, mắt thấy, tay cầm chân đi, không gì chẳng phải là một bầu hòa thuận. Sự tu

249 Câu này nhằm nói hoàn cảnh bên ngoài có thể ảnh hưởng đến tâm tình của phàm nhân, biểu thị hoàn cảnh bên ngoài và cái tâm có cùng một thể.

250 Tức là cái tâm chấp vào sự không tịch thiên lệch của hàng Nhị thừa.

251 Theo ông Hoàng Bách Lâm câu này phải hiểu theo sự biểu thị pháp là: Lòng nhân chính là tánh đức sẵn có của mỗi người.

dưỡng của Đạo gia chỉ là luyện thần khí cho thuần thực, hễ “thủ nhất”²⁵², chuyện trường sanh sẽ dễ dàng thực hiện được. Ấy là vì một chỗ đã linh thì ngay cả các đốt xương cũng đều linh. Hiếu để đối với trời đất, người vật cũng thế, nó cũng là thần khí nơi toàn thân, chính là chỗ trọng yếu trong thuật luyện đan tu dưỡng của Đạo gia²⁵³. Hễ tu luyện từ chỗ trọng yếu ấy sẽ thoát phạm thành thánh trong khoảnh khắc, chẳng còn phải tu luyện công phu điều hòa nơi các đốt xương nữa. Do vậy, hạ một lời chuyển ngữ rằng: “Đạo học vấn chỉ là lòng nhân mà thôi, đạo của lòng nhân chỉ là hiếu để mà thôi”. Do vậy, hai chữ “mà thôi” tương quan khít khao, chẳng có dấu vết vậy!

Ông Nhan Quang Trung lại nói: “Sở dĩ thiên hạ rồi

252 “Thủ nhất” (守一) là từ ngữ xuất phát từ câu nói “thiên địa hữu quan, âm dương hữu tàng, thận thủ nhũ thân, vật tương tự tráng, ngã thủ kỳ nhất, thiên nhị bách tuế hỹ” (trời đất đều có chủ tể, âm dương hòa hợp trong tạng phủ, hãy cẩn thận giữ gìn cái thân người, đừng nên tàn hại nó, ta giữ được nhất tâm thì có thể sống đến một ngàn hai trăm năm). Đạo gia dùng khái niệm “thủ nhất” để chỉ trạng thái đạt đến cái tâm không tạp niệm, chuyên nhất một cảnh. Nếu hiếu theo mức độ cao hơn, “thủ nhất” tương ứng với “trụ trong chân tâm” của Phật giáo.

253 Theo ông Hoàng Bách Lâm, ở đây ông Nhan Quang Trung không nhằm ca ngợi thuật tu luyện đan của Đạo gia, mà chỉ dùng cách nói của họ, với ngụ ý: Do hiếu để đạt đến tốt bậc, sẽ chứng nhập Nhất Chân pháp giới, tức là đã chuyển phạm thành thánh, thoát ly mười pháp giới, trở thành Pháp thân Đại sĩ. Ông Nhan Quang Trung tạm tỷ dụ chuyện này giống như trong Đạo gia, khi tu luyện đến mức nội đan và ngoại đan hợp nhất, sẽ thoát thai hoá cốt đăng tiên. Ông Nhan Quang Trung dùng tỷ dụ này để nói với người bình phạm cho dễ hiểu đó thôi!

bồi không an tĩnh chỉ là vì tâm tư, khí thế cường mãnh, nóng giận bộc phát, ra sức đấu đá, xông xáo xung đột tấn công để tranh giành. Cuộc chiến Trác Lộc²⁵⁴, thất hùng giận dữ thét gào²⁵⁵, tiếng trống thúc quân phản loạn chốn Ngư Dương²⁵⁶. Hãy xem kể chỉ trong một hồi

254 Trận chiến Trác Lộc là cuộc chiến quyết định thắng bại giữa liên minh Hữu Hùng Thị Hoàng Đế và Thần Nông Thị Viêm Đế đánh bại tộc Cửu Lê dưới sự lãnh đạo của Xi Vu. Hoàng Đế là thủ lĩnh của các bộ lạc Hoa Hạ, chiếm cứ vùng Trung Nguyên vốn là địa bàn của tộc Cửu Lê, nay thuộc địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, và Sơn Đông. Cuộc quyết chiến nổ ra ở cánh đồng Trác Lộc. Theo truyền thuyết, ba người con của Xi Vu đã chia các bộ tộc thành ba cánh. Một cánh chạy xuống miền Nam, trở thành tộc Tam Miêu, một cánh chạy lên miền Bắc, số người còn lại vẫn ở Trác Lộc, và bị đồng hóa với bộ tộc Viêm Hoàng. Để biện minh cho hành động cướp bóc, lấn đoạt của người Hoa Hạ, sử Trung Hoa thường tô vẽ Xi Vu như một kẻ hung bạo, nửa người nửa thú, độc tài, thiện chiến, sử dụng phù phép, mưu toan phản loạn chống lại liên minh Viêm Đế nên bị chinh phạt. Một số các sắc dân ở Đông Á vẫn coi Xi Vu là thủy tổ, chẳng hạn người H² mong (ta thường gọi là người Mèo) coi họ là con cháu của Xi Vu, dân Đại Hàn tôn Xi Vu là quốc tổ.

255 Nguyên văn “thất hùng hao hám”, “thất hùng” (七雄) là bảy nước chư hầu hùng mạnh thời Chiến Quốc, đánh nhau liên miên nhằm tranh hùng xưng bá, tức Tần, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn, và Tề. “Hao hám” (虢闕) là thành ngữ phát xuất từ câu thơ “hám như hao hổ” (gào thét như con hổ đang giận dữ) trong bài Thường Vũ thuộc phần Đại Nhã của kinh Thi. Sử gia Ban Cố đã dùng cách nói “thất hùng hao hám” để phê phán tánh đam mê quyền lực, tranh đấu dữ dội của bảy nước chư hầu thời cổ.

256 Nguyên văn “hoàng trì ngư dương chi bê cổ”. “Hoàng trì” (潢池) theo nghĩa đen là cái ao của Hoàng đế, thường dùng theo nghĩa bóng là “lãnh thổ của Hoàng đế”. Lại có câu thành ngữ “hoàng trì lộng binh” (múa may vũ khí trong cái ao của Hoàng đế), hiểu theo nghĩa rộng là dấy binh làm phản triều đình. Ngư Dương nay là huyện Kế thuộc thành phố Thiên Tân. Năm 755, dưới đời Đường Huyền Tông, An Lộc Sơn khởi binh dấy loạn tại Ngư Dương. “Bê cổ” (鼙鼓) là cái trống nhỏ do kỵ binh thường cầm, mỗi khi xung trận, họ gõ âm lên để thôi thúc tinh thần chiến đấu. Toàn bộ câu “hoàng trì ngư dương chi bê cổ” đã dựa theo ý thơ của Bạch Cư Dị: “Ngư Dương bê cổ động địa lai, kinh phá nghệ thường vũ y khúc” (Trống trận Ngư Dương rền cõi đất, kinh hoàng

thở lạt nhào đất trời là gì vậy? Họ thoát đầu chỉ vì đòi chút lòng hung hăng, giận dữ chẹn ngang trong lồng ngực, dần dần sôi sục, nuốt xuống chẳng được, thế là kháng cự cha anh, ngạo mạn bậc trưởng thượng. Đây là mầm cội của sự kháng cự, ngạo mạn sẽ trở thành kìm kẹp quan trường, giết người vì lợi ích để báo thù sẽ là kéo bè tụ đảng những kẻ bất đắc chí để cướp bóc, hoành hành. Vì thế, Dịch Truyện²⁵⁷ có câu: “*Tụng tất hữu chúng khởi*” (Thua kiện là phải do nhiều người dấy lên). Không chỉ là thua kiện lên quan trên, mà trong nhà mình cũng tỏ lộ nổi thị phi, có cái tâm tranh đoạt thua thắng, đã bộc lộ khí thế hung hãn hoành hành²⁵⁸. Vua Nghiêu bảo Đan Châu²⁵⁹: “*Khí tụng khả hồ?*” (Có nên chẳng trung tín và hay tranh chấp hay chẳng?) Vua Vũ lại răn rằng: “*Nhược vô Đan Châu ngạo*” (Đừng nên ngạo mạn như Đan Châu).

Xét ra, một chữ “tụng” (訟, thua kiện), chỉ là vì

nghe thường khúc múa tan). “Nghe thường vũ y khúc” là một khúc ca múa do Đường Huyền Tông chế ra sau khi nằm mộng thấy chính mình lên chơi cung trăng. Ông cho các cung nữ mặc xiêm áo rực rỡ như bảy sắc cầu vồng, gọi là “nghe thường y”. Vũ khúc được gọi là “vũ y khúc”, nghĩa là khúc hát múa của những người mặc áo kết bằng lông chim, tức tiên nữ.

257 Dịch Truyện là phần chú giải của kinh Dịch, tức phần Thập Dục.

258 Nguyên văn “quyết trương hoành hành”, “quyết trương” (蹶張) có nghĩa gốc là dùng chân đạp lên loại nỏ cứng để bắn tên. Từ ngữ này thường được dùng với ý nghĩa người có sức mạnh, hung hăng thể hiện sự oai vũ.

259 Đan Châu là con trai của vua Nghiêu. Ông này tên là Châu, nhưng do được phong ở đất Đan Thủy, nên thường gọi gộp chung là Đan Châu. Đan Châu tánh tình ngạo mạn, hoang dâm.

một chữ “ngạo” (傲, ngạo mạn). Vì thế, thờ cha mẹ mà ngạo mạn ắt chẳng thể trọn hiếu được. Phụng sự bề trên mà ngạo mạn ắt chẳng thể trung, cai trị dân chúng mà ngạo mạn ắt chẳng thể có lòng nhân. Chỉ do một chữ “ngạo”, sẽ thuộc về hạng cấu kết làm ác, bất tài, chẳng thể giải cứu! Vì thế, bậc quân tử có đại đạo, hễ kiêu căng, ngạo mạn ắt sẽ đánh mất đại đạo ấy. Kẻ kiêu căng, tự cao, ngạo mạn, quý mình, khinh người, tự cho mình là đúng, coi người khác là sai bét, thấy mình là trí tuệ, kẻ khác ngu đần, há có tâm tình gì để mưu tính tạo lợi ích, trừ điều hại cho dân, nghĩ đến sự bệnh khổ của dân chúng ư? Nội dung của sách Đại Học, từ “tề gia” cho đến “bình thiên hạ” đều chẳng ngoài “hiếu, đễ, từ”. Do vậy, kẻ kiêu căng rõ ràng là bất hiếu, bất đễ (chẳng hòa thuận, chẳng nhường nhịn anh em), chẳng từ; nhưng tuy là bất hiếu, bất đễ, bất từ, rốt cuộc chẳng giống với người khác. Vì thế, tuy có kẻ hết sức ương bướng nhưng không thể nào chẳng phục tùng cha mẹ, có kẻ tột cùng hung hăng nhưng không thể nào chẳng khuất phục trước bậc tôn trưởng. Đó là thiên tánh chẳng thể nào cởi bỏ được!

Thứ xem những kẻ bất hiếu, đến trước người khác cũng sẽ tự kiềm chế, thu liễm đôi chút. Nếu để cho kẻ ấy ngồi, cha hẳn phải đứng, chắc chắn hẳn sẽ bất an. Nếu như lại bảo hẳn là kẻ hiếu thảo, hẳn sẽ vui vẻ; chê hẳn là đứa bất hiếu, hẳn sẽ tức giận! Đấy cũng là vì căn

cội làm người chưa bị dứt mắt. Chỗ chưa bị đoạn dứt ấy chính là chỗ để dung nhập thiên tánh, có thể tiếp nhận sự cảm hóa của ta. Vì vậy, đối với con hiếu, em hòa, hẳn được khơi gợi từ chỗ này sẽ có thể chuyển biến. Như Trịnh Trang Công đã từ bỏ mẹ ruột của chính mình, trông thấy Dĩnh Khảo Thúc ăn thịt bèn chừa lại để đem về biếu mẹ, hết sức liên quan đến chuyện của nhà vua, bèn hoàn toàn hối hận, tỉnh ngộ²⁶⁰. Lại như Tử Cao cư tang, khóc ra máu suốt ba năm, chưa từng nghe răng cười, há còn tham dự vào việc cai trị trong huyện Thành ư? Nhưng xứ Thành có kẻ tuy anh mình đã chết [mà chẳng đau buồn, không mặc tang phục], do Tử Cao trở thành quan huyện, người ấy bèn mặc tang phục. Trong lúc ấy, chẳng biết vì sao cảm, vì sao ứng, cái tâm của Tử Cao không có hình tướng mà tiếp xúc, lay động kẻ đó tận tim phổi, tức là nếu không do

260 Trịnh Trang Công (Cơ Ngụ Sanh) là vua nước Trịnh, là con của Trịnh Vũ Công (Cơ Quật Đột). Trịnh Trang Công có người em cùng mẹ tên là Cơ Đoạn; do Cơ Đoạn được phong thái ấp ở Kinh Ấp, nên thường gọi là Thái Thúc Đoạn (Thúc có nghĩa là em trai thứ). Do được mẹ là Vũ Khương nuông chiều, Thái Thúc Đoạn âm mưu với mẹ làm phản hòng đoạt ngôi của Trịnh Trang Công. Sự việc thất bại, Thúc Đoạn phải trốn sang đất Cộng, nên lại gọi là Cộng Thúc Đoạn. Trịnh Trang Công tức giận, sai người giam lỏng mẹ, tuyên cáo từ bỏ mẹ, và thề độc: “Chỉ nhìn lại mặt mẹ khi nào xuống suối vàng”. Có lần vua đãi yến cho quan đại phu Dĩnh Thúc Khảo. Trong yến tiệc có món thịt, Dĩnh Thúc Khảo không ăn, mà cẩn thận gói lại. Vua hỏi vì sao, Dĩnh Thúc Khảo thưa: “Thần bỗng lộc kém, không thể thường xuyên mua thịt cho mẹ ăn được. Nay có món ngon, không nỡ hưởng riêng, nên chừa lại đem về biếu mẹ”. Vua cảm động, hối hận, nhân đó hỏi Dĩnh Thúc Khảo tìm cách nào tha lỗi cho mẹ mình. Để vua khỏi trái lời thề, Dĩnh Thúc Khảo bày kế, đào hố sâu dưới đất, vua xuống đó gặp mẹ, công về phụng dưỡng.

thiên tánh xui khiến sẽ không thể làm như vậy được!

Xưa kia có ông Thí Hữu, anh em tranh nhau ruộng đất. Do Thí Hữu có lần cùng ngồi thuyền với Nghiêm Phượng, nhắc đến chuyện tranh chấp tài sản, ông Phượng không ngừng gạt lệ. Ông Hữu hết sức cảm ngộ, những chuyện như vậy đều chớ nên phô ra. Nhà ông Nghiêm hiếu thảo, hòa thuận, việc gì phải quản chuyện nhà ông Thí mà nước mắt đầm đìa, nào có biết từng giọt lệ ấy đã thấm vào lòng ông Thí! Nói chung trong vòng trời đất, kẻ xử sự theo sự xung động của tình cảm, kẻ kèn cựa, kẻ so đo sẽ đều phát sanh xung đột với người khác, đó là do chẳng có căn bản, cho nên không làm sao được, bởi lẽ kẻ ấy chẳng tự biết. Riêng người có thể khiến cho kẻ khác cảm động, dẫu sanh trong hoàn cảnh nào, dẫu là kẻ ngu nhất, nghèo hèn nhất nhưng là một đứa con có hiếu, há mọi người chẳng ca ngợi, chẳng kính phục, hoặc ngấm ngấm thẹn với kẻ ấy ư? Khi có lòng kính trọng, thẹn thùng đối với kẻ ấy, đúng là cái tâm hung hãn sẽ lắng xuống, cái tâm bộp chộp sẽ tan đi, sẽ là cảnh giới một bầu đáng mến, đáng yêu. Trong một nhà thì nhà ấy bình yên, trong thiên hạ thì thiên hạ thanh bình. Trên là đến quan trưởng, cho đến quân vương, Tể tướng, quyền lực càng lớn, càng có sức cổ vũ, khuyên dụ đại chúng to lớn, há lẽ nào chẳng khiến cho khắp thiên hạ đều là con hiếu cháu hiền ư? Vì thế nói: *“Nhất gia nhân, nhất quốc hưng nhân”* (Một

nhà nhân từ sẽ khiến cho cả nước đều dấy lên lòng nhân). Lại nói: “*Nghiêu Thuấn soái thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tùng chi*” (Vua Nghiêu, vua Thuấn dùng lòng nhân để dắt dìu thiên hạ, dân chúng đều vâng theo), then chốt ở ngay chỗ này.

Khi phong tục trong thiên hạ bại hoại, nói chung là do chính mình trước hết đã làm hỏng con em của mình. Khi nhân phẩm, tâm thuật bại hoại, nói chung cũng là do trước hết phụ huynh đã làm hỏng con em. Từ bé, nếu trẻ đã có tánh sai trái, hung tợn chẳng thể dung túng được, hơi có chút tài năng đã chẳng thể thâm liêm thì khi đến lúc trưởng thành chúng nó sẽ nảy sinh những chuyện tồi tệ không thể hình dung được, chẳng thể chịu đựng được! Từ xưa, chuyện quét dọn, ứng đối, châu chực bên án, đứng hầu²⁶¹, đều nhằm tiêu trừ cái tâm cường mãnh của con em, khiến cho chúng nó tỉ mỉ, tinh tế. Lại như con của thiên tử, khi vào trường học sẽ chiếu theo độ tuổi mà xưng hô khiêm tốn với các bạn học. Nói “*quân tại tắc lễ nhiên, phụ tại tắc lễ nhiên, trưởng*

261 Đây là cách giáo dục trong Nho gia theo giáo huấn trong Chu Tử Trị Gia Cách Ngôn: Con em từ thuở lên ba, hằng ngày phải dậy sớm, quét dọn trong ngoài cho sạch sẽ, giữ tánh tiết kiệm, không phung phí vật thực, luôn nghĩ hạt cơm manh áo là công khó của bao nhiêu người. Cha mẹ, người trên hễ gọi liền dạ, nghe lời dạy bèn vâng. Người trên hỏi đến phải thưa gói rành rẽ, không đối trá, quanh co, đó gọi là “ứng đối” (應對). Khi cha mẹ, bề trên ngồi, con em phải đứng bên cạnh chờ xem có gì sai bảo. Cha mẹ cho ngồi mới được ngồi. Đó là “thị lập” (侍立, đứng hầu). Luôn chú ý coi cha mẹ, người bề trên có gì cần dùng, sai phái sẽ nhanh chóng thực hiện, đó là “phụng kỹ” (奉几, hầu bên bàn). Theo chú giải, “kỹ” phải hiểu là “kỹ án” (几案) tức cái bàn nhỏ.

tại tắc lễ nhiên” (hễ vua hiện diện bèn giữ đúng lễ quân thần, hễ cha hiện diện bèn giữ đúng lễ nghi giữa cha con, hễ người trên có mặt thì giữ đúng lễ nghi giữa người trên kẻ dưới) là có ý nghĩa như thế nào? Chẳng lo thiên hạ không có kẻ tài cán, mà lo âu họ chẳng có tánh chân thật. Chẳng lo không thể làm vua, cha, thầy, mà lo không thể làm đệ tử tốt lành! Dùng đạo làm con để lãnh đạo thì chỗ nào cũng sẽ có ý nghĩ phụng sự, thương tiếc. Dùng đạo làm em để lãnh đạo thì khắp nơi sẽ đều có ý nghĩ: “Hễ cày cấy bèn có thể nhường ruộng, đi lại sẽ có thể nhường đường”.

Xưa kia, vua Thuấn, vua Vũ có được thiên hạ, thiên hạ mới âu ca, các vị vua ấy xét xử, được quan lại châu hầu tột bậc hiền hách, nhưng vua Thuấn tự coi mình bất quá là kẻ nghèo cùng của họ Hữu Ngu. Giếng, kho vẫn còn²⁶², chỉ là chẳng thấy vận tải lương thực nữa! Vua Thuấn gào khóc ngoài đồng, mới hận không nơi giải bày [nỗi niềm buồn bực vì mình chưa đủ hiếu thảo để cảm động cha mẹ] mà thiên hạ đã được bình trị. Vua Vũ tự

262 Vua Thuấn là người thuộc bộ tộc Hữu Ngu, mẹ mất sớm. Cha là Cổ Tẩu lấy mẹ kế, sanh được một đứa con trai, đặt tên là Tương. Cha nghe lời mẹ kế, toan giết hại vua Thuấn nhiều lần. Có lần, Cổ Tẩu sai vua Thuấn sửa chữa kho chứa lúa, rồi rút mất thang, đốt kho cho vua Thuấn chết cháy, nhưng vua Thuấn thoát thân được. Cổ Tẩu lại sai vua Thuấn đào giếng, rồi lấp giếng cho vua Thuấn chết ngộp, nhưng vua Thuấn theo khe ngạch thoát ra được. Ông không oán hận cha và dì ghẻ ác độc, chỉ tự trách mình bạc đức, chẳng trọn hiếu đến nỗi bị ghét bỏ. Cổ Tẩu (瞽叟) có nghĩa là “ông già mù”, nhưng các nhà chú giải cho rằng đó là cách gọi bóng bẩy của cổ nhân nhằm chê trách một ông già có tầm nhìn thiên cận, mù quáng.

thấy mình bất quá là đứa con của tội nhân ở Vũ Sơn²⁶³, chẳng chuộc được nỗi đau của cha, sóng lớn kinh rợn tận xương. Giữa đường gặp tội nhân, bất giác lệ tuôn mấy lượt²⁶⁴ thế mà thiên hạ lại được bình trị. Cho đến Văn Vương, Vũ Vương, lòng hiếu thảo đều là như thế. Vua (Văn Vương) vẫn hằng ngày đến châu nơi tấm môn của Vương Quý để thỉnh an ba lượt. Vẫn đối với mọi chuyện đều quan tâm tới từng hơi thở nặng nề của cha, lúc nào cũng vâng theo lời giáo huấn²⁶⁵. Vì thế nói: “*Sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn*” (Thờ phụng cha mẹ sau khi đã chết giống như phụng sự họ khi còn sống, thờ phụng người đã khuất như hãy còn sống). Ấy là vì Văn Vương, Vũ Vương trọn chẳng coi mình là vua của mọi người, mà hoàn toàn coi mình là con của dân chúng

263 Cha vua Vũ là Đại Cỗn được vua Thuấn sai trị thủy (làm công tác thủy lợi để chống nạn lụt), không thành công, bị vua Thuấn kết tội, bị giết tại Vũ Sơn.

264 Theo sách Thuyết Uyển, vua Vũ đi ra ngoài thấy tội nhân bèn xuống xe, hỏi chuyện rồi khóc ròng. Tùy từng can: “Gã này do chẳng thuận theo vương pháp nên thành ra như vậy, có sao bệ hạ lại đau lòng đến nỗi ấy?” Vua Vũ nói: “Là con dân của vua Nghiêu, vua Thuấn, đều lấy cái tâm của Nghiêu, Thuấn làm tâm của mình. Nay quả nhân làm vua, bá tánh mỗi người có cái tâm riêng, cho nên đau lòng vậy”.

265 Vương Quý là cha của Văn Vương, vốn tên là Quý Lịch. Sau khi Văn Vương (Cơ Xương) lên ngôi, đã tôn cha là Vương Quý làm Thái Thượng Hoàng. Tấm môn (寢門) là cửa phòng ngủ. Theo quy chế xưa, buồng ngủ của vua có năm tầng cửa, chư hầu có ba tầng cửa, các đại phu có hai tầng cửa. Tấm môn chính là cửa trực tiếp dẫn vào nội phòng. Hằng ngày, Văn Vương ba lượt đến tấm môn của cha để thỉnh an. Hễ nghe nội thụ (內豎, tức thái giám) báo vua cha bình an, Văn Vương sẽ hết sức vui mừng. Vũ Vương là con của Văn Vương (Cơ Phát), khi cha bị bệnh đã không cởi áo ngoài, không bỏ mào, châu hầu suốt ngày đêm, lắng nghe từng hơi thở nặng nhọc của cha.

để phụng sự họ, luôn mong tưởng tạo ân huệ cho người thiếu số, góa vợ, góa chồng, an ủi dân, trừng phạt kẻ tàn bạo, chỉ có những điều mong mỏi của tiên nhân rạng ngời trong gan ruột. Đan Châu là người thông minh, há chẳng phải là kẻ có tài, nhưng do một chữ “ngạo” đã đoạn sạch mạng căn của thiên hạ. Do vậy, ngũ điển, bách quĩ đều thuộc về họ Hữu Quan vậy²⁶⁶”.

Lại nói: Thánh nhân nói đến hiếu đều chẳng coi đó là chuyện nhỏ nhặt. Sách Lễ Ký chép: “*Tiểu hiếu dụng lực, trung hiếu dụng lao, đại hiếu bất quĩ*” (Hiếu nhỏ là bỏ ra sức của chính mình [để phụng dưỡng, chăm sóc nhu cầu của cha mẹ], trung hiếu là tạo lập công nghiệp [khiến cho cha mẹ được rạng mày nở mặt], đại hiếu là rộng thí muôn vật chẳng có ngần mé). Phu Tử nói đến

266 Hữu Quan Thị (有鰥氏, người ở trong hoàn cảnh khốn khó) là biệt hiệu của vua Thuấn. Danh xưng này phát xuất từ sách Thượng Thư, chương viết về vua Nghiêu: “Đế viết: Tu! Tứ nhạc, trẫm tại vị thất thập tải, nhữ năng dung mạng tập trẫm vị?” Nhạc viết: “Bi đức thêm đế vị”. Viết: “Minh minh dương trác lậu”. Sư tích đế viết: “Hữu quan tại hạ, viết Ngu Thuấn”. Đế viết: “Du! Du vãn, như hà?” Nhạc viết: Cổ tử phụ ngoan, mẫu khí, Tượng ngạo, khắc hài dĩ hiếu chung chung, nghệ bất cách gian” (Vua Nghiêu nói: “Ôi! Đây các vị tù trưởng bốn phương! Ta đã làm vua bảy mươi năm, các ông có thể vâng mạng trời nối ngôi ta hay không?” Các tù trưởng thưa: “Chúng thần đức kém, chẳng xứng ngôi vua”. Vua bảo: “Vậy thì các ông xét kỹ, đề cử những người còn ẩn tàng!” Mọi người thưa: “Có người ở trong hoàn cảnh khốn khó là Ngu Thuấn”. Vua nói: “À! Ta có nghe nói, người ấy như thế nào?” Các tù trưởng thưa: “Ông ta là con của Cổ Tẩu, cha ương bướng, mẹ hay đặt điều gièm xiêm, [em trai là] Tượng ngạo mạn, nhưng Thuấn luôn cư xử thuận thảo, dùng lòng hiếu cảm hóa, khiến cho chẳng theo đường tà nữa). Ngũ điển (五典) chính là ngũ thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Bách quĩ là (百揆) tận lực hành trì ngũ điển, khiến cho mọi việc đều tuân theo nguyên tắc, pháp độ.

sự đại hiếu của vua Thuấn, bèn nói: Do đức hạnh mà vua là thánh nhân, do đại đức ắt sẽ tiếp nhận mạng trời, rõ ràng vẫn là dùng “cái được sanh ra bởi trời” (thiên tánh). Dùng thiên tánh ấy để phụng sự cha mẹ.

Cần phải hiểu cha mẹ là vật gì, chẳng phải là nói đến cha mẹ theo kiểu một khối máu thịt! Phải hiểu ta do cha mẹ sanh ra vốn là vật gì, chẳng phải là cái ta một khối máu thịt! Vốn tròn xoe²⁶⁷, sáng vàng vạc, mọi người đều hòa thành một khối²⁶⁸. Cha mẹ cũng là vật này, mà muôn vật trong trời đất cũng là vật này. Cha mẹ sanh ra thân ta, do vậy phải dâng hiến tất cả những gì thuộc về thân ta, dâng hiến toàn bộ cho cha mẹ thì mới là hiếu thuận. Nếu chỉ “*dụng lực, dụng lao*” (phụng dưỡng bằng vật chất, kiến lập công nghiệp) tức là đã phụng sự cha mẹ bằng hình tướng thô thiển bên ngoài, nhưng đối với một điểm chân cốt huyết rỗng rang, thông linh (chân tâm), tức là món bảo bối vô biên bèn quăng đi, chẳng ngó ngang tới, có thể gọi là hiếu tử hay chẳng? Ta thờ cha mẹ, mong sao mỗi điều nhỏ nhặt, mỗi niệm, mỗi cử động của cha mẹ, cho tới khắc nhỏ, bắc ghế, dâng gậy không gì chẳng tận tình dâng hầu, nhưng đối với một điểm chân cốt huyết thông linh, rỗng rang, tức là đối với món bảo bối vô biên lại ném đi chẳng ngó ngang

267 Nguyên văn là “viên đà đà” (圓陀陀). Đây là một thuật ngữ trong nhà Thiền để chỉ tự tánh. “Viên đà đà” nghĩa là viên mãn, chẳng có ngăn mé.

268 Ý nói mọi người có cùng một thể là chân tâm linh tri.

tôi, có thể nói là hiếu tử được chăng?

Vì thế, hễ nói đến đại hiếu thì chính là thuận thân, dưỡng chí. “Thuận thân” (順親) chính là thuận theo tình thân linh diệu (giác tánh), thuận theo tình thân nơi phần tiên thiên chưa phân ra [để cứu họ thoát khỏi tam đồ]. Hễ chìm đắm trong tình thức sẽ là ngụy thân (tình thân hư ngụy). “Dưỡng chí” (養志) là nuôi cái chí đại công vô tư²⁶⁹, dưỡng cái chí “bào dân dĩ vật” (胞民與物, coi mọi người đều là ruột thịt, muôn loài chẳng khác gì ta) thông trời thấu đất. Nếu chỉ quan tâm đến cái thân xác này sẽ là cái chí hư ngụy. Nhưng đã phải thuận thân, dưỡng chí rồi, lại còn phải “thành thân, thủ thân” (誠身守身, giữ cho cái thân chân thành, gìn giữ cái thân). “Thủ thân” là giữ lấy cái thân tuân theo đạo lý sáng ngời, tốt lành, giữ lấy cái thân hòng đạt được đức hạnh, đạt đạo. Nếu không thì dẫu dốc cạn sức chăm nom phụng dưỡng, vẻ mặt mềm mỏng hầu hạ vẫn là cái thân hư ngụy²⁷⁰! Có thể nhận biết cái thân thật sự thì mới có thể nhận biết tình thân chân thật! Vì thế nói: “Chẳng thấu đạt cái thân chân thật, sẽ chẳng phải là tùy thuận tình thân”.

269 “Chí đại công vô tư” là chí luôn nghĩ đến trọn khắp mọi người, không có tình chấp riêng tư.

270 Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Câu này có nghĩa là dùng đủ mọi cách chăm sóc, lời lẽ mềm mỏng khiến cho cha mẹ thoải mái, nhu cầu đầy đủ, thì vẫn chỉ là phụng dưỡng cái thân máu thịt hư giả nếu không chú trọng hướng dẫn cha mẹ thông hiểu chân tánh (đó là thân thể chân thật), lia phiền não, tu hành hòng thoát khỏi tam đồ.

Thân của Tăng Tử và thân của Tăng Nguyên²⁷¹ khác nhau vời vợi, do vậy họ phụng sự cha mẹ cũng khác nhau. Nay lại xét đến lòng hiếu của vua Thuấn và lòng hiếu của Vương Tường. Lòng hiếu của Vương Tường tốt bậc chân thật, tốt bậc khẩn thiết, chẳng tiếc nuôi mấy may sức lực nào, há chẳng bằng lòng hiếu “không suy nghĩ, không gắng sức” (ý nói: Lòng hiếu hạnh tự nhiên lưu lộ) của vua Thuấn hay sao? Nếu luận theo lòng hiếu thì lòng hiếu của Vương Tường giống hệt như lòng hiếu của vua Thuấn, Vương Tường chính là Nghiêu Thuấn. Nếu nói theo địa vị phẩm hạnh thì sẽ cách biệt vời vợi, tâm lượng của Vương Tường chưa hoàn mãn.

Lại gạn rằng: “Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi”. Ấy là vì Đại Thuấn nhận thức tình thân bằng sự linh thông, sáng suốt (linh tánh, chân tánh), còn Vương Tường nhận biết tình thân nơi xác thân. Đại Thuấn coi Cổ Tẩu là bậc chí thân, chí thánh, chí nhân, chí từ: “Nếu cha muốn giết ta, chẳng muốn cho ta cười

271 Tăng Nguyên là con của Tăng Tử (Tăng Sâm). Câu này nhằm nói đến lời phê phán Tăng Nguyên trong thiên Ly Lâu sách Mạnh Tử: Tăng Tử phụng dưỡng cha là Tăng Tích, mỗi bữa ăn đều có rượu thịt. Khi cha ăn xong, lúc sắp dọn xuống ắt Tăng Tử sẽ thưa hỏi, thức ăn còn thừa sẽ cho ai? Nếu Tăng Tích hỏi “có còn thức ăn thừa hay không?” Tăng Tử sẽ luôn đáp là có, [khiến cho cha yên lòng hưởng dụng]. Đến khi Tăng Nguyên phụng dưỡng Tăng Tử, mỗi bữa ăn cũng có rượu thịt, nhưng khi dọn xuống, hoàn toàn chẳng hỏi. Nếu như Tăng Tử hỏi “có dư hay không?” Sẽ đáp là “chẳng dư”, khiến cho Tăng Tử chẳng nỡ lòng ăn nhiều. Như vậy là Tăng Nguyên chỉ nuôi ăn, chứ không quan tâm làm vui lòng cha!

vợ, những tâm niệm ấy đều là những vọng tâm huân tập về sau. Chân tâm vốn chẳng phải là như vậy”. Nếu tuân theo cái mạng lệnh vô lý ấy hòng lòng cha được vui thỏa một chốc, tuân phụng cái tâm tập khí của cha, cắt đứt chủng tử chí thân, chí thành, chí nhân của phụ mẫu chân thật, sao nữ cam lòng đối với tâm, nữ nào tàn nhẫn đối với tánh? Vì thế, trăm cách duy trì, trăm cách đào bới, kêu gọi để thật sự hiện ra chân phụ mẫu! Những người như Vương Tường năm băng [khóc lóc xin trời ban cho cá chép để dâng lên mẹ], cố nhiên là thiên tánh tha thiết, nhưng đối tượng tùy thuận của Vương Tường chính là cha mẹ theo phương diện tình thức, vẫn là duyên theo phương diện thân thể của Vương Tường, cho nên vẫn chưa đạt tới địa vị như Ngu Thuấn²⁷². Vì thế, sự nhận biết cũng chỉ đạt tới mức đó, đấy chính là do chưa hiểu rõ về thiện vậy.

Đã hiểu rõ thiện, sẽ hoàn toàn linh hoạt, sống động, cách ứng xử trong từng trường hợp sẽ đều có chừng mực. Như cha đánh bằng gậy nhỏ thì hứng chịu, cha dùng gậy lớn thì bỏ chạy. Những chuyện như không thừa trình mà lấy vợ²⁷³ chẳng phải là do có pháp đã thành lập sẵn bèn noi theo, mà là do tâm linh của chính mình suy xét cẩn thận như thế rồi quyết định,

272 Vua Thuấn tên là Trọng Hoa, thuộc bộ tộc Hữu Ngu, vì thế, Sử hay gọi ông là Ngu Thuấn. Do ông được sanh ra ở Diêu Khu, nên lấy chữ diêu làm họ.

273 Khi vua Nghiêu gả hai con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh cho vua Thuấn, ông đã lấy vợ mà chẳng xin phép cha mẹ.

tự lập chủ ý như thế. Vì vậy, phụng sự cha mẹ cũng là như thế. Do đó, nói: “*Sự phụ mẫu cơ gián*” (Thờ cha mẹ thì phải can ngăn từ những ý niệm nhỏ nhặt vừa dấy lên). “Cơ” (幾) là những ý niệm vi tế dấy lên, có thể thấy trước điều xấu lẽ tốt từ chỗ này. Cha mẹ vốn chỉ có một tấm lòng lành, hoàn toàn thuộc về cát tường, thiện sự²⁷⁴. Do vì có một ý niệm nhỏ nhặt dấy lên, lòng lành ấy cũng bị ẩn khuất, nhưng chưa hề hoàn toàn bị mất sạch. Đấy cũng chính là ý niệm vi tế để chuyển hung thành cát. Thờ cha mẹ thì hãy nên uyển chuyển từ chỗ này²⁷⁵. Nếu ý niệm vi tế ấy chưa dấy lên bèn khơi gọi. Ý niệm vi tế ấy đã chớm động bèn dẫn dắt. Ý niệm vi tế ấy bị mất đi hãy phục hồi lại. Đấy là dùng cái tâm chân thành của ta để xoay chuyển cái tâm của cha mẹ, chính là công khóa “thấy cái vô hình, nghe cái không có tiếng”. Vì thế, chẳng đợi cho đến khi cha mẹ có chuyện hành xử không tuân theo đạo lý mới can gián, mà hãy nên can gián ngay khi trông thấy cha mẹ có chí hướng hành xử chẳng tuân theo đạo lý, người con hiếu đã trọn hết tâm cơ vậy. Chỉ có như vậy thì mới có thể khiến cho tâm của chính mình và tâm của cha mẹ hòa thành một, chưa hề có trái nghịch.

Có lòng thành như thế, thuận thảo như thế, cái

274 Ý nói: Từ bản chất cha mẹ luôn yêu thương con, đó là thiên tánh, dẫu có lúc nóng giận, đánh đập hay chửi mắng nhưng lòng yêu thương vẫn không hề mất.

275 Ý nói hãy khéo léo vận dụng lòng thương yêu con sẵn có của cha mẹ để khuyên can, khơi gọi cha mẹ hướng thiện.

chân nguyên tương quan “có cùng một gốc” của ta và cha mẹ sẽ được bao gồm toàn bộ trong ấy, mà chân nguyên “trời đất có cùng căn cội, muôn vật có cùng một thể” cũng được bao gồm toàn bộ trong ấy, há có tánh mạng²⁷⁶ nào chẳng trọn vẹn, có “địa vị chánh đáng, vạn vật sanh thành”²⁷⁷ nào chẳng hành, có chuyện nào trong thiên hạ mà chẳng trọn lẽ thông đạt quyền biến, chẳng vận hành trong sự linh minh²⁷⁸ của ta? Đấy chính là nói “gom góp trăm điều thuận thảo để làm vui lòng cha mẹ”. Sở dĩ Đại Thuấn có đức hạnh của bậc thánh nhân là do đã trọn đủ sự tôn kính, phụng dưỡng như vậy đó! Sở dĩ Chu Vũ Vương và Chu Công thờ cha mẹ đã mất giống hệt như cha mẹ hãy còn sống, thờ cha mẹ đã khuất như hãy còn tại thế, cũng là vì lẽ này. Điều này thường tồn tại, thường sống động, thấu triệt căn nguyên của vạn sự vạn vật, quán thông mọi loài. Vì thế, vua Thuấn có thể gánh vác sứ mạng của thượng thiên, thành tựu mỹ đức do trời ban tặng, dùng thiên tánh để phụng sự cha mẹ.

Vũ Vương cúng tế tổ tiên của chính mình, đạt tới sự thờ phụng thiên địa và tổ tiên của toàn thể thiên hạ,

276 “Tánh mạng” ở đây là một khái niệm thuộc phạm trù triết học cổ của Trung Hoa, bao hàm ý nghĩa “bẩm tánh thiên phú của muôn vật”.

277 Nguyên văn là “vị dục” (位育). Đây vốn là một thành ngữ xuất phát từ câu nói “trí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên” (đạt tới sự trung chánh, hòa bình chính là địa vị vốn có của trời đất, vạn vật được sanh thành).

278 “Linh minh” (靈明) ở đây là nói đến nhất niệm chân tánh của ta vốn sáng suốt, thấu triệt trọn khắp.

dùng tình chí thân nơi bản tánh để phụng sự trời²⁷⁹, rốt cuộc là một chữ “sinh”. Kể từ khi có trời đất đến nay, chẳng ngày nào không sinh. Sự chí thân nơi bản tánh và ta đều là sinh thành liên tục trong suốt một đời²⁸⁰. Lại còn do cái sinh ấy mà toàn thể những sự vật tương quan trong suốt một đời đều bị ảnh hưởng, tác động theo, [đều được chuyển biến thành thanh tịnh], đấy mới gọi là “chẳng thẹn với đấng sanh ra ta”. Bài Tây Minh của Trương Tử²⁸¹ hoàn toàn nhằm giảng rõ ý này.

Còn như lòng hiếu của Vương Tường chẳng tránh khỏi là một cách thức vận dụng lòng hiếu chết cứng, chẳng phải là đã lãnh hội ý nghĩa “*bất tư, bất miễn*” (chẳng suy lường, chẳng gắng công), chưa thể nói là “*bất tư nhi đắc, bất miễn nhi trúng*” (chẳng suy nghĩ mà đạt

279 Nguyên văn “Vũ tự hồ kỳ tiên, nhi đạt hồ giao miếu, dĩ thân sự thiên dã”. Theo ông Hoàng Bách Lâm, “giao miếu” (郊廟) là chỗ thờ phụng trời đất và tổ tiên. “Nhi đạt hồ giao miếu” phải hiểu là vua Vũ không chỉ cúng tế tổ tiên của riêng mình, mà còn thờ phụng tổ tiên của toàn thể thiên hạ và trời đất. Chữ “thân” trong câu “dĩ thân sự thiên dã” phải hiểu là sự chí thân nơi bản tánh.

280 Nguyên văn “tự hữu thiên địa dĩ lai, vô nhật bất sinh, thân dữ ngã, đô thị nhật sinh sinh tương tục”. Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Chữ Sinh ở đây phải hiểu là tánh tri giác, ta thường nói là “linh tánh”. Linh tánh bất sinh bất diệt, vĩnh viễn là sinh sôi chẳng ngừng. Vì thế nói là “vĩnh sanh”. Giữa sự chí thân và ta, luôn luôn là sinh sôi liên tục.

281 Trương Tử ở đây chính là Trương Tải, tức Trương Hoàn Cừ, một nhà Lý học thời Bắc Tống. Ông viết một bài văn, đặt tên là Chánh Mông Càn Xung Thiên, chia làm hai phần, phần trước gọi là Biếm Ngu, phần sau gọi là Đỉnh Ngoan. Về sau, Trình Di gọi phần Biếm Ngu là Đông Minh, phần Đỉnh Ngoan là Tây Minh. Trong bài Tây Minh, Trương Tải đã đề xướng khái niệm “dân bào vật dữ” (mọi người là ruột thịt của ta, mọi vật có cùng một thể với ta).

được, chẳng gắng sức mà trúng)²⁸². Đắc và trúng là vật như thế nào? Chúng là những thứ tự nhiên, sống động, có thể tác động những quy củ vô hình, có thể trọn hết những chuẩn mực trong thiên hạ. Vì thế nói: “Quy củ là chuẩn mực đã đạt tới tận cùng, là tốt cùng của nhân luân”. Thung dung Trung Đạo là thánh nhân, nhưng chẳng lãnh hội đắc, chẳng lãnh hội trúng thì cũng có thể nói là “tư miễn” (思勉, suy nghĩ, gắng công), tư miễn là ý, là thức. Nếu tánh chẳng thật sự tỏ lộ toàn vẹn ắt sẽ thành ra xử sự theo tình cảm²⁸³. Nếu động đến *tánh đế*, tuy khóc lóc buồn bã, mong cầu cha mẹ nghĩ lại sẽ thương yêu mình như vua Thuấn, chẳng thể là bậc thánh nhân, mà cũng chẳng thể trọn hết đạo tận hiếu của kẻ làm con, như thế thì sẽ là khốn khó cùng cực để giữ tròn đạo hiếu²⁸⁴, chẳng thể nghiệm nhiên có thể

282 Do câu này quá khó hiểu, chúng tôi xin dẫn lời giải thích của ông Hoàng Bách Lâm như sau: “Lòng hiếu thuận của ông Vương Tường hoàn toàn chẳng linh động, nên nói là cách thức chết cứng. Bởi lẽ, do Vương Tường thấy mẹ đói, mong được ăn cá, bèn cời trần nằm trên băng khóc xin băng nứt ra để bắt được cá dâng mẹ. Tức là lòng hiếu ấy có sự đối đãi, có đối tượng để phát khởi. Ông ta chẳng khế nhập ý nghĩa “bất tư nhi đắc, bất miễn nhi trúng” (chẳng suy nghĩ mà đạt được, chẳng gắng sức mà trúng). Lòng hiếu thuận của vua Vũ, vua Thuấn là tự nhiên, không cần suy nghĩ. Vua hiếu thảo với cha mẹ của chính mình và hiếu thảo đối với cha mẹ của thiên hạ chẳng khác gì nhau, hoàn toàn lưu lộ từ tánh đức”.

283 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này như sau: “Nếu chẳng tương ứng với tánh đức, lòng hiếu ấy sẽ dính đến tình cảm, có tình chấp, có tác ý, có Năng và Sở, chẳng phải là lưu lộ từ tánh đức. Do vậy, lòng hiếu sẽ vương mắc nơi phương tiện ý thức, tức phân biệt, chấp trước, và tạng thức”.

284 Nguyên văn “nhược động trước tánh đế, tuy như Thuấn chi hào khắp oán mộ, bất khả vi nhân, bất khả vi tử, giá dạng khốn miễn chi cực”. Theo ông

trọn hết đạo hiếu chẳng do suy nghĩ, chẳng phải gắng sức được!

Chúng ta đã chẳng thể sanh khởi lòng đại hiếu hoàn toàn giống như Nghiêu, Thuấn, vậy thì hãy nên nghĩ cha mẹ đã ban cho ta vật gì? Vật ấy vốn chẳng phải là một cái sọ rồng tuếch có mắt thấy, tai nghe, hoặc là một túi rượu, đũa com thối tha! Há nên sống cả đời khiến cho vật ấy bị khuất lấp, hồ đồ? Hãy nên dùng vật ấy (chân tánh, linh tánh) để phụng sự cha mẹ. Nghĩ đến đây, phải làm sao cho tánh đức được hiển lộ, toàn thân toát mồ hôi, chẳng chịu nhường chuyện bậc nhất trong thiên hạ (hiếu kính) cho người khác thực hiện! Chính mình làm được một phần, đó là trọn hết một phần hiếu để. Khi đạt đến mức độ hoàn toàn, do tu đức nên phước sẽ trọn đủ, ắt lòng hiếu của vua Thuấn, vua Vũ, lòng hiếu của Thừa tướng Chu Công, lòng hiếu của Tố Vương²⁸⁵ Khổng Tử, không gì chẳng phải là tuy khác đường mà cùng quay về một nơi vậy.

Hoàng Bách Lâm, tánh đế chính là tên gọi khác của tánh đức. Chữ “nhân” ở đây phải hiểu là “thánh nhân”. Theo ông Hoàng, câu này phải hiểu như sau: Nếu như ta dùng ý thức, tức là còn có tình chấp, xử sự theo cảm tình, dẫu có lúc khế nhập chân đế trong bản tánh đôi chút, dẫu khóc lóc, ôm nỗi niềm ai oán mong được cha mẹ thể hiện tình thân như vua Thuấn, nhưng vì hãy còn có tình chấp, cho nên chẳng thể trở thành bậc thánh nhân, cũng chẳng thể trọn hết lòng chí hiếu của kẻ làm con. Do đó, để tròn hết đạo hiếu, sẽ rất miễn cưỡng, rất khó khăn, nên mới nói là “khốn miễn chi cực”.

285 Tố Vương (素王) có nghĩa là một vị vua chân chính, chẳng có lãnh thổ, chẳng có nhân dân, nhưng vĩnh viễn được tôn kính, giáo huấn của ngài vĩnh viễn được tuân phụng trong lịch sử nhân loại.

Lại nói: Thiên hạ chẳng phải là không có kẻ bất hiếu. Tuy có kẻ bất hiếu, nhưng nếu được gọi là hiếu thì kẻ ấy sẽ vui vẻ, còn gọi là bất hiếu thì kẻ ấy sẽ tức giận, hổ thẹn. Hơn nữa, trước mặt người khác sẽ chú trọng, tô điểm danh tiết, chẳng dám buông lung phóng túng như trong chốn riêng tư. Đấy cũng là chỗ lương tâm không bị chìm đắm. Có trọn đủ cái lương tri ấy sẽ là căn cội và mầm mống của lòng đại hiếu. Chỉ vì chưa thể tự hóa giải tập tâm (習心, cái tâm thuận theo tập khí) và tập khí, vì thế vẫn bất hiếu y như cũ. Phân tích minh bạch điều này, cho nên cha phải nên biết dạy con, con phải nên biết tự khắc chế tập khí phiền não của chính mình. Ví như tấn công giặc, biết giặc ở chỗ nào thì mới hòng dẹp yên chúng nó!”

Lại nói: Lý do khiến cho mỗi cá nhân luân tập thành tiểu bất hiếu có bốn điều.

1) Một là kiêu sủng, tức là vì cha mẹ thương yêu con quá đáng, thường thuận theo tánh khí của con. Nó bỗng dung ương bướng, cha mẹ chẳng chịu nổi, thường nhường cho nó chiếm lẽ tiện nghi, để mặc cho nó buông lung vui thú! Bảo nó làm lụng hoặc phụng dưỡng nó sẽ chẳng quen. Ở trước mặt người khác, nó nói năng phạm những sai lầm nhỏ nhỏ, cha chẳng nổi lòng làm mất mặt con, thế mà con dám mạo phạm cha. Đối với phương diện văn chương, phẩm hạnh, tài nghệ, năng lực cha khen ngợi con, chỉ sợ con chẳng hơn

mình, nhưng con ắt mong cha phải thua kém mình! Tích tập thói kiêu căng, phóng túng ấy, đối trước kẻ khác sẽ chẳng thể thi thố được, chỉ riêng đối trước cha mẹ là giở quẻ đủ trò. Đúng là kẻ đã già đầu mà chẳng có kiến thức vậy!

2) Hai là thói quen. Do quen ăn nói thô lỗ bộp chộp nên dám xung đột với người khác. Do quen thói hành động cục mịch dễ dãi, cho nên dám buông lung, tùy tiện. Do quen thói được cha mẹ chia sẻ những thứ ngon lành, tốt đẹp nhất từ bé, cho nên chẳng còn nhớ tới sự ngọt ngào ấy. Do quen thấy cha mẹ chống chọi bệnh tật, chịu đựng đau khổ, cho nên con cái chẳng còn hỏi han cha mẹ đau đớn ra sao.

3) Ba là thích buông tuồng. Thấy những kẻ ngang vai bằng lứa bèn nhiệt thành khôn ngoan, nhưng nhạt nhẽo đối với cha mẹ. Vào phòng riêng ngàn nỗi vui thú, gặp cha mẹ bèn lặng thinh. Thậm chí rõ ràng coi cha con, anh em như những vật thô tục chẳng thích tiếp xúc, như vậy thì ý niệm hiếu đễ sẽ do đâu mà phát sanh cho được?

4) Bốn là quên ơn nhớ oán. Đã quen chịu ân lâu ngày sẽ càng quên bằng, thường oán hận lâu ngày sẽ càng chất chứa. Tình cảm của con người là như thế đó! Vì thế, đãi người khác một bữa cơm họ sẽ nhớ ân đức, nhưng thường đãi đằng như thế lâu ngày họ sẽ dấy lòng chê bai, chán ghét. Cho một lần thì cảm ơn,

thường giúp đỡ thì họ sẽ so đo vật được cho ít hay nhiều! Gặp mặt một lần thì thân thiết, thường gặp gỡ lâu ngày sẽ nghi kỵ, hiềm oán nặng nề. Huống hồ cha mẹ, anh em đã quen gặp cả đời, bèn coi tình thân ái là chuyện cố nhiên rất tầm thường. Lại còn có khi người thân tỏ lòng quan tâm đến ta mà phải chuốc lấy sự bực bội. Coi những lời giáo huấn, nhắc nhở như lời lẽ rất tai! Lại còn có những lúc người thân khen ngợi ta mà bị ta chán ghét. Coi chuyện người thân che chở, giúp đỡ chẳng nài mệt nhọc, hết sức lo toan cho ta là chuyện bình thường. Lại còn có khi vì người thân xen vào chuyện của ta quá mức mà bực bội. Đối với đại ân trước mắt bèn điềm nhiên chẳng nhận biết, làm sao có thể nghĩ tới sự nhọc nhằn mang thai, nuôi dưỡng, nỗi khổ sở bồng bế bú mớm, nỗi đau đớn kinh hồn khi sanh nở nơi thân thể yếu đuối của mẹ cho được? Vì thế, nhân tình thế thái có khi hết sức điên đảo, hết sức cổ quái mà chẳng tự nhận biết. Con cái đối với cha mẹ là như thế đó, kẻ không vì làm ân mà bị mắc oán hiềm hoi lắm thay!

Những điều như vừa kể ấy đều là thói quen thường tình của con người, nhưng họ cũng chưa hề là không có chân tánh, chỉ là vì thói quen tích tập lâu ngày cho nên chẳng biết là sai lầm đó thôi! Do vậy, hãy nên gấp mau lay tỉnh, khắc phục, đối trị cho sớm, luôn luôn suy lường, đừng bảo “lòng cha mẹ nhân từ, ta có

thể tự khoan dung cho sự bất hiếu của chính mình”, đừng nói “thói đời bạc bẽo, dẫu ta bất hiếu vẫn còn đỡ hơn người khác”. Tiểu bất hiếu tích lũy dần dần sẽ trở thành đại bất hiếu, chẳng đáng sợ ư?

Lại nói: Nguyên do huân tập thành đại bất hiếu có bốn điều.

1) Một là tài sản riêng. Hễ tiền tài lọt vào tay ta sẽ thành cái ta có, nhưng tiền tài ở trong tay cha mẹ thì lại nói: “Ta phải có phần chứ!” Tiền tài đầy đủ bèn quên cha mẹ, tiền tài thiếu thốn bèn dòm ngó tiền tài của cha mẹ. Cầu mong tiền tài không được bèn oán hờn cha mẹ. Cha mẹ chẳng thể tự sống, phải ăn nhờ ở đậu ta, ta sẽ lại oán trách cha mẹ. Thậm chí có khi cha trợ trợ một thân, con là con một, nhưng vì tiền tài mà có chuyện hục hặc. [Hễ phải phụng dưỡng cha mẹ thì con cái] đứa lớn, đứa nhỏ đùn đẩy lẫn nhau. Cũng có khi bỏ mặc cha mẹ, không phụng dưỡng, chẳng biết thân của chúng ta là thân của ai, tài sản của ta là tài sản của ai! Ta chẳng đem theo một đồng nào tới thế gian này, nhưng ăm bông, bú mớm chẳng khuyết cho đến hiện thời là do ai làm vậy? Đến khi kiếm được tiền nhiều hơn mấy đồng bèn toan so đo, tính toán cùng cha mẹ!

2) Hai là mê luyến vợ con! Đang thân thiết với vợ con, mà cha mẹ vừa bước vào bèn tẻ ngắt. Có thức ăn

ngon, tiền bạc, bèn toan chiêu vợ nuông con. Hễ có hội hè, dịp vui bèn dẫn vợ, bế con đi dự, ý niệm làm vui lòng cha mẹ ngày càng nhỏ bé, chẳng nghĩ đứa con là con của ta, mà ta là con của ai? Con của cha mẹ là ta, mà ta chẳng đoái hoài, vậy thì ta cũng trông mong nhờ cậy con cái nổi gì? Vợ chồng hòa hảo cố nhiên là chuyện vui thú trong gia đình, nhưng lúc chính mình còn đang oa oa đợi bú, lúc tiêu tiêu còn chưa phân định rõ ràng, há có biết mê luyến vợ hay không? Há vợ có thể chăm sóc cho ta được sống sót hay không? Cha mẹ thấy con đã trưởng thành, có gia đình, vui sướng khôn xiết suốt đời, ngờ đâu con có vợ đâm ra cha mẹ bị mất luôn đứa con rồi!

3) Ba là đàng điếm. Lừa dục hùng hực, khách [bị gái làng chơi hoặc kẻ nữ lơ lả] dụ dỗ như cuồng, dẫu có người tựa cửa mong chờ, đau lòng mà chẳng biết. Lãng phí gia nghiệp, khiến cho vợ và mẹ chồng hực hực, có khi cãi cọ trách móc mà chồng vẫn thờ ơ chẳng quan tâm. Vợ ôm con chẳng ngủ, hồn mơ màng mưa gió tê lương thấu đêm. Người tóc bạc (cha mẹ) chẳng vui, sự phụng dưỡng vật chất đơn bạc nửa đời sau cũng bị chông chênh²⁸⁶. Than ôi! Sự mê cuồng ấy dấy lên mấy

286 Nguyên văn “thục thủy lãnh bán sanh chi phụng”. Chữ Thục Thủy (菽水) phát xuất từ một đoạn văn trong thiên Đan Cung của sách Lễ Ký: “Tử Lộ viết: Thương tai bản dã! Sanh vô dĩ vi dưỡng, tử vô dĩ vi lễ dã. Khổng Tử viết: Xuyết thực ẩm thủy, tận kỳ hoan, tư chi vị hiếu” (Tử Lộ nói: “Đau lòng thay! Con nghèo quá nên cha mẹ còn sống thì chẳng thể phụng dưỡng. Cha mẹ đã

chốc, mà nữ khiến có chuyện xảy ra như thế ấy.

4) Bốn là tranh giành đồ kỵ. Trời đất to tát ngần ấy, thế mà còn có kẻ bực bội oán trời trách đất. Cha mẹ đối với các con, há chẳng khỏi có khi tình cảm thiên vị! Do vậy, các con xắn tay áo tranh phần, gườm mắt nhìn nhau tranh giành lòng sủng ái của cha mẹ, hoặc anh em hục hặc bất bình, hoặc chị em so đo từng chuyện nhỏ nhặt, che chắn khuyết điểm, tranh chấp sở trường, chia bè lập phái công kích kẻ không cùng phe, bêu riếu lẫn nhau khiến cho gia đạo suy vi, chất chứa những tình tự sân hận, ưa thích, khiến cho tâm tình hiếu thuận bị lộn lộn.

Bốn điều ấy cũng là thói thường tình của mọi người, sợ rằng hiếu tử cũng chẳng tránh khỏi, dần dần trở thành đại bất hiếu. Ôi! Đáng sợ thay!

Lại nói: Có kẻ dường như là có hiếu mà chẳng phải là có hiếu! Cha có lỗi, con cái hầy nên khéo léo can gián. Cha phạm lỗi bèn lập tức che đậy. Nếu chỉ biết thuận theo cha mẹ về mặt tình cảm, chẳng biết tùy thuận cha mẹ theo phương diện lý trí, hoặc mặc tình thiên vị chiều theo, sẽ khiến cho gia đình gặp nguy cơ;

khuất rồi chẳng có gì để cúng lễ”. Khổng Tử bảo: “Ăn đậu, uống nước, tận hết sức khiến cho cha mẹ vui lòng, đó gọi là hiếu”). Do vậy, chữ “thục thủy” thường được hiểu theo nghĩa bóng là sự phụng dưỡng trọn hết tấm lòng, dẫu đơn bạc về mặt vật chất. Ông Hoàng Bách Lâm giảng “thục thủy lãnh bán sanh chi phụng” phải hiểu là cũng vì con say mê đàng điếm, phá nát gia nghiệp mà ngay cả cuộc sống vật chất đơn bạc trong nửa đời sau của cha mẹ cũng gặp phải nguy cơ.

hoặc để mặc cho cha mẹ phóng túng làm bậy, sẽ chuốc lấy sự ghét bỏ của xóm giềng, hoặc do che giấu những chuyện lén lút ngấm ngầm của cha mẹ, sẽ đắc tội với trời đất. Đây là thành tựu điều ác của cha mẹ, há có phải là hiếu! Có kẻ tự bảo chính mình là hiếu, mà thật ra chẳng phải là hiếu. Có thể chăm nom, hầu hạ cha mẹ, có thể phụng dưỡng nhưng lộ vẻ tự đắc ta là người có đức hạnh! Trong những gia đình thường dân chỉ có một nhà nên cha con sớm tối quây quần, ắt sẽ có lúc lời lẽ va chạm, phải tìm cách tiêu trừ ngay những xung đột ấy, hòng khôi phục tình cảm chân thành, thân thiết. Có kẻ sĩ thông hiếu sách vở, nhưng ngại ngần vì cha già cả bèn viện cớ muốn cho cha sống an nhàn mà an trí cha ở nơi khác. Hoặc là do sợ cha mẹ quá cổ hủ bèn mượn cớ ấy để chống trái xa lìa. Hoặc là vì thấy cha mẹ kém cỏi bèn mượn cớ để đàn áp, đến nỗi ngày càng lợt lạt, ít nói chuyện với cha mẹ, biểu lộ thái độ lãnh đạm, tuy tôn kính nhưng không thân thiết.

Cũng có hạng người thích rong chơi, bỏ niềm vui quây quần trong gia đình, để vầy đoàn cùng bạn bè, đi qua làng khác, tỉnh xa lâu năm chầy tháng, mong mỗi đạt được lợi lộc từ người khác, mượn tiếng là vì nhà nghèo phải tìm cách nuôi sống gia đình, thật ra là tích cóp để phụng dưỡng vợ con, há có phải là hiếu thảo! Lại có kẻ được người khác thấy là hiếu, nhưng thân thấy kẻ ấy chẳng phải là hiếu. Cha mẹ còn sống thì

cũng tận hết sức phụng dưỡng, cũng quây quần bên cha mẹ, cung phụng vật chất đầy đủ nhưng thiếu sót tấm lòng, trọn chẳng có niềm vui đền đáp ân cha mẹ thật sự. Đến khi cha mẹ tạ thế, ma chay chu đáo, khóc lóc vật vã theo thói thường, nhưng cũng chẳng buồn rầu thật sự. Còn như kiếm cuộc đất để an táng, bèn dốc cạn sức, tốn nhiều tiền, lại là vì mưu tính phước lộc cho con cháu, chẳng phải vì mong cho cha mẹ được yên nghỉ. Mắt của chú thần thấy chuyện này rất rõ.

Lại có kẻ được khen là hiếu trong một thời, chẳng thể được đề cao ngàn đời. Dẫu có thể được truyền tụng là hiếu thảo ngàn đời, vẫn chẳng thể thỏa mãn tấm lòng. Kẻ ấy chẳng hề phạm một lỗi nào trong những lỗi vừa kể trên đây, không một hiếu hạnh nào chẳng trọn vẹn, nhưng chưa nghe đại đạo, đối với chuyện “tu thân, trọn hết tánh” vẫn còn khuyết thiếu. Nói chung là di thể đọa lạc²⁸⁷, chẳng báo ân cha mẹ. Vì thế, trau dồi đức hạnh trở thành bậc thánh nhân thì sự hiếu thảo ấy mới được gọi là đại hiếu. Kẻ làm con hãy nên gấp phản tỉnh!

Lại nói: Tuổi già bị con cháu chán ghét cũng có mấy loại nguyên do.

287 Ý nói: Tấm thân này do cha mẹ mà có, nên thân thể ta là do cha mẹ để lại, nên gọi là “di thể”. Ta không tu hành chân thật, nên không có khả năng hướng dẫn cha mẹ vãng sanh Cực Lạc, tức là đã phí uổng tấm thân này! Vì thế nói là “di thể đọa lạc”.

1) Một là lạc hậu. Áo mũ, lễ số chẳng hợp thời nghi. Hãy nên nghĩ tóc bạc da mồi, sao còn mãi được? Những tình tự, kinh nghiệm, đức hạnh cổ xưa rất thú vị, khiến cho kẻ khác yêu tiếc.

2) Hai là tiếc tiền tài. Người già thu gom tiền tài, nắm giữ, tính toán, cấm con cháu lạm dụng. Hãy nên nghĩ người già vì ai mà gian khổ? Những thứ ta ăn hoặc dùng hằng ngày là do ai để lại?

3) Ba là gây yếu, cử động chẳng tiện, đến nỗi con cháu phải vất vả dìu đỡ, trông nom. Hãy nên nghĩ báo đáp ân cù lao, cha mẹ nuôi con hòng nhờ cậy tuổi già chính là vào lúc này.

4) Bốn là lảm cẩm, già suy. Nói năng chẳng rõ ràng, nặng tai, câu cú trúc trắc. Hãy nên nghĩ đến lúc chính mình mới sanh ra chẳng biết gì, chẳng nói được, ai đã yêu thích chơi đùa với ta?

5) Năm là yêu chiều. Đối với trẻ nhỏ bên nội, bên ngoại, cha mẹ thường nhường cơm, nhường áo, che chở thiên vị quá đáng. Hãy nên nghĩ: Đối với tôi tớ mà ta còn phải nên có tấm lòng thông hiểu thương yêu, huống hồ đối với những người ruột thịt.

Nếu đối với những điều này mà dấy lòng chán ghét, sẽ là bất hiếu mà chẳng tự biết. Hãy nên gấp phản tỉnh.

Lại nói: Lại nữa, giữa những đứa con sanh trước và sanh sau, giữa con dòng đích và con dòng thứ²⁸⁸, nếu cha mẹ có sự thiên vị thì kẻ làm con cũng dễ sanh lòng hiềm oán. Đối với chuyện này, ta hãy nên đối xử bằng tấm lòng chân thành, mong sao cha mẹ vui lòng mới thôi. Hàn Ngụy Công (Hàn Kỳ) đời Tống đã nói: “Cha từ, con hiếu, đó là chuyện thường tình, chẳng đáng phải bàn luận. Chỉ riêng trường hợp cha mẹ chẳng có lòng từ, mà con chẳng đánh mất đạo hiếu thì mới đáng bàn định. Đây là lý do vì sao xưa nay ca ngợi Đại Thuấn vậy”. Nói chung, chuyện cấp bách nhất là tiêu trừ, hóa giải [sự thiên vị trong tình thương của cha mẹ]. Ở trong hoàn cảnh ấy, phải tiêu trừ cho đến khi những cặn bã (chấp trước, sân hận, oán hận, hiềm khích, chướng ngại) hoàn toàn bị tiêu tan, chẳng còn một mảy tách nóng giận nào! Hãy lưu tâm làm cho cha mẹ vui lòng bội phần cẩn thận hơn những kẻ làm con thông thường. Nếu cha mẹ là người có lòng nhân, tự nhiên sẽ chuyển thành thương yêu ta. Nếu cha mẹ là người không có lòng nhân, dẫu ta chẳng thể khiến cha mẹ cảm động, há nên mâu thuẫn với cha mẹ? Vẫn hãy chỉ nên tự mình trọn hết đạo làm con, ngõ hầu chẳng bị hãm vào phương ngõ nghịch mà thôi! Nếu cứ một mực thấy cha mẹ sai trái, lửa giận đầy ắp trong bụng

288 Con dòng đích là do vợ cả sanh ra, con dòng thứ là con của các người thiếp (vợ lẽ).

chẳng thể tiêu trừ, chẳng thể tháo gỡ, ắt sẽ có lúc chẳng đê nén được, do vì căn cội nhỏ nhiệm chẳng trừ sẽ dẫn đến tức nước vỡ bờ. Tôi sợ rằng đến khi ấy, trách cha mẹ thì nhẹ, mà tội lỗi của kẻ làm con sẽ chẳng thể trốn tránh được!

Lại nói: Há chỉ là chớ nên tích lũy ý niệm và tập khí oán giận²⁸⁹, mà còn phải làm cho cha mẹ, anh em hành theo thiên lý, phải làm cho cha mẹ, anh em yêu thương ta, thân thiết với ta. Đấy là ý tốt, nhưng chớ nên quá nóng vội, dùng biện pháp quá nặng nề. Quá nặng thì họ sẽ chấp nhận, chẳng thể chuyển biến được!

Lại nói: Lại còn có bốn hạng cha mẹ, càng phải đối đãi hiếu thảo thiết tha hơn. Phạm tội bất hiếu với bốn hạng cha mẹ ấy, sẽ đặc biệt nặng nề hơn đối với những loại khác. Một là già cả, hai là bệnh tật, ba là góa bụa, bốn là nghèo nàn túng thiếu. Thuở cha mẹ trẻ trung, khỏe mạnh, ăn, nghỉ, đi, đứng vẫn có thể tự lo liệu được. Tới lúc run rẩy, quạnh quẽ, chống gậy, dễ ngã, lạng lẽ khổ sở trong đêm lạnh, xương cứng khó thể chịu đựng. Còn nếu như bị trúng phong, bệnh tật lâu ngày, ngồi nằm chẳng thoải mái, vương vãi những thứ bẩn thỉu, khiến chiếu đệm đáng gớm. Con khó phụng

289 Nguyên văn: “Khởi duy oán nộ bất khả sử hữu tức vật”. Ông Hoàng Bách Lâm giảng: “Vật” ở đây chính là ý niệm tích lũy trong tâm ta. Nói theo Phật pháp, “vật” chính là a-lại-da thức. “Tức” là nói đến tập khí từ nhiều đời nhiều kiếp.

dưỡng cha mẹ chỉ trong lúc này, mà cha mẹ cũng trông cậy con chỉ trong lúc này.

Lại như tuổi già mất người phối ngẫu, ai hỏi đến nóng lạnh, cùng nhau chung bóng, chẳng thể thốt lên những lời ấp ủ trong tâm! Bậc trượng phu thì còn được, chứ bà góa biết làm thế nào đây? Ngay như người con cháu đông đầy, đứa có đôi lứa bèn vui vầy đôi lứa, đứa có con thơ sẽ lo chăm bẵm con thơ, mỗi người ngủ ngáy o o, mỗi kẻ lo làm chuyện chính mình vui thích. Đêm dài người già thao thức nghe tiếng đồng hồ điểm bèn chịu không nổi, lệ trào đẫm gối, biết tỏ cùng ai? Người nào có con cháu hiếu thuận, có thể chăm nom, phụng dưỡng thì còn có thể tạm thời gởi gắm tâm tình lạnh lẽo vì nỗi cô tịch do góa bụa nơi nhiệt tâm hiếu thuận của con cháu. Bất hạnh gặp phải con dâu hung tợn, quen thói thô tháo, vô lễ, hung tợn, nếu chồng hiếu thuận với bố mẹ ruột, cô ả sẽ ngang ngược gây trở ngại, cách tuyệt. Chỉ vì gìn giữ nửa điểm cốt nhục thân tình, cha mẹ vất vả cả đời chăm chút cho con để phí công đổi lấy một đời thê lương khổ sở!

Lại có kẻ vì chăm chút cho con mà tiền tài rỗng tuếch, do lo cưới gả mà tài cùng lực kiệt. Thuở trẻ trung, khỏe mạnh, lo toan cho con ấm áo, no cơm dư dật²⁹⁰,

290 Nguyên văn là “phì noãn” (肥暖), đây vốn là một từ ngữ có ý nghĩa “cuộc sống vật chất dư dật, sung sướng”. Từ ngữ này phát xuất từ một đoạn trong sách Mạnh Tử, thiên Lương Huệ Văn Vương: “Vi phì cam bất túc u khẩu

tới khi già cả bần cùng, gãi đầu do dự, do mơ tưởng một món ăn ngon mà thèm rỏ dãi, nín nhịn ăn mà vẫn ba bữa cơm của con! Mẹ già sáng đun tối nấu mà vẫn bị mắng mỏ là ăn không ngồi rồi. Dệt vải, thêu vá, ẵm cháu, vẫn bị trù rửa cho mau chết! Những người làm cha mẹ như thế ấy, oán khí đủ để thấu trời, kẻ làm con cháu của họ càng phải nên hiếu thảo gấp bội những đứa con thông thường khác. Kẻ khuyến hóa cũng nên khẩn thiết khuyên răn từ chỗ này!

Trong sách Khuyến Giới Toàn Thư của ông Trần Thành Khanh có viết: Lại như kinh Tăng Nhất A-hàm đã nói, trong đời có kẻ tỳ thiếp sanh con cho chủ nhân. Họ cũng mang thân nữ như mọi người, nhưng do sanh trong nhà nghèo hèn, bị rơi vào tay kẻ phú quý, những tối chia chẵn sẻ gối với chồng thì ít, những đêm ngủ đơn côi thì nhiều. Kẻ còn may mắn, gặp bà chủ (vợ cả) là người hiền lành hiếu biết, hoặc tánh tình lúc tốt lúc xấu thì còn có thể miễn cưỡng sống qua ngày. Nếu gặp vợ cả có tánh ghen tuông hung tợn, suốt ngày chửi

dữ, khinh noãn bất túc ư thể dữ, úc vi thái sắc bất túc thị ư mục dữ, thanh âm bất túc thính ư nhĩ dữ. Tiện bệ bất túc sử linh ư tiên dữ. Vương chi chư thân giai túc dĩ cung chi, nhi vương khởi vi thị tai” (Có phải là vì miệng nhà vua chẳng ăn đủ những món ăn béo ngậy, ngon ngọt ư? Có phải là vì những thứ y phục nhẹ, ấm chẳng đủ cho thân thể ư? Có phải là mắt nhìn chẳng thỏa những thứ đẹp đẽ ư? Có phải là tai nghe chẳng đủ những thứ âm thanh [hay khéo] ư? Những kẻ bề tôi chẳng đủ cho vua sai sử ư? Các bầy tôi của nhà vua đều có thể cung cấp đầy đủ những thứ đó, vậy thì vua còn phải bận tâm đến những chuyện ấy để làm gì?)

mắng dữ dần, lẳng nhục đủ mọi cách. Hễ thốt một lời biện bác ắt bị chửi là quá phận, vô lễ. Kể khổ với chồng nửa câu, vợ cả bèn cầm hận rửa xả vợ lẽ “xúi giục bên gối”. Lại gặp phải con dâu bất hiếu, con trai con gái bất hiếu, chẳng nghĩ đến chuyện bố chồng thương tiếc, cứ một mực xúc xiểm với mẹ đích của chồng, lũ tôi tớ lại phụ họa theo, sóng gió nổi nơi đất bằng, sấm sét giáng xuống từ trời xanh!

Lại bất hạnh gặp phải chủ nhân bạc tình, chẳng biết đến ấm lạnh, chẳng thương xót lúc ốm đau. Trong khuê phòng lệ đẫm áo xanh²⁹¹, ở ngoài cửa chồng hò reo nhậu nhẹt thỏa thích! Thậm chí có kẻ nuông chiều mê mọt người yêu mới, chán ghét tình cũ. Tự thương mình mạng bạc, mấy phen tìm cái chết, thật đáng đau xót! Ngẫu nhiên có thai phải che giấu nhiều cách. Chẳng che giấu được sẽ chịu đủ mọi nỗi ê chề, phần uất. Ngồi trên cỏ mà sanh nở, lấy ai chăm sóc? Nếu may mắn có con sẽ bị vợ cả ghen ghét, chẳng dung, người thiếp phải càng thêm dè dặt. Hở ra sẽ bị nhiếc móc là “cậy có con rồi buông tuồng”! Hễ con mắc bệnh, khoét thịt trị vết thương, cam chịu đói rét! Kinh dạy: “Mười tháng hoài thai mẹ vất vả, ba năm bồng ẵm lòng mẹ ân cần”. Nếu bản thân là tỳ thiếp sẽ phải siêng khổ gấp bội bình thường! Đến khi con trưởng thành, được có vợ con, được hưởng ruộng đất, nhà cửa, hoàn toàn

291 Thuở xưa, đây tó những nhà quyền quý mặc áo màu chàm.

chẳng nghĩ những thứ được hưởng thụ trong hiện thời đều là do mẹ ta khô máu, mòn xương, cạn lệ, đứt ruột mà ra. Nói nghĩ đến đây, chẳng thể không cay mũi! Kẻ làm con hãy nên thường nghĩ đến điều này, phát phần lập chí, thể mong sẽ có ngày rạng mày nở mặt mẹ ruột, hồng đèn đáp muôn ngàn nỗi đắng cay khổ sở. Hãy thường xuyên phụng dưỡng. Hãy nên nghĩ mẹ vất vả khổ sở, mạng sống leo lét như ngọn đuốc trước gió đáng lo để sớm bề phụng dưỡng. Nếu chẳng tận tâm kiệt lực sẽ càng là đại nghịch bất đạo hơn những đứa con bất hiếu thông thường, chắc chắn sẽ nhanh chóng bị trời diệt!

Hiếu đạo há trọn hết được, quý ở chỗ kịp thời! Đừng để cho tháng ngày cha mẹ còn sống với ta ngắn dần, để rồi hối hận tâm ta chưa trọn hết. Đừng dốc sức lo cho con cái của chính mình ngày càng nhiều, để rồi lơ là cha mẹ, khiến cho cha mẹ ta thương tâm mất rồi! Cha mẹ đợi cho đến khi con có thể phụng dưỡng, nói chung là đã năm, sáu chục tuổi, ví như cầm cây đuốc ngắn mà đi đường dài, bươn bả đến quán trọ sợ còn chẳng kịp, há dám nhón nhơ trên đường ư? Kẻ làm con ôm vợ ấm con, ăn no ngủ kỹ, nào có biết người già trong nhà tóc bạc, mắt mờ lại bị mất đi một ngày? Vợ con hãy còn ít tuổi, ngày tháng hưởng dụng hãy còn dài, mà cha mẹ sanh ta bóng dâu sắp xế, dòng sông thời gian trôi mãi chẳng ngừng! Vạn nhất sẩy chân,

khó báo đáp chùng bằng mảy bụi, giọt nước! Lên trời xuống đất chẳng tìm được lối! Than thở suông nổi bi hoài “cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng”, đối trước gà lợn dưng cúng vong linh cha mẹ tuôn trào nước mắt, chẳng phải là di hận suốt đời ư? Vì thế, hằng ngày hãy nghĩ cha mẹ ân sâu khôn sánh, ta chẳng thể thường có cha mẹ, ắt hiếu tâm sẽ tự nhiên dấy khởi. Xưa kia, đã có người truy điệu cha mẹ đã khuất như sau: “*Huyền huyền bất hiếu khu, thốn thốn từ thân huyết. Ô điều chánh đa tình, bách niên không lệ kiệt*” (Tám thân bất hiếu đẹp xinh, mỗi tác đều do máu mẹ thành, chẳng thể báo đền như chim quạ, trăm năm khô cạn lệ suông thôi). Lời ấy bi thương thay! May mắn là còn chưa đến nông nỗi ấy, hãy nên mau hiếu dưỡng!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) đã nói: Ta thờ cha mẹ chẳng có gì hơn người khác, chỉ có thể chẳng khinh dối mà thôi. Thờ vua cũng thế! Có bốn điều đại cương về lòng hiếu: Lập đức, kế thừa gia nghiệp, giữ gìn thân thể, dưỡng chí. Trong những điều ấy, sẽ có điều chẳng trọn hết, cho nên thành ra mỗi người một khác. Điều cốt yếu là tùy phần, tùy sức, trọn hết những điều đáng nên trọn hết. Thật sự có một niềm chí thành, thực hiện những điều ấy suốt cả một đời cho đến khi nhắm mắt, chẳng có mảy may nuối tiếc thì cũng gần như đã trọn hết lòng hiếu vậy!

La Thị nói: Hiếu tử thờ song thân, chẳng thể khiến

cho cha mẹ ta sanh lòng lãnh đạm, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta sanh tâm phiền não, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta có tâm kinh hãi, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta sanh lòng sầu muộn, chẳng thể khiến cho cha mẹ có nỗi niềm khó nói, chẳng thể khiến cho cha mẹ ta có tâm xấu hổ, ân hận.

Vu Thiết Tiêu nói: Kẻ làm con phải hoàn toàn thấu hiểu tấm lòng kỳ vọng của cha mẹ đối với con. Tuy danh lợi trong thế gian, không phải là ai cũng ắt đều đạt được, nhưng kẻ đọc sách khắc khổ dùi mài, kẻ theo nghề nông bèn nỗ lực làm lụng vất vả, kẻ buôn bán, tận tâm kinh doanh, chuyên chở, hòng tấm thân có thể đạt tới địa vị sang giàu, khiến cho trong lòng cha mẹ thường nghĩ như mình là người được phong tặng, là người giàu có. Đấy cũng là bí quyết để dưỡng chí. Kẻ làm con mà khiến cho cha mẹ chẳng mong mọi điều gì, đau lòng lắm thay!

Ôn Tiết Hiếu²⁹² nói: Trong nhà có người bạc đầu chính là phúc của con cháu. Một là liên lạc với những bậc cố cựu, hai là được xóm làng tin phục, ba là con cháu vâng theo mạng lệnh, tôi tớ tuân theo quy củ, bốn là nói kể chuyện cũ của tổ tiên, làm bậc tiền bối

292 Ôn Tiết Hiếu tên thật là Ôn Hoàng, tên tự là Tiết Hiếu, người tỉnh Chiết Giang, đỗ tiến sĩ vào đời Sùng Trinh nhà Minh. Ông có biên soạn bộ Ôn Thị Mẫu Huấn (lời giáo huấn của mẹ trong nhà họ Ôn). Khi quân Mãn Thanh diệt nhà Minh, ông đã tự sát.

gương mẫu trong quận, ấp, năm là hòa giải thói mạnh bạo, nóng nảy của bọn trẻ tuổi, sáu là chăm chút những điều chi ly.

Trong bài Khuyên Hiếu Thiên của Vương Trung Thư có đoạn: Đời có kẻ bất hiếu, sống uống kiếp phù sanh, chẳng nghĩ ơn cha mẹ, sống nào khác cây khô? Khi thân chưa thành người, mười tháng trong bụng mẹ, khát bèn uống huyết mẹ, đói bèn ăn thịt mẹ. Khi thân con sắp sanh, thân mẹ như bị chém, cha vì mẹ đau xót, vợ khóc trước mặt chồng, chỉ sợ khi sanh nở, sẽ thành quyến thuộc quý. Đến khi thấy mặt con, mừng một mạng hầy còn. Do tấm lòng từ mẫu, ngày đêm siêng chăm bẵm. Mẹ nằm đệm, chiếu ướt, con ngủ mền đệm khô. Con đang ngủ yên ổn, mẹ chẳng dám duỗi người. Thân vùi trong xú uest, chẳng rảnh nghĩ tấm gôi. Trâm lệch, mũ đội ngược, hình dung chẳng đoái hoài. Đi lại sợ sụp hố, giở chân sợ té lăn. Bú mớm suốt ba năm, máu, mồ hôi mấy hộc? Vất vả muôn ngàn nỗi! Con vừa tuổi choai choai, tánh tình dần cứng cõi, hành tung khó câu thúc. Theo bạn bè rong chơi, mặc sức thỏa tửu sắc! Sáng tối chẳng về nhà, mẹ tựa cửa ngóng trông, từ hoàng hôn tới sáng. Con đi ngàn dặm đường, lòng mẹ ruỗi ngàn dặm. Con cưới được vợ đẹp, tình cá nước hòa hợp, thấy mặt mẹ như đất, thấy mặt vợ như ngọc! Nếu mẹ trách một lời, nén giận mắt đổ lửa! Nếu vợ chửi mọi cách, cười

mon chẳng thấy nhục. Mẹ mặc áo xống cũ, vợ khoác lụa là mới, chẳng ngại người ghét hiềm, chẳng hiểu người thẹn ghét. Nếu cha mẹ góa bụa, lẻ loi trong đêm trường. Khỏe thì cho bữa cơm, bệnh thì cho bữa cháo, bỏ lửng trong phòng trống, giống như khách ở trọ! Sắp thành quý suối vàng, mạng như đuốc trước gió, nhanh chóng sắp vô thường, cô hồn vùi hang núi, hồn linh chốn suối vàng. Ai nghĩ đang thọ khổ?²⁹³ Cha mẹ vừa nằm xuống, anh em chia của cải, chẳng nghĩ ân mẹ cha, chỉ nhủ ta có phước! Phải bảo hạng người ấy, chẳng bằng loài cầm thú! Quạ hiềm mớm ngược lại, dê núi còn khụy chân²⁹⁴. Khuyên người là phận con, kinh sách siêng tụng đọc. Hoàng Hương²⁹⁵ hè quạt chiếu, đông bèn giữ ấm chăn, Vương Tường nằm băng lạnh, Mạnh Tông²⁹⁶ khóc trúc khô. Quách

293 Nguyên văn “thùy niệm ung trất cốc” (ai nghĩ đến người đang hứng chịu công xiêng). Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Ý nói đứa con vô tâm chẳng nghĩ đến cha mẹ còn sống, phải ăn nhờ ở đậu con, giống như tù nhân đang chịu đựng mọi nỗi tù túng, hạn chế.

294 Đây là những tấm gương hiếu thảo được kể trong quyển Vật Do Như Thử, quạ biết mớm mồi cho cha mẹ già, dê khụy chân đỡ cho mẹ khỏi lăn xuống vực.

295 Hoàng Hương là người xứ An Lục, Giang Hạ, sống vào thời Đông Hán. Ông hết sức hiếu thuận, mồ côi mẹ khi mới vừa chín tuổi. Vào tiết hè, ông thường quạt cho chiếu mát lạnh để cha nằm ngủ thoải mái. Mùa đông khi cha sắp ngủ, ông ủ ấm chăn cho cha khỏi bị lạnh. Ông thông thạo kinh điển, có tài văn chương, làm quan đến chức Thượng thư lệnh.

296 Mạnh Tông là người xứ Giang Hạ ở Đông Ngô thời Tam Quốc, thờ mẹ hết sức hiếu thảo. Mẹ thích ăn măng, nhưng gặp tiết đông không có măng. Mạnh Tông bèn vào rừng trúc buồn khóc, hết sức thương tâm van nài trúc hãy cho măng. Trúc bỗng nẩy một giò măng to để ông cắt về nấu canh cho mẹ ăn.

Cự²⁹⁷ còn chôn con, Đinh Lan²⁹⁸ từng khắc gỗ. Có sao người thuở nay, chẳng học theo thói cổ, chớ mang đầu bất hiếu, sống uống trong nhà người; chớ dùng thân bất hiếu, mặc uống y phục người; chớ dùng mồm bất hiếu, ăn uống cả ngũ cốc! Đất trời tuy rộng lớn, chẳng dung phùng ngõ nghịch, hãy sớm hối lỗi trước, đừng chờ trời tru lục!

Bài Thân Ân Ca (bài ca về ân cha mẹ) của Đường tiên sinh như sau:

Nay ta chưa nói, lệ đã ướt đầm trước. Ân cha mẹ dưỡng dục khó thể báo đền! Đúng là đứt ruột khó thể thốt lời. Lòng đau như xé thừa cùng mọi người. Mẹ mang thai chịu đựng dập vùi, đủ mọi nỗi ma chướng khó thể chịu nổi! Đừng nói là sanh nở chẳng có tốt hay xấu, sống chết trong khoảnh khắc chẳng biết làm thế nào? Bụng nay đau nhói lòng hoảng hốt, gọi người cời bót y phục cho. Ngàn sống vạn chết nhiều khôn xiết,

297 Quách Cự là người xứ Lũng Lự thuộc Hà Nội thời Tây Hán. Nhà ông rất nghèo, thờ mẹ hết sức hiếu thuận. Khi ông dâng thức ăn lên mẹ, mẹ thường chia bớt cho cháu nội, tức là con của Quách Cự ăn. Do nhà nghèo, thức ăn thiếu thốn, ông sợ mẹ cứ nhịn cho cháu ăn sẽ bị đói, bèn bàn với vợ: “Vợ chồng ta còn có thể có đứa con khác, chứ mẹ mất rồi sẽ chẳng thể có lại được”. Tính đem con chôn đi. Khi đào đất, ông đào được hũ vàng, trên vàng có đề chữ “trời ban cho Quách Cự”.

298 Đinh Lan là người Hà Nội (ở phía Bắc Hoàng Hà), sống vào thời Đông Hán, mồ côi cha mẹ từ bé. Ông hết sức tưởng nhớ cha mẹ, bèn dùng gỗ khắc tượng cha mẹ, thờ phụng trên bàn thờ. Hễ đi đâu bèn vái chào xin phép đi. Lúc về bèn thưa bẩm “con đã về”, hỏi thăm cha mẹ có khỏe hay không.

chỉ cậy trời thần che chở cho! Sanh con máu đẫm, tâm hồi hộp. Hàm răng cắn chặt, mắt trợn ngược. Cho đến khi đã cắt nhau xong, lại phải ba hôm mới tỉnh người. Phân tiểu thường xuyên vấy khắp mình, tanh tưởi hôi dơ khó thể ngửi, lòng mẹ chẳng chút nào chán ghét, rửa giặt lấm phen thật nhọc nhằn. Nghe con thơ khóc một tiếng bèn xoay mình giơ tay bồng. Nghĩ ra khi con mới nửa năm hoặc tròn một tuổi, có bao giờ mẹ được ngủ tròn giấc? Ngày tháng Chạp tuyết rơi dày đặc, kê đầu áp má ôm con ngủ. Chỉ vì sữa để cho con bú, suốt đêm phanh ngực lộ ra ngoài. Nghe nói trẻ con sẽ lên đậu, mẹ lập tức sợ vàng cả mắt. Một khi con vừa chớm lên đậu, mẹ suốt ngày chẳng màng đến cơm nước. Dập đầu lễ bái thấp hương, suýt soa khăn vái Đậu nương nương. Nếu có thể kêu van động lòng Đậu nương nương, nào ngại lũng đầu chảy nã! May sao con đã tròn hai tuổi, có thể bám vào bàn ghế để tự đi. Chỉ lo con té sưng đầu mặt, bụng đầy một niềm lo ngay ngáy. Sanh phải đưa con tánh ngang ngược, mặc tình làm theo ý nó thích, thế mà cha mẹ quá yêu chiều, vẫn nói “con ta ngoan thế đấy!” Con nay tóc đã chấm ngang vai, chớp mắt là con đã trưởng thành. Lòng cha mẹ hết sức đau xót không buông bỏ được, vì con chẳng thể thường lẫn quần dưới gối. Tuy kiếm được một chút ruộng vườn, cha mẹ phải hứng chịu muôn ngàn vất vả, chẳng phải vì con trai thì cũng vì con gái, chính mình ăn xài được mấy đồng? Cha nhìn

mẹ, mẹ nhìn cha, vì sao suốt ngày má hóp, mặt vàng vọt? Chỉ vì con cái sắp kết hôn. Cau mày nhìn nhau trong một phòng. Từng ly từng tý đều là ân đức, ai có thể miêu tả đúng được nửa mảy? Giả sử bài thơ Liễu Nga có thể miêu tả được, thì cũng chỉ là phảng phất sáu bảy phần!

Bài Hiếu Thuận Ca như sau: “Khi mẹ mang thai mười tháng, bước chân cao thấp đều sợ tổn thương con. Con hãy nên suốt đời ghi nhớ ý ấy. Giữ thân chánh đáng, tôn trọng cha mẹ, chẳng thiếu sót hai điều ấy. Chữa trị cho con khi nó bị sốt hay cảm lạnh, hận chẳng thể moi móc tim gan! Nếu cha mẹ có điều phiền não, hãy nên tìm đủ mọi cách khiến cho cha mẹ vui lòng. Cha mẹ giận đến mức quý thân đều bị dọa sợ, vừa thấy con thơ mặt liền tươi cười. Kẻ làm con cũng phải nên thường giống như vậy. Đối với cha mẹ đừng mang một mảy sân hận nào! Ấm con dạy nói, bắt chước kiểu nói của con, con cười hay mắng cha mẹ đều khoan khoái. Mai sau ở trước cha mẹ nghe giáo huấn, dẫu bị đánh đập chẳng rên siết. Cha mẹ và con đừng sống tách riêng. Hãy xem thử xem quan chức xét án, giám định cha con bằng cách trích máu, cho nên chẳng đành sống khác nơi. Lúc con vừa cất tiếng khóc lọt lòng, anh em vốn là cùng một cội. Trời sanh cành lá hãy chống đỡ nhau. Nếu nghĩ đến chuyện chia cắt gia đình, đó chính là đã chối bỏ ơn cha mẹ vậy. Phú quý,

bần cùng là do chính bản thân ta [đã tạo nghiệp trong quá khứ], làm vương hầu hay làm kẻ tôi đòi, đều do cái nhân khác nhau. Khuyên chàng nghèo túng đừng trách hận song thân. Phú quý đừng quên người sanh ra mình. Thường chuyển tình cảm vợ chồng thấm thiết vào hiếu đạo. Khuyên chàng hãy hiểu rõ song thân là duy nhất. Chồng chết, vợ mất đều tái hôn được, cha mẹ mất rồi há tái sanh? Cha mẹ vốn giống như cây cối, sao khỏi trút lá trước gió thu? Khuyên chàng khi cha mẹ còn sống, hãy tận lực phụng dưỡng, cha mẹ mất rồi khóc lóc cũng như không! Kẻ làm con mang tấm thân bảy thước sống trên đời, suốt đời khó báo đền ơn song thân. Khuyên chàng hãy siêng năng vào dịp tang tế, thường đến bên đầu núi táo mộ.

Kim Thiếu Tung nói: “Xét ra, chuyện tang lễ cho tới nay đã suy đồi cùng cực! Chuyện gì cũng đều chẳng được như thuở xưa! Chuyện cưới gả trong vòng bảy thất càng chẳng hợp lẽ thường! Bạc quân tử thời cổ cư tang, ăn chẳng thấy ngon, nghe nhạc chẳng vui, chỗ ở dẫu tốt đẹp nhất vẫn cảm thấy không yên, cư tang suốt ba năm mà còn như vậy. Nay những kẻ nhẩn tâm, trái nghịch lý lại ngược ngạo toan tính cưới gả trong vòng bảy thất, bỏ nằm rom gối đất để dùng đệm cỏ²⁹⁹, thay

299 Nguyên văn “xả thiêm khối nhi quân điệm”. Thiêm (苫) là cái chiếu bện bằng rom hoặc ổ rom, khối (塊) tức là thổ khối, nghĩa là dùng đất nắn thành cái gối hoặc gối đầu lên cục đất, biểu thị ngu không yên giấc vì tưởng nhớ cha mẹ. Quân điệm (筭簟) là cái đệm bện bằng cỏ bồ, tương đối nằm thoải mái hơn

áo tang³⁰⁰ để khoác gấm thêu. Gạt bỏ niềm tang tóc cha mẹ để mưu tính sự vui vợ chồng, có hợp lẽ hay chăng? Có an tâm được chăng? Đứa con làm như thế đáng gọi là kẻ đại bất hiếu. Cha mẹ dạy con làm như thế chính là dạy con đại bất hiếu. Hơn nữa, trong lúc đang có chuyện hung mà cử hành chuyện cát, cả vợ lẫn chồng đều bất tường. Chẳng biết do kẻ nào đầu têu, đến nay đã thành thói quen, trở thành phong tục mất rồi! Thậm chí nhà thi lễ cũng có kẻ làm như thế, quả thật là tội nhân đối với Chu Công, Khổng Tử vậy! Hãy nên thống thiết dứt trừ!”

Trâm Long Giang nói: “Kẻ làm con thờ cha mẹ, không gì lớn bằng chuyện lo hậu sự. Nếu đối với chuyện này mà chẳng trọn hết tấm lòng thì còn có chuyện gì để có thể trọn hết tấm lòng nữa đây? Hiềm rằng anh em đông đảo, đùn đẩy lẫn nhau, do vậy qua quít cho xong chuyện, đến nỗi ôm hận về sau. Tôi trộm cho rằng, nếu kẻ làm con trưởng mà có thể tự một mình lo liệu, hãy nên coi đó là trách nhiệm của chính mình, chẳng cần phải sai phái những đứa con khác. Trong số các con, nếu ai có sức lo liệu, cũng nên

chiếu bện bằng rom. Cả câu này hàm ý người hiện thời dẫu cư tang vẫn chọn cách thức ăn ngủ an nhàn, thoải mái.

300 Nguyên văn là “trảm thời” (斬衰) là một loại áo tang may bằng vải xô (vải mùng), hoặc vải gai, không may mép và vắt gấu, để các mép vải lờm xờm. Theo cổ lễ, con trai và con gái chưa chồng, con dâu, cháu nội, vợ để tang cho chồng đều phải mặc tang phục theo lối trảm thời. Thời Tiên Tần, các chư hầu để tang thiên tử cũng như các quan để tang vua đều mặc theo lối trảm thời.

coi đó là nhiệm vụ chính mình, chẳng cần phải khăng khăng làm phiền con trưởng. Ai nấy tận tâm, tranh nhau dốc sức trước hết thì mới đúng phận làm con. Nếu có cái tâm trông mong người khác góp sức một phần, tức là trong cái tâm của chính mình đã có một phần chẳng thể tận tâm vậy!

Thời cổ, tang ma chú trọng đau buồn, người thời nay chẳng buồn! Thời cổ, tế lễ chủ yếu là cung kính, người thời nay bất kính. Cả hai đều là phi lễ, mà thất lễ trong tang ma lại càng quá đáng! Vì thế, đối với chuyện này, phải hết sức chú ý.

Ông Chu Tại Am nói: “Thời cổ, đại phu thì quản quan tài ba tháng, sĩ phu thì hơn một tháng. Vì thế, chưa chôn cất thì chẳng biến đổi y phục, thay đổi thức ăn, nhằm biểu thị lòng đau buồn vì cha mẹ chưa an nghỉ. Người thời nay bị mê hoặc bởi thuyết phong thủy, tham cầu cuộc đất tốt, nên cứ kéo dài lâu ngày không an táng. Có kẻ đã chôn rồi, lại do có lắm nỗi nghi ngại chôn nhầm cuộc đất xấu bèn lăm phen đào lên, chẳng nghĩ đến ý nghĩa chọn cuộc đất tốt của cổ nhân chỉ là vì con hiếu cháu thảo tôn trọng di thể của ông bà, cha mẹ, chẳng để cho di thể ấy bị gió và nước xâm phạm, chẳng bị trùng kiến đục khoét, chẳng bị cày bừa chạm đến, ngày sau chỗ mộ phần ấy không trở thành đường sá, không trở thành thành quách, ngòi ao như thế là được rồi. Há có phải là dùng hài cốt của

cha mẹ để làm công cụ tạo phước lợi cho con cháu ư? Vì thế, chẳng cần phải tham cầu Phong Thủy! Lại có kẻ lầm lạc vì cái thuyết phân phòng³⁰¹, khiến cho anh em bàn bạc nhiều lẽ, lần khân suốt năm. Đã chọn năm tháng, ngày giờ, lại ngờ núi³⁰² và nước bị lệch hướng. Tức là cha mẹ sanh nhiều hơn một đứa con, đâm ra sẽ tăng thêm một ngày hài cốt bị phơi bày vậy! Há có biết họa phước của con người, ai có nhân duyên nấy, liên quan gì đến núi và nước? Tức là chẳng cần phải chấp nhật chuyện phân phòng! Nếu cứ mê muội chấp trước chẳng tỉnh ngộ, hễ gặp phải lợi danh dẫn dắt, sẽ lần khân quàn linh cữu của cha mẹ nơi quê người, năm này qua năm kia, chẳng mong chi người đã khuất sẽ được an táng! Hoặc gặp phải lụt lội, hỏa tai, lại có nỗi lo lửa thiêu, nước trôi! Kẻ làm con há có thể an tâm ư? Lại có chuyện quàn xác chờ ngày tốt, muôn phần chớ nên để lâu ngày! Hễ để lâu, sẽ bị nước mưa thấm ướt, khí nóng nung nấu phía dưới, chưa an táng mà gỗ đã mục nát. Người nhân từ, con hiếu thảo, hãy nên thiết tha suy nghĩ!”

Người có hiếu thời cổ như Tăng Tử (Tăng Sâm)

301 Phân phòng (分房) là một thuyết của môn địa lý (chọn huyệt chôn cất) cho rằng tùy theo cuộc đất mà con cái sẽ bị ảnh hưởng khác nhau. Chẳng hạn cha mẹ có nhiều con thì chôn ở cuộc đất này sẽ khiến cho con trưởng được hưng vượng, nhưng người con thứ hai suy bại v.v...

302 Núi ở đây là thuật ngữ được dùng trong phong thủy để chỉ các gò, đống, hoặc khối đất nhô cao hơn mặt đất ở nơi chọn lựa để an táng, không phải là núi non.

hễ đọc thấy điều gì liên quan đến lễ, vạt áo ướt đẫm nước mắt, Mẫn Tử (Mẫn Tử Khiên) bằng một lời an lòng mẹ, Lão Lai³⁰³ mặc áo màu sắc sỡ, giỡn hót làm vui lòng mẹ, Hoa Bảo³⁰⁴ không làm lễ đội mũ, đau đớn khóc thương cha, Bá Du³⁰⁵ bị gậy đập bèn khóc thảm, Vương Bâu³⁰⁶ vịn cây bách khóc ai oán, Quách Bình ra sức làm thuê để có tiền chôn cất cha mẹ, Giang Cách làm mướn để nuôi mẹ. Ai nấy trọn đủ lòng chí tánh, chí tình, tạo khuôn mẫu lỗi lạc cho trăm đời, nay lại nêu tạm lược vài chuyện hồng bảo ban người đời để cùng xem biết.

303 Lão Lai (老萊) là một nho sĩ ẩn cư của nước Sở, sống vào cuối thời Xuân Thu, hết sức hiếu thuận. Tuổi đã bảy mươi vẫn mặc áo màu mè sắc sỡ, cười nói như đứa trẻ khiến cho cha mẹ bật cười.

304 Hoa Bảo là người xứ Vô Tích, sống vào thời nhà Tề của Nam Bắc Triều. Cha ông là Hoa Hào có trách nhiệm bảo vệ Trường An trong niên hiệu Nghĩa Hy của Tấn An Đế nhà Đông Tấn. Khi ấy, Hoa Bảo mới lên tám, cha ra đi, bảo Hoa Bảo: “Khi ta về sẽ làm lễ đội mũ cho con”. Về sau, Trường An bị vây hãm, Hoa Hào chết trận. Hoa Bảo đến tuổi bảy mươi vẫn không kết hôn, không làm lễ đội mũ. Hễ có người hỏi đến nguyên do, ông khóc lóc rất thương tâm.

305 Hàn Bá Du là người sống vào thời Tây Hán cũng rất hiếu thuận. Có một lần mẹ dùng gậy đập ông, ông khóc âm lên. Mẹ hỏi: “Trước kia ta đánh ngươi, ngươi đều không khóc, vì sao nay ngươi lại khóc?” Hàn Bá Du thưa: “Trước kia, con cảm thấy rất đau, biết là thân thể mẹ hãy còn khỏe mạnh. Nay con bị mẹ đánh mà cảm thấy không đau, cho thấy thân thể mẹ đã yếu, cho nên con đau lòng khóc lóc”.

306 Vương Bâu là người Doanh Lăng, tỉnh Sơn Đông, sống vào thời Tây Tấn. Ông học rộng, rất tài hoa. Do cha ông bị Tư Mã Chiêu làm hại, ông suốt đời chằng ngời ở phía Tây, biểu thị chằng thần phục nhà Tấn. Ông ẩn cư dạy học, hễ đọc đến câu “ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao” (thương thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn) bèn khóc lóc. Quanh mộ song thân của ông có mấy cây bách, mỗi lần đến viếng mộ, ông đều vịn cây bách khóc lóc bi thương. Lệ thấm vào lá khiến lá bách bị héo úa.

Hóa Thư³⁰⁷ nói: “Văn Xương Đế Quân giáng sanh tại Ngô Hội vào đầu thời Chu, thờ cha mẹ chí hiếu. Mẹ tuổi đã sáu mươi, mọc mụn nhọt lở loét ở lưng. Đế Quân bèn hút vết loét suốt ba ngày, máu mủ đầy miệng. Nhổ ra xem, thấy có màng như vải, mủ trắng như gạo, đấy chính là nguyên do gây nên vết loét vậy. Mẹ bèn được yên, nhưng do bệnh tật lâu ngày, mẹ bị gầy mòn. Thầy thuốc nói: “Đối với căn bệnh đã lâu này, hãy dùng thịt người để bổ người, dùng chân khí bồi bổ chân khí thì mới mong bình phục được”. Đế Quân ban đêm bèn khoét thịt nơi bắp đùi, nấu lên dâng mẹ. Bỗng nghe trong không trung có tiếng nói: “Do người thuần hiếu, thượng thiên cho mẹ người thọ thêm mười hai năm nữa”. Quả nhiên mẹ lành bệnh. Khi Đế Quân ba mươi sáu tuổi, cha mẹ mất, tự dốc hết tiền của đã dành dụm từ trước để lo liệu tang ma, ngủ bên cạnh mộ. Rốt cuộc, ba năm sau, lũ lụt bộc phát, Đế Quân trai giới canh mộ, ngày đêm tụng kinh Đại Động³⁰⁸ chẳng thiếu sót, và nghiêm cẩn thờ tượng

307 Hóa Thư (化書) chính là bộ sách Tử Đổng Đế Quân Hóa Thư, không rõ tác giả, xuất hiện vào thời Nguyên, chép về truyện ký của Văn Xương Đế Quân. Vào năm Diên Hựu thứ ba đời Nguyên Nhân Tông, nhà vua đã sắc phong Đế Quân danh hiệu Tử Đổng Thần Hiệu Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Vương Tư Lộc Hoảng Nhân Đế Quân. Theo sách ấy, Đế Quân đã nhiều lần giáng sanh trong nhân gian, như vào đầu đời Chu, ngài thị hiện làm quan chữa bệnh tên là Trương Thiện Huân. Thời Chu Tuyên Vương lại giáng sanh làm quan đại phu Trương Trung Từ, đầu đời Hán lại giáng sanh làm Hán Vương Như Ý v.v...

308 Kinh Đại Động là một bộ kinh của Đạo giáo, có tên gọi đầy đủ là Thượng Thanh Đại Động Chân Kinh Tam Thập Cửu Chương. Đây là kinh điển chủ yếu

Nguyên Thủy Thiên Tôn, cầu thoát khỏi lũ lụt. Tới khi nước rút, thấy khe hang trước mộ đã biến thành gò cao, rộng khoảng một dặm. Từ đấy, những cây tùng trồng quanh mộ vĩnh viễn không bị lụt lội nữa. Sau khi mất, Thượng đế sai Đế Quân cai quản Quân Sơn. Về sau, Đế Quân lại sanh trong nhà họ Trương, phụng sự Chu Tuyên Vương, kết bạn với Doãn Cát Phủ, tình bạn ấy được kinh Thi gọi là “Trương Trọng hiếu hữu”. Nay kẻ sĩ hằng ngày thờ phụng Văn Xương, chẳng biết Đế Quân sở dĩ đạt thành chánh quả toàn là do lòng hiếu hữu! Vì thế, sao lục sự tích của ngài đầu tiên để dạy bậc quân tử đọc sách”.

Đời Tống, cha mẹ của Triệu Cư Tiên tuổi đã ngoài chín mươi. Tánh tình Cư Tiên rất nghiêm túc, cẩn trọng. Vợ chồng Cư Tiên phụng dưỡng song thân siêng năng, cẩn trọng, dốc lòng hiếu hạnh. Hằng ngày thấp nhang cầu xin cha mẹ khỏe mạnh, tìm đủ mọi cách khiến cho cha mẹ vui vẻ trong lúc xế bóng mới thôi! Thượng đế thấy tâm ý ông chuyên nhất, thưởng cho ông bảy con trai, ba rể đều đỗ đạt cao. Vợ chồng Cư Tiên đều chứng quả thành tiên.

Dương Phủ ở Thái Hòa³⁰⁹, từ biệt mẹ vào đất Thục

của phái Thượng Thanh trong Đạo giáo, được tôn là kinh đứng đầu trong các kinh thuộc hệ thống Thượng Thanh.

309 Thái Hòa là tên một huyện thuộc thành phố Đại Lý, tỉnh Vân Nam.

(Tứ Xuyên) để đến bái phỏng Vô Tế Đại Sĩ³¹⁰. Trên đường đi, gặp một vị lão tăng, hỏi Dương Phủ đi đâu, thưa: “Con đến bái phỏng ngài Vô Tế”. Vị tăng bảo: “Chẳng bằng thấy Phật”. Thưa: “Ở đâu ạ?” Vị tăng bảo: “Ngươi hãy quay về, thấy ai mang dép ngược, mặc áo màu như thế đó, vị ấy chính là Phật”. Ông bèn quay về. Đêm khuya gõ cửa, mẹ mừng rỡ khoác áo, đi ngược dép ra cửa, đấy chính là hình dạng đức Phật như vị tăng đã nói. Dương Phủ kinh ngạc, ngộ ra! Từ đó, dốc cạn sức kính mẹ, chú giải Hiếu Kinh đến mấy vạn chữ, hễ nghiên mực sắp cạn, nước mực bỗng tràn đầy, ai cũng nói là do lòng hiếu cảm vời.

Phật Di-lặc nói: “Trong nhà có hai vị Phật, bực thay người đời chẳng biết. Hai vị Phật ấy chẳng dùng vàng lấp lánh sơn thếp, cũng chẳng do chiêm-đàn khắc thành. Song thân nay hãy còn sống, chính là Thích-ca, Di-lặc. Nếu có thể thành kính đối với cha mẹ, cần gì phải mong cầu công đức nào khác”.

Mạo Khởi Tông nói: “Bậc cao nhân danh sĩ thời Lục Triều tín ngưỡng Hiếu Kinh, hoặc là tuân táng, hoặc siêu độ vong linh, hoặc bị bệnh tụng Hiếu Kinh bèn được lành, gặp tranh chấp bèn tụng niệm mà được giải trừ, có người đang tụng kinh bỗng gặp hỏa hoạn cứ nghiêm nhiên tụng tiếp lửa bèn tắt. Có sự thần hiệu

310 Vô Tế Đại Sĩ chính là cao tăng Vô Tế Thiên Sư sống vào đời Minh, tác giả của bộ Đạo Lâm Lục được lưu truyền trong cõi đời.

chẳng thể nghĩ bàn như thế! Vì vậy, Hoàng Khản hằng ngày tụng Hiếu Kinh hai mươi lượt, phỏng theo cách tụng đọc kinh Quán Âm (phẩm Phổ Môn). Than ôi! Bỏ vị Phật hiện tại để cầu vị Phật quá khứ hiển linh, tức là trái nghịch cái tâm vậy. Chẳng niệm Hiếu Kinh, chỉ cầu may được phước nơi các kinh khác, thần sẽ chán ghét!”

Kinh Bảo Tạng dạy: “Phụng sự hiếu thảo đối với cha mẹ, tức là Thiên Chúa Đế Thích ở trong nhà người. Hiếu dưỡng cha mẹ, Đại Phạm tôn thiên ở trong nhà người. Hiếu kính cha mẹ, Thích-ca Văn Phật ở trong nhà người. Vì thế, Thiểm-ma Bồ-tát³¹¹ khoét mắt cứu mẹ, bệnh trầm kha lành ngay trong một ngày. Từ Tâm đồng tử phát nguyện chịu khổ thay cho các chúng sanh trong địa ngục, vâng lửa tiêu tan ngay trong khoảnh khắc. Hạnh tột cùng động lòng trời, lòng chân thành cảm Phật, từ xưa đều luôn là như vậy! Ai nấy hãy nên dốc lòng tin tưởng. Theo giáo huấn của nhà Phật, chính mình tuân thủ, vâng theo giới luật, khắc khổ tu hành. Lại còn có thể hướng dẫn song thân trai giới, niệm Phật

311 Theo kinh Bảo Tạng, xưa kia có một vị trưởng giả hai vợ chồng đều bị mù, vào trong núi cầu đạo. Khi ấy, có một vị Bồ-tát tên là Nhất Thiết Diệu Kiến sanh lòng thương xót, bèn đầu thai làm con, được họ đặt tên là Thiểm-ma. Thiểm-ma chỉ hiếu nhân từ, khi tròn mười tuổi, theo cha mẹ vào núi để phụng sự. Thiểm-ma mặc áo da hươu, vác bình lấy nước. Khi ấy quốc vương là Ca-di vào núi săn bắn, ngỡ là hươu, giương cung bắn trúng Thiểm-ma. Cặp vợ chồng ngửa mặt kêu trời: “Thiểm-ma chỉ hiếu, trời biết cho, ắt sẽ giúp Thiểm-ma sống lại”. Do vậy, Thích Phạm Tứ Thiên giáng xuống trước Thiểm-ma, đổ thuốc vào miệng rồi nhỏ mũi tên ra, thế là Thiểm-ma sống lại. Cha mẹ kinh ngạc, mừng rỡ, hai mắt sáng lại.

thì mới hợp với giáo chỉ của Như Lai, tổ tiên chín đời được sanh lên thiên đường. Người nương theo Đạo giáo cũng phải nên làm như thế. Nay kẻ tục đạo, tục tăng chẳng thể như vậy, cứ nói: “Ta xuất gia là đã độ cha mẹ rồi”, đúng là tự dối mình!”

Thôi Miện tánh rất hiếu thảo. Mẹ bị mù, ông bèn đốc cạn gia sản để chữa trị, chẳng coi mữ, chẳng tháo đai để hầu hạ mẹ suốt ba mươi năm. Mỗi khi có chỗ phong cảnh đẹp đẽ, hoặc dịp tốt lành, ắt sẽ dắt dìu mẹ đến tham dự ăn uống, cười nói để mẹ quên nỗi khổ sở. Mẹ mất, ông tiêu tụy hộc máu, ăn chay suốt đời. Yêu mến anh chị gần như mẹ, thương yêu các cháu còn hơn con ruột. Hễ có bổng lộc ắt sẽ chia sẻ, bảo: “Ta đã buồn vì cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, không thể nào biểu lộ lòng hiếu của ta. Xét ra, mẹ nghĩ nhớ chỉ có bốn năm người này, đều phải đối xử nồng hậu với họ, ngõ hầu an ủi lòng mẹ nơi chín suối”. Về sau, ông làm quan đến chức Trung thư Thị lang. Con ông là Hữu Phủ là một vị Tể tướng hiền lương. Ôi! Ông Thôi là hiếu tử thật sự. Mẹ còn sống bèn tận hết sức làm vui lòng mẹ, mẹ đã khuất bèn dưỡng chí. Đời có kẻ thuộc hạng phú quý nhưng đối đãi với ruột thịt như kẻ qua đường, tệ bạc với các cậu như khách lạ! Đọc đến đây, ai mà chẳng toát mồ hôi, cảm hóa?

Lữ Thăng mất mẹ từ bé, thờ bố đã trăm tuổi hết sức hiếu thảo. Tuổi bố càng cao, tiêu tiểu không kiểm

soát được, Lữ Thăng bèn ngủ chung với bố để hầu hạ, chiều ý bố cẩn thận. Mỗi đêm thức dậy bốn năm lượt [để nâng đỡ bố đi vệ sinh]. Gặp lúc chiến tranh ông công bố vào núi. Giặc cảm động trước lòng hiếu thảo của ông nên ông giữ tròn mạng sống. Bố thích ăn trái hạnh ngọt nhưng bị hàng xóm đoạt mất. Lữ Thăng viết sớ cầu thần, thần liền khiến cho gã hàng xóm cậy thế bị mọc nhọt ở lưng. Thần bảo hẩn mau trả lại quả hạnh cho đứa con hiếu thảo thì mới được lành bệnh!

Lại như Quách Tông mất cha, chỉ còn mẹ, thường than thở tưởng nhớ ơn mệnh mông của cha mẹ. Suốt ba mươi năm chẳng dùng rượu thịt, sớm chiều kiên thành cầu đảo. Mẹ thọ một trăm lẻ bốn tuổi, tai mắt chẳng suy, ăn uống càng khỏe mạnh.

Dương Ất đi xin ăn để phụng dưỡng cha mẹ. Hễ xin được thức ăn, dầu rất đói nhưng chẳng dám nếm, ắt dâng lên cha mẹ trước. Hễ có được thức ăn ngon ắt quỳ dâng lên. Ông nhảy nhót, múa may, hát những bài son ca³¹² để đẹp lòng cha mẹ. Suốt mười năm như vậy, người trong làng cảm động trước lòng hiếu thảo ấy bèn cho tiền, thuê ông làm việc. Ông chẳng nhận, thưa: “Chẳng thể lìa khỏi cha mẹ một ngày!” Song thân đều chết, ông xin được quan tài, cởi áo của chính mình để làm vải liệm, dầu rét buốt cầm cầm, để mình trần chẳng quản!

312 Son ca là những khúc hát của dân miền núi.

Ông chôn cha mẹ ngoài đồng, ngày đêm gào khóc buồn bã, cúng tế hằng năm chưa từng thiếu sót!

Đời Đường, Lý Huýnh Tú tánh chí hiếu. Mẹ thuở trẻ xuất thân nghèo khó thấp hèn, vợ ông có lần mắng là kẻ nô tỳ. Mẹ bị xúc phạm, chẳng vui lòng. Ông liền bỏ mẹ vợ ấy. Có người hỏi, ông đáp: “Cưới vợ là vì muốn vợ hầu hạ mẹ chồng. Nếu ả ta khiến cho mẹ buồn bực thì giữ lại để làm gì?” Lòng hiếu cảm động lòng trời, trong nhà mọc nấm linh chi. Đường Trung Tông khen thưởng gia đình ông.

Cố Hùng nhà nghèo, phải ngồi dạy học tại nhà người khác. Tiền lương mỗi năm đều dâng lên cha, cha thường lãng phí. Chủ nhà thương ông nghèo, tặng tiền lương cả năm cho ông, bảo: “Cụ nhà không biết, ông có thể tậu ruộng để làm kế thu nhập cho vụ thu”. Cố Hùng đáp: “Tôi há nổi lòng vì mấy thạch gạo mà thay đổi hiếu tâm thường nhật ư?” Ông đưa trọn món tiền ấy cho cha. Ông sanh con có tên là Tế Minh, tuổi còn thiếu niên đã đỗ đạt.

Lý Quỳnh cưới vợ đã có con, liền chuyển vào sống cùng chỗ với mẹ. Mỗi đêm Lý Quỳnh thường phải thức dậy mười mấy lượt để nâng đỡ mẹ. Mẹ nói: “Con mấy năm nay đã yếu rồi, hãy nên thuê tớ gái hầu mẹ”. Lý Quỳnh thưa: “Đối với những gì mẹ cần, nếu con không đích thân làm, trong tâm cảm thấy như mất mát”. Do

vậy mẹ chẳng ép, vì thế người nhà chẳng có ai dám lười biếng.

Đời Hán, Tào Nga ở Thượng Ngu, cha là Tào Hu làm nghề thầy cúng. Ngày mồng 5 tháng 5, Tào Hu làm lễ đón thần bên sông bị ngã xuống nước chết đuối. Khi ấy Tào Nga mười bốn tuổi, tìm xác cha không được, khóc lóc dọc bờ sông suốt bảy ngày đêm, sau đó nhảy xuống sông, tới ngày thứ năm công xác cha nổi lên mặt sông. Quan lệnh doãn Thượng Ngu là Độ Thượng tâu trình chuyện ấy. Nhằm biểu dương người con gái hiếu thảo, bèn lập miếu thờ bên sông, cho đến nay vẫn được cúng tế.

Đời Tống, vợ của Ngô Hiếu góa chồng từ trẻ, không có con, thờ mẹ chồng chí hiếu. Mẹ chồng đã già, lại bị đau mắt, nghĩ bà Ngô cô đơn, muốn kiếm một đứa con nuôi. Bà Ngô khóc thưa: “Gái trinh liệt chẳng thờ hai chồng! Vợ dốc hết sức hầu hạ mẹ chồng”. Bà Ngô se gai bện sợi cho làng nước, hễ được tiền bèn dùng để nuôi mẹ chồng. Nếu có món ăn ngon, ắt sẽ gói ôm về cho mẹ chồng dùng. Đã có một lần, bà Ngô nấu cơm chưa chín, do bà cụ hàng xóm gọi bèn ra ngoài. Mẹ chồng cho là cơm quá chín bèn lấy ra đựng trong chậu. Do chẳng nhìn thấy, cụ đổ lầm vào cái thùng đựng đồ như uest. Bà Ngô về đến nhà chẳng nói gì, vội sang nhà hàng xóm vay cơm cho mẹ ăn. Sau đấy, bà kéo nước, gột sạch cơm bán mấy lượt rồi hấp lên tự ăn. Một hôm,

bỗng mộng thấy có hai đứa trẻ mặc áo xanh (tiên đồng) cưỡi mây đến, tay cầm công văn nói: “Thượng đế triệu kiến”, dẫn bà vào triều kiến. Thượng đế nói: “Ngươi là một người nữ ở làng quê, có thể phụng sự mẹ chồng đã già, chịu thương chịu khó, tận tâm. Đúng là đáng trọng! Thưởng cho ngươi một ngàn đồng để có tiền ăn, từ nay chẳng cần phải làm mướn nữa”. Thượng đế sai hai tiên đồng đưa bà Ngô về. Bà tỉnh giấc, quả nhiên thấy đầu giường có món tiền một ngàn đồng. Từ đó, hễ dùng hết lại có một ngàn đồng khác, liên miên chẳng ngừng!

Khâu Đạc chôn mẹ ở chỗ khoảng khoát trên núi Phụng Minh, khóc kể: “Suốt đời Đạc chẳng lìa khỏi gối mẹ chùng gang tấc. Nay mẹ đã qua đời, đành phải gởi thể phách nơi gò hoang không người”, bèn dựng lều tranh bên mộ, sớm chiều dâng thức ăn như khi còn sống. Trong đêm lạnh không trăng, gió thảm thổi ù ù, Khâu Đạc sợ mẹ quạnh quẽ liền đi rảo quanh mộ khóc lóc ai oán: “Đạc ở đây!” Vùng ấy có nhiều cọp, nghe tiếng khóc của ông Đạc bèn tránh đi, người ta xưng tụng ông là hiếu tử thật sự.

Vào đời Minh, Ngô Chương mồ côi cha từ bé. Khi lên mười, mẹ là Lục Thị trong niên hiệu Vĩnh Lạc vâng theo lệnh tuyển vào cung. Mẹ theo thân vương (Hoài Tĩnh Vương Chu Chiêm) đến đất phong ở Thiều Châu, Quảng Đông. Ngô Chương nghe tin cảm thán, tuôn trào nước mắt rồi bỏ nhà tìm mẹ. Trong thuyền, Ngô

Chương bày tượng Quán Âm để lễ bái, cầu gặp được mẹ. Thành tâm khẩn thiết, cất tiếng khóc thê thảm. Giữa đường, ông mắc bệnh ly, ngày đêm đi ngoài cả trăm lượt. Trong khi đã mê mệt mà miệng vẫn gọi mẹ không thôi. Đến Thiều Châu, mới biết tin mẹ lại theo thân vương đổi sang đất phong ở Giang Tây, ông bèn theo đường bộ qua Nhiêu Châu. Do ruối rong trên cát đá, hai chân đều sưng phù, nằm gục ngoài đồng. Có một vị đạo nhân tự nói họ là Tiêu, lấy thuốc thoa cho, Ngô Chương lập tức khỏi. Qua núi, Ngô Chương bị một con rắn đen mổ trúng chân, ngã lăn xuống đất. Lại thấy Tiêu đạo nhân tìm đến bôi thuốc cho, đau đớn hết sạch. Ông nghỉ đêm tại cô thôn, chưa đến sáng đã đi, gặp trận tuyết lớn nên phải trú tại ngôi miếu cổ. Bỗng lại thấy Tiêu đạo nhân đến, phủ dụ rằng: “Vì mẹ quên thân dường ấy, đúng là người có ý chí cương quyết”. Lấy bánh cho ăn, ăn xong Ngô Chương nhanh chóng quên mất đói lạnh. Tới Nhiêu Châu, hỏi thăm, mới biết mẹ ở trong vương phủ, bèn dâng thư xin gặp, chẳng được chấp thuận. Ông bèn thuê một phòng trong phủ, chính giữa viết chữ to “Tu Thân” (nhớ mẹ). Bên cạnh đó viết: “Muôn dặm tìm mẹ, trải trăm nỗi gian nan chẳng hối hận. Một mai được thấy mẹ, thề chết chín lần nào ngại?” Về sau, cầu thỉnh được bèn vào cung gặp mẹ ở nơi dưỡng bệnh. Bệnh tình mẹ đã nguy ngập, hôn mê chẳng nhận biết con. Ngô Chương thấp nhang cầu trời, cắt bắp đùi nấu cháo dâng mẹ. Mẹ dần dần tỉnh lại, ôm

con đau đớn khóc ròng. Thân vương nghe chuyện, biết ông Chương là người hiền, vội đến ban vàng lụa, sai đưa mẹ về. Về sau, con Ngô Chương là Hồng, cháu là Sơn, đều làm quan đến chức Hình bộ Thượng thư. Cho đến nay con cháu ông Ngô đỗ đạt chẳng dứt.

Lưu Tuân Trục vào thuở để chỏm, cha mẹ đều mất, khóc lóc bi thương gần đứt hơi. Gắng gỏi chuyên tâm học hành, đọc sách tới nửa đêm. Có một đêm, người chú nghe Tuân Trục khóc lóc hết sức ai oán bèn hỏi nguyên nhân. Ông thưa: “Cháu đọc truyện Mã Châu, tới chỗ sách chép ông ta mất cha mẹ từ bé, không cách nào thể hiện lòng khuyến mã phụng dưỡng³¹³, bèn buồn bã cảm thương không thể tự ngăn được!” Chú cũng lắc đầu thở dài. Sau này, Lưu Tuân Trục thi đỗ.

Thời Hán Vũ Đế, Trương Thang và Đỗ Châu đều là hạng quan lại tàn khốc, nhưng con của hai người ấy lại hết sức công bằng, khoan dung. [Trong khi soạn bộ sử Hán Thư], trong phần Khốc Lại (酷吏, quan lại tàn khốc), sử gia Ban Cố đặc biệt tỏ ra khoan dung đối với họ Trương, họ Đỗ là vì con của họ vậy. Con của Trương Thang là Trương An Thế, làm quan suốt ba mươi năm, trung tín, cẩn thận, đôn hậu, siêng năng lo

313 Từ ngữ này phát xuất từ thiên Vi Chánh trong sách Luận Ngữ: “Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính, hà dĩ biệt hồ?” (Nay cứ cho con phụng dưỡng cha mẹ là hiếu, nhưng chó, ngựa cũng đều có thể nuôi đấy thôi! [Nuôi cha mẹ] mà chẳng kính thì có khác gì [nuôi chó, ngựa] đâu?)

việc quan, ẩn giấu khuyết điểm của người khác, chú trọng khoan hồng. Con Đỗ Châu là Diên Niên, phụng tá Hoắc Quang. Hoắc Quang vận dụng pháp luật rất nghiêm, Diên Niên làm phụng tá lại khoan hồng. Thấy sau khi Văn Đế bị hao hụt quốc khố, đã nhiều lượt thưa với Hoắc Quang, *“hãy nên cai trị như thời Hiếu Văn, tiết kiệm, khoan dung, hòa hoãn, lòng thuận lòng trời, đẹp ý dân”*. Hoắc Quang nghe theo lời ấy. Về sau, An Thế làm quan tới chức Đại tướng quân, được phong là Phú Bình Hầu, con cháu nối tiếp nhau kế thừa tước vị. Chắt là Thuần lại làm Đại tư không. Diên Niên do công tôn lập thiên tử, được phong tước hầu, lại làm Ngự sử đại phu. Con ông ta là Hoãn cũng kế thừa tước hầu. Lễ Ký nói: *“Phanh thực tiến hình, thường nhi trí chi, phi hiếu dã, dưỡng dã. Quân tử chi sở vị hiếu giả, quốc nhân giai viết, hạnh tai”* (Nấu chín, dâng hiến đồ ăn thơm ngon, ném trước rồi mới dâng lên đó chẳng phải là hiếu, chỉ là dưỡng mà thôi. Bậc quân tử được khen là người có hiếu, người trong nước đều mừng rỡ bảo: “May mắn thay!”). Có con như thế, có thể nói là hiếu vậy! Dám dùng những điều này để khuyên mọi người hãy kính trọng cha mẹ, che giấu những lỗi lầm của cha mẹ.

Đời Tống, Hàn Trung Ngạn là con của Hàn Kỳ. Hàn Kỳ tận trung, không có ý riêng tư. Trung Ngạn làm Tể tướng, trừ bỏ nạn thuế khóa hao hụt, phục hồi chức vị cho những người bị lưu đày, thu nhận sử dụng

những bậc danh hiền. Đặng Tuân Vũ nói: “Trung Ngạn có thể kế thừa chí cha”.

Lại nữa, Phạm Thuần Nhân là con của Phạm Trọng Yêm. Trọng Yêm coi thiên hạ là trách nhiệm của chính mình. Thuần Nhân làm tri phủ Khánh Châu, do kêu oan cho người khác mà bị bắt giam. Lúc ông bị giải đi, mấy vạn người chặn ngựa khóc lóc. Ông làm quan từ *Gián nghị xu mật* thăng lên Tế tướng, ba lần bị bãi chức, ba lần phục chức. Ông lấy khoan dung, rộng rãi làm phẩm đức chánh yếu, chẳng ghi sâu tội lỗi của người khác. Khi đã bệnh nặng, vẫn cố gắng biện giải chuyện Tuyên Nhân³¹⁴ bị vu cáo, gièm báng. Ông mất đi, có thụy hiệu là Trung Tuyên. Vua đích thân viết lên bia: “*Cứu Đời, Trung Trục*” hòng tỏ rõ ân vua sủng ái.

Hai vị này có thể thừa kế chí của người đời trước như vậy đó! Lại thấy những kẻ giấu điều ác, bắt tài, làm nhục lây tổ tiên, sẽ biết chính mình phải nên làm

314 Tuyên Nhân là hoàng hậu của Tống Anh Tông. Về sau, được tôn là Tuyên Nhân Liệt Thánh Thái Hoàng Thái Hậu. Bà họ Cao, tên là Thao Thao, là mẹ của Tống Thần Tông (Triệu Húc), bà nội của Tống Triết Tông (Triệu Hú) và Tống Huy Tông (Triệu Cát). Bà kịch liệt phản đối các biện pháp của Vương An Thạch, trọng dụng phe Tư Mã Quang. Bà được ca ngợi có tài chấp chánh, giúp cháu là Tống Triết Tông cai trị. Các sứ gia đánh giá bà uyên bác, anh minh, nghiêm chỉnh chấp hành lễ pháp, giúp cho thời kỳ đầu cai trị của Tống Triết Tông khá thịnh trị. Do vậy, bà được tôn là Nữ Trung Nghiêu Thuấn. Sau khi bà mất, những kẻ căm ghét bà đã bôi bác, tìm mọi cách bêu xấu bà. Chuyện bôi xấu này cũng do Tống Triết Tông chỉ đạo vì nhà vua vốn đã ham chơi, thích hưởng lạc, lại luôn bị bà nội gò ép vào kỷ cương, cho nên ngấm ngấm ôm lòng oán hận!

như thế nào? Vì thế, sách Lễ Ký viết: “*Phụ mẫu tuy một, tương vi thiện, tư di phụ mẫu lệnh danh, tất quả. Tương vi ác, tư di phụ mẫu tu nhục, tất bất quả*” (Tuy cha mẹ đã mất, làm lành để tạo tiếng thơm cho cha mẹ, ắt sẽ làm được. Toan làm ác khiến cho cha mẹ xấu hổ, nhục nhã, ắt sẽ chẳng được). Lại nói: “*Phụ mẫu một, thận hành kỳ thân, bất di phụ mẫu ác danh, khả vị năng chung hỹ*” (Cha mẹ đã mất, hành xử thận trọng, chẳng gieo tiếng ác cho cha mẹ, có thể gọi là người trọn vẹn vậy). Có thể thấy, bất luận cha mẹ còn hay mất, chỉ giữ tấm lòng lành thì là hiếu. Nếu cha mẹ chẳng còn, vẫn có thể dốc lòng hiếu từ chỗ này. Nếu làm chuyện sai quấy, khiến cho cha mẹ bị nhục nhã, bị người khác ghét bỏ tức là đại bất hiếu.

Đời Minh, Dương Sĩ Kỳ là nguyên lão bốn triều, được quốc gia hết sức ưu đãi, nhưng con ông là Tắc cậ thế làm ác. Sĩ Kỳ nuông chiều con quá mức, chẳng biết. Tới khi những kẻ bị hại đua nhau tâu lên triều đình danh sách những người đã bị hấn sát hại và những chuyện ác của hấn đến mấy chục điều, vua mới giao vụ án này cho pháp ty, lại còn hạ chiếu chỉ đặc biệt an ủi Sĩ Kỳ: “Con của khanh đã trái nghịch gia huấn, phạm đến kỷ cương của quốc gia, trẫm chẳng dám có lòng riêng tư, khanh hãy nên xử sự đúng lẽ”. Sĩ Kỳ bất đắc dĩ, luận tội xử trảm Dương Tắc. Do vậy, thanh danh bị tổn hại to lớn. Ôi! Sĩ Kỳ là nho sĩ cầm quyền cai quản đất

nước, Dương Tắc là con trai của Tế tướng bị chém đầu ngoài chợ, bại hoại danh tiếng gia đình, khiến cho cha mẹ xấu hổ, nhục nhã, đã chết rồi vẫn còn nợ. Những con cháu nhà sang cả kiêu căng, cậy thế lực của cha mà hoành hành, trông thấy chuyện này lẽ nào chẳng sợ ư?

Trình Ác Tử là người xứ Thuận Nghĩa, có một đứa con trai hết sức nuông chiều. Tánh họ Trình hung hăng, chẳng tôn trọng mẹ. Mẹ đã già, thường bị đánh chửi. Một hôm, mẹ ẵm cháu lỡ làm rơi xuống đất, khiến đứa cháu bị sứt trán. Ác Tử trở về, tưởng mẹ hại con mình, cáu giận chửi bới dữ dội. Mẹ sợ hãi chạy sang nhà con gái, lánh mặt mấy ngày. Hấn chẳng nguôi giận, bèn giấu dao bén sang đón mẹ, hấn nói: “Cháu bé đã lành hãy mau trở về”. Mẹ theo về, đến chỗ vắng giữa đường, hấn rút dao đâm ruột mẹ, nào ngờ dao tự đâm vào hông hấn, đổ ruột ra. Chẳng biết vì sao dao lại quay ngược như thế! Xác hấn chôn nhiều lần mà cứ bị lộ ra, quạ và chó ăn sạch chẳng còn!

Trương Nghĩa mỗi ngày đều sám hối tội lỗi với trời, bỗng bị bắt xuống âm phủ, được Diêm vương cho coi sổ đen. Những tội ác trong ấy đều đã trừ sạch, chỉ còn sót một chuyện. Chính là khi Trương Nghĩa còn trẻ, do bị cha quở trách bèn cáu giận trợn mắt nhìn cha. Do vậy mới biết cái tội bất hiếu chẳng thể sám hối!

La Củng vào trường Thái học, trước mỗi kỳ thi

đều cầu đảo, đêm mộng thấy thần bảo: “Ngươi đã đắc tội với cõi âm, hãy mau trở về”. La Củng van nài hỏi nguyên do, thần bảo: “Ngươi không chôn cất cha mẹ”. La Củng thưa: “Tôi còn có anh, cứ sao riêng mình tôi mắc tội?” Thần bảo: “Ngươi là nho sĩ, biết rõ lễ nghĩa. Anh ngươi không hiểu biết, chẳng đáng trách phạt”. Quả nhiên La Củng chết trong năm ấy!

Khổng Tử soạn Hiếu Kinh, mỗi tối ắt búi tóc gọn ghẽ, dùng một chiếc bút xanh nhạt làm trâm cài, mặc áo đơn sắc đỏ, hương về sao Bắc Cực, cúi mình trầm ngâm hồi lâu rồi mới lạy xuống. Tăng Tử ôm Hà Đồ Lạc Thư, bảy mươi hai đồ đệ đều hành lễ theo ngài. Đại khái là có sự cầu khẩn như thế. Đến khi soạn kinh Xuân Thu cũng lại như thế. Một tối, bỗng có một tia hắc khí từ sao Bắc Đẩu xẹt xuống, chiếu thẳng trước án. Mở ra, chính là ý chỉ nhỏ nhiệm từ cõi trời, mong mỗi Khổng Tử tròn đủ tâm lượng rộng khắp để biên soạn Hiếu Kinh hòng làm chuẩn mực tốt cùng đến muôn đời cho nhân luân. Hiếu Kinh gồm mười tám thiên, phơi bày cặn kẽ trọn hết đạo phụng sự cha mẹ của người làm con. Đó gọi là “trong cuộc sống, ăn uống hàng ngày chẳng thể lìa khỏi đạo hiếu đầu khoảnh khắc”. Kẻ học Nho trong cõi đời há có thể nại có Hiếu Kinh chưa được xếp vào những sách cần phải học để thi cử mà bỏ qua sách này, chẳng nhắc tới ư? Nay luận về hiếu thì phải quy về cội gốc nơi Phu Tử, sẽ suy ra ý định soạn Hiếu Kinh

của ngài. Ấy là vì ngài hằng ngày mong mọi những nhà Nho sẽ dốc hết sức thực hành hòng giúp sức tuyên dương sự giáo hóa của thánh hiền, khiến cho thói tục được tốt đẹp hơn. Dụng tâm hết sức khổ sở, thiết tha tột bậc vậy thay!



CẢM ỨNG THIỆM VÙNG BIÊN

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Đức Phong - Huệ Trang

[PHẦN II]

THÁI THƯỢNG
CẢM ỨNG THIÊN
CHÚ GIẢNG
CHỨNG ÁN VỤNG BIÊN

【 Phần II 】



Hữu ễ.

友悌。

Thuận thảo với anh em.

Hiếu và ễ vốn là một, nay lại nói chuyên biệt, hòng muốn cho mọi người sẽ tùy theo từng sự mà trọn hết bốn phận vậy. Anh hòa thuận, yêu thương, đáng kính; em thì kính thuận, nể sợ anh, hòa hợp. Anh em là

những người có cùng khí chất với thân ta, chỉ có mấy người này là những người thân thiết khó có nhất trong một đời người. Nhìn từ phía cha mẹ thì anh em vốn là một thể. Nếu anh em có chút đối chọi, lòng cha mẹ liền đau xót, bất an. Vì thế, thấy anh em ta thương yêu nhau, cha mẹ ta sẽ rất thoải mái, yên vui. Hơn nữa, anh em được gọi là “tay chân”, ắt phải che chở, nâng đỡ lẫn nhau. Ngứa và đau liên quan, há có chuyện tay chân tự tranh đoạt lẫn nhau ư? Hãy nên nghĩ anh em đều do cha mẹ sanh ra, vốn cùng một thể, tình cốt nhục khó thể chia lìa. Hễ vì ý khí xáo động mà giận dữ tranh giành, hãy tự dấy lòng bất nhẫn. Đối những thứ tài lợi nhỏ nhặt, hãy tự xem nhẹ. Thiền sư Pháp Chiêu có bài kệ rằng:

*Đồng khí liên chi các tự vinh,
Ta ta ngôn ngữ mạc thương tình,
Nhất hồi tương kiến nhất hồi lão,
Năng đắc kỷ thời vi đệ huynh.
Huynh đệ đồng cư nhĩn tiện an,
Mạc nhân hào mạt khởi tranh đoan,
Nhĩn tiên sanh tử hựu huynh đệ,
Lưu dữ nhi tôn tác dạng khan.*

Tạm dịch:

*Đồng khí liên cành thấy tốt xinh,
Đừng vì lời nói tổn thương tình,*

*Mỗi lần gặp gỡ già hơn trước,
Mấy thuở được làm nghĩa đệ huynh?
Anh em chung ở nương liền ổn,
Đừng vì chuyện vật dấy đua tranh,
Con cái chúng ta là huynh đệ,
Nêu gương cho cháu lẫn con nhìn.*

Sách Viên Thị Thế Phạm³¹⁵ có đoạn: “Cha anh yêu thương con em, chẳng cần đòi hỏi con em ắt phải hiếu thuận. Con em yêu thương cha anh, chẳng cần đòi hỏi cha anh ắt phải nhân từ. Ai nấy chú trọng trọn hết trách nhiệm của chính mình, căn bệnh mong ngóng, trách móc sẽ tự trừ. Nghiêm cấm tỳ thiếp chẳng được ngồi lê đôi mách, đối với những lời lẽ trong chốn riêng tư của vợ hay nàng hầu, dẫu hợp ý, cũng chớ nghe theo, ắt đầu mối ly gián sẽ tự chấm dứt. Tánh tình của con người hoặc mềm mỏng, hoặc cứng cỏi, hoặc hành xử cẩn thận, hoặc hào phóng, buông tuồng, hoặc là an tĩnh, hoặc là bộp chộp; lúc gặp chuyện, đúng sai khác nhau, chỉ nên đối với mỗi trường hợp mà hành xử thích hợp. Đừng vì thấy ta là đúng mà đòi hỏi mọi chuyện ắt phải hợp ý mình; như vậy thì há còn có tranh chấp? Dẫu cho gặp cảnh bất bình, chẳng nở bàng quan, chỉ nên tâm bình khí hòa, mềm mỏng khéo léo khuyên lơn.

315 Viên Thị Thế Phạm là một bộ sách do Viên Thái soạn vào đời Tống. Sách gồm những lời khuyên về luân lý gia đình như cách cư xử chánh đáng trong các mối quan hệ như cha con, anh em, vợ chồng, chị em dâu, con cháu v.v...

Như thế thì há có chuyện chẳng hòa thuận ư? Người thời nay đánh mất niềm vui cốt nhục, nguyên do là vì những điều hết sức nhỏ nhặt mà dẫn đến tình trạng chẳng thể giải quyết được! Chỉ vì sau khi đã bất hòa, ai nấy đều tự ái cao ngất ngưỡng, chẳng thể buông xuống được! Nếu trong ấy, có một người hiền hòa sáng suốt, cam lòng chịu thua thiệt, có thể tự xuống nước trước để lo liệu, bàn soạn với những người khác, ắt đôi bên sẽ chịu thương thảo với nhau, dần dần hòa hảo như lúc bình thường vậy”.

Đời Minh, ông Vương Dương Minh nói: “Vua Thuấn có thể cảm hóa em trai là Tạng, điều then chốt chỉ là vua Thuấn chẳng thấy Tạng là sai!” Ngu ý cho rằng: Trong vòng cốt nhục, chỉ nên nói theo tình, chớ nên nói theo lý. Hễ chấp lý sẽ tổn thương tình, hễ tổn thương tình thì chẳng phải là đúng lý vậy! Như có kẻ hỏi Trình Tử: “Tôi phụng sự anh tôi trọn hết lý mà anh tôi chẳng vui lòng, biết làm sao đây?” Ông Trình đáp: “Chỉ nên dấy lòng hiếu kính, trọn hết lòng chí thành, chẳng cần biểu lộ ồn ào tâm ý của chính mình là được rồi!” Hỏi: “Chăm sóc em trai bằng cách nào?” Đáp: “Trọn hết lòng hòa thuận yêu thương mà thôi!”

Trong bài Hiếu Đễ Ca của tiên sinh Thiệu Nghiêu Phu (Thiệu Ung)³¹⁶ đời Tống có đoạn: “Con phụng

316 Thiệu Ung (1011-1071), tự là Nghiêu Phu, hiệu là Khang Tiết, sống vào đời Bắc Tống. Ông nghiên cứu kinh Dịch tinh thâm, sáng lập thuật bói Mai Hoa

dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Trong vòng cốt nhục, đừng dấy lên sóng gió. Ân cha mẹ mênh mông hãy nên báo đền. Phải biết tình thù tức sâu đậm nhất, phải nên hòa thuận. Dòng họ Trương Công Nghệ³¹⁷ chín đời ở chung với nhau xưa nay hiếm. Anh em Điền Chân³¹⁸ ở chung, con cháu đông đảo. Những người như thế xa gần đều ca ngợi. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh³¹⁹.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Nói năng nhỏ nhẹ, khiêm hòa. Nan huynh nan đệ³²⁰ danh càng trọng. Con hiền cháu thảo cốt cho nhiều.

Dịch Số lừng danh. Bộ sách Mai Hoa Dịch Số của ông được xếp vào tứ đại kỳ thư (Kinh Dịch, Mai Hoa Dịch Số của Thiệu Khang Tiết, Ma Y Tướng Thuật và Địa Lý Toàn Thư). Ông còn được coi là một trong những nhà sáng lập Lý học, tuy không nổi tiếng như Chu Đôn Di, Trình Hạo v.v... Một tác phẩm lừng lẫy khác của ông là bộ Hoàng Cực Kinh Thế được coi là nền tảng cho sự tổng hợp hoàn thiện giữa tư tưởng của kinh Dịch và Đạo gia.

317 Trương Công Nghệ sống vào thời đại Tùy - Đường tại Thọ Dương thuộc châu Hâu Vận. Dòng họ ông ta chín đời ở chung với nhau, không tách rời. Ông viết chữ “nhấn” rất to, rất nhiều dán khắp nơi trong nhà để tự nhắc nhở chính mình lẫn người khác. Một câu nói của ông đã trở thành thành ngữ là “bách nhấn thành kim” (trăm điều nhấn sẽ thành vàng).

318 Điền Chân là người đời Hán, ông có hai em trai là Điền Khánh và Điền Quảng, ba người muốn chia riêng nhà để ở. Trước nhà có một cây tử kinh to rất sum xuê. Họ muốn hạ cây xuống, cưa đều ra để chia nhau, bỗng cây ấy chết khô. Họ bèn bỏ ý định tách ra sống riêng.

319 Ông Thiệu Ung mở đầu và kết thúc mỗi đoạn bằng câu “tử dưỡng thân hễ, đệ kính ca” (con cái phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh).

320 “Nan huynh nan đệ” là một thành ngữ nhằm ca ngợi anh lẫn em đều có tài, hiền đức, khó thể phân định ai hơn, ai kém. Thuở trước, Trần Nguyên Phương (Trần Kỳ) và Trần Quý Phương (Trần Kham) đời Đông Hán đều có học vấn lỗi lạc, phẩm đức xuất sắc, nên người đời bèn nói họ là “nan huynh, nan đệ”.

Đội gạo vẫn có thể phụng dưỡng tuy đơn bạc. Kẻ đọc sách có ai chẳng mong đỗ đạt cao hòng dùng bổng lộc phụng dưỡng cha mẹ? Trọng Do, Trần Kỳ³²¹ đều như thế. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Răn dạy chị em dâu giữ hạnh hiền thực, đảm đang, phụng sự bố mẹ chồng. Hãy khéo tuân theo cách dạy con bằng ba lượt đời nhà của mẹ ông Mạnh Tử. Hãy đọc bài ca trăm chữ “nhẫn” của ông Trương Công Nghệ. Hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, cư xử tốt đẹp với thân tộc, thông gia, lại còn giúp đỡ kẻ khốn khó, lỡ vận. Noi theo trí, nhân, đạo nghĩa của thánh hiền, giữ đạo trung hòa (trung dung, hòa khí) giống như Tăng Tử và Dương Bác thuở đương thời. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Đừng bảo chuyện đời thường hội đủ thiên thời, địa lợi

321 Trọng Do chính là Tử Lộ. Khi còn hàn vi, nhà ông rất nghèo, ông phải đi đội gạo thuê rất xa để có tiền phụng dưỡng cha mẹ. Không có tiền mua thức ăn, ông phải hái các loại rau lê, rau hoắc để nấu canh cho cha mẹ ăn tạm. Trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu, cụ Lý Văn Phúc đã ca ngợi: “Thầy Tử Lộ cũng người nước Lỗ, thờ hai thân từng bữa canh lê, thường khi đội gạo đi về, xa xôi trăm dặm nặng nề hai vai, đỉnh hoa biểu từ khơi bóng hạc, gót nam du nhẹ bước tang bồng. Xe trăm cỗ, thóc muôn chung. Ngồi chồng đệm ghép, ăn chồng vạc cao. Thân phú quý ngấm vào thêm tủi. Đúc cù lao chạnh tới càng đau. Nào khi đội gạo, canh rau, muốn còn như cũ để hầu được ru!” Trần Kỳ (tự là Nguyên Phương) và em là Trần Kham (tự là Quý Phương) là con trai của Trần Thục. Hai anh em đều được xưng là bậc hiền đức, hiếu thảo cao tột thuở đương thời.

với nhân hòa. Đáng than đời người được mấy chốc? Phồn hoa ngập mắt quý báu chi? Một nhà an lạc giá trị nhiều. Lạ thay chuyện nhường quả³²², ôm quất³²³. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Thời gian thấm thoát thoi đưa. Chỗ vui sướng trong gia đình là niềm vui nơi con cháu³²⁴. Khi anh em hòa thuận, thì chị em dâu cũng hòa thuận. Thanh danh hiếu để được lưu truyền mãi chẳng mất. Giàu có vàng bạc đầy rương sánh được sao? Phải biết tiếng thơm lưu truyền xưa nay. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Sáng thăm, tối viếng chớ chần chừ! Một nhà hiếu thảo, hòa thuận rất khó có. Thời gian trăm năm dễ trôi qua nhất. Chính mình phải nên sốt sắng giữ niềm vui hòa thuận. Cơ sở để giữ vẹn luân thường và tôn ty là sự

322 Khổng Dung khi còn bé, mỗi khi cùng các anh ăn lê, bèn chọn quả bé hơn. Người lớn hỏi nguyên do, Khổng Dung đáp: “Con còn bé, lê đương nhiên là ăn quả nhỏ”.

323 “Ôm quất” là nói tới Lục Tích đời Hán. Lúc sáu tuổi, Lục Tích theo cha đến Cửu Giang yết kiến tướng quân Viên Thuật, Viên Thuật mời họ ăn quýt. Quýt hết súc ngọt. Lục Tích bèn lén giấu trong tay áo ba quả. Khi ra về, do khom mình vái chào, quýt lặn ra đất, Viên Thuật cười to. Cha Lục Tích hết sức hổ thẹn và tức giận, quở mắng. Lục Tích thưa: “Quý ngọt quá nên con không nỡ ăn, để dành đem về biếu mẹ”.

324 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này phải hiểu là thấy con cháu, anh em hòa thuận, lòng cha mẹ rất vui sướng. Đây là niềm vui to lớn nhất đối với cha mẹ.

khiêm hòa. Mặc áo sặc sỡ múa may, kèn sáo hòa điệu³²⁵.
Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.
Chồng đừng nên nghe lời vợ xúi giục. Đừng bực bội vì
trước mắt tiền bạc ít ỏi. Con cháu dưới gối chẳng ngại
nhiều. Chỉ cần gia đình hòa thuận, nghèo cũng được.
Nếu dạy con cháu thành kẻ bất nghĩa, giàu có để làm
gì? Vương - Hàn³²⁶ hiếu thảo, hòa thuận lưu danh trong
sử xanh. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.
Đừng gây tổn thương hòa khí, vì nhiều nỗi giận tức,
tranh giành. Càng sanh ganh ghét, càng khốn khó.
Ngắm ngẫm tích cốp làm của riêng sẽ ngắm ngẫm tiêu

325 Nguyên văn “ban y vũ bãi huân trì tấu”, bao gồm hai điển tích về hiếu và lễ. “Ban y vũ” (斑衣舞) là nói Lão Lai đã bảy mươi tuổi vẫn mặc áo vắn vện sặc sỡ, nhảy múa loai chơi như con nít, giả vờ trượt chân ngã, khóc lè nhè khiến cha mẹ cười to. Huân (埴) là nhạc khí bằng đất nung, có hình trứng, đầu nhọn có lỗ để thổi, đầu tù có nhiều lỗ nhỏ để người thổi dùng ngón tay bịt hay mở để tạo ra các nốt nhạc khác nhau. Nói chung loại kèn đất này hơi giống loại kèn ocarina của phương Tây, nhưng ocarina thì dẹp trong khi Huân có hình bầu. Trì (篳) là loại sáo thổi ngang, có bảy lỗ, thường làm bằng trúc. Chỗ khác biệt với sáo trúc thông thường là Trì thường được bịt kín một đầu. Loại nhạc khí này chỉ còn dùng trong lễ tế Khổng Tử. Thời cổ, hề thổi Trì thì sẽ dùng Huân thổi hòa theo; do vậy, anh em hòa thuận thường được ví như xếp đôi Huân và Trì để cùng diễn tấu (bãi huân trì tấu, 罷埴篳奏).

326 Vương - Hàn: Vương ở đây là Vương Tường nổi danh hiếu thảo. Mẹ ngã bệnh, thèm ăn cá, trời mùa đông không tìm ra cá, ông cỡi trần nằm trên băng, cầu xin trời đất. Quả nhiên băng nứt vỡ, một đôi cá chếp nhảy ra để ông bắt về nấu cho mẹ ăn. Hàn là Hàn Lăng, cha làm Thái thú tỉnh Thiểm Tây. Ông mồ côi cha năm bốn tuổi, hết sức hiếu thảo với mẹ, thương yêu em trai. Khi trưởng thành, ông nhường toàn bộ gia sản do cha để lại cho các em, kể cả những anh em họ.

tán. Kẻ bất hiếu tự nhiên sanh ra đứa con ngỗ nghịch. Kẻ vô hạnh chắc chắn sanh ra con cái yêu ma! Chỉ nghe kẻ hiếu thuận, hòa mục, danh truyền muôn đời. Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Đừng vì chuyện nhỏ nhặt mà tổn thương hòa khí. Đừng phiền vàng trong rương ít ỏi, phải ngấm ngấm tích lũy âm chất cho nhiều. Riêng tư, tà vạy há tốt đẹp như công bằng, chánh trực? Cứng cỏi chẳng làm gì được kẻ tốt lành, mềm mỏng. Sách vở xưa nay thường khen ngợi: Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh.

Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh. Than ôi, gia đình tan rã vì nghe theo những lời phân tích xúi siểm. Tài vật trong túi hiềm còn ít, ruộng đất ông bà người vẫn muốn nhiều. Vợ chồng trước mắt tuy vui thú, sợ rằng mai sau con cháu phá tan tành!³²⁷ Làm thế nào để giữ lòng hiếu thảo, hòa thuận với xóm làng? Con phụng dưỡng cha mẹ, em kính trọng anh”.

Đời Hán, ba anh em Điền Chân bàn tính phân chia tài sản ra ở riêng. Mọi thứ tài vật đều được chia đều.

327 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này có ý nói: Kẻ vốn đã sẵn có của cải vẫn thấy là ít, đối với gia sản do ông bà, cha mẹ để lại vẫn lăm lăm muốn chiếm hữu nhiều hơn! Giành giật được của cải, chiếm tiện nghi của kẻ khác thì vợ chồng rất khoái trá, nghĩ mình giàu có, khôn ngoan, nào ngờ về sau con cháu phá tán cho bằng hết.

Trước nhà, có một cây tử kinh³²⁸, họ muốn chia làm ba, dự tính ngày hôm sau sẽ đốn. Cây liền khô héo. Điền Chân kinh hãi, bảo các em: “Cây vốn cùng một cội, nghe sắp bị chia xẻ nên khô héo, vậy là người chẳng bằng cây!” Do vậy buồn bã khôn ngăn, chẳng còn tính xẻ cây nữa. Cây nghe tiếng bèn sống lại. Anh em họ cảm kích trước chuyện này, gộp tài sản lại sống chung với nhau, được người đời xưng tụng là nhà hiếu thảo. Ôi! Anh em là một trong các mối thiên luân, hợp với các mối quan hệ cha con và vợ chồng thành *tam cương*. Vì thế, cổ nhân thường sánh ví anh em như tay chân, ý nói chẳng chia lìa vậy. Hễ ly ắt tán, hễ tán sẽ trở trọi, do trở trọi sẽ bị diệt mất.

Đời Tống, anh của Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) là Bá Khang, tuổi đã tám mươi. Ông (Tư Mã Quang) phụng dưỡng anh như cha, chăm chút anh như trẻ thơ. Thường khi người anh vừa ăn được chốc lát, ắt hỏi: “Có bị đói hay không?” Lạnh một chút, ắt sẽ xoa lưng bảo: “Áo có mỏng quá hay không?”

Chu Văn Xán tánh hòa thuận, yêu thương anh em. Người anh thích uống rượu, sống nhờ vào ông Xán. Người anh thường do say sưa mà đánh ông Xán. Hàng

328 Tử kinh (紫荊) là một loại cây có hoa đẹp thường được trồng làm cảnh, thường được biết dưới tên *Cercis chinensis* hay đơn giản là Chinese Redbud. Cây có thể mọc cao đến 15 mét, thân cây có đường kính to đến nửa thước. Hoa có màu hồng hoặc trắng sữa, kết thành chùm, cánh hoa đơn rất đẹp. Khi nở hoa vào tháng 4, cả cây chỉ thấy sắc hoa hồng tươi như hoa đào, hầu như không thấy lá.

xóm bất bình, chửi người anh. Ông Xán tức giận, nói: “Anh chưa đánh ta, sao lại ly gián cốt nhục của ta?”

Đời Tống, Trịnh Đức Khuê và Đức Chương bẩm tánh hiếu thảo với cha mẹ, thuận thảo với anh em, sách bày cùng bàn, đêm ngủ đắp chung chăn. Đức Chương tánh hết sức chánh trực, làm mất lòng nhiều người. Kẻ thù hãm hại ông mắc tội chết, quan phủ hạ án lệnh bắt về Dương Châu. Đức Khuê đau xót vì em trai bị vu cáo, giả vờ nói: “Chúng nó muốn hại ta, chuyện đâu có liên quan đến em! Để ta đến chỗ quan phủ, lời cáo gian ắt được sáng tỏ, chứ em đến cửa quan há thoát khỏi chết ư?” Đức Khuê bèn theo bọn sai nha lên đường. Đức Chương đuổi kịp, anh em ôm nhau giậm chân khóc lóc, tranh nhau đi chết. Đức Khuê ngấm ngấm tìm kế ngăn trở em trai lên đường, nửa đêm trốn đi. Đức Chương lại đuổi tới Quảng Lăng, Đức Khuê đã chết trong ngục. Đức Chương đau xót, ngắt đi mấy lần, mang xương anh về an táng, dựng lều bên cạnh mộ anh suốt hai năm. Mỗi khi ông đau đớn gào khóc, chim chóc đều bay vãn vũ, bỏ ăn. Con Đức Khuê thơ dại, Đức Chương nuôi nấng chăm chút như con ruột của chính mình.

Đời Hán, Tiết Bao hiếu học, chuyên tâm giữ gìn đức hạnh. Bị mẹ ghẻ ghét bỏ, đuổi đi, Tiết Bao hằng ngày đêm gào khóc ở bên ngoài nhà, buổi sáng lại vào nhà quét dọn. Mẹ ghẻ lại xua đuổi, bèn dựng lều ở nhờ trong làng, sáng tối vẫn an. Hơn một năm sau, cha mẹ

cảm động, cho trở về. Cha mẹ mất, ông đau buồn thành bệnh. Các em xin ra sống riêng, Tiết Bao không thể ngăn được, đành để mặc cho các em thỏa lòng mong muốn. Đối với tôi tớ, ông bèn chọn những người già yếu, bảo: “Những người này hầu ta lâu ngày đã quen sai khiến rồi”. Đối với đồ đạc, ông chọn những thứ cũ nát, bảo: “Những món này ta quen sử dụng, cảm thấy thân và miệng thoải mái”. Đối với ruộng đất bèn chọn ruộng hoang vu, bảo: “Ta đã cày cấy từ bé, có ý quyến luyến những thửa ruộng này”. Các em chẳng thể tự lập, đến nỗi phá tan gia sản. Tiết Bao lại cấp dưỡng. Hán An Đế nghe danh, vời vào triều giữ chức Thị trung³²⁹. Ông chẳng nhận, vua bèn thưởng một ngàn thạch gạo.

Đời Hán, Hứa Vũ mồ côi từ bé, có hai đứa em thơ dại. Hứa Vũ ngày cày cấy, đêm học hành. Khi cày cấy, tuy hai em chưa đủ sức sử dụng cày bừa, thường bảo hai em theo bên cạnh quan sát. Khi đọc sách, hai em ngồi hai bên, đích thân dạy hai em đọc từng câu, từng đoạn, giảng giải cặn kẽ. Dùng lễ nghĩa dạy hai em, dạy dỗ đến khi em khôn lớn. Hễ em hơi chảng vâng lời dạy, ông bèn tự quỳ trước bàn thờ trong nhà, thưa trình: “Bản thân con thiếu đức, chẳng thể dạy dỗ, cha mẹ có linh xin hãy soi sáng cho hai em”. Một mực làm như thế cho đến khi hai em xin tha lỗi mới đứng dậy.

329 Thị trung (侍中) là một chức quan cố vấn thân cận của nhà vua. Đến đời Tấn, chức vụ này được gọi là Môn hạ tể, tức tương đương với Tể tướng sau này.

Trợn chẳng dùng lời hằn học, hoặc vẻ mặt giận tức dần hắt hai em. Hứa Vũ tuổi đã lớn, chẳng cưới vợ, nếu có ai khuyên nhủ, bèn đáp: “Sợ cưới lầm người, dễ sanh ra hiềm khích”. Do vậy, xóm giềng gọi ông là Hiếu Đễ Hứa Vũ. Quan đầu quận tâu lên, ông được vua phong làm chức Nghị Lang, danh vọng rạng rỡ. Ông tháo giải đeo ấn (từ chức) trở về, lo liệu chuyện hôn nhân cho hai em trước, sau đấy chính mình mới cưới vợ. Anh em ở chung mà hòa thuận, về sau hai em cũng rất có tiếng tăm.

Đời Tùy, Ngưu Hoàng làm Lại bộ Thượng thư. Em trai tên là Bật, thường say sưa, bắn giết những con bò kéo xe của ông Hoàng. Ông Hoàng về đến nhà, vợ ra đón, mách: “Chú nó bắn giết bò!” Ông Hoàng chẳng trách móc gì, thông thả đáp: “Đem làm thịt khô”. Ông đã ngồi yên định rồi, vợ lại nói: “Chú nó giết bò là chuyện bất thường to lớn”. Ông bảo: “Biết rồi! Có gì lạ đâu?” Vẻ mặt như không có chuyện gì xảy ra. Ông đọc sách chẳng lười nhác; về sau, trở thành bậc Tể tướng danh tiếng. Trong cõi đời, những kẻ lâm vào cảnh tình nghĩa anh em sút mẻ, chỉ là do nghe lời vợ xúi giục. Thấy chuyện này mà chẳng tỉnh ngộ, có khác gì cầm thú?

Đời Bắc Tê³³⁰, có người tên Phổ Minh, anh em

330 Bắc Tê (550-577) là một triều đại khá ngắn ngủi trong thời Nam Bắc Triều. Sau khi nhà Tấn của Tư Mã Ý suy vong, dẫn đến tình trạng quân phiệt cát cứ, chia xẻ Trung Hoa thành nhiều nước, Sử thường gọi là thời Nam Bắc

tranh chấp tài sản, quanh năm kiện tụng, ai nấy tìm người làm chứng, thưa lên Thái thú huyện Thanh Hà là Tô Quỳnh. Ông Tô gọi họ đến, khuyên dạy: “Trong thiên hạ, khó được làm anh em. Đất đai, vườn tược là cái dễ được nhất. Giả sử có được vườn tược, ruộng nương mà mất đi anh em, cái tâm như thế nào vậy?” Do đó, họ ứa nước mắt, những kẻ làm chứng không ai chẳng cảm động khóc ròng, dập đầu vâng theo lời dạy, nhường nhịn lẫn nhau.

Ông Vu Thiết Tiêu nói: “Hai đứa con nhà quan X... ở Hoài Âm đối chọi nhau từ bé, trải nhiều năm chẳng gặp nhau một lần. Về sau, người anh mắc bệnh nguy ngập, gọi em tới bên giường, nắm tay, bảo: “Ta mười chín tuổi kết hôn, thuở bé chẳng có tình yêu thương vợ con. Ba mươi tám tuổi cha mẹ mất, tuổi già chẳng có tình yêu thương của cha mẹ. Tự hội với nhau lâu nhất chẳng ai bằng hai đứa ta và người. Thế mà lại suốt đời chẳng hợp nhau, nay mới hối hận, nhưng đời ta đã hết rồi!” Đau đớn thay, người nghe chuyện ấy ắt sẽ động lòng”.

Triều. Triều đại Bắc Tề do Cao Dương sáng lập, nên đôi khi còn gọi là nhà Cao Tề, để phân biệt với nhà Nam Tề (490-502, còn gọi là nhà Tiêu Tề do Tiêu Đạo Thành sáng lập) trước đó. Bắc Tề diệt Đông Ngụy, đóng đô tại Nghiệp Thành. Cao Dương vốn là con của quyền thần Cao Hoan nhà Đông Ngụy. Sau khi cha chết, Cao Dương được Ngụy Tĩnh Đế (Nguyên Thiện Kiến) nhà Đông Ngụy phong làm Thừa tướng, tước Tề Quận Vương. Cao Dương phế Ngụy Tĩnh Đế, đổi quốc hiệu thành Tề, nhưng chỉ làm vua được mười năm rồi chết khi mới 33 tuổi! Về sau, nhà Bắc Tề bị Chu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) của nhà Bắc Chu tiêu diệt.

Đời Hậu Hán³³¹, Mậu Đồng mồ côi mẹ từ bé, có bốn người anh em khác mẹ, cùng nhau sở hữu tài sản gia nghiệp. Cho đến khi mỗi người cưới vợ, các em đòi chia của sống riêng. Ông lại phải mấy lần nghe những lời lẽ tranh chấp. Mậu Đồng bèn đóng chặt cửa, tự quở: “Mậu Đồng! Ngươi tu thân, vâng giữ đức hạnh cẩn thận nhằm học theo pháp tắc của thánh nhân, hòng khiến cho phong tục được tốt đẹp, đoan chánh, có sao chẳng thể giữ yên gia đình vậy?” Các em và vợ nghe thấy đều dập đầu tạ tội, lại sống hòa thuận với nhau.

Thời Ngũ Đại, Trương Sĩ Tuyền mồ côi cha mẹ từ bé. Đến lớn, chỉ có chú còn sống. Chú có bảy đứa con, một hôm, chú bảo Sĩ Tuyền: “Ta sẽ chia của cho ngươi, sẽ chia tài sản thành hai phần, ngươi được một phần”. Sĩ Tuyền thưa: “Cháu không nỡ lòng để bảy người chia nhau một phần, xin hãy chia thành tám phần đều nhau”. Chú kiên quyết từ chối, Sĩ Tuyền cũng kiên quyết nhường phần, chú đành chia làm tám phần. Khi Sĩ Tuyền mười bảy tuổi, gặp kỳ thi Hội bèn lên kinh đô. Những người cùng ở trọ có đến hai mươi mấy mạng. Có một thuật sĩ xem tướng, bảo: “Kẻ đỗ đạt

331 Hậu Hán (947-951) là một triều đại trong mười quốc gia được thành lập thời Ngũ Đại trước khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất giang sơn. Triều đại này do Lưu Tri Viễn sáng lập, chỉ truyền được hai đời vua, là triều đại ngắn nhất và tệ hại nhất trong lịch sử Trung Hoa. Trước sau chỉ tồn tại bốn năm; trong bốn năm ấy, đấu tranh cung đình, chiến tranh liên miên. Đây cũng là triều đại cuối cùng do người thiểu số Sa Đà sáng lập tại Trung Nguyên.

chỉ có đứa thiếu niên này”. Những kẻ cùng trọ cười chê thuật sĩ ăn nói hàm hồ. Thuật sĩ bảo: “Ta chẳng hiểu gì về văn chương, nhưng đứa thiếu niên này mặt tròn đầy âm đức, ắt là do tích thiện mà ra”. Đến khi yết bảng, chỉ riêng mình Sĩ Tuyển đỗ cao. Phàm những kẻ hèn hạ, bạc bẽo tình thủ túc trong hiện thời, tranh giành tài vật, tiền bạc, dẫu đối với anh em ruột mà còn như thế, huống hồ đối với những đứa con dòng thứ do mẹ kế sanh ra, sẽ dễ sanh lòng khinh rẻ, lấn hiếp, càng chèn ép quá đáng. Nếu là anh em họ đôi bên càng xa cách, sự thân sơ càng rõ! Ai có thể như ông Trương Công Nghệ ư? Chẳng biết cổ nhân đã nói: “Bạc đãi anh em chính là bạc đãi cha mẹ. Bạc đãi anh em họ chính là bạc đãi tổ tiên”. Nếu thiếu căn cội, cành lá ắt hư hoại. Đối với điều luận định đến tận nguồn cội này, mọi người hãy nên đọc đi đọc lại, suy sâu nghĩ chín!

Đời Tống, Mao Liệt và Trần Kỳ thân thiết. Trần Kỳ có ba đứa em còn bé, lo sợ khi chúng nó lớn lên sẽ phải phân chia sản nghiệp, bèn trước đó đem quá nửa số ruộng gạ gẫm sang lại với giá rẻ cho Mao Liệt, tích góp mấy ngàn xâu tiền³³². Sau khi mẹ mất, Trần Kỳ chỉ dùng số ruộng hiện đang có để chia cho các em. Hơn một năm sau, hấn mang tiền đến nhà Mao Liệt xin chuộc ruộng. Mao Liệt nhận tiền, nhưng ôm lòng

332 Nguyên văn là Mân (緡). Thời cổ, tiền xâu thành chuỗi, cứ một ngàn đồng thì gọi là một mần.

chiếm đoạt, bèn lừa gạt bảo: “Hôm khác sẽ trả lại bằng khoán”. Trần Kỳ tự nhủ: “Ta thường giao hảo thân thiết với Mao Liệt, chắc là hắn chẳng có ý gì khác!” Vài hôm sau, Trần Kỳ tìm tới, Mao Liệt tránh mặt không ra tiếp. Thưa lên huyện, quan huyện ăn hối lộ của Mao Liệt, phán: “Quan tin vào văn thư mà thôi, há có chuyện trao tiền mà không lấy bằng khoán ư?” Rốt cuộc, Trần Kỳ mắc tội vu cáo, bị phạt trọng. Về sau, nhiều lần thưa lên quan, hao tổn tài sản của chính mình gần như hết sạch, chẳng có bằng chứng để đòi tiền chuộc lại, ruộng vẫn thuộc về tay Mao Liệt. Ba người em của Trần Kỳ nghe chuyện cười khì. Trong cõi đời, những kẻ cậy mình khôn lớn lẩn hiếp đũa thơ đại, có kẻ nào chẳng gặp phải hạng người như Mao Liệt ư?

Có ba anh em người dân ở huyện Cú Dung, người anh sang tạm cư tại đất Thục (Tứ Xuyên), ba năm không về. Đứa em thứ hai do thấy chị dâu xinh đẹp, sai người giả vờ đưa tin người anh đã chết. Chị dâu khóc lóc để tang. Lâu ngày, hắn xét thấy chị dâu không có ý định tái giá, bèn ngầm nhận tiền của gã lái buôn để bán chị dâu, lại còn nói gạt gã lái buôn rằng: “Chị dâu lòng muốn tái giá mà hay làm ra vẻ màu mè. Nếu nói lời ngon ngọt ắt phải tốn nhiều thời gian. Ông có thể dẫn theo nhiều người kéo tới bất ngờ. Hễ thấy người nào cài trâm màu trắng cứ lôi tuột lên xe, chỉ nói: “Có chuyện gì ngày mai sẽ nói”. Hễ lên thuyền, sẽ là vợ

của ông rồi!” Muu kế đã định, đêm ấy gã lái buôn dẫn lũ tay chân kéo tới, hai đứa em thứ hai và em út đều tránh mặt. Nhưng đứa em út tức giận vì được chia tiền ít, trước đó đã ngầm nói với chị dâu, vợ đứa em thứ hai chẳng biết. Do vậy chị dâu khóc lóc, nói với vợ đứa em thứ hai: “Chồng em gả chị đi, may mắn là gặp khách giàu có, sao không nói sớm để chị trang điểm? Nay gặp dịp lễ tốt lành mà mặc đồ trắng toát thì coi sao được! Mong em đổi cho chị chiếc mũ sẫm màu trong chốc lát để hành lễ”. Vợ đứa em thứ hai bèn đưa mũ cho, tự cài chiếc trâm trắng. Chị dâu liền nấp kín. Bọn khách kéo đến, thấy vợ của đứa em thứ hai bèn lôi tuột đi, thừa dịp thuận gió mà nhỏ thuyền. Đứa em thứ hai trở về, mới kinh hoàng là đã mất vợ, đuổi theo nhưng ngàn cánh buồm lẫn lộn chẳng thể tìm được. Đến hôm sau, người anh cả tay xách nách mang trở về, vợ chồng đoàn tụ. Người làng đều đến thăm hỏi, đứa em thứ hai hổ thẹn tội bạc. Hắn nghe hai đứa con thơ khóc lóc vì nỗi lẻ loi mà đứt từng khúc ruột! Người làng có kẻ biết chuyện, không ai chẳng ngầm ngầm cười nhạo! Phàm là những kẻ kính thuận hay khinh dối anh em, so với chuyện lừa gạt, khinh rẻ người khác, báo ứng họa hay phúc gấp mười! Nếu lừa dối, khinh rẻ cha mẹ sẽ mắc quả báo gấp trăm lần, há chẳng đáng sợ ư? Há chẳng đáng răn dè ư?

Chánh kỷ hóa nhân.

正己化人。

Sửa mình [cho chánh đáng] hòng dạy người khác.

“Chánh” (正) là đích xác, chẳng thể đổi khác. “Hóa” (化, giáo hóa) là chuyện tự nhiên. Có nghĩa là bản thân đã chánh đáng, chẳng ép buộc mà người khác sẽ hành theo. Đã đổ công dốc sức giữ mình chánh đáng, sẽ có nhiều loại diệu dụng giáo hóa người khác. Người có thể giữ mình chánh đáng, chưa hề chẳng thể khiến cho muôn loài đều chánh đáng theo. Bởi lẽ, do người ấy đã chánh nên ai nấy đều kính trọng, người ta sẽ biết chỗ đáng tôn kính của người ấy, đấy chính là chỗ để chuyển hóa cái tâm của họ. Nếu đối với chỗ có thể chuyển hóa ấy, ta do lòng chí thành khiến cho họ cảm động đôi chút, họ sẽ tự nhiên vừa được khơi gợi bèn chuyển biến. Vừa được khơi gợi, thiện tâm, chánh tâm sẽ tỏ lộ, không ai chẳng thuận theo. Nếu tự cho mình là chánh đáng, phán xét kẻ khác là bất chánh, chỉ trích họ đôi chút, ắt họ sẽ chẳng cam lòng tiếp nhận lời dạy, sẽ ương bướng tranh cãi đến đầu đến đũa, cũng chẳng phải là đã ngược ngạo dập tắt thiện tâm của họ hay sao? Đấy chính là căn bệnh chung của những kẻ ưa chuộng điều thiện trong thời gần đây! Thường là vì hành xử quá thô thấp, họ (người mà ta mong giáo huấn) sẽ chấp trước, chẳng chuyển! Hãy nên răn dè sâu xa! Hãy cẩn thận, chớ bỏ ruộng mình đi cày ruộng

người! Vương Báo sống ở Kỳ Thủy, người Hà Tây đều giỏi ca hát, Miên Câu ở Cao Đường, người xứ Tề Hữ³³³ đều khéo ca xướng. Đâu có phải là do hai người ấy chỉ dạy tiết tấu cho từng người, hằng ngày dạy họ phách nhịp!

Tánh tình thanh cao thì đáng quý nhất là có thể bao dung, người nhân từ thì cốt sao phải quyết đoán. Đừng vì kẻ khác thí xả ân huệ nhỏ nhoi đối với mình mà nể nang ân nghĩa đến nỗi tổn thương đại thể, đừng mượn danh nghĩa công chánh để xử sự theo tình cảm thiên vị riêng tư. Ở trong hoàn cảnh bận bịu phải nên biết cách giữ mình nhàn tản, lúc gấp rút càng nên giữ mình thông dong, lúc vô sự đừng quên đề phòng, tự kiểm điểm. Khi có việc thì phải kiên nhẫn chịu đựng, đừng vì thành kiến mà chất chứa nghi ngại đối với kẻ khác. Đừng cố chấp kiến giải của chính mình để rồi cự tuyệt những lời can gián. Có chừng mực phân minh sẽ có thể giảm bớt việc. Chẳng quan tâm lời khen, tiếng chê thì tâm sẽ có thể thanh tịnh. Do chánh trực nên có thể cảm thông thần minh. Do trung tín sẽ có thể ở nơi biên địa, kém văn minh mà vẫn chẳng bị trở ngại. Nhân phẩm phải đến mức như thế thì mới gọi là “chánh” được!

333 Vương Báo là người nước Vệ, sống ở vùng Kỳ Thủy (nay thuộc huyện Lâm, tỉnh Hà Nam). Miên Câu là người nước Tề, sống tại Cao Đường (thuộc tỉnh Sơn Đông hiện thời). Cả hai đều giỏi âm luật, Thích-ca xướng.

Cái tâm đã chánh rồi thì sau đấy mới có thể khiến cho bản thân mình cùng muôn vật được đốn chánh. Cái tâm đã chánh, muôn vật sẽ định. Bởi lẽ, sự cảm nhiễm do thanh sắc bên ngoài chỉ là những chứng bệnh nơi cành nhánh. Tình thức hư vọng phát khởi từ bên trong, đấy là căn bệnh nơi cội gốc. Người học đạo trước hết hãy nên đối trị nội tâm để ngăn ngừa sự dụ dỗ, mê hoặc từ bên ngoài. Chớ nên tham đắm ngoại cảnh khiến cho nội tâm bị tổn hại. Như vậy thì cái tâm đã được kiến lập chánh đáng, muôn vật chẳng hề có thứ gì không bị cảm hóa theo. Bởi lẽ, căn bản của nhất tâm đã mạnh mẽ, chắc thật, tự nhiên muôn vật vốn là những thứ cành lá sẽ tươi tốt. Do vậy, muốn hướng dẫn muôn loài thì cái tâm phải thanh tịnh. Để khiến cho người khác chánh đáng thì chính mình phải chánh đáng trước đã.

Vào đời Tống, thiền sư Phù Sơn Viên đã nói: “Tâm là chủ của thân, là căn bản của muôn hạnh. Tâm chẳng diệu ngộ, vọng tình tự sanh. Vọng tình đã sanh, sẽ chẳng thấy rõ Lý, sẽ lầm loạn giữa đúng và sai. Vì thế, để đối trị cái tâm cần phải cầu diệu ngộ. Hễ ngộ ắt thân hòa khí tĩnh, vẻ mặt tư thái trang trọng, cung kính. Vọng tưởng và những tình thức ưu lự đều bị hòa tan trong chân tâm. Đấy là cách để chánh tâm vậy”.

Đời Hậu Hán, Quách Thái, tự Lâm Tông, có lần ngồi cùng thuyền với quan doãn đất Hà Nam là Lý

Ứng³³⁴. Người khác trông thấy hai vị ấy, ngỡ là được lên thuyền tiên. Triều đình nhiều lượt chèo kéo Quách Thái ra làm quan, ông đều chẳng chiều theo. Tánh ông khéo biết nhìn người, ưa cổ vũ, khích lệ các kẻ sĩ khiến họ đạt nhiều thành tựu. Quách Thái trông thấy Mao Dung trú mưa, ngồi ngay ngắn, bèn khuyên hãy đi học. Do biết Mạnh Mẫn làm vỡ bình hoa mà chẳng xót xa, Quách Thái cho là Mạnh Mẫn có tánh cách quyết đoán, cũng khuyên nên học hành. Về sau, họ đều trở thành bậc danh nho. Ông đề bạt Thân Đồ Bàn vốn là thợ chế sơn, ông nhận biết kẻ canh cửa là Dữu Thừa [là người có tài đức, đều khuyến khích họ gắng sức lập thân]. Những kẻ khác xuất thân là đồ tể, bán rượu, hoặc lính tráng, do được Quách Thái khích lệ, tiến cử đều thành danh rất đông. Một học sinh trong quận là Tả Nguyên do phạm pháp mà bị mọi người bài xích, gặp Quách Thái ông bèn an ủi: “Xưa kia Nhan Trác Tự là kẻ trộm lớn tại Lương Phủ, Đoàn Can Mộc cũng là

334 Lý Ứng là người sống vào thời Đông Hán, tánh tình cương trực, giao du rất thân với Quách Thái. Ông ghét bọn hoạn quan chuyên quyền, không chịu luồn cúi xu nịnh. Người đương thời ca ngợi “thiên hạ khải mô Lý Nguyên Lễ” (Lý Nguyên Lễ là bậc khuôn mẫu cho cõi đời), Nguyên Lễ là hiệu của ông. Người được quen biết với ông đều cảm thấy vinh hạnh như cá chép vượt Vũ Môn thành rồng vậy. Tánh ông kiên quyết đến nỗi em trai của quyền thần Trương Nhung là Trương Sóc làm huyện lệnh Dã Vương, vốn là kẻ tham tàn vô đạo, đức lẫn hạnh đều xấu xa, bị ông hạch tội. Trương Sóc sợ oai, trốn về kinh đô, núp trong một cái cột rồng rất to trong phủ. Ông điều tra ra, bèn kéo người đến bắt, phá cột, giết chết Trương Sóc. Khi ấy, lũ tay chân của Trương Sóc sợ hãi, chẳng dám hó hé tí nào! Cuối cùng bọn hoạn quan vu hãm, đàn hặc, khiến cho ông bị hạ ngục, chết trong tù.

kẻ buôn ngựa nơi đất Tấn, rốt cuộc họ trở thành bậc trung hiền của nước Tề, nước Ngụy. Đừng tức giận, căm hận, hãy trách chính mình mà thôi!” Nếu có kẻ dị nghị Quách Thái chẳng tuyệt giao với kẻ ác, ông đáp: “Người mà chẳng có lòng nhân từ, lại chán ghét kẻ ác quá đáng, họ sẽ làm loạn”. Tả Nguyên đang muốn kéo bè kéo đảng để báo thù, do được Quách Thái chỉ bảo bèn thôi. Giả Thục tánh tình âm hiểm, là mối lo cho làng nước. Quách Thái để tang mẹ, tiếp nhận phúng điếu của gã ấy. Có người trách móc, ông Quách bảo: “Trọng Ni (Khổng Tử) chẳng cự tuyệt người cùng làng. Tử Nguyên gột lòng, hướng về điều lành, vì thế tôi tán dương những điểm tiến bộ của ông ta”. Giả Thục nghe nói, bèn tự sửa đổi, trở thành bậc thiện sĩ. Những người như Sử Thúc Tân, Hoàng Doãn v.v... đều có tiếng tăm hiển hách, nhưng Quách Thái biết họ chẳng chân thật, cho là họ ắt sẽ suy bại. Về sau, quả đúng như vậy. Khi mối họa do quan lại kéo bè kết đảng tranh giành quyền lực nổ ra, những người nổi tiếng phần nhiều bị mắc họa, chỉ riêng Quách Thái do “ẩn giấu điều ác, phô bày điều thiện” là tránh khỏi màng lưới mưu toan hãm hại trong cõi đời. Khi ông mất, hơn một ngàn người đưa tang, cùng nhau khắc đá, lập bia. Thái Ung³³⁵ nói: “Tôi đã soạn khá nhiều những bài văn khắc trên bia mộ

335 Thái Ung là người giỏi văn chương, học rộng, thông thạo số thuật, thiên văn, lại còn tinh tường nhạc luật, giỏi điêu khắc, khéo viết văn bia, nên thường được mời viết văn bia cho những người nổi tiếng thuở ấy.

hoặc làm bài minh, chỉ riêng ông Quách là có đạo đức, chẳng thẹn [với những lời ca tụng trên văn bia] vậy!”

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công trung hậu, chánh trực, tiếng tăm vang dội cả nước. Ông sống tại Lạc Dương, [do chịu ảnh hưởng của ông], phong tục biến đổi, không ai chẳng tôn trọng, giữ vẹn danh tiết, gương ngừng chẳng muốn bàn tới chuyện tài vật lợi lộc. Ai nấy đều biết giữ liêm sỉ, hễ con cháu trong nhà muốn làm chuyện gì, ắt đều răn nhắc: “Chớ làm chuyện bất thiện, sợ Tư Mã Đoan Minh³³⁶ biết đến!”

Huyện lệnh Ung Khâu là Lưu Cử dùng lễ nghĩa giáo hóa dân. Hễ có kẻ đến thưa kiện, ắt sẽ dùng vẻ mặt hòa nhã, thiết tha răn dạy: “Có thể nhẫn nại trước con tức giận, chắc chắn sẽ khỏi phải đến chốn công đình”, bảo họ trở về suy nghĩ kỹ hơn. Kẻ thưa kiện bị cảm động, giác ngộ, liền bãi nại. Ông biến đổi phong tục to lớn, đức hạnh của dân chúng trở thành sâu dày. Hễ người làm quan, ngồi xử án phán quyết vốn là phải vì dân, thế mà có kẻ chấp nhật pháp luật quá lối, lại chẳng hiểu rõ tình hình dân chúng, thường có chuyện cứ khăng khăng vận dụng hình pháp đến nỗi kẻ tình nghi bị mất mạng! Sao không khiêm hư, bình đẳng, khoan dung để thấu đạt tình lý vậy thay?

336 Đoan Minh là biệt hiệu của Tư Mã Quang.

Đời Hậu Hán³³⁷, Trần Thập sống trong làng quê, dùng cái tâm công bằng hướng dẫn mọi người. Trong làng hề có chuyện kiện cáo liền mời ông làm người phân xử. Ông huấn dụ cặn kẽ đủ mọi lẽ, [khiến cho sau phán định], họ lui về chẳng ôm lòng oán hận. Họ còn nói: “Thà bị hình phạt, chớ bị ông Trần nêu ra khuyết điểm”. Đã từng có kẻ trộm núp trên kèo nhà, Trần Thập ngồi dậy, cầm đuốc gọi con em bảo: “Làm người chẳng thể không cố gắng. Kẻ bất thiện chưa chắc vốn là ác, do huân tập mà thành tánh; vì thế đến nông nổi này, trở thành kẻ đầu trộm đuôi cướp!” Tên trộm kinh hoàng, gieo mình xuống đất xin tha tội. Trần Thập thông thả khuyên nhủ, tặng hẳn hai xấp lụa, bảo hãy tự sửa đổi. Sự giáo hóa của ông lan khắp huyện, chẳng còn có nạn trộm cắp nữa!

Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) soán ngôi nhà Đường. Cháu của Vũ Hậu là Vũ Thừa Tự và Vũ Tam Tư³³⁸ lo

337 Hậu Hán ở đây là nhà Đông Hán, tức nhà Tây Hán được tái lập bởi Lưu Tú (Hán Quang Vũ Đế) sau khi dẹp tan Vương Mãng, không phải là nhà Hậu Hán thời Ngũ Đại của Lưu Trí Viễn.

338 Vũ Thừa Tự là con trai của Vũ Nguyên Sáng (anh cùng cha khác mẹ của Vũ Hậu). Khi Vũ Sĩ Hộ (cha của Vũ Tắc Thiên chết), Thừa Tự đã được tập tước Chu Quốc Công, lần lượt leo cao dần đến chức Văn Xương Tả Tướng (Tả Thừa tướng). Hắn ta mong được làm Thái tử nên đã sai bọn tay chân là Vương Khánh Chi, Trương Gia Phước v.v... dâng sớ xin Vũ Hậu lập Thừa Tự làm Thái tử. Do đại thần Lý Chiêu Đức can gián, Vũ Hậu bãi chức Thừa tướng của Thừa Tự. Về sau, Vũ Hậu lại lập con ruột là Lý Hiến (Đường Trung Tông) làm Thái tử, giấc mộng làm vua của Thừa Tự tan vỡ. Hắn uất ức phát bệnh mà chết. Vũ Tam Tư là con trai của Vũ Nguyên Khánh (anh cả của Vũ Tắc Thiên), từng được phong

toan để được trở thành Thái tử. Ý Thái hậu chưa quyết. Địch Nhân Kiệt tận trung với nhà Đường, thường thông dong nói với Thái hậu: “Văn Hoàng Đế (Đường Thái Tông) dãi gió dầm mưa để định thiên hạ, truyền cho con cháu. Đại đế (Đường Cao Tông)³³⁹ phó thác hai con³⁴⁰ cho bộ hạ. Nay bỏ dòng họ của các vị ấy đi, có nên hay không? Hơn nữa, giữa cô cháu và mẹ con,

làm Lương Vương khi Vũ Hậu xưng đế. Hấn là người tàn ác, xảo quyệt, hết sức tận tụy quét sạch những kẻ chống đối Vũ Tắc Thiên, nên Vũ Tắc Thiên rất yêu mến tín nhiệm, từng có ý định cho hấn làm Thái tử. Vũ Tam Tư từng dùng mọi thủ đoạn triệt hạ tông thất nhà Đường, gây nên nhiều biến loạn trong cung đình khiến các đời vua Đường Trung Tông, Đường Duệ Tông bất ổn, nhiều nhượng.

339 Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) khi mất có thụy hiệu là Văn Vũ Đại Thánh Đại Quang Hiếu Hoàng Đế, nên thường gọi tắt là Văn Đế. Ngay trong khi Đường Cao Tông (Lý Trị) còn sống, do quân thần bợ đỡ Vũ Tắc Thiên, đã tôn xưng Cao Tông là Thiên Hoàng Đại Đế, còn Vũ Tắc Thiên được xưng tụng là Thiên Hậu. Vì thế, khi nhắc tới Đường Cao Tông, quân thần thường phải gọi là Đại Đế tuy ông này hôn ám nhu nhược, hoàn toàn bị Vũ Tắc Thiên thao túng.

340 Vũ Hậu có sáu người con với Đường Cao Tông là Lý Hoảng, Lý Hiền, Lý Hiến, Lý Đán, công chúa An Định và công chúa Thái Bình. Lý Hoảng nhân từ, sức khỏe yếu, hơi nhu nhược, không tán đồng những hành vi chuyên quyền, đối xử tàn tệ với hoàng tộc nhà Đường, nên bị Vũ Tắc Thiên ghét bỏ, tính phế ngôi Thái tử. Ông chết đột ngột năm 25 tuổi, có thuyết nói là do bị Vũ Tắc Thiên hạ độc. Người con thứ là Lý Hiến rất hiền minh, chánh trực, nên bị Thái hậu ghét bỏ vì không theo phe bà. Lại vì một tay đao sĩ sủng ái của Vũ Hậu là Minh Sùng Nghiễm bị bọn cướp đánh chết, Vũ Hậu càng nghi Lý Hiến ngầm làm chuyện này, do trước đó Minh Sùng Nghiễm đã nhiều lần công khai gièm pha Lý Hiến trước mặt mọi người. Để tăng công, bọn Tiết Nguyên Siêu, Bùi Viêm, Cao Trí Châu đã âm mưu hãm hại, vu cáo Lý Hiến chiêu tập binh mã mưu mô làm loạn. Lý Hiến bị kết tội, đày đi Ba Thục, cấm không cho về kinh đô. Về sau, Vũ Hậu lại sai người đến ép ông uống thuốc độc tự tử. Do vậy, chỉ còn hai người con trai là Lý Hiến và Lý Đán. Do họ rất nhu nhược nên còn sống sót. Công chúa Thái Bình cũng là người mưu mô thủ đoạn, tiếp tục lũng đoạn triều chánh trong một thời gian dài sau khi Vũ Hậu mất mãi cho đến khi bị Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng) dùng mưu mới trừ khử được.

đằng nào thân thiết hơn? Bệ hạ lập con nối ngôi, ắt ngàn đời muôn năm sau, được thờ phối hưởng trong Thái Miếu, vĩnh viễn tiếp nối chẳng cùng. Lập cháu, ắt chưa hề nghe có chuyện cháu làm thiên tử sẽ thờ kèm thêm cô trong miếu thờ tổ tiên!” Do vậy, ông khuyên Thái hậu triệu Lư Lăng Vương³⁴¹ về, lại lập làm Thái tử. Ông đã có công biến đổi nhà Chu thành nhà Đường³⁴². Về sau, ông được cử làm Bình chương sự³⁴³, tước phong Lương Quốc Công.

Thời Ngũ Đại, Phòng Cảnh Bá làm Thái thú huyện

341 Lư Lăng Vương là tước phong của Lý Hiến. Về sau, Lý Hiến lên làm vua, tức Đường Trung Tông.

342 Sau khi Đường Cao Tông mất, Lý Hiến lên làm vua tức Đường Trung Tông, nhưng quyền hành thật sự nằm trong tay Thái hậu Vũ Tắc Thiên. Bà ta sai hoạn quan Khâu Thần Tích sang Tứ Xuyên ép cựu Thái tử Lý Hiền uống thuốc độc tự tử. Do Trung Tông có ý chống đối, bà liền phế Trung Tông, lập Lý Đán lên làm vua, tức Đường Duệ Tông. Ông này chỉ làm vua bù nhìn. Bà ta thân tóm quyền hành, giết hại công thần, lưu đày hoàng tộc nhà Đường xuống vùng Lĩnh Nam. Gã sư phá giới là Pháp Minh lại ngụy tạo bốn quyển Đại Vân Kinh để ca ngợi Vũ Hậu là Phật Di-lặc giáng trần. Bọn bợ đỡ là Phó Du Nghệ cùng hơn chín trăm đại thần bèn thừa cơ dâng biểu xin Vũ Hậu xưng đế. Bà ta liền đổi quốc hiệu là Chu, ngạo mạn xưng tôn hiệu là Thánh Thần Hoàng Đế, giáng Duệ Tông xuống làm Hoàng tự (danh xưng khác của Thái tử), truy tôn cha ông mình thành Hoàng đế.

343 Bình chương sự có tên gọi đầy đủ là Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, tương đương với chức Tể tướng. Thời Đường Thái Tông, đã quy định trưởng quan của ba cơ quan hành chính (Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh và Thượng thư tỉnh) là Trung thư lệnh, Thị trung và Thượng thư bộc xạ cùng giữ vai trò Tể tướng. Cả ba vị này đều được gia phong cấp bậc Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, đến thời Vũ Tắc Thiên đổi thành Đồng phượng các loan đài bình chương sự. Đến đời Đường Đại Tông, chức vụ này mới đổi thành Đồng bình chương sự và mới là Tể tướng thật sự đứng đầu bá quan.

Thanh Hà. Mẹ là Thôi Thị thông thạo kinh điển, rất hiểu biết. Có một phụ nữ ở Bối Khâu tố cáo con mình bất hiếu. Mẹ ông Phòng nói: “Dân chưa biết lễ nghĩa, há đáng quở trách sâu nặng?” Bèn gọi người mẹ ấy đến, bảo ngồi đối diện bên bàn cùng ăn, sai đưa con đứng hầu phía dưới, xem Cảnh Bá dâng cơm cho mẹ. Suốt mười ngày như thế, đưa con ấy hối lỗi xin về. Mẹ ông Cảnh Bá nói: “Tuy về mặt đã lộ vẻ hối hận, nhưng cái tâm chưa quyết!” Lại giữ thêm hai mươi mấy ngày nữa, đưa con ấy dập đầu đến chảy máu, mẹ hẳn chảy nước mắt xin về. Sau đấy, nghe thấy đứa con ấy được khen là hiếu thảo.

Anh em Thí Tá và Thí Hữu đều làm Tri Châu, từ quan về nhà. Do phân chia ruộng đất không công bằng, giữa cốt nhục với nhau có mối hiềm khích. Thân hữu chẳng thể hòa giải được! Người cùng huyện là ông Nghiêm Khê Đình, tên là Phượng, một niềm hiếu hữu (hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em), phụng sự anh như cha, giúp đỡ che chở, thương yêu chẳng sót chút gì! Ngẫu nhiên, ông Nghiêm ngồi cùng thuyền với Thí Hữu, Thí Hữu nhắc tới chuyện gia sản. Ông Nghiêm chau mày nói: “Anh tôi nhu nhược, tôi chính vì chuyện này mà khổ não! Giá được như anh của ông có thể tận hết sức đoạt sạch ruộng của tôi, tôi còn phải lo lắng chi nữa?” Nhân đấy, gạt nước mắt không ngừng. Thí Hữu động lòng cảm ngộ, bèn mời ông Khê

Đình (Nghiem Phuong) cùng đến nhà anh mình. Ông vừa lay vừa khóc, tự hối hận, tự trách sâu xa. Thí Tá cũng rơi nước mắt an ủi. Mọi người đều muốn nhường ruộng cho nhau, bèn suốt đời hòa thuận, yêu thương nhau. Đến nay cả hai người bọn họ đều có con cháu đông đúc. Người đời vẫn thích bàn về chuyện ấy!

Trong ba câu chuyện trên đây, trung hiếu thuận thảo sẽ cảm hóa người khác, vốn chỉ là tự giữ thân mình tốt đẹp, sẽ khiến cho người khác được cảm hóa giống như vậy. Càng thấy rõ thiên tánh vốn tốt lành như thế đó!

Cặng cô tuất quả, kính lão hoài ấu.

矜孤恤寡。敬老懷幼。

Thương xót con cô, cứu giúp quả phụ. Kính già, thương trẻ.

Ông Vu Thiết Tiêu nói: “Mẹ góa, con cô là nỗi bất hạnh trong đời người. Già cả, ấu thơ, đời người ắt phải trải qua. Thương xót, cứu giúp, kính trọng, quan tâm cũng là do lương tâm tự nhiên đầy động. Nếu chẳng phải là kẻ tội bậc hung bạo trong thiên hạ sẽ chẳng thích bức hiếp người cô quả, khinh người già, lừa gạt trẻ thơ! Nhưng sự cai trị của Văn Vương cũng chẳng ngoài “*ai thử qùynh độc*” (哀此煢獨, xót thương những người cô quạnh), chí của phu tử cũng chẳng ngoài “*lão an thiếu hoài*” (老安少懷, yên già, quan tâm trẻ). Vì sao? Thiện

tâm dễ sanh, thiện lượng (善量, tâm lượng tốt lành) khó trọn. Kẻ không có sức cố nhiên hãy trọn hết tấm lòng này. Kẻ có sức hãy nên ra sức thực hiện chuyện thương xót, giúp đỡ. Thân thiết thực hiện công phu thành kính, quan hoài, chớ nên viện cớ “có tấm lòng là được rồi” để qua quýt cho xong chuyện. Thơ của Bạch Thái Phó (Bạch Cư Dị) có câu: “*Tuế thời xuân nhật thiểu, thế giới khổ nhân đa*” (Trong năm ngày xuân ít, thế gian người khổ nhiều). Lại có câu: “*Vật tình tiểu khả niệm, nhân ý lão đa từ*” (Tình cảm đối với muôn vật thì đáng hoài niệm nhất là lúc bắt đầu, đối với tình cảm con người thì phải nhân từ đối với người già cả). Lời lẽ của bậc có lòng nhân khiến cho người đọc cảm thấy rất vui sướng.

“Cô” (孤) là kẻ chưa thể trưởng thành, cha mẹ đã sớm qua đời, hoặc là mẹ chết, cha vừa mới tục huyền, hoặc là cha chết, mẹ lại tính đi thêm bước nữa. Tệ nhất là cả cha lẫn mẹ đều chết, còn bé bỏng mà đã cô cút, bất hạnh đến mức ấy, tình cảnh khôn kham! Dầu kẻ qua đường còn sanh lòng thương xót, hướng là thân bằng quyến thuộc, họ hàng, càng khó thể ơ hờ được! “Căng” (矜) là thương xót. Điều đáng phải nên có là tấm lòng chí thành thương xót, nuôi nấng dạy bảo, khiến cho kẻ không nơi nương tựa có chỗ nương tựa, không nơi gởi gắm bèn có chỗ gởi gắm cho tới khi đã trưởng thành, tự lập mới thôi! Gieo đức dày trong nhân gian, an ủi u hồn dưới tuổi vàng, quả báo đạt được há nông cạn ư?”

Phụ lục: Biện pháp tổ chức Từ Ấu Cục (viện mồ côi)

Tại các quận, huyện của nhà Đại Tống, đều lập Từ Ấu Cục. Phàm con cái của những nhà nghèo muốn được nuôi dưỡng, đưa đến viện, sẽ được sắp xếp như mẫu chăm sóc, nuôi nấng. Hoặc là kẻ không có con cái, đến Từ Ấu Cục xin về. Ngay trong những năm đói kém, cũng chẳng bỏ chuyện từ thiện này, chánh sách thương xót cô nhi dưới đời Tống cặn kẽ như thế đó. Cho đến nay, phong cách nhân từ được phổ biến rộng rãi, nhiều người chuộng làm lành. Những nơi như kinh đô, Dương Châu, Tô Châu v.v... đều lập Dục Anh Đường (cô nhi viện), cách thức này càng thêm chu đáo, tỉ mỉ. Gom tiền của để lập ra một nơi có căn nhà trống to lớn, bốn phía là tường cao. Trong nhà ắt có đầy đủ giường, bếp, đồ vật dùng để nấu nướng, ăn uống. Phía trước làm cửa nhỏ, có then cài. Đàn ông không được vào đó, chọn người lão thành nghiêm nghị trông coi. Những phụ nữ nghèo, mập mạp, mạnh khỏe, đã có con, muốn làm như mẫu thì cho họ đem theo con sống trong ấy, cấp thức ăn theo hạn lượng. Ngoài cửa đặt một cái trống lớn. Kẻ sanh con mà chẳng muốn nuôi dưỡng, đặt con trong giỏ, viết họ và ngày sanh tháng đẻ, gắn tờ giấy ấy lên trên, chờ lúc chiều tà hoặc đêm tối không có ai, đưa tới ngoài cửa, đặt con dưới đất, đánh một tiếng trống. Người trong viện nghe tiếng trống sẽ ra cửa nhận lấy, người cho con đã đi rồi. Làm như vậy vì sợ người ấy

hoặc là ôm niêm hổ thẹn, hoặc vì sợ mắc họa mà không muốn cho kẻ khác trông thấy. Trẻ được đưa tới bèn cử người có sữa làm nhũ mẫu. Cách dùng họ của người nhũ mẫu ấy để gọi trẻ sợ rằng do lâu ngày sẽ quên mất họ thật của nó, hoặc nếu có nhiều đứa trẻ mang cùng họ sẽ gây ra lầm lẫn. Mời một y sĩ có kinh nghiệm già dặn về bệnh tật trẻ con đến chẩn đoán, chăm sóc bệnh cho trẻ. Lập một chỗ làm nghĩa trang từ thiện, có trẻ nào chết yếu bèn khâm liệm rồi chôn tại đó. Thuê thêm hai, ba phụ nữ siêng năng, trẻ dứt sữa liền giao cho họ chăm sóc. Một phụ nữ có thể chăm sóc mấy đứa trẻ. Vì thế, cách làm này khiến cho trẻ đến sau cũng có người chăm bẵm, nuôi nấng. Nhũ mẫu nào cạn sữa, ra khỏi viện, nếu yêu mến đứa trẻ mà mình đã cho bú, cho phép bà ta mang theo. Trẻ được năm, sáu tuổi, hãy xét xem phẩm chất của nó là cao hay thấp mà dạy dỗ. Ở ngoài viện mồ côi, lập một chỗ dạy võ lòng, mời một vị thầy đến dạy. Trẻ trai sáng dạ bèn dạy cho nó học hành. Trẻ ngu độn bèn bảo nó làm những việc quét dọn trong viện, trong trường. Trẻ gái tánh tình đoan trang, khéo léo, nhũ mẫu sẽ dạy những việc thuộc về nội trợ, dạy nó thêu thùa may vá. Đứa đần độn, vụng về thì cũng sai nó làm các việc vặt. Trẻ trai mười tuổi trở lên, không được vào trong nội đường nhằm tránh mọi nỗi hiềm nghi. Hoặc là cho nó làm người thừa kế cho kẻ không có con, hoặc cho tăng sĩ, đạo nhân làm

huong đồng³⁴⁴, hoặc làm kẻ hầu cho những nhà khá giả. Tùy theo tài năng của nó mà quyết định đưa nó đến đâu hòng tùy duyên nương cậy. Chẳng lấy tiền chuộc thân cho chúng, chẳng lo chúng nó sẽ không có nơi sống. Tuy hết sức kém hèn, vẫn tốt hơn là chết non! Nếu trẻ có tài năng khác người, mai sau có thể tự thành gia lập nghiệp, chẳng phải là trách nhiệm của người chủ cô nhi viện. Nếu trẻ đã lớn có thể tự kiếm sống, có thể lập gia đình, bèn cưới nữ nhân trong viện, dạy nó đừng lấy con gái nhà khác, nhằm biểu thị nó chẳng quên gốc vậy. Con gái chưa đến tuổi cài trâm, không ra khỏi cửa viện mồ côi. Đã cài trâm, bèn gả cho con nhà bình dân ngoài phố, sinh lễ chỉ cần một chút quần áo, trang sức là được rồi. Nếu nhiều hơn, hãy đưa vào quỹ chung của viện, chẳng được gả cho người có học³⁴⁵, mà cũng chẳng được bán làm tớ gái. Bởi lẽ, xuất thân khá hèn kém chẳng thể khảo chứng nguồn gốc tổ tiên. Nếu trẻ gái có nhan sắc xinh đẹp, nhà giàu muốn mua

344 “Hương đồng” (香童) là trẻ trông coi nhang đèn, làm việc vặt trong các chùa miếu, đạo quán, hoặc làm người hầu cho các vị tăng sĩ, đạo nhân.

345 Thời xưa, người có học do có thể đỗ đạt làm quan, vợ có thể sẽ được sắc phong, hoặc mai sau con cái đỗ đạt, vinh hiển, có thể xin triều đình sắc phong cho mẹ. Triều đình sẽ xét nguồn gốc dòng họ, do người nữ ấy là trẻ mồ côi không rõ xuất xứ, sẽ đẩy lên nhiều nỗi dị nghị, khiến cho chồng hoặc con gặp trắc trở trên đường công danh. Hơn nữa, do con cái đỗ đạt, mẹ xuất thân hèn kém, không rõ nguồn gốc, sẽ gặp cảnh con dâu cậy mình dòng dõi cao quý, khinh rẻ mẹ chồng. Đã thế, nếu mẹ xuất thân hèn kém, con do người ấy đẻ ra sẽ không được coi là dòng chính, bản thân người ấy không được lập thành chánh thất, dẫu được cưới gả trước, vẫn bị coi là tỳ thiếp.

làm thiệp hầy nên cự tuyệt, để khỏi trở ngại đạo nghĩa. Đừng cho là sẽ được nhiều tiền sính lễ để dùng làm tiền chi dụng cho cô nhi viện rồi nhận lời gả bán. Trong số các vị thiện tín, cử ra người trung hậu công chánh, khôn khéo sáng suốt, giàu kinh nghiệm ứng phó, mà người đó lại có nhiều thời gian rảnh rỗi để đứng ra trông nom chung mọi việc. Phàm những chuyện như cho trẻ trai, trẻ gái ra khỏi viện, thu nhập tiền bạc, cùng với những việc lớn nhỏ hằng ngày không gì chẳng xem xét. Lập một thùng chứa đồ hiến tặng ở cửa, để những người thích làm điều nghĩa đi qua, muốn cho một đồng tiền, một nắm gạo bèn bỏ vào đó. Mỗi thứ nhận được không gì chẳng đều ghi chép tường tận. Quy mô đã thành, thiện duyên dần dần rộng hơn, có thể tiến hành lâu ngày chẳng đến nỗi phế bỏ. Đấy chính là điều thiện to lớn hòng giúp cho sự sanh thành dưỡng dục của trời đất vậy. Chỗ khó khăn chỉ là gom được tiền bạc để lập cô nhi viện đó thôi! Nhưng trong một quận lớn, trẻ thơ bị vứt bỏ nhiều lắm, ắt chi phí sẽ nhiều, nhưng hàng thiện tín cũng nhiều. Quận nhỏ thì thiện tín ít, mà trẻ bị bỏ rơi cũng ít, cho nên chi phí cũng ít. Tâm những người chuộng điều thiện giống nhau, nếu được đôi ba người đề xướng, không chỗ nào chẳng thể thực hiện được. Chẳng lo thiên hạ không có người thừa sức, chỉ lo chẳng có kẻ có thể phát nguyện to lớn đó thôi! Do vậy, thuật bày cặn kẽ, hòng giúp cho người thích làm lành có cái để cân nhắc hòng chọn lựa!

Đời Tống, Diệp Mộng Đắc nói: “Tôi ở Hứa Xương nhằm năm bị lụt to, xác người chết trôi vô số. Tôi tấu trình xin mở kho Thường Bình để chẩn tế, cứu sống hơn mười vạn người, nhưng không có cách nào cứu giúp những trẻ thơ bị ruồng bỏ! Ngẫu nhiên hỏi những người chung quanh: “Cớ sao những người không có con chẳng thu dưỡng những đứa trẻ bị vứt bỏ ấy?” Họ thưa: “Người muốn nuôi con thì có, nhưng họ sợ đến năm được mùa, cũng như đến khi con khôn lớn, cha mẹ nó lại đến nhận”. Do vậy, tôi lập ra phương cách: “Phàm là những kẻ vì gặp tai ương, hay thương tật, phải ruồng bỏ con thơ, cha mẹ sẽ không được phép nhận lại con”. Cho in mấy ngàn tờ bằng khoán để trống cấp cho trong ngoài. Phàm những kẻ nhận con nuôi sẽ tự nói có được đứa con ấy từ chỗ nào, viết rõ trong bằng khoán, coi như chứng thư hộ tịch. Người nhận nuôi nhiều sẽ được thưởng. Lại còn đem gạo còn dư từ kho Bình Thường, cân nhắc số lượng, để ban cho người nghèo làm vốn. Việc định xong, tính theo số bằng khoán đã lập, có đến ba ngàn tám trăm người [dùng phương thức ấy để nhận con nuôi]. Kẻ làm quan cũng nên biết chuyện này. Lại từ khi chiến tranh nổ ra cho đến nay, có những kẻ phải ẩn nấp trong rừng rậm, có nhiều kẻ vì bọn giặc nghe tiếng trẻ khóc mà chẳng tránh khỏi bị hại. Vì thế, kẻ tránh giặc liền vứt bỏ trẻ thơ không đoái hoài. Có kẻ bày kế lấy viên bông gòn bỏ vào miệng trẻ, khiến cho nó ngậm miệng mà trẻ không

bị ngạt, hoặc cục bông ấy chứa sẵn ít bột cam thảo, khi cho trẻ ngậm thì thấm nước để nó nút cục bông, nếm vị ấy. Trẻ trong miệng có vật ấy sẽ chẳng phát ra tiếng. Bông gòn mềm lại chẳng làm miệng trẻ bị thương. Do vậy, cho in phương pháp ấy thành nhiều bản để yết thị, khiến cho trẻ thơ được toàn mạng rất nhiều. Kẻ gặp những biến cố binh đao cũng nên biết điều này!”

Đời Tống, ông Trương Hiếu Cơ làm rể cho một người giàu có cùng quận. Người giàu có ấy sanh một đứa con không ra gì, bèn đuổi nó ra ngoài. Đến khi người giàu có ấy bị bệnh, lúc sắp chết, đã giao hết gia tài cho Hiếu Cơ. Về sau, đứa con của người giàu ấy làm kẻ ăn mày, Hiếu Cơ thương xót đứa con côi ấy, do vậy bèn hỏi nó: “Có thể tưới vườn hay không?” Nó đáp: “Nếu có cái ăn thì may mắn lắm thay!” Ông liền thu nhận, sau đấy lại hỏi: “Có thể quản lý nhà kho hay không?” Thưa: “Tưới vườn là đã may quá rồi, được quản lý kho thì càng may mắn quá!” Ông liền cho nó trông kho. Hiếu Cơ quan sát thấy nó cẩn thận, thật thà, chẳng còn thái độ cũ, bèn trả hết toàn bộ gia tài cho nó. Sau khi Hiếu Cơ đã mất, bạn ông đến chơi Tung Sơn, trên đường gặp một đoàn xe cấm đầy cờ xí, dường như là xe của bậc đại quan. Trộm nhìn người ngồi trên xe, thì ra là Hiếu Cơ, bèn vái chào hỏi nguyên do. Ông đáp: “Thượng đế do thấy tôi trả lại tài sản, chẳng lấn hiếp đứa con côi, sai tôi làm chủ núi này”. Nói xong chẳng thấy đâu nữa!

Thời Chu, người đàn bà đạo nghĩa nước Lỗ chính là vợ một người dân nước Lỗ. Người Tề tấn công nước Lỗ, người đàn bà đạo nghĩa ấy bỏ đứa trẻ đang ẵm, để bông lấy đứa trẻ đang dất. Quân Tề hỏi: “Đứa bé bị bỏ là ai?” Người đàn bà đáp: “Con tôi”. Lại hỏi: “Đứa bé đang được ẵm là ai?” Người đàn bà đáp: “Con của anh tôi”. Quân lính hỏi: “Vì sao ngươi lại bỏ đứa con do mình sanh ra để ẵm con của anh?” Đáp: “Con đối với mẹ là tình yêu thương riêng tư. Cháu đối với cô là đạo nghĩa chung. Bỏ công theo tư, bỏ mặc đứa con cô của anh, thiếp chẳng làm được!” Quân Tề nói: “Nước Lỗ có người đàn bà còn giữ tiết hạnh như thế, huống hồ là vua của xứ này!” Bèn rút quân về. Vua nước Lỗ nghe chuyện, ban thưởng, gọi là Nghĩa Cô (義姑, người cô có đạo nghĩa). Ôi! Người đàn bà nước Lỗ do bảo vệ đứa con cô, do một lời mà giữ yên đất nước. Nay những kẻ được gọi là bậc tu mi nam tử lại trái nghịch đạo nghĩa, sống thừa, đối với bà này, há có thể không hổ thẹn chút nào ư?

Đời Thục Hán³⁴⁶, Trương Duệ thuở bé chơi thân với Dương Cung. Dương Cung mất, để lại đứa con cô mới được mấy tuổi. Trương Duệ đón mẹ Dương Cung

346 Thục Hán là nước Hán thời Tam Quốc, do Hán Chiêu Liệt Đế (Luu Bị) lập ra. Do nước này thuộc đất Thục (tỉnh Tứ Xuyên), nên gọi là Thục Hán. Lãnh thổ Thục Hán bao gồm Ích Châu (tức vùng bốn địa tỉnh Tứ Xuyên và Hán Trung). Vùng này từ đời Ân Thương được gọi là Ba Quận do có người Ba sinh sống đầu tiên. Ích Châu bao gồm hai mươi hai quận.

về phụng dưỡng, cưới vợ cho con của Dương Cung, mua nhà cửa ruộng đất cho nó. Mọi người kính trọng đạo nghĩa của ông, về sau ông làm Thái thú Ích Châu.

Trầm Gia Mô, người xứ Ngô Giang. Khi cha ông làm quan Hoàng môn³⁴⁷, ông sống trong làng, ưa chuộng đạo nghĩa. Cùng huyện có đứa con của người họ Cố mới mười tuổi, mồ côi mà gia nghiệp khá dư dả. Khi ấy, đang gặp mối lo trộm cướp, quan huyện triệu tập các tay thế gia vọng tộc trong huyện để bàn chuyện các nhà giàu có phải lo chuyện cung cấp lương hương cho quân đội. Mọi người đều nói: “Không ai bằng đứa con nhà họ Cố”. Riêng mình ông Trầm Gia Mô lo ngại nói: “Nó là đứa con côi non dại, làm sao có thể kham nổi việc này”. Mọi người nói: “Nó có nhiều tiền đồ sẽ có thể lo liệu được”. Ông bảo: “Tôi chính là vì lo những

347 Hoàng môn là một chức quan thời cổ, gọi đầy đủ là Hoàng môn Thị lang. Theo ông Hoàng Bách Lâm, chức quan này trực thuộc cơ cấu Môn hạ tỉnh. Chỉ riêng đời Đường Trung Tông, Môn hạ tỉnh được gọi là Hoàng môn tỉnh, cho nên chức quan đứng đầu Môn hạ tỉnh thường gọi là Hoàng môn Thị lang. Môn hạ tỉnh là cơ quan hành chính trung ương, chuyên trách cân nhắc nội dung các chiếu lệnh cụ thể trước khi ban hành. Về sau, mở rộng thêm quyền hạn thành cố vấn, đồng thời đặc trách can gián, góp ý. Đến đời Nguyên, chức trách can gián giao hẳn cho Ngự sử đài, Môn hạ tỉnh chuyên đặc trách các vấn đề chánh sách, rồi dần dần bị phế bỏ. Cả ba tỉnh chỉ còn lại Trung thư tỉnh thống trị toàn thể sáu bộ. Thoạt đầu, trong ba cơ cấu thuộc Tam tỉnh, Môn hạ tỉnh và Trung thư tỉnh có chức trách vạch ra kế hoạch, quyết sách, còn Trung thư tỉnh đảm nhiệm chức trách chấp hành. Đời Tùy, chức quan đứng đầu Môn hạ tỉnh gọi là Nạp ngôn, đến đời Đường đổi thành Thị trung, viên phó quan được gọi là Môn hạ Thị lang. Lại đặt thêm các chức Cấp sự trung, Tán kỵ thường thị, Gián nghị đại phu, Khởi cư lang, Thập di v.v...

kẻ tôi tớ có quyền thế, sẽ mượn việc quân nặng nề ấy để lừa dối, lấn hiếp ấu chủ, nhà ấy sẽ bị phá tan ngay. Nếu cứ muốn cử con nhà họ Cố đảm nhiệm việc binh, tôi xin đi thay cho nó”. Ông vui vẻ ghi tên của chính mình. Sau đó, chiến sự phát sanh suốt mấy năm, chẳng phiến đến đưa con nhà họ Cố. Cả huyện ca ngợi nghĩa khí của ông Trầm.

“Quả” (寡, góa bụa) là tuổi còn đang trẻ trung, chồng bỗng lìa đời, hình đơn bóng chiếc, mắt nhìn toàn thấy những cảnh tượng buồn tênh. Huống hồ con cái thơ dại, trăm sự chẳng có người lo liệu. Mạnh Tử gọi tình cảnh này là “*cùng nhi vô cáo*” (窮而無告, cùng quẫn, không có nơi nương cậy). “Cùng” (窮) là tột bậc. Tai họa biến đổi như thế, há chẳng phải là cùng cực ư? Muốn nói, há có ai để thổ lộ, chẳng phải là không nơi nương cậy ư? “Tuất” (恤) là chu cấp, nâng đỡ, nuôi thân họ, thành tựu tiết hạnh cho họ. Con người sống giữa trời đất, chỉ có góa phụ là khổ sở nhất. Lúc trẻ thì bị kẻ cường bạo hiếp đáp. Giàu thì dòng họ cắn nuốt, già thì run rẩy, ai thương xót? Nghèo thì không có cách nào lo liệu áo cơm. Nếu bà góa không con, lập chí thủ tiết càng là khó có. Ai có thể thương xót, giúp đỡ họ, ắt đủ cảm thông Thượng đế trên chín tầng trời, cảm động quỷ thần trong tam giới, há nên nói là ân huệ nhỏ nhất ư?

Đời Minh, Đỗ Hoàn ở Kim Lăng, cha là Nhất Nguyên, chơi thân với Thường Doãn Cung. Doãn

Cung chết, mẹ đã già không nơi nương tựa, đội mưa tới nhà Đỗ Hoàn. Khi ấy, Nhất Nguyên đã chết, Đỗ Hoàn kinh ngạc hỏi nguyên cớ. Bà mẹ khóc lóc kể nguyên nhân. Đỗ Hoàn cũng khóc, đỡ bà cụ ngồi lên rồi bái lạy, bảo người nhà phụng dưỡng cụ như bà nội. Bà cụ tánh nóng nảy, hễ có chuyện gì hơi chẳng vừa ý bèn tức tối, trách móc. Đỗ Hoàn thuận theo, hầu hạ rất cẩn thận. Khi bà cụ bị bệnh, ông đích thân hầu hạ thuốc men. Khi lâm chung, cụ nói: “Tôi đã làm phiền ông Đỗ, nguyện con cháu ông Đỗ đều được như ông Đỗ”. Cụ mất đi, ông Đỗ mai táng, lễ nghi chu đáo tột bậc. Hằng năm đều bái tế mộ phần, người đời xưng tụng ông là bậc đạo nghĩa cao trọng.

Chu Huy ở Nam Dương cùng huyện với Trương Kham. Thiên hạ thường nói: “*Trương quân vi chánh, lạc bất khả chi giả dã*” (Ông Trương cai trị, vui sướng khôn ngần). Trương Kham gặp Chu Huy trong trường Thái học, đãi nhau bằng tình bạn thân thiết, nắm tay dặn dò: “Mai sau tôi qua đời, xin cậy anh chăm sóc vợ con giùm”. Chu Huy do thấy Trương Kham là bậc tiền bối về đức hạnh lẫn học vấn, chẳng dám nhận lời. Sau đấy chẳng còn gặp nhau nữa. Sau khi Trương Kham mất, Chu Huy nghe vợ con ông Kham nghèo nàn khốn khó bèn xẻ com nhường áo. Con của Chu Huy lấy làm lạ, thắc mắc: “Cha đã chẳng phải là bạn của ông Trương, có sao bỗng làm như thế?” Chu Huy đáp: “Ông Kham

đã từng thốt lời tri kỷ như thế, cha đã ghi tạc trong lòng”. Về sau, Chu Huy cai quản vùng Lâm Hoài, cũng khéo cai trị, được dân chúng ca ngợi, làm quan đến chức Thượng thư bộc xạ³⁴⁸.

Ôi! Nay thì những kẻ mẹ góa con côi không nơi nương tựa, chỗ nào cũng có, há có được người giống như mấy vị trên đây thương xót, giúp đỡ, nuôi nấng vậy thay! Ở đây xin khuyên những người có chí hãy phỏng theo, lập hội từ thiện giúp đỡ những bà góa. Phương cách là quyên mộ bạn bè bỏ tiền ra, lệ phí hoặc nộp từng tháng, hoặc đóng mỗi năm. Tiền lệ phí giữ tại nhà người có sức (người dư dả), siêng năng dò hỏi những kẻ góa bụa lại nghèo hèn, cân nhắc để chu cấp mỗi tháng. Cố nhiên là công đức ngấm ngấm ấy sẽ không có gì to lớn bằng! Kẻ chẳng thể làm như thế thì hãy thấy nghe bèn tùy sức chu cấp, giúp đỡ, cũng có gì chẳng phải là nhân đức ư? Chỉ sợ là kẻ có cái tâm ấy

348 Thượng thư bộc xạ (尚書僕射) chính là chức quan phụ tá của Thượng thư lệnh (người đứng đầu cơ quan Thượng thư tỉnh). Thời Tam Quốc, chia thành Tả bộc xạ và Hữu bộc xạ. Về sau, mỗi khi chức Thượng thư lệnh bị khuyết, Bộc xạ sẽ lâm thời hoặc trường kỳ đứng đầu Thượng thư tỉnh. Thời Đường Tống, Thượng thư bộc xạ đóng vai trò Tế tướng. Riêng dưới thời Vũ Tắc Thiên, danh xưng của chức vị này được gọi là Văn xương tả tướng và Văn xương hữu tướng. Đến thời Tống Thần Tông, Tả bộc xạ bị đổi thành Môn hạ Thị lang, Hữu bộc xạ đổi thành Trung thư Thị lang, giữ vai trò Tế tướng thật sự. Đến đời Nguyên, cơ cấu Thượng thư tỉnh hoàn toàn bị bỏ, chỉ còn giữ lại Trung thư tỉnh trong ba tỉnh, chức vụ Thượng thư bộc xạ bị phế trừ, Trung thư thừa tướng đảm nhiệm vai trò của Thượng thư bộc xạ. Các danh nhân từng giữ chức vụ này là Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Lý Tĩnh, Ôn Ngạn Bác, Chử Toại Lương...

nhưng luôn bị ngăn trở bởi hiềm nghi, gàn quải, hủy báng! Người có trí hãy nên suy nghĩ cách thức tốt đẹp để thực hiện.

Đời Tống, ông Triệu Khang Tĩnh mồ côi cha từ lúc bảy tuổi. Bà mẹ dốc chí dạy dỗ ráo riết. Về sau ông đỗ đạt, làm Học sĩ³⁴⁹. Ông Triệu xin ấm phong cho mẹ. Tể tướng nói: “Hễ có công to, sẽ được phong thưởng chẳng xa!” Ông thưa: “Mẹ tôi góa bụa, đã tám mươi rồi, sáng chẳng đảm bảo tối. Xin hãy ban thưởng ngay lúc này để mẹ được rạng mày nở mặt”. Tể tướng chấp thuận. Lại có Lý Quân, mồ côi cha từ thuở lên ba. Có kẻ dụ dỗ mẹ ông tái giá, mẹ giận dữ quở trách: “Nghĩa vợ chồng là mối thiên luân, chết hay sống là do mạng lệnh của Thượng đế, ta thà chết đói, há nên tái giá hay sao?” Bèn quyết chí thủ tiết, dạy con đỗ đạt.

Than ôi! Những người giống như thế, thần lẫn người đều khâm phục, kính trọng, ắt được báo đáp sâu dày vì họ tôn trọng nhân luân, há chỉ là con của họ được quý hiển ư? Chớ nên coi rẻ bà góa, cố nhiên là như thế. Nay lại dùng điều này để huấn thị, chính là vì

349 Học sĩ là chức quan được thiết lập từ đời Đường, gọi đầy đủ là Đông cung học sĩ, có nhiệm vụ kèm cặp, dạy học Thái tử. Vị này thật sự đôn đốc Thái tử học tập, trong khi các chức quan Thái phó, Thiếu phó, Thái sư, Thiếu sư thiên về vai trò cố vấn, rèn luyện cách xử lý việc nước hơn là học tập từ chương. Đến thời Minh Trị Duy Tân, chức quan này bị bãi bỏ và người Nhật dùng chữ này để dịch chữ Bachelor (cử nhân) trong lối giáo dục Âu Tây. Các nước khác như Triều Tiên, Trung Hoa v.v... cũng bắt chước dịch theo cách này.

mong cho hết thảy các bà góa đều biết khuôn phép để tự lập, mà những kẻ là con cô cũng chớ nên tự ruồng rẫy, buông xuôi. Hãy nên nghĩ, những kẻ là cô nhi mà trở thành bậc hiền tài rất đông. Như Trương Sĩ Tồn đã nghèo lại mồ cô, rốt cuộc do gắng công dốc chí, làm tới chức Đài Phụ (Tể tướng). Lữ Hối sang cả nhưng mồ cô, do âm thầm tu tập mà thành bậc *Trung thừa* nổi danh. Người ta mới biết ông là cháu nội của Lữ Huệ Công (Lữ Đaoan). Những người khác như Lưu Chí, Âu Dương Tu, Trần Nghiêu Tá đều mồ cô từ bé, do tận lực học hành, làm tới chức Bình chương. Như thế thì mới báo đáp đôi chút nỗi khổ của những bà mẹ góa giữ trọn tiết hạnh trong sạch vậy. Cho nên lại nêu bày lời khuyên lớn như thế, dụng tâm hết sức thiết tha!

“Lão” (老) là người tuổi tác đã cao, là người trải đời đã lâu mà kinh nghiệm cũng lắm. “Kính” (敬) là dốc hết lòng thành biểu lộ lòng yêu thương, trọn hết sức phụng dưỡng cho họ được an vui. Hoặ là mỗi niệm, mỗi chuyện đều chẳng dám lừa dối khinh mạn, đấy cũng là kính. Thọ đứng đầu trong ngũ phúc, mà người già lại gần như cha. Chắc chắn là đời trước đã có căn khí, đời này nhất định là bậc tích đức; từng trải sự việc, đúng là bậc có thể nêu gương mẫu, học hỏi từ họ sẽ đạt được lợi ích chẳng ít, lẽ nào có thể khinh mạn ư? Nhưng người đời thấy họ già nua, run rẩy, nếu không chán ghét thì sẽ lấn hiếp họ, ai chịu chú tâm

kính trọng, phụng sự họ? Chẳng biết sách Luận Ngữ có nói “kính lão đắc thọ”. Dương Đại Niên mới hai mươi tuổi đã đậu trạng nguyên, cùng với Chu Hàn và Chu Ngang làm việc trong cung. Hai ông đều đã già, họ Dương khinh rẻ, lẩn lướt. Chu Hàn nói: “Anh đừng khinh tôi già, rốt cuộc sẽ đến phiên anh già đi”. Chu Ngang lắc đầu nói: “Đừng nói nữa để khỏi bị người ta làm nhục!” Họ Dương quả nhiên đang tuổi tráng niên mà chết ngang! Tôi mong những gã thiếu niên khinh bạc đọc đến câu chuyện này sẽ lập tức hối cải, lại giữ được tấm lòng nhân hậu. Hễ gặp người già hãy giữ tấm lòng bình đẳng, bất luận phú quý hay nghèo hèn, cốt sao một niềm kính yêu. Hành theo đó ắt đầu bạc phơ, lông mày nhuộm bạc, ta cũng có phần vậy!

Thái Tổ³⁵⁰ huấn dụ Lễ Bộ rằng: “Đối với người tuổi tác phải dạy bọn trẻ tuổi kính trọng. Đối với chuyện phụng sự bậc trưởng thượng phải dạy họ tuân thuận. Các đời Ngu³⁵¹, Hạ, Thương, Chu, không đời nào chẳng coi trọng bậc cao tuổi. Lễ nghĩa dưỡng lão vốn chưa hề bị phế trừ; vì thế, mọi người hưng khởi lòng hiếu đễ, phong tục thuần hậu, chánh trị mới được

350 Theo ông Hoàng Bách Lâm, Thái Tổ ở đây chính là Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương).

351 Ngu (虞) chính là triều đại của vua Thuấn, vì vua Thuấn sanh trưởng tại đất Hữu Ngu (有虞), nên ông còn được gọi là Hữu Ngu Thi, hay Ngu Thuấn (thật ra, vua họ Cơ, tên là Trùng Hoa, Thuấn là thụy hiệu). Vua Thuấn cũng đặt quốc hiệu là Hữu Ngu.

tăng tấn, bình ổn. Các người hãy nên truyền bảo mạng lệnh của trẫm”.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Nguyện cho hết thảy chúng sanh phát tâm Bồ-đề, trọn đủ trí tuệ, vĩnh viễn giữ trọn thọ mạng, chẳng bị kết thúc. Nguyện cho hết thảy chúng sanh, trọn đủ pháp tu hành lìa già, chết. Hết thảy tai ương, độc hại chẳng hại mạng họ. Nguyện cho hết thảy chúng sanh, thành tựu trọn đủ tấm thân chẳng khổ não vì bệnh tật, thọ mạng tự tại, có thể tùy ý trụ thế. Nguyện cho hết thảy chúng sanh đạt được chẳng già, chẳng bệnh, thường trụ mạng căn, dững mãnh tinh tấn, nhập trí tuệ của Phật”. Do điều này, ta thấy: Người già như mặt trời sắp khuất sau núi, thời gian hữu hạn, nếu chẳng cấp tốc tu hành như lửa cháy đến thân, lấy gì để giúp cho việc về Tây?

Vương Bàn từ bé bệnh tật rề rề, tự đoán ắt chính mình chẳng thọ. Hễ thấy người già thường kính trọng, hâm mộ. Hễ họ đi qua cửa, dẫu là người nghèo hèn ắt đứng dậy nhằm tỏ lòng tôn trọng, đi đường ắt nhường lối. Về sau, Vương Bàn dần dần khỏi bệnh, sức lực càng mạnh mẽ hơn, thọ đến chín mươi ba tuổi.

Đời Tùy, có một vị tăng đã hơn trăm tuổi, hiểu sâu xa diệu nghĩa trong kinh Pháp Hoa, thường bảo đại chúng: “Bần tăng kính trọng người già như cha mẹ, phụng sự họ như Bồ-tát. Phàm những chuyện có thể tận sức, không gì

chẳng dốc trọn tấm lòng. Đời này được thông hiểu Phật pháp, hưởng thọ dài lâu, đều là do tôn kính người già mà ra. Hối đại chúng, chớ nên khinh miệt người già kéo tổn phước, tổn thọ. Trong trường danh lợi, khảy ngón tay liền qua, vẫn phải nên thực hiện những công phu thuộc về bốn phận của chính mình. Nếu không sẽ là luống uổng đời người, lãng phí lần gặp gỡ này, đối với những nguyện như “nguyện ta thọ mạng lâu dài, siêng hành hết thảy các điều lành, nguyện ta phước đức hưng thịnh, rộng độ hết thảy mọi người” đều bị lỗ làng! Than ôi, kẻ thiếu niên chỉ biết cậy tài, khinh nhờn người già cả, chẳng biết tuổi thọ là cái được trời ban, người già được vua tôn kính. Dẫu có lắm tài, khó thể đạt đến địa vị ấy!”

Đời Tống, một nhà ông Ngô Nguyên Tự có tám người tuổi đã từ tám mươi, chín mươi, một trăm trở lên. Nhà vua tra hỏi nguyên nhân, thì ra nguyên nhân là vì cả mấy đời đều liên tiếp ăn ở với nhau bằng đạo nghĩa, chẳng chia rẽ. Vua biểu dương nhà ấy, ân sủng ban thưởng rất hậu. Khảo sát quy chế thiết lập trường Thượng tường³⁵², thì thấy từ thời Nghiêu, Thuấn đã có, tam đại (Hạ, Thương, Chu) đều tôn sùng quy chế ấy. Chuyện này được chép rất tường tận trong những sách như Lễ Ký v.v... Chí hướng của phu tử được thể hiện qua câu nói: “*Lão giả an chi*” (Khiến cho người già được

352 Thượng tường (上庠) là danh xưng của trường Thái học (Quốc tử giám) thời cổ.

sống yên ổn). Nguyên tắc chỉ đạo luật pháp của đất nước và tâm chí của dân chúng, cả hai đều đặt tại đó. Nếu nói “người già của kẻ khác liên quan gì đến ta”, há chẳng phải là bất kính ư?

“Ấu” (幼) là trẻ nhỏ thơ ngây, vô tri. “Hoài” (懷) không chỉ là yêu thương chúng nó, mà còn là gọi gắm những niềm hoài vọng nơi ấy. Làm kẻ đã trưởng thành bèn yêu thương, che chở kẻ nhỏ hơn, đó là lẽ thường, là lẽ đương nhiên. Huống hồ có những đứa trẻ gặp gỡ cảnh ngộ chẳng tốt, khốn khổ đáng thương! Như là con của đời vợ trước, em cùng cha khác mẹ, con do vợ lẽ hoặc tỳ thiếp sanh ra. Nếu gặp kẻ ý mình lớn hơn rồi cậy thế ức hiếp, đứa trẻ cô cút phải chịu cảnh thảm độc ngang trái, quá sức đáng thương! Suy rộng ra, đối với con thơ của người khác, cũng như đối với con cái của những nô tỳ, tôi tớ, càng phải thêm chú ý thương xót, chớ nên phân biệt đây kia, đến nỗi có kẻ toan tính thâm tóm gia sản của họ. Tức là kẻ làm bậc tôn trưởng, làm anh chị, ở rể tại nhà vợ, thường có những kẻ không có lòng từ, bất nghĩa, hiếp đáp, ngược đãi con cái của bọn tôi tớ. Thậm chí dùng những thủ đoạn xảo trá, ngụy tạo kế ước, dận dò những kẻ viết kế ước và làm chứng hãy làm chứng gian, đút lót cho bọn nha lại bẻ cong sự thật, khiến cho những kẻ bị hại không có chứng từ gì để kêu ca được. Lại còn có kẻ ngấm ngấm mưu toan tổn hại mạng người. Xưa kia, một nhà ông

Lý Tri Bốn con cháu hơn trăm người, người lớn kẻ nhỏ giữ một niềm hòa thuận với nhau. Anh em nhà Dương Thành bảo bọc những đứa con cô. Tiên bối dụng tâm như thế, đúng là đáng để noi theo!

Đời Đường, Nguyên Đức Tú lúc nghèo, anh mất sớm, để lại đứa con cô mới đầy tháng, chị dâu lại chết nốt, cháu không có sữa để bú. Đức Tú đêm ngày buồn khóc, ẵm đứa con của người anh, đem đầu vú mình cho đứa bé ngậm. Chừng mười ngày sau, vú bèn có sữa. Đứa trẻ nhờ vậy mà được lớn lên. Tuy là chuyện ngẫu nhiên, nhưng từ chuyện này có thể thấy, thương yêu trẻ thơ hợp với lòng trời! Khổng Tử nói: “*Thiếu giả hoài chi*” (Thương yêu kẻ nhỏ tuổi hơn). Mạnh Tử nói: “*Ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu*” (Thương yêu con trẻ của người khác như thương yêu con trẻ của chính mình). Thánh hiền đã để lại lời giáo huấn cùng tột, có sao những kẻ làm bậc tôn trưởng chẳng lãnh hội?

Lưu Di làm quan ở Kiên Châu, dân đói bỏ rơi con. Lưu Di ra yết thị kiếm người nhặt về nuôi nấng thì mỗi ngày sẽ được cấp hai thung gạo từ kho Quảng Huệ³⁵³. Mỗi ngày, người nhận nuôi phải bồng tới cho quan phủ xem xét. Dân nghèo được lợi thêm hai thung gạo sẽ đều nuôi nấng những đứa trẻ ấy. Số trẻ được cứu sống

353 Quảng Huệ là kho gạo để làm thiện sự được thiết lập dưới thời Tống Nhân Tông. Gạo trong kho này chủ yếu dùng để trợ cấp người già yếu, trẻ thơ, kẻ nghèo túng, hoặc bệnh tật rề rề.

chẳng thể tính đếm được. Phàm là phương cách để cứu đời thì trước hết là phải thu thập, nuôi nấng những đứa trẻ thơ cô cút hòng chúng thoát khỏi những chỗ hẻo lánh, hiểm nguy, đặt chúng nó nơi an toàn. Kẻ làm quan càng phải lưu ý làm trước chuyện này. Âm đức ấy còn hơn cứu sống những kẻ mạnh khỏe vậy!

Đời Minh, Dương Trứ tánh tình nhân hậu, mua một con lừa để cưỡi đi châu vua. Người hàng xóm đã già mới sanh con, do con lừa thường thích hí âm lên, ông Dương sợ đứa trẻ bị kinh động bèn bán đi, đi bộ vào châu vua. Về sau ông cáo quan, tấm bia ở phần mộ tổ tiên bị nông dân xô ngã. Kẻ trông mộ vội chạy đến báo, ông hỏi: “Có đứa trẻ nào bị thương hay không?” Thưa: “Không ạ!” Ông mừng rỡ bảo: “May quá! Hãy bảo nhà kẻ đó khéo trông giữ con để chúng không gặp chuyện kinh sợ”. Đức hạnh sâu dày của ông hết sức nhiều, ngay như hai chuyện vừa kể trên đây, người khác cũng khó làm được. Ông từ chỗ cô cút, nghèo hèn mà đạt tới địa vị quý hiển, đúng là do phẩm đức tốt đẹp như vậy!

Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương.

昆蟲草木。猶不可傷。

Côn trùng, thảo mộc chớ nên thương tổn.

“Côn” (昆) là đông đức, ý nói hết thảy các loài trùng lớn, nhỏ. Nói “do bất khả thương” (chớ nên thương

tổn) thì có thể biết chuyện này có tánh chất trọng đại. Người hiện thời mặc sức tổn thương sanh mạng loài vật, chẳng biết những loài ngộ ngoạ đều có linh tánh, đều có Phật tánh. Đạo Nho đã giáo huấn rõ ràng “*phương trượng bất chiết*” (cây cối đang đâm tọc nảy nhánh thì không bẻ); há nên nói “côn trùng là loài vật, thảo mộc vô tri” để rồi cứ tổn thương chúng ư?

Lời tựa kinh Viên Giác đã viết: “Phàm những loài có huyết khí, ắt có tri giác. Phàm những loài có tri giác, ắt đều có cùng một thể”. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “Như Lai thường nói, các pháp được sanh ra chỉ do tâm hiện. Hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần là do cái tâm mà thành thể. Trong số đó, kể cả những thứ kết cấu vi tế nơi thảo mộc, xét đến cội nguồn đều có thể tánh”.

Lại như ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá trên núi gập đầu. Há có thể nói là ngôi gạch nơi tường vách chẳng có Phật tánh ư? Lại như cây tử kinh nhà họ Điền. Lại như cây thụ liễu trong phủ Trung thư (phủ Tế tướng) đời Đường, vào cuối niên hiệu Kiến Trung, do Diêu Lệnh Ngôn³⁵⁴ làm phản, xa giá của Hoàng đế phải

354 Diêu Lệnh Ngôn là một viên tướng nhỏ dưới quyền Tiết độ sứ mã lân. Do chiến công, ông ta được phong làm Kim ngô Đại tướng quân, rồi được phong làm Thái thường khanh, kiêm Ngự sử Trung thừa. Về sau, họ Diêu được cử làm Tiết độ sứ Kinh Nguyên (thuộc tỉnh Cam Túc). Năm Kiến Trung thứ tư (783), do Tiết độ sứ Lý Hy Liệt làm phản, Tiết độ sứ Hành Doanh là Ca Thư Hàn bị vây, kinh thành lâm nguy, Đường Đức Tông sai Diêu Lệnh Ngôn đem quân cứu viện. Diêu Lệnh Ngôn dẫn năm ngàn quân về Trường An. Đang tiết đồng giá rét, binh sĩ vừa lạnh vừa đói, thế mà quan kinh triệu doãn chỉ cho ăn com

chạy về Phụng Thiên, cây bèn chết khô. Năm Hưng Nguyên nguyên niên (784), xa giá trở về kinh đô cây bèn tươi tốt. Như vậy thì có nên nói “thảo mộc vô tri” hay chẳng? Ý răn nhắc của đức Thái Thượng nhằm dạy con người đối với hết thảy hữu tình và vô tình đều luôn luôn dưỡng thành một bầu từ bi, một bầu hòa ý vậy!

Khi đức Như Lai thuyết pháp một con cóc hoan hỷ nhảy ra khỏi ao, dốc hết lòng thành lắng nghe. Ngẫu nhiên bị gậy chống của người nghe pháp đâm chết. Do nghe pháp, sau khi mạng chung nó sanh lên trời Đao-lợi, làm chúa cõi trời Đao-lợi. Từ trời Đao-lợi lại đến chỗ đức Phật nghe giảng diệu nghĩa. Do khai ngộ bèn chứng quả Tu-đà-hoàn. Cóc là loài vật rất bé thể mà sau này chứng quả rất to. Xét từ chuyện này, có thể thương tổn loài côn trùng hay chẳng?

Xưa kia có một vị tăng, chưa mở đạo nhãn, do nhận sông đồ cúng dường của cha con ông Tịnh Đức, sau khi mạng chung bèn sanh vào vườn của ông Tịnh Đức, hóa thành một cây nấm để hằng ngày làm món ăn cho nhà ấy. Người khác muốn hái, sẽ chẳng thể được. Nấm

gạo xấu. Lệnh Ngôn vào châu vua, vua chỉ ban thưởng mỗi người hai tấm vải thô! Quân sĩ căm tức, bèn nổi dậy làm cuộc binh biến, tấn công Trường An. Đức Tông phải bỏ chạy sang Phụng Thiên. Quân phiến loạn tôn Chu Thử làm vua. Chu Thử phong cho Lệnh Ngôn làm Thị trung. Về sau, Lý Hoài Quang đem quân cứu giá, đánh bại quân Chu Thử. Lệnh Ngôn theo Chu Thử chạy sang đất Thổ Phiên (phía đông Tây Tạng), bị quan giữ thành Kính Nguyên là Điền Hy Giám trở mặt, đóng cửa không cho vào. Sau đó, loạn quân giết chết Lệnh Ngôn.

là loài vật rất nhỏ, thế mà có nhân duyên đặc biệt ấy. Xét theo chuyện này, có nên tổn thương cỏ cây hay không?

Đời Minh, Hàn Thế Năng ở Trường Châu, nhiều đời sống nơi phần mộ nhà họ Lục, rất nghèo. Ông nội là Vĩnh Xuân, mỗi sáng thức dậy, cầm chổi quét dọn những loài ốc nhỏ đã bò lên bờ dọc theo hai bờ sông, đem thả giữa dòng để chúng khỏi bị dân chài đánh bắt. Khi ấy cụ nhện đoi quét đến mấy dặm. Năm Đinh Mão (1567) trong niên hiệu Long Khánh³⁵⁵, Thế Năng đi thi Hương, tuổi đã bốn mươi. Cha ông là Tông Đạo nghĩ bố mình cần cù cứu vớt sanh mạng, con mình đã già mà vẫn chưa hiển đạt: “Nay ngẫu nhiên có được mùi lạ, sao không mua các loài vật phóng sanh để cầu phước ư?” Sáng dậy, ông bèn mua rùa to, cá chép đỏ loại to đem thả. Đến tối, mộng thấy thần bảo: “Cha ngươi công đức to lớn, con trai ngươi sẽ đỗ đạt. Nay do ngươi mua rùa thần, cá chép thần phóng sanh, sẽ khiến cho con của ngươi được vào Hàn lâm viện, làm quan tới nhất phẩm”. Về sau, quả nhiên Thế Năng thi đậu liên tiếp, dự vào Hàn lâm viện, làm quan tới chức Thị lang, từng vâng mạng đi sứ Triều Tiên, được ban tặng quan phục nhất phẩm.

Có người đàn bà tên X... ở Hàng Châu rất hung hãn. Thấy kiến bò quanh nhà bếp bèn dùng lửa đốt,

355 Long Khánh là niên hiệu của Minh Mục Tông (Chu Tải Hậu) từ năm 1567 đến năm 1572.

chúng bị chết không thể đếm xiết. Lại thường dùng vôi rắc vào hang giun đất. Sinh được một con, mới vừa ẵm ngửa, người đàn bà ấy vừa mới ra ngoài trở về thấy trên giường là một khối đen kịt, kinh hoàng ngó xem, thì ra con mình đã bị lũ kiến cắn xé chết ngắc. Người đàn bà do xót con cũng bị đột tử!

Ngô Di ở châu Thái Thương, ban đêm nằm mộng thấy hai người đàn ông mặc áo xanh đến xin cứu mạng. Ngô Di tỉnh giấc bèn nói: “Đấy ắt là có vật sẽ phải chết”. Sáng dậy bèn ra cửa tìm kiếm, thấy có mấy người cầm búa và cưa tiến đến. Đấy là vì họ mua được hai cây ngân hạnh nên đến đốn. Ngô Di vỡ lẽ, đên bồi đúng giá trị, miễn cho hai cây ấy bị chặt.

Tống Triết Tông ở trong cung thích bẻ cành liễu chơi. Trình Di tâu: “Đầu xuân cây mới đâm tược, chớ nên vô duyên có bẻ gãy”. Vua vui lòng, nghe theo. Trình Di chúc mừng: “Bẻ hạ hãy nên khiến cho thiên hạ đều có cái tâm ấy, đạo trọng yếu của bậc đế vương ở ngay chỗ này”. Lại nghe nói Cao Tử Cao hễ thấy cây cỏ đang tăng trưởng sẽ chẳng bẻ, Chu Liêm Khê chẳng dấy cỏ trong sân, bảo là phải giữ cho nó tươi tốt như việc kiếm sống của gia đình mình. Nói chung, các vị thánh hiền ôm lòng nhân ái, lại còn có ý niệm chẳng bỏ sót những thứ vi tế vậy.

Trần Tiến Phu nói: Người có lòng nhân sẽ quyền

tặng những món tiền dư ra, không dùng tới. Người có trí sẽ có đức dày, “thí xả chẳng cần báo đáp”, khiến cho những loài vật trong tình cảnh ruột đứt, hơi tàn được tiếp tục sống từ ngọn dao bén, khiến cho những con vật đang tan phách kinh hồn được hồi sinh từ trên chảo, vạc. Để thực hiện công đức ấy, có ba thứ phóng sanh không cố định, và hai thứ chẳng cần phải phóng sanh. Lại có ba loại phóng sanh là vì loài vật mà phóng sanh, vì con người mà phóng sanh, và vì chính mình mà phóng sanh.

Người đời phóng sanh, phần nhiều ấn định sẵn ngày giờ cố định³⁵⁶ để phóng sanh. Vì thế, những kẻ cầu lợi sẽ giăng bẫy, sẵn bắn động vật hòng cung ứng, đa số là khiến cho những con vật bị quấy nhiễu khôn khổ đến nỗi chết ngắc! Đấy chính là sát sanh mà cứ tưởng là phóng sanh! Hễ tai nghe, mắt thấy những con vật sắp bị sát hại ở trên đường hoặc ngoài chợ liền tùy tiện mua lấy đem thả. Đấy gọi là “*phóng sanh không theo kỳ hạn cố định*”. Người đời đào ao, lập vườn phóng sanh. Đã có một chỗ thường xuyên, kẻ khác sẽ rình rập. Những con vật vừa mới thoát khỏi lưới của kẻ bắt, thoát lại biến thành món canh của kẻ trông coi vườn, ao phóng sanh ấy. Đấy cũng là phóng sanh để cho chúng

356 Theo ông Hoàng Bách Lâm, điều này có nghĩa là có những kẻ cứ chọn một thời hạn nhất định để phóng sanh như vào dịp Phật Đản, hay Vu Lan, ngày rằm, mồng một v.v...

nó bị giết! Sông ngòi, rừng, ao, hãy tìm chỗ thuận tiện, thích hợp, nhờ người thiện tín trông coi, bắt thành linh đến đó phóng sanh. Đấy gọi là “*phóng sanh không có chỗ thường xuyên*”. Người đòi phóng sanh bên ngoài, nhưng trong nhà cắt mổ chẳng bắn khoãn! Thậm chí nói “nuôi gia súc để đãi người khác”, “chức trách của những con vật ấy đáng phải là cung cấp món ăn cho loài người”, chẳng biết nếu như con cháu của họ cũng là những sinh vật được nuôi dưỡng bỗng bị mổ xẻ, ăn nuốt ngang xương, lúc ấy tâm họ sẽ như thế nào?

Ngạn ngữ có câu: “Kinh doanh thì phải trả nợ còn hay hơn bố thí”³⁵⁷. Lập hội phóng sanh sao bằng kiêng giết? Cho đến thảo mộc đều là sanh linh, con đĩa, loài thiêu thân đều có Phật tánh. Hoặc là phá chỗ tường vây khiến những loài trùng đang ngủ đông bị hủy hoại, có lúc lật tổ phá trứng, làm rơi rớt những thứ tanh tươi khiến kiến bu lại, chứa nước tù đọng khiến lăng quăng sanh ra, hoặc do nuôi những thứ chim hay cá hiếm quý, bèn dùng những con vật khác làm đồ ăn cho chúng. Dẫu ta chẳng có cái tâm giết chóc, nhưng do những hành động bất cẩn trên đây sẽ khiến chúng nó lâm vào tử lộ, đều nên kiêng tránh. Hãy dự phòng bảo vệ sẵn, khiến cho chúng đều được sống sót. Đấy gọi là “*chẳng phóng sanh*”

357 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này phải hiểu như sau: Chúng ta phải thường ít tạo nghiệp, phải tôn trọng các động vật, gắng hết sức ăn chay, phóng sanh cho nhiều, bố thí cho nhiều, bao dung người khác, rộng kết thiện duyên. Đó gọi là “kinh doanh trả nợ”.

mà hành phóng sanh”, chẳng phải là phóng sanh những con vật cố định. Nếu là những con vật bị thương nguy ngập vì bị cắn xé, hoặc những loài thủy sản mắc lưới, có thả ra, chưa chắc chúng đã sống được, hãy nên điều dưỡng, khiến cho chúng nó bình phục rồi mới thả. Nếu chúng không thể sống sót, hãy nên đem chôn.

Lại có loài thú dữ, cá độc, ác trùng, chim hung tợn, cứu chúng sống sót, đúng là tiếp tục kéo dài các thú độc, hãy nên cân nhắc chúng nó sống sót hay bị chết nhiều hay ít, so sánh giữa công và tội nặng hay nhẹ, để quyết định cho chúng nó tự sanh tự diệt dường như chẳng thấy, chẳng nghe. Đối với hai loại ấy (dẫu phóng sanh cũng không sống được và loài vật gây hại), chẳng bắt buộc phải phóng sanh. Hễ là như vậy, hãy tùy duyên, tùy sức để phóng sanh khi thời cơ thích hợp. Đừng cho rằng giết những con vật nhỏ sẽ chẳng sao, đừng nghĩ thả những con vật nhỏ sẽ vô ích. Đừng ngại vất vả khiến cho thiện niệm bị trở ngại, đừng so đo giá cả rồi bỏ phước thiện duyên³⁵⁸. Một con vật chẳng phải là ít, lắm sanh vật chẳng phải là nhiều! Những côn trùng bé tí bay lượn chẳng phải là nhỏ; ngựa, trâu chẳng lớn. Một đồng chẳng phải là không đủ, một vạn xâu tiền chẳng phải là có thừa! Đấy gọi là hễ có con vật

358 Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Câu này phải hiểu là đừng so đo giá cả con vật mắc rẻ. Chẳng hạn do thấy dê, bò giá tiền đắt hơn tôm cá, rồi nghĩ rằng phóng sanh những con vật đắt tiền thì phước đức sẽ to hơn, không chịu hành hạnh phóng sanh cứu vật đối với những con vật bé bỏng.

cần được cứu sống bèn phóng sanh, đạo lý đều được bao gồm trọn hết trong ấy.

Đối với vật đã là có cái tâm phóng sanh như thế, đối với người cũng nên làm như vậy. Hoặc là kẻ bị liên lụy đáng thương, hoặc bị oan khuất, khốn khó không ai cứu, hoặc gặp tai ách trộm cướp, nước lửa, hoặc bị bệnh tật nguy ngập, hoặc do buôn bán thất bại chẳng còn lẽ sống, hoặc thiếu thuế không thể nộp được toan tìm cái chết. Đối với những trường hợp ấy, có thể giúp đỡ tài lực hòng mở ra một con đường sống, giúp họ giải quyết toàn vẹn, mong sao họ sẽ thoát khỏi. Ta giúp đỡ người khác được thoát khỏi hoàn cảnh ngặt nghèo như vậy, so với việc phóng sanh loài vật càng quan trọng, thiết tha hơn! Vì thế, hãy nghĩ lúc ta gặp cảnh khốn khó, tai ách, lòng mong mọi được cứu giúp, tự nhiên sẽ cảm nhận nỗi đau đớn, lo sợ của họ như là của chính mình, thôi thúc chính mình ôm lòng cảm ơn người khác đã cứu giúp, tự nhiên công đức sẽ thành tựu.

Nếu là ta phóng sanh chính bản thân ta, sẽ càng khẩn khoản, thiết thực hơn nữa! Con người vì lòng tham sanh khởi mà có thể bị mất mạng. Buông xuống sát sanh, đấy chính là tròng sanh. Nếu chịu giùi mài trong sáu thời, ngộ thông suốt hết thảy, thẳng thừng nhận biết cái vốn có, hoàn toàn chứng nhập Vô Sanh, cắt đứt sự ràng buộc trong cõi đời, phá sạch gông cùm

trần lao, một đường thênh thang, đến đi chẳng vướng mắc, không bị câu thúc, không bị ép buộc, tiêu dao tự tại, cái tâm đã vượt thoát khỏi sự chấp trước xác thân, thật sự thoát khỏi luân hồi. Do vậy chẳng phải là người, chẳng phải là vật, vượt trỗi tứ sanh, chẳng có đức, chẳng có công, phước báo vĩnh viễn vượt trỗi. Do vậy dùng một bài kệ để kết luận, kệ rằng:

*Chúng chúng sanh thành, hoạn diệt thành,
Hữu sanh tài phóng hữu sanh danh.
Dữ quân đả phá lao lung khí,
Ngộ đắc vô sanh thị phóng sanh.*

Tạm dịch:

*Muôn vật sanh thành, họa cũng sanh,
Có sanh mới có tên phóng sanh.
Ngục tù phá vỡ, thân lìa khỏi,
Sẽ ngộ vô sanh tức phóng sanh.*

Nghi mẫn nhân chi hung, nhạo nhân chi thiện.

宜憫人之凶。樂人之善。

Hãy nên xót thương kẻ ác, vui vì điều thiện của họ.

Chữ Nghi (宜, hãy nên) đáng nên áp dụng chung các câu sau đó, mãi cho đến câu “dữ nhân bất truy hối” (đã cho người khác rồi bèn không hối tiếc). “Hung” (凶) là hung ác, mà cũng là hung họa. “Mẫn” (憫) là

uyên chuyển khuyển dạy, khiến cho họ thay đổi làm lành. “Mẫn” cũng là trong khi hung hiểm, tai họa, bèn thương xót, xếp đặt an toàn, khiến cho mỗi loài đều được an vui. Không chỉ là quan tâm, thương xót mà thôi.

Ông Hà Long Đồ nói: “Phàm những kẻ thoát đầu làm ác, chỉ là vì một niệm sai lầm, chưa chắc là không thể khuyển răn, ngăn cấm. Đã làm chuyện ác, mà vẫn còn một niệm sáng suốt, chưa chắc là không thể cứu giúp, giải trừ được! Cõi đời thường cự tuyệt kẻ ác như oán cừu, chẳng khuyển nhủ họ sửa đổi, cũng khiến cho họ hòa nhau đâm đầu vào chỗ chết, tuy muốn ăn năn hối lỗi mà chẳng thể được, buồn thay!”

Đạo Đức Kinh có câu: *“Thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân. Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật. Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư. Bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tư. Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê”* (Thánh nhân thường khéo cứu người, vì thế không có ai là kẻ bỏ đi. Thường khéo cứu muôn vật, vì thế không có chúng sanh nào là thứ bỏ đi. Do vậy, thiện nhân là thầy của kẻ bất thiện. Kẻ bất thiện chính là tấm gương răn nhắc cho kẻ thiện. Chẳng quý trọng thầy, chẳng yêu mến tấm gương, dẫu là kẻ có trí mà hết sức mê muội)³⁵⁹.

359 Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm.

Kinh Dịch chép: “*Thánh nhân khúch thành vạn vật nhi bất di*” (Thánh nhân khéo léo thành tựu muôn vật chẳng bỏ sót). Lễ Ký chép: “*Phong, vũ, lộ, lôi, vô phi chí giáo. Sương chi, tuyết chi, hạo thiên phi hại vật dã. Sở dĩ bồi sanh dưỡng chi nguyên. Trách chi, trị chi, thánh nhân phi khổ nhân dã*” (Gió, mưa, sương, sấm, không gì chẳng là lời dạy bảo tốt bậc của trời đất. Trời cao đổ sương, mưa tuyết, chẳng nhằm tổn hại muôn vật. Vì những chuyện đó là nguồn cội để vun bồi, dưỡng dục muôn vật. Quả trách, trị phạt, chẳng phải là thánh nhân muốn làm khổ kẻ khác). Bởi lẽ, họ muốn mở ra một con đường tự sửa đổi cho những kẻ lầm lạc, không gì chẳng nhằm khiến cho kẻ khác sửa ác, theo lành, nhằm thỏa bản hoài “*vạn vật có cùng một thể*” đó thôi!

Thiện là điều người khác và ta đều cùng đạt được. Người ta thường lầm lạc phân chia đây kia. Kẻ ở trên cao³⁶⁰ chỉ mong tốt lành cho riêng mình. Kẻ ở dưới thấp cũng chẳng mong người khác làm lành, thậm chí thốt lời vu cáo để hủy báng, bới móc khuyết điểm, ngấm ngầm tính kế để phá hỏng chuyện tốt đẹp của người khác, chỉ ôm ấp sưng cái tâm thuật bại hoại, người ta

360 Nguyên văn “cao giả” (kẻ ở nơi cao). Theo ông Hoàng Bách Lâm, từ ngữ này có nhiều ý nghĩa. Chữ “cao giả” có thể bao gồm những người có địa vị cao quý trong xã hội, hoặc những người phú quý, quyền thế, hoặc những người có phước báo to lớn. Vì lòng ích kỷ, ai nấy chỉ mong chính mình đạt được những điều tốt lành, chẳng muốn chia sẻ với người khác, mà cũng chẳng mong người khác sẽ làm điều tốt lành.

đâu có bị tổn hại gì! Nào có biết người khác có thiện niệm, thiện sự, ta có thể khuyến khích, tán dương, khiến cho sự việc được thành tựu viên mãn, công hạnh tràn đầy, thì điều thiện của người ta sẽ là điều thiện của chính mình, sẽ là công đức vô cùng.

Từ phạm nhập thánh là cửa ngõ của muôn điều thiện, thì phát Bồ-đề tâm chính là bậc nhất. Bồ-đề tâm ví như hạt giống, có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp. Cũng ví như ruộng tốt, có thể sanh trưởng pháp trắng sạch (bạch tịnh) cho chúng sanh. Cũng ví như nước sạch, có thể gột rửa hết thảy các chất nhơ phiền não. Cũng như lửa mạnh, có thể đốt sạch hết thảy củi kiến chấp. Kinh Niết-bàn dạy: *“Phật thuyết tu nhất thiện tâm, phá bách chủng ác. Như thiếu hỏa năng thiêu nhất thiết. Cố tri vạn thiện giai tùng nhất niệm hảo nhạo nhi sanh, toàn thể thiện tâm nhi hiện, viên mãn Bồ-đề thường lạc diệu quả”* (Đức Phật nói: “Tu một thiện tâm phá được trăm thứ ác, như một chút lửa có thể đốt trụi hết thảy. Vì thế, biết muôn điều thiện đều từ một niệm ưa thích mà sanh, toàn thể thiện tâm hiện bày, viên mãn diệu quả Bồ-đề thường lạc”).

Lôi Xu tánh rộng rãi nhân hậu, có thể bao dung. Người khác làm chuyện ngang trái đối với ông, ông lại thương xót sự ngu muội của kẻ ấy, thường dùng lòng nhẫn nại, chẳng so đo để cảm hóa kẻ ấy. Tuy bị oan khuất to lớn cũng chưa hề thưa kiện kẻ nào ra cửa quan.

Cháu mười một đời là Tôn Phu làm Thái tử Thái su.

Vu Lệnh Nghi ban đêm bắt được kẻ trộm chính là đứa con nhà hàng xóm. Ông Nghi nói: “Người do bị cái nghèo bức bách, nay ta cho mười ngàn đồng làm vốn kiếm sống, đừng làm chuyện sai quấy nữa”. Nó đã bỏ đi, ông gọi lại, bảo: “Người đã nghèo mà đêm tối lại ôm tiền trở về, sợ rằng sẽ bị tuần cảnh tra gạn”. Bèn giữ lại tới sáng mới thả đi. Trọn chẳng nói với người khác về chuyện này. Về sau con cháu ông Vu nối tiếp nhau đậu tiến sĩ. Người ta bảo đấy là được báo đền do thương xót kẻ hung tợn vậy.

Trương Khánh làm cai ngục, luôn giữ lòng xót thương, thận trọng. Hằng ngày đích thân quét dọn, lau chùi. Tới mùa hạ, càng siêng năng quét dọn hơn. Ông thường răn bọn lính canh ngục: “Người ta mắc vòng lao lý là chuyện bất đắc dĩ. Bọn ta có chức trách coi ngục, nếu chẳng biết thương xót, tội nhân biết kêu cầu vào đâu?” Thức ăn, thuốc men, đồ trải nằm cho tội nhân ắt đều tinh khiết. Ông thích xem kinh Pháp Hoa, mỗi khi có tù nhân bị tử hình, ông đều ăn chay, tụng kinh cho họ. Nếu tù nhân vô tội, ông liền cứu giúp họ thoát khỏi án tù. Từng dùng lời lẽ dịu dàng hỏi han tù nhân: “Nếu thật sự có tội, hãy nên tự thú, đừng giả vờ là kẻ lương thiện, khiến cho tội mình càng thêm nặng”. Về sau, tới lúc tám mươi hai tuổi, ông không bệnh gì mà mất. Sáu con trai đều vinh hiển. Xét gương này, há

bảo là chẳng thể dấn mình vào chốn công môn ư?

Đời Tống, Trần Nguyên là người xứ Kim Đan. Năm Hy Ninh³⁶¹ thứ tám (1074), xác người chết vì đói vô số, ông bèn cho đào một vạ cái hố chôn người. Mỗi hố đặt một âu cơm, một chiếc chiếu, bốn tờ tiền giấy, chôn cất thi thể chẳng thể đếm kể. Về sau con cháu đều đỗ đạt làm quan. Phàm những thi hài không được mai táng, phơi giải nhiều năm; vì thế những oán quỷ ban đêm khóc lóc tỉ tê, há có kẻ sẵn lòng nhân từ trông thấy sẽ vui lấp cho? Trong niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106) đời Tống, huyện Thiệu Châu chọn chỗ đất cao, rộng rãi, cây cỏ cần cỗi để lập nghĩa trang từ thiện. Phàm những cỗ quan tài ký gởi tại chùa chiền trở thành vô chủ³⁶², cùng các hài cốt bị dầm mưa dãi nắng đều được thu nhặt chôn vào đó. Mỗi ngôi mộ đều ghi rõ vị trí, quê quán, lập bia mộ, lại còn xây một ngôi nhà để thân thuộc đến cúng quải dùng làm chỗ tế lễ và ăn uống cỗ bàn đã cúng. Lại còn yết thị công khai cho dân chúng biết. Chuyện này từng được thực hiện trong niên hiệu

361 Hy Ninh (1068-1077) là niên hiệu của Tống Thần Tông.

362 Đây là một hủ tục của Trung Hoa kéo dài mãi cho đến đầu thời Dân Quốc: Những người đã chết phải được đưa về an táng tại quê nhà. Do vậy, những người chưa sẵn tiền, hoặc công việc bận rộn, hoặc chưa kiếm được ngày lành tháng tốt, hoặc chưa kiếm được cuộc đất tốt, thường thuê người đổ nhiều thủy ngân vào quan tài cho xác lâu thối rữa, khâm liệm xong sẽ đem gởi tại các chùa hoặc các đạo quán, chờ khi thuận tiện sẽ đưa về quê an táng. Thời gian quan xác như vậy có nhiều khi kéo dài đến mười mấy năm. Có nhiều khi con cháu hoặc người thân của những cỗ quan tài ấy bị tai nạn, bị chết bất thành linh, hay lưu lạc, những cỗ quan tài ấy trở thành vô chủ.

Hồng Vũ³⁶³. Nay khuyên những người có chức trách, hoặc hàng thân sĩ trong dân chúng, hãy nên tùy nghi ra sức thực hiện, lập ra một cuộc đất để thu thập mai táng những hài cốt bị bộc lộ vì phần mộ hoặc quan tài hư hại, công ấy sẽ chẳng có gì to hơn được!

Nịnh Tùng Lẽ tánh ưa làm lành, thương xót kẻ không được mai táng, thường tạo quan quách để thí. Kẻ không có tiền chôn cất, ông bèn cho tiền. Ông thọ một trăm tuổi mới mất, báo mộng cho người nhà: “Thuở còn sống, ta tạo ra nhà cửa để thí cho người khác, nên con cháu được hưởng điều tốt lành, khoa bảng chẳng dứt!” Về sau, đúng như vậy. Ôi! Thi hài không được chôn cất là chuyện thê thảm nhất. Thí quan quách để khâm liệm, u hồn cảm kích, lòng nhân tốt bậc không gì to lớn hơn! Nhưng kẻ sức lực đơn bạc, khó lòng tiếp tục thực hiện lâu dài, chẳng bằng kết thành một hội. Một hội chia thành mấy trụ, mỗi trụ gồm mấy người. Hễ thí một cỗ quan tài, nếu hội có nhiều người, mỗi người chỉ cần bỏ ra chút tiền. Hội có ít người, mỗi người bỏ tiền cũng chẳng quá mấy trăm đồng sẽ dễ thực hiện, một vùng sẽ chẳng có nỗi thê thảm thi hài bộc lộ. Cốt sao người chịu trách nhiệm thật tâm, siêng năng, khẩn thiết đó thôi. Nếu người đứng ra chịu trách nhiệm ấy là người có thể diện sẽ càng thêm chu toàn, thỏa đáng

363 Hồng Vũ (1368-1398) là niên hiệu của Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương).

mọi bề. Đối với chuyện cho quan tài, hãy nên dựa theo lời trình báo mà kiểm xem có phải là thật hay không, chớ nên không suy nghĩ cách thức thực hiện tốt lành!

Trình Nhất Đức chỉ biết mặt chữ, hiểu nghĩa qua loa, nhưng khăng khăng mong cho kẻ khác làm lành. Phàm là những lời lẽ tốt lành, cách ngôn giáo huấn, ông đều in ra để khuyên kẻ khác. Một đêm, mộng thấy Văn Xương Đế Quân nói: “Do ngươi có thiện niệm, những chuyện khắc in đã được tâu lên thiên đình. Sau này con cháu ngươi sẽ đỗ đạt rất đông”. Than ôi! Người phát ra thiện nguyện, cõi trời nghe thấu, tiếng như sấm rền, chư Phật không vị nào chẳng hộ niệm, bậc thượng chân³⁶⁴ không vị nào tâm chẳng khế hợp. Chư Phật và các bậc thượng chân đều trụ nơi giải thoát đã lâu, vẫn còn thích điều thiện như vậy, hướng hồ người đời sống trong biển khổ mà chẳng gắng sức ưa chuộng điều lành ư?

Đời Tống, Âu Dương Tu giữ chức Hàn Lâm, thường cầm theo mấy chục tờ bài thiếp để trống. Hễ thấy bậc sĩ đại phu hiền đức, được ca tụng là người lành, bèn hỏi chỗ ở của người ấy, viết tên người ấy vào bài thiếp để xin gặp mặt. Nếu đúng như lời đồn, sẽ ca ngợi thanh danh của người ấy.

364 “Thượng chân” (上真) là danh xưng của Đạo gia để gọi bậc chân tiên.

Đời Hậu Hán³⁶⁵, Bàng Thống ca ngợi điều lành của người khác, thường là vượt quá sự thật. Có kẻ trách móc, ông đáp: “Hiện thời, người thiện thì ít, kẻ ác thì đông. Muốn cho phong tục hưng khởi, tăng trưởng đạo nghiệp, nếu chẳng nói lời tốt đẹp thì người hành thiện sẽ càng ngày càng ít. Ca ngợi mười phần mà chỉ có năm phần là thật, vẫn là được một nửa rồi, sẽ khiến cho kẻ có chí tự cảm thấy đã được khích lệ, há cũng chẳng đáng nên làm như vậy ư?” Quan phu tử đã răn dạy: “Nguyện trời thường sanh người tốt. Nguyện người thường làm chuyện tốt. Nguyện miệng thường nói lời tốt đẹp”. Ông Bàng đáng được gọi là người thấu hiểu lời giáo huấn ấy, giúp cho phong tục được hưng thịnh vậy.

Đỗ Chánh Hiến hề nghe người khác có điều tốt lành, sẽ vui mừng như chính mình đã làm. Lưu Tập Hiền hề nghe điều thiện của kẻ khác, đều khen ngợi chẳng thôi. Hàn Trung Hiến (Hàn Kỳ) hề nghe một điều thiện nhỏ nhặt, ắt nói: “Kỳ chẳng thể sánh bằng!” Máy vị ấy đều tận tụy trung thành với đất nước, giữ gìn điều lành chỉ sợ lỡ đánh mất. Vì thế, thích khen ngợi như vậy, ấy là nhằm đề cử người hiền ngõ hầu ích nước lợi dân. Kẻ có chức trách hãy nên biết chuyện này, há chỉ ưa thích suông mà thôi!

365 Hậu Hán ở đây là nói tới nhà Đông Hán, không phải là Hậu Hán do Lưu Tri Viễn sáng lập vào thời Nam Bắc Triều.

Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy.

濟人之急。救人之危。

Giúp người khác trong lúc cấp bách, cứu người khác trong cơn nguy hiểm.

Người khác gặp tình cảnh cấp bách, như bệnh tật thì thuốc men là chuyện cần kíp. Đối với tang ma thì chuyện tẩn liệm là điều cần gấp. Đối rét thì com áo là chuyện cấp bách. Thiếu thuế thì bị truy bức là chuyện cấp bách. Các loại tình thế cấp bách ấy chẳng thể kể xiết! Ai nấy hãy đều nên tùy sức lập phương tiện cứu giúp. Khi đó cần phải quả quyết thực hiện, đừng nghi ngại. Nếu không sẽ bỏ lỡ phước duyên này, đáng tiếc lắm thay! “Nguy” (危) là ở ngay ranh giới sống chết, như thuyền lật hoặc hỏa hoạn, nhà tan người chết, cho đến bị giam cầm, hình phạt, phải ra cửa quan, bị người khác hãm hại v.v... Nguyên Đế³⁶⁶ nói: “Đối với người đang bị hoạn nạn, khốn đốn, hãy khéo dùng một lời để giải cứu, trên là sẽ giúp cho cha ông đã khuất, dưới là tạo phước ấm cho con cháu”. Lại nói: “Xô người hay đỡ người đều là cái tay bình thường, hãm hại hay khen ngợi người khác đều do cái miệng bình thường. Thà để tay nâng đỡ người, chớ mở miệng hại người”. Nếu có thể hành theo lời ấy, tương lai sẽ tự vĩnh viễn lâu dài.

366 Nguyên Đế ở đây là Huyền Thiên Thượng Đế, tức vị thần Trấn Vũ ở phương Bắc trong Đạo giáo.

Sách Dịch Cát Lục viết: “Kẻ thất phu³⁶⁷ mà có lòng thương yêu loài vật, ắt sẽ giúp đỡ người khác. Để cứu tánh mạng của người hay vật mắc nạn chẳng tốn kém mấy. Đặc biệt là kẻ cơm áo dư dật, chẳng biết đến nỗi khổ đói rét, trông thấy hoàn cảnh nheo nhóc của kẻ khác cũng chẳng cảm thấy gì, hời hợt chẳng quan tâm đến. Khi thấy họ (những kẻ túng quẫn) xanh xao cũng chẳng bận lòng, đến khi thấy họ mắc bệnh ngã lăn bên đường, lại cho rằng bệnh tình đã nguy cấp, chẳng thể khỏe lại được, bèn ngồi nhìn người ấy chết. Dẫu kẻ qua đường có lòng, vẫn chỉ là than thở suông mà thôi! Những kẻ khác sẽ ghé mắt nhìn, lần lượt bỏ đi. Chẳng biết người ấy vì đói mà sanh bệnh, do bệnh nên chưa thể đi xin, cho nên càng đói khát dữ dội hơn. Bất quá là ba, bốn thung gạo giúp đỡ người ấy dưỡng sức, mấy ngày sau người ấy lại có thể đi xin, lại được sống sót. Hoặc thừa lúc người ấy xanh xao, sắp ngã bệnh, mà cứu chữa sớm, sẽ càng hay hơn. Chi phí ăn ở một tối của người giàu đủ để cứu giúp mười người. Chi phí thỉnh sư tăng hoặc đồng cốt làm trai đàn đủ để cứu trăm mạng. Đối với chi dụng ăn uống ngàn vàng của người giàu có, chỉ cần quyên tặng một phần mười; giảm bớt một phần mười số tiền dành cho quần áo, ăn uống mỗi năm, mỗi tháng, sẽ đủ cứu cả ngàn mạng,

367 “Thất phu” (匹夫) có nghĩa là những kẻ bình phàm trong xã hội, không có chức vị, không có địa vị và thế lực.

thực hiện rất dễ dàng! Nếu có được mấy người cùng lập ra hội này, để ra một căn nhà trống, xếp chiếu cỏ trong ấy để chứa người nghèo đói, bệnh tật, khiến cho họ có chỗ tránh gió, khỏi phải lo toan về cơm nước, chỗ nghỉ, họ sẽ càng dễ điều dưỡng. Đối với những lúc trời rét, chuyện này càng cấp bách. Nơi ấy cần phải do một vị thiện nhân trông coi. Bốn cửa thành đều có cơ sở ấy, ắt những người bị chết yếu sẽ ít đi. Lại mở rộng chuyện này ra khắp chốn, ắt cô hồn lưu lãng sẽ rất ít. Bởi lẽ, khi người ấy đang bị bệnh, không có người trông nom, ngó ngàng, sẽ bệnh nặng hơn một phần. Ở nơi trống trải, gió máy, bệnh nặng thêm hai phần. Do lo âu về nguy cơ túng thiếu, trắng tay, bệnh sẽ nặng thêm ba phần. Trầm trọng hơn là cảnh bụng đói, áo bẩn, lần lượt bị xua đuổi, há còn có hy vọng để sống sót nữa ư? Hãy thử đặt chính mình vào tình cảnh ấy, sẽ biết nỗi đau khổ vì bệnh tật là như thế nào! Há có nên tiếc nuối chẳng quyên tặng một hạt gạo cho kho Thái Thương, chẳng làm chuyện ân huệ này! Hơn nữa họ đều là người. Nếu bọn ta đầu thai chẳng đúng chỗ, sẽ lâm vào tình cảnh giống như thế đó! May mắn được no đủ, lại còn mong muốn hưởng thụ no ấm, dư dật, tính chuyện bền lâu cho con cháu, nhưng đối với chuyện cứu người trước mắt, chẳng bỏ một đồng! Chẳng biết nước lửa, đao tặc, tật bệnh, tai họa ngang trái, đều có thể khiến cho tài sản của ta phút chốc tan sạch. Chút phúc phận nhỏ nhoi cũng do trời đất ban tặng, há có

phải là do chặt bóp, keo kiệt, tham tiền như mạng mà có thể đạt được như vậy ư? Một mai vô thường, [những tài sản đã khổ công tích góp ấy] chỉ trở thành những món tiền để con cháu rượu chè, gái gú, cờ bạc, phóng đảng đó thôi! Do vậy, đã có món tiền tiêu phí đủ cứu cả ngàn mạng người ấy, sao không dùng để tích đức? [Chuyện tích đức do cứu người] còn sâu dày hơn cầu trời che chở nữa! Lý ấy tốt bậc rõ ràng, thế mà những kẻ bị hơi đồng hơi thối nhuộm thân, trọn chẳng suy lường chi cả!”

Đời Tống, Hứa Thúc Vi thường cầu xin đỗ đạt. Mộng thấy thần bảo: “Người muốn thi đỗ, cần phải cậy nhờ âm đức”. Ông Hứa tự nghĩ nhà nghèo, không có sức, chỉ có dùng y thuật là được, bèn chuyên ròng nghiên cứu sách thuốc, lâu ngày thông hiểu đến mức hay khéo. Chẳng cần biết người bệnh giàu hay nghèo, đều gấp gáp đến cứu giúp họ, cứu sống rất nhiều người. Thanh danh càng thêm vang dội, thiện tâm càng tha thiết. Về sau, ông đỗ đạt. Cứu người bệnh tật, vốn là cái nhân lành, nhưng nếu y thuật khó thể tinh thông thì làm như thế nào? Người có chí hãy kiên thành pha chế các loại cao đơn, hoàn tán để thí thuốc, in những bài thuốc hay quý có hiệu nghiệm để lưu truyền; đó cũng là một cách vậy!

Đời Tống, Vương Tăng lên kinh đô dự thi. Trên đường, ông nghe tiếng hai mẹ con khóc lóc rất sâu

thăm, hỏi dò hàng xóm, họ cho biết: “Vì thiếu tiền thuế không đóng được, sắp phải bán con gái cho nên khóc lóc”. Vương Tăng bèn đến thăm nhà ấy, họ hỏi: “Có chuyện gì hay không?” Ông đáp: “Bà có thể bán con gái cho tôi, khi tôi làm quan, bà vẫn có thể lui tới thăm viếng, có thể thường gặp gỡ nhau”. Ông bèn giao đúng số tiền họ thiếu thuế, ước định ba ngày sau sẽ lấy cô ta. Quá hạn, ông không tới. Bà mẹ hỏi thăm chỗ trọ của Vương Tăng, tìm đến nơi mới biết Vương Tăng để lại thư, dặn bà ta chọn chỗ xứng đáng gả con, ông ta đã bỏ đi mấy ngày rồi! Về sau, ông Vương đậu Tam nguyên³⁶⁸, được phong làm Nghi Quốc Công.

Đời Tống, Ngô Khuê chơi thân với Vương Bành Niên. Ông Vương mất, nghèo túng không có tiền chôn cất. Ngô Khuê sai trưởng nam lo liệu tang sự, trông nom việc lo an táng, chu cấp cho nhà họ, lại còn lo chuyện cưới gả cho hai cô con gái ông Vương. Về sau, ông Ngô làm quan tới chức Tế tướng, thụ hiệu là Cung Túc.

Đời Minh, Giải Khai nhà giàu có. Hễ thân thích, bạn bè gặp chuyện cưới hỏi, ma chay mà không đủ sức, liền giúp đỡ. Hễ có người gặp cảnh ngặt nghèo, nói với ông, ông luôn dẫn mình vào cảnh nước sôi, lửa bỏng để ra tay giúp đỡ. Ông thường nói: “Có ai mà chẳng

368 Tam nguyên là đỗ đầu cả ba trường thi, đỗ đầu kỳ thi Hương gọi là giải nguyên, đỗ đầu thi Hội thì gọi là Hội nguyên, đỗ đầu kỳ thi Đình thì gọi trạng nguyên.

muốn tích cóp cho nhiều, nhưng kẻ giàu có sẽ thành nơi kết oán, ta chỉ biết làm lành để đức cho con cháu, há cậy vào vàng, ngọc ư?” Con ông là Luân làm Thị ngự sử, một người con khác tên là Tấn làm Đại học sĩ.

Vùng Tân Kiến bị đói to, có người túng quẫn tột cùng, còn được khoảng một thung gạo bèn nấu cơm, bỏ chất độc vào, toan để vợ chồng được ăn no mà chết. Bổng lý trưởng tìm đến muốn thu thuế đình, thấy cơm toan ăn. Người nghèo vội ngăn lại, bảo: “Ông không thể ăn cơm này được đâu!” Khóc lóc kể rõ nguyên nhân. Lý trưởng xót xa, bảo: “Sao lại như thế? Nhà ta tuy túng thiếu, vẫn còn năm đấu gạo, hãy theo ta đến lấy đem về, có thể cầm cự ít lâu”. Người nghèo mang gạo về, thấy có năm mươi lạng vàng trong ấy, suy nghĩ: “Đây chắc là tiền thuế”, vội đem trả. Lý trưởng nói: “Trợn chẳng phải là tiền thuế, trời ban cho đấy chẳng?” Liên chia đều ra, ai nấy đều sống thoải mái hết năm.

Đời Tống, Tôn Giác làm tri phủ Phước Châu. Những kẻ thiếu thuế bị tống giam rất đông. Khéo sao có kẻ giàu có bỏ ra món tiền năm trăm vạn đồng để xin sửa chữa điện thờ Phật. Tôn Giác bảo: “Các người thí tiền là mong được phước. Điện thờ Phật chưa hư hoại quá mức, sao bằng dùng tiền để cứu những người thiếu thuế bị tù, khiến cho mấy trăm người thoát khỏi nỗi khổ gông cùm, ngay cả Phật tổ cũng sẽ mỉm cười, rũ lòng từ, sẽ được phước chẳng nhiều hơn ư?” Người

giàu có bèn nộp tiền thuế, nhà tù rỗng không. Con cháu của người giàu có ấy đều hiển đạt. Tôn Giác làm quan tới chức Trụ quốc.

Những người vừa kể trên đây, đều cứu giúp người khác trong tình cảnh cấp bách do ma chay, bệnh tật, hôn nhân, thiếu thuế, ly biệt, nghèo túng được trời báo đáp sâu xa, đều là hết sức nhanh chóng. Ôi! Người gặp cảnh nguy cấp, chỗ nào cũng đều có. Kẻ có sức gặp những chuyện ấy, hãy nên khéo cứu tế; nhưng kẻ không có sức cũng nên khéo tìm cách xếp đặt, tùy duyên trọn hết tâm lực. Còn như gặp năm mất mùa dân đói, càng là chuyện đứng đầu và lại còn là chuyện to lớn nhất trong các nỗi nguy cấp. Nếu chẳng phải là người đang giữ chức vị, hễ là kẻ có tiền tài, có thừa sức, hãy góp sức bù đắp cho sự thiếu hụt trong vận trời, hòng cứu vớt, giúp đỡ kẻ khốn khó, ắt kẻ bên cùng sẽ chẳng bị vùi thây trong ngòi rãnh. Trong lời chú giải cho chữ “trung” trong phần trước, đã nhắc đến ý này nhưng chưa nêu rõ trọn hết. Vì thế, nay sau khi đã luận định về chuyện cứu giúp các nỗi nguy cấp, lại đặc biệt chuyên nói về chuyện này. Chỉ mong những kẻ đang giữ quan chức, những vị có lòng nhân, những vị ưa chuộng điều thiện đều cùng thấu hiểu cặn kẽ!

Đời Tống, Phạm Thuần Nhân làm tri phủ Khánh Châu. Gặp năm đói, xác người chết đói đầy đường. Thuần Nhân xin dùng gạo thóc từ kho Thường Bình

để phát chẩn. Đối với chuyện này, quan đầu quận phải tâu lên triều đình rồi mới được phép. Thuần Nhân nói: “Người ta không ăn sẽ chết. Tâu rồi mới phát, há có thể cứu kịp ư? Các ông đừng lo, hễ bị bắt tội, ta sẽ tự chịu”. Bèn phát chẩn ngay hôm đó, những người được cứu sống chẳng thể tính đếm! Về sau, ông làm quan tới chức Học sĩ, được phong làm Cao Bình Công, thụy hiệu là Trung Tuyên.

Đời Tống, Triệu Biện làm tri phủ Việt Châu. Xứ Ngô Việt bị hạn hán nặng. Ông thừa dịp dân chưa bị đói, gửi thư hỏi các huyện trực thuộc có mấy chỗ bị tai ương? Dân làng đang chờ lãnh gạo cứu đói mấy người? Các ngòi nước và đê điều cần phải sửa chữa có thể thuê dân chúng tu bổ mấy chỗ? Tiền trong kho và lương thực tích trữ có thể phát ra được bao nhiêu? Bao nhiêu nhà giàu có thể quyên tặng gạo? Mỗi mỗi đều ghi chép vào sổ. Lại ghi chép những người già cả, cô quạnh, bệnh tật, không thể tự kiếm ăn, số lượng đến hơn hai vạn một ngàn chín trăm người. Lại đối chiếu với những ghi chép trước đó, thì thấy mỗi năm cấp gạo giúp kẻ nghèo chừng ba ngàn thạch mà thôi. Triệu Biện kiểm kê những khoản quyên góp của những người giàu và những khoản thặng dư khác ngoài tiền thuế ra, thu được hơn bốn vạn tám ngàn thạch gạo, bèn góp thêm vào đó khoản chi phí của chính mình. Từ mồng một tháng mười, cấp cho mỗi người một thung

gạo mỗi ngày, trẻ nhỏ thì được nửa thung. Ông sợ mọi người đến lãnh gạo, nam nữ xen tạp, bèn cho nam nữ lãnh gạo khác ngày, mỗi người mỗi lần chỉ lãnh khẩu phần hai ngày. Ông sợ họ phải lang thang bòn mót cái ăn, bèn ở chốn thành thị, vùng quê, lập ra năm mươi bảy chỗ phát gạo, để cho ai nấy đều nhận lãnh thuận tiện. Lại còn thông cáo: Nếu họ lìa khỏi chỗ ở, sẽ chẳng được cấp gạo. Ông tính toán thấy quan viên lo việc phát chẩn không đủ dùng, bèn chọn lấy những nha lại đã nghỉ việc đang sống trong vùng, cấp lương thực để họ đảm nhiệm công tác phát chẩn này, truyền cho những kẻ giàu có chẳng được thừa dịp mua gạo trữ vào để đầu cơ. Các châu đều yết bảng cấm tăng giá gạo. Triệu Biện ra lệnh thu mua gạo của những kẻ có gạo toan tăng giá. Ông tự coi chiếc đai vàng do Hoàng đế ban tặng để dưới sân, hạ lệnh thu mua số gạo ấy. Do vậy, người thí gạo đông đảo. Lại xuất hơn năm vạn hai ngàn thạch gạo từ kho gạo công để hạ giá gạo hòng tạo thuận tiện cho dân chúng. Lại lập ra mười tám chỗ bán gạo để người mua gạo khỏi phải bôn ba. Lại thuê dân đi sửa chữa thành trì số lượng đến bốn ngàn một trăm người, tính ra số lần thuê nhân công là ba vạn tám ngàn lần, tính theo số lần thuê mà trả bằng gạo trị giá gấp bội. Nếu dân cần vay tiền, bèn bảo những kẻ giàu có ứng trước, đợi đến khi lúa chín sẽ trả nợ. Quan viên sẽ đốc thúc họ trả tiền nợ. Đối với con cái của những người dân vì đói kém, túng thiếu mà bị bỏ rơi, bèn lập

cách thức thu nhặt về nuôi dưỡng. Mùa xuân năm sau, do người dân bị mắc bệnh dịch, bèn lập chỗ chữa bệnh để nuôi kẻ lâm vào cảnh bệnh tật mà không có chỗ quay về. Tuyển mộ hai vị tăng, dặn dò họ trông nom thuốc men và đồ ăn thức uống cho những người ấy để họ không thiếu người chăm sóc. Hễ có người chết, bèn sai người nơi đó thu nhặt chôn cất. Theo đúng lệ, phát gạo cứu đói cho người nghèo túng cho đến hết ba tháng mới ngưng, tức là đến tháng năm trong năm đó mới thôi. Hễ ai có chuyện gì cầu xin, phần nhiều hễ xét thấy thuận tiện bèn làm ngay. Triệu Biện tự mình lo liệu, chẳng phiền đến thuộc hạ. Sớm tối dốc cạn tâm lực, không chuyện gì lớn bé chẳng đích thân lo liệu. Trong đợt hạn hán, tật dịch khi ấy, dân những quận khác chết mất một nửa, riêng dân trong quận của Triệu Biện cai trị là không bị tổn hại. Về sau, ông làm Tể tướng dưới thời vua Thần Tông, là bậc danh thần đời Tống.

Đời Tống, Phú Bật làm Xu mật phó sứ. Có kẻ vu cáo ông toan cấu kết với người Khiết Đan dấy binh làm loạn. Tống Nhân Tông tức giận, biếm trích ông đi coi Thanh Châu. Khi ấy vùng Hà Sóc³⁶⁹ lụt to, dân đói tràn vào xứ, không có gì ăn, sắp bị chết đói. Ông quyên mộ hơn mười vạn斛 gạo, chứa ở chỗ thích hợp để phát ra.

369 Hà Sóc là khu vực thuộc miền trung du phía bắc Hoàng Hà. Từ ngữ này thường dùng để chỉ một khu vực rộng lớn bao gồm cả tỉnh Sơn Tây, Hà Bắc và Sơn Đông.

Lại còn tìm kiếm những căn nhà công và tư hơn mười vạn căn để phân chia cho họ ở khắp nơi. Thuốc men đều đầy đủ, cho phép di dân được sử dụng những nguồn lợi từ nơi núi non, ao đầm, chủ những chỗ ấy không được ngăn cấm. Những người chết được chôn trong một ngôi mộ to. Người theo về cư trú đông đảo, có người nghi ngại, nói với Phú Bật: “Đấy chẳng phải là đặt mình trong cảnh nguy hiểm, tai họa chẳng lường được ư?” Phú Bật nói: “Há vì sự an vui của một thân ta mà đổi lấy tánh mạng của sáu, bảy chục vạn người ư?” Ông càng dốc sức thực hiện. Năm sau, lúa mì chín rộ, ông đều tính toán quê quán của họ xa hay gần để cấp lương thực cho họ trở về. Ông đã cứu sống hơn năm mươi vạn người. Vua nghe chuyện, sai người đến ủy lạo, phong cho ông làm Lễ bộ Thị lang. Về sau, ông làm Tế tướng, được phong làm Trịnh Quốc Công, thọ tám mươi tuổi, thụy hiệu là Văn Trung, được thờ phối hưởng trong Thái miếu.

Đời Minh, Thanh Huệ Công là Đinh Tân, là người xứ Gia Thiện. Ông thích làm lành, chẳng mỗi mệ, ông chú trọng cứu đói tha thiết nhất. Năm Đinh Hợi (1587) trong niên hiệu Vạn Lịch có nạn lụt lớn, giá gạo tăng vùn vụt. Ông mới bắt đầu sai gia nhân đổi gạo lấy vải, chiếu theo thời giá, cứ mỗi xấp vải là bốn thung gạo. Tốn phí đến hơn một ngàn thạch gạo đã tích trữ. Ông lại tu bổ đê điều ngoài đồng để ngừa hạn hán, lụt lội, tính theo từng trượng để cấp gạo, tốn phí đến sáu trăm

năm mươi thạch gạo đã tích trữ. Năm sau càng đói dữ hơn, ông lập trạm phát cháo, mỗi ngày có mấy ngàn người đến ăn. Ông lại tìm kiếm những người già cả, yếu đuối chẳng thể đến được để cấp phát riêng. Làm như thế suốt chín mươi ngày mới thôi. Đến mùa thu lại khổ vì hạn hán, ông lại cứu tế những người dân bị đói ở gần nơi sông nước. Những kế hoạch cứu đói do ông trù tính đều có sách lược tốt đẹp, cho nên người được sống sót rất đông. Tháng mười một, dân chúng bị tai ương phần nhiều khổ sở vì rét buốt. Ông lại tìm kiếm trọn khắp những người cô quạnh, đói nghèo, không nơi nương tựa, ghi chép vào sổ, cấp phiếu, đến kỳ hạn sẽ lãnh. Ông phát hết những súc vải đã đổi từ gạo trước kia, kèm theo bông vải. Mỗi người được cấp hai tấm vải, bốn cân bông. Tính toán trước sau, ông đã phát hơn một vạn hai ngàn bốn trăm thạch gạo, ba vạn lẻ bốn mươi xấp vải, sáu vạn tám mươi cân bông. Năm Mậu Thân (1608) lại bị lũ lụt, ông lại cậy Đài tỉnh³⁷⁰ dâng sớ xin cứu chữa, truyền hịch cho vùng Ngô Sở không được cấm mua gạo, lại còn phát tiền từ công khố chuyển đến các nơi. Lại còn bỏ tiền riêng của mình để cứu tế rộng rãi. Năm Giáp Tý (1624), bị mưa dầm, ông lại mở kho cứu tế, phát hết ba ngàn thạch gạo. Tính

370 Đài tỉnh (臺省) là cơ quan hành chính trung ương, thời Hán được gọi là Thượng thư đài, thời Tam Quốc đổi thành Trung thư tỉnh, là cơ quan đặc trách công bố những chiếu lệnh của Hoàng đế, có đặc tánh của cơ quan hành pháp trung ương, chức trách tương ứng với Quốc vụ viện hiện thời.

chung là bốn lần chẵn tể. Ông lại tính toán trong huyện, những người nghèo chỉ có hai, ba mẫu ruộng, ước tính họ sẽ phải nộp thuế ba ngàn lạng, ông đều đóng thay cho họ. Năm ông chín mươi tuổi, vẫn lo thăm hỏi dân nghèo, kiến thiết làng quê, thọ gần một trăm tuổi.

Đời Tống, Trịnh Cang Trung người xứ Kim Hoa, làm Thông phán³⁷¹ ở Ôn Châu. Gặp năm đói, ông bèn bỏ hết lương bổng để khuyên người khác bán gạo. Thái thú nói: “Sợ rằng chẳng thể thật sự thí cho kẻ đói”. Ông đáp: “Chẳng khó! Hãy lấy một vạn đồng, trên mỗi đồng tiền ghi một chữ. Tối đến ra đường phố, hãy gặp kẻ đói bèn cho một đồng, căn dặn: “Chớ xóa chữ ghi trên đó, ngày mai quan phủ sẽ dựa vào đồng tiền ấy để cấp gạo. Làm như vậy sẽ chẳng bỏ sót một ai. Phương pháp phát gạo không có cách nào tốt bằng cách này!” Lại có người đề nghị cứu đói bằng cách dựa theo nhân khẩu để phát lương thực, nửa tháng phát một lần. Đói với họ, đã đỡ tốn công đi lại, họ ở nhà tận lực làm việc. Đói với ta cũng đỡ tốn sức, giảm bớt những khoản chi phí, có thể cứu sống thêm mấy người nữa! Lại tránh được tình trạng họ tranh giành, chiếm đoạt lẫn nhau. Có người nói: “Dựa theo nhân khẩu để cấp phát lương thực, sợ sẽ có nhiều kẻ mạo danh, lạm dụng, chẳng

371 Thông phán (通判) là chức quan được đặt ra từ thời Tống. Nhằm ngăn ngừa quyền hạn của Tri châu quá cao, triều đình đặt ra chức Thông phán làm phụ tá cho Tri châu, thật ra là để kiềm chế, giám sát Tri châu. Thông phán trông coi lương thực, tiền bạc trong một châu.

thẻ được!” Ông nói: “Ta sẽ có cách thu xếp. Trước hết, hãy thí cháo dăm ba ngày. Nam nữ khác chỗ, cho phép họ mang bình đựng đến để lãnh về hòng nuôi nấng người già, trẻ nít. Cấp cho mỗi người một cái thẻ, đối với người trong một thôn đều ghi chép tên họ, tụ tập họ lại một chỗ, chẳng cho phép họ phân tán. Như vậy thì sẽ có thể ước tính số người trong một thôn. Sau đấy, mới đến từng làng đích thân tra xét, phân định là trung bản hay thượng bản. Thà tính dư, đừng tính thiếu. Dựa theo cái túi do họ đem tới mà cấp cho lương thực đem về. Kẻ già cả, yếu đuối hoặc góa phụ chẳng thể vác nặng, hãy chiếu theo thời giá, chiết tính thành tiền cho họ. Cho họ nhiều hơn một chút, đừng giảm bớt. Đấy cũng là trừ tính phương pháp thỏa đáng nhất, mà cũng là phương pháp thích ứng với hiện thời để người có lòng nhân thực hiện thuận tiện”.

Chức Nhiễm ở Diên Bình thường mỗi khi gặp năm đói kém liền thí cháo cứu dân đói rất đông. Hôm con trai ông ta đi thi Hương, người hàng xóm mộng thấy có người chạy đến báo tin đồ trạng nguyên, tay cầm lá cờ to, trên đó có đề bốn chữ “*Thí Chúc Chi Báo*” (báo ứng do thí cháo). Quả nhiên con trai ông thi đỗ liền tiếp, đỗ đầu thiên hạ.

Xưa kia, có người luận định phương pháp chẩn tế, coi thí cháo là cách thấp nhất, nhưng khi Tịch Văn Tương cứu nạn đói lớn tại Giang Nam, đặc biệt chú

trương phát cháo, bảo: “Cấp phát tiền và gạo, ắt cần phải biên chép danh sách, thẩm định tường tận chánh xác, hòng ngăn dứt những mối tệ, nhưng sanh mạng của dân đói chỉ trong sớm tối, há nên dằng dai? Thí cháo thì những người được ban phát đều là dân nghèo, chính là cách cứu đói khi khẩn cấp”. Có thể thấy đó là cách thấp nhất, nhưng cũng có lúc phải nên dùng. Khi đựng chuyện, hãy nên xét theo tình hình và mức độ để chọn cách thích hợp, chớ nên nhất loạt câu nệ!

Có kẻ luận định chuyện mở trạm thí cháo tuy là việc tốt đẹp, nhưng chưa hoàn toàn ổn thỏa. Một là kẻ già cả, yếu đuối, sẽ không thể đến nhận. Lại như kẻ ở xa mấy dặm, nhịn đói để xông pha gió máy, rét mướt, sẽ dễ ngã bệnh. Nếu như đến nơi phải mất mùi dấm, trở về mùi dấm nữa, lại phải chờ đợi chen chúc. Do vậy làm cách này chưa thể thí trọn khắp ngay được. Hễ ăn nhiều, bụng sẽ căng phình. Ăn ít thì đói, lại còn bị mùi hôi thối xông sục, thường đến nỗi xảy ra chuyện ngoài ý muốn. Có kẻ ăn cháo xong bèn chết ngay, có kẻ vừa khom mình bèn ộc cháo ra. Hãy nên suy xét những nỗi thảm thương như vừa mới kể!

Do vậy ta thấy, để thật sự thực hiện tốt đẹp, nay có một phương pháp tốt đẹp hơn. Không gì bằng làm những gánh cháo. Mỗi gánh dùng năm, sáu thung gạo trắng nấu cháo, đựng vào thùng có nắp đậy, phía dưới có thể nhóm ít lửa để cháo không bị nguội. Phía

ngoài, xếp một cái giỏ nhỏ, đựng mười cái bát, mười đôi đũa, một ít dưa muối. Gánh tới chỗ đường cái hoặc vùng ngoại thành, hễ gặp người nghèo bèn bảo họ ngồi thành hàng, cho họ ăn xong xin nước rửa bát đũa để cho người ăn sau có bát đũa sạch để dùng. Ước chừng mỗi gánh có thể cho bốn, năm chục người ăn. Mười gánh sẽ đủ cho bốn, năm trăm người. Gánh đi khắp các hẻm ngõ, hằng ngày đều tiến hành ở các nơi, sẽ đúng là thật sự tùy thời cứu tế, lại chẳng có những khuyết điểm như khi lập trạm tụ tập người đói để phát cháo. Cách thí cháo này tiện lợi nhất, thỏa đáng nhất.

Đời Ngụy, Thời Cử ưa bố thí. Hễ gặp năm đói kém, gạo đắt, liền xuất gạo trong kho để giảm giá gạo, chỉ bán bằng nửa giá lúc đó. Ông từng nói: “Năm mất mùa thì bán nửa giá, năm được mùa thì bán đúng giá. Tuy thu vào ít hơn nhưng chẳng gây tổn hại”. Ông thường chu cấp những thân thích và bằng hữu nghèo khó. Cả huyện phần nhiều trông cậy vào sự cứu tế của ông. Con ông là Thu Tiết làm quan đến chức Thượng thư.

Đời Tống, Hoàng Thừa Sự mỗi năm vào lúc thu hoạch bèn bỏ tiền mua gạo. Cho đến lúc giáp hạt³⁷² năm sau, bèn bán ra giúp dân. Giá chẳng tăng, thung đấu chẳng đổi³⁷³. Về sau, ông mộng thấy Tử Phủ Chân

372 “Giáp hạt” là từ ngữ chỉ khoảng thời gian giữa hai vụ mùa, khi thóc cũ đã dùng hết, lúa đang trồng chưa gặt hái được.

373 Những con buôn bất nhân thường xử ép người tiêu dùng bằng đấu non,

Quân³⁷⁴ nói: “Ban cho người đưa con làm tới địa vị Thượng thư. Bản thân người sẽ được ghi danh vào sổ tiên”. Về sau, những điều ấy đều ứng nghiệm.

Đời Nguyên, chân nhân Khuru Trường Xuân nói: “Bán gạo ra để làm giảm giá gạo đắt đỏ chính là phương tiện to lớn nhất, thật sự đã cứu giúp mọi người trong những năm đói kém, công đức vô lượng. Kẻ có sức, nhằm lúc thu hoạch hãy nên mua vào cho nhiều, hoặc là có ruộng đất bèn gặt hái, cất giữ, gặp lúc thiếu kém bèn bán ra đúng như giá cũ. Mình chẳng bị tổn hại, mà lại hết sức có lợi cho kẻ khác, có sao chẳng vui vẻ làm như vậy? Cách kém hơn là dựa theo thời giá để bán với giá rẻ hơn, nhưng bán đúng giá trước khi đói kém thì tốt hơn”.

Đặng Thành Mỹ ước định cùng thân tộc lập hội Châu Lợi, với ý nghĩa gặp năm mất mùa sẽ giúp cho

đấu giá, tức là khi gạo đắt thì dùng các dụng cụ đo lường như thung đấu nhỏ hơn hoặc có đế dày hơn để giảm thiểu số lượng gạo mỗi lần đong. Khi được mùa, lại ép giá bằng cách dùng đấu rộng hơn, khi đong bèn ém gạo cho chặt hơn để lấy được gạo nhiều mà trả tiền ít hơn.

374 Tử Phủ Chân Quân là vị thần tiên nổi danh của Đạo giáo. Ông tên là Vương Thành, tự là Huyền Phủ, người quận Đông Hải, sống vào đời Hán. Về sau, ông được tôn làm vị đứng đầu trong Ngũ Dương Tổ Sư (Vương Huyền Phủ, Chung Ly Quyền, Lữ Động Tân, Lưu Hải Thiêm, Vương Trùng Dương) của Toàn Chân Giáo. Tương truyền ông là Đông Hoa Đế Quân hóa thân. Ông được coi là người tu đạo đắc pháp trường sanh tại núi Chung Nam. Sở dĩ ông được gọi là Tử Phủ Chân Quân vì Nguyên Thế Tổ đã sắc phong ông là Đông Hoa Tử Phủ Thiếu Dương Đế Quân, Nguyên Thế Tông sắc phong thánh hiệu Đông Hoa Tử Phủ Phụ Nguyên Lập Cực Đại Đạo Quân.

người khác chẳng bị chết đói. Phương cách là khi mùa màng bội thu, cứ mỗi mẫu sẽ bỏ ra một hoặc hai đấu gạo, đến mùa xuân cho vay với lợi tức hai phân, đến vụ gặt mùa thu sẽ trả. Thành Mỹ giữ lòng công bằng, đứng ra trông coi việc ấy. Về sau gặp lúc hạn hán đói kém, không chỉ là cứu được thân tộc mà còn cứu được những người khác. Ông thọ bảy mươi lăm tuổi. Hôm ông mất, mùi hương lạ khắp nhà, hàng xóm thấy vô số sai nha cỡi âm nói oang oang là đến đón ông Thành Mỹ làm *Thành hoàng* xứ nọ.

Tào Thế Mỹ nhà nghèo, thích làm lành. Một vị tăng dạy ông hãy thật tâm khuyên lơn, giúp đỡ người khác thì cũng có thể tạo phước. Từ đấy trở đi, Thế Mỹ ước định cùng người khác lập ra nhiều hội từ thiện, thí cháo, thí áo, thí thuốc, thí nước gừng, phóng sanh, tiếc chữ, thí quan tài, chôn cất [những người không có ai lo liệu hậu sự], sửa chữa cầu, đường v.v... Người khác bỏ tiền, tự mình ra sức. Mỗi năm đều như thế, càng lâu càng có sức. Những năm đói kém ông càng chú ý ra sức khuyên cứu tế. Về sau, do bán dầu cho những người giàu, dần dần có được hơn năm ngàn lạng. Con cháu an hưởng phước dày. Đối với mọi chuyện, kẻ giàu có sẽ dễ thành công, kẻ nghèo rất khó thực hiện, nhưng do gặp cảnh khó thực hiện mà có thể gắng sức làm thì đấy chính là chỗ khiến họ dễ đạt được thành tựu hơn người thường. Cổ nhân có nói: “Kẻ nghèo bỏ công sức một trăm phần bằng kẻ phú quý bỏ công sức

ngàn phân”. Do vậy, có thể thấy: Kẻ nghèo há nên tự buông xuôi, chẳng có chí khí mạnh mẽ, kiên quyết ư?

Đoàn Nhập Bát tích trữ gạo đến mấy chục kho, gặp năm đói kém, toan bán ra với giá cao. Quan sai người đến hỏi mượn gạo để cứu đói, hấn đã bằng lòng. Sáng sớm hôm sau, do thấy dân đói tụ tập chờ đợi, bèn hối hận chẳng chịu phát gạo. Mọi người vừa mới huyên náo, hấn ta bèn cùng người nhà đóng chặt cửa, cự tuyệt mọi người. Bỗng trời nổi trận mưa to gió lớn, xô gạo đổ tung tóe ra đường sá. Dân đói tranh nhau hốt lấy, họ Đoàn bị sét đánh chết tươi!

Trải xem báo ứng họa phúc của những kẻ tàn nhẫn hay nhân từ trong các năm đói kém, sách vở đã ghi chép rất nhiều, chẳng thể thuật trọn, chẳng phải là chỉ có những trường hợp trên đây. Tiên nho nói: “Đói kém là mạng trời, nhưng lòng trời nhân ái, thương xót dân đói bội phần tha thiết. Vì thế, bậc trí do hợp lòng trời bèn được những điều tốt lành giáng xuống. Kẻ ngu do trái nghịch lòng trời mà bị trừng phạt. Đó là lẽ tất nhiên”. Báo ứng giáng họa lắm nỗi, càng nhanh chóng hơn phúc báo. Chẳng riêng gì cái tội đóng chặt cửa không bán gạo ắt bị trời đánh, ngay như kẻ trữ tiền keo kiệt, tro mắt nhìn người khác sắp chết chẳng cứu, do nhẫn tâm hại lý, sẽ bị khiển trách càng nặng nề hơn nữa! Kẻ ở sâu trong ngôi nhà tráng lệ, chẳng nghe tiếng than khóc vì đói, chẳng thấy người chết đói ngoi

ngóp nơi ngòi rãnh, muốn cứu mà cứ do dự, chần chừ, chẳng suy xét người chết đói đã nhiều thì cũng là trái nghịch lòng trời, chẳng khỏi mắc tai ương! Nếu là kẻ làm cha mẹ của dân, lại ơ hờ chẳng quan tâm nỗi khổ của dân, chần chừ, rề rà, cũng như những kẻ nha lại nảy sanh thói tệt, giở trò gian trá, khiến cho dân chúng chẳng được thật sự giúp đỡ, tội ấy càng là muôn kiếp khó siêu! Cổ nhân nói: “Cứu một mạng người, tăng thọ mười hai năm”. Huống chi kẻ có thế lực, hễ ra tay sẽ có thể cứu trăm ngàn vạn mạng. Vì thế, kẻ đang có quyền chức giống như đang ở trong núi báu, mặc sức ta chọn lựa, nhặt lấy, hãy cẩn thận đừng ra về tay không!

Điều đáng quý nhất chính là đứng ra xướng suất trước tiên, phỏng theo cổ nhân làm chuyện cứu tế to lớn. Dẫu là kẻ sức lực hữu hạn, cũng nên kết hợp với những người thật sự có thiện tâm để thực hiện chuyện khuyến mộ rộng rãi, tùy duyên tiến hành, ngõ hầu chuyển những kẻ sẽ vì chết đói mà vùi thân nơi ngòi rãnh thành bình yên. Âm công mênh mông, trời sẽ báo đáp chẳng sai xuyến. Trong thiên sách này đã nói về chuyện này đặc biệt tường tận, tấm lòng đau đáu, ý tưởng sâu xa, căn dặn hết sức thiết tha. Lại còn dặn dò: Nếu gặp năm mất mùa, khi cần phải cứu chần, hãy mau chóng thu thập, nhuận sắc các thuyết và các câu chuyện cứu đói để in ra lưu truyền, khuyên lon, gọi tặng rộng rãi các thành phố, làng quê đang bị tai ương,

ngõ hầu các bậc thân sĩ, những nhà giàu có đọc kỹ. Lại còn dán những tờ yết thị phương pháp cứu tế ấy khắp các chỗ náo nhiệt, sẽ thật sự là điều đại thiện, tạo phước chẳng có ngần mé!

Phụ lục: Ghi chú về hai mươi biện pháp cứu đói của ông Trần Bằng Niên tại phủ Tô Châu vào đời Thanh

Năm Khang Hy 47 (1708), lụt lội hạn hán liên tiếp xảy ra. Ông Trần xin quan đốc phủ vùng Giang Chiết hãy ban hành sách lược này. Lúc đầu, gạo giá hai mươi đồng một thung, [do áp dụng chánh sách do ông Trần đề nghị], chưa đầy hai tháng mỗi thung chỉ bán tám, chín đồng. Dân chúng ca ngợi ơn tái tạo của quan cai trị. Chánh sách ấy như sau:

- Một là cấm dùng gạo nếp nấu rượu.
- Hai là cấm dùng lúa mì nấu rượu.
- Ba là cấm dùng đậu nành ép dầu.
- Bốn là cấm dùng gạo tấm trắng làm đường.

- Năm là cấm dùng cám gạo làm sợi miến (Hạ lệnh bán những thứ ấy cho dân đói để họ làm bánh cho qua cơn đói. Nghiêm cấm năm thứ trên đây, đối với một huyện trung bình, mỗi ngày sẽ tiết kiệm không chỉ là mấy trăm thạch gạo. Vì thế, ngay lập tức sẽ thấy giá gạo giảm mỗi ngày).

- Sáu là cấm phường đồ tể và nhà buôn rượu bán thức ăn đã nấu chín (giảm bớt tiền tài để tích phước; chỉ được phép bán các thức ăn làm bằng bột, hoặc sợi mì, đồ chay).

- Bảy là khuyên những nhà khá giả và các con buôn giàu có hãy quyên tặng gạo cứu đói. Năm nay, ông Đồng Thiên Quyển ở huyện Bình Hồ được ông Trần chỉ giáo, trước hết cho làm hai mươi bức hoành phi ghi “*vi phú bất nhân*” (làm giàu bất nhân) chất đống tại huyện đường, đích thân tới những nhà giàu khuyên họ đóng góp, chí thành khiến họ cảm động, các biện pháp cứng rắn lẫn mềm mỏng đều dùng. Trước hết là tới chỗ hương thôn, gặp ba nhà giàu có ương bướng không chịu quyên góp, bèn đóng tám hoành phi ấy lên cửa, lại còn báo cho họ biết: Hễ họ bán ruộng đất để chuộc tội mà nếu gián đoạn không trả hết tiền phạt sẽ bị phạt nặng hơn. Gia nghiệp gần như sẽ đi tong quá nửa! Từ đấy, từ vùng quê cho đến thành thị, những kẻ thích đóng góp đông đảo. Ngoài chuyện cấp gạo, cấp tiền ra, còn lập trạm thí cháo khắp nơi. Lại còn thí thuốc, chẩn tế đến mấy tháng, tới khi “*ăn gạo mới*”³⁷⁵ bèn thôi. Số lượng quyên góp nếu dư ra sẽ sai đem trả lại những nhà giàu có, cứu sống vô số người.

Đời Tống, tiên sinh Tây Sơn Chân Đức Tú nói:

375 “*Ăn gạo mới*” tức là khi lúa đã chín, người dân có thể tự gặt hái, tự nuôi sống, không cần trợ cấp nữa.

“Rộng lòng giúp đỡ dân nghèo, ắt được trời đất ban phước. Đấy là nói theo lý. Nếu nói theo lẽ lợi hại, không có dân đói sẽ chẳng có đạo tặc, ắt thôn quê, thành thị bình an. Đấy lại là điều lợi cho những nhà giàu”. Ông Trần Kỷ Đình bảo: “Chuyện cứu đói cần phải do thân sĩ và các nhà giàu có tại các vùng, các thôn cứu giúp dân nghèo gần chỗ họ, sẽ khiến cho cả huyện chẳng có ai bị đói”. Ông Hoàng Chấn nói: “Để cứu đói chỉ có cách khuyên nhủ, tức là khuyên những nhà giàu có hãy tạo ân huệ cho dân nghèo. Nếu những khoản quyên tặng có dư sẽ dùng để cấp thêm cho những kẻ thiếu thốn, đấy chính là đạo trời, là phép nước vậy. Nếu kẻ nào chỉ mong giàu có cho riêng mình, chẳng nghĩ đến tình cảnh tai ách thê thảm vì đói kém, đâu có thể may mắn trốn thoát phép nước, ắt khó trốn đạo trời tru lục!” Lại nghe Chu Tử nói: “Để khuyên nhủ kẻ giàu chia sẻ cứu dân trong cơn cấp bách, chẳng thể không nhẫn nại đôi chút. Nếu gặp kẻ giàu có so đo quá sâu, sợ rằng rốt cuộc sẽ không thể làm được (không thể quyên tặng được), phải sử dụng cả ân lẫn uy thì mới có ích cho việc cứu tế”. Đây chính là ông Trần đã lãnh hội sâu xa đạo cứu đói của Chu Tử vậy.

- Tám là tạo lập công việc để giúp đỡ kẻ thiếu thốn (như đắp thành, khơi sông, tu bổ cầu đường v.v... khiến cho những kẻ làm công sẽ có cái ăn).

- Chín là nói lỏng những nghiêm cấm trước đó về

chuyện khai thác tài nguyên từ núi, sông, như giảm nhẹ thuế vận chuyển lương thực để tiện vận chuyển theo đường thủy, cũng như chẳng nghiêm cấm những chuyện như chặt củi v.v... để dân nghèo có cách sống tạm thời, chẳng đến nỗi trở thành đạo tặc.

- Mười là đối với những phạm nhân nếu tình cảnh đáng thương, hoặc vụ án đáng ngờ, cho phép họ dùng gạo chuộc tội, dùng số gạo ấy để cứu đói.

- Mười một, bất luận quan lại, quân dân, phụ nữ, tăng đạo, đủ mọi hạng người, hễ có thể giúp cứu đói, nếu ít thì tặng hoành phi, ban thưởng, nhiều thì báo tường tận lên triều đình ngõ hầu họ sẽ được thánh chỉ phong tặng.

- Mười hai, mời mọc các bậc danh y mở phòng thuốc cứu chữa người bệnh.

- Mười ba, dân ở gần núi, dạy họ dùng từng, bách để đỡ lòng (sách Bắc Vật Chí³⁷⁶ chép: “Năm đói kém không có cái để ăn, có thể nghiền kỹ từng, bách để vắt lấy nước, hòa với nước lã để uống khỏi đói hòng cầm cự qua ngày”. Nếu hòa với cháo hoặc canh lỏng để uống thì càng hay. Mỗi lần dùng năm hộp nước từng, ba hộp nước bách hòa chung để uống. Hoặc chỉ dùng

376 Bắc Vật Chí là bộ sách gồm ba quyển do Trương Hoa soạn vào đời Tấn. Nội dung rất rộng, bao gồm nhiều kiến thức địa lý, lịch sử, nhân vật, khoa học thời cổ, cũng như chép về nhiều loại chim thú lạ lùng.

lá tùng cũng được. Chỉ cần đừng dùng những thứ thức ăn khác sẽ có thể khỏi đói, hết bệnh).

- Mười bốn, hoãn hành hình (năm đói kém lắm kẻ phạm pháp, vì thế khoan dung).

- Mười lăm, giảm bớt lễ lạc (đối với chuyện làm lễ đội mũ (gia quan), cưới hỏi, ma chay, cúng bái, hãy giảm thiểu những lễ nghi theo phương diện hình thức).

- Mười sáu, cho dân vay mượn để gieo trồng (do sợ dân đói bỏ mặc ruộng đất chẳng gieo trồng).

- Mười bảy, cẩn thận phòng ngừa đạo tặc (do sợ chúng nó sẽ làm hại dân).

- Mười tám, hàng quan lại, thân sĩ, hễ gặp ngày mồng một và rằm bèn trai giới, tắm gội, cầm hương đi bộ, ai nấy cầu đảo tại các miếu để cầu cho dân được yên vui (năm mất mùa chính là do cộng nghiệp của nhân dân cảm vời. Cầu đảo, sám hối tội lỗi nhằm vãn hồi vận mạng to lớn. Đây cũng là một trong các biện pháp cứu đói theo Chu Lễ).

- Mười chín, trong mỗi châu, huyện chọn lựa người tài đức để chủ trì việc cứu đói (như lo liệu việc cấp gạo, thí cháo v.v...), khiến cho dân đen thật sự được hưởng ân huệ. Khi sự việc đã được lo liệu ổn thỏa, đồng loạt tâu lên triều đình danh sách những người đã quyền tiền, tặng gạo.

- Hai mươi, đối với các thuyền chở đậu phộng, đậu, lúa mạch... miễn thuế một tháng, lại còn sai phu kéo thuyền giùm, hộ tổng (thuyền chở đậu, gạo từ các quận ngoài được chở tới hằng ngày thì giá gạo mỗi ngày một giảm, đấy là tác dụng to lớn để chuyển thiếu thốn thành sung túc).

Luận về sự cứu tế trong con cấp bách, trên đây đã nói tường tận. Còn như cứu nguy, xét theo lý thì đại khái giống nhau, nhưng để cho mọi người cảm thấy cứu nguy có mối tương quan với sự sanh tử, tôi ghép thêm mấy câu chuyện sau đây.

Trương Bá Hộ ở Cao Bưu từ trong thuyền thấy đằng xa có người bám vào một chiếc thuyền lật úp, lúc chìm, lúc nổi, gào thét cầu cứu. Ông Trương vội gọi thuyền chài đến cứu, họ chẳng đáp ứng. Ông bèn cho họ mười lạng bạc thì họ chịu cứu. Cứu lên thì ra kẻ mắc nạn là con trai của ông Trương.

Đời Tống, Chu Tất Đại trong niên hiệu Thiệu Hưng trông coi Hòa Tế Cục³⁷⁷ của Hàng Châu. Trong cục bị cháy, theo quy chế, những người trực ban mà để hỏa hoạn xảy ra sẽ bị phán tội chết. Ông nói: “Nếu hỏa hoạn do quan gây ra sẽ bị tội gì?” Nha lại nói: “Sẽ bị cách chức làm dân thường”. Ông nói: “Há nên vì một

377 Hòa Tế Cục (和劑局) là một cơ quan được thiết lập dưới đời Tống, trực thuộc Thái phủ tự, có trách nhiệm bào chế thuốc, phòng chống dịch bệnh, giống như sở y tế của mỗi tỉnh trong hiện thời.

mình ta mà nỡ lòng nhìn mười mấy người mất mạng ư?” Bèn nói dối là chính mình gây ra hỏa hoạn, chịu tội mất chức, mọi người đều được cứu sống. Về sau ông làm Tế tướng.

Đời Tống, Lôi Hữu Chung đánh dẹp bọn phản loạn Vương Quân, muốn tàn sát dân chúng trong thành. Khi ấy, những vị nhân sĩ đất Thục (Tứ Xuyên) là Phạm Xán, Phạm Tuy là những người khí tiết cao thượng, có văn tài, và Văn Giám đại sư là một vị nổi danh đức hạnh, cùng kéo đến can gián. Họ dập đầu thưa: “Người đất Thục hiền lành, nhu nhược, bị ép buộc phải theo hã, đặc biệt sợ chết. Hôm nào thành bị hạ, xin ngài đừng tàn sát, chỉ cần trừ bỏ đám giặc hung tợn là được rồi”. Hữu Chung thấy ba vị ấy là bậc trượng phu khảng khái, quên thân vì mọi người, xuất phát từ lòng chí thành, bèn dịu nét mặt, bảo: “Nếu chẳng nghe lời của bậc trượng giả, ta đã gần như làm bậy rồi”. Một thành bèn được bảo toàn. Con cháu họ Phạm quý hiển, sư Văn Giám ngộ đạo.

Ông Phùng X... vào hôm trời rét dữ, dậy sớm ra đường, trên đường thấy một người nằm trong tuyết thân đã cứng một nửa, vội cởi áo bông của chính mình đắp cho, cõng về cứu tỉnh. Ông mộng thấy thần bảo: “Ông cứu mạng người xuất phát từ lòng chí thành, sẽ ban cho Hàn Kỳ làm con ông”. Về sau, ông sanh con bèn đặt tên là Kỳ, Phùng Kỳ tốt bậc hiển quý.

Lái buôn đất Huy Châu là Vương Chí Nhân tuổi đã ba mươi mà không con. Giữa đường gặp một người đàn bà ẵm con nháy xuống nước. Ông ngăn lại, hỏi nguyên cớ. Người đàn bà thưa: “Chồng thiếp nghèo, nuôi lợn để lấy lãi trả tiền địa tô. Ngày hôm qua, chồng thiếp đi ra ngoài làm thuê cho người khác, kẻ buôn lợn đến nhà mua lợn, không ngờ đưa toàn bạc giả. Thiếp sợ chồng về đòn vọt, lại cũng chẳng có cách gì để sống, cho nên tính tìm cái chết”. Chí Nhân thương xót, cho tiền đủ số. Tới khi người chồng biết chuyện, nghi vợ nói dối, lôi vợ đến chỗ ông Vương cư ngụ để chất vấn. Vương Chí Nhân đã ngủ, chồng bắt vợ gõ cửa, thưa: “Tôi là người đàn bà nháy xuống nước đến lạy tạ”. Ông Vương lớn tiếng nói: “Ngươi là đàn bà còn trẻ, ta là khách trọ trọ một mình, đêm tối há nên gặp mặt? Có gì muốn nói, sáng mai hãy cùng chồng ngươi tới!” Người chồng mới sợ hãi thưa: “Vợ chồng tôi cùng có mặt”. Do vậy, Chí Nhân khoác áo ra gặp. Vừa mới mở cửa, tường sập, cái giường ông nằm bị nát vụn như bột. Vợ chồng họ cảm thán, hết sức cảm tạ rồi lui về. Về sau, ông sanh được mười một đứa con, sống rất thọ.

Đời Đường, Bùi Độ đến chơi chùa Hương Sơn, nhặt được hai cái đai ngọc, một cái đai bằng sừng tê giác, bèn đợi chủ nhân đến tìm. Cho đến chiều tối, người ấy không tới, ông bèn cầm về, đến sáng lại sang chùa. Một người đàn bà đến khóc lóc, nói: “Cha thiếp vô tội bị tù, ngày

hôm qua tính nhờ đai báu để giúp cha thoát tội, bất hạnh đánh mất ở nơi đây, chẳng trốn khỏi họa vậy”. Bùi Độ xúc động, trả lại. Trước đó, có người coi tướng bảo Bùi Độ ắt sẽ chết đói. Tới lúc này gặp lại, bèn bảo: “Ông khí sắc khác hẳn, ắt có âm đức giúp đỡ người khác, tiền trình rạng rỡ tôi chẳng thể biết được!” Về sau, ông được phong làm Tấn Quốc Công, truy tặng tước hiệu Thái phó.

Đường đời gặp ghênh, gặp những nỗi hiểm nguy khác nhau. Người có lòng nhân cứ từ đây suy ra, sẽ biết trọn hết. Mỗi chuyện đều phải tận hết sức làm, ở đây chẳng thể ghi trọn hết được! Còn như chuyện sống chết do bị hình phạt, tù ngục bức bách, càng là tình cảnh trầm trọng hơn các nỗi nguy khác, sẽ được giảng giải và chép trong phần chú giải câu “*nhập khinh vi trọng*” (ghép thêm tội nặng vào tội nhẹ) thuộc phần sau. Vì thế, chẳng luận định thêm ở đây!

Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất, như kỷ chi thất.

見人之得。如己之得。見人之失。如己之失。

Thấy người khác đạt được giống như chính mình đạt được; thấy người khác bị mất mát, giống như chính mình bị mất mát.

Người đời nay thấy kẻ khác được mất, chẳng thể cảm nhận như chính mình được mất, chỉ vì có lòng ích kỷ, chấp trước chính mình. Hễ được bèn sợ mất, lại dấy

ý niệm chỉ sợ người khác sẽ đạt được, thà khiến cho người khác bị mất mát! Mới đầu vẫn chỉ là lợi mình; về sau dần dần thành trở ngại người khác, đổ kỵ sự thành tựu của người khác, vui thích trước thất bại của họ. Người khác thành hay bại, liên quan gì đến ta? Chỉ ôm ấp tâm thuật xấu xa, gieo cái nhân ác tự hại chính mình! Chẳng biết công phu của thánh hiền vốn là phải tiêu trừ Ngã Kiến. Trong sự hiểu biết của bậc thông đạt, cũng cần phải phá vỡ những tình tự phạm tục. Nếu ngộ “ta và người vốn cùng một nguồn, được hay mất là do mạng trời”³⁷⁸, ắt sẽ trông thấy người khác đạt được, không chỉ là chẳng đổ kỵ, mà còn tìm mọi cách giúp đỡ. Thấy kẻ khác bị mất mát, không chỉ là chẳng mừng, mà còn cứu giúp nhiều cách. Đấy chính là chỗ thọ dụng chân thật của chính mình.

Đời Đường, Địch Lương Công (Địch Nhân Kiệt) làm Pháp Tào Tham Quân ở Tỉnh Châu, có viên quan họ Trịnh bị phái tới chỗ xa xôi, hẻo lánh. Mẹ ông ta vừa già vừa bệnh. Ông Địch nói: “Mẹ của ông đã như thế, há nên khiến cho ông ta phải chịu nỗi lo vạ dậm?”, bèn đến chỗ Trưởng Sử Lạn Nhân Cơ xin đi thay. Nhân Cơ thường chẳng thuận thảo với Lý Tư Mã, do thấy ông Địch làm như thế bèn nói: “Ông Địch

378 Theo ông Hoàng Bách Lâm, nói “mạng trời” ở đây chính là nói đến sự cảm ứng do nghiệp trong đời trước, chứ không có nghĩa là do một vị thần linh nào ban phát.

như thế ấy, há bọn ta chẳng nên tự thẹn ư?” Bèn hòa thuận với nhau.

Tiết Viện làm Tướng Quốc nước Yên, cái tâm chưa thể công bằng, đố kỵ khi người khác đạt được, thích thú khi thấy người khác mất mát, chẳng tiến cử người hiền, lại còn ganh ghét, khiến cho họ chẳng được tiến cử. Một đứa con trai của ông ta chết trong ngục, những đứa còn lại thì tàn phế. Tử Cao là người công minh, truyền dạy Tiết Viện bộ Trung Giới Kinh. Tiết Viện hối hận, thề nỗ lực thực hiện, rốt cuộc chỉ bảo toàn được một đứa con.

Đời Minh, Liên Trì đại sư bảo: “Con người đối với cảnh giới tài, sắc, danh, lợi trong thế gian, tôi dùng tỷ dụ để nói rõ. Có một đồng lửa ở nơi đây, năm món vật ở bên cạnh. Một là như cỏ khô, hễ vừa chạm đến sẽ cháy ngay. Hai là như gỗ, hễ quạt lửa vào đó sẽ cháy. Ba là như sắt, không thể cháy được nhưng có thể bị nung chảy! Bốn là như nước, không chỉ là chẳng cháy, ngược lại còn có thể dập lửa; đổ vào trong nồi, niêu, còn có thể bốc hơi. Năm là như hư không, thiêu đốt bất cứ cách nào, thể của nó vẫn như như, mà cũng chẳng cần diệt, hành tướng sẽ tự diệt. Để bình tâm, hãy nên quán như thế”.

Bất chương nhân đoản, bất huyễn kỹ trường.

不彰人短，不衒己長。

Không phơi bày khuyết điểm của người khác, không khoe khoang ưu điểm của chính mình.

Người ta có những nhược điểm, như nghe tên cha mẹ của họ, tai có thể nghe nhưng miệng chớ nên nói. Nhưng miệng vốn đã chẳng nên nói mà tai cũng chớ nên nghe sẽ càng cao hơn. Nói chung, ai mà chẳng có nhược điểm; hễ phô bày ra ắt sẽ chẳng tránh khỏi bị lan truyền. Như vậy thì tiếng tăm của người ấy sẽ bị giảm sút, mà họ còn hành xử khó khăn, lỗi ấy sẽ do ai gánh vác vậy? Nếu chẳng phải là kẻ tiểu nhân không hề kiêng nể gì sẽ không làm như thế. Ta có sở trường, sẽ giống như tài sản của người buôn bán giỏi, giấu kín thì tốt, chứ để lộ ra sẽ gặp nguy. Nếu là người có sở trường ắt phải ẩn tài, tu thân dưỡng tánh, sửa đổi cho ngày càng tốt đẹp hơn, sau đấy mới có thể thành tựu đức hạnh. Lão Tử nói: “*Thịnh đức dung mạo nhược ngu*” (Bậc đức dày dáng vẻ như kẻ ngu). Tử Tư³⁷⁹ nói: “*Ám nhiên nhật chương, thánh huấn chiêu nhiên*” (Đạo đức của bậc quân tử tuy ẩn giấu sâu kín mà ngày càng tỏ lộ, thánh nhân đã giáo huấn rành rành). Mọi người hãy nên tự phản tỉnh.

Thời Chu, Sở Trang Vương cùng quần thần dự dạ yến. Đuốc bị tắt, có kẻ say kéo áo mỹ nhân. Mỹ nhân

379 Tử Tư là tên tự của Khổng Cấp, cháu nội của Khổng Tử.

dứt đứt dải mũ của kẻ ấy, tố cáo với vua. Vua bảo: “Ta cho mọi người uống say, mà lại muốn hiển lộ lòng trinh tiết của phụ nữ hay sao, ta chẳng làm!” Bèn dặn kẻ hầu đừng thắp đèn, truyền lệnh: “Kẻ uống rượu với quả nhân mà không dứt đứt giải mũ sẽ chẳng vui”. Quân thần đều dứt đứt giải mũ, tận tình vui say rồi về. Sau này, lúc vua giao tranh với nước Tấn, thấy một người tận lực chiến đấu. Đấy chính là người khi trước đã bị mỹ nhân dứt đứt giải mũ vậy!

Đời Tống, Hàn Kỳ làm quan tại Trung Thu Tỉnh đã lâu. Hễ thấy có thư từ, số tấu công kích những lỗi xấu ẩn kín của người khác, đều tự tay phong kín, chẳng cho kẻ khác thấy. Vương Tố làm gián quan, nói: “Nhân tài khó được! Khi không bận chuyện gì hãy vì triều đình yêu tiếc nhân tài, chớ nên hạch sách những điều ẩn giấu riêng tư của kẻ khác, phơi bày khuyết điểm của họ”. Trình Minh Đạo làm Ngự sử, tâu với vua: “Sai thần bù đắp lỗi lầm thì được. Nếu muốn thần tìm tòi, bói móc ưu khuyết điểm của những bầy tôi khác để được tiếng là kẻ cương trực, thần chẳng thể làm được”. Từ Văn Trinh đãi khách ăn tiệc. Một vị khách lấy cái chén bằng vàng giấu vào trong mũ. Kẻ hầu tìm kiếm cái chén. Ông nói: “Đã cất rồi”. Kẻ ấy say rượu, làm rớt mũ, chén rơi xuống đất. Ông giả vờ chẳng biết, nhặt chén bỏ vào trong tay áo kẻ ấy. Văn Trung Minh tánh chẳng thích nghe kể lỗi người khác. Hễ thấy có kẻ sắp

nói khuyết điểm của kẻ khác, bèn khéo léo lái sang chuyện khác. Mấy vị ấy giữ lòng trung hậu, cho nên họ hưởng lộc to lớn, là những bậc danh thần, đấy là chuyện đúng lẽ vậy!

Điền Tễ cậy tài, cay nghiệt, thường thích bình phẩm, chê bai, khích bác khuyết điểm của các bậc thánh hiền thuở trước và những người nổi danh đương thời. Sau khi mạng chung, do nghiệp nhân ấy, địa phủ hạ lệnh mỗi ngày có ba con rắn và hai con rết chui ra chui vào bảy lỗ. Chịu phạt tròn một năm, bèn thọ sanh làm thân nữ. Ông ta báo mộng cho vợ như vậy. Trương Cung Thần nói: “Chớ dễ duôi bác bỏ điều thiện của kẻ khác. Chớ dễ dãi tin lời kẻ khác. Chớ dễ dãi khiến cho kẻ khác đắc ý. Chớ dễ nguoi bàn luận khuyết điểm của kẻ khác”. Đấy đều là phương cách để tự giữ lòng trung hậu. Chuyện phơi bày khuyết điểm của người khác chính là căn bản của sự khắc bạc, gian hiểm. Hưởng hồ Điền Tễ là kẻ hủy báng thánh hiền, há cỏi âm chịu khoan dung, chẳng tru lục ư?

Đời Tống, Âu Dương Tu giỏi văn chương, thường là tiếp khách bèn nói nhiều về chuyện triều chánh, chẳng nhắc tới văn chương. Thái Tương giỏi việc cai trị, mỗi khi tiếp khách sẽ bàn nhiều về văn chương mà chẳng nhắc tới chánh sự. Hai ông đều khéo nấu mình, rốt cuộc được nổi danh, đều quý hiển tột bậc!

Đời Đường, trong niên hiệu Vĩnh Thuần³⁸⁰, Lư, Lạc, Dương, Vương³⁸¹ đều do văn chương mà danh tiếng nổi như cồn, mọi người đều nghĩ những người ấy sẽ quý hiển. Bùi Hành Kiệt gặp họ, bèn nói: “Kẻ sĩ có thành tựu cao xa thì trước hết phải xét độ lượng của họ rồi mới xét đến tài văn chương. Hạng người như Vương Bột tuy có tài văn chương nhưng bộp chộp, lộ vẻ nông cạn, há có phải là hạng người được hưởng tước lộc ư? Chàng Dương hơi trầm tĩnh, nếu có thể chết an lành là đã may rồi”. Về sau, quả đúng như lời ông Bùi đã nói. Tài năng chẳng bằng học thuật, khí tiết chẳng bằng đức lượng, văn chương chẳng bằng cách cư xử. Người xưa đã nói rõ ràng. Vì thế, bậc quân tử chẳng khoe khoang sở trường.

Đời Hậu Hán, Thôi Viện có bài minh bên cạnh chỗ ngồi như sau: “Đừng kể lỗi người khác, chính mình chớ cậy tài. Bớ thí đừng nghĩ nhớ. Được thì chớ nên quên. Tiếng tăm chẳng đáng chuộng. Lòng nhân làm chuẩn mực, nghĩ kỹ rồi mới làm. Bị gièm báng quản

380 Vĩnh Thuần là niên hiệu của Đường Cao Tông.

381 Đây là những người được coi là thần đồng về văn chương thuở ấy, tức là Lư Chiếu Lân, Lạc Tân Vương, Dương Quýnh và Vương Bột. Họ được ca tụng là Sơ Đường Tứ Kiệt. Riêng Vương Bột sáu tuổi đã biết làm văn, đến năm mười sáu, hễ nhắc bút là thi tứ ào ạt tuôn ra. Ông nổi tiếng trong lịch sử văn học với bài Đăng Vương Các Tự. Hai câu “lạc hà dữ cô vụ tế phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” (ráng mây và con diệp lệ loi cùng bay, nước thu và bầu trời mênh mông cùng một màu) được coi là những câu tuyệt diệu nhất trong bài phú ấy. Ông chết đuối trên đường trở về sau khi thăm cha đang làm huyện lệnh tại Giao Chỉ. Theo truyền thuyết, mộ phần của ông vẫn còn tại huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

chi? Luôn giữ danh hợp thật. Ngu vụng hành chân thật, là hạnh thánh nhân hành. Uế ô chẳng vẩn đục, bề ngoài dường tằm tối, trong đây ắp quang minh. Bề ngoài dường nhu nhược, Lão Tử từng dạy răn, chớ nên quá kiên cường. Chí bỉ phu cứng cõi, dần dà sẽ khó lường³⁸². Nói năng luôn cẩn trọng, ăn uống vừa phải thôi. Biết đủ, lành khôn ngoan. Nếu hành xử kiên nhẫn. Lâu ngày tự thom danh”.

Trong thiên sách Khiêm Đức thuộc bộ Liễu Phàm Tứ Huấn của Viên Liễu Phàm đời Minh có đoạn:

- Kinh Dịch chép: *“Thiên đạo khuynh doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỷ thần họa doanh nhi phước khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi háo khiêm. Cổ Khiêm chi nhất quái, lục hào giai cát”* (Đạo trời khiến cho cái quá đầy đủ bị hao bớt, tăng thêm cái khiêm hư. Đạo đất khiến cho cái tròn đầy bị biến đổi, khiến cho cái khiêm hư được thêm tươi nhuận. Quỷ thần giáng họa cho cái tròn đầy, tăng phước cho kẻ khiêm hư. Đạo người thì ghét cái tròn đầy, chuộng khiêm. Vì thế, một quẻ Khiêm cả sáu hào đều tốt)³⁸³. Sách Thượng Thư

382 Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này có nghĩa là đối với những kẻ ngu phu ngu phụ, đừng nên coi thường chí hướng của họ. Kẻ dẫu ngu hèn cách mấy, nhưng tâm chí kiên quyết, kiên nhẫn hành trì sẽ đạt được kết quả chẳng thể suy lường được.

383 Thông thường, chữ Doanh (盈) ở đây được chú giải là sự tròn đầy quá mức, quá tràn trề, nhưng cũng có vị cho rằng: Doanh phải hiểu là kẻ kiêu căng, tự mãn, phô trương tài năng quá mức.

chép: “*Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm hư sẽ được lợi ích).

Tôi đã nhiều lượt cùng các ông đi thi, thường thấy kẻ hàn sĩ sắp hiển đạt, ắt có dáng vẻ khiêm cung đáng mến. Năm Tân Mùi, tôi lên kinh đô dự thi, mười người cùng quê ở Gia Thiện với tôi, chỉ có ông Kính Vũ Đình Tân trẻ tuổi nhất, tột bậc khiêm hư. Tôi bảo ông Phí Cẩm Pha: “Năm nay, huynh ấy ắt thi đậu”. Ông Phí hỏi: “Huynh dựa vào đâu để thấy?” Tôi đáp: “Chỉ có người khiêm hư sẽ được phước. Huynh hãy xem trong mười người, có ai khiêm cung thận trọng, chẳng dám giành đi trước người nào như Kính Vũ hay không? Có ai cung kính thuận thảo, cẩn thận khiêm nhường, biết nể nang người khác như Kính Vũ hay không? Có ai bị nhục mạ mà chẳng đáp, nghe lời gièm báng mà chẳng tranh cãi như Kính Vũ hay không? Người có thể như thế ắt được trời đất, quý thân gia hộ, công danh há chẳng phát ư?” Đến khi yết bảng, quả nhiên ông Đình thi đỗ.

Năm Đinh Sửu, tôi ở kinh đô, ở chung với Phùng Khai Chi, thấy ông ta khiêm hư, luôn giữ dáng vẻ ôn hòa, đại khái là đã được huân tập từ bé. Lý Tế Nham đúng là bạn tốt. Khi đối trước những lời lẽ công kích thị phi, chỉ thấy ông giữ vẻ bình thản, chịu đựng, chưa hề trả treo một tiếng nào! Tôi bảo ông ta: “Phước thì có sự khởi đầu của phước, họa có sự khởi đầu của họa. Nếu tâm thật sự khiêm cung ắt trời sẽ giúp cho. Năm

nay anh chắc đậu”. Đúng như thế đó.

Ông Dụ Phong Triệu Quang Viễn người huyện Quán, tỉnh Sơn Đông, đi thi Hương từ tuổi thiếu niên, đã lâu mà chẳng đậu. Cha ông ta làm Tam doãn³⁸⁴ huyện Gia Thiện. Ông theo cha đến nhiệm sở. Do hâm mộ Tiên Minh Ngô, cầm văn chương của chính mình đến gặp, Minh Ngô sỗ toẹt những bài văn ấy. Ông Triệu không chỉ chẳng giận, mà còn tâm phục, mau chóng sửa đổi. Năm sau bèn thi đỗ.

Năm Nhâm Thìn, tôi lên kinh đô châu vua, gặp ông Hạ Kiến Sở, thấy ông ta bầm tánh nhũn nhặn, nhún nhường, khiêm tốn hơn người. Tôi trở về nói bạn bè: “Trời sẽ giúp cho người ấy. Trước khi phước phát khởi, đã phát trí tuệ trước. Trí tuệ đã phát thì người hời hợt sẽ tự chắc thật, kẻ phóng túng sẽ tự thâm liễm. Kiến Sở ôn hòa, hiền lành như thế, trời sẽ phát khởi cho ông ta vậy”. Đến khi yết bảng, quả nhiên ông ta thi đỗ.

Trương Úy Nham ở Giang Âm, học rộng, giỏi văn chương, nổi tiếng trong giới nghệ thuật. Năm Giáp Ngọ, ông sang Nam Kinh thi Hương, ở nhờ tại một ngôi chùa. Hôm yết bảng chẳng có tên ông, bèn âm ỉ chửi bới khảo quan, chắc là mù mắt cả rồi! Khi ấy, có

384 Tam doãn (三尹) là chức quan phụ tá cho tri huyện, chuyên quản trị văn thư. Xưa kia, trong một huyện, quan tri huyện thường được gọi là Đại doãn, phó quan gọi là Huyện thừa, tục gọi là Nhị doãn. Cấp thứ ba là Chủ bạ (quản trị sổ sách), thường gọi là Tam doãn.

một đạo nhân ở bên cạnh mỉm cười. Họ Trương bèn trút con giận sang đạo nhân. Đạo nhân nói:

- Văn chương của tướng công ắt là chẳng hay!

Ông Trương càng giận dữ, vặc lại:

- Người chẳng đọc văn của ta, làm sao biết là không hay?

Đạo nhân nói:

- Tôi nghe nói viết văn thì quý ở chỗ tâm hòa khí bình. Nay tôi nghe ngài chửi bới, bất bình quá đáng, văn làm sao hay khéo cho được?

Ông Trương bất giác khuất phục, nhân đó bèn thỉnh giáo. Đạo nhân nói:

- Để thi đậu, hoàn toàn phải cậy vào mạng. Mạng chẳng thể đậu, dẫu văn hay khéo cũng vô ích, chính mình cần phải tự chuyển biến.

Ông Trương thưa:

- Nếu là mạng, chuyển biến như thế nào?

Đạo nhân nói:

- Trời tạo mạng, người lập mạng. Hãy nỗ lực làm lành, tích lũy âm đức rộng rãi, có phước gì chẳng thể cầu được!

Họ Trương thưa:

- Tôi là gã học trò nghèo, có thể làm gì được?

Đạo nhân nói:

- Thiện sự lẫn âm công đều do tâm tạo. Thường giữ tấm lòng ấy, công đức khó lường. Nếu như một mực khiêm hư, hoàn toàn chẳng tốn tiền. Có sao ông chẳng phản tỉnh, lại chửi quan giám khảo ư?

Do vậy, ông Trương tự giữ thái độ nhún nhường, mỗi ngày một thêm tu tập điều lành, đức ngày càng thêm dày. Năm Đinh Dậu, ông Trương mộng thấy đến một căn nhà to lớn, được ban cho một quyển sổ, trong ấy có nhiều hàng bỏ trống. Ông hỏi người bên cạnh, họ bảo:

- Đây là danh sách những người sẽ thi đỗ khoa này.

Ông Trương hỏi:

- Vì sao có nhiều chỗ chẳng có tên?

Người ấy đáp:

- Cõi âm cứ ba năm khảo duyệt danh sách thi đậu một lần. Phải là kẻ tu tập, tích lũy âm đức, chẳng phạm lỗi thì mới có tên. Như những chỗ khuyết danh, đều là những kẻ trước kia đáng lẽ thi đỗ, do mới có hành vi xấu xa nên bị gạch tên đi.

Sau đó, người ấy chỉ vào một hàng bảo:

- Ba năm qua, người giữ mình khá cẩn thận, có lẽ sẽ được thêm tên vào chỗ này. Hãy nên biết tự yêu thương chính mình.

Năm ấy, quả nhiên ông đỗ thứ một trăm lẻ năm.

Do vậy, ta thấy trên đầu ba thước chắc chắn có thân minh. Hướng đến điều lành, tránh khỏi điều xui, chắc chắn là do ta. Hãy nên giữ vững tấm lòng, khắc chế hành vi, chẳng đắc tội mây may với trời, đất, quỷ thần. Hãy trống lòng, nhún nhường, khiến cho trời, đất, quỷ thần lúc nào cũng thương ta thì mới có nền tảng để hưởng phước. Những kẻ ngạo mạn ắt chẳng phải là bậc thành tựu cao xa! Dầu họ có dịp rạng mày nở mặt, cũng chẳng thể hưởng thụ được. Những người hơi hiểu biết, ắt sẽ chẳng nở lòng tự thu hẹp tâm lượng, tự cự tuyệt phước ấy. Huống chi, do khiêm cung sẽ có thể tiếp nhận sự giáo hóa, đạt được sự tốt lành vô cùng. Nhất là những kẻ chú trọng tu tập đức hạnh ắt chớ nên thiếu sót chuyện này!

Cổ nhân nói: “Kẻ có chí nơi công danh ắt sẽ đạt được công danh. Kẻ có chí nơi phú quý nhất định sẽ được phú quý”. Người có chí như cây có rễ, hãy lập vững chí ấy, niệm nào cũng đều khiêm hư, dầu là chuyện rất nhỏ nhặt, luôn tạo thuận tiện cho những kẻ khác sẽ tự nhiên cảm động trời đất. Tạo phước từ nơi

ta! Nay những kẻ mong cầu thi đỗ, thoát đầu chưa hề có chí chân thật, bất quá, nhất thời hứng chí mà thôi. Hễ hứng chí bèn cầu, hết hứng bèn thôi. Mạnh Tử nói: “*Vương chi hảo nhạc thậm, Tề kỳ thứ kỷ hồ?*” (Nhà vua yêu thích âm nhạc quá mức, nước Tề sẽ có thể hưng thịnh ư?)³⁸⁵ Đối với công danh, tôi cũng có cách nhìn như thế!

Át ác dương thiện.

遏惡揚善。

Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành.

Những điều ác của con người vốn chẳng phải do bản tánh tạo thành. Do vì tập khí nhiễm đấm đã sâu mà tội ác mênh mông, không có cách cứu vãn! Hoặc là biết rõ mà cố phạm, hoặc do không biết trót làm quấy. Xét theo cái đã hình thành, sẽ là tạo ra tội lỗi ngập trời, thế mà cái gốc thoát đầu chỉ là vì một niệm sai lạc! Nhưng trong lúc đêm thanh, ngày rạng, ai nấy đều sẵn có bản tánh thiện lương. Hãy nên trong lúc ý niệm vừa mới sai lầm, ác niệm vừa mới chớm bèn rất miệng nhắc nhở, đốc cạm sức ngăn chặn, có ai vô tâm đến nỗi chẳng thể sửa hạnh hưởng theo điều lành ư? Dầu cho bất hạnh, tội ác đã to rành rành, ta vẫn có thể

385 Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này phải hiểu như sau: Nếu nhà vua, tức Tề Huệ Vương, vận dụng cái tâm “ham thích âm nhạc, thích vui sướng” vào chính sách cai trị, làm cho mọi người đều được vui sướng, tức là ai nấy được hưởng cơm no áo ấm, an lạc, vận mạng của nước Tề sẽ trở thành hưng vượng.

chí thành cảm hóa. “Át” (遏) là ngăn dút, chưa chắc là thiện tâm chẳng ô ạt sanh khởi, phát hiện, mau chóng gội sạch ngàn điều tội khiên. Con người chẳng phải là thánh hiền, há có thể mọi chuyện đều là thiện? Nếu họ có một lời nói, một hành vi đáng để noi theo, liền khen ngợi, truyền nói, ngõ hầu người đã lành sẽ kiên định tín tâm, mài giũa chính mình hòng thành tựu. Kẻ chưa lành sẽ nghe biết, bèn dấy lòng hâm mộ, há chẳng phải là thuận theo mạng trời ư?

Vu Thiết Tiêu nói: “Át” là dùng sức để ngăn cấm; không chỉ là vì họ mà ẩn giấu, không nói tới. “Dương” (揚) là xung nói tốt bậc, khuyên dụ, nhắc nhở chẳng tiếc lời. Đấy chính là hành vi được thực hiện nơi mặt sự của người thương xót kẻ ác, yêu chuộng điều lành vậy.

Đạo giáo nói: “Át ác dương thiện” (Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành). Nhà Phật nói: “Chỉ ác hành thiện” (Ngăn dút điều ác, làm lành). Nho giáo nói: “Ẩn ác dương thiện” (Ẩn giấu điều ác, tuyên dương điều lành). Tam giáo đều nói như vậy, như thốt ra từ cùng một miệng. Do vậy biết tâm thể của thánh nhân rộng rang, linh thông, thấu triệt, chẳng sót lại mảy may đục vọng nào, như gương sáng soi hình dáng, hễ soi bèn hiện, hễ hiện bèn hóa. Vì thế, thấy điều ác bèn tự tiêu mất, thấy điều lành bèn có thể phát huy rộng rãi. Ngăn dút hay tuyên dương, không gì chẳng nhằm khôi phục tánh thể vốn sẵn có của chúng sanh đó thôi.

Ngu Thuấn ở bến sông, thấy những kẻ đánh cá tranh giành hồ sâu, đầm sâu. Kẻ già yếu đánh cá ở bãi cạn hoặc nơi nước chảy xiết. Ông xót xa đau lòng, cũng đến đánh cá. Thấy kẻ tranh giành bèn ẩn giấu lỗ của họ, chẳng bàn tới. Thấy có người nhường nhịn ắt ca ngợi, bắt chước theo. Một năm sau, những kẻ đánh cá đều nhường hồ sâu, đầm sâu cho người già yếu. Đại Thuấn tán trợ người khác làm lành, chỉ là một chút tâm ý vui sướng, cổ vũ kẻ khác đó thôi. Vì thế thiện lượng vô cùng. Đây là bậc thánh nhân, kẻ bình phàm chẳng thể sánh bằng được! Nay tôi có một lời để kẻ hạ căn học theo hòng thực hiện sẽ có thể đạt cao hơn. Sau đây mới có thể ngăn dứt điều ác của kẻ khác, tuyên dương điều lành của người ta, sau đó mới có thể khuyên người khác làm lành.

Thôi đa thủ thiểu.

推多取少。

[Khi phân chia], nhường cho người khác phần nhiều, giữ cho mình phần ít.

Những điều được nói trong câu này rất rộng. Như anh em chia tài sản, bạn bè trao tiền tài v.v... Tình nghĩa anh em thuộc về thiên luân, tiền tài là vật ngoài thân, càng phải nên nhường nhau. Kinh Di Giáo dạy: “Đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa. Thiếu dục chi nhân, vô cầu, vô dục, tắc vô thủ hoạn. Nhược dục thoát chư

khổ não, đương quán tri túc. Tri túc chi pháp, túc thị phú lạc an ổn chi xú. Tri túc chi nhân, tuy ngoại địa thượng, do vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệc bất xứng ý” (Kẻ nhiều ham muốn, do cầu lợi nhiều, khổ não cũng nhiều. Kẻ ít ham muốn, chẳng mong cầu, chẳng ham muốn, sẽ không có nỗi lo ấy. Nếu muốn thoát các nỗi khổ não, hãy nên quán biết đủ. Pháp biết đủ chính là chỗ để giàu, vui, an ổn. Kẻ biết đủ dẫu nằm trên mặt đất vẫn an lạc. Kẻ chẳng biết đủ, dẫu ở trên cung trời vẫn chẳng vừa lòng). Vì thế biết là người có thể nhường nhiều, lấy ít, tự nhiên tâm địa an bình, chẳng bị ngoại cảnh quấy nhiễu, thường hành tri túc.

Vu Thiết Tiêu nói: “Tài (tài sản, tiền của) là nguyên khí của trời đất. Nghiêu, Thuấn cai trị thiên hạ nhằm làm cho dân chúng tăng thêm tài vật. Đạo để bình trị thiên hạ chính là biết cách quản lý tài chánh chánh đáng. Người sống trong cõi đời, chẳng có tiền tài sẽ không sống được! Chẳng có ai không yêu mến tiền tài, chẳng có ngày nào không sử dụng tiền tài. Đấy là vật ắt chẳng thể thiếu được! Đối với mỗi cá nhân, vật này ắt cũng chớ nên nhiều, nhưng đối với tánh cách sử dụng tiền tài, mỗi người có sự thiên chấp riêng. Kẻ ăn xài phung phí, vung tay ngàn vàng! Kẻ keo kiệt chẳng nhỏ một sợi lông! Kẻ liêm khiết từ chối tiền bạc dâng tặng trong đêm tối. Kẻ tham lam ngang ngược chụp giựt giữa ban ngày ban mặt. Phàm kẻ phung phí hay

liêm khiết đều sẽ nổi tiếng, nhưng cũng chớ nên quá lộ. Phung phí quá lộ, ắt đầu giường hết sạch tiền, chẳng thể sống tiếp! Kẻ liêm khiết quá mức, ắt sáng chiều túng thiếu, cúi ngửa đều ôm lòng oán thán³⁸⁶. Nếu keo kiệt và tham lam, sẽ càng sai lệch xa hơn. Kẻ keo kiệt kiến thức nông cạn, hèn kém, coi những thứ nhỏ nhặt như bảo bối, giống như ong giữ mật, như đứa trẻ ôm chặt bánh, chẳng chịu chia cho kẻ khác may mắn, luôn bảo vệ những thứ mình sở hữu. Vì thế, người khác chán ghét, mà trời chẳng tức giận sâu xa ư? Kẻ tham lam ngang ngược cứ muốn đạt được những thứ chính mình vốn không có, chính là do lòng ham muốn chẳng có giới hạn, như cá nuốt thuyền, như rắn nuốt voi. Anh em tranh đấu, bạn bè tranh chấp, thù hận, kẻ cường tặc giết người, bọn tham quan phạm pháp, lũ gian thần bán nước đều là do một niệm tham mà ra! Thiên sách này giảng rộng, nhắc nhở nỗi họa hại do tham tài, chẳng phải chỉ là đôi ba lượt. Nhắc mọi người đừng lấy bữa bãi, chứ dạy họ thẳng thừng đừng lấy ắt sẽ chẳng thể! Vì thế, dạy hai chữ “đa thiếu” (nhiều và ít) nhằm khiến cho họ sẽ tùy phần châm chước.

Mong đạt được tiền tài theo lẽ chánh đáng, số lượng nhiều hay ít vốn chẳng có một tiêu chuẩn nhất

386 Ông Hoàng Bách Lâm giảng “cúi ngửa” ở đây phải hiểu là hành xử, sinh sống. Do quá liêm khiết, cuộc sống túng quẫn, làm gì cũng khó khăn vì thiếu phương tiện, nên dễ sanh lòng oán hận.

định. Kẻ nghèo thì một lạng đã chẳng phải là ít, kẻ giàu thì vạn lạng chẳng nhiều. Người liêm khiết đáng lẽ được trăm lạng, thế mà được mười lạng vẫn chẳng cảm thấy là ít. Kẻ tham đáng lẽ được trăm mà đạt tới cả ngàn thì chẳng bảo là nhiều! Chỉ nên bình tâm xét theo lẽ công bằng, cân nhắc số lượng ta đáng nên được, để khỏi lấy quá lố, tức là chọn theo cách “nhận lấy phần ít”. Thế nhưng, lòng người lo ít mong nhiều là chuyện thường tình, chỉ nên tùy duyên, chẳng tranh đua, chính mình chẳng làm ác. Nếu khiến cho kẻ khác thấy chính họ có thể đạt được nhiều hơn, đâm ra họ sẽ nhường nhịn, há chẳng phải là trái nghịch thường tình ư? Ôi! Nói đến nguồn gốc của tiền tài, cội nguồn của chúng không chỉ là một. Tiền tài có thể đạt được trước mắt, chưa chắc chẳng phải là thứ vốn sẵn có trong mạng của ta; nhưng những thứ đã được ngấm ngấm định sẵn trong mạng, rốt cuộc sẽ không có cách nào khảo sát, tính toán được! Vạn nhất, đó chẳng phải là thứ vốn sẵn có trong mạng của ta, những món tiền tài ấy sẽ như thịt nhiễm nấm mốc, rượu ngâm lông chim Trám, há có thể dùng để no lòng ư? Vì thế, không gì bằng nhường nhịn cho nhau, đấy chẳng phải là do trong mạng sẵn có mà nhường vậy. Bởi đó, có thể tránh khỏi lỗi lầm. Dầu là trong mạng đáng nên có mà lầm lẫn nhường cho người khác, món tiền tài ấy nhất định sẽ theo đường khác trở lại. Hãy cẩn thận, chớ nên không thể nhẫn để rồi làm chuyện càn rỡ ngay trước mắt. Chuyện này đối

với người phú quý còn dễ, chứ đối với kẻ nghèo hèn sẽ khó khăn hơn. Biết khó mà tận lực làm, khiến cho quý thân soi thấu tấm lòng chẳng dám càn rỡ mảy may ấy, ắt sẽ là tuy ở trong hoàn cảnh gian nan, nhưng chẳng đến nỗi khổ sở vì không thể sống được. Tin cho thật, giữ cho vững, ắt sẽ giữ theo đạo lý “nhận lấy phần ít”. Đấy chính là phương hướng để làm giàu vậy!”

Đời Tống, Từ Tích chia tài sản với chú Hai. Trước hết, mời chú Hai lấy những gì họ muốn. Ông ta lấy xong chỉ còn sót một rương sách, hai gian nhà tồi tàn. Từ Tích vui vẻ nhận lấy.

Tại Từ Khê, có hai người bạn chơi thân với nhau. Ông Giáp tìm được một chỗ dạy học trả tiền lương chín lạng, ông Ất cũng tìm được chỗ dạy học tiền lương chỉ có sáu lạng. Ông Giáp vui mừng bảo: “Hai người chúng ta trong vòng năm sau đều chẳng phải lo lắng [vì chuyện chi tiêu túng thiếu trong nhà]”. Ông Ất nói: “Huynh chỉ có tôn tẩu (chị dâu) ở nhà, chín lạng dư dùng. Đệ thì trên hãy còn có cha mẹ, sáu lạng vẫn chẳng đủ!” Ông Giáp nói: “Đúng thế!” Bèn nhường chỗ dạy học của chính mình cho ông Ất, còn mình đến chỗ dạy học của ông Ất. Ông Giáp sau khi đã đến chỗ dạy học, nhặt được một quyển sách rách nát dưới gầm giường, trong ấy có chép mấy bài thuốc ngoại khoa. Học trò nói sách ấy do vị thầy trước đó bỏ lại. Mùa đông ông trở về nhà. Thấy mấy người đầy tớ dáng vẻ

rất lo lắng, hốt hoảng thưa hỏi: “Ở nơi đây có thầy lang chữa bệnh ngoại khoa hay không?” Hỏi thăm, họ đáp: “Chủ nhân chúng tôi từ đất Mân (Phước Kiến) đến Sơn Đông làm Bố chánh, bỗng lưng bị nổi nhọt, đau đớn gần chết. Đã ba ngày rồi!” Ông Giáp nghĩ tới phương thuốc khi trước, đúng là phù hợp chứng bệnh này. Do vậy, theo họ đến xem bệnh. Dựa theo phương thuốc, dùng ngải để cứu³⁸⁷, quả nhiên lành bệnh. Quan Bố Chánh rất mừng rỡ, trả công một trăm lạng. Ông nói đến chuyện do nhường chỗ dạy học mà tìm được bài thuốc, quan Bố chánh càng hết sức tán thưởng. Khéo sao, huyện lệnh Từ Khê là niên điệt³⁸⁸ của ông ta, quan Bố chánh bèn tận lực tiến cử. Do đó, ông Giáp được đề bạt vào học trường huyện. Ôi! Anh em ruột còn tranh giành tài sản, hưởng hồ bạn bè ư? Nghĩ bạn bè chẳng có tiền nuôi cha, bèn nhường nhiều lấy ít, ba lạng tuy ít nhưng tình nghĩa còn nhiều hơn một ngàn cỗ xe. Rốt cuộc danh lẫn lợi đều đạt được, đều là do trong một niệm có thể nhường mà ra. Những kẻ sốt sắng tranh lợi, hễ động đến lợi ích liền trở mặt, xem đến chuyện này lẽ nào chẳng hổ thẹn ư?

387 Cứu (灸) ở đây là dùng bột ngải cứu làm thành viên để đốt hơ lên kim châm nhằm truyền sức nóng vào huyết được châm.

388 Niên điệt (年姪): Cháu của người thi đậu cùng khoa với mình thì gọi là “niên điệt”

Thọ nhục bất oán.

受辱不怨。

Bị nhục chẳng oán.

Có chuyện sỉ nhục đưa đến, hãy nên tự hỏi: “Lỗi ở nơi ta ư?” Nếu đúng như vậy, đáng nên bị nhục! Lỗi nơi người khác thì chẳng đáng coi là nhục. Kẻ đó làm nhục ta, ta vẫn chẳng nhục. Không chỉ là chẳng nên oán, mà thật ra, chẳng có gì đáng nên oán! Những bậc đại trí đại dũng từ xưa, ắt có thể nhẫn những điều sỉ nhục nhỏ và những nỗi phẫn hận nhỏ thì mới có thể gánh vác đại sự, thành công to lớn. Kẻ tâm lượng hạn cuộc, thiên vị, nông cạn, há biết nổi ư?

Đời Minh, Nhan Mậu Do là người xứ Bình Hồ, răn đệ tử rằng: Phạm là kẻ chẳng thể nhẫn, chắc chắn sẽ chẳng biết nổi khó khăn trong chữ Nhẫn. Chẳng đối chiếu, so sánh giữa hai niệm thiện và ác, sẽ trọn chẳng biết sự mâu nhiệm của chữ Nhẫn. Kẻ nào nếu chẳng thể nhẫn nhục chịu khổ, dẫu có thiện tâm, nhưng bị kích động là hồng, vừa bị thử thách liền bị đọa. Trời trao trách nhiệm to lớn cho kẻ nào, ắt sẽ tác động đến tánh nhẫn trong tâm kẻ ấy, chính là vì muốn cho ai nấy đều vượt được cái ải này! Nói chung, kẻ ra sức giúp đỡ người khác, chẳng ngại bị sâu hận, giận dữ. Kẻ mưu tính tạo điều lợi ích cho người khác, chẳng nề hà bị oán hận, trách móc. Đảm nhiệm mọi chuyện thì cũng phải nhận luôn sự oán hận, hễ khuyến hóa bèn chẳng ngại

bị chê trách. Có tấm lòng khoan dung, nhân hậu, chắc là sẽ bị cười chê, khinh miệt. Đây là những thứ luôn đi kèm theo! Chẳng biện định rõ căn nguyên này, sẽ chẳng thể là kẻ hành thiện được!

Đời Tống, Lý Hàng làm Tể tướng, có gã cuồng sinh (học trò ngông cuồng) chặn ngựa, dâng thư, trong thư ấy chê trách đủ mọi khuyết điểm của ông ta. Ông Lý từ tốn, cảm tạ: “Để tôi trở về đọc kỹ”. Gã cuồng sinh tức giận, châm biếm: “Ở địa vị cao, chẳng thể cứu tế thiên hạ, lại chẳng thoái ẩn, trở ngại đường tiến thân của bậc hiền năng đã lâu rồi, lòng há chẳng thẹn ư?” Ông ngay lập tức ở trên ngựa rất cung kính, rất lo lắng nói: “Đã nhiều phen xin về, hiềm rằng chúa thượng chưa chấp thuận, chẳng dám tự tiện từ quan”. Trọn chẳng có sắc mặt giận dữ.

Đời Tống, Văn Ngạn Bác làm Thủ tướng³⁸⁹. Quan ngự sử Đường Giới đàn hạch Văn Ngạn Bác lúc làm tri phủ Ích Châu đã cho làm những tấm gấm xinh đẹp để tặng cho bọn phi tần trong cung hòng lo lót, vận động nắm quyền Tể tướng, xin vua hãy bãi chức Văn Ngạn Bác. Vua tức giận, toan đày ông ta đi xa. Khi ấy, Ngạn Bác ở trước mặt vua, Đường Giới quả trách: “Ngạn Bác hãy nên tự phản tỉnh. Nếu có thì chớ nên

389 Người đứng đầu các quan Tể tướng đời Tống được gọi là Thủ tướng. Thời Tống, có nhiều Tể tướng. Nói chung, Tể tướng là người đứng đầu ba cơ quan Môn hạ tỉnh, Trung thư tỉnh và Thượng thư tỉnh.

giấu giếm”. Ngạc Bác bái tạ chẳng ngớt. Vua hết sức tức giận, đày Đường Giới làm Biệt Giá ở Anh Châu, bãi chức Tể tướng của Ngạn Bác, sai Ngạn Bác đi làm tri phủ Hứa Châu. Về sau, Ngạn Bác được phục chức Tể tướng, tâu với vua: “Đường Giới làm Ngự sử, nói chuyện của thần, phần nhiều là căn bệnh của bậc trung thần. Trong ấy, tuy có chuyện nghe lầm tin đồn đãi, nhưng thuở ấy ông ta đã bị trách phạt quá sâu”. Vua bèn triệu Đường Giới về trông Giám viện (Ngự sử đài). Người đương thời gọi Ngạn Bác là bậc trưởng giả. Ông làm *Thái sư, Bình chương quân quốc trọng sự* trải ba triều vua Anh Tông, Thần Tông và Triết Tông, được cử làm người đứng đầu các vị Tể tướng (Thủ tướng), được phong làm Lộ Quốc Công. Ông làm Tể tướng suốt năm mươi năm, tiếng tăm vang rền bốn biển, thọ chín mươi hai tuổi mới mất.

Đời Tống, Phú Bật giáo huấn đệ tử: “Một chữ Nhẫn chính là cửa ngõ dẫn vào các điều tốt đẹp. Nếu ngoài thanh liêm và tiết kiệm, lại thêm một chữ Nhẫn, sẽ chẳng có chuyện gì không làm được”. Thuở bé, có kẻ chửi ông, người ta bảo: “Chửi mày đấy!” Phú Bật thưa: “Sợ là chửi người khác đấy chớ”, họ bảo: “Nó gọi tên họ mày mà chửi mà”. Phú Bật đáp: “Thiên hạ há chẳng có người trùng tên, trùng họ ư?” Kẻ chửi bói nghe nói như vậy, hết sức hổ thẹn.

Ông Nhan Quang Trung nói: “Chữ Nhẫn khó

khăn nhất. Có thể chịu đựng, ắt phẩm đức và tâm lượng to lớn. Nếu như chẳng thể nhẫn, tức là tánh khí kiêu quý đã ngập tràn!” Người xưa có thơ rằng: *“Thiếu niên khố hạ an vô ngộ, lão phụ di biên ngạc bất bình. Nhân sanh nhược phi quan tuế mộ, Hoài Âm hà tất giảm Văn Thành”* (Thiếu niên luôn đứng sao không bực, ông cụ bên cầu dễ tức thay. Đòi người nếu chẳng xem mai hậu, Hoài Âm danh há kém Văn Thành)³⁹⁰. Nói chí lý thay! Hàn Tín chịu nhục luôn đứng quân mà thành vương gia, bọn Giáng, Khoái³⁹¹ vì hổ thẹn mà chết. Uống đến đây

390 Bài thơ này dùng hai nhân vật để nói về chữ “nhẫn”. Thuở hàn vi, Hàn Tín bị đói nghèo, người gây tong teo, thường phải ăn chực cơm của một người đàn bà nghèo làm thợ giặt (phiếu mẫu), bị mọi người khinh rẻ. Có lần gã đồ tể cầm dao dọa Hàn Tín, bắt ông phải luôn qua đứng quân của hắn. Suy nghĩ kỹ, Hàn Tín quyết định luôn dưới đứng quân hắn mặc cho thiên hạ cười chê. Câu thứ hai nói về Trương Lương, người nước Hàn, ôm lòng diệt nhà Tần. Có một hôm, ông đến cầu Hạ Bì thấy một cụ già tiên phong đạo cốt. Cụ già làm rớt giày xuống gầm cầu, sai Trương Lương xuống nhặt. Ba lần như thế, Trương Lương đều chịu nhịn nhặt lên. Cụ già mỉm cười, trao cho Trương Lương quyển Thái Công Binh Pháp và Tố Thư, khen: “Đứa bé con dễ dạy!” Nhờ đó, Trương Lương trở thành mưu sĩ bậc nhất của Hán Cao Tổ (Luu Bang). Ông tiến cử Hàn Tín cầm quân đánh bại Hạng Vũ, giúp Hán Cao Tổ lập ra nhà Hán. Công thành danh toại, Trương Lương bèn từ quan, nại có tu tiên để khỏi vào chầu vua, không nắm giữ bất cứ quyền hành nào, nhờ đó giữ trọn tánh mạng, trong khi các công thần khác lần lượt bị Lữ Hậu xúi xiểm Hán Cao Tổ giết chết. Hàn Tín cậy công, đòi Hán Cao Tổ phong làm Hàn Vương. Hán Cao Tổ ưng thuận, nhưng đã đem bụng ghét bỏ Hàn Tín. Về sau, với sự đố kỵ của Lữ Hậu, Hán Cao Tổ lập kế giả vờ ra chơi Vân Mộng (nơi Hàn Tín ở), tịch thu ấn tín, giáng xuống làm Hoài Âm Hầu, cuối cùng kết tội giết chết. Do vậy, người ta thường dùng chữ Hoài Âm để nói về Hàn Tín. Văn Thành là biệt danh của Trương Lương.

391 Giáng là Chu Bột, theo Luu Bang khởi nghĩa từ đất Bái, có nhiều công lao phá Sở, kiến lập nhà Hán. Về sau, ông được Hán Cao Tổ phong làm Giáng Hầu. Ông được phong làm Tế tướng, tuy tánh tình thuần hậu, chất trực, nhưng

ứ, tự nhiên sẽ chẳng tăng thêm được nữa!

Bành Củ ở Thai Châu, hiền lành, an tường, khiêm tốn, đã từng ở trọ với một người khác tại một khách điểm. Ông Bành về trước, kẻ ấy mất chiếc dù, cho rằng ông Bành cầm đi, đến nhà ông Bành giận dữ, mắng chửi. Kẻ đó thấy đáng vẻ ông Bành nhũn nhặn, bèn đòi đền tiền theo giá y phục. Ông Bành đứng theo số mà đền cho hẳn bỏ đi. Hàng xóm có kẻ cậy mạnh, xâm chiếm đất của ông Bành, ông mặc kệ, chẳng hỏi tới. Về sau, gã hàng xóm gặp chuyện thua kiện tại cửa quan. Ông Bành lại lo liệu chu đáo cho hẳn thoát nạn. Những việc thiện khác rất nhiều. Do không có con, ông đến Tây Nhạc (Hoa Sơn) cầu con, mộng thấy thần bảo: “Do người nhân nhục, nhân từ, nhu hòa, nỗ lực thực hiện các thiện sự, lời thỉnh cầu đã được chấp thuận”. Ông bèn sanh ra ba đứa con. Về sau, đất Thục (Tứ Xuyên) gặp cảnh biến loạn, mười phần chết hết chín, riêng cả nhà ông Bành vô sự!

Ông Hạ ở Giang Âm, đang đánh cờ vây với khách.

kém tài quản lý, sợ địa vị cao sẽ chuốc họa, bèn lấy cố bệnh tật để từ quan. Sau khi Trần Bình chết, ông lại được cử làm Tế tướng, rồi bị bãi truất. Khoái là Phần Khoái, xuất thân làm nghề mổ lợn. Về sau, theo Lưu Bang khởi nghĩa, lập nhiều công to, xả thân hộ vệ Lưu Bang trong hội yến Hồng Môn. Khi Lưu Bang lập đàn bái tướng, Phần Khoái tự đắc, tưởng Lưu Bang sẽ phong cho mình làm đại tướng. Nào ngờ, Lưu Bang tấn phong Hàn Tín. Phần Khoái hổ thẹn, tức tối. Về sau, qua những cuộc chinh chiến, Phần Khoái mới tâm phục tài dùng binh của Hàn Tín.

Bỗng có kẻ chạy ùa tới, gào rít: “Chỉ thiếu nhà mày hai lạng tiền lời, vì sao mày hằng ngày sai người tới bức hiếp tao?” Ông chưa kịp đáp, kẻ đó đã chửi ầm ĩ, xô bàn, phá tan cuộc cờ. Ông cười đáp: “Ông muốn xóa nợ chứ gì?” Liên cất bút viết giấy miễn nợ. Người ấy vội vã cảm tạ, bỏ đi. Khách ca ngợi đức dày của ông. Ông đáp: “Nhẫn là cửa ngõ dẫn đến các điều tốt đẹp. Nói chung, đối với những chuyện ứng phó sự việc và con người trong cõi đời, đều có những chuyện ngang trái xảy đến với ta. Ví như đi trong rừng gai góc, phải đi thông thả, chậm rãi mà thôi, những thứ gai góc ấy cũng chẳng đáng để tức giận vậy. Lại như thuyền rồng đụng phải ta, hoặc như viên ngói bị gió thổi văng trúng ta, nếu tác lòng có thể chẳng bức tức, sẽ coi gỡ nổi oán. Huống chi người ấy đáng vẻ hung hăng, ăn nói thô lỗ, ắt có chỗ để trông cậy, sợ sẽ gây thành biến cố ngoài ý muốn. Vì thế tôi khoan dung miễn nợ”. Đến tối, ông được báo là kẻ ấy đã chết trong nhà xí. Hỏi dò cận kề nguồn cơn, bèn biết là kẻ ấy do nợ nần bức bách, không biết làm sao, bèn uống thuốc độc rồi tìm đến chỗ ông Hạ, tính lừa gạt tiền tài của ông. Do cảm tạ sự khoan dung miễn nợ của ông, cho nên hấn chẳng đành lòng lừa gạt, làm hại. Vì thế, vội về tìm phần thanh (nước phân lãng trong) để giải độc, nhưng độc tánh bộc phát, chẳng kịp giải độc. Ông bái tạ trời, mọi người đều kính phục. Nếu ông chẳng phải là thường ngày tiêu trừ giận tức, hàm dưỡng sâu xa, há đến lúc ấy sẽ có thể trấn định ư? Do vậy, nhẫn nhục là yếu quyết để tu thân; kẻ đó, yếu

quyết để giàu có cũng là “phải học chấp nhận thua thiệt”.

Đời Minh, Trang Nghị Công Vương Hoằng, tên tự là Công Độ, lúc làm Khai Phủ tại Duy Dương (Dương Châu), có viên quan cấp dưới tên là Đôn X... hành vi thiếu kiểm chế, ông từng quở trách, ngăn chặn. Bỗng ông bị luận tội, bị triều đình bãi chức, đuổi về nhà, đi qua nhiệm sở của kẻ ấy. Họ Đôn chực sẵn đưa đón, tặng lương thực rất ân cần. Ông rất cảm tạ sự khoan đãi chân thành ấy, chọn nhận lấy mấy cái vò đựng thức ăn, vì nghĩ là tương ứ. Mở ra toàn là phân nhơ! Chẳng lâu sau sự việc gán tội ông Vương được sáng tỏ, ông lại được làm quan. Họ Đôn bỏ trốn, sai người nhà giả vờ phát tang. Có kẻ cừu oán truy tìm tung tích hẩn, bắt được hẩn thưa lên ông Vương. Ông chỉ ôn hòa xóa án, tha cho.

Nếu xét theo kinh Niết-bàn, xưa kia có một người ca ngợi đức Phật là bậc có tướng đại phước đức. Có kẻ hỏi: “Dựa vào đâu để thấy?” Đáp: “Tuổi tác và chí hướng đều đang độ trẻ trung, mạnh mẽ nhưng chẳng bộp chộp, chẳng nóng nảy, đánh chẳng giận, chửi cũng chẳng tức, chẳng phải là tướng đại phước đức ư?” Người hiện thời hễ gặp lúc ngang trái, chỉ nói: “Những chuyện ấy thành tựu tướng phước đức cho ta, về vang chi hơn?” Bản thân ta có thể bị kẻ khác xâm phạm mà chẳng so đo, cũng sẽ có thể khuyến hóa khiến cho kẻ ấy giác ngộ vậy!

Trịnh Huyền nói: “Lặng, lặng, lặng! Vô hạn thân tiên từ nay đắc. Tha, tha, tha, ngàn tai muôn họa bỗng tiêu ma! Nhân, nhân, nhân, trái chủ oán gia từ rày ần! Thôi, thôi, thôi, công danh trùm đời chẳng tự do”.

Thụ sủng nhược kinh.

受寵若驚。

Được sủng ái mà lo sợ.

Được hưởng sự sủng ái vẻ vang, dẫu là xứng đáng được hưởng cũng nên biết tình thế, biết đủ. Nếu được hưởng sự sủng ái chẳng đáng nên có hầy nên nghĩ là đáng kinh, đáng sợ. Bởi lẽ phước chính là họa ngầm ẩn. Mặt trời chính ngọ rồi sẽ xế, trăng tròn đầy rồi khuyết là lẽ cố nhiên! Đối với quân vương, ơn như trời đất, nếu chẳng thật dạ mong báo đền, kẻ bầy tôi há có thể tự an, há chẳng càng thêm kinh sợ ư?

Chu Thành Vương phong Bá Cầm³⁹² làm vua ở nước Lỗ, Chu Công răn dạy: Con đừng vì có nước Lỗ mà kiêu ngạo với kẻ khác. Ta nghe nói, đức hạnh rộng lớn, hễ giữ lòng cung kính thì sẽ được vinh hiển. Đất đai rộng rãi, giàu có, giữ đức tánh tiết kiệm thì sẽ yên ổn. Bổng lộc và địa vị cao quý vẻ vang, hầy giữ lòng khiêm tốn thì sẽ phú quý. Dân đông, quân mạnh, hầy

392 Bá Cầm là con trưởng của Chu Công (Cơ Đán). Để thưởng công phù tá và nhiếp chánh của Chu Công, Chu Thành Vương (Cơ Tụng, cháu Chu Công) đã phong cho Bá Cầm làm vua chư hầu đất Lỗ.

giữ lòng kiêng sợ thì sẽ thường chiến thắng. Thông minh sáng trí, hãy giữ thái độ như kẻ ngu thì sẽ được lợi ích. Học rộng nhớ nhiều, hãy giữ thái độ như kẻ hiểu biết nông cạn thì kiến thức sẽ càng rộng thêm. Hãy giữ sáu điều ấy, đó đều là những phẩm đức khiêm cung. Đạo trời khiến cho kẻ tự mãn suy sụp, khiến cho người khiêm tốn được tăng ích. Đạo đất sẽ biến đổi nhằm giảm thiểu cái tròn đầy để vun đắp cho cái thấp kém hơn. Đạo người thì ghét kẻ tự mãn, ưa chuộng người khiêm tốn. Con hãy thận trọng, đừng vì có nước Lỗ mà kiêu căng đối với kẻ khác.

Học nhân trong hiện thời nếu thật sự có thể nghiên ngẫm lời giáo huấn ấy, ắt lòng kiêu căng, thái độ ngạo mạn sẽ chẳng do đâu mà nảy sinh, sẽ hưởng vinh dự, ân sủng càng nhiều hơn. Hễ được hưởng sự ân sủng hãy luôn giữ lòng kính sợ vậy!

Đời Đường, Sầm Văn Bồn³⁹³ được phong làm

393 Sầm Văn Bồn (595-645) là một văn học gia lừng lẫy thời Tùy - Đường, là người huyện Cúc Dương, thuộc quận Nam Dương. Ông có tên tự là Cảnh Nhân. Ông nổi danh khá sớm. Đã từng làm Trung thư Thị lang khi Tiêu Tiển lập chánh quyền chống lại nhà Tùy ở Giang Lăng. Khi Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) thống nhất sơn hà, đã phong cho ông làm Bí thư lang, sai ông và Lệnh Hồ Đức Phân biên soạn bộ sử Chu Thư (lịch sử nhà Hậu Chu thời Ngũ Đại). Về sau, ông được bổ làm Trung thư lệnh, ngang quyền với những bầy tôi thân tín nhất của Đường Thái Tông như Trương Tôn Vô Kỵ, Cao Sĩ Khiêm, Đường Kiệt, Chủ Toại Lương v.v... Đường Thái Tông rất coi trọng ông. Khi đánh Cao Ly, vua đã giao cho Thái tử Lý Trị giám quốc, nhưng quyền hành xử lý thật sự lại do ông đảm nhiệm. Người đời sau ca ngợi ông có phẩm cách như Thừa tướng Tiêu Hà của nhà Hán. Do tận tâm lao碌 lo liệu chánh sự, ông ngã bệnh,

Trung thư lệnh bèn lộ vẻ lo âu. Mẹ hỏi nguyên do, Văn Bồn thưa: “Chẳng có công huân, chẳng phải là bậc lão thân, thế mà được vinh sủng quá phận, địa vị cao, chức trách nặng nề cho nên con lo sợ”. Ông bảo những người khách đến chúc mừng: “Nay tôi nhận lời chia buồn, chứ không nhận lời chúc mừng”.

Đời Tống, Văn Chánh Công Vương Đán tuổi già, quan chức càng cao. Tới khi đi sứ Triều Tiên, từ trong cung cấm ngồi xe to ra khỏi cửa kinh thành. Trăm quan đưa tiễn, đua nhau khen ngợi ông được đãi ngộ vinh hiển. Ông nói: “Tôi có ích gì cho đất nước, chỉ cảm thấy bồn chồn bất an!”

Tu Mã Ôn Công (Tu Mã Quang) gửi thư cho cháu có đoạn: “Gần đây, ta hưởng ân vua, được phong làm Môn hạ Thị lang, cả triều đình kẻ đố kỵ vô số. Ta ngu độn, thẳng tính, ở trong hoàn cảnh ấy giống như chiếc lá vàng trong cơn gió dữ, chẳng mấy chốc sẽ rụng. Do vậy, kể từ khi vâng mạng tới nay, chỉ lo sợ mà chẳng vui mừng. Các người hãy nên biết ý này!”

Mấy vị ấy do được sủng ái mà lo sợ, nhưng câu nói “nhận lời chia buồn” của ông Sầm đã diễn tả rõ

qua đời khi vừa được năm mươi một tuổi.

Trung thư lệnh là người đứng đầu Trung thư tỉnh. Thoạt đầu, Trung thư tỉnh chỉ có tánh chất bảo quản văn kiện, hồ sơ của Hoàng đế. Do thường gặp gỡ Hoàng đế, dần dần trở thành cố vấn thân cận của Hoàng đế. Thời Tùy - Đường, Trung thư lệnh có quyền hạn như Tể tướng.

ràng ý đó. Xưa kia, Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn nước Sở, có một vị lão nhân đến chia buồn như sau: “Do thân được hưởng sự tôn quý mà kiêu căng với kẻ khác, dân sẽ xa lánh. Ở địa vị cao mà tự tiện chuyên quyền, vua sẽ ghét. Bỗng lộc trọng hậu mà chẳng biết đủ, sẽ là ở trong cảnh hoạn nạn!” Lại nói: “Địa vị càng cao lòng càng khiêm tốn. Quan càng to tánh càng thêm nhũn nhặn. Bỗng lộc càng trọng hậu bèn thận trọng chẳng dám lạm dụng. Ông giữ cẩn thận ba điều ấy, sẽ đủ để cai trị nước Sở”. Ông Sầm đã lãnh hội sâu xa ý chỉ này. Phương cách ứng xử của người có địa vị cao chính là tuân theo lý này.

Đời Tống, ông Lô Đa Tốn thoát đầu được phong làm Tham chánh³⁹⁴, ăn mặc tiêu dùng dần dần xa xỉ. Cha ông ta âu sâu bảo: “Nhà ta nhiều đời là nhà Nho thanh bạch, một khi được phú quý bèn thành ra như thế, chẳng biết sẽ đọa lạc đến đâu!” Đa Tốn chẳng quan tâm lời cha, rốt cuộc bị suy bại.

Thi ân bất cầu báo, dĩ nhân bất truy hối.

施恩不求報。與人不追悔。

Ban ân chẳng mong được báo đáp, đã cho người khác sẽ chẳng hối hận.

Thi ân mà cầu báo, tức là cái tâm tham chưa quên!

394 Tham chánh là gọi tắt của chức Tham tri chánh sự, tức là phó Tể tướng đời Tống.

Đã cho người ta rồi hối tiếc, tức là cái tâm keo kiệt chưa tiêu trừ. Đã tham lại còn keo kiệt, bậc quân tử chẳng làm như vậy. Kinh Kim Cang dạy: “*Bồ-tát ư pháp ưng vô sở trụ nhi hành bố thí*” (Bồ-tát đối với pháp hãy nên chẳng trụ vào đâu mà hành bố thí). Lại nói: “*Nhuộc Bồ-tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng*” (Nếu Bồ-tát chẳng trụ vào tướng mà bố thí, phước đức ấy chẳng thể nghĩ lường được). Nhìn từ điều này, người có thể dùng tài vật để giúp đỡ kẻ khác, trong bèn chẳng thấy ta là người có thể thí, ngoài chẳng thấy có kẻ nhận lãnh sự bố thí, chính giữa thì chẳng thấy có vật để thí. Đó gọi là “tam luân thể không”. Nhất tâm thanh tịnh thì một đấu gạo tương ứng với “phước không bờ bến”, một đồng tiêu trừ tai ương ngàn kiếp. Nếu hơi có cái tâm mong cầu được báo đáp, dẫu thí vạn dật³⁹⁵ vàng ròng, rốt cuộc chẳng thể viên mãn tâm lượng của nhất tâm. Còn như hai chữ “truy hối” (追悔, sau đó lại hối hận) lại càng là chỗ then chốt to lớn trong đời người. Hối tiếc về chuyện ác thì trong tương lai ác niệm sẽ dần dần ngưng dứt. Đối với việc thiện mà hối tiếc thì trong tương lai sẽ chẳng sanh thiện niệm. Kẻ đã bố thí rồi hối tiếc, chẳng thà đừng thí, chẳng cho sẽ hay hơn!

Người đời muốn cho ngũ cốc trong kho năm nào cũng đều chẳng thiếu hụt, ắt phải chọn lấy hạt giống

395 Dật (鎰) là đơn vị đo lường thời cổ. Một dật là hai mươi lượng. Có sách lại nói một Dật là hai mươi bốn lượng.

của gạo thóc, lúa mạch, dùng trâu cày bừa ruộng nương để gieo trồng. Hễ không gieo trồng, ắt thóc gạo trong kho sẽ cạn kiệt. Trong đạo pháp cũng giống như thế. Dùng hiếu tâm, bi tâm và kính tâm làm hạt giống, dùng áo cơm, tiền của, thân mạng làm trâu cày, dùng cha mẹ, kẻ nghèo khó, bệnh tật, Tam bảo làm ruộng nương. Có đệ tử Phật muốn đời đời đạt được trăm món phước trang nghiêm vô tận trong tạng thức thì cần phải vận dụng lòng bi, hiếu kính, đem áo cơm, tiền của, thân mạng kính cẩn phụng dưỡng, cung cấp cha mẹ, những người nghèo khó bệnh tật và Tam bảo, đó gọi là “gieo phước”. Chẳng gieo trồng sẽ nghèo túng chẳng có phước huệ, sẽ lọt vào đường hiểm sanh tử. Nói “ruộng để gieo phước” là vì giống như ruộng để gieo mạ, cho nên gọi là “phước điền”.

Bố thí có ba loại là pháp thí, tài thí và tâm thí. Vận dụng đủ mọi phương tiện hồng khuyến hóa, dạy bảo người khác thì gọi là pháp thí. Đó là cao nhất. Tài thí là dùng đủ loại tiền tài để bố thí. Tâm thí là bản thân nghèo cùng túng quẫn, chẳng có tiền của, nhưng tâm niệm xót xa, mong giúp đỡ kẻ hoạn nạn tuy chẳng có cách nào thực hiện thì cũng gọi là thí.

Đời Minh, Trầm Lý tên tự là Trọng Hóa, người huyện Quy Đức, thích tiến cử bậc hiền năng nhưng chẳng để cho kẻ khác biết. Ông có bài Cảnh Thế Ngữ (警世語, những lời cảnh tỉnh cõi đời) như sau: “Ôi

chao! Chuyện trong cõi đời sao mà chênh lệch bất công đến nỗi như thế? Ta thường vào mỗi dịp tiệc tùng no say, đã chẳng thể gặp nỗi nữa, chủ nhân vẫn dọn lên những món trân quý không ngọt, nhưng có kẻ nghèo suốt đời chẳng biết đến mùi vị nào khác, có kẻ chết đói! Ta mùa đông khoác áo cừu, mùa hạ mặc áo the. Lạnh nóng thay đổi y phục theo thời, còn muốn xa xỉ đến tột cùng hòng theo kịp thời trang. Kẻ nghèo áo chẳng đủ che thân, nắp ngoài hiên, ngủ ngoài đường, gió bắc buốt xương, lạnh cóng đến nỗi răng va lộp cộp. Ta nhà cao cửa rộng, ở yên ổn hết sức thoải mái, còn phải tạo dựng ao, đài, hoa, trúc, hòng thỏa thuê tai mắt đến mức cùng cực, chẳng tiếc ngàn vàng để sắm sửa! Thế mà kẻ nghèo gặp phải lúc khó khăn cấp bách, không thể cậy vào đâu, thậm chí có khi mất mạng, hoặc là cha con, vợ chồng phải tan đàn xẻ nghé! Con cháu trong nhà ta tiêu xài rộng rãi có thừa, ta vẫn chú trọng tích góp cho nhiều, hòng tính kế lâu xa cho con cháu. Kẻ nghèo nhà cửa bé tẹo, ăn bữa sáng chẳng mong chi bữa tối. Ta của cải ngồn ngộn, mắt thấy tai nghe chẳng xuể, chẳng tránh khỏi sống phóng đãng, ngấm ngấm lôi cuốn phùng trộm cướp ngập nghề. Đối với kẻ nghèo đói ngẫu nhiên bòn mót đồ vật hoặc thóc lúa ta bỏ bê, ta lại tàn nhẫn chẳng thể cho họ, hoặc cho vay tính lãi. Họ làm thuê làm mướn vất vả để kiếm chút tiền mọn, vẫn phải tận lực giành nhau từng công việc mọt. Ta của cải chất đầy rương, sọt, vẫn toan xun xoe bợ đỡ kẻ

quyền thế, sang cả, chỉ sợ họ chẳng tiếp nhận. Người nghèo xin một đồng hòng kéo dài mạng sống trong sớm tối, có kẻ bèn phùng phùng nổi giận! Có kẻ thoái thác “bụng dạ ta rất cảm thông với nỗi khổ của người”, nhưng chẳng thể cho người nghèo chút gì để họ cầm về. Ta có nhiều tiền bèn sống phô trương xa xỉ, dâm dật, do đó chuốc họa. Kẻ nghèo mong đợi ta thí cho đôi chút thức ăn thừa, thế mà vẫn chẳng thể được!

Chuyện trong cõi đời sao mà chênh lệch bất công đến nỗi như thế? Tôi nay vì kẻ nghèo giải bày, chẳng phải là buộc quý vị dốc sạch tiền tài để cứu đói, ép uổng người khác làm chuyện khó. Chỉ xin hãy quyền tặng những thứ chính mình không dùng đến để biến chúng thành hữu dụng đó thôi! Tiếc tùng nếu đã no say, sao không chia sẻ rượu thịt để thí cho kẻ đói khát sắp chết? Sao chẳng san sẻ canh thừa để thí cho kẻ suốt đời chẳng biết mùi vị gì khác! Làm như vậy chẳng phải là thuận tiện cả đôi đàng ư? Quần áo chất đống trong rương thì có khác gì chẳng mặc? Hãy bỏ ra những thứ áo ngắn vải thô để thí cho kẻ không có áo che thân, họ cũng sẽ được hưởng sự ấm áp, mà những thứ quần áo đẹp đẽ của ta vẫn chẳng bị thiếu hụt. Như vậy là do bỏ ra những thứ ta chẳng ưa thích mà có thể giữ vẹn tánh mạng và cốt nhục của kẻ khác. Nghĩa cử ấy do được bàn nói rồi sẽ lan truyền. Đem sâu, hãy tự phản tỉnh sẽ tự nhận biết: Cái đáng được yêu thích trong thiên hạ

không chi tốt đẹp hơn chuyện này!

Ta tích cóp cho lắm, suốt đời chẳng dùng hết bèn để lại cho con cháu. Con cháu hiền năng, chúng sẽ chẳng ỷ vào đó mà vẫn đủ dùng. Đưa ngu muội tuy có mà chẳng thể dùng³⁹⁶, sao bằng ta đích thân bố thí thì còn hữu dụng cho kẻ lo được bữa sáng không mong chi bữa tối? Đối với những thứ ta tiêu xài hoang phí chẳng cần phải bận tâm, nếu cho kẻ nghèo thì sẽ giống như họ đã nhặt được ngoài đường, chẳng hao tổn đến những thứ ta có, ta tiếc nuối nỗi gì? Ta sắm sanh lễ vật thịnh soạn để bợ đỡ kẻ quyền thế, sang cả chắc gì họ đã vui lòng? Thí thưng gạo, đấu thóc, thí chén nước cho con cá sắp chết khô trong vết lõm bánh xe, kẻ được bố thí sẽ hơn hở khỏi tử hồi sanh. Có sao chẳng làm chuyện này mà lại làm chuyện kia?³⁹⁷ Ta do lắm tiền nhiều của bèn chuốc họa, làm đôi chút bố thí như vừa mới nói sẽ được phước. Ta quyên tặng những thứ ta dư thừa để bù đắp cho kẻ thiếu thốn, tuy là tạo phước cho người khác, thật ra là để giúp ta thoát họa vậy! Đây là đường lối lợi lạc đôi bên. Vì thế nói: “Quyên tặng những thứ không dùng đến để làm chuyện hữu dụng

396 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này có nghĩa là “con cháu hiền năng thì tự chúng biết cách mưu sinh tốt đẹp, chẳng cần phải dựa dẫm tiền bạc của cha mẹ, tổ tiên. Con cháu ngu độn thì tuy có tiền bạc dư dật trong tay, sẽ bị kẻ khác lừa mất, hay phá tán sạch”.

397 Ông Hoàng Bách Lâm giảng “chuyện này” là chuyện cứu giúp người nghèo đói, “chuyện kia” là chuyện dùng của cải bợ đỡ, xu nịnh người có quyền thế, địa vị cao cả.

cho người khác” chính là vì lẽ này!

Chẳng thấy sự biến hóa trong đạo trời hoặc mối quan hệ nhân sự ư? Thịnh suy đắp đổi, trời còn chẳng trái nghịch! Tiền bạc lưu thông, há cứ ở mãi một chỗ? Những kẻ được gọi là giàu có xưa kia, nay còn được mấy? Con cháu của họ chẳng được hưởng mãi. Nếu chẳng do người đời trước chuộng bố thí, con cháu làm sao hưởng được. Nếu người đời trước chẳng làm như vậy, tức là đã chẳng mưu tính sâu xa cho tương lai! Thịnh suy đắp đổi lẫn nhau là lẽ đương nhiên! Biết lẽ đương nhiên ấy, đối với thứ đáng nên tích lũy sẽ tích lũy, đối với thứ đáng nên phân tán sẽ phân tán. Thứ chính mình có thể sử dụng mà cũng có thể để cho kẻ khác sử dụng, đấy là bậc thông đạt. Đã tích góp tiền bạc chất chứa tại một nơi, lại thiết lập cách đề phòng, cứ ngỡ sản nghiệp sẽ ngàn vạn đời chẳng bị suy xuyển, giữ cho tài sản ấy chẳng bị chuyển dời; suy nghĩ kiểu đó chính là kẻ ngu vậy! Tích lũy âm đức hòng làm kế sách lâu dài, đó chính là người trí. Hành bố thí chẳng nhằm mục đích nào, đấy chính là bậc quân tử”.

Đời Tùy, Lý Sĩ Khiêm, tên tự là Tử Ước, mồ côi cha từ bé, thờ mẹ chí hiếu. Năm mười hai tuổi³⁹⁸, ông

398 Lý Sĩ Khiêm cực kỳ thông minh, tuy mới mười hai tuổi, nhưng có nhiều mưu lược, quyết sách khiến người khác kính phục. Do vậy, Quảng Bình Vương Ngụy Toàn đã mời Lý Sĩ Khiêm làm Tham quân, tức là chức cố vấn tham mưu tuy Lý Sĩ Khiêm vẫn còn là một cậu bé.

được Ngụy Quảng Bình Vương vời ra làm Tham Quân trong phủ tướng quân. Do nhà giàu có, ông Lý bỏ ra mấy ngàn thạch gạo cho người làng vay mượn. Gặp năm đói kém, ông bèn gọi các nhà thiếu nợ đến, đốt bằng khoán vay mượn, bảo họ: “Nợ đã trả xong rồi!” Đến mùa xuân năm sau, lại bỏ ra gạo thóc để chia cho những kẻ nghèo nàn túng thiếu, cứu sống rất nhiều người. Những người đã chết ông đều chôn cất. Nếu có ai ca tụng âm đức của ông, ông đáp: “Âm đức như tiếng kêu ngậm trong tai, chính mình tự biết, kẻ khác chẳng biết. Nay ông đã biết, còn nói là âm đức chi nữa?” Một hôm, ông mộng thấy có một vị thần áo tía bảo: “Thượng đế tặng thêm âm đức cho ngươi, khiến cho con cháu ngươi hết sức hưng vượng”.

Đời Tống, ở huyện Thái Thương có một người họ Cố làm nha lại cho quan Tri Châu. Hễ có công vụ phải đón tiếp, đưa tiền, ắt trọ tại nhà người bán bánh họ Giang ở ngoài thành. Về sau, họ Giang bị kẻ thù vu cáo trộm cắp, bị tù đầy, ông Cố tập hợp mọi người kêu oan nên họ Giang được thả. Ông Giang cảm ơn, có đứa con gái mười bảy tuổi bèn đưa tới nhà họ Cố xin được làm thiếp. Ông Cố bảo vợ chuẩn bị lễ vật đầy đủ đưa cô ta trả về. Ông Giang lại dẫn con tới, ông Cố lại chối từ. Về sau, ông Cố lên kinh đô, được điều sang làm Môn hạ lo việc cho viên Thị lang³⁹⁹ họ Hàn. Thị lang

399 Thị lang (侍郎): Thoạt đầu, theo quy chế đời Hán, đối với các quan lại

bỗng có chuyện đi vắng, phu nhân trông thấy ông Cố bèn gọi đến hỏi: “Ông có phải là Cố đề khống⁴⁰⁰ ở Thái Thương hay không? Tôi là con gái người bán bánh họ Giang. Tôi vốn được gả làm thiếp cho tướng công, sau đó được nâng lên làm chánh thất. Mọi điều dẫu nhỏ nhặt đều do ông ban cho, tôi sẽ kể với tướng công”. Thị lang trở về, vợ kể cặn kẽ từ đầu đến cuối. Thị lang nói: “Đấy là người nhân từ vậy”, rồi tâu lên vua chuyện ấy. Vua khen ngợi, phong cho ông Cố làm Chủ sự⁴⁰¹ bộ Lễ.

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) sai con là Nghiêu Phu trở về Tô Châu lấy năm trăm học lúa mạch. Trên đường, gặp người quen biết cũ là Thạch Mạn Khanh kể lẽ có ba đám tang ma chưa lo toan được, Nghiêu Phu đem cả thuyền lúa mạch cho họ Thạch. Nghiêu Phu quay về, chưa kịp thưa chuyện, Văn Chánh hỏi: “Có gặp người quen biết cũ hay không?” Nghiêu Phu bèn thưa chuyện Thạch Mạn Khanh có ba đám tang chưa lo liệu được. Văn Chánh hỏi: “Sao không đem thuyền lúa mạch cho ông ta?”

cấp dưới của quan Thượng thư, năm đầu gọi là Lang trung. Sang năm thứ hai mới được gọi là Thượng thư lang. Tròn ba năm mới gọi là Thị lang. Từ đời Đường trở đi, các chức phó quan của Tam tỉnh (Trung thư, Môn hạ và Thượng thư) đều gọi là Thị lang. Nói cách khác, Thị lang tương đương với Thứ trưởng.

400 Đề khống (提控) có nghĩa là chương quản, quản lý. Đời Tống dùng từ ngữ này để tôn xưng những viên nha lại làm việc dưới quyền quan Tri châu hoặc Tri phủ.

401 Chủ sự (主事) là chức quan thuộc về các ty trong sáu bộ, chương quản văn thư, ghi chép tài liệu, sổ sách, án liệu, quyền hạn thấp hơn Viên Ngoại Lang.

Thưa: “Con đã cho rồi”. Cha con ông Phạm cùng một lòng, thích bố thí như thế. Há có như người thời nay chỉ tôn thờ phú quý, trên gấm thêm hoa, chẳng chịu chu cấp, giúp đỡ kẻ nghèo khổ, đưa than sưởi ấm trong ngày tuyết rơi ư? Dẫu là có thí, có cho đôi chút, có kẻ nào chẳng mong cầu được báo đáp, hoặc cho rồi hối tiếc hay chẳng?

Xưa kia, có một cô gái vào chùa, muốn thí xả mà chẳng có tiền, chỉ có hai đồng bèn quyên cúng. Vị chủ chùa (trụ trì) đích thân vì cô ta sám hối. Về sau, cô ta vào cung được phú quý nên đã mang mấy ngàn lạng vàng cúng chùa. Vị trụ trì chỉ sai đồ đệ hồi hướng cho cô. Cô lấy làm lạ, hỏi nguyên do, vị tăng bảo: “Trước kia, vật tuy đơn bạc nhưng tâm rất chân thành, cho nên lão tăng đích thân sám. Nay tài vật hậu hĩnh nhưng tâm chẳng thiết tha nên sai học trò thay mặt sám là đủ rồi!” Hễ làm việc thiện, gieo đức, chí tâm là quý nhất. Hễ ý niệm vừa chuyển, sẽ chẳng bằng ý niệm ban đầu, huống hồ còn hối tiếc ư?

Ông Vu Thiết Tiêu nói: “Cầm thú còn biết báo đức, há có lẽ nào con người chẳng cảm ơn? Chẳng biết điều khó chịu nhất đối với người nhận sự bố thí là thái độ tự mãn của người bố thí. Hễ thái độ tự mãn lộ ra, sẽ khiến cho kẻ cảm kích ân đức sanh lòng hổ thẹn, do hổ thẹn mà sanh lòng oán. Xưa kia có một viên nha lại từng cứu mạng kẻ khác. Kẻ ấy dần dần trở thành giàu

có, còn viên nha lại trở thành nghèo nàn. Ngẫu nhiên viên nha lại đi qua nhà người ấy, cả nhà ra vái chào, giữ lại uống rượu hết sức cung kính. Viên nha lại uống rượu say ngà ngà, lớn tiếng bảo: “Nếu chẳng do sức của ta thì vợ con, con hầu, đầy tớ của ngươi và những vật đang thấy trước mắt đây, làm sao ngươi có nổi một thứ gì cho được? Nay ngươi giàu có mà ta nghèo đi, sao lại thế nhỉ?” Nói xong, ngủ lại nhà đó. Họ bàn bạc với nhau: “Gã này có cái tâm mong cầu được báo đáp quá lớn, có báo đáp cũng không thể thỏa ý hắn được. Nhưng chẳng báo đáp ắt họa rơi xuống thân ta, chẳng bằng giết quách đi”, liền cắt phăng đầu hắn ta. Ôi! Do cứu người mà ngược ngạo tự giết chết chính mình, trong ấy đương nhiên là có xen vào cái nhân khéo ứng hợp. Sự báo ứng hung ác của họ đương nhiên là có liên quan đến số mạng của viên nha lại, hãy gác lại chớ luận, chỉ nêu ra chuyện này hòng răn nhắc những kẻ thi ân cầu báo vậy!”

Sở vị thiện nhân.

所謂善人。

[Người như vậy] đáng gọi là thiện nhân.

Từ chỗ này cho tới câu “*thần tiên khả ký*” (có thể mong thành thần tiên) là nói phước báo của thiện nhân to lớn, dồi dào, chẳng sai suyển vậy. Cốt lõi của thiện nhân được bắt nguồn từ chỗ chẳng làm lẫn giữa đúng

và sai, tức là trí và dũng đều trọn vẹn. Cuối cùng là kiến chấp có ta và người hai đàng đều chẳng còn, ắt nhân từ và khoan dung sẽ cùng được hành. Huống hồ bậc thiện nhân lập tâm dụng ý, bất luận đối với chính mình hay đối với người khác, trong thì là ngũ thường, bách hạnh⁴⁰², ngoài là thuận theo thời cơ hành xử thích đáng cho nên không gì chẳng trọn vẹn. Đấy cũng chính là chẳng khác gì Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng tái sanh! Để được gọi là “bậc thiện nhân”, do lòng trời ưa điều thiện, ghét điều ác, lòng người có thiện, chẳng có ác, nhưng con người thường sơ sót đối với những sự nhiễm đấm bởi thói quen, đến nỗi đánh mất thiện tâm ban đầu. Hãy nên có điều thiện bèn tinh tấn, có điều ác bèn hối cải, hòng đáng gọi là thiện nhân vậy!

Đời Tống, Văn Chánh Công Lý Phưởng đã cáo quan xin về hưu. Do tiết Thượng Nguyên, mọi nơi treo đèn mừng lễ, Tống Thái Tông sai sắp đặt xe cộ đón ông vào cung, cho ngồi bên cạnh giường ngự, đích thân cầm chén rượu ngự rót mời, chọn lựa những thứ quả hạt quý ban cho, phán: “Khanh là bậc thiện nhân quân tử, từng hai lần làm Tế tướng, chưa hề ôm lòng tổn thương người, hại vật. Vì thế, trăm tướng nhớ khanh”. Ông trở về, răn dạy con: “Tuy ta chẳng có công lao,

402 Ngũ thường là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. “Bách hạnh” là thành ngữ phiếm chỉ các thứ đức hạnh, phẩm đức. Trịnh Huyền chú giải kinh Thi đã viết: “Sĩ hữu bách hạnh, khả dĩ công quá tương trừ” (Kẻ sĩ có trăm hạnh, có thể dùng công trừ lỗi).

thành tích to lớn, lạ lùng, kinh hãi thế tục gì, nhưng chưa hề ẩn giấu điều lành của người khác, chẳng quên mất người đã tiến cử, chẳng lừa dối dẫu ở một mình trong phòng kín. Tự xét đức hạnh thì ta vâng giữ bốn phận. Ta tự cho là đã tuân thủ bốn điều ấy. Nay được thánh thượng đối trước quần thần khen ngợi ta là thiện nhân, quân tử. Phàm là bậc thiện nhân, quân tử, Khổng Tử nói còn chưa trông thấy, ta là hạng người nào mà dám đảm nhận mỹ hiệu ấy? Các con hãy nên nghĩ tới lời khen ngợi đáng quý ấy của thánh thượng mà thực hiện bốn điều cha vừa nói. Trung với vua, hiếu với cha mẹ, luôn hành xử cẩn trọng, tự lập, tự cường, ngô hầu có thể chẳng hổ thẹn”. Con ông là Tông Ngạc tuân thủ nghiêm ngặt lời cha dạy, trở thành người nổi tiếng đương thời.

Nói nông cạn, thiện nhân là dứt ác, làm lành. Nói cùng tốt sẽ là chúng thánh, thành tiên, thông hiểu tốt cùng sự thần diệu nơi sự vật, thấu đạt lẽ tạo hóa, đều là do từ một thiện niệm mở rộng vậy.

Đời Minh, Trâu Tử Doãn ở Giang Tây sùng tín Tam bảo, siêng hành trăm điều thiện. Hễ là những chuyện cứu vớt người hoạn nạn, thành tựu chuyện tốt cho người khác, dầu nước sôi lửa bỏng, lạnh nóng cũng chẳng nề hà. Mọi người gọi ông là “thiện nhân”. Ông mắc bệnh, chết đi, tới trước Diêm vương trong lòng chẳng phục. Vua sai nha lại đưa sổ bộ cho xem. Mở sổ

ra, bèn nổi lên hai chữ “danh lợi” to đùng. Phàm đối với những việc thiện do Tử Doãn đã làm trong suốt một đời, hoặc ghi chữ “danh”, hoặc đề chữ “lợi” ở phía dưới. Tử Doãn then thùng, chịu phạt. Ông sống lại, nói với người khác: “Hãy vì tôi mà bảo khắp mọi người: Làm lành hãy nên chân thành, thật thà, tấm lòng rộng rang”. Năm ngày sau, ông Trâu mất.

Đường Thời nói: “Tôi biết rõ ông Tử Doãn là người có lẽ chẳng tránh khỏi thói háo danh. Đối với lợi, Tử Doãn là người trọng nghĩa khinh tài, sao lại có chuyện này? Ất là trong lúc được thỉnh cầu, nhờ cậy, ý niệm ban đầu là phát nguyện làm thiện sự, cho đến khi nắm giữ tiền của trong tay, ngẫu nhiên vương thói tệ sử dụng không đúng mục đích, hoặc là thoát đầu thì nói: “Ta mượn tạm”, về sau lần khần chẳng trả lại, khiến cho Tử Doãn cả đời siêng năng vất vả chỉ đổi lấy hai chữ ấy! Có thể thấy âm ty quen lệ ghi chép những điều tà vạy ngấm ngấm, nhỏ nhặt. Tôi hiểu lòng ông Tử Doãn nên vì ông ta giải thích rõ. Vì thế, bảo khắp những người làm lành: Hãy nên làm mà không làm, không gì chẳng làm, tùy thuận thời cơ để lợi lạc chúng sanh sẽ là tốt nhất. Chẳng có cái tâm mong cầu được báo đáp, cứu vớt và dẹp trừ nỗi khổ nạn cho chúng sanh, khuyên kẻ khác làm lành thì sẽ kém hơn một bậc. Tích lũy âm công rộng rãi, cầu cho chính mình tránh khỏi tam đồ lại kém hơn một bậc nữa. Nếu có may may

ý niệm vì danh thì đã đi sai đường mất rồi. Nếu có mảy may ý niệm nhờ làm lành để kiếm lợi riêng tư sẽ đọa địa ngục nhanh chóng như tên bắn vậy, chẳng đáng sợ ư? Tôi ghi những điều này để mong những người nguyện làm lành trong đời sau sẽ biện định rõ ràng mà dốc lòng thực hiện vậy”.

Nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phước lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi.

人皆敬之。天道佑之。福祿隨之。眾邪遠之。神靈衛之。

Mọi người đều kính trọng, trời ban phước cho, phước lộc theo đến, các tà lánh xa, thần linh bảo vệ.

Thiện thì ai nấy đều vốn sẵn có, hễ được khơi gọi sẽ dậy động. Dẫu là hàng ngu phu ngu phụ, nếu nghe một chuyện lành thì mọi người nhất định sẽ ca ngợi. Dẫu là kẻ hung ác cùng cực, khi trông thấy người lành cũng chẳng dám xâm phạm. Ấy là vì lương tâm phát khởi, sẽ đều là chẳng thể không làm như thế được. Bàn đến chuyện “mọi người đều kính trọng” thì ắt là do đạo đức của người ấy thật sự có điểm đáng kính, không một ai là chẳng như vậy!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công được triệu về kinh đô làm quan. Ai trông thấy ông cũng đều lấy tay bưng

trán⁴⁰³. Ông đi tới đâu, dân chặn đường, thưa: “Ngài đừng trở về Lạc Dương, hãy ở lại làm Tể tướng cho thiên tử, giúp cho lũ dân chúng tôi được sống sót”. Lưu đại gián⁴⁰⁴ làm quan tại triều đình, thiên hạ không ai chẳng ca ngợi lòng trung của ông. Phú Văn Trung (Phú Bật) cưới con lừa thọt đến cầu Thiên Tân, những người theo sau ông xem ngày càng đông đến nỗi chợ vắng tanh⁴⁰⁵. Từ Tiết Hiếu dựng lều trong mộ mẹ suốt ba năm tại làng Hoài Âm, trong thành hằng ngày đều có người đến tỏ lòng tôn kính. Thiệu Khang Tiết xuất du, dân chúng không ai là chẳng vội vã tranh nhau đón tiếp. Người đã ưa thích đường ấy, có thể biết là lòng trời cảm cách đường nào. Nếu họ thật sự chẳng có điểm đáng kính thì làm sao có thể khiến cho người khác cảm động đường ấy? Những vị ấy lúc sống sẽ làm bậc Tể tướng hoặc thầy của mọi người, khuất núi sẽ

403 Nguyên văn “đi thủ gia ngạch” (以手加額). Theo ông Hoàng Bách Lâm, đây là một nghi lễ thời cổ, dùng hai tay bưng trán nhằm biểu thị sự kính trọng tột bậc.

404 Lưu đại gián: Vị này tên là Lưu An Thế, danh nhân đời Bắc Tống. “Đại gián” (大諫) là danh xưng gọi tắt của chức quan Gián nghị đại phu. Ông Lưu theo học với Tư Mã Quang (Tư Mã Ôn Công), được Tư Mã Quang tiến cử vào Bí thư tỉnh. Lưu An Thế tánh cương trực, từng đàn hặc những nhân vật quyền thế đương thời như Chương Đôn, Thái Xác, Phạm Thuần Nhân v.v... không kiêng nể. Ông nghị luận xác đáng, công chánh, nên cả triều đình đều sợ ông, lén gọi ông là “điện thượng hổ” (cọp trên điện vua).

405 Phú Bật từng làm Tể tướng đời Tống Thần Tông. Ông rất mực thanh liêm. Khi vào chầu vua, các quan hoặc cưỡi ngựa hoặc ngồi xe ngựa sang trọng, ông chỉ mua nổi một con lừa gầy, chân nó lại bị thọt. Vì thế, ông phải đi chầu sớm, cưỡi lừa thông thả, tập tễnh qua cầu. Dân chúng hiếu kỳ kéo nhau đi xem, khiến cho chợ búa vắng tanh.

thành bậc thần minh vậy.

Thiên đạo chẳng thiên vị yêu thương riêng một ai, nhưng thường thuận theo bậc thiện nhân. Chẳng nói mà ứng hợp hay khéo, chẳng chuốc vùi mà tự đến. Ta thật sự dùng lòng thành cảm thông sẽ chẳng bao giờ không được gia hộ vậy. Chỉ nên trọn hết bổn phận làm người, lòng thành chẳng gián đoạn. Do vậy, rốt cuộc sẽ cảm động lòng trời. Kinh Cứu Kiếp có câu: *“Nhất tâm như thủ, thính mạng ư thiên”* (Một dạ như thế, nghe theo mạng trời). Có thể thấy là thiện nhân làm lành chẳng có may mắn ý niệm mong cầu, trông ngóng!

Đời Tống, Chu Tử nói: “Trời đất chẳng làm một điều gì, chỉ lấy sinh vật làm tâm, kẻ nào trong bất cứ niệm nào cũng đều có ý niệm lợi lạc, cứu giúp người khác thì sẽ có cái tâm giống hết như trời đất. Kẻ phù hợp lòng trời, lẽ nào trời chẳng ban phước cho?”

Đời Tống, Lưu An Thế dâng sớ thẳng thừng biện định những kẻ tà chánh trong đám triều thần. Ông lại luận định Chương Đôn là hạng tiểu nhân chẳng thể dùng được. Đến khi Chương Đôn nắm quyền ông bị đày đi xa, trải qua nhiều chỗ thuộc vùng núi non, biển cả, lênh đênh nhiều nơi. Người ta cho rằng ông ắt phải chết, nhưng rốt cuộc ông chẳng sao. Tuổi đã tám mươi, ông chưa hề bị bệnh ngày nào. Trong khi ông bị biếm trích, có kẻ toan lấy lòng Chương Đôn xin giết ông. Tới

khi gã đó rong ruổi đến chỗ ông, toan ra tay, bỗng như bị vật gì đánh trúng, hộc máu chết tươi!

Đường Tử Dư từ đất Thục (Tứ Xuyên) đưa linh cữu của cha về Cát Thủy. Khi ấy, nhằm tiết Thu, nước sông hồ dâng cao, khe Cù Đường⁴⁰⁶ nước chảy càng xiết. Trời đổ mưa, nhà thuyền kinh hoàng. Tử Dư ngửa mặt lên trời khóc lớn, mới khóc gào một tiếng mà nước đã rút hơn hai mươi trượng. Thuyền đi qua, nước lại dâng lên như cũ. Trung hiếu đứng đầu các đức, cho nên đạo trời che chở dường ấy. Ở đây, nêu lên hai câu chuyện này nhằm chứng tỏ con người chuyện gì cũng có thể cảm thông cõi trời, chuyện gì cũng đều được trời cao che chở, bảo vệ vậy!

Bậc thánh hiền quân tử lời nói tốt lành, hành vi tốt lành, chiêu cảm hòa khí, tự nhiên những điều tốt lành ứng hợp. Kinh Thi có câu: “*Lạc chỉ quân tử, phước lộc thân chi*” (Vui thay bậc quân tử, phước lộc do đó mà sanh) chính là nói về chuyện này vậy.

Đời Đường, Quách Tử Nghi khôi phục hai kinh

406 Cù Đường là một hẻm núi đầu nguồn Trường Giang. Cù Đường cùng với Vu Giáp và Tây Lăng Giáp, tạo thành ba hẻm núi nước chảy xiết lừng danh gọi chung là Trường Giang Tam Giáp. Cù Đường (còn có tên là Quỷ Môn) thuộc địa phận thành phố Trùng Khánh, kéo dài từ thành Bạch Đế ở huyện Phụng Tiết cho đến làng Đại Khê thuộc huyện Vu Sơn, dài tám cây số. Cù Đường nằm kẹp giữa hai dãy núi Xích Giáp và Bạch Diêm. Trong hẻm núi này, Trường Giang có chỗ chỉ hẹp chừng 100m, chỗ rộng nhất chỉ là 150m, nên nước chảy xiết rất mạnh.

đô⁴⁰⁷, công che lấp cả triều đình nhà Đường. Ông dốc sức lo liệu cho sự an nguy của thiên hạ suốt ba mươi năm. Ông làm Trung Thư Lệnh, khảo hạch bá quan suốt hai mươi bốn năm. Phú quý, trường thọ, con cháu vinh hiển, xưa nay rất hiếm người sánh bằng. Ông Quách được hưởng phúc lộc trọng hậu là vì công lao to lớn, đức hạnh cao tột chứ chẳng phải là do may mắn mà được như thế. Người làm lành hãy nên suy nghĩ!

Đời Minh, Trịnh Chiếu ở Phượng Dương hằng ngày chú trọng làm lợi cho người khác. Một đêm mộng tới chỗ Thiên Phủ⁴⁰⁸, thấy thần bày sẵn ngôi vị trống chờ đợi, bảo: “Ông vốn nghèo hèn, do làm lành, nên sai hai vị thần phúc lộc đi theo ông. Mai sau sẽ ngự nơi địa vị này”. Trịnh Chiếu tỉnh giấc, thiện niệm càng thêm vững chắc, thanh danh càng rạng ngời. Đi đến đâu tiền bạc cũng rủng rỉnh, tới chỗ nào phúc lộc cũng theo sát bên thân. Cháu con phú quý, hưng thịnh, nhận lãnh chức vị cao sang, bổng lộc trọng hậu cho đến lúc mất. Về sau quả nhiên thoát xác, chứng quả vị Tịnh Dục Chân Nhân.

Nhan Uyên chết yếu nơi ngõ hẹp. Di Tề⁴⁰⁹ chết đói

407 Hai kinh đô thời Đường là Trường An và Lạc Dương.

408 Thiên Phủ (天府) ở đây là tên một ngôi sao trong chòm sao Nam Đẩu. Đây là một vị tinh quân được tôn sùng trong Đạo giáo.

409 Di Tề là gọi tắt của Bá Di và Thúc Tề. Hai vị này là anh em ruột, sống vào đời Thương, vốn là con của vua xứ Cô Trúc (Cô Trúc là một nước chư hầu của nhà Thương). Khi cha mất, anh nhường cho em, không muốn làm vua, em

nơi Thủ Dương. Nguyên Hiến nghèo nàn, Phạm Bàng bị hành hình⁴¹⁰, chính là những vị tu đức, nhưng kém phước lộc. Bậc thiện đức ở chỗ nào, nơi đó mặt trời, mặt trăng tranh nhau tỏa sáng, phước lộc tầm thường chẳng thể sánh bằng. Hãy nên biết đó là đạo lý của những bậc vì nghĩa mà xả thân.

Tà và chánh chẳng thể cùng tồn tại. Hễ chánh tới thì tà chẳng thể tự dung. Ví như vầng thái dương vừa mọc ắt băng tuyết tự tiêu tan. Lý Cát Phủ nói: “Thần thánh chuộng chánh trực. Người vâng giữ lẽ chánh trực ắt thần sẽ phù trợ. Yêu ma chẳng thể thắng nổi bậc đức hạnh. Hễ thất đức ắt yêu ma lấy lòng, đó là lẽ tự nhiên”.

Đời Minh, Cảnh Thanh đi thi Hội, đi qua huyện

cũng kiên quyết nhường cho anh nối ngôi. Cuối cùng hai người cùng nhau bỏ trốn sang lãnh thổ của nhà Chu. Khi Chu Vũ Vương (Cơ Phát) phạt Trụ, họ đã chặn đường khuyên can. Sau khi Vũ Vương diệt nhà Thương, anh em Bá Di và Thúc Tề kiên quyết không ăn gạo nhà Chu, lánh vào núi Thủ Dương hái rau dại ăn qua ngày. Về sau có người nói: “Tắc đất, ngọn rau đều là của nhà Chu, hai ông ăn rau dại thì vẫn là ăn rau nhà Chu”. Họ bèn nhịn đói mà chết.

410 Nguyên Hiến là người nước Lỗ, sống vào thời Xuân Thu, tên tự là Tử Tư, là một vị đệ tử hữu danh của Khổng Tử. Ông nghèo hèn nhưng vui nơi đạo. Khi Khổng Tử làm quan Tư Khẩu nước Lỗ, đã cử Tử Tư làm người trông coi thái ấp của Khổng Tử. Về sau, Tử Tư ẩn cư nơi chằm cỏ nước Vệ. Ông được coi là tấm gương sáng của những bậc an bản lạc đạo.

Phạm Bàng sống vào thời Đông Hán. Ông là người thanh cao, liêm khiết, được người dân trong vùng hết sức kính phục. Ông thường đàn hặc những quan lại bậc cao, quở trách những kẻ cậy quyền không hề e dè trước quyền lực của họ. Chán ngán trước cảnh triều chánh hủ bại, ông từ quan, nhưng vẫn bị lũ gian thần hãm hại, bị tù đầy chết trong ngục.

Thuần Hóa. Chủ nhà có một đứa con gái bị yêu quái dựa thân. Ông nghỉ đêm tại nhà ấy, đêm đó yêu quái không tới. Cảnh Thanh đi rồi nó lại mò tới. Cô gái hỏi nguyên do, yêu quái trả lời: “Tránh né ông tú tài họ Cảnh”. Cô ta bèn kể với cha. Cha cô ta đuổi theo Cảnh Thanh, kể rõ đầu đuôi, Cảnh Thanh bèn viết bốn chữ “Cảnh Thanh ở đây”, bảo hãy dán lên cửa, nạn yêu quái chấm dứt. Cảnh Thanh hết sức trung liệt, cho đến nay vẫn được người ta ngưỡng mộ.

Thứ đầy ấp trong vòng trời đất chính là khí (chánh khí). Nếu chánh khí chẳng thiếu khuyết, do sự chánh đại quang minh được lưu hành, yêu ma quỷ quái chẳng dám xâm nhiễu. Vì thế, bậc quân tử có cái học “dưỡng khí” (nuôi dưỡng chánh khí). Dưỡng khí cốt yếu là trị tâm. Dốc sức giữ cho cái tâm thanh tịnh, quang minh, giữ lòng chân thành, tâm sẽ an định ắt yêu ma quỷ quái chẳng thể xen lẫn vào được. Nếu lòng người tối tăm, mê muội, chẳng cần hỏi tà từ đâu đến, trong tâm đã có sẵn tà quái tụ tập rồi, há có thể nào khiến cho yêu ma quỷ quái vừa trông thấy bèn khuất phục ư?

Thần và người cùng một lý. Ai được mọi người kính trọng thì thần cũng gia hộ. Đó gọi là “đạo đức đã cao trọng thì quỷ thần đều khâm phục”.

Đời Tống, Hàn Kỳ từ Thành Đức chuyển sang trấn nhậm Trung Sơn. Đi đến Sa Hà, bỗng những

người đi đầu trở lại thưa: “Nước lũ sắp tràn tới”. Ông vội truyền chuẩn bị thuyền để vượt sông. Quả nhiên sóng to như núi. Thuyền sắp chìm, những người đi theo đều hết sức kinh hoàng. Bỗng có một con rồng thân từ đầu nguồn chắn ngang dòng nước, nước bèn lặng êm. Thuyền qua sông rồi rồng mới rời đi, nước bèn dâng tràn ô ạt như cũ.

Đời Minh, ông Kim ở Nghi Trung mở tiệm cầm đồ. Đầu niên hiệu Gia Tĩnh, bọn cướp sông cướp bóc gần hết những nhà giàu có, chỉ riêng họ Kim là không sao. Quan trên ngờ ông ngấm qua lại với lũ cướp. Đến khi bắt được kẻ cướp, tra hỏi nguyên nhân, bọn cướp thưa: “Đã vài lần đến cướp, đều bị thần kim giáp xua đuổi”. Quan chưa tin, gọi những hàng xóm ông Kim đến dò hỏi, họ đều nói: “Ông Kim thật sự tích đức, các tiệm cầm đồ thường là trả tiền cho khách cầm đồ thì ít, đòi tiền chuộc nặng nề. Chỉ riêng tiệm ông ta là cho cầm và chuộc lại công bình, ước định giá trị của món đồ đem cầm rất rộng rãi, định kỳ hạn chuộc lại dài hơn. Lại còn hỏi thăm, nếu là người già, nghèo khổ, sẽ phá lệ không tính tiền lời. Lại còn vào mùa đông thì không tính tiền lời đối với áo ấm. Mùa Hè thì không tính tiền lời đối với áo mùa hè. Hằng năm đều làm như vậy. Trời che chở người lành, sai thần đến ủng hộ, đối với lý ấy, há có ngờ chi?” Quan bèn khen ngợi ông Kim, tâu lên triều đình xin khen thưởng.

Vu Thiết Tiều nói: “Trong phần đầu là nói đến họa ác. Trong phần trước đã nói “*nhân giai ố chi*” (mọi người đều ghét), nay nói đến phước thiện, bèn trước hết là nói “*nhân giai kính chi*” (mọi người đều kính). Bởi lẽ, những chuyện như ác tinh gieo tai họa, thần linh hộ vệ, có lẽ nhất thời chưa trông thấy, mà chuyện mọi người đều kính trọng hay đều ghét bỏ chính là những điều báo trước có thể coi như là chứng cứ vậy. Kẻ có tâm học đạo hãy thường phản tỉnh, tự suy xét: “Nếu người kính trọng ta nhiều, sẽ biết thần linh ủng hộ, bảo vệ đông đảo. Nếu kẻ ghét ta nhiều sẽ biết ác tinh chối ngòi trên đỉnh đầu!” Lòng người chính là ý trời, chẳng cần phải tìm tòi từ chỗ chẳng thấy, chẳng nghe!”

Sở tác tất thành, thần tiên khả ký.

所作必成。神仙可冀。

Việc làm ắt thành, có thể trở thành thần tiên.

Thế gian chẳng có chuyện gì không thành, thiên hạ đều là người có thể thực hiện. Chỉ dùng tâm chân thật để làm lành, ắt việc người đã hợp lòng trời, ý trời há có trái nghịch ước nguyện của con người ư? Tự nhiên ngấm ngấm giúp đỡ, không gì chẳng thực hiện sông sẻ, không gì chẳng làm thành công!

Ông Vu Ngọc Bệ nói: Kinh Di Giáo⁴¹¹ dạy: “*Túng*

411 Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Di Giáo Kinh, còn gọi là Phật Thùy Niết-bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Kinh này

thử tâm giả, táng nhân thiện sự. Chế chi nhất xứ, vô sự bất thành” (Buông lung cái tâm này, sẽ làm hỏng thiện sự của con người. Chế ngự tâm vào một chỗ, không chuyện gì chẳng thành tựu). Lại nói: *“Nhữ đẳng tỳ-kheo, đương cần tinh tấn, tắc sự vô nan giả. Thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm, sở sở giải phế, thí như toàn hỏa, vị nhiệt nhi tức. Tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc”* (Hàng tỳ-kheo các ông hãy nên siêng năng, tinh tấn thì mọi chuyện sẽ chẳng khó khăn. Ví như dòng nước nhỏ mà cứ chảy mãi, sẽ có thể xoi thủng đá. Nếu tâm hành giả nhiều lượt biếng nhác, bỏ lửng, sẽ giống như đui gỗ lấy lửa, gỗ chưa nóng mà đã ngưng, tuy muốn được lửa, khó thể có được lửa).

Kinh Xuất Diệu⁴¹² nói: *“Trí giả dĩ huệ luyện tâm, tâm cứu chư cấu. Thí như khoáng thiết, nhập hỏa bách luyện, tắc thành tinh kim. Hựu như đại hải, nhật dạ phát động, tắc sanh đại bảo. Nhân diệc như thị, trú dạ dịch tâm bất chỉ, tiện hoạch quả chứng”* (Bậc trí dùng huệ để luyện tâm, tìm tòi đến cùng tận căn nguyên của các phiền não. Ví

ghi chép những lời dạy dỗ tối hậu trước khi đức Phật nhập Niết-bàn.

412 Kinh Xuất Diệu chính là một bản dịch khác của kinh Pháp Cú. Kinh Pháp Cú hiện thời là bản được lưu hành phổ biến nhất dựa theo kinh Dhammapada chép bằng tiếng Pali. Hai bản khác là Gāndhārī Dhammapada và Udāna-varga. Kinh này có bốn bản dịch tiếng Hán:

1. Pháp Cú Kinh do nhóm tỳ-kheo Duy Kỳ Nạn dịch vào đời Đông Ngô.
2. Pháp Cú Thí Dụ Kinh do hai vị Pháp Cự và Pháp Lập dịch vào thời Tây Tấn.
3. Xuất Diệu Kinh do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào Diêu Tần.
4. Pháp Tập Yếu Tụng kinh do ngài Thiên Tức Tai dịch vào thời Bắc Tống.

như quặng sắt, bỏ vào lửa nung trăm lần, sẽ thành thép ròng. Lại như biển cả, đêm ngày luôn nổi sóng, sẽ sanh ra vật báu quý giá. Người cũng giống như vậy, ngày đêm rèn luyện cái tâm chẳng ngừng thì sẽ chứng quả).

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: *“Phù vi đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân địch. Quả khái xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thoái, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học đạo, ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc đạo quả”* (Phàm là kẻ tu đạo, ví như một người đối địch với vạn người. Khoác áo giáp ra khỏi cửa, nếu có lòng khiếp sợ, hoặc nửa đường quay về, hoặc dốc hết sức chiến đấu cho đến chết, hoặc đắc thắng quay về. Sa-môn học đạo hãy nên giữ vững tấm lòng, tinh tấn, dũng mãnh, bèn nhảy, chẳng sợ tiền cảnh, phá diệt các loài ma bèn đắc đạo quả).

Đời Nguyên, tổ sư Thiên Mục Sơn Trung Phong đã nói: *“Tôi nhớ nhà Nho có bài thơ khuyên học như sau: “Kích thạch nãi hữu hỏa, bất kích nguyên vô yên. Nhân học thử tri đạo, bất học phi tự nhiên”* (Đập đá bèn xẹt lửa, chẳng đập khối chẳng sanh. Người học mới biết đạo, chẳng học chẳng tự nhiên). Đây là nói trong đá vốn có lửa, chẳng dùng trí xảo để va quẹt, dẫn khởi sẽ trọn chẳng thể gặp gỡ được. Người hiện thời chỉ biết trong đá có lửa, chẳng bỏ ra nửa điểm công sức trí xảo để va đập, suốt ngày chỉ trở hòn đá lạnh ngắt ấy mà nói

đến tác dụng của lửa. Nói cho đến nỗi “mắt rơi xuống đất” (đến chết), vẫn là một khối đá trơ trơ như trước, muốn tìm một tí tác dụng của lửa trọn chẳng thể được! Đây là kẻ chẳng chịu dốc hết một lòng thực hiện công phu vậy. Lại có một hạng người nghe nói trong đá có lửa bèn đập nát đá. Do muốn lấy được lửa, bèn đập đá nát nát thành bụi trọn chẳng được lửa. Chẳng tự trách chính mình không dùng trí xảo để có được lửa, lại đến nỗi chẳng tin trong đá thật sự có chân hỏa! Đây là hạng phàm phu không tin “tự tâm thành Phật”.

Người thời nay nếu muốn hoàn thành chuyện này, trước hết, hãy lấy tín căn làm đá, kế đó đề khởi đôn đốc một câu thoại đầu để làm cái tay quẹt đá. Lại dùng chí nguyện kiên cố chẳng thoái chuyển làm sắt. Quẹt con dao lấy lửa ấy, dùng sức chuyên ròng, siêng năng, dũng mãnh, suốt ngày vận dụng trong động tĩnh để gõ quẹt sao cho chẳng gián đoạn. Lại dùng chủng tánh Bát-nhã làm cỏ khô, bồng dung nương nhau thành tựu, nảy sanh một đốm lửa nho nhỏ, chiếu thấu trời đất. Đây gọi là trí xảo”.

Đời Minh, Liên Trì đại sư nói: “Bất cứ kỹ năng hay nghề nghiệp nào trong thế gian, lúc mới học sẽ khó khăn khôn ngăn, dường như là muôn phần chẳng thể thành được. Do vậy, bèn bỏ đó chẳng học sẽ trọn chẳng thể thành được! Vì thế, quý ở chỗ thuở đầu có cái tâm quyết định chẳng nghi. Tuy là quyết định, mà

lần khân, trì hoãn, cũng sẽ chẳng thành. Vì thế, tiếp đó là quý ở chỗ cái tâm tinh tấn dũng mãnh. Dầu tinh tấn nhưng được chút ít đã cho là đủ, hoặc lâu ngày bèn mệt mỏi, hoặc gặp thuận cảnh bèn mê, hoặc gặp nghịch cảnh bèn đọa thì cũng chẳng thành. Vì thế, kể đó, quý ở chỗ có cái tâm kiên quyết, luôn giữ vững chẳng thoái chuyển. Như vậy thì sẽ được gọi là bậc trượng phu thật sự hữu tâm. Giữ tấm lòng như thế, có chuyện gì chẳng làm được, há chẳng nên gắng sức ư?”

Thái Thượng là tổ của Đạo gia, cho nên chuyên nói đến chuyện cầu thành tiên. Mạnh Tử nói: *“Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn”* (Ai cũng đều có thể thành Nghiêu, Thuấn). Lục Tổ của Thiên tông Chấn Đán (Trung Hoa) đã nói: *“Đản dụng thử tâm, trực liễu thành Phật”* (Chỉ dùng cái tâm này mà thẳng thừng thành Phật). Thánh nhân của tam giáo đều nói như thế nào cũng đều là phù hợp khít khao. Do đã có thể thành tiên, vậy thì có thể thành Phật, có thể làm Nghiêu, Thuấn, hưởng hồ công danh phú quý trong cõi đời, sống lâu, con cái, lẽ nào chẳng thể cầu được ư? Cũng đều là tùy thuộc người ấy làm như thế nào đó thôi!

Đời Hán, Chung Ly⁴¹³ nói: “Tiên cầu người còn

413 Vị này là một trong bát tiên của Đạo giáo, họ Chung Ly tên Quyền. Do ông ta sống vào đời Hán, nên thường gọi là Hán Chung Ly, chứ họ của ông không phải là Hán. Ông được tôn là Chánh Dương Tổ Sư của phái Toàn Chân, vì theo truyền thuyết, ông đã điếm đạo cho Lữ Động Tân (Thuần Dương Tổ Sư). Lữ Động Tân truyền đạo cho Vương Triết (Vương Trùng Dương), Vương

hơn người cầu tiên!” Lữ Tổ nói: “Người đời thường hận chẳng được thấy ta. Tuy hằng ngày thấy ta mà không thể làm theo lời ta, có ích gì đâu?” Có thể thấy người và tiên, tánh thật sự vốn là một! Chỉ vì để tình cảm chi phối quá mức mà đánh mất lẽ chân. Một mai quay lại lẽ chân, tình thức lẫn trần lao đều hết sạch sẽ chính là thần tiên. Huống hồ lại còn có thể dùng thiện hạnh để giúp sức thêm ư?

Kinh Thai Túc⁴¹⁴ nói: “Thánh thai do sự điều phục hơi thở mà kết thành, chân khí do từ hơi thở đã tĩnh định như hơi thở của thai nhi. Chân khí tiến nhập thân thể thì là sanh, thân lìa khỏi hình hài thì là tử. Hiểu biết thần và khí thì có thể trường sanh. Vì thế, phải giữ cho cái tâm hư vô nhằm nuôi dưỡng thần và khí. Thần thông suốt thì khí sẽ thông suốt, thần bị bế tắc thì khí cũng bị bế tắc. Nếu muốn trường sanh thì thần và khí phải tưới rót lẫn nhau. Tâm chẳng dấy động ý niệm, chẳng đến chẳng đi, chẳng xuất chẳng nhập. Siêng năng thực hành như thế, đấy chính là đường lối của chân đạo vậy”.

Đời Tống, Lý Đoan Nguyễn hỏi thiền sư Đạt Quán: “Rốt cuộc thiên đường và địa ngục là có hay không?”

Trùng Dương sáng lập Toàn Chân Giáo.

414 Đây là một bộ kinh của Đạo giáo, có tên gọi đầy đủ là Cao Thượng Ngọc Hoàng Thai Túc Kinh, không rõ tác giả, thuộc vào Động Chân Bộ trong Đạo tạng kinh. Nội dung dạy về cách hít thở (danh xưng chuyên dụng trong Đạo giáo là “thở nạp”) theo các vòng châu thiên trong thân thể.

Sư đáp: “Chư Phật từ trong vô mà nói hữu, giống như người bị mắt nhắm mà thấy hoa đốm trên hư không. Thái úy⁴¹⁵ từ trong hữu tìm vô, giống như lấy tay mò trắng trong nước. Nực cười thay, trước mắt thấy lao ngục mà chẳng tránh⁴¹⁶, ngoài tâm nghe nói có thiên đường bèn muốn sanh về! Chẳng biết vui thích hay sợ hãi đều ở trong tâm, do thiện hay ác mà trở thành cảnh. Chỉ cần Thái úy liễu giải tự tâm thì tự nhiên sẽ chẳng còn mê hoặc nữa!”

Kẻ cầu tiên thời cổ có tấm lòng trung như Tử Phòng (Trương Lương), có lòng hiếu thảo như Ngô Mãnh. Vương Tiến Hiền chẳng đánh mất tiết hạnh của phụ nữ, Lan Kỳ hòa thuận với anh em, Lưu Dực chịu thua thiệt, phân chia tài sản cho kẻ khác, Triệu Tố Đài giúp đỡ người nghèo, giúp người khác lo liệu ma chay, Hứa Chân Quân thí nước phù chú để chữa bệnh, Nghiêm Quân Bình dùng điều thiện hướng dẫn người khác, Chu Bá Trì chôn cất thi hài, Lý Ngũ Lang chẳng lừa dối khi đong gạo thóc, Trần An Thế chẳng

415 Lý Nguyên Đao sống vào đời Tống. Ông làm Thái tử Thiếu bảo thời Tống Thần Tông rồi Thái tử Thái bảo thời Tống Triết Tông, cho nên ở đây thiên sư Đạt Quán gọi ông là Thái úy.

Thiền sư Đạt Quán thuộc tông Lâm Tế, có hiệu đầy đủ là Đạt Quán Đàm Đình. Thoạt đầu, Sư xuất gia theo ngài Đại Dương Cảnh Huyền của tông Tào Động, nhưng đắc pháp nơi tông Lâm Tế.

416 Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này có nghĩa là “do tham, sân, si chẳng đoạn, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần trước mắt, dấy khởi tình thức bèn phan duyên, nảy sanh tham, sân, si càng lừng lẫy, cho nên bị trói buộc trong luân hồi chẳng thoát ra được, giống như bị hãm sâu trong tù ngục”.

giết hại sanh mạng loài vật, Lý Hề Tử cứu vớt những loài chim đói, Dương Kính Trực hễ rảnh rang bèn tĩnh tọa, Đường Nhược Sơn tánh chẳng nóng giận. Cho đến Hoàng Vạn Hựu rất ít lỗi lầm, Cảnh Tượng rất thích phóng sanh, Lưu Bình A vốn là một thầy thuốc, Ngô Mục vốn là một huyện lại, Lưu Nghiên vốn là kỹ nữ, Bào Tịnh vốn là một chủ quán, Hạ Sanh vốn là một gã đồ tể, Đinh Ước vốn là một gã lính quèn, Chu Đôn vốn là một gã trộm cướp, Lý Chánh Nguyên vốn là thợ săn. Những người ấy đều do tích lũy công hạnh mà được thành tiên.

Những người cầu thành tiên hiện thời, như ông Triều Hồi làm Tịnh Cư Thiên Chủ, ông Chương Văn Khởi làm Tư Mạng Chân Quân, Vương Tố làm Thị lang ở Ngọc Kinh⁴¹⁷, Lữ Hối giữ chức *Tư củ* cho Thượng đế, Hàn Kỳ làm chủ nhân tử phủ⁴¹⁸, Phú Bật cai quản Côn Đài⁴¹⁹, Vương Tẩu chưởng quản bánh xe sắt của Dục Thánh Bảo Đức Chân Quân, Kim Tam làm Phong Bá (thần gió) của Hựu Thánh (Bắc Cực Chân Vũ Đại Đế), Trương Hiếu Cơ làm chủ Tung sơn, Đậu Vũ Quân làm Động Thiên Chân Nhân, cho đến Âu Dương Tu

417 Theo Đạo giáo, thiên cung nơi Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự được gọi là Ngọc Kinh. Nói đúng ra, Nguyên Thi Thiên Tôn ngự tại Ngọc Kinh Sơn, trong đó có Ngọc Hư Cung thuộc tầng trời Đại La, tức là ở phía trên tầng trời Tam Thanh.

418 Tử phủ (紫府, động phủ màu tím) là nơi tiên ở.

419 Côn Đài (崑臺): Theo Đạo giáo, trên đỉnh núi Côn Luân có năm cái đài bằng vàng, mười hai cái lầu bằng ngọc. Những nơi ấy được gọi chung là Côn Đài.

làm chủ động Thần Thanh, Vương An Quốc làm chủ cung Linh Chi, Lữ Trăn làm chủ Quần Ngọc, Thạch Diên Niên làm chủ thành Phù Dung, Trần Tĩnh giữ chức Tư Trục, Điền Thừa Quân cai quản Duy Dương (làm thành hoàng của Dương Châu). Những vị này cũng do tích lũy công hạnh mà được thành tiên. Theo như kinh sách Đạo gia ghi chép, Trung Nguyên Nhị Phẩm⁴²⁰ ngự trong Tả Động Dương Cung, cai quản đất đai, cửu hoàng⁴²¹, sơn thần, tứ duy, bát cực⁴²², thống lãnh liêu thuộc (quan lại) trong giới thần tiên đến chín vạn chín ngàn chín mươi chín vạn (990.990.000) người. Những người ấy đều là những bậc có công hạnh đối với cõi đời, được hóa độ, tiến nhập tiên giới, được bổ vào những chức vị ấy.

420 Trung Nguyên Nhị Phẩm chính là Địa Quan Đại Đế. Trong Đạo giáo, có ba vị đại đế được tôn xưng là Tam Nguyên Đại Đế (Tam Quan Đại Đế) gồm Thượng Nguyên Nhất Phẩm Thiên Quan Tứ Phước Đại Đế, Trung Nguyên Nhị Phẩm Địa Quan Xá Tội Đại Đế và Hạ Nguyên Tam Phẩm Thủy Quan Giải Ách Đại Đế.

421 Cửu hoàng (九皇) thường được biết đến dưới các danh xưng như Cửu Hoàng Đại Đế, Cửu Hoàng Gia, Cửu Vương Gia v.v.. Thông thường, Cửu Hoàng được hiểu là Bắc Đẩu Thất Tinh Quân (Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân) cộng với Tả Phù và Hữu Bật. Một thuyết khác cho rằng, Cửu Hoàng là Bắc Đẩu Thất Tinh Quân cộng thêm Tử Vi Đại Đế và Thiên Hoàng Đại Đế. Có thuyết lại giải thích Cửu Hoàng chính là Tam Hoàng Ngũ Đế cộng thêm Bàn Cổ. Có thuyết lại giải thích Cửu Hoàng là Bàn Cổ, Phục Hy, Thần Nông, Toại Nhân, Hoàng Đế, Chuyên Húc, Cao Tân, Thái Hạo và Thiệu Hạo. Có thuyết nói Cửu Hoàng là Thanh Huyền Đại Đế, Trường Sanh Đại Đế, Tử Vi Đại Đế, Thiên Hoàng Đại Đế, Nam Đẩu Tinh Quân, Bắc Đẩu Tinh Quân, Đông Đẩu Tinh Quân, Tây Đẩu Tinh Quân, và Trung Đẩu Tinh Quân.

422 Tứ duy (四維) là bốn phương bàng, tức Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, và Tây Bắc. Bát cực (八極) là bốn phương chánh cộng thêm bốn phương bàng.

Lại như Hà Hy Chí do chú giải kinh Kim Cang có ích cho cõi đời, chết đi làm quan kiểm điểm lịch số cho thần Tây Nhạc. Tuy chỉ là một chức quan ở nhạc phủ nhưng cũng là người đặc độ. Đấy chính là người do làm lành mà có hy vọng được thành thần tiên vậy. Từ xưa tới nay đã có hơn mười vạn người thành tiên, cả nhà được thành tiên thì hơn tám mươi nhà. Vì thế nói: “Chớ bảo thần tiên không chỗ học, xưa nay bao kẻ đã đăng tiên”. Người thời nay tu hành chẳng chân thật, bèn bảo “trong cõi đời chẳng có thần tiên”. Chuyện này giống như những kẻ ra rả “tuân theo pháp tắc của Khổng Mạnh” nhưng không thể thực hành những giáo huấn ấy, bèn bảo “cõi đời chẳng có thánh hiền”, có nên hay chẳng?

Sách Tánh Mạng Khuê Chi⁴²³ chép: “Muốn tu trường sanh, cần phải nhận biết cái gốc của sự sanh. Muốn cầu bất tử phải nên hiểu rõ ai là người bất tử. Người bất tử chính là chân tâm vốn thường trụ của chúng ta. Cái tâm ấy linh thông chẳng tăm tối, thường biết rõ rành rành, chẳng đến chẳng đi, bất sanh bất diệt. Hiềm rằng người đời chẳng ngộ! Từ vô thủy đến nay do mê mất chân tâm cho nên phải bị luân chuyển, oan uổng vào trong các đường. Chân tâm vốn chẳng vọng,

423 Tánh Mạng Khuê Chi có tên gọi đầy đủ là Tánh Mạng Song Tu Vạn Thần Khuê Chi, tương truyền do Doãn Chân Nhân (tức Doãn Hỷ) biên soạn, nội dung chủ yếu là hướng dẫn cách luyện đan. Sách chủ trương luyện đan bằng cách tu dưỡng tánh và mạng, đặc biệt là tu luyện tâm tánh theo quan điểm Đạo giáo.

tánh trí vốn sáng suốt, mâu nhiệm, tĩnh lặng, vốn tinh ròng, do vọng chột dấy lên, bỗng dung tâm tối, đánh mất sự tinh ròng sáng suốt vốn sẵn có, chấp trước sâu đậm nơi kiến giải. Vì thế, chuyển trí thành thức, tạo thành vọng tâm nơi thân, gọi là thức. Tâm vốn vô tri, do thức mà có tri (hay biết). Tánh vốn vô sanh, do thức mà có sanh. Chúng tử của sanh thân nầy mầm từ đó, nở hoa hữu lậu, kết quả sanh tử. Người thời nay lầm nhận trong tâm có một vật sáng ngời, linh thông, hoàn toàn có cùng một thể với muôn vật, cho là nguyên thân ở ngay nơi đó, chẳng biết thứ như thế chính là thức thân sanh sanh tử tử, là chúng tử để luân hồi bao kiếp dài lâu! Vì thế nói: “Người học đạo chẳng biết lẽ chân, chỉ vì từ trước đã cho rằng thần thức chính là chân tâm. Đó là cái gốc để sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay”. Kẻ si gọi thần thức là thứ con người vốn sẵn có (chân tâm, bản lai diện mục)”.

Vua Dị Kiến⁴²⁴ hỏi tôn giả Ba-la-đề: “Phật là như thế nào?” Đáp: “Kiến tánh là Phật”. Vua nói: “Thầy có kiến tánh hay chưa?” Đáp: “Ta thấy Phật tánh”. Vua hỏi: “Tánh ở nơi đâu?” Đáp: “Tánh ở nơi tác dụng”. Hỏi: “Là tác dụng nào?” Ngài Ba-la-đề liền nói kệ rằng:

424 Vua Dị Kiến là quốc vương xứ Hương Chí ở Nam Ấn Độ. Vị này là cháu của tổ Bồ-đề-đạt-ma. Tôn giả Ba-la-đề là đệ tử của tổ Bồ-đề-đạt-ma tại Ấn Độ. Do vua Dị Kiến hạ chiếu cấm dân chúng tin tưởng Phật pháp, tổ Đạt-ma đã sai tôn giả Ba-la-đề đến Hương Chí khuyên can. Ngài Ba-la-đề thành công xoay chuyển tà tâm của vua Dị Kiến.

“Ở thai là thân, nơi đời là người. Ở mắt là thấy, ở tai là nghe, ở mũi ngửi hương, nơi miệng đàm luận, nơi tay nắm bắt, ở chân đi lại. Biến hiện bao trùm trọn khắp pháp giới, hể thâm nhiếp thì nắm gọn trong một vi trần. Người biết gọi là Phật tánh, không biết bèn gọi là tinh hồn (精魂)”.

Vì thế, đức Thế Tôn dạy mọi người trước hết hãy đoạn căn bản của vô tử luân hồi, chính là vì ý này. Cái gốc ấy đã đoạn thì các thức chẳng có chỗ nào để nương tựa, khôi phục cái bản thể nguyên sơ chân thường của ta. Đó gọi là chân tĩnh diệu minh, rỗng rang, nhạy bén, thông triệt, rạng ngời, tồn tại duy nhất. Hể trái nghịch nó thì là phạm phu, thuận theo nó thì sẽ là thánh. Mê thì sanh tử khởi đầu, ngộ thì luân hồi chấm dứt. Muốn dứt luân hồi thì không gì bằng vận dụng chỉ và quán. Cần phải lúc nào cũng giữ lúc thất tình chưa phát động, niệm nào cũng giữ vẹn cái thể chưa bị nhuốm bẩn của tám thức. Thân quang vừa lộ lập tức thu hồi, chớ để cho nó chiếu bừa bãi trong khoảng sát-na. Bậc tiên nhân thời cổ nói: “Đại đạo dạy mọi người trước hết hãy dứt niệm, ý niệm chẳng trụ cũng uổng công”. Kinh Viên Giác dạy: “Trong hết thấy các thời, chẳng dấy vọng niệm. Đối với các vọng tâm, cũng chẳng ngưng dứt. Trụ nơi cảnh vọng tưởng, chẳng thêm vào sự hiểu biết rành rẽ. Đối với cái chẳng hiểu biết rành rẽ, chẳng biện định chân thật”.

Khởi Tín Luận nói: “Nếu tâm rong ruổi tán loạn

liền thâm nhiếp, khiến cho nó trụ nơi chánh niệm. Hễ niệm dấy lên bèn giác, hễ giác nó sẽ chẳng còn nữa. Diệt môn trong tu hành chỉ nằm ở chỗ này. Hãy nên biết vọng niệm dấy từ thức căn, duyên vào cảnh mà thành vọng, chẳng thật sự có cái thể. Khi ở nơi chúng sanh thì trí kém cõi, thức mạnh mẽ, chỉ gọi là thức. Lúc ở nơi địa vị Phật, trí mạnh, thức kém nên chỉ gọi là trí. Chỉ là thay đổi tên gọi mà chẳng chuyển cái thể. Nguồn tâm ban sơ rộng rang, mâu nhiệm, lặng trong, do từ tác dụng hay biết sẵn có trong tự tánh mà hư vọng lập ra một cái tri kiến nữa, vọng trần bèn sanh khởi, vì thế có vọng niệm. Nếu chẳng thấy có tri kiến, trí tánh sẽ thanh tịnh, khôi phục sự mâu nhiệm, lặng trong, ý niệm tan lãn. Một căn đã trở lại nguồn, sáu căn đều thành giải thoát. Đã không có căn, trần, lục thức, sẽ không có chủng tử luân hồi. Nhất điểm chân tâm độc lập, không nương tựa, muôn kiếp thường tồn tại, vĩnh viễn chẳng có sanh diệt”.

Pháp này chỉ thẳng tâm người, một điều đã giải quyết xong, trăm pháp đều thỏa đáng. Đây chính là bí quyết mâu nhiệm để thành Phật, thành tiên vậy. Muốn cầu trường sanh hãy nên tham cứu từ chỗ này!

Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.

欲求天仙者。當立一千三百善。欲求地仙者。當立三百善。

Muốn cầu thành thiên tiên, hãy nên lập một ngàn ba trăm điều thiện. Muốn cầu thành địa tiên, hãy nên lập ba trăm điều thiện.

Đoạn này nhằm tổng kết đoạn văn trước đó, nhằm nói “làm lành chính là đường lối để thành tiên”. “Lập” (立) là tích lũy. Nói một ngàn, hoặc nói ba trăm nhằm lập định số mục, kỳ hạn, quyết định ắt phải thành, chẳng sanh lòng thoái chuyển.

Thiên tiên và địa tiên sai khác là do tạo lập điều thiện nhiều hay ít sai khác. Trong thiên sách này đã tự nói, xin hãy dùng cách nói “đầu sào trăm thước, lại tiến thêm một bước nữa” để luận định, ngô hầu người đã được thành tiên chẳng còn đọa lạc, một mực siêu thăng. Người chưa được thành tiên, chẳng cần phải cậy nhờ chi khác mà liền đạt được. Theo như kinh Lăng Nghiêm đã dạy, tiên có mười loại:

1) Một là do mong thân thể kiên cố mà ăn các loại thuốc trường sanh, tức là do ăn uống dược vật mà được viên thành, gọi là Địa Hành Tiên.

2) Hai là người do mong kiên cố thân thể bèn ăn thảo mộc, tức là do ăn uống dược thảo mà được viên thành, gọi là Phi Hành Tiên.

3) Ba là kẻ do mong kiên cố thân thể mà ăn các

loại kim đan, tức là do biến hóa mà viên thành, gọi là Du Hành Tiên.

4) Bốn là kẻ do mong kiên cố mà tập luyện các động tác, tức là do khí và tinh mà viên thành, gọi là Không Hành Tiên.

5) Năm là kẻ do mong kiên cố cái tâm mà gìn giữ các loại tân dịch⁴²⁵, tức là do thấm nhuần mà viên thành, gọi là Thiên Hành Tiên.

6) Sáu là kẻ do mong kiên cố cái tâm mà hấp thụ tinh hoa của nhật nguyệt, tức là do hấp thụ tinh túy mà viên thành, gọi là Thông Hành Tiên.

7) Bảy là kẻ do mong kiên cố cái tâm bèn trì chú thuật, tức là do pháp thuật mà được viên thành, gọi là Đạo Hành Tiên.

8) Tám là kẻ do mong kiên cố cái tâm bèn trầm tư tĩnh niệm, tức là do suy tưởng, nghĩ nhớ mà viên thành thì gọi là Chiếu Hành Tiên.

9) Chín là do mong kiên cố cái tâm mà hành phép giao cấu, tức là do cảm ứng mà viên thành, gọi là Tinh Hành Tiên.

425 Tân dịch (津液) là từ ngữ phiếm chỉ cách chất lỏng, hay chất tiết từ các tạng phủ, không kể máu và những thứ bài tiết ra ngoài (như nước tiểu, đờm dãi), chẳng hạn như dịch vị, dịch tiết từ mật, từ tụy tạng, kể cả các dịch thể nơi màng bọc các nội tạng và nước miếng đều gọi chung là tân dịch.

10) Mười là do kiên cố cái tâm mà hành các pháp biến hóa, tức là do giác ngộ mà viên thành, thì gọi là Tuyệt Hành Tiên⁴²⁶.

Lại nói: Những loại ấy đều chẳng nương vào chánh giác, tu tập theo những thứ vọng niệm khác, giữ tâm tưởng mong thân thể được bền vững, dạo chơi nơi núi rừng, hoặc những chỗ không ai lui tới, thọ ngàn vạn năm. Đấy cũng là luân hồi, do vọng tưởng lưu chuyển. Khi báo hết, sẽ trở lại đầu thai vào trong các đường.

Chung Ly Quyền nói, tiên có năm loại:

1) Một là chẳng ngộ đại đạo, chỉ mong chóng được thành tựu, tâm như tro tàn, thần thức thâm liễm vào bên trong, trong định đã có thể xuất hồn, đến cuối cùng chỉ thành loài quỷ thanh hư nên gọi là quỷ tiên.

2) Hai là tạm ở trong loài người được nghe đại đạo, nhưng nghiệp nặng, phước nhẹ, kiên trì giữ mãi tà niệm thiên lệch không thay đổi, dứt bỏ ngũ muội⁴²⁷ mà chẳng biết có lục khí⁴²⁸ để điều hòa, tuy quên mất bảy

426 Chúng tôi dịch phần này dựa theo cách diễn giải trong Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Diệu Tâm Số do pháp sư Thủ Bồi biên soạn.

427 Ngũ muội (五味) chính là ngũ vị (chua, đắng, ngọt, cay, mặn). Đạo gia chú trọng người tu hành đối với thức ăn chớ nên dùng ngũ vị quá nặng để giữ cho cái tâm thanh tịnh.

428 Lục khí: Sáu thứ tinh hoa cần phải hô hấp theo Đạo gia, tức xuân thực triêu hà (mùa xuân bên hấp thụ khí của ráng trời lúc sáng sớm), thu thực luân âm (mùa thu bên hấp thụ khí có màu vàng đỏ sau khi mặt trời đã lặn), đông ẩm hàng giới (mùa đông hút khí lạnh vào nửa đêm), hạ thực chánh dương (mùa hạ

món tình cảm mà chẳng biết có mùi giới. Tuy hành pháp thở nạp (hít thở theo phương pháp chuyên biệt của Đạo gia) lại chê cười pháp thở nạp là sai, mê đắm cách thái âm bổ dương⁴²⁹, quở người thanh tịnh là ngu ngốc. Ngồi một mình nín thở nhịn ăn, không ăn ngũ cốc, chẳng hiểu vô vi, chỉ có thể sống lâu an lạc mà thôi. Đó gọi là nhân tiên.

3) Ba là phỏng theo lý thăng giáng trong trời đất, tuân theo đạo lý giao cảm của mặt trời và mặt trăng. Đối với thân thể, dựa theo năm tháng, mỗi ngày dựa theo thời khắc để tu luyện tương ứng, hiểu biết cách phối ứng long hổ với khảm ly⁴³⁰, thu hồi Chân Nhất, tách biệt ngũ hành, định lục khí⁴³¹, tuân theo bát quái,

hấp thụ khí của mặt trời chánh Ngọ tại phương Nam), cùng với hai khí huyền hoàng trong trời đất mà thành lục khí.

429 Thái âm bổ dương còn gọi là phòng trung thuật, là một cách luyện đan chú trọng thông qua nam nữ giao phối để cân bằng âm dương. Họ cho rằng qua hành vi giao phối, kết hợp với những cách hít thở và vận khí theo các vòng châu thiên tương ứng, sẽ nung luyện tinh khí thành tinh hoa chuyển lên bồi bổ nê hoàn cung trên não bộ.

430 Đây là thuật ngữ trong cách luyện đan của Đạo giáo, long (龍) là dương, hổ (虎) là âm. Long sanh từ quẻ ly (離), ly thuộc hỏa. Hổ sanh từ quẻ khảm (坎), khảm thuộc thủy. Vì thế, nói là “hổ hướng thủy biên sanh” (hổ sanh từ bên phía nước). Nếu hiểu theo ngoại đan thì khảm và ly lại còn là các loại dược vật. Khảm nam là hống (汞, thủy ngân), còn ly nữ là chì. Nếu xét theo nội đan thì khảm nam là âm tinh trong thân thể, còn ly nữ là dương khí.

431 Lục khí (六氣) ở đây phải hiểu theo nghĩa khác với đoạn trước. Lục khí ở đây là âm, dương, gió, mưa, tối, sáng.

điên đảo cửu châu⁴³², tam điền⁴³³ đắp đổi, luyện thành đan dược, trường sanh bất tử thì gọi là địa tiên.

4) Bốn là kẻ đã đắc địa tiên bèn rèn luyện thân thể để sống mãi trong cõi đời, tích lũy thành công, siêu phàm nhập thánh, qua lại tam sơn⁴³⁴, gọi là thần tiên.

5) Năm là đã đắc thần tiên, truyền đạo trong cõi đời, có công với đạo, có đức hạnh trong nhân gian. Công hạnh tròn đủ, siêu thăng động thiên⁴³⁵, nhưng lại nhập trong cảnh hư vô tự nhiên thì gọi là thiên tiên.

432 Cửu châu (九州) là danh xưng của trường phái Nội Đan trong Đạo giáo chỉ chín bộ vị trong thân thể, tức thận, bàng quang, gan, mật, tim, ruột non, phổi, ruột già, và lá lách. “Điên đảo” theo Đạo gia nghĩa là khắc phục dục vọng, khiến cho các bộ phận tương ứng sẽ được thăng hoa. Chẳng hạn như thuận theo dục vọng nam nữ (Đạo giáo thường nói là “ngũ hành thuận hành”) sẽ khiến cho thận bị tổn thương, sẽ đọa xuống sâu hơn. Đó gọi là “pháp giới hỏa khanh” (hâm lửa pháp giới), còn nếu khắc phục, khống chế dục vọng, bồi bổ thận tạng thì gọi là “đại địa thất bảo”. Đó gọi là “ngũ hành đảo hành” (đi ngược chiều ngũ hành).

433 Tam điền (三田) là não bộ, tim và khí hải. Chân khí nếu tuần hoàn lần lượt theo ba chỗ ấy thì gọi là “tam điền phản phúc”. Khí hải có thể hiểu là huyết khí hải, hoặc đan điền tùy theo từng trường phái luyện đan khác nhau. Huyết khí hải (氣海) nằm ngay dưới rốn một tấc rưỡi (tấc ở đây là lòng tay của người đó). Trung y tin huyết này là cội nguồn của khí trong thân người, có tác dụng như một cái valve điều khiển sự thăng giáng của chân khí trong cơ thể. Có sách giải thích tam điền thật ra là ba bộ vị đan điền trong cơ thể. Thượng đan điền chính là điểm chính giữa hai mày, trung đan điền tức là chỗ lõm ngay giữa ngực (ta thường gọi là “chấn thủy”, ngay trên hoành cách mô), hạ đan điền thì phức tạp hơn, vì cả bốn huyết âm giao, khí hải, thạch môn và quan nguyên đều có thể gọi là đan điền.

434 Tam sơn là ba hòn đảo trên biển nơi chư tiên ở, tức Phương Trượng, Bồng Lai và Doanh Châu.

435 Động thiên (洞天) là danh xưng chung chỉ những ngọn núi đẹp trên mặt đất, là chỗ cư ngụ của thần tiên. Họ tin rằng trên quả địa cầu này có mười chỗ lớn (thập đại động thiên) và ba mươi sáu tiểu động thiên, bảy mươi hai chỗ phúc địa.

Đáp lời hỏi về đại đạo bèn nói: Trong muôn vật, linh quý nhất là con người. Nếu có thể thấu hiểu tận cùng đạo lý trong muôn vật, thấu hiểu tột cùng tánh của chính mình, cùng lý tận tánh. Cho đến đối với mạng bèn bảo toàn sanh mạng sao cho hợp với đạo, tự nhiên sẽ kiên cố bằng với trời đất, tồn tại lâu dài giống như vậy. Như vậy thì gọi là chánh giác, hoặc gọi là đại đạo.

“Quả” là vật gì vậy? Nói chung, ắt mong nhận biết, giữ lấy tự tâm, chẳng rơi vào tri giải nơi tình kiến. Chẳng nghe ngài Tăng-na⁴³⁶ đã nói hay sao? Ngài Tăng-na nói: “Muốn hiểu tự tâm thì chỉ cần trong cuộc sống hằng ngày, đi, đứng, nằm, ngồi thường tự suy xét sâu xa, khi chính mình gặp sắc hay gặp thanh, lúc còn chưa dấy lên sự giác quán, tâm ở chỗ nào? Là có tâm hay không có tâm? Đã chẳng rơi vào chỗ có hay không, tự nhiên tâm châu riêng chiếu sáng ngời, thường soi thế gian”. Đấy chính là chánh giác, đấy chính là đại đạo, chẳng cách biệt chừng bằng mây trần, trong một sát-na đoạn trừ tướng tượng tục. Do vậy, Lữ Tổ vì không học thuật luyện kim mà siêu thoát cõi đời. Lại do nghe nói “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), trong lòng mới rỗng rang. Về sau, do gặp thiên sư Hoàng Long, Lữ Tổ mới được ấn chứng.

436 Tăng-na là một trong các vị đệ tử của Nhị Tổ Huệ Khả trong Thiên tông.

Tôn Chân Nhân (Tôn Tư Mạo) đã dốc trọn tâm y nơi sách thuốc bèn được siêu thoát cõi đời. Ông lại thường đến thưa hỏi luật sư Đạo Tuyên nhà Đường. Về sau, Tôn Chân Nhân đến Thành Đô, lại nghe một vị tăng hành cước vô danh giảng giải phẩm Đa Bảo Tháp trong kinh Pháp Hoa mới chứng chân. Đây chính là *“đầu sào trăm thước, tiến thêm một bước nữa”*. Nếu như tạo lập điều thiện, dấu chẳng cầu thành tiên, cũng là tự thường hằng, há có số lượng ư?

Đời Hán, Chung Ly Quyền truyền thuật luyện đan cho Lữ Tổ Thuần Dương, điểm sắt thành vàng có thể cứu đời. Lữ Tổ hỏi: *“Rốt cuộc sắt đã biến thành vàng ấy có biến đổi hay không?”* Ông Chung nói: *“Năm trăm năm sau, nó sẽ trở lại thực chất”*. Lữ Tổ suy nghĩ, thưa: *“Nhu vậy thì sẽ có hại cho người năm trăm năm sau, con chẳng muốn học”*. Chung Ly Quyền khen ngợi: *“Tu tiên thì phải tích lũy ba ngàn hạnh, tám trăm công. Do một lời này của ngươi, ba ngàn tám trăm công hạnh đã tròn đủ”*.

Lại như Vạn Thiện Đồng Quy Tập chép: *“Vạn thiện là tư lương để Bồ-tát nhập đạo. Các hạnh chính là thêm bậc trợ đạo của chư Phật. Nếu có mất mà chẳng có chân, há đến được chốn thanh lương? Đắc thật mà quên quyền, làm sao về quê hương tự tại cho được? Đây là chân không và diệu hữu luôn cùng thành tựu lẫn nhau. Mây giăng cửa từ, sóng trào biển hạnh”*.

Nhìn từ chỗ này, sẽ biết Phật và tiên nhất quán, đều cùng chú trọng dạy con người hành thiện lập công. Vì thế, tuy khác tên với Nho mà thật sự là tương đồng. Nương theo cách tham cứu khác nhau, nhưng đều quy về một. Do vì chia thành các phái để tìm cầu cội nguồn mà lập thành ba. Do vì đã chia thành các môn nên chúng sanh bèn chấp vào hình tướng. Nay khuyên người đời hãy nên tham cứu sâu xa lý này, đừng sanh phân biệt mà chỉ nên lập công hành thiện, thì cầu Nho, cầu Phật, cầu Tiên đều từ nơi đây, muôn phần chẳng sai sót tí nào!

Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bối lý nhi hành.

苟或非義而動。背理而行。

Nếu có kẻ dấy lòng phi nghĩa, làm chuyện trái nghịch đạo lý.

Từ chỗ này cho tới câu “*tử diệc cập chi*” (cho đến cũng phải chết), nói cặn kẽ về chuyện do làm ác mà chuốc họa. Hai câu trên đây chính là đề cương nhằm nêu khái quát, hoàn toàn tương phản với hai câu “*thị đạo tắc tiến*” (hợp đạo thì tiến). “Động” (動) là manh nha trong tâm, “hành” (行) là thể hiện thành sự. Trước hết, Thái Thượng nói hai câu này nhằm dạy con người: Hễ bắt đầu khởi tâm động niệm, thốt lời, làm việc, phải suy nghĩ, thẩm định cặn kẽ, ý nói: Phải dè dặt chớ nên trái vượt vạy.

Cổ nhân nói: “Tình cảm của con người giống như nước. Quy củ, lễ pháp là đê đập. Đê đập chẳng vững vàng ắt sẽ đến nỗi nước xoáy vỡ đê, lũ lụt. Nếu tình cảm của con người chẳng được chế ngự thì sẽ buông lung, rối loạn, chẳng có kỷ cương. Vì thế, trừ khử tình chấp, dứt vọng, ngăn ác, dứt tà, chớ nên quên mất quy củ dẫu trong một hơi thở”.

Lại nói: Tuấn mã ruổi chạy mà chẳng dám chạy bừa là do có hàm thiếc chế ngự. Tiểu nhân ngang ngược, nhưng chẳng dám buông lung làm càn là do có hình pháp khống chế. Tuy ý thức buông lung, chẳng dám phan duyên là do công năng của giác chiếu. Vì thế, học nhân mà chẳng có giác chiếu sẽ như ngựa khỏe chẳng có hàm thiếc, tiểu nhân chẳng có hình pháp thì dùng điều gì để đoạn tuyệt tham dục, đối trị vọng tưởng đây?

Tác Tĩnh Hư hiểu học, chẳng vâng theo lời mời mọc của quan đứng đầu châu quận. Thái thú là Âm Đạm đã từng đến chỗ ông ta, đôi bên đàm luận suốt ngày, quên cả về. Khi quay về, Thái thú than thở: “Sự dư dật theo như quan niệm của người đời chẳng phải là sự phú quý trong tánh. [Sự phú quý trong thế gian chỉ là đối ứng với] mắt ưa năm sắc, tai chuộng âm thanh. Tiên sinh vứt bỏ những thứ mà mọi người thu thập để tiếp thu những gì người ta chê bỏ. Tuy thân sống trong cõi trần tục mà tâm ngự nơi nghĩa lý. Há có thể dùng

vật ở bên ngoài và những cảnh ngộ bên ngoài để lay động cái tâm ấy hay sao?”

Do ông Tác đã thấy nghĩa lý chuyên rỗng, nhuần nhuyễn, vì thế đã vâng giữ, tuân theo, xuất phát tự nhiên. Người hiện thời dấy lên ý niệm, cư xử phi nghĩa nghịch lý, làm sao có thể noi theo điều này cho được?

Dĩ ác vi năng.

以惡為能。

Coi chuyện làm ác là tài năng.

Câu này chuyên nói về nhân sự (mối liên hệ giữa con người với nhau). Tánh con người vốn lành; thế mà lại coi làm ác là tài năng, tức là đã đánh mất bản thể của tánh thiện vậy. Ngu ý cho rằng, bốn chữ ấy (dĩ ác vi năng) chính là cội gốc khiến cho kẻ ác dù to hay nhỏ bị mắc bệnh (chuốc lấy phiền não) trong ngàn đời vạn kiếp vậy! Vì thế, xếp điều này đứng đầu các sự ác. Con người tuy cực ngu nhưng chẳng có kẻ nào cam lòng làm người ác, nhưng cũng chẳng có ai không muốn là bậc tài năng. Chỉ vì hiểu lầm chữ năng (能, tài năng), cho nên càng làm càng trật, đó là cái gốc khởi đầu vậy. Nói “*người tài năng thì hữu dụng, kẻ chẳng có khả năng thì vô dụng. Người tài năng sẽ có kẻ khác kiêng sợ, kẻ không có tài năng sẽ bị người khác khinh rẻ, bắt nạt*”, quan niệm sai lầm ấy kéo dài đã lâu, dù cũng tự biết đấy là ác nhưng vẫn nghiêm nhiên làm kẻ ác, chẳng kiêng dè, lại còn

che đậy bằng những danh xưng đẹp đẽ!

Tham là cậy thế lấn hiếp, đàn áp, coi chuyện chiếm được nhiều tài vật của người khác là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “trí mưu” (mưu trí). Kẻ tàn độc coi chuyện cường bạo, ngang ngược, vô lại, giảo quyệt, xảo trá hãm hại kẻ khác là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “lạt thủ” (辣手, thủ đoạn sâu cay). Kẻ dâm dăng coi chuyện phóng túng gian dâm, giả vờ hào hoa để quyến rũ kẻ khác, dụ dỗ vợ con của kẻ khác là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “phong lưu”. Kẻ nịnh bợ dùng chuyện đón ý, thốt lời ve vuốt để lừa gạt là tài năng, lại gọi hoa mỹ là “lanh lợi”. Kẻ sàm báng coi việc dựng chuyện, đặt điều là tài năng, lại gọi hoa mỹ “khéo ăn nói”. Những chuyện giống như thế chẳng thể thuật trọn! Đua khôn tranh khéo, coi đó là chuyện hơn người, kẻ hư ngụy noi theo thói đó chẳng ngờ chi. Kẻ khác nghe thấy những trò xấu ác đó, lại quen coi đấy là những giai thoại. Vì thế, đôi khi có một, hai người chẳng có trí mưu, chẳng có thủ đoạn độc ác, chẳng phong lưu, chẳng lanh lợi, chẳng có tài ăn nói, không có ai chẳng bị kẻ khác cười chê là thứ bất tài trong cõi đời, là thứ đồ bỏ chẳng hợp thời vậy! Cho đến khi chuyện đã qua rồi, báo ứng xảy đến, đóng nắp quan tài rồi mới luận định công và tội, kẻ “tài năng” như thế nhiều lắm, nay còn lại chi?

Than ôi! Khuyên khắp người đời, chẳng thà tạm khuất mình là phường bất tài, làm thứ đồ bỏ, để đồ

công dốc sức hướng thượng đến cùng. Như thế thì sẽ bình đạ, nhưng đây ý vị, sẽ là bình ỏn chẳng thất bại vậy. Nếu chẳng tin điều này, xin hãy xem những vị thiện nhân trong cõi đời có ai mà chẳng được trời chở che, chẳng được người khác kính trọng hay chẳng? Còn như những kẻ ác có đũa nào chẳng bị trời phạt, người ghét hay chẳng?

Đức Phật dạy: Hết thầy kẻ ác trong thế gian chết đạ vào địa ngục. Trong địa ngục có một vị chủ nhân là Ngưu Đầu A Bàn, tính tình hung ác, chẳng có lòng từ bi, nhẫn nại. Thấy các chúng sanh chịu đưng ác báo, chỉ lo họ không khổ, chỉ lo chẳng tàn độc. Nếu hỏi ngục tốt: “Chúng sanh chịu khổ, đáng nghĩ thương xót sâu xa, thế mà ngươi thường ôm lòng tàn khốc, độc ác, chẳng có tâm từ mẫn?” Ngục tốt đạ rằng: “Những kẻ tội ác như thế, chịu các nỗi khổ đều là do bất hiếu với cha mẹ, hủy báng Tam bảo, nhục mạ người thân, họ hàng, khinh mạn sư trưởng, vu cáo, hãm hại người lương thiện, giết hại chúng sanh, tạo các ác nghiệp. Hạng người như thế đến đây hứng chịu nỗi khổ. Thường là cho đến ngày họ được siêu thoát, chúng tôi thường luôn khuyên răn, dẫn dụ: *“Nỗi khổ cùng cực ở nơi đây chẳng thể chịu đưng nổi! Ngươi nay được thoát ra, chớ làm ác nữa”*. Nhưng những tội nhân ấy vẫn chẳng cải hối, hôm nay được thoát ra mấy chốc đã quay lại, xoay vần luân hồi, chẳng biết thống khổ. Do vì chuyện

này, đối với tội nhân tôi chẳng có từ tâm”.

Do vậy biết kẻ làm ác nhất định đọa địa ngục. Như nay đã được sống trong cõi đời chừng khoảng sát-na, hãy nên tận lực thi hành nhân từ, rộng tu các điều lành, tiêu trừ tam chướng, thanh tịnh sáu căn, niệm Phật, trì trai, tham thiền, học đạo, vượt thoát tam giới, xa lìa tứ sanh, đừng buông lung theo tham, sân, si mà hành giết, trộm, dâm. Đã tạo những ác nghiệp ấy, sẽ hứng chịu ác quả. Lời Phật chẳng dối, mọi người hãy nên tin chắc.

Đời Đường, Ngưu Tư Huyền hết sức thông minh, nhạy bén. Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) muốn chế tạo một cái rương để cho kẻ khác có thể viết giấy bỏ vào đó nhằm tố cáo những chuyện thầm kín của kẻ khác. Không người thợ nào chế tạo được, Tư Huyền chế tạo cái rương hết sức vừa ý bà ta. Do vậy, có người bỏ vào cái rương ấy lời tố cáo Ngưu Tư Huyền rằng: “*Tại Dương Châu, Tư Huyền đã vì Từ Kính Nghiệp chế tạo một loại đao luân dùng để xung trận có thể sát thương rất nhiều quan quân*”. Tư Huyền liền bị Vũ Hậu giết chết.

Đời Đường, Từ Kính Nghiệp dấy binh [với chiêu bài “khôi phục nhà Đường, lật đổ Vũ Hậu”]. Vũ Hậu lo lắng, muốn bắt bố dũ đội để trừ khử những kẻ khác ý. Có gã Tác Nguyên Lễ dò đoán ý chỉ, bèn dâng thư tâu rằng: “Nước nhà đang gặp cảnh biến loạn khẩn cấp”.

Vũ Hậu vội đến hỏi chuyện, rất vừa ý, bèn phong cho hấn chức Du Kích Tướng Quân, kiêm chức thối sứ⁴³⁷, trông coi hình ngục thuộc Lạc Châu Mục Viện⁴³⁸. Hấn nuôi mấy trăm đứa vô lại. Hễ muốn hãm hại ai, bèn sai bọn chúng cùng nhau tố cáo ở mấy nơi. Lời tố cáo đều giống hệt như nhau. Kẻ bị hại đã bị hạ ngục, hấn bèn dùng cực hình uy hiếp, không ai chẳng tự buộc tội, nhận tội. Hễ hấn thẩm vấn tù nhân ắt sẽ truy vấn ráo riết đến cùng, khiến cho mấy trăm người bị liên lụy! Về sau, do hấn ăn hối lộ nên bị bắt đưa ra xử. Hấn chẳng nhận tội, nha lại nói: “Mang cái lồng sắt của ông đến đây”. Nguyên Lễ bèn nhận tội, chết trong ngục.

Cùng một thời, lại có gã Chu Hưng, tánh tình tàn khốc, cùng phe đảng với bọn Tác Nguyên Lễ. Có người tố cáo Chu Hưng mưu toan phản nghịch, Thái hậu tức giận, sai Lai Tuấn Thần tra xét. Khi ấy, Tuấn Thần cùng Chu Hưng thẩm phán, Tuấn Thần bảo Chu Hưng: “Tù nhân phần lớn chẳng nhận tội, phải làm thế nào đây?” Chu Hưng nói: “Dễ mà! Lấy một cái chum to, dùng than lửa nung nóng bốn phía, bỏ tù

437 Thối sứ (推使): Theo quy chế đời Đường, dưới các chức vụ Tiết độ sứ và Quan sát sứ, sẽ có chức Thối quan (hoặc gọi là Thối sứ), chịu trách nhiệm thẩm vấn, phán án, chương quản nhà tù.

438 Lạc Châu nay là thành phố Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam. Tại mỗi châu có các quan đứng đầu, quan đứng đầu được gọi chung là châu mục. Cơ cấu quan lại ở mỗi địa phương bao gồm ba cơ quan: Đứng đầu Đài viện là quan Thị ngự sử, đứng đầu Điện viện là quan Thị trung ngự sử, và đứng đầu Sát viện là Giám sát ngự sử. Sát viện trông coi về tư pháp.

nhân vào trong đó, chuyện gì mà nó chẳng thừa nhận!” Tuấn Thần sai đốt than nung chum to, đúng như cách Chu Hưng đã nói, bảo Chu Hưng: “Tôi tuân theo mệnh lệnh của triều đình thăm vấn anh, mời anh bước vào cái chum này!” Chu Hưng kinh hoàng nhận tội, bị đày đi Lãnh Nam, bị cừu gia tranh nhau giết chết.

Thời Tống Huy Tông, Tống Thăng vào thời đầu niên hiệu Chánh Hòa, giữ chức Chuyển vận sứ⁴³⁹ tại Kinh Tây, chuyên phụ trách tu sửa các công trình thuộc phía Tây hoàng cung. Hấn đã từng báo cấp dưới: “Hãy nhanh chóng hoàn thành công việc này, sẽ ngay lập tức được thưởng”. Hấn thường dùng xương trâu bò đốt thành tro hòa với tro để làm vữa trát tường. Xương trâu bò chẳng đủ, bèn cho đào xương người từ các nghĩa địa thí⁴⁴⁰ đốt thành tro để thay thế. Khi ấy, quan Vận phán (Chuyển vận phán quan) là Tôn Huống can ngăn nhưng Tống Thăng không nghe. Tôn Huống bèn viện cớ bệnh tật xin từ chức. Tống Thăng do có công hoàn thành nhanh chóng công trình ấy, được thăng làm học

439 Chuyển vận sứ là chức quan giám sát việc vận chuyển lương thực, hàng hóa. Kinh Tây là các địa phương ở phía Tây kinh đô Lạc Dương. Về sau, lại lập Chư đạo chuyển vận sứ để trông coi việc vận chuyển lương thực, hàng hóa ở các tỉnh. Đến đời Đường Đại Tông, lại lập ra chức Diêm thiết sứ để chuyên trông coi, đánh thuế việc chuyển vận muối và sắt.

440 Nguyên văn là “lậu trạch” tức “lậu trạch viên” (漏澤園). Thời cổ, những nghĩa địa do chính quyền lập ra để chôn cất những thi hài vô chủ hoặc thi thể của những kẻ quá nghèo khổ đến nỗi người nhà không có tiền bạc để chôn cất. Những nơi ấy đều được gọi chung là “lậu trạch viên”.

sĩ, được vua sắc phong làm Điện Trung Giám. Hấn bỗng bị bệnh ngặt nghèo, tự nói: “Tôi ác đốt xương sẽ bị diệt môn”. Hấn hộc máu mà chết, không lâu sau cả nhà hấn chết sạch. Về sau, Tôn Huống bị bệnh chết đi, tới cõi âm, thấy Tống Thăng ở trên giường sắt, cột đồng, máu đầm đìa khắp thân. Lại tới một ngôi điện, quan cõi âm bảo: “Ông khuyên mà hấn chẳng nghe bèn bỏ quan quay về, đúng là người có lòng, sẽ được tăng thọ mười hai năm”. Do vậy được sống lại, kể với người khác chuyện ấy.

Ôi! Trong thiên hạ, điều thê thảm nhất không gì bằng cả họ tuyệt diệt! Tống Thăng do ý niệm tham cầu được thưởng bèn mắc nỗi khổ ấy! Cổ nhân nói: “Ác do tham dấy lên, tham là cội gốc của ác. Cách để trị ác cốt yếu là trừ tham”, đúng lắm thay! Còn như những kẻ khác cứ nghĩ làm ác là tài năng chẳng thể nêu trợn. Hơn nữa, nỡ lòng nào chép trợn, mọi người hãy từ những chuyện này mà phản tỉnh!

Trung Giới Kinh⁴⁴¹ chép: “Nếu kẻ nào làm một điều ác thì ý sẽ chẳng an định. Làm mười điều ác thì khí lực hư nhược. Làm hai mươi điều ác, sẽ trắc trở, suy bại, hao tán. Hễ xử sự trái lẽ, làm năm mươi điều ác, sẽ trợn chẳng có người phối ngẫu. Cho đến trăm điều ác sẽ bị tai họa nước lửa, bị dính dáng vào những tai họa

441 Bộ kinh này có tên là Xích Tùng Tử Trung Giới Kinh, thuộc phần Động Chân Bộ, đánh số 78 trong Đạo tạng (Đại tạng kinh của Đạo giáo).

ngang trái, kỳ quái, bị hành hình chết thảm. Làm năm trăm điều ác, con cháu tuyệt tự. Làm một ngàn điều ác sẽ sanh ra đứa phản thần nghịch tử, khiến cả họ bị diệt tộc. Con cháu đời đời thay đổi hình thể, sanh làm loài cầm thú”. Phàm kẻ chất chứa điều ác ngập tràn, sẽ họa hại đến đời sau, chính mình đọa vào địa ngục. Đấy vẫn là còn nhẹ lắm! Đối với lời giáo huấn này, mọi người hãy thời thời khắc khắc nghĩ nhớ thì sẽ tự chẳng làm ác”.

Nhẫn tác tàn hại.

忍作殘害。

Nhẫn tâm làm chuyện tàn ác, độc hại.

Câu này chuyên nói về sanh mạng của muôn vật. Đại đức là sanh, thế mà nhẫn tâm làm chuyện tàn hại. Tàn nhẫn gây tổn thương, ác độc làm hại chính là sự ác to lớn tội bậc, xuất phát từ lòng tàn nhẫn, mặc tình buông thả chẳng có mảy may tâm trắc ẩn, thương xót. Các điều thiện vốn xuất phát từ lòng nhân từ, các điều ác vốn do lòng tàn nhẫn. Trừ bỏ lòng tàn nhẫn mà thuận theo lòng từ, công phu để thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành tiên ở ngay nơi đó.

Tham sống sợ chết, yêu thương người thân, quyền luyến chốn cũ, biết đau đớn, cảm thấy khổ sở thì loài vật giống hệt như con người. Nhưng con người có trí còn loài vật vô trí. Người có thể nói còn loài vật chẳng

nói được. Con người có sức mạnh còn loài vật sức yếu. Người hiện thời nấu một bữa ăn không chỉ giết một con vật. Nếu dùng bồ câu, chim ngói, chim cú, chim sẻ, phải giết mười mấy mạng để được một nồi canh. Nếu dùng trai, sò, tôm, hến để nấu một nồi canh ắt giết hơn trăm mạng! Lại có kẻ do thích vị ngon, cầu thỏa ý, bèn tìm tòi những món ngon vật lạ từ chốn xa xôi, hoặc chuẩn bị các loài vật để chờ nấu nướng, hoặc đem cua còn sống nhả ngâm vào hèm rượu để làm cua muối, nuôi cá để làm chả, chất than nướng sống, chọc tiết uống máu tươi, mổ bụng con vật lấy bào thai, lột da, bóc mai, trăm kiểu đun nấu, ngàn cách chế biến. Ăn no kênh bụng bèn vênh váo đắc ý; hơi chậm trễ bèn cáu kỉnh, chửi bới kẻ nấu nướng. Suy nghĩ sâu xa, thống thiết sẽ cảm thấy rất kinh sợ. Kinh dạy: *“Nhất thiết úy đao trượng, vô bất ái thọ mạng”* (Hết thủy đều sợ đao trượng, không loài nào chẳng yêu quý thọ mạng). Vì thế, Vương Khắc giết dê, dê vùng chạy đến chỗ khách sụp lạy cầu cứu⁴⁴². Trâu Sanh xẻ thịt con nai, khi sắp bị giết, nai quỳ sụp, khóc thất thanh⁴⁴³. Con chim

442 Đây là một câu chuyện trích từ sách Nhan Thị Gia Huấn, phần Quy Tâm. Theo đó, Vương Khắc làm Quận Thủ (quan đứng đầu) Vĩnh Quận. Có lần đãi tiệc mời khách đến nhà. Dê vừa được cỡi trối bèn chạy tới quỳ trước một vị khách, lại khấu đầu hai lần. Sau đó núp dưới vạt áo của vị khách ấy. Vị khách hoàn toàn chẳng nói gì, cũng chẳng xin Quận Thủ tha cho con dê. Một lát sau, con dê ấy bị lôi ra giết, nấu thành món canh đãi khách. Vị khách nếm món canh ấy, vừa nuốt xuống bỗng cảm thấy toàn thân đau đớn không chịu nổi, thét lên be be như tiếng dê rồi ngã lăn ra chết tươi!

443 Chuyện này được chép trong quyển sáu mươi tư của bộ Pháp Uyển

kinh hãi sa mình xuống bàn, cầu vua nước Ngụy cứu mạng. Con thú cùng đường chạy tuôn vào lều mong họ Khu cứu sống. Lại như quan Nội hàn họ Trầm làm Thông phán⁴⁴⁴ ở Giang Ninh, giết dê trong bếp, nhiều lượt bị mất đao. Rình xem, thấy dê ngậm đao giấu dưới chân tường. Dương Kiệt lúc làm Đề hình⁴⁴⁵ đến chơi núi A-dục Vương. Ngủ trưa nằm mộng thấy hơn trăm người đàn bà dường như có điều muốn bẩm báo. Ông bèn ngấm xuống bếp dã chiến⁴⁴⁶ tìm xem, mới biết những con sò cầu xin được sống. Hễ có sanh mạng bèn yêu luyến, có tình chấp như thế đó. Huống hồ khi chúng bị bắt chẳng có chỗ nào trốn khỏi cái chết, đoái nhìn đồng loại lưu luyến mà chẳng làm cách nào khác được. Kêu ai oán khi bị hành hình, ôm nỗi bi thương

Châu Lâm. Trâu Văn Lập làm nghề đồ tể, kiêm đầu bếp. Ông ta vốn tính giết con nai, con nai ấy quý gối khóc rờn. Tuy nghĩ là điềm chẳng lành, Trâu Văn Lập vẫn giết chết nó, xẻ thịt rồi mới biết con nai ấy đang mang thai. Sau đấy, Trâu Văn Lập rụng sạch râu lẫn lông mày, toàn thân ghẻ lở trị mãi không lành. Ông ta hổ thẹn, hối trách sâu xa, bèn cầu thiền sư Đạo Độ chứng minh để ông ta phát lộ sám hối. Lại còn bỏ hết tài sản để mua đất, dựng một ngôi chùa thờ Phật, tức chùa Tiểu Trang Nghiêm tại làng Định Âm ở Nam Kinh. Chuyện xảy ra vào năm Thiên Giám thứ sáu đời Lương.

444 Ông này tên là Trầm Cấu, xuất thân từ chức quan Hàn lâm nên gọi là Trầm Nội Hàn. Thông phán (通判) là chức quan được đặt từ đời Hán, làm phó cho quan tri châu hoặc tri phủ. Tuy danh nghĩa là phụ tá cho tri phủ, tri châu, nhưng thật ra là để chia bớt quyền hành và giám sát quan phủ. Vì thế, còn gọi là Giám châu (監州). Giang Ninh chính là tên gọi khác của Nam Kinh vào đời Tống.

445 Đề hình (提刑) là một chức quan đời Tống, chuồng quản nhà giam và phụ trách vấn đề tư pháp. Lại còn kiêm nhiệm quản trị nông nghiệp trong một phủ.

446 Nguyên văn là hành trù (行廚), tức là bếp tạm thời để nấu nướng trong khi du ngoạn.

mà chết. Đã bị cắt xẻ lại vào chảo, vạc, đủ mọi nỗi đau khổ thấu tận xương tủy. Tình trạng trong lúc ấy khác nào con người? Người hiện thời ngẫu nhiên bị tổn thương bởi nước sôi, lửa đao, kim đâm, ắt gào thét cầu cứu. Đầu váng, mắt nhúc trong chốc lát đã vội gọi bác sĩ, mua thuốc, yêu tiếc bản thân dường ấy, sao lại riêng đối với loài vật bèn chẳng sanh lòng thương xót, mặc tình tàn hại, kết oán, tạo nghiệp. Than ôi! Trong các điều ác chỉ có chuyện này là thê thảm nhất, Phật, tiên khuyên răn, đạo trời tuần hoàn. Hãy nên gấp đặt mình trong hoàn cảnh ấy thì sẽ ngay lập tức mạnh mẽ tỉnh ngộ. Do vì các hạng mục những loài vật chó nên giết sẽ được nói đầy đủ trong phần sau, cúi xin những bậc quân tử có lòng nhân hãy hành theo đó!

Ngày ta được sanh ra chính là ngày mẹ mắc nạn. Cha mẹ còn sống, cố nhiên là giữ tâm trong sạch, dóc trợn lòng kính. Cha mẹ đã khuất càn nên ăn chay, đau xót. Há nên vì thỏa thích bụng miệng mà giết chóc các loài ư? Do vậy, ngày sinh nhật chó nên sát sanh!

Người đời hễ không có con bèn đau buồn, có con bèn vui sướng. Nay để mừng sanh con bèn khiến cho con kẻ khác phải chết. Hơn nữa, trẻ thơ mới sanh ra chẳng cầu cho nó trường thọ, lại ngược ngạo tạo nghiệp ư? Vì thế, sanh con chó nên sát sanh!

Tang ma thì lấy đau buồn làm điều chánh yếu.

Giết chóc là tội đứng đầu, bày cỗ bàn thịnh soạn trước linh vị người đã khuất chỉ để cho người sống no say. Xếp cỗ cúng xa xỉ trước quan tài lại càng tăng thêm oán nghiệp. Vì thế, tang sự chẳng thể sát sanh!

Cúng tế vào dịp xuân thu, hoặc ngày giỗ cúng quải tổ tiên, vốn là con cháu dốc cạn lòng thành, chỉ nên phóng sanh hồng tiêu tội trước của tổ tiên, há nên giết hại để tạo thêm nổi ương họa mới nữa ư? Vì thế, giỗ chạp chẳng thể sát sanh!

Người bị bệnh tật liền sát sanh cúng thần cầu phước, chẳng biết chính mình muốn cầu được sống, lại ngược ngạo giết mạng kẻ khác để mạng ta được sống! Nếu thần có linh, há đến hưởng cỗ cúng hay sao? Vì thế, cầu đảo chẳng thể sát sanh!

Bình đẳng là Phật, chánh trực là thần, trọn chẳng có chuyện do được hối lộ mà giáng phước. Người thời nay hễ cầu khẩn bèn hứa nguyện giết chóc, đó gọi là ác nguyện. Dẫu được thỏa lòng sẽ mắc phải quả báo hung hiểm về sau! Vì thế, hứa nguyện chớ nên sát sanh!

Vợ chồng kết hôn nhằm nối tiếp dòng dõi muôn đời, là cội nguồn của đời đời. Dòng họ nương nhờ vào đấy, nay bèn dốc lòng giết chóc, gieo cái nhân ác khiến cừu nhân truy tìm báo cừu. Đấy chính là tụ tập cơ duyên giết chóc trong chốn khuê môn. Vì thế, kết hôn chẳng thể sát sanh!

Chủ khách chén anh chén chú, chẳng nghe tiếng gào ai oán trên thớt. Tiệc tùng cười nói vang nhà, nào có thấy nổi khổ sở trong nồi? Vì thế, đối với ý nghĩa “dùng hai cái chén⁴⁴⁷ đựng ngũ cốc, rau dưa để cúng bái” hãy nên phỏng theo. Do vậy, đãi đằng khách khứa, chớ nên sát sanh!

Trời cao chẳng sanh kẻ nào không có lộc. Nếu có một tài, một nghề, đều có thể có của ăn của để, sao lại khổ sở vung đao, thọc đao vậy? Đã thế, càng giết, càng nghèo túng. Vì thế, chớ nên kiếm sống bằng cách sát sanh!

Cắt xẻ cầm thú để béo thân mình, làm sao phân định giữa người linh thông và phường xuẩn ngốc? Nấu máu thịt để lèn đây ruột gan, điên đảo quá mức! Huống hồ mỡ béo dễ hết, oán nghiệp vẫn còn ư? Do vậy, để phụng dưỡng chớ nên sát sanh!

Giết một mạng để một mạng được sống, kẻ có lòng nhân chẳng làm. Huống hồ đối với chuyện định

447 Nguyên văn là quỳ (簋), là một dụng cụ hình tròn, có chân bằng tròn, có hai quai, giống như hình thức lư hương để tròn hiện thời. Đôi khi quỳ có quai hình mặt thú ở hai bên, thường làm bằng đồng xanh dày nặng. Thông thường, quỳ có thêm hai chân phụ ngoài để tròn chính giữa, có nắp đậy. “Quỳ” chuyên dùng để đựng đồ cúng. Quỳ thường phối hợp với đỉnh là loại đồ đựng cao, có chân nhọn, không có đế tròn. Theo cổ lễ, số lượng quỳ và đỉnh trong một buổi cúng tế bị hạn chế nghiêm ngặt. Chỉ có thiên tử mới được dùng chín đỉnh tám quỳ trong cỗ bàn cúng tế tổ tiên. Dân chúng chỉ được dùng tối đa là ba đỉnh hai quỳ! Về sau, quỳ chỉ được hiểu thông dụng là tô chén để đựng đồ cúng mà thôi.

đoạt sanh tử, chưa chắc đã có thể sống ư? Hại loài vật để chữa bệnh chỉ là tăng thêm oán gia sau khi đã chết. Vì thế, dùng thuốc chẳng thể sát sanh!

Người bệnh cầu được an lành, cũng giống như loài vật ghét bị giết chóc. Người thời nay nói: “Sanh mạng loài vật khó thể kéo dài, theo đúng lẽ đáng nên bị mổ xẻ, nấu nướng”, cũng giống như nói: “Kẻ bị bệnh tàn phế thầy đều đáng đem giết sạch” đó ư? Vì thế, dưỡng bệnh chẳng thể sát sanh!

Đạo sĩ sau khi hoàn tất pháp hội cầu phước tiêu tai, dùng lễ vật hậu hĩnh để cảm tạ thần tướng. Lớn thì dê, lợn, nhỏ thì tam sanh⁴⁴⁸. Thần thánh há khăng khăng thỏa thích bụng miệng mà giáng tai họa cho kẻ tu tập, tích lũy công đức ư? Vì thế, lễ tạ thần tướng chớ nên sát sanh!

Gần đây, thế tục vào đêm giao thừa, lớn thì mổ dê nấu lợn. Kém hơn thì dùng gà, cá, đầu lợn. Nào có biết lúc tháng Chạp hết, đầu xuân chính là khi trăm thần, tổ tiên cùng giáng lâm soi xét cõi phàm? Vì thế, đêm giao thừa chẳng thể sát sanh!

Khi công danh thăng tấn⁴⁴⁹ chính là lúc lòng nhân ái phải nên tràn trề, sao lại nhẫn tâm khiến cho loài vật

448 Tam sanh (三牲) là lợn, cá, gà.

449 Nguyên văn “công danh phát nhĩn” (功名發軔). Vào thời cổ, khi đỗ đạt, hoặc được bổ làm quan, hoặc được thăng chức thì gọi là “công danh phát nhĩn”.

bị chết yếu, khiến cho chúng nảy sinh nỗi đau u uẩn? Tàn bạo giết chết, tổn thương sinh vật, kiêu căng xa xỉ, khiến cho phẩm đức của chính mình suy bại? Vì thế, gặp dịp vinh hiển chớ nên sát sanh!

Biếu quà vốn là lễ nghi tốt lành. Do thức ăn tươi béo mà dấy động ý niệm giết chóc. Chính mình đã vì mọi người mà giết chóc, chỉ riêng ta lãnh chịu oan khiên. Đối với người nhận quà, bất quá là thỏa thuê một bữa, nhưng họ chẳng cảm nhận ân đức [biếu xén món ngon vật lạ của ta]. Vì thế, để biếu tặng quà chớ nên sát sanh!

Bày tiệc tiễn biệt, há lẽ nào vô tình? Canh chay cũng có thể giải bày trọn hết tấm lòng. Có gì cứ phải xa xỉ thừa mứa một phen, để rớt cuộc chất chứa cả đồng tiếng kêu gào oán hờn ư? Do vậy, tiễn biệt chớ nên sát sanh!

Kẻ nuôi cá vàng, tính ra ắt phải dùng trứng loài trùng nhỏ, tép riu số đến cả vạn. Kẻ nuôi hạc trắng, phải dùng trăm ngàn con cá nhỏ. Người phú quý do sướng mắt vui tai [mà nuôi nấng những thú chim quý, cá kiểng], đã tạo thành sát nghiệp. Vì thế, chớ nên sát sanh để nuôi động vật làm kiểng!

Những điều vừa nói trên đây đều là nói đại lược, khái quát. Người đọc hãy nên từ đây mà suy rộng ra, ắt trong tất lòng sẽ có tâm lượng như trời che đất chở vậy.

Ông Hoàng Lão Trục có bài tụng rằng: “Ta ăn thịt chúng sanh. Danh khác, thể chẳng khác! Vốn cùng một chúng tánh, chỉ là khác hình hài. Khổ não chúng đành chịu, ngon béo ta hưởng riêng. Đừng để Diêm vương xử, hãy tự nghĩ xem sao?”

Hãy thử nghĩ những con vật hôm qua còn bơi lội, nhảy nhót, bay lượn, hôm nay đã đi về đâu? Đường như còn thấy chúng nó đang còn sống sờ sờ, bay lượn kêu hót, ăn uống. Nay đã hóa thân trong nồi! Lời này thật đáng khiến cho người nghe sanh lòng xót xa vậy!

Hứa Chân Quân thuở bé thích săn bắn. Gặp một con nai con bèn bắn chết. Bên cạnh nó có một con nai to (nai mẹ) cứ liếm mãi một hồi lâu mà nai con chẳng sống lại. Nó bèn lẩn quẩn bi thương rồi chết. Chân Quân mổ thịt, thấy ruột nó đứt từng khúc, bèn ném cung than thở: “Buồn thay! Lòng yêu thương vốn sẵn tánh trời, loài vật mà cũng yêu thương con cái tốt bậc như thế đó”. Bèn bỏ đi học đạo, giúp người lợi vật, chúng quả tiên.

Đời Đường, Trương Dịch Chi⁴⁵⁰ làm lồng sắt để

450 Trương Dịch Chi là người đời Đường, rất đẹp trai, giỏi ca hát, tinh thông âm nhạc. Hắn cùng với em trai là Trương Xương Chi là nam sủng của Vũ Tắc Thiên. Do khéo chiêu chuộng Vũ Hậu, hắn được phong làm Khống hạc giám (người cai quản viện chim hạc), tước Hoàn Quốc Công. Hắn từng hống hách cậy thế, lạm dụng xa giá của Vũ Hậu, bị Dịch Nhân Kiệt chặn lại, đánh cho một trận nên thân. Trương Dịch Chi về khóc lóc tố cáo với Vũ Hậu, xin bà trừng trị Dịch Nhân Kiệt. Vũ Hậu nạt: “Ta còn phải nể lão ấy mấy phần, sao

nhốt ngỗng vịt trong ấy, ở chính giữa nhóm lửa than nung đốt, bên cạnh lồng đặt đồ đựng chứa nước ngũ vị. Ngỗng vịt chạy quanh lửa, do khát bèn uống nước. Nước rồi cũng hết mà lửa cứ tăng thêm, ngỗng, vịt rụng lông, nát thịt, hấn bèn lấy thịt chúng để ăn. Về sau hấn bị Trương Giản Chi giết chết.

Gã lái buôn xứ Thiểm Tây là Nhậm Thiên Nhất háms lợi, tàn nhẫn. Mỗi năm hấn tới vùng Thanh Khẩu thuộc Hải Châu để mổ giết, làm thịt lợn muối. Sau đó, chở thịt lợn về vùng thủy khẩu Cao Bru, Lục An để bán. Ban đêm bị gió to lật thuyền, lợn bị dân chài cướp sạch. Họ Nhậm ở trên bờ kêu khổ, bỗng cột buồm chính của chiếc thuyền lật đổ nhào vào thân, ép hấn thành bánh thịt. Trong mạng có tiền tài thì ở chỗ nào cũng có, có gì cứ làm chuyện sát sanh hại mạng ấy? Kẻ bị báo ứng như gã lái buôn họ Nhậm rất nhiều, mọi người hãy nên tự phản tỉnh. Giả sử vì chẳng thể mưu sanh, bèn ngược ngạo đi theo con đường sai trái, đến nỗi làm những chuyện như làm giặc phóng hỏa cướp của, hoặc làm thủy tặc v.v... chưa chắc sẽ không bị cõi trời dùng cái chết để trả báo cái tội giết chóc vậy.

ngươi lại dám chọc đến lão?" Trương Giản Chi là một vị quan hiền lương, giữ chức Giám sát ngự sử thời Vũ Tắc Thiên, được phong làm Đồng bình chương sự (tương đương chức Tể tướng). Niên hiệu Thần Long nguyên niên, do Vũ Hậu bị bệnh, ông cùng với nhóm Hoàn Ngạn Phạm thừa cơ đảo chánh, tái lập nhà Đường, đưa Đường Trung Tông lên ngôi, đồng thời giết sạch những gã sủng thần của Vũ Hậu.

Đời Tống, Chu Phái thích nuôi bồ câu. Do chim bị mèo ăn thịt, Chu Phái bèn bắt mèo, chặt đứt cả bốn chân nó, mèo kêu gào vài ngày rồi chết. Về sau, Chu Phái sanh con tay chân đều chẳng có.

Lại nữa, Chu Ngang thích ngủ trưa. Trên kèo nhà có tổ chim yến, ba con chim non kêu rít rít chờ mớm mồi. Chu Ngang tức giận, cho chúng ăn quả tật lê⁴⁵¹, chim đều bị nứt bụng mà chết. Về sau, ba đứa con trai của hắn đều câm.

Lại nữa, Trương Lâm tức tối vì ếch kêu, bèn đổ tro nóng giết chết nó. Về sau, hắn bỗng bị bỏng vì nước sôi, nứt nẻ mà chết. Gộp lại những chuyện trên đây để xem, sẽ biết con người có nên nhẫn tâm tàn hại loài vật hay chẳng? Đã trót làm, có thể tránh khỏi tội báo hay chẳng?

Đời Đường, Lữ Tổ nói: “Ngươi nếu muốn sống lâu hãy nghe lời ta. Đối với mọi chuyện hãy tỉnh táo, giữ sao cho chính mình có lòng khoan dung. Ngươi muốn sống lâu phải phóng sanh, đấy là đạo lý tuần hoàn thật sự. Nếu kẻ khác chết, ngươi cứu họ, nếu khi ngươi chết ắt trời sẽ cứu ngươi. Sống lâu và cầu sanh con chẳng khác gì nhau. Kiêng giết, phóng sanh mà thôi!”

451 Tật lê (蒺藜) là một loại cây dại, thường gọi là Bindii, Tackweed, Puncturevine, hay Devil's eyelashes. Nó thường mọc ở chỗ hoang dã, cần cỗi, mọc thành bụi, có hoa vàng, thân có nhiều lông. Khi quả đã chín, thường nở bung thành năm hạt có gai nhọn. Gai đủ cứng để đâm thủng vỏ xe đạp.

Trong chương Giác Xúc⁴⁵² của Kỳ Hê Độ có đoạn viết: “Nhỏ một sợi lông kinh động tứ đại, đốt ngải cứu đau khổ toàn thân. Chính là vì mỗi thể đều là cái thể vốn trọn đủ các thể⁴⁵³, chúng sanh sanh ngay trong tâm ta⁴⁵⁴. Đã có mối liên quan huyết khí, há lẽ nào chuyện bi thảm phát sanh nơi kẻ khác, lại chẳng hề liên quan đến ta ư? Thế mà lại dùng sự ngon béo từ thân thể loài khác để thỏa thích bụng miệng ta. Hãy thử nghĩ ngày hôm qua chúng nó bơi lội, nhảy nhót, bay lượn, nay đã về đâu? Dường như còn thấy chúng đang sống sờ sờ bay lượn, kêu hót, ăn uống, thế mà đã hóa thành thứ chứa trong nồi! Do vậy, bát trân⁴⁵⁵ bày la liệt trước mặt toàn là kêu gào oán nghiệp. Năm cái đỉnh⁴⁵⁶ bày thành hàng đều là du hồn lẫn quỷ! Tâm tự nhiên xót xa, há

452 Kỳ Hê Độ viết một tác phẩm gồm năm phần là Giác Xúc, Giác Tập, Giác Uế, Giác Nhân và Giác Hủy, nhằm luận định “bốn giác vốn có, phiền não vốn không”.

453 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này phải hiểu cùng ý nghĩa như trong kinh Phật hay nói: “Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp thân”.

454 Nguyên văn “chúng sanh tức ngô sanh chi sanh”, ông Hoàng Bách Lâm nói, câu này phải hiểu là chúng sanh và chúng ta là một bộ phận trong một sanh mạng toàn thể. Cái sanh mạng toàn thể ấy chính là Pháp thân. Do vậy, “ngô sanh” (sanh mạng của ta) chính là chân tâm của ta.

455 Bát trân (八珍) là tám món ăn quý theo quan niệm xưa, gồm gan rồng, tùy phụng, thai báo, đuôi cá chép, thịt chim cú nướng, môi tinh tinh, bàn tay gấu và ve non nướng pho-mát.

456 Khi xưa, đồ cúng thường đựng trong đỉnh (鼎) tức là một thứ đồ đồng có ba chân cao, giống như đỉnh đốt nhang hiện thời. Đỉnh có chân để có thể đốt lửa ở dưới, giữ cho nóng lâu. Thông thường tiệc tùng hay cỗ bàn của hàng quyền quý (từ quan đại phu trở lên) có năm món thịt khác nhau (dê, lợn, thịt thái lát, cá, thịt thú nướng hoặc quay) nên phải dùng năm cái đỉnh để chứa.

còn nuốt nổi ư? Hoặc là chùn tay lại, chẳng thể dám dính dáng đến chuyện sát hại nữa. Luôn luôn cảnh tỉnh, niệm nào cũng đầy khởi, vâng giữ sự tỉnh giác sẽ là đồng thể đại bi, chẳng thấy có tướng chúng sanh khác biệt với ta, sẽ có thể vận dụng lòng nhân cứu giúp trọn khắp. Khắp toàn thân sẽ là tấm thân tỉnh giác”.

Trong phần Giác Tập, ông viết: “Cách nói “gà, lợn, hẹ, mận, hễ gặp bèn ăn” dường như vĩnh viễn là lời lẽ giúp chúng ta bào chữa cho chuyện “dùng cái chết của loài vật để nuôi sống con người, dùng loài vật để cung cấp thực phẩm cho con người”. Nếu coi đó là lẽ đương nhiên, há có biết kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, loài vật còn ghét chuyện tàn hại, thương tổn! Những loài sanh vật được bẩm thọ khí thiên địa đã có giác tánh, há đành lòng dâng thân cho ta cắn xé ư? Đặc biệt lớn tiếng hô hào nhằm cảnh tỉnh mọi người, chúng ta từ lúc còn ẵm ngửa đã bén mùi vị ngon béo. Tiên thiên chưa đọa⁴⁵⁷, bào thai đã quen vị tanh tươi. Loài có vảy trong ao, loài le nhạn trong vườn, hằng ngày thành món ăn trong bếp. Lợn trong cũi, dê trong chuồng, tùy thời biến thành món ăn để chan, gắp. Do luân tập như vậy, khiến cho ta vạn kiếp ngàn lượt luân hồi. Vì thế, thói phàm ăn tháng ngày càng thịnh! Hãy thử ăn những thứ chưa bao giờ nếm tới, khi nhắc đũa sẽ tự cảm thấy do dự. Nếu gặp những món ngon quý

457 Tiên thiên chưa đọa: Còn nằm trong thai, chưa được sanh ra.

chẳng phải là thứ thường ăn hằng ngày, bỏ vào miệng cũng lắm nổi nghi ngờ, sợ sệt. Vì thế, xứ Ngô Việt coi thịt ếch là ngon lành, người đất Tề trông thấy sẽ rón da gà! Người xứ U Yên⁴⁵⁸ khoái ăn bò cạp, dân Việt trông thấy điếng hồn! Đấy há có phải là do sở thích ăn uống khác nhau, mà là do tập quán lâu ngày thành ra sai khác. Thật sự nghĩ ta cùng muôn loài có cùng một tánh, sẽ chẳng nỡ lòng tổn thương thể tánh của loài khác, há có thể lấy thân thể có sanh mạng của loài khác để nuôi dưỡng sanh mạng của chính ta? Hễ tháo gỡ được mắc mứu cũ, sáu căn sẽ liền thanh tịnh. Lưới đục tầng tầng, chẳng vung kiếm kim cương mà lưới tự rách. Nếu cái tâm có đủ mọi ý niệm giết chóc sẽ chẳng được sanh vào cõi trường sanh! Xin hãy nghe lời luận định về thói quen sẽ tự vỡ lẽ!”

Phần Giác Uế viết: “Rất thích ăn mắt rắn, khác nào thức ăn ngon lạ chất đầy trong đồ đựng. Chuột thói rửa quăng cho chim cú, khác nào bày la liệt ba món thịt tươi! Ấy là vì sở thích ăn uống là do nghiệp tạo ra. Vì thế, nghiệp nặng nề thì tâm sẽ chìm đắm trong thói ham ăn uống, mùi vị ưa thích há sanh khởi từ tánh? Tánh tình ngang ngược sẽ rất ưa chuộng vị thối. Hãy thử nhìn loài ung, loài cáo xé mỗi sẽ dùng tay áo che

458 Ngô Việt là vùng Giang Tây, Chiết Giang hiện thời. Nơi này là lãnh thổ của nước Ngô và Việt thời Chiến Quốc. Xứ Tề là vùng Sơn Đông. U Yên là vùng Hà Bắc, Liêu Ninh.

mắt, chẳng nở ngó. Ruồi nặng bu theo mùi tanh, mắt thấy lòng muốn nôn mửa. Sao lại trong tiếng nhạc đập dìu, đua nhau bày la liệt trăm ngàn món hải sản; nơi phủ đầy gấm vóc, tìm cầu rộng khắp các thứ thịt rừng sai khác? [Chúng ta ngón ngấu những món sơn hào hải vị ngô là] thơm ngon ấy ví như bọ hung vò phân thành viên. Ăn no đầy những thứ đó khác nào lợn nuôi trong nhà ăn những thứ nước gạo rữa nát. Thậm chí cho đến khi đem tàn canh lụn, răng lợi còn giữ vị tanh hôi! Lại còn cho đến khi nhạc tàn, rượu cạn, khăn áo tanh tươi, bản thủ nhúc mũi. Thật sự nghĩ đến Pháp thân thanh tịnh, há chịu đựng nổi khí vị thế gian ngũ trược? Đối với những vật có huyết khí đều cảm thấy ô uế, ắt cái tâm tham ăn tục uống sẽ ngày càng giảm dần”.

Phần Giác Nhân viết: “Hữu tình do đã gieo cái nhân sẽ tạo thành cái quả. Lý ấy chẳng dối, giống như tiếng vọng nương theo âm thanh. Do vậy, cái duyên để thọ sanh và chuyển sanh há có sai chạy? Dầu củi đã cháy hết, lửa đã truyền, củi quy hết vào lửa. Kéo căng dây cung để mũi tên được bắn đi, mũi tên bay xa ắt phải do sức bật của dây cung. Hễ bố thí sẽ được báo ứng. Người bố thí cố nhiên hãy nên quên đi hành vi bố thí ấy. Cội rễ do chính mình vun trồng, người vun trồng ắt sẽ hưởng quả lành. Dầu được đèn đáp như Dương Bảo được tặng đôi vòng ngọc trắng⁴⁵⁹, người thông đạt

459 Dương Bảo tánh tình rất từ bi. Lúc chín tuổi, theo cha mẹ lên chơi núi

sẽ chẳng quan tâm. Đối với lò lửa, vạc sôi, người trí tuệ thường sanh lòng kính sợ. Thế mà có kẻ phóng túng đối với chuyện này chẳng chán, cứ giết chóc các loài sinh vật, nấu cá, nướng rùa, há có nghĩ tới tình cảnh đau khổ trong vạc dầu sôi sùng sục. Lóc thịt, quay dê chỉ vì đớp một miếng chả làm khéo đó thôi! Thậm chí vì săn bắn mà đuổi nhanh như gió, chạy như chớp, khiến cho nhiều loài chim thú yếu đuối phải kêu thét. Lật tung đầm bãi, vét cạn rừng rậm, khiến cho chim tan đàn kinh hãi bay đi, thú lìa bầy chết trong cô quạnh! Đối với hạng người ấy, chẳng có sinh vật nào không khoái khẩu, lưỡi nếm đủ thứ. Trước hết họ đã là cạp sói trong loài người, đến nỗi hễ thấy có con vật ắt đều săn bắt. Dầu trông mắt bị rơi xuống đất, vẫn miệt mài săn bắt. Hạng người như thế ấy tránh sao khỏi đọa làm chim ưng hoặc chó trong loài thú? Hãy nên chân thành suy nghĩ! Đối với muôn loài chim thú, chẳng loài nào không có tình cảm. Gởi thân trong vòng trời đất làm các loài khác nhau, hãy nên biết đều là do báo ứng. Nguyên từ hôm nay trở đi, vĩnh viễn đoạn trừ nỗi oán xưa kia, sẽ chẳng có nỗi

Hoa Âm, trông thấy một con sê vàng bị diều hâu đánh văng xuống đất, kiến bu đây, Dương Bảo xua kiến, nhặt lên ôm về nuôi dưỡng trên xà nhà. Chim lại bị rắn tấn công, Dương Bảo bèn nuôi trong rương cho ăn hoa vàng. Đến khi chim mọc đủ lông cánh mới thả đi. Một đêm, ông mộng thấy một đứa bé trai mặc áo vàng đến bái tạ, cho biết nó là sứ giả của Tây Vương Mẫu, do đến núi Bồng Lai đi qua đây bị mắc nạn, nhờ ông từ bi cứu sống. Nay do phải đến Nam Hải bèn đến từ biệt ông Dương, mỏ ngậm đôi vòng ngọc trắng biếu tặng ông Dương, chúc tụng: “Con cháu ông sẽ trắng sạch như vậy, đạt đến địa vị Tam công, đời này sang đời kia luôn như vậy”.

oán hận nào để phải đền trả, chẳng chuốc lấy cái quả lấm bệnh. Hễ thấy có người nào hay loài vật gặp nguy ất cứu, cái nhân trường thọ sẽ tự đưa đến. Nếu niệm nào cũng tỉnh giác, sẽ chẳng phải tốn mười năm điều phục con trâu trong tâm. Hiểu rõ ba đời rành rành, làm sao đọa làm thân chồn hoang trong năm trăm năm cho được? Đấy chính là vì chẳng gieo duyên lành mà mê mất bè báu. Nghe ta múa lưôi hãy nên tự quay đầu”.

Phần Giác Hủy viết: “Có đến thì sẽ có đi, muôn vật thay cũ đổi mới vô thường. Bất diệt bất sanh, lòng từ bi trong tâm tánh của ta tự tại. Vì thế, luôn mong thấy các sinh vật được sống, chẳng nỡ thấy chúng nó chết. Bậc thánh nhân từ đều ôm tấm lòng ấy. Đã tiếc nuối khi chúng bị hủy hoại, ất sẽ vui sướng vì chúng trưởng thành. Chúng sanh đều cùng có bản tánh. Ngay như đối với ngói gạch vô tình, bậc trí tuệ còn la thất thanh khi thấy chiếc vò bị rớt vỡ. Đối với những loài trùng bé bỏng có tri giác, bậc chí nhân há vui sướng tàn sát ư? Huống hồ do trứng mà nở ra chim, từ chim con đến khi nó mọc lông vũ đầy đủ đều phải do mớm mồi nhọc nhằn. Há có phải một tiếng kêu, một cái mổ sẽ hóa thành một con vật trưởng thành toàn vẹn từ hư vô ư? Do biến hóa dần dần mà thành con vật sống động, hoạt bát, há có phải là một sáng một chiều! Thế mà, đối với thân thể mười năm chăm bẵm ấy, chỉ vì để nấu nướng một bữa bèn trăm kế săn bắt, giăng bẫy chỉ hòng no say chốc

lát. Sao chẳng nghĩ sanh mạng hễ đoạn sẽ chẳng thể tiếp tục (sẽ chẳng thể sống lại được)? Lóc xẻo thân thể, mỗi miếng đều chứa đựng nỗi đau mà thác. Đã hủy hoại rồi há có thể phục hồi? Chi thể bị đun, bị nướng, mỗi con vật đều ôm nỗi khổ qua đời! Phàm ngũ cốc để nuôi dưỡng con người còn khó thể tiêu hóa một hạt, huống hồ là đối với sanh mạng của muôn vật, há nên dấy khởi mảy may ý niệm xằng bậy hủy hoại? Thật sự hãy nên nghĩ: Chúng nó chết đi, trải muôn kiếp chẳng thể sống lại. Ta ăn vào, trong khoảnh khắc đã chẳng còn chi nữa! Mong cầu sống mà chẳng được, há thấy bị chết mà đành lòng ư? Hãy vĩnh viễn làm chuyện từ bi, luôn rủ lòng cứu vớt, thương tiếc, ắt sẽ chẳng đợi đặt đôi giày lên đỉnh đầu mà đã cứu con mèo từ trước⁴⁶⁰. Cần gì phải đợi mở miệng mới giữ vẹn cả ngỗng lẫn vò⁴⁶¹. Đây là lý chân thật, há nên thốt lời hư giả! Hãy càng nên tuyên dương, mong sao ai nấy đều cùng dấy khởi ý niệm”.

460 Đây là một công án trong nhà Thiên. Đại chúng trong hội của ngài Nam Tuyên Phổ Nguyễn tranh nhau con mèo. Ngài Nam Tuyên ra câu hỏi, nếu không có ai trả lời được sẽ chém mèo. Khi ngài Triệu Châu trở về, đại chúng thúc giục ngài hãy trả lời câu hỏi của sư Nam Tuyên. Sư nhắc lại câu hỏi, Triệu Châu bèn cởi giày đội lên đầu, lui ra.

461 Theo ông Hoàng Bách Lâm, “vò” ở đây là tỷ dụ bụng của ta. Do sát sanh ăn thịt ngỗng nên bụng của ta như vò chứa thịt thối. Do không sát sanh, sanh mạng của ngỗng được bảo toàn, mà bụng ta cũng chẳng trở thành cái vò chứa đựng xác chết!

Âm tặc lương thiện, ám vũ quân thân.

陰賊良善。暗侮君親。

Lén hại người lương thiện, ngấm ngấm khinh rẻ vua và cha mẹ.

“Âm tặc” (陰賊) là âm mưu làm hại, như mũi tên bắn ngấm làm kẻ khác bị thương, khó đề phòng nhất. Hơn nữa người khác bị ta hại, ta chẳng mang tiếng ác. Hạng người ấy còn đáng sợ hơn các thứ lỵ mị võng lượng. Làm điều này đối với người khác đã là chớ nên, ngấm ngấm làm hại người lương thiện lại càng chẳng nên. Bởi lẽ, người lương thiện được dân chúng trọng vọng, ở trong một nước ắt được cả nước trọng vọng, ở trong một làng ắt được cả làng trọng vọng, há có nên âm thầm hãm hại người ấy hay không?

Đời Đường, Lý Lâm Phủ làm Tể tướng, âm hiểm chẳng lường, tàn hại người lương thiện. Chuyện ác của hắn chẳng thể kể xiết. Khi hắn sắp tiêu đời, thấy một con quỷ răng như lưỡi cưa, móng tay như móc câu, khắp thân đầy lông lá, mắt như ánh chớp, giơ tay đánh Lâm Phủ. Không lâu sau Lâm Phủ thất khiếu ứa máu mà chết. Hắn chết rồi, triều đình hạ lệnh lột sạch quan tước, bửa quan tài hành hình xác hắn. Con cháu bị lưu đày xuống vùng Lãnh Nam.

Vào đầu niên hiệu Thuận Hy⁴⁶² đời Tống, tại Hán

462 Thuận Hy là niên hiệu của Tống Hiếu Tông từ năm 1174 đến năm 1189.

Châu, có một người đàn bà bị sét đánh chết, trên xác có chữ viết bằng chu sa rằng: “*Lý Lâm Phủ làm bầy tôi bất trung, ngấm ngấm tàn hại kẻ lương thiện. Ba đời làm gái điếm, bảy đời làm trâu. Báo hết, vĩnh viễn đọa trong loài thúy tộc*”. Kẻ tiểu nhân hãm hại bậc quân tử, may mắn thành công, bèn nói “*đã nắm giữ sự sanh tử của họ*”. Chẳng biết họ bậc quân tử bị chết trong tay chúng nó (phường tiểu nhân) cũng là do oán đối khiến thành như vậy, chẳng phải là do chúng nó có thể làm như thế được! Nếu bậc quân tử chẳng có oán đối, mặc cho kẻ tiểu nhân giở trò như thế nào đi nữa, rốt cuộc chẳng thể hại chết người ấy! Kẻ ác hại người khác ví như ngựa mặt nhỏ lên trời, chẳng nhỏ vào trời nổi, mà ngược ngạo rơi xuống ngay chính mình. Chớ nên hủy hoại người hiền, ắt sẽ mang họa chính mình bị tàn diệt cũng giống như thế.

Nhưng hai chữ “*âm tặc*” chẳng bắt buộc cứ phải là kẻ làm quan! Bất cứ ai khác cũng đều có thể âm tặc, nhưng những kẻ trong nha môn là tệ nhất. Những thói như lạm dụng quyền thế để báo thù riêng, thừa dịp tra xét để quấy nhiễu, ngấm ngấm khuấy động sóng gió, nặc danh vu cáo... Há có biết đạo trời tuần hoàn, chưa hại được người mà đã hại chính mình trước. Hãy suy nghĩ đi!

“*Âm*” (暗) là chỗ người khác chẳng thấy, chẳng nghe, “*vũ*” (侮) là khinh rẻ. Câu này chuyên vì kẻ hiếu danh và trái nghịch tình lý mà nói ra. Ôn vua và ôn

cha mẹ như trời đất. Nếu đã ăn lộc của vua mà hành sự biếng nhác, do tham lợi mà làm theo lẽ riêng tư, hoặc gian xảo đua nịnh, mặc sức lừa dối, cái tâm chẳng thể cho vua biết tức là ngấm ngấm khinh rẻ vua. Phụng dưỡng cha mẹ chẳng chân thành, hành xử trong cõi đời không ra gì, hoặc màu mè che đậy sự ngỗ nghịch, cái tâm chẳng thể cho cha mẹ biết đấy chính là ngấm ngấm khinh rẻ cha mẹ vậy. Bất trung, bất hiếu, hại giáo, phản đạo, không gì tệ hơn nữa! Sống thì sẽ gặp trời giáng họa, chết bị tra khảo trong chốn Phong Đô⁴⁶³, ắt cũng chẳng thể dung thứ được!

Đời Tống, Doãn Hòa Tĩnh khi sắp vào cung giảng giải kinh điển, ắt tắm rửa, đoan nghiêm, chấp tay, hướng về bộ sách sẽ được giảng trong ngày hôm sau, mặc triều phục lễ lạy. Kẻ khác hỏi nguyên do, ông nói: “Ắt mong khiến cho những lời tôi nói ra sẽ khiến cho đức vua cảm ngộ, sao lại chẳng trọn hết lòng thành kính cho được?”

463 Phong Đô là cõi địa phủ theo Đạo giáo. Trong Phong Đô có Phong Đô Đại Đế cai quản, Thập Điện Diêm Vương dưới quyền ngài. Phong Đô Đại Đế phủ tá Đông Nhạc Đế Quân. Đông Nhạc Đế Quân chưởng quản tất cả chuyện trong cõi âm, Phong Đô Đại Đế chuyên trách địa phủ. Dưới quyền Đông Nhạc, ngoài Thập Điện Diêm Vương và Ngũ Phương Quý Đế (Đông Phương Quý Đế gồm hai vị Thần Trà và Thái Uất Lũy, Nam Phương Đổ Tử Nhân, Tây Phương Quý Đế gồm hai vị Triệu Văn Hòa và Vương Chân Nhân, Bắc Phương Quý Đế gồm hai vị Trương Hành và Dương Vân, Trung Ương Quý Đế gồm Chu Khất và Kê Khang. Như vậy là tuy nói Ngũ Đế, nhưng có đến mười một vị quý đế), còn có bảy mươi hai cõi âm ty.

Vua Tuyên Tông nhà Minh⁴⁶⁴ thích văn từ, thơ phú, hay bảo quần thần xướng họa. Gã học sĩ nọ tự phụ tài cao, mỗi lần vâng mạng vua làm xong bài thơ, liền nói: “Thơ hay như thế không chỉ là Hoàng đế chẳng làm được, mà có xem kiểu nào cũng không hiểu nổi!” Chẳng lâu sau, do làm thơ dùng chữ phạm vào cấm kỵ của triều đình, lời lẽ có phần châm chọc, chế nhạo, phạm tội bất kính, bị lột sạch chức tước.

Thời Tam Quốc, danh sĩ nước Ngô là Cố Đễ mỗi lần nhận thư cha đều quỳ đọc, đọc mỗi câu đều thưa vâng. Nếu cha bị bệnh liền đối trước thư khóc ròng, lời nói càng nghẹn ngào. Lại như Phạm Tuyên đòi Tấn, lúc lên tám ngã nhiên ngón tay bị thương bèn khóc ròng. Có người bảo: “Sao lại đau đớn đến mức ấy?” Phạm

464 Minh Tuyên Tông là miếu hiệu của Chu Chiêm Cơ, Hoàng đế thứ năm nhà Minh. Ông là con trai trưởng của Minh Nhân Tông (Hong Hy Hoàng đế, tên thật là Chu Cao Xí). Thời gian cai trị của ông và cha ông được coi là thịnh trị của nhà Minh, nên sử thường gọi là Nhân Tuyên chi trị (thời thịnh trị dưới thời Nhân Tông và Tuyên Tông). Ông có niên hiệu là Tuyên Đức. Dưới thời ông, sau khi Liễu Thăng thất bại bị chặt cụt đầu tại trận Mã Yên, bá tước Lương Minh đại bại tử vong, Lý Khánh cùng quần tự vẫn, Minh Tuyên Tông phải đau đớn hạ lệnh rút quân khỏi Giao Chỉ, công nhận nền độc lập của người Việt, chấm dứt thời kỳ đô hộ Bắc Thuộc lần thứ hai, cần rằng công nhận vương triều của Lê Thái Tổ (Lê Lợi). Trong Bình Ngô Đại Cáo, Minh Tuyên Tông đã bị cụ Nguyễn Trãi gọi nhiếc móc là “giáo đồng” (thằng nhãi ranh): “Chấp nhất kỳ chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân, tham nhất thời chi công, dĩ di tiếu ư thiên hạ. Toại linh Tuyên Đức chi giáo đồng, độc binh vô yếm; nhưng mạng Thạnh Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần”. Cụ Ngô Tất Tố đã dịch: “Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác, tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian. Bởi thế: Thằng nhãi ranh Tuyên Đức động binh không ngừng, đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem đầu chữa cháy”. Thạnh là Mộc Thạnh, Thăng là Liễu Thăng.

Tuyên khóc, thưa: “Chẳng phải vì đau đớn, mà do ngứa da tóc nơi thân được nhận lãnh từ cha mẹ, chẳng dám hủy hoại tổn thương, con buồn là vì lẽ này”. Hai ông về sau đều quý hiển.

Có hai anh em nọ, cứ mỗi năm ngày bèn thay phiên nhau nuôi mẹ. Anh nghèo, em hơi giàu. Lúc anh nuôi mẹ cháo cũng chẳng có, còn hai ngày chưa hết phiên đã nói: “Mẹ qua nhà em rồi con sẽ bù sau”. Mẹ đến nói với đứa em ý của thằng anh. Đứa em bảo vợ giấu com đi, kiên quyết cự tuyệt. Mẹ rơi lệ trở về. Bỗng sấm chớp ùng ùng nổi lên đánh chết tươi cả hai vợ chồng! Than ôi! Kẻ bất trung bất hiếu bị cõi âm tru lục, thóa mạ vạn năm, họa báo thâm như thế đó. Ấy là vì vua và cha đứng đầu trong ngũ luân. Vì thế thờ vua, thờ cha càng chẳng thể không chú trọng lấy lòng thành làm đầu!

Mạn kỳ tiên sinh, bạng kỳ sở sự.

慢其先生。叛其所事。

Khinh mạn thầy dạy, phản bội người mình phải phụng sự.

“Tiên sinh” (thầy dạy) chính là bậc truyền trao đạo của thánh hiền, dạy dỗ học vấn, giải trừ nghi hoặc. Cha mẹ sanh ra thân ta, ắt phải nhờ thầy thành tựu học vấn cho ta. Vì thế, thầy được tôn trọng giống như vua và cha. Người hiện thời mời thầy dạy con, phần nhiều thường là biểu hiện lễ tiết theo hình thức, tiếc tiền thiếu lễ. Thậm chí ăn nói chẳng nhũn nhận, thiếu hẳn lễ độ

theo lẽ thường, ôm lòng coi thường thầy. Hạng người ấy cố nhiên chẳng khác cầm thú cho mấy! Còn kẻ làm thầy để mở mang đầu óc cho trẻ nhỏ, có âm đức lớn nhất, há có nên vì nhận quà cáp, lương bổng của người ta mà dung túng trẻ, chẳng dạy dỗ nghiêm ngặt, đến nỗi kẻ khác mắc họa chẳng thành tài ư? Thầy làm bài tập thay cho trò, dối gạt phụ huynh. Do tham cầu tiền bạc bèn hối lộ mua chuộc công danh, tôi chẳng biết sự báo ứng của họ sẽ như thế nào? Khinh mạn thầy cố nhiên là chẳng nên, nhưng kẻ làm thầy lại khiến cho kẻ khác khinh mạn thì lại càng chẳng nên vậy!

Hán Minh Đế tôn Hoàn Vinh⁴⁶⁵ làm thầy, dốc trọn

465 Hoàn Vinh quê ở Long Kháng thuộc Bái Quận. Ông là hậu duệ của Tề Hoàn Công (Khuông Tiểu Bạch) thời Chiến Quốc. Tổ sáu đời của Hoàn Vinh do dời sang An Huy, đã lấy chữ Hoàn trong thụy hiệu của Tề Hoàn Công làm họ. Hoàn Vinh lúc bé sống tại Trường An, học giỏi. Do nhà nghèo, ông thường phải đi làm thuê kiếm tiền. Về sau, ông được Hán Quang Vũ Đế vời vào cung, giảng sách Thượng Thư. Vua nghe giảng, rất vừa lòng, ban cho ông chức Nghị lang để dạy Thái tử Lưu Trang (Hán Minh Đế). Kế đó, Hoàn Vinh được phong làm quan Bác sĩ, rồi thăng lên chức Thái tử thiếu phó, sau cùng giữ chức Thái thường. Thái thường (太常) trông coi việc nghi lễ trong tông miếu, thoạt đầu được gọi là Phụng thường, đến đời Hán Cảnh Đế bèn đổi thành Thái thường. Quan Thái thường trông coi việc tế lễ xã tắc, tông miếu của hoàng gia cũng như chủ trì các cuộc lễ hội, tang ma của hoàng tộc. Khi vua làm chủ tế, Thái thường sẽ là người trợ thủ kiêm bồi tế của vua, cũng như quản trị các miếu thờ, vườn lăng của hoàng gia và các hành cung của vua. Những quận huyện nào có đặt miếu thờ, lăng mộ của hoàng triều sẽ trực thuộc quyền quản trị của Thái thường. Do địa vị là người trông coi điển lễ, làm khuôn mẫu cho cả triều đình trông vào, nên trong thời Hán, chức Thái thường thường do thầy dạy học của vua đảm nhiệm. Người được phong chức Thái thường còn được tôn trọng hơn Tể tướng. Từ thời Hán Vũ Đế, dưới Thái thường còn đặt ra các quan phụ tá gọi là Thái nhạc, Thái tế, Thái sử, Thái bộc, Thái y v.v... Đến thời Đông Hán, để

lòng thành kính. Vua đến phủ Thái Thường, bảo Hoàn Vinh ngồi ở phía Đông, bày gậy chống⁴⁶⁶, nhóm hợp bá quan kính lễ thầy.

Đời Tống, Du Tạc và Dương Thời cùng theo học với Trình Di. Một hôm họ đến gặp thầy, ngẫu nhiên Trình Di đang tĩnh tọa. Hai ông đứng hầu. Khi Trình Di tĩnh tọa xong, ngoài cửa tuyết đã xuống dày chừng cả thước, thế mà hai ông chẳng có dáng vẻ ủ rũ, càng cẩn thận giữ lòng cung kính hơn. Hai ông đều truyền thừa đạo học của Liêm Lạc⁴⁶⁷.

Đời Tống, Bành Nhữ Lệ tôn Nghê Thiên Ân làm thầy, lễ tiết, phụng sự tốt bậc cung kính. Về sau vợ chồng ông Nghê đều mất, do ông bà không có con trai nên ông Bành bèn đứng ra chôn cất, lại còn gả con gái của họ cho tiến sĩ Tống Hoán.

Đời Tống, thầy của Nhạc Vũ Mục (Nhạc Phi) là Chu Đồng, dạy Nhạc Phi bắn cung nặng đến ba trăm cân. Chu Đồng chết, mộng một và ngày rằm, Nhạc Phi ắt bày cỗ cúng tế trước mộ, quỳ lạy khóc lóc, cầm cung

làm quan Thái thường, phải là bậc danh nho, vì Thái thường là chánh chủ khảo cho các khoa thi tuyển chức quan Bác sĩ. Đến đời Minh - Thanh, vai trò của Thái thường giảm bớt tính quan trọng, được gọi là Thái thường tự khanh, chỉ đứng đầu các quan Thái nhạc, Thái sử, Thái bộc và Thái y.

466 Theo nghi lễ cổ, nhằm tỏ lòng tôn kính bậc lão thành thì dùng gậy chống làm lễ vật.

467 Liêm Lạc là một trong bốn phái Lý học trong đời Tống. Phái này do Chu Đôn Khê và Trình Di làm lãnh tụ. Họ đều ở tại Lạc Dương nên gọi là Liêm Lạc Phái.

tên do Chu Đồng đã tặng, bán ba phát rồi mới quay về.

Một nông gia sanh được một con trai, ý hết sức tha thiết lo cho con học hành, nhưng đối đãi với thầy qua quít, khinh mạn khôn sánh. Cơm chỉ là ăn với rau, trả lương ắt dùng bạc xấu. Thầy tận tâm dạy dỗ đã lâu, trò đọc văn của người khác thì hiểu rõ ràng, nhưng nó tự viết văn thì chẳng câu nào nên hồn, cũng lạ thay! Về sau đứa trẻ ấy vẫn làm nghề nông.

Một vị thầy khá nhát gan, có đứa học trò lanh lợi lại nghịch ngợm. Nó dán giấy làm thành đầu người khổng lồ, ban đêm đem giơ lên ở ngoài tường. Thầy kinh hoảng tông cửa chạy, đến ở nhờ nhà bạn bè. Bệnh ba ngày mới dậy được, rớt cuộc chẳng dám đến dạy nữa. Về sau, đứa học trò ấy lại nấp ở ngoài tường, trông thấy đầu người khổng lồ, ngỡ là cái đầu do mình đã dán, liền nhìn nó. Thấy nó liếc mắt, vênh râu, đứa học trò kinh hoảng ngã lăn ra chết.

Đạo thờ thầy hầy nên như con em phụng sự cha anh. Đi thì theo sau, ngồi thì ở bên cạnh. Đi đường gặp thầy bèn đứng thẳng, chấp tay. Khi thầy nói năng bèn trống lòng, lắng tai nghe. Khi thầy gặp tai họa hay có chuyện lo buồn thì cảm thấy giống như là chuyện cát hung họa phúc của chính mình. Thầy còn sống bèn giữ lễ tiết cẩn thận. Thầy đã mất ắt tâm tang ba năm. Như thế thì gần như đã trọn hết đạo thầy trò vậy.

Ông Vương X... dạy võ lòng cho trẻ, ắt trọn hết tâm lực, chẳng màng công sá. Thường nói: “Trời, đất, vua, cha mẹ, thầy, năm ngôi ấy xếp ngang nhau. Trẻ nhỏ một phen tôn ta làm thầy, ắt sự thành bại vinh nhục suốt cả một đời nó đều là trách nhiệm của ta. Nếu chẳng tận tâm kiệt lực, khiến cho con em người khác bị lỗ làng sẽ có tội giống như gã thầy thuốc đốt giết người”. Ông lại thích kể cho trẻ nghe những câu chuyện hiếu đễ. Ông nói: “Người đi học thì trước hết là học tâm thuật, rồi mới học văn chương, nghề khéo. Trước hết phải vun quén căn bản rồi mới thực hiện lòng nhân. Nếu hiếu đễ thiếu sót, dẫu tài hoa lừng lẫy cõi đời vẫn chẳng đáng coi trọng!” Về già ông sanh ra Văn Khang Công, mọi người bảo đó là quả báo của sự khéo dạy học trò.

Gần đây, đạo thầy trò suy bại, thật đáng đau đớn khóc rờn, than dài sườn sượt! Kẻ làm thầy chẳng nghĩ tránh sao cho khỏi dạy dỗ lầm lạc con em của người ta, chắc chắn sẽ bị thần minh khiển trách. Xưa có một nho sĩ tuổi đã ngoài sáu mươi bảo vợ: “Ta tuy chẳng có công danh hiển đạt. May là suốt đời gặp chỗ dạy học tốt đẹp nên có thể thành gia lập nghiệp”. Ban đêm ông ta mộng thấy cha mình quở mắng: “Người đứng ra là kẻ đồ đạt. Chỉ vì lúc dạy học thiếu trách nhiệm, cho nên đức Văn Xương gạt tên khỏi sổ quế, thế mà còn khoác lác ư?” Ôi! Xét theo đó, khiến cho con em người khác lầm lỡ cũng nguy hiểm lắm thay!

“Sự” (事) ở đây là kẻ dưới phụng sự người trên, như cấp dưới phụng sự quan trên; bộ hạ, lính tráng tuân theo tướng, soái; nô bộc, tỳ thiếp vâng theo chủ nhân đều là sự cả. “BẠN” (叛, phản bội, phản loạn) chẳng phải là trái nghịch hiển nhiên, nhưng lúc người trên gặp cảnh cấp bách, kẻ dưới bèn chẳng phải là kẻ trông cậy được, hoặc kẻ dưới chẳng bận tâm đến điều lợi lẽ hại của người trên thì gọi là bạn vậy!

Thời Tam Quốc, Lữ Bố theo phò Đinh Nguyên, Đinh Nguyên đối đãi Lữ Bố rất thân thiết, rồi vì Đổng Trác mà Lữ Bố giết Đinh Nguyên. Đã theo phò Đổng Trác thề làm cha con, lại vì Vương Doãn hứa gả Điêu Thuyền cho mà giết Đổng Trác. Về sau Lữ Bố bị quân Tào bắt được. Tào Tháo muốn tha cho Lữ Bố sống để dùng làm thuộc hạ, Lưu Bị nói: “Minh công chẳng thấy Lữ Bố phụng sự Đinh Nguyên, Đổng Trác ư?” Tào Tháo tính ngộ, bèn sai người thắt cổ Lữ Bố cho chết.

Dương Trung ở huyện Tứ Minh là nô bộc của Đới Hiến. Họ Đới rất giàu, sai Dương Trung làm chủ một gia trang, nguồn lợi từ cá, muối, tre, gỗ rất phong phú. Đới Hiến chết, con là Bá Giản còn trẻ, thích lêu lổng với lũ trẻ tuổi bất lương. Được mấy năm tiêu sạch gia sản, chỉ còn sót lại một trang trại ấy. Bá Giản đến nương cậy, dương Trung ghi chép con số tài sản đưa cho xem. Bá Giản vui mừng, vẫn tiêu xài bừa bãi như cũ. Dương Trung khóc lóc can ngăn, Bá Giản chẳng

nghe. Một hôm, lũ bạn lêu lổng ấy lại kéo đến, xúm nhau nhậu nhẹt, cờ bạc. Dương Trung cầm dao bén tiến vào, thộp cổ thằng cầm đầu, nhiều lượt bảo: “Tao phụng sự chủ nhân hơn ba mươi năm. Thiếu gia còn trẻ, bị chúng mày dụ dỗ làm chuyện bất thiện, gia sản tan sạch. May là tao còn giữ được sản nghiệp này. Mày cứ muốn phá sạch ư? Tao chém rúng đầu mày rồi lên quan đầu thú xin được chết để báo đáp chủ nhân dưới lòng đất”. Thằng đó nhận tội, xin hứa từ nay chẳng dám đến nữa. Dương Trung cho nó một ít tiền, đuổi đi. Dương Trung khóc lóc tạ tội: “Lão nô kinh động, xúc phạm thiếu gia, nguyện từ nay ngài hãy sửa đổi những hành vi trước kia. Chỉ mong nghe theo lời lão nô tận tâm dốc sức, chẳng đầy hai, ba năm cơ nghiệp cũ sẽ có thể khôi phục. Nếu không lão nô sẽ dìm mình xuống biển, chẳng đành lòng thấy thiếu gia chết đói, để nhục cho môn hộ”. Bá Giản hổ thẹn, khóc lóc vâng theo. Mấy năm sau, quả nhiên khôi phục trọn vẹn ruộng nương, nhà cửa. Về sau Dương Trung hưởng thượng thọ.

Tùng nghe nói ở Ngô Quận có ông Trầm Hằng Cát nuôi một con chó. Về sau, Hằng Cát bị bệnh, chó bèn chẳng ăn. Tới khi ông chết, con chó tru âm lên suốt đêm mới thôi. Qua năm sau, lúc đưa ma chó bèn va đầu vào sườn mộ chết. Con chó có nghĩa thay! Những kẻ gặp chuyện liên quan đến sống chết bèn biến đổi khí tiết, thay đổi tấm lòng, đúng là chẳng bằng con chó có nghĩa vậy!

Cuống chur vô thức, báng chur đồng học.

誑諸無識，謗諸同學。

Lừa dối kẻ chẳng hiểu biết, gièm báng bạn học.

Đối với kẻ chẳng hiểu biết, đúng là phải nên thuận theo từng sự mà chỉ bảo cho họ, dùng nghĩa lý nhắc nhở, dùng điều thiện lẽ ác khiến cho họ động tâm, khiến cho họ giác ngộ, chẳng đọa trong mê hoặc. Há có nên vì họ dễ bị khinh rẻ mà dối gạt họ ư? Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Huyễn hoặc vô thức, nghi ngộ chúng sanh, tử hậu đương đọa nhập Vô Gián địa ngục*” (Kẻ lừa bịp người không hiểu biết, khiến cho chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián). Ôi! Sao người ta lại khổ sở làm chuyện như thế?

Ông Lưu Hợp Phong nói: “Có ba người cùng đi, khi tới một khe suối. Nhằm đúng lúc nước suối dâng cao mà thuyền ở bờ đối diện. Trong đó có một người rất ngu, hai người kia bèn dụ người ấy cởi quần áo bơi qua lấy thuyền. Người ấy ngụp lặn trong nước xiết, vượt qua được bờ kia. Lại chống thuyền quay về chở hai người kia. Hai người kia lên thuyền, kẻ ngu bỗng đau bụng muốn đi tiêu liền vội lên bờ. Hai người kia vẫy tay bảo: “Mặt trời đã lặn rồi, không thể chờ người được”. Bèn chống thuyền đi. Chốc lát, do nước chảy xiết, thuyền xoay ngang nên họ bị lật thuyền chết chìm, còn người ngu ở trên bờ thì yên ổn”.

Đời Đường, Khương Phủ mặc áo đội mũ đạo sĩ lên kinh đô. Do không có ai biết bèn dối gạt nói mình đã mấy trăm tuổi, có thuật trường sanh độ đời. Hấn phụng sự Đường Huyền Tông, được vua ân sủng nổi tiếng một thời. Về sau, có một sinh viên trường Thái học là Kinh Nham đến gặp hỏi: “Tiên sinh rốt cuộc là người thuộc triều đại nào?” Đáp: “Người đời Lương”. Hỏi: “Có làm quan hay không?” Đáp: “Tùng làm *Tiết độ sứ* của Tây Lương Châu”. Kinh Nham quát mắng: “Sao mà dối trá đến thế? Trên lừa dối thiên tử, dưới bịp bợm người đời! Nhà Lương ở Giang Nam, lấy đâu ra Tây Lương Châu? Nhà Lương chỉ có tứ bình, tứ an, tứ chinh, tứ trấn tướng quân, lấy đâu ra *Tiết độ sứ*?” Khương Phủ cứng họng, hết sức hổ thẹn. Vài ngày sau Khương Phủ chết ngắc!

Bạch Sâm gặp dị nhân, được truyền toa thuốc chữa bệnh lên nhọt ở lưng rất hiệu nghiệm. Có viên dịch lại⁴⁶⁸ muốn truyền toa thuốc ấy để cứu tế rộng khắp, đưa cho Bạch Sâm mấy chục lượng vàng. Bạch Sâm đưa toa thuốc giả cho ông ta, trị bệnh không công hiệu. Về sau, Bạch Sâm bị cộp ăn thịt, bỏ lại toa thuốc thật sự trên đường, viên dịch lại đi qua nhặt được.

Gã thầy bói họ Trương giỏi chiêm tinh nhưng toàn

468 Dịch lại (驛吏) là chức quan nhỏ trông coi dịch trạm. Dịch trạm là trạm nghỉ chân dành cho những viên chức truyền phát công văn hỏa tốc có chỗ nghỉ ngơi, ăn uống và thay ngựa.

là khéo đoán ý hướng của người đến xem bói, luận đoán phần nhiều không đúng. Hoặc là thường nghe theo lời dặn ngầm của kẻ khác, thốt lời điên đảo. Do khiến cho người ta bị lầm lỡ đại sự, về sau họ tức giận cắt lưỡi hấn, hấn chết ngắc.

Nguy Chính có lần ra chợ mua cá. Chủ nhân ngầm điều chỉnh cân để cho Nguy Chính được lợi. Người đánh cá đi rồi, chủ nhân nói: “Ông chỉ mua năm cân, tôi đã ngầm điều chỉnh cân cho ông được nhiều hơn, xin hãy mời tôi uống rượu”. Nguy Chính hết sức kinh hãi, đuổi theo người dân chài đèn bù đúng giá trị. Lại mời chủ nhân uống rượu nói: “Ông chỉ muốn có rượu thôi, sao lại lừa gạt người nghèo để làm gì?” Than ôi! Người đời nay nếu tấm lòng có thể như ông Nguy thì làm sao có chuyện lừa gạt kẻ không hiểu biết cho được?

Bạn đồng học tình như huynh đệ, hướng hồ bạn bè là một trong các mối nhân luân, há có nên thốt lời hủy báng bừa bãi, trong bụng đầy ắp gươm giáo ư?

Đức Phật dạy: “Con người đối với bạn bè có năm chuyện tương quan lẫn nhau. Một là nếu đôi bên gây tạo ác nghiệp hãy nên khuyên bảo lẫn nhau ngưng dứt ác nghiệp. Hai là nếu đôi bên mắc bệnh khó trị hãy nên chăm sóc, điều trị lẫn nhau. Ba là đôi bên có những điều chỉ nên nói riêng trong nhà, chớ nên nói với người ngoài. Bốn là hãy nên tôn kính, tán thán lẫn

nhau, không ngừng lui tới với nhau, chớ nên ghi oán. Năm là nghèo giàu khác nhau hãy nên giúp đỡ, đừng nên phi báng lẫn nhau!”

Nếu hỏi: “Sau khi chơi với bạn, biết bạn chẳng lành, muốn đoạn tuyệt lại sợ thương tổn tình cảm. Chẳng nghĩ chơi thì lại là ẩn giấu lòng oán hận mà kết giao?” Chu Tử nói: “Đấy chẳng phải là ẩn giấu lòng oán. Nếu trong tâm ôm nỗi hờn oán mà bề ngoài làm ra vẻ thân thiết, đó là ẩn giấu lòng oán. Nếu bạn bè chẳng tốt, xét theo tình nghĩa đáng nên chẳng thân thiết, nhưng để lọt lọt tình nghĩa thì phải nên từ từ nhạt dần. Nếu chẳng có chuyện gì hệ trọng, cần gì phải cắt phăng tình bạn? Hãy nên tích chứa lòng thành khiến họ cảm ngộ. Đó gọi là “đối đãi với người thân chẳng đánh mất tình thân, đối với bạn bè đã lâu chẳng đánh mất tình cố cựu”.

Đời Minh, tiên sinh Dương Minh Vương Thủ Nhân nói: “Giao du bạn bè chánh yếu là khiêm tốn, nhún mình. Khi tụ hội cần nên trống lòng, khiêm nhường, thân thiết, tôn kính, bao dung. Nói chung là ít uốn nắn, chỉ trích, mà là dùng sự chân thành để cảm động, khích lệ, khuyến khích cho nhiều”.

Ông Ôn Tiết Hiếu nói: “Chơi với bạn thì chỉ quan tâm đến ưu điểm của họ mà chẳng màng khuyết điểm! Gặp người tánh tình cứng cõi hãy chịu đựng sự nóng

nảy của họ. Gặp người rất tài hoa hãy chịu đựng thói quen không câu thúc của họ. Gặp người chất phác, trung hậu hãy chịu đựng tính khí chậm chạp của họ. Gặp người khinh bạc phóng túng hãy chịu đựng tính hời hợt, bộp chộp của họ. Không chỉ là được lợi ích vô lượng mà còn trọn vẹn tình bạn bè”.

Đời Tống, Trương Thiên Tải, hiệu là Nhất Ngạc làm bạn với Văn Sơn⁴⁶⁹. Khi Văn Sơn quý hiển, Thiên Tải đã nhiều lần tránh né không gặp gỡ. Tới khi Văn Sơn chiến bại, bị giải về Cát Châu. Thiên Tải ngậm đến gặp, nói: “Thừa tướng! Nếu ngài bị đưa về đất Yên (Bắc Kinh), Thiên Tải cũng đi theo”. [Sau đó, khi Văn Sơn bị giải về phương Bắc, Thiên Tải cũng] đến ở gần bên chỗ Văn Sơn bị cầm tù, suốt ba năm chu cấp Văn Sơn chẳng thiếu sót. Ngày Văn Sơn bị hành quyết, Thiên Tải ngậm giấu đầu Văn Sơn trong tráp gỗ; dò tìm vợ Văn Sơn là bà Âu Dương trong đám tù nhân, liền thiêu xác, sau đó thu nhặt hài cốt⁴⁷⁰ để trong đẫy, ôm tráp đi về phương Nam, giao cho gia đình của Văn Sơn an táng. Trước đó một hôm, con Văn Sơn mộng thấy cha nói:

469 Văn Sơn chính là hiệu của Văn Thiên Tường (1236-1283). Ông tên thật là Văn Vân Tôn, tự là Thiên Tường, sau đổi thành Tống Thụy, hiệu là Văn Sơn. Ông là người xứ Lô Lăng, Cát Châu. Ông làm Hữu Thừa tướng dưới thời Tống Cung Đế. Sau khi nhà Nam Tống bị quân Nguyên đánh bại, ông đã bị bắt về Bắc Kinh. Nhà Nguyên thấy ông có tài năng, dụ hàng nhưng ông bất khuất thà chết không cam tâm đầu hàng. Ông để lại bài Chánh Khí Ca được coi là một bài thiên cổ hùng văn về lòng tinh trung báo quốc.

470 Lúc đó, vợ của Văn Thiên Tường cũng đã bị chết trong khi đang bị tù.

“Bác của con đã về tới rồi”. Chẳng lâu sau, quả nhiên Trương Thiên Tải tới nơi. Người đời sau gọi “tình bạn sống chết” là Thiên Tải Nhất Ngạc, đúng vậy thay!

Trầm Trọng Hóa nói: “Thiếu sót tình bạn với người đã khuất còn tệ hơn thiếu sót tình bạn với người còn sống. Nay kẻ làm bạn với nhau, hãy tự hỏi có thể chẳng thay đổi tấm lòng trong cảnh sanh tử hay chăng?”

Đời Tống, Quách Chí lúc mới nổi tiếng về tài viết những bài phú, bạn học là Lý Miễn đổ kị bèn gièm báng, do vậy Lý Miễn thi mãi không đậu. Về sau, Quách Chí đã đỗ đạt trước, lại làm Tri cống cử⁴⁷¹, Lý Miễn mới nhờ khoa thi Minh Kinh⁴⁷² mà được có tên để dự thi tiến sĩ. Ngày ban chiếu [công bố quan chánh chủ khảo là Quách Chí], Lý Miễn hổ thẹn bỏ về. Quách Chí nghe tin, lập tức sai người đem Lý Miễn trở lại, do vậy Lý Miễn bèn thi đỗ. Có thể thấy là gièm báng chẳng tổn hại người khác, chỉ tự mình chuốc lấy nỗi khắc bạc vậy!

471 Tri cống cử (知貢舉): Theo quy chế từ thời Đường - Tống, vị đại thần được vua sai chủ trì khoa thi tuyển chọn tiến sĩ thì gọi là Tri cống cử.

472 Minh Kinh (明經) ở đây là khoa thi được đặt ra từ thời Tùy Dương Đế. Khoa thi Minh Kinh nhằm khảo hạch sự hiểu biết của sĩ tử về kinh điển Nho gia. Đã đỗ khoa thi Minh Kinh thì mới được ghi danh dự tuyển khoa thi tiến sĩ. Trong khoa thi tiến sĩ, chủ yếu khảo hạch về thơ phú.

Hư vu trá ngụy, công kiết tông thân.

虛誣詐偽，攻訐宗親。

Đặt điều vu cáo hư vọng, xảo trá, dối gạt, công kích thân thuộc.

Khinh mạn vô căn cứ thì là hư (虛). Xăng bậy đặt chuyện nói xấu, miệt thị là vu (誣). Dùng quỷ kế gạt gẫm người khác là trá (詐). Dùng những cách thức dối đòi trái lẽ thì gọi là ngụy (偽). Nói tách ra thì là bốn điều, nói gộp lại sẽ là “chẳng chân thành”. “Thành” là đạo của trời, suy nghĩ chân thành là đạo của người. Nay bỏ lòng thành, noi theo hư vu trá ngụy, chẳng phải là trái nghịch đạo trời, đánh mất đạo người hay sao? Cái tâm ấy quá nhọc nhằn, chuyện ấy quá nguy hiểm⁴⁷³, chính là tương trạng bạc phước nhất trong thiên hạ! Chẳng vào tam ác đạo thì sẽ đi về đâu?

Đời Thanh, Tôn Đình Thuyên ở Ích Đô là người chất phác, chẳng phù phiếm. Vì thế, Thanh Thế Tổ (vua Thuận Trị) từng gọi ông ta là Tôn Lão Thật (ông Tôn thật thà). Mỗi khi chức vị Thượng thư ở các bộ bị khuyết, vua liền bảo: “Vẫn là dùng Tôn Lão Thật điền vào đó”. Do ba lần gọi Tôn Lão Thật như thế, ông được phong làm Tế tướng⁴⁷⁴. Thật thà có bao giờ khiến cho

473 Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Do tâm thái ấy mà tạo thành trần lao, phải lưu chuyển luân hồi, nên nói là “kỳ tâm thậm lao” (cái tâm ấy quá nhọc nhằn).

474 Theo quy chế đời Minh - Thanh, không có chức vụ Tế tướng hay Thừa tướng, nhưng do nhu cầu hành chánh vẫn phải có người đứng đầu bá quan. Do vậy từ các quan đại học sĩ, nhà Minh lập ra Thủ phụ (đứng đầu các phụ tá đại

người ta bị lầm lẫn đâu nhỉ?

Tiết Phu chuyên bịa chuyện để làm đơn thưa kiện, có thể tô vẽ chuyện vô lý thành hữu lý. Hẳn dùng chuyện này để làm giàu, về sau hẳn làm trai đàn để tạ tội. Đạo sĩ phủ phục, sau đó đứng dậy nói: “Thượng đế đã phê vào tờ biểu tấu trình xin tha tội của người như sau: Nhà thì phó cho hỏa ty, người thì giao cho thủy ty”. Về sau, quả nhiên nhà hắn cháy sạch, Tiết Phu ngã xuống nước chết đuối.

Thời Ngũ Đại, người xứ Mân⁴⁷⁵ là Tiết Văn Kiệt có hiềm khích với Ngô Anh. Một hôm, chúa nước Mân là Vương Lâm (Vương Diên Quân) sai đồng cốt nhìn xem

thần), thời Thanh thì gọi là Điện các Đại học sĩ (vừa là bí thư riêng của nhà vua, vừa là người đứng đầu các đại học sĩ). Giữa đời Thanh, ngoài Điện các Đại học sĩ, còn lập ra chức Quân cơ đại thần trông nom việc quân, thường là do Điện các Đại học sĩ kiêm nhiệm. Ở đây nói Tôn Lão Thật “đại báí” (được phong làm Tể tướng) tức là được bổ nhiệm làm Điện các Đại học sĩ.

475 Mân ở đây là một nước thành lập vào thời Ngũ Đại. Vào năm Cảnh Phước thứ hai (893) đời Đường Chiêu Tông, ba anh em nhà họ Vương là Vương Triều, Vương Thảm Khuê, Vương Thảm Tri chiếm cứ Phước Châu, rồi chiếm toàn bộ vùng Phước Kiến. Nhà Đường quá suy yếu, phải phong cho Vương Triều làm Quan sát sứ rồi thăng lên làm Oai vũ quân Tiết độ sứ. Vương Triều chết vào năm Càn Ninh thứ tư (898), di mạng cho Vương Thảm Tri kế vị. Vương Thảm Tri được phong làm Lang Da Vương. Tới khi nhà Hậu Lương soạn ngôi nhà Đường, đã phong cho Vương Thảm Tri làm Mân Vương, đóng đô tại Trường Lạc (nay là thành phố Phước Châu, tỉnh Phước Kiến). Khi Vương Thảm Tri chết, con là Vương Diên Hàn kế vị. Sau đó, Diên Hàn bị anh em là Vương Diên Bẩm và Vương Diên Quân sát hại. Sau đấy, Vương Diên Quân giết Vương Diên Bẩm lên làm vua, xưng đế đặt quốc hiệu là Đại Mân, tôn Vương Thảm Tri làm Mân Thái Tổ. Nước này bị nhà Nam Đường của Lý Biện diệt quốc dưới thời Vương Diên Chánh (Thiên Đức Đế) vào năm 945.

trong cung có quỷ hay không. Trước đó, Văn Kiệt đã nói với Ngô Anh: “Chúa thượng ngự ông quyền cao chức trọng, ông hãy nên cáo bệnh. Nếu vua sai sứ giả đến hỏi, hãy nên thưa là bị đau đầu. Tôi có thể nói giúp cho ông”. Ngô Anh vâng theo. Văn Kiệt dặn gã đồng cốt nói: “Ngô Anh sắp làm phản, bị Thượng đế lấy đinh bằng đồng đóng vào não”. Vua sai người đến nhà Ngô Anh dò xét, quả nhiên Ngô Anh thưa là bị đau đầu, vua liền giết Ngô Anh. Ngô Anh bị vu cáo, dân chúng đều nghiến răng. Khéo sao Vương Lân phát binh chống lại nước Ngô⁴⁷⁶, quân sĩ không chịu tiến, đòi cầm tù Tiết Văn Kiệt mới chịu tiến. Vương Lân bắt đắc dĩ cùm hãm lại đưa vào trong quân, quân sĩ xúm lại xả thịt hãm hết sạch.

Đời Tống, Triệu Đình Thần giả vờ lập thỏa ước với người Động Nhung⁴⁷⁷, dụ họ đầu hàng triều đình, đãi họ ăn uống no say rồi giết sạch, rêu rao họ làm phản, dối trá tâu đó là công lao dẹp loạn của chính mình. Họ Triệu bèn được thăng thưởng hiển hách. Về sau, hãm

476 Ngô là một nước khác vào thời Ngũ Đại, do Dương Hành Mật sáng lập, còn được gọi là Dương Ngô, Nam Ngô, Hoằng Nông, hoặc Hoài Nam. Nhân lúc triều đình thời Đường Chiêu Tông suy yếu, Dương Hành Mật đang làm Tiết độ sứ tại Hoài Nam bèn chiếm cứ Dương Châu, tự xưng là Ngô Vương, đóng đô tại Quảng Lăng (tức Dương Châu). Địa bàn nước Ngô lớn gấp ba nước Mân bao gồm các tỉnh Giang Tô, An Huy, Giang Tây và một phần Hồ Bắc. Nước Ngô bị Nam Đường diệt quốc vào năm 937.

477 Động Nhung (洞戎) là tiếng để gọi chung các dân tộc thiểu số thuộc vùng Lĩnh Nam, tức là các dân tộc thiểu số tại Quảng Tây, Quý Châu, và Hồ Nam.

mộng thấy những người đã bị giết nói: “Sẽ đến báo thù sự dối trá của mày”. Về sau, hấn sanh được một đứa con trai. Nó còn trẻ mà đã đỗ đạt, bỗng dưng cuồng nghịch, phạm pháp, liên lụy đến Triệu Đình Thân và vợ bị đày ra vùng Lãnh Nam, bị người Động Nhung giết chết.

Đời Tống, Đinh Vị chẳng nói lời chân thật với người khác, từng bảo: “Nếu ai thật tâm sẽ chẳng làm nổi mọi việc, chỉ luôn bị kẻ khác khinh lấn”. Đinh Vị giữ lòng trí trá như thế, khiến cho người khác chẳng thể dò lường được, bèn bị người đương thời xếp vào ngũ quý⁴⁷⁸, há có phải là do cái tâm trá ngụy mà không chuyện gì chẳng làm đó ư?

Cùng họ là Tông (宗), khác họ là Thân (親)⁴⁷⁹. Tuy có xa gần, thân sơ khác nhau, thật sự đều là những người có mối quan hệ thân thiết với ta, hãy nên đối đãi bằng lòng thân ái, trung thành. Cùng chia sẻ hoạn nạn, giúp đỡ người khốn cùng. Giấu giếm những điều xấu trong nhà cho nhau, cùng ngăn ngừa sự lấn hiếp từ bên ngoài, há nên tranh chấp lẫn nhau, so đo từng ly từng tý một, giận dữ, ghen ghét, chiếm đoạt, xét nét, công kích hay chằng? Lặt cành làm đau lòng cây, chặt đứt rễ khiến cho mạng mạch của nó chấm dứt, hãy nên răn dè!

478 Ngũ quý là năm gã gian thần thời đó, tức Đinh Vị, Lâm Đặc, Trần Bành Niên, Lưu Thừa Khuê và Vương Khâm Nhược.

479 Có thể hiểu là họ bên nội là Tông, họ bên ngoại là Thân. Thân cũng bao gồm quan hệ họ hàng do thông gia, chẳng hạn họ hàng bên vợ, hoặc bên chồng được gọi là Thân.

Đời Xuân Thu, Yến Bình Trọng⁴⁸⁰ đi xe rách nát, cỡi ngựa gầy. Hoàn Tử cho rằng ông ta cố tình ẩn giấu sự ban thưởng của vua. Yến Tử (Yến Bình Trọng) nói: “Kể từ khi thần được hiển quý, họ bên cha không ai chẳng ngồi xe. Họ bên mẹ không ai chẳng com áo no đủ. Họ bên vợ không ai đói lạnh. Học trò nước Tề nhờ thần mà có cái để thổi lửa nấu cơm hơn ba trăm người. Như thế là ẩn giấu sự ban thưởng của quân vương, hay là phô bày ân vua ban thưởng vậy? Trước là họ bên cha, rồi đến họ bên mẹ, sau là họ bên vợ, cuối cùng là đến những người xa lạ. Đó gọi là giúp đỡ từ người thân thiết cho đến người xa lạ vậy”. Có thể nói Yến Tử khéo

480 Yến Bình Trọng tức là Yến Anh (còn gọi là Yến Tử, có khi đọc là Ân Anh). Ông làm quan thượng đại phu nước Tề, là con trai của Yến Nhược. Khi cha ông mất, ông được vua Tề bổ nhiệm làm Thượng đại phu, đứng đầu bá quan. Tương truyền, ông thân hình thấp bé, loắt choắt, mặt mũi xấu xí, nhưng thông minh tuyệt đỉnh. Ông giữ chức Thượng đại phu suốt năm mươi hai năm, trải các đời vua Linh Công, Trang Công và Cảnh Công. Ông ứng đối mẫn tiệp, khéo trị nước, khiến cho triều đình Tề lấn các nước chư hầu nể phục. Do Tề và Sở cạnh tranh thế lực với nhau, nước Sở thường tìm cách làm nhục sứ Tề. Khi Yến Anh đi sứ nước Sở, họ mở cửa ngách mời ông vào, thay vì mở đại môn. Ông thản nhiên bảo: “Nếu ta đi sứ sang nước của chó thì mới chui lỗ chó mà vào, chứ ta đi sứ nước Sở, chẳng lẽ phải chui lỗ chó hay sao?” Quan tiếp đãi của nước Sở cứng họng, phải mở đại môn. Khi Sở Linh Vương tiếp sứ đoàn, đã hạ nhục Yến Anh bằng câu hỏi: “Bộ nước Tề hết người hiền năng rồi hay sao mà chọn người đi sứ?” Yến Anh thản nhiên đáp: “Nước Tề có hơn bảy ngàn hộ, dân trong thành chỉ cần giơ tay áo lên che là đã khuất bóng mặt trời, thân họ cháy mỡ hôi nhiều như mưa, làm sao không có người cho được!” Vua Sở châm chọc: “Vậy tại sao lại chọn người?” Yến Anh cười: “Nước Tề phái người đi sứ nước nào cũng đều chọn người thích hợp với nước đó. Người hiền năng sẽ được phái đi sứ những nước có bậc quân chủ hiền năng, kẻ chẳng hiền năng sẽ bị sai đi sứ những nước có vua chẳng có phẩm đức! Tôi là người tệ hại nhất nước Tề, nên mới được sai đi sứ nước Sở”.

đối xử hòa mục với họ hàng. Người có tấm lòng ấy, há có thói tộ công kích thân thích ư? Vì thế, nêu ra chuyện này nhằm khuyên nhủ những kẻ phạm lỗi công kích, mà ác báo của kẻ công kích cố nhiên cũng chẳng cần phải nêu ra nữa!

Cang cường bất nhân, ngạnh lệ tự dụng.

剛強不仁，很戾自用。

Ương bướng bất nhân, độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng.

Khổng Tử chủ trương cương nghị là chú trọng nơi lý. Thái Thượng răn nhắc về “cang cường” (cứng cõi, ương ngạnh) là nói đến sự dẫn khởi từ tánh khí. Các thầy thuốc gọi chúng tê bại là “bất nhân” với ý nghĩa “chẳng biết đau, ngứa”. Vì thế, kẻ ưa ương bướng, hành sự thuận theo tình cảm xung động khi đái người tiếp vật, sẽ chẳng có chút thông cảm nào, thuần là ý niệm cạn tà ráo máng, thế tục gọi tánh khí như vậy là “tấm lòng sắt đá”, làm sao có thể nhân từ cho được? Nhưng kẻ ương ngạnh chẳng có kẻ nào không bị chiết phục. Nếu họ đã nếm trải mấy phen thua thiệt to lớn sẽ dần dần hóa thành mềm mỏng. Đây là chuyện muôn phần may mắn của kẻ ương ngạnh vậy, tôi hằng ngày đều mong mỏi.

Đời Tống, Bao Chửng⁴⁸¹ làm Long Đồ các học sĩ⁴⁸², có tên thụy là Hiếu Túc. Ông tánh tình cương trực, bất khuất. Thuộc hạ có điều bảm cáo, ông thường phê bình ngay mặt [nếu nói những điều chẳng hợp lý]. Nếu lời họ thưa trình đúng lý, ông cũng chưa hề không vui mừng, thay đổi theo ý kiến đề xuất. Do vậy, mọi người đều kính phục. Phạm cứng cỏi mà hợp lý, gặp chuyện

481 Bao Chửng (包拯, 999-1062), tự là Hy Nhân, người xứ Hợp Phì thuộc Lư Châu (nay là thành phố Hợp Phì tỉnh An Huy). Ông làm quan tới chức Xu mật phó sứ, Triều tán đại phu, Cấp sự trung, Thượng khinh xa đô úy, tước Khai Quốc Hầu, được ăn lộc một ngàn tám trăm hộ. Ngoài việc từng làm Lễ bộ Thượng thư, ông được biết đến nhiều nhất dưới chức vụ Long Đồ các trực học sĩ. Do tài xử án công chánh, phán án nghiêm minh, phá án chánh xác, ông được ca tụng là Bao Thanh Thiên, và dân gian có câu nói: “Gặp Diêm-la Bao Lão, hoàng thân quốc thích hoạn quan bó tay”. Thậm chí dân gian còn truyền tụng: Sau khi chết, ông trở thành Ngũ Điện Diêm-la Vương. Dã sử còn tương truyền ông là Văn Khúc Tinh Quân giáng thế, phù tá Tống Nhân Tông. Ông đỗ tiến sĩ trong niên hiệu Thiên Thánh thứ năm (1027) đời Tống Chân Tông, được phong làm Đại Lý Bình Sự, bổ làm tri huyện Kiến Xương, nhưng do còn cha mẹ già, nên không đi nhậm chức. Mười một năm sau, khi cha mẹ đều đã qua đời và tang chế đã mãn, ông mới ra làm tri huyện Thiên Trường, rồi tri châu Đoan Châu. Được vua gọi về kinh làm Giám sát ngự sử lý hành, thăng lên làm Giám sát ngự sử. Ông cứng cỏi, nghiêm khắc dăng sớ đàn hặc Giang Tây Chuyển vận sứ Vương Quỹ, ba lần đàn hặc ngoại thích Trương Nghiêu Tá. Sau đó, ông được cử kiêm nhiệm Tri Khai Phong Phủ, tức chức quan Kinh triệu doãn trông coi kinh thành trong khi đang giữ chức Long Đồ các trực học sĩ. Ông thẳng tay trừng trị những kẻ quyền quý cậy thế. Dẫu là hoàng thân quốc thích mà phạm pháp, cũng bị ông trừng trị tới nơi tới chốn.

482 Long Đồ các nằm ở chái tây của điện Hội Khánh, trực thuộc ngự thư phòng của Hoàng đế đời Tống, được lập ra từ thời Tống Chân Tông. Long Đồ các trực học sĩ là chức quan văn thuộc về Chánh Tam phẩm, đặc trách biên soạn, kiểm thảo các chiếu chỉ và chánh lệnh của Hoàng đế, quản lý danh sách, sổ bộ liên quan đến hoàng thân quốc thích, cũng như quản lý các trước tác, sách vở, tài liệu và các văn vật trân quý của Hoàng đế.

bèn có thể phán đoán rõ ràng, chánh xác, đấy là dững khí của bậc có lòng nhân vậy.

Đời Tống, Trương Nhữ Khánh làm Đề Hình. Mỗi khi thẩm vấn tù phạm, bất luận phạm tội nặng hay nhẹ đều sử dụng toàn bộ các dụng cụ hành hình, gọi là “đả nhất sáo” (đánh trọn một bộ). Những kẻ bị ông tra khảo đều gọi Trương Nhữ Khánh là “Diêm-la thôi đao” (kẻ đẩy người khác đến chỗ vua Diêm-la). Về sau hết nhiệm kỳ, Nhữ Khánh quay về, thuyền đi đến Cao Bru, đêm nằm mộng thấy mấy trăm người toác đầu, gãy chân, vây quanh đòi mạng. Về đến nhà, giữa ban ngày mà thấy lệ quý, thất khiếu tuôn máu mà chết. Phàm là kẻ ngang ngược, hung bạo, sẽ chẳng được chết yên lành, cố nhiên chẳng cần phải nói nữa! Nhưng sau khi đã chết, còn phải thọ báo trong tam đồ, cho đến khi nào mới được thoát khỏi? Cứ từ câu chuyện này mà suy, hết thấy những kẻ cứng rắn đến nỗi gần như hung bạo, do quen thói cường bạo mà gần như là kẻ giặc, cũng đáng nên phản tỉnh!

Phàm là người làm việc, tham khảo ý kiến của người khác thì là trí, tự cho mình là đúng thì ngu. Tự cho mình là đúng còn chẳng nên, huống hồ hung hãn, tàn nhẫn. Đức Phật nói hung hãn, tàn nhẫn giống như ngựa ác, đáng gọi là khó thuần phục. Con người hung hãn, tàn nhẫn, đối với hết thảy mọi sự, mọi việc đều chấp chặt ý kiến của chính mình, tự cho là đúng, chẳng

chịu phục kẻ khác. Bọn lành, tri thức ai đến thân cận? Lời lành, lý hay, lấy ai bảo ban? Đây là cội nguồn tạo ác, chuốc hận, không chi hơn chuyện này.

Đời Tống, Vương An Thạch hẹp hòi, đổ ky, giả vờ hiền thiện, giấu ác, kéo bè kết đảng để trừ khử những kẻ khác ý, cưỡng từ đoạt lý, tự cho mình là người có phẩm đức tốt đẹp như Cao, Quỳ, Tắc, Khế⁴⁸³. Thật ra, hấn ta là nhân tài khiến cho chánh sự bại hoại, là kẻ mang tấm lòng phá hoại học thuật. Trong tác phẩm Tam Kinh Tân Nghĩa và TỰ THUYẾT của hấn, những chỗ hủy báng vu vạ, miệt thị thánh nhân, phá nát đại đạo, không chỉ là một điều. Kinh Xuân Thu phân định chánh đáng danh phận vua tôi, cha con..., đặt định tiêu chuẩn khen chê (đánh giá các nhân vật lịch sử), khiến cho bọn loạn thần, tặc tử kinh sợ; Vương An Thạch khiến cho người học chẳng nghiên cứu kinh Xuân Thu. Sử Ký và Hán Thư chép những chuyện thành bại, an nguy, sanh tử, tồn vong, bình trị, loạn lạc chính là những tấm gương soi, là khuôn phép cho cõi đời. Vương An Thạch khiến cho người học chẳng đọc Sử Ký, Hán Thư. Đối với chuyện Dương Hùng⁴⁸⁴

483 Cao là Cao Đào. Ông Cao là một vị đại thần nổi danh trông coi về hình pháp. Quỳ là tên viên quan nổi tiếng hiền năng, trông coi về lễ nhạc (do sử không chép đầy đủ tên họ, nên không biết ông này họ là gì). Tắc là Hậu Tắc, người trông coi nông nghiệp. Khế là tên quan Tư đồ, trông coi về giáo dục. Những vị này đều là bầy tôi hiền năng của vua Thuấn.

484 Dương Hùng là người Tứ Xuyên, sống vào thời Tây Hán, hiếu học, có tài ăn nói, học rộng, có thể coi là một bậc học giả thời ấy. Ông ta viết rất nhiều sách và có

không kết tội Vương Mãng soán đoạt, phê phán kịch liệt nhà Tân, ca tụng nhà Tân, Vương An Thạch bèn viết: “Phù hợp với cách nói “*vô khả, vô bất khả*”⁴⁸⁵ của Khổng Tử”. Đối với chuyện Phùng Đạo thờ bốn họ tám vua⁴⁸⁶, Vương An Thạch bèn viết: “Khéo tránh nạn để

nhiều bộ nổi tiếng như Thái Huyền, Phương Ngôn, Pháp Ngôn v.v... Do vì tham đắm địa vị, ông ta không phê phán Vương Mãng soán đoạt nhà Hán lập ra nhà Tân là phản nghịch, lại còn dùng lời lẽ biện minh cho hành động ấy. Quá đáng hơn nữa là Dương Hùng còn phỏng theo tác phẩm Phong Thiện Văn của Tư Mã Tương Như để phê phán Tần Thủy Hoàng, ca tụng công đức của Vương Mãng.

485 “Vô khả, vô bất khả”: Trong thiên Vi Tử sách Luận Ngữ có đoạn: “Dật dân, Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên. Tử viết: - Bất giáng kỳ chí, bất nhục kỳ thân, Bá Di, Thúc Tề du? Vi Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên, giáng chí nhục thân hỹ, ngôn trung luân, hành trung ngu, kỳ tư nhi dĩ hỹ. Vi Ngu Trọng, Di Dật, ẩn cư phóng ngôn, thân trung thanh, phế trung quyền. Ngã tắc dị ư thị, vô khả, vô bất khả” (Đối với những bậc ẩn sĩ như Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên, Khổng Tử nói: “Chẳng hạ thấp chí hướng, chẳng khuất nhục thân phận của chính mình, phải là Bá Di, Thúc Tề đấy ư? Nói đến Liễu Hạ Huệ, Thiệu Liên thì bọn họ đã hạ thấp chí hướng, khuất nhục thân phận, chỉ là ăn nói phù hợp luân lý, hành xử phù hợp lý trí, họ chỉ làm được như vậy mà thôi. Nói đến Ngu Trọng, Di Dật thì họ ẩn cư, ăn nói tự do, giữ thân trong sạch, từ chối quan chức, đấy cũng là hợp lý trí. Ta chẳng giống họ, không gì là có thể, không gì là chẳng thể).

486 Phùng Đạo sống vào thời Ngũ Đại, khéo luồn lách nên làm Tể tướng hoặc các chức quan cao cấp dù triều đại thay đổi. Hễ vương triều này bị xóa sổ, hần khéo léo luồn lách, bợ đỡ để rồi lại vinh hiển, phú quý trong triều đại mới. Ở đây, Cảm Ứng Thiên ghi là “bốn họ, tám vua”, thật ra Phùng Đạo làm quan cao chức cả suốt năm triều đại, tám gia tộc, mười ba đời vua! Dân gian châm biếm gọi ông ta là Trường Lạc Lão Nhân, hoặc Bát Đảo Ông (con lật đật). Chẳng hạn, ông ta làm Tể tướng cho Lý Tự Nguyên (nhà Hậu Đường, tức Đường Minh Tông). Khi Đường Minh Tông mất, con nuôi của tân Hoàng đế Lý Tùng Hậu là Lý Tùng Kha làm phản, đoạt ngôi của Lý Tùng Hậu, khiến Lý Tùng Hậu phải chạy sang nương nhờ Thạch Kính Đường. Thay vì xuống chiếu cần vương, Phùng Đạo nhanh chóng dẫn đầu các quan ra tiếp đón, nịnh bợ tân Hoàng đế. Tuy không được trọng dụng, hần vẫn giữ các chức Tiết độ sứ rồi Tư không. Khi Thạch Kính Đường diệt Lý Tùng Kha, lập ra nhà Hậu Tấn, Phùng Đạo lại

bảo toàn cái thân”, khiến cho hàng công khanh đều vâng theo lời ấy, chẳng có khí tiết, trung nghĩa. Thoạt đầu, An Thạch đối xử hòa hảo với các bậc hiền thần. Do tranh chấp về “tân pháp” chẳng hợp ý, hấn đều bài xích, lưu đày họ. Con trai của hấn là Bàng còn nói: “Chặt đầu Hàn Kỳ, Phú Bật ngoài chợ, tân pháp mới thực hành được”. Như vậy thì có thể biết Vương An Thạch là hạng người như thế nào!

Về sau, do người công kích tân pháp quá đông, hấn càng thêm ngạo mạn, hung hãn, phóng túng, hoang đường, bảo: “Điềm trời biến đổi chẳng đáng sợ, lời người khác phê phán chẳng đáng quan tâm, pháp tắc của tổ tiên chẳng đáng tuân thủ”. Tội nặng nề, điều ác ngập tràn. Con trai duy nhất của Vương An Thạch là Bàng lưng mọc nhọt độc, chết yểu. Hấn đau thương khôn cầm, nhiều lần lấy cớ bệnh tật xin từ chức. Về sau, Tống Thần Tông chán ghét, bãi chức hấn ta. Trên là không được vua sủng ái, dưới là buồn bã vì tuyệt tự, giữa là bị người đời ghét bỏ. Những bậc hiền năng bị hấn bài xích, xua đuổi trước kia, nối tiếp nhau nắm quyền, phế sạch tân pháp của hấn. Vương An Thạch hổ thẹn, sợ hãi mà chết.

nhánh chóng bọ đỡ tân vương, được phong làm Tể tướng. Khi Da Luật Đức Quang xua quân xuống miền Nam diệt nhà Tấn, Phùng Đạo lại nhanh chóng tìm cách luồn lách, trở thành Thái sư của nhà Liêu...

Thị phi bất đáng, hướng bối quai nghi.

是非不當，向背乖宜。

Chẳng phân biệt đúng sai, hành xử không thích đáng.

Bậc quân tử khiến cho căn cội nhân nghĩa tăng trưởng phong phú, củng cố phòng vệ lễ nghĩa, sẽ có công năng thẩm định tốt xấu, phân định thích đáng đúng sai. Đối với mỗi người, đúng sai có liên quan đến điều thiện, lẽ ác của chính người đó. Đối với một làng, đúng sai sẽ có liên quan đến điều lợi, lẽ hại của làng ấy. Đối với thiên hạ, đúng sai liên quan đến sự an nguy trong thiên hạ. Há có thể chẳng thận trọng, cứ khinh suất hành xử chẳng thích đáng, coi sai là đúng, coi đúng là sai ư?

Đời Tống, Doãn Sư Lỗ giữ mình, dạy người, khẳng định đúng sai chánh xác, chẳng có gì phải giấu giếm, chẳng làm chuyện cầu thả, chỉ chú trọng hết sức phù hợp đạo lý. Khi lâm chung, ông viết thư từ biệt Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên). Văn Chánh bươn bả tới nơi, ông đã tắm rửa, đội mũ, thắt đai, ngồi ngay ngắn qua đời. Văn Chánh Công đau đớn, khóc lóc. Ông lại mở mắt, bảo: “Đã từ biệt ông rồi, sao ông lại tới để làm gì? Sống chết là lẽ thường hằng, sao Hy Văn⁴⁸⁷ chẳng hiểu vậy?” Nói xong, lại chấp tay từ biệt

487 Hy Văn là tên tự của Phạm Trọng Yên. Theo cổ lễ, đối với mỗi người, ngoại trừ cha mẹ và thầy dạy, hoặc khi còn bé thì mới gọi tên thật. Sau khi một thanh niên đã làm lễ gia quan, đặt tên tự, ngay cả vua cũng không gọi thẳng tên

qua đời. Thuở ấy, đạo đức học vấn của ông Doãn được người đương thời học theo. Nếu chẳng thấu hiểu cùng tận tinh vi thì trong lúc tử sanh, những chuyện dấy lên quá nhiều ta sẽ nhiều lắm! Nói “nhập đạo vận dụng cả tri lẫn hành, nhưng tri càng quan trọng hơn” chính là nói đến lẽ này.

Đời Tống, Thái Kinh làm Tế tướng trong các niên hiệu Nguyên Hựu và cuối niên hiệu Nguyên Phù⁴⁸⁸, đã cáo buộc Tế tướng Tư Mã Quang, thị thần⁴⁸⁹ như Tô Thức v.v... quan văn như Trình Di v.v... quan võ như Vương Hiến Khả v.v... tổng cộng một trăm hai mươi người là gian đảng, xin Hoàng đế hạ chiếu, khắc tên họ lên đá ở cửa Đoan Lễ và các châu huyện để công bố tội trạng. Dân chúng đều bất bình. Không lâu sau, bia đá bị sấm sét đánh nát. Thái Kinh cũng do có chuyện phạm tội mà bị lưu đày rồi chết.

“Hương” (向) là hãy nên hướng đến, thuận theo, có nghĩa là phải thuận theo, hướng đến những cái được gọi là “hảo nhân, hảo sự”. “Bối” (背) là hãy nên trái nghịch, chống lại những thứ được gọi là “tà nhân, tà sự”. Hướng theo tà, trái nghịch chánh thì gọi là “quai nghi” (乖宜, chẳng hợp lẽ, chẳng thích đáng). Sơ sót

thật khi nói chuyện với người đó, mà thường gọi bằng tên tự.

488 Nguyên Hựu (元祐) là niên hiệu của Tống Triết Tông từ năm 1086 đến năm 1094. Nguyên Phù (元符) là niên hiệu của Tống Triết Tông từ năm 1098 đến năm 1100.

489 Thị thần (侍臣) là các quan bầy tôi thân cận, thường là cố vấn thân cận.

nhất thời, suốt đời thân bại danh liệt, há có thể chẳng cần trọng ư?

Đời Đường, Tống Thân Tích làm Tế tướng dưới triều vua Đường Văn Tông. Do thấy Trịnh Chú quá chuyên quyền, Thân Tích muốn trừ bỏ, bèn cậy người bạn là Vương Phan đang làm quan Kinh Triệu Lệnh (quan trông coi kinh thành, giống như đô trưởng hiện thời) ngầm theo dõi xem Trịnh Chú có làm chuyện gì chẳng đúng pháp tắc hay không. Vương Phan do Trịnh Chú cất nhắc mà được phú quý, bèn cáo giác âm mưu ấy với hắn. Trịnh Chú sợ hãi, vu cáo ngược lại Tống Thân Tích có hành vi sai trái, ép vua đày Thân Tích đi làm Tư Mã ở Khai Châu (nay là Khai Huyện, tỉnh Tứ Xuyên). Thân Tích ôm niêm phần hận mà chết. Về sau, Tống phu nhân mộng thấy Tống Thân Tích dẫn tới một cái hố ở ngoài thành. Trong hố có mấy người tử tù. Thân Tích chỉ một gã bảo vợ: “Đấy là Vương Phan, ta đã thỉnh cầu Thượng đế trừng phạt hắn”. Nhân đấy, phần nộ quát tháo. Phu nhân kinh hãi tỉnh giấc, thầm ghi nhớ chuyện ấy. Không lâu sau, Lý Huấn và Trịnh Chú mưu giết hoạn quan, xin vua sai bọn hoạn quan đến doanh trại Kim Ngô để xem cam lộ⁴⁹⁰. [Trước đó, Lý

490 Thời ấy, bọn hoạn quan có quyền lực rất lớn, lũng đoạn triều chánh, lấn hiếp các quan văn võ. Đường Văn Tông (Lý Ngang) không cam lòng bị hoạn quan khống chế, đã âm mưu với Lý Huấn và Trịnh Chú tính giết sạch những đứa thủ lãnh của bọn hoạn quan. Vào ngày Hai Mươi Một tháng Mười Một năm Thái Hòa thứ chín, Đường Văn Tông viện cớ đi xem trời hiện ra cam lộ ở trên

Huấn và Trịnh Chú] đã sai mấy người như Vương Phan v.v... dẫn quân đến đó phục sẵn để giết bọn hoạn quan. Vương Phan run lấy bẫy chằng dám tiến. Rốt cuộc âm mưu thất bại, hắn bị chém ngang lưng ngoài chợ. Có mấy người đều cùng bị chém, chôn ở ngoài thành.

Đời Tống, Trung Túc Lưu Chí⁴⁹¹ từng luận định mười điều tai hại của phép trợ dịch⁴⁹². Vương An Thạch trách ông Lưu là kẻ hành xử không thích đáng, giáng ông xuống trông coi Tư Nông Tự⁴⁹³. Vua xuống chiếu, ra lệnh cho ông phân tích [nguyên nhân vì sao phản đối]. Ông thưa: “Thần hướng theo lẽ trung trực, phản

cây trong hoàng cung, hạ lệnh các triều thần và hoạn quan phải cùng đi xem, sai bọn thủ lĩnh hoạn quan sang doanh trại Kim Ngô (quân cảnh vệ hoàng thành) sắp đặt trị an để thừa cơ dùng phục binh giết chết chúng. Trước đó, Trịnh Chú đã sai Vương Phan sắp sẵn phục binh tại doanh trại Kim Ngô, ước hẹn khi bọn thái giám vào doanh, sẽ ủa ra giết sạch không tha. Do Vương Phan nhút nhát, chần chừ, khiến cho thủ lĩnh bọn hoạn quan là Cừ Sĩ Lương phát giác. Họ Cừ bèn điều quân đánh nhau với quân cấm vệ, đôi bên giao chiến kịch liệt. Cuối cùng, Lý Huấn, Vương Nhai, Thụ Nguyên Dư, Vương Phan đều thảm bại. Đường Văn Đế bị bọn hoạn quan biến thành bù nhìn, từng rơi lệ than thở với Trục Học Sĩ Chu Tri: “Trẫm bị lũ gia nô khống chế, cảnh ngộ còn tệ hơn Chu Noãn Vương, Hán Hiến Đế”. Do vậy, vua uất ức thành bệnh, qua đời khi mới ba mươi hai tuổi.

491 Vị này tên thật là Lưu Chí, thụy hiệu là Trung Túc. Theo cách nói tôn trọng thời cổ, thường xen thụy hiệu vào giữa tên và họ, nên Cảm Ứng Thiên mới chép là Lưu Trung Túc Chí.

492 Trợ dịch là một trong các biện pháp trong chánh sách tân pháp của Vương An Thạch, cho phép những kẻ sẵn tiền có thể bỏ tiền thuê người đi lao dịch thay. Lao dịch là hình thức trưng công lao động tập thể trong những công trình công ích lớn như đắp đê, sửa đường, sửa cầu v.v...

493 Tư Nông Tự là cơ quan trông coi việc nông nghiệp, gần như tương đương với bộ Nông nghiệp hiện thời.

đối tà nịnh. Hướng theo đạo nghĩa, phản đối chỉ chú trọng lợi lộc. Hướng đến đức vua, phản đối kẻ quyền thần gian trá. Mắc tội như thế, cố nhiên là thần đáng phải chịu. Nhưng phép trợ dịch rốt cuộc gây hại cho thiên hạ, xin bệ hạ đừng quên lời thần tâu trình”. Ai nấy đều lo sợ cho ông, riêng ông chẳng đoái hoài. Về sau, ông làm Tể tướng. Ông Lỗ nói: “Hướng theo cái đáng nên hướng theo, đừng nên hướng theo lẽ riêng tư. Chống đối những cái đáng nên chống đối. Chống đối cũng phải vì lẽ công chánh. Thoạt đầu, đừng tính toán họa phúc cho cá nhân, mà họa phúc thuận theo. Chuyện này cũng nhằm cảnh tỉnh những kẻ không làm như ông Lưu mà cam tâm làm Vương Phan vậy”.

Ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ.

虐下取功，諂上希旨。

Ngược đãi kẻ dưới để lập công, nịnh bợ kẻ trên để đón ý [cầu lợi].

Đuốc vào ban đêm sẽ có công dụng trừ diệt tối tăm. Thuyền gặp nước, ắt có công dụng chở vật. Đại để, nước chảy thành sông ngòi, công năng sẽ tự thành tựu; vì thế chẳng cần phải chiếm lấy. Nếu cố ý tranh giành hòng lập công, ắt kẻ làm tướng sẽ dung túng cho quân lính cướp bóc, giết chóc, kẻ làm nha lại sẽ xằng bậy tăng thêm thuế khóa, lao dịch, kẻ làm quan trông coi hình pháp sẽ ghép thêm nhiều tội cho người khác,

sẽ đều chẳng đoái hoài, thương tiếc, mặc sức mà làm! Nhưng những hành vi như thế ấy đều là lấy máu mỡ của dân chúng để đổi lấy công danh cho một người! Có được công trạng, chẳng qua là thăng quan, họa cũng xảy tới, há chỉ là sát thân? Người tuy cực ngu, chắc chắn chẳng đến nỗi ấy! Chẳng nhìn vào những tấm gương của cổ nhân đó ư? Đời Tống, Tào Bân hạ thành trì của nhà Nam Đường ở Giang Nam, chẳng tàn sát một ai. Đời Hán, Cấp Âm giả chiếu chỉ để mở kho thóc cứu đói, cứu sống mấy vạn người. Đời Hán, Vu Định Quốc làm Đình úy, dân chúng chẳng bị phán xử oan uổng. Trong thuở ấy, có vị nào chẳng phải là công thần bậc nhất?

Thời Đường Huyền Tông, chi tiêu ngày càng xa xỉ. Vua lại không muốn lấy tiền từ công khố⁴⁹⁴ để cung ứng. Viên ngoại lang của Hộ bộ⁴⁹⁵ là Vương Hồng biết ý vua, bèn đục khoét dân chúng, tăng thêm những món tiền bạc ngoài hạn ngạch tuế cống⁴⁹⁶ lên đến trăm ức

494 Nguyên văn “tả hữu tàng” (左右藏). Đây chính là hai cái kho, thuộc loại quốc khố. Kho ở bên trái (tả tàng) chứa tiền bạc, vải vóc, lụa là, tiền thuế. Kho bên phải (hữu tàng) chứa các thứ vàng ngọc, châu báu, đồng sắt, ngà voi, xương thú, tranh vẽ.

495 Hộ Bộ (戶部) là một trong sáu bộ. Bộ này có trách nhiệm quản trị đất đai, hộ tịch, thuế khóa, tài chính. Viên ngoại lang (員外郎) có nghĩa gốc là quan viên nằm ngoài chức chánh và phó của một cơ quan hành chính. Đây là chức quan phò tá cho Thượng thư và Thị lang của mỗi bộ. Về sau, những nhà giàu có cũng được gọi là Viên ngoại.

496 Tuế cống (歲貢): Những khoản lễ vật bắt buộc phải dâng lên vua hằng năm từ các chư hầu và các thuộc quốc. Thuộc quốc không nhất thiết là các nước bị Trung Hoa xâm chiếm, mà là các nước nhỏ độc lập xung quanh phải cống nạp mỗi năm bao nhiêu đó để Trung Hoa không viện cớ xâm lăng. Việt Nam

vạn, đều chứa trong nội khổ để cung ứng cho chi dụng của Hoàng đế. Vua tưởng hấn có tài năng làm giàu cho đất nước, bèn phong cho hấn làm Thái phỏng sứ⁴⁹⁷ ở kinh đô. Không lâu sau, lại phong cho hấn làm Hộ bộ Thị lang kiêm Kinh triệu doãn, nhưng trong ngoài đều kêu ca, oán thán. Chẳng bao lâu, do bị liên lụy bởi em trai là Vương Đạc phạm tội, hấn được ban tội chết.

Đời Tống, Vương Thiệu đề nghị khai phá vùng Hy Hà⁴⁹⁸, giết người quá nhiều, tích lũy công trạng làm tới chức Xu mật sứ. Hấn lại thường cố ý giết chết người già và trẻ thơ của dân tộc Khương đã đầu hàng để lấy thủ cấp cho bọn hương thân mạo nhận công trạng hòng nhận lãnh chức tước. Lúc về già hấn hối hận, đem chuyện nhân quả hỏi các vị trưởng lão. Mọi người đều nói: “Do phép vua mà giết người, giống như thuyền đi lại đè chết ốc, trai, tất nhiên là vô tâm”. Chỉ có Điều Cảnh Thuần bảo: “Chỉ sợ là chẳng đối gặt tự tâm được.

tuy độc lập từ thời Ngô Quyền, nhưng vì để tránh bị Trung Hoa phát động chiến tranh xâm lược liên miên, đã phải tuế cống mỗi năm rất tốt kém. Họ đòi vàng, bạc, những sản phẩm quý hiếm như ngà voi, sừng tê giác, trầm hương, sâm, quế, nhung, cao hổ cốt, trái vải, lụa là, đồ sứ, cà cuống... Nói chung là những thứ quý hiếm, ngon lạ đều bị vua quan Trung Hoa hạch sách, đòi hỏi. Thậm chí dưới thời nhà Lê, vào những năm đầu, do quân Lê Lợi giết chết tướng nhà Minh, các vua Lê phải đúc tượng vàng to bằng người thật để triều cống.

497 Thái phỏng sứ (采訪使) gần như tương đương với tỉnh trưởng hiện thời. Đời Đường, chia toàn bộ lãnh thổ thành mười lăm đạo. Mỗi đạo tương đương với một tỉnh hiện thời, mỗi đạo đặt quan đứng đầu gọi là Thái phỏng xử trí sứ, thường gọi tắt là Thái phỏng sứ.

498 Hy Hà nay là huyện Lâm Thao tỉnh Cam Túc.

Nếu đã chẳng màng đến tự tâm, ắt sẽ chẳng hỏi!” Vương Thiều càng sợ, sau lưng sanh ra nhọt độc, luôn miệng kêu gào: “Vô số kẻ bị chặt đầu, chặt chân đòi mạng”. Ghê độc ăn sâu như cái hố lan thủng ngực, hấn bèn chết. Con trai trưởng của hấn học máu chết tươi, con trai út do phạm tội mà bị chặt đầu, gia môn tuyệt diệt.

Người dân huyện Chân Dương là Trương Ngũ ăn trộm trâu, những người làng như Hồ Đạt v.v... bắt được, Trương Ngũ bị Hồ Đạt đánh chết. Những tên trộm khác vu cáo Hồ Đạt cướp bóc, thưa lên huyện. Ấp lệnh (quan huyện) là Ngô Mạo muốn tranh công, hạch tội nhóm Hồ Đạt gồm mười hai người phạm tội cường đạo giết người. Do bị tra khảo khốc liệt, họ phải chấp nhận lời vu cáo ấy. Trong số đó, có hai người là Chu Khuê và Trương Vận bị bệnh chết. Đã trình lên phủ, giao việc ấy cho cơ quan tư pháp. Khi ấy, Trương Văn Quy trông coi về tư pháp tại Anh Châu, xét thấy ngôn ngữ và vẻ mặt của các tù nhân dường như chẳng phải là kẻ thật sự phạm tội. Khi đã tra hỏi rõ tình hình, lại bắt phe đảng trộm trâu ra đối chứng. Án đã được phán định. Hồ Đạt do đuổi trộm mà giết người, bị phạt đánh trượng vào lưng. Những người khác đều bị đánh vào mông. Chu Khuê và Trương Vận được phán vô tội. Mưu kế của Ngô Mạo chẳng thành, hấn học máu chết ngắc. Về sau, Trương Văn Quy bỗng bị bệnh nặng, thần hồn tới một dinh thự. Trưởng quan hỏi về chuyện

của Ngô Mạo, bèn thưa trình đúng sự thật. Trương quan bảo: “Ta đã biết tường tận chuyện này, nay cậy khanh tới đây để làm chứng hòng kết thúc vụ án, cốt ý là thẩm tra sự thật vậy”. Văn Quy trông thấy Ngô Mạo ở đằng xa, đang bị gông cùm quỳ dưới đất. Chu Khuê và Trương Vận đứng bên cạnh. Nha lại lấy ra văn thư, chỉ cho Văn Quy thấy phần cuối có ba chữ “thêm một kỷ”. Ông tỉnh lại, bèn lành bệnh. Về sau, đến lúc bảy mươi tám tuổi, lại mộng thấy thần bảo: “Trước kia ông đã được tăng thọ mười hai năm, ông lại giảm tội một người bị chém thành tội xử giảo (treo cổ), nên được thọ thêm nửa kỷ (sáu năm) nữa”. Quả nhiên, Trương Văn Quy tám mươi ba tuổi mới mất.

“Siểm” (諛) là nịnh hót, “hy” (希) là tán trợ. Ý cấp trên chưa quyết, còn có thể vãn hồi, chỉ vì có kẻ đón ý xu nịnh mà cấp trên trở thành kiên quyết, chẳng thể lay chuyển. Nay không chỉ là bầy tôi đối với vua, mà còn là thuộc cấp đón ý bợ đỡ thủ trưởng, thân sĩ đón ý bợ đỡ quan phủ, nha dịch đón ý bợ đỡ trưởng quan, nô bộc, tỳ thiếp đón ý bợ đỡ gia chủ thì đều là “siểm thượng hy chỉ”. Phàm những kẻ làm cấp trên, đối với mọi chuyện đều nên tuân theo lý, hãy cẩn trọng, chớ nên tham cầu lợi lộc riêng tư, khiến cho kẻ khác có kẽ hở để luôn lách. Kẻ làm cấp dưới, há có nên mong cầu công danh chẳng đúng lý, mong mỗi sẽ may mắn hưởng tiền tài bất nghĩa! Hãy nên biết a dua, xúi giục

cấp trên, uốn mình luồn cúi, chỉ tổ đánh mất bản tâm, kết oán nghiệp vô cùng!

Trong niên hiệu Tuyên Đức nhà Minh, Minh Tuyên Tông đã từng sai thái giám Vương Tam Bảo⁴⁹⁹ xuống các nước phiên thuộc ở vùng Tây Dương tìm kiếm các thứ báu vật lạ lùng. Trong niên hiệu Thiên Thuận⁵⁰⁰, có kẻ tâu xin Hoàng đế lại sai người xuống các nước Tây Dương. Triều đình sai Binh bộ tra cứu các tài liệu cũ [về những chuyến sứ trình ấy]. Khi ấy, Hạng Trung đang trông coi Binh bộ, sai thuộc hạ tra

499 Thái giám Vương Tam Bảo tức là Trịnh Hòa. Ông này vốn tên là Mã Văn Bân, tự là Hòa, vốn thuộc sắc dân thiểu số Sắc Mục (Semu) tại Côn Dương, tỉnh Vân Nam. Mã ở đây là họ theo lối Hán hóa chữ Mohamed của những người theo đạo Hồi tại Trung Hoa. Do Trịnh Hòa có tên thuở bé là Tam Bảo, nên thường được gọi là Tam Bảo thái giám. Do làm thái giám theo hầu Yên Vương Chu Đệ (Minh Thành Tổ) có công, Mã Văn Hòa được thăng làm Nội quan thái giám, được ban họ là Trịnh. Năm Vĩnh Lạc thứ ba, Trịnh Hòa phụng mạng Minh Thành Tổ, cùng với bốn Vương Cảnh Hoàng đi sứ các nước Tây dương, đem theo đội thuyền hơn hai trăm chiếc, biểu dương thanh thế, lực lượng thủy quân của đoàn thuyền ấy có tới hơn hai vạn người. Chuyến đi ấy nhằm dọa dẫm các nước trong vùng, thực hiện chính sách “viễn giao cận công” (xa thì ngoại giao, gần thì tấn công) của nhà Minh, đồng thời sưu tập những thứ hiếm lạ đem về cho nhà vua. Chuyến hải trình này kéo dài hai mươi tám năm, vừa củng cố thanh thế của Trung Hoa tại các nước hải ngoại, vừa nhằm tạo điều kiện cho người Hoa chiếm lãnh những vùng buôn bán béo bở tại các nước có thế lực quân sự yếu hơn Trung Hoa. Do vậy, người Hoa thờ ông ta gọi là Bồn Đầu Công, thường gọi thông tục là ông Bồn. Tây dương là chữ người thời Minh gọi các nước hoặc lãnh thổ ở quanh vùng biển Nam Hải và Ấn Độ Dương như Việt Nam, Mã Lai, Thái Lan, Sumatra, Java, Sri Lanka, bán đảo Ả Rập v.v... Trước sau, Trịnh Hòa đã “hạ Tây dương” bảy lần, có lần đi xa tới tận eo biển Mozambique của châu Phi. Trong năm 1431 của niên hiệu Tuyên Đức thời Minh Tuyên Tông, Trịnh Hòa đã dẫn hạm đội tuần hành Tây dương lần cuối cùng trước khi chết vào hai năm sau đó.

500 Thiên Thuận là niên hiệu của Minh Anh Tông từ năm 1457-1464.

cứu. Lang trung là Lưu Đại Hạ tới kho trước, giấu sạch tài liệu. Các nha lại không tìm được gì, kiến nghị ấy phải xếp xó. Hạng Trung trách cứ nha lại: “Tài liệu ở trong kho, sao lại bị mất?” Lưu Công mỉm cười nói: “Trước kia, khi Trịnh Hòa đem quân xuống các nước Tây Dương, tốn phí gạo tiền mấy chục vạn, quân dân bị chết không đếm xiết. Dẫu tìm được của báu, vô ích cho đất nước. Đối với chuyện tôi tặc này, bậc đại thần hãy nên thống thiết can gián. Nếu tài liệu cũ hãy còn, cũng nên hủy đi để trừ căn cội gây họa ấy, há còn truy hỏi có hay không nữa chẳng?” Ông Hạng tạ tội, bảo: “Ta suy nghĩ nông cạn, chẳng nghĩ đến lẽ này. Một lời này của ông, âm đức động trời. Địa vị này sẽ thuộc về ông vậy”. Về sau, quả nhiên là như thế.

Đường Thái Tông từng chỉ một cái cây, nói: “Cây này rất đẹp”. Vũ Văn Sĩ Cập⁵⁰¹ bèn hòa theo, ca ngợi chẳng ngớt. Vua nghiêm mặt bảo: “Ngụy Trưng khuyên ta tránh xa kẻ nịnh nọt. Ta chẳng biết đưa nịnh thần là ai, nay mới biết là ngươi”. Sĩ Cập khấu đầu,

501 Vũ Văn Sĩ Cập (572-642), tự là Nhân Nhân, người xứ Trường An, Ung Châu, giữ chức Trung thư lệnh (Tể tướng) dưới thời Đường Cao Tổ và Đường Thái Tông. Ông ta là con trai của đại thần Vũ Văn Thuật nhà Tùy. Sĩ Cập lấy công chúa Nam Dương là con gái của Tùy Dạng Đế. Ông ta có quan hệ rất tốt với Lý Uyên (Đường Cao Tổ). Khi anh trai của ông ta là Vũ Văn Hóa Cập và Vũ Văn Trí Cập làm chánh biến, giết Tùy Dạng Đế, đưa cháu của Dạng Đế là Dương Hạ lên làm vua, đã cử Vũ Văn Sĩ Cập làm Nội sử lệnh. Khi Lý Uyên phản Tùy, tự xưng là Đường Vương, đã phái người lên thông đồng với Vũ Văn Sĩ Cập. Sau khi Lý Uyên thống nhất Trung Hoa, đã phong cho Vũ Văn Sĩ Cập làm Trung Thư lệnh. Ông ta khôn khéo, quyền biến, sống rất xa hoa, khéo lấy lòng cấp trên.

thẹn thùng tạ lỗi.

Đời Hậu Đường, Quách Sùng Thao đón ý của Đường Trang Tông, khuyên vua lập Lưu Hậu⁵⁰², cứ ngỡ là được lòng bà ta. Về sau, kẻ sàm báng khiến cho nhà vua giết chết Sùng Thao chính là Lưu Hậu. Ôi! Đón ý khuyên vua nên lập hậu, cứ ngỡ là sẽ củng cố địa vị, đâm ra mắc phải thảm họa, siểm nịnh lại có ích gì?

Thọ ân bất cảm, niệm oán bất hưu.

受恩不感，念怨不休。

Chịu ân [người khác mà] chẳng cảm kích, luôn ôm lòng oán hận chẳng dứt.

Đối với ân huệ cho một bữa cơm, cỏ nhân ắt báo đáp. Nếu không có sức báo đáp, tâm ắt luôn ngấm cảm kích. Luôn nghĩ tưởng tới, chẳng thể quên lãng. Trí Độ Luận có chép: “Chịu ân mà chẳng cảm kích, tệ hơn súc sanh”. Nói hay lắm thay! Có những ân to lớn, một là trời đất, hai là cha mẹ, ba là quốc vương, bốn là sư trưởng, nhưng có kẻ mơ màng suốt cả đời, chẳng báo đáp bốn ân, chỉ chăm chút mong báo đáp những ân huệ riêng tư, nhỏ nhặt. Đấy là bỏ cội theo nhánh, chẳng phải là người báo ân vậy!

502 Lưu Thị là vợ lẽ của Đường Trang Tông (Lý Tôn Húc), vợ cả là Hàn phu nhân. Vua yêu thích Lưu Thị, muốn lập Lưu Thị thành hoàng hậu, nhưng còn e ngại triều thần dị nghị. Quách Sùng Thao đón ý nhà vua, bèn dâng biểu kiến nghị.

Đời Đường, Sử Vô Úy kết bạn với Trương Tùng Chân. Vô Úy nhà nghèo, Tùng Chân thường chu cấp cơm áo, giúp tiền cho Vô Úy buôn bán. Mấy năm sau, Vô Úy giàu có, Tùng Chân bị hỏa hoạn, gia sản mất sạch. Tùng Chân đến chỗ Vô Úy, Vô Úy lại phụ bạc tình nghĩa khi trước. Tùng Chân chỉ đành đối trước trời cao nức nở mà thôi. Bỗng mây đen kéo đến dày đặc, sét đánh trúng Vô Úy, hắn biến thành trâu, có chữ son viết trên bụng rằng: “Sử Vô Úy phụ lòng, trong vòng mười ngày sẽ chết”. Tục ngữ có câu: “Súc sanh biết báo ân, như ngựa thòng dây cương, như chó lẩn cỏ, như rắn nhả ngọc, như chim sẻ ngậm vòng⁵⁰³. Loài vật còn như

503 Đây là những câu chuyện báo ân của loài vật. Phù Kiên là vua nhà Tiên Tần, bị Mộ Dung Xung (vua nước Tây Yên) tấn công, thua trận, cỡi ngựa tẩu thoát. Phù Kiên vô ý rơi khỏi mình ngựa, té xuống khe suối Lạc Giản. Truy binh đuổi gần tới, Phù Kiên không cách nào thoát ra được. Con ngựa bèn dò dẫm, đến gần khe suối, ngậm dây cương đưa cho Phù Kiên. Phù Kiên chẳng nắm được, nó bèn khụy gối để Phù Kiên nắm lấy, kéo Phù Kiên lên. Nhờ đó, Phù Kiên tẩu thoát đến Lô Giang.

Theo quyển chín bộ Suu Thần Ký của Đào Tiềm, Dương Sinh ở Quảng Lăng có nuôi một con chó, rất yêu mến nó. Đi đâu cũng dẫn theo. Có một hôm, Dương Sinh say rượu, đi đến một cái đầm cỏ rậm rạp, ngã xuống đám cỏ, ngủ say sưa. Nhằm tháng mùa đông, có người đốt đồng, lửa cháy gần tới. Con chó sủa âm ỉ đánh thức chủ, Dương Sinh vẫn ngủ mê mết. Gần đó có một hồ nước, con chó bèn nhảy xuống, nhúng ướt toàn thân, lăn mình quanh Dương Sinh làm ướt cỏ. Nó chạy đi chạy lại như thế nhiều lần, thấm ướt toàn bộ cỏ quanh chỗ Dương Sinh nằm. Nhờ đó, Dương Sinh không bị thiêu chết.

Theo quyển hai mươi trong bộ Suu Thần Ký, tại Trá Thủy thuộc Tỳ Huyệt, có một chỗ gọi là Đoạn Xà Khâu (gò chặt rắn). Tỳ Hưu trông thấy một con rắn to bị thương, giữa mình nó có một vết chém sâu, bèn bôi thuốc cho nó, rắn đủ sức bò đi. Vì thế, nơi ấy được gọi là Đoạn Xà Khâu. Một năm sau, con rắn ấy ngậm một viên minh châu to cỡ một tấc, trắng ngần, đêm tối bèn tỏa sáng,

thế, sao con người lại bội nghịch ân đức, riêng mình chẳng sợ biến thành trâu ư?”

Đời Tống, Trương Bật chẳng màng danh lợi, hiếu học, tinh thông kinh Dịch, giúp Lý Đại Lượng thoát nạn. Đến khi Đại Lượng sang cả, gặp Trương Bật trên đường, ôm Trương Bật khóc òa, muốn tặng hết gia tài cho. Trương Bật cự tuyệt chẳng nhận. Đại Lượng tâm với vua: “Thần được phụng sự bệ hạ là do sức của Trương Bật. Xin hãy giao sạch quan tước của thần cho ông ta”. Vua bèn phong cho Trương Bật làm Lang trung, giữ chức Đô đốc đại châu. Trương Bật chẳng nghĩ mình có ân đức, Đại Lượng khăng khăng báo ân, cả hai đảng đều được vinh hiển.

Đối với mối oan cừ của vua, cha, mối hận cốt nhục, bậc quân tử dùng đường lối chánh trực để báo oán. Còn như những mối thù riêng, nỗi oán nhỏ, có thể thuận theo lý để giải trừ, có thể xét theo tình cảm mà dung thứ, thì oán cừ sẽ liền tiêu tan. Nếu cứ nghĩ mãi không ngơi, ắt sẽ oan oan tương báo, há có lúc nào xong?

đến biểu tặng. Viên ngọc ấy được gọi là Tùy Hầu Châu, Linh Xà Châu, hoặc Minh Nguyệt Châu.

Dương Bảo nhờ cứu chim sẻ bị điều hầu đánh văng xuống đất, kiến bu đây, bèn phải kiến, đem về chữa thương, nuôi nấng cho đến khi mạnh khỏe bèn thả đi. Một đêm, thấy có đứa bé mặc áo vàng, đến cảm tạ, nói nó là sứ giả của Tây Vương Mẫu, chính là con chim sẻ được Dương Bảo cứu khi trước, biểu Dương Bảo mấy chiếc vòng ngọc, chúc ông con cháu khiết bạch, làm tới Tam công. Quả nhiên con cháu ông ba đời liên tiếp làm quan đến địa vị Tam công.

Đời Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, đã kết oán rất nhiều. Về sau, ông ta bị biếm trích tới Châu Nhai (vùng Đông Bắc đảo Hải Nam), thấy trên vách một ngôi chùa treo mười mấy cái hồ lô. Hỏi dò vị Sư, Sư bảo: “Đó là tro cốt của những người đã làm mất lòng gã Thái úy (tức Lý Đức Dụ) đang nắm quyền, đều bị hấn ta biếm trích tới xứ này, chết ở nơi đây. Lão tăng thương xót, hỏa thiêu, thu thập hài cốt, chờ con cháu đến lấy”. Đức Dụ nghe nói, sợ hãi bỏ đi, đau lòng mà chết.

Đời Minh, Kim Thành làm Chủ sự của bộ Hình. Lúc chưa gặp thời, từng bị Ma Trương vây hãm làm nhục. Về sau, Trương phạm tội bị giải về kinh, trông thấy Kim Thành đằng xa bèn mỗi bước chín lạy. Kim Thành cười đón, cứu tội cho. Ma Trương yết kiến, Kim Thành giữ lễ như lệ thường. Ma Trương cảm kích khóc òa, gả con gái cho con trai của Kim Thành.

Vu Thiết Tiều từng nói: “Kẻ khác dùng thế lực chèn ép ta, ta dùng sự độ lượng bao dung họ, ắt quét sạch tầng tầng mây dày, dập tắt lửa báo thù hùng hực. Vì thế, bậc quân tử chẳng nghĩ đến điều ác cũ”.



MỤC LỤC



5. **Lời tựa đề xướng in Cảm Ứng Thiên Vụng Biên**
15. **Lời tựa tái bản**
18. **Lời tựa tái bản Cảm Ứng Thiên Vụng Biên**
20. **Lời thưa trình khuyên đọc Cảm Ứng Thiên Vụng Biên**
23. **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên** (*Nguyên văn*)
41. **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Chú Giảng Chứng Ân Vụng Biên - Phần I**
63. Thái Thượng viết: *Họa phước vô môn, duy nhân tự triệu (Thái Thượng nói: Họa phước chẳng có cửa nẻo [nhất định], do con người tự chuốc lấy)*

-
89. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình (*Thiện báo, ác báo, như bóng theo hình*)
99. Thị dĩ thiên địa hữu tư quá chi thần, y nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán (*Do vậy, trời đất có thần trông coi tội lỗi của con người, tùy thuộc con người phạm tội nặng hay nhẹ mà giảm thọ của họ*)
108. Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn (*Do tuổi thọ bị giảm, sẽ nghèo cùng, hao tổn, gặp nhiều nỗi ưu tư, hoạn nạn*)
110. Nhân giai ố chi (*Mọi người đều ghét*)
113. Hình họa tùy chi (*Hình phạt, tai họa theo nhau [xảy tới]*)
115. Cát khánh tỵ chi (*Điều tốt lành, vui mừng tránh né*)
117. Ác tinh tai chi (*Sao ác giáng tai họa*)
118. Toán tận tắc tử (*Hết tuổi thọ sẽ chết*)
129. Hựu hữu Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỷ toán (*Lại có Tam Thai, Bắc Đẩu thần quân, ở trên đầu con người, chép tội ác của họ, giảm bớt tuổi thọ*)
131. Hựu hữu Tam Thi thần, tại nhân thân trung, mỗi đáo Canh Thân nhật, triếp thượng nghệ thiên tào, ngôn nhân tội quá (*Lại có thần Tam Thi ở trong thân con người, mỗi khi đến ngày Canh Thân, bèn lên thiên tào, tâu tội lỗi của người ta*)

-
135. Nguyệt hối chi nhật, Táo thần diệp nhiên (*Vào ngày cuối tháng, Táo Quân cũng thế*)
145. Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỳ, tiểu tắc đoạt toán (*Hễ ai có lỗi, lớn thì bị giảm thọ mười hai năm, nhỏ thì giảm thọ một trăm ngày*)
150. Kỳ quá đại tiểu hữu sổ bách sự, dục cầu trường sanh giả, tiên tu ty chi (*Tội lỗi lớn nhỏ của con người có đến mấy trăm chuyện. Kẻ mong sống lâu, trước hết hãy nên tránh né*)
161. Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái (*Chuyện hợp đạo thì hành theo, chuyện chẳng hợp đạo thì hãy nên tránh né*)
168. Bất lý tà kính, bất khi ám thất (*Chẳng đi theo nẻo tà, chẳng lừa dối khi ở trong buồng tối*)
176. Tích đức lũy công (*Tích lũy công đức*)
214. Từ tâm ư vật (*Từ tâm đối với muôn loài*)
220. Trung hiếu (*Trung hiếu*)
335. **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Chú Giảng Chứng Án Vụng Biên - Phần II**
335. Hữu để (*Thuận thảo với anh em*)
353. Chánh kỹ hóa nhân (*Sửa mình [cho chánh đáng] hòng dạy người khác*)
363. Cặng cô tuất quả, kính lão hoài ấu (*Thương xót con*)

- côi, cứu giúp quả phụ. Kính già, thương trẻ)*
383. Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương (Côn trùng, thảo mộc chó nên thương tổn)
392. Nghi mẫn nhân chi hung, nhạo nhân chi thiện (Hãy nên xót thương kẻ ác, vui vì điều thiện của họ)
401. Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy (Giúp người khác trong lúc cấp bách, cứu người khác trong cơn nguy hiểm)
429. Kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất, như kỷ chi thất (Thấy người khác đạt được giống như chính mình đạt được; thấy người khác bị mất mát, giống như chính mình bị mất mát)
432. Bất chương nhân đoán, bất huyễn kỹ trường (Không phơi bày khuyết điểm của người khác, không khoe khoang ưu điểm của chính mình)
442. Át ác dương thiện (Ngăn chặn điều ác, tuyên dương điều lành)
444. Thôi đa thủ thiếu ([Khi phân chia], nhường cho người khác phần nhiều, giữ cho mình phần ít)
450. Thọ nhục bất oán (Bị nhục chẳng oán)
457. Thụ sủng nhược kinh (Được sủng ái mà lo sợ)
460. Thi ân bất cầu báo, dĩ nhân bất truy hối (Ban ân chẳng mong được báo đáp, đã cho người khác sẽ chẳng hối hận)

470. Sở vị thiện nhân (*[Người như vậy] đáng gọi là thiện nhân*)
474. Nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phước lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi (*Mọi người đều kính trọng, trời ban phước cho, phước lộc theo đến, các tà lánh xa, thần linh bảo vệ*)
482. Sở tác tất thành, thần tiên khả ký (*Việc làm ắt thành, có thể trở thành thần tiên*)
494. Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện (*Muốn cầu thành thiên tiên, hãy nên lập một ngàn ba trăm điều thiện. Muốn cầu thành địa tiên, hãy nên lập ba trăm điều thiện*)
502. Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bối lý nhi hành (*Nếu có kẻ dấy lòng phi nghĩa, làm chuyện trái nghịch đạo lý*)
504. Dĩ ác vi năng (*Coi chuyện làm ác là tài năng*)
511. Nhãn tác tàn hại (*Nhãn tâm làm chuyện tàn ác, độc hại*)
529. Âm tặc lương thiện, ám vũ quân thân (*Lén hại người lương thiện, ngầm ngầm khinh rẻ vua và cha mẹ*)
533. Mạn kỳ tiên sinh, bạo kỳ sở sự (*Khinh mạn thầy dạy, phản bội người mình phải phụng sự*)
540. Cuống chư vô thức, bán chư đồng học (*Lừa dối kẻ chẳng hiểu biết, gièm bán bạn học*)

-
546. Hư vu trá ngục, công kiết tông thân (*Đặt điều vu cáo hư vọng, xảo trá, dối gạt, công kích thân thuộc*)
551. Cang cường bất nhân, ngân lệ tự dụng (*Ương bướng bất nhân, độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng*)
557. Thị phi bất đáng, hướng bối quai nghi (*Chẳng phân biệt đúng sai, hành xử không thích đáng*)
561. Ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ (*Ngược đãi kẻ dưới để lập công, nịnh bợ kẻ trên để đón ý [câu lợi]*)
568. Thọ ân bất cảm, niệm oán bất hưu (*Chịu ân [người khác mà] chẳng cảm kích, luôn ôm lòng oán hận chẳng dứt*)





(TÁI BẢN LẦN I)

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Bìa và mỹ thuật: Nguyễn Hải - 0989100421.
Sửa bản in: Nguyễn Sơn

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông NIB

*

In 2.000 cuốn, khổ 16cm x 24cm tại Xi nghiệp in FAHASA, số 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TP.HCM. Số XNKHXB: 1911-2022/CXBIPH/17-57/HĐ, QĐXB: 320/QĐ-NXBHĐ. Cấp ngày: 09/07/2022. In xong và nộp lưu chiểu: 2022

ISBN: 978-604-361-968-3



Tất cả kinh sách của Ấn Tạo Kinh Văn đều cúng dường không bán.

Quý vị muốn thỉnh kinh sách xin liên hệ Fanpage: Ấn Tạo Kinh Văn



Ngoài ra có thể nghe pháp âm, đọc pháp ngữ tại:

Kênh Youtube: Pháp Âm Tuyên Lưu

Website: phapamtuyenluu.com